

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƠN LA
--- ồ & ỗ ---



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 523/QĐ-CĐSL ngày 13 tháng 8 năm 2019
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La)*

Tên chương trình : Giáo dục mầm non
Trình độ đào tạo : Cao đẳng
Ngành đào tạo : Giáo dục mầm non
Loại hình đào tạo : Chính quy

Sơn La, 2019

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 523/QĐ-CĐSL ngày 13 tháng 8 năm 2019
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La)*

Tên ngành nghề: Giáo dục Mầm non (Early Childhood Teacher Education)

Mã ngành nghề: 51140201

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

Thời gian đào tạo: 03 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Sinh viên tốt nghiệp ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng phải:

- Có tinh thần và bản lĩnh của người giáo viên nhà trường Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, yêu nước, bản lĩnh chính trị vững vàng, thấm nhuần thế giới quan Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; nghiêm túc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; có trách nhiệm đối với sự nghiệp giáo dục và ý thức trách nhiệm công dân đối với các vấn đề xã hội, tích cực tham gia phát triển cộng đồng;

- Có phẩm chất đạo đức tốt, có tác phong sư phạm chuẩn mực của một giáo viên, trung thực trong nghề nghiệp và cuộc sống; có lối sống lành mạnh, văn minh, tác phong làm việc khoa học, nghiêm túc, chuẩn mực trong quan hệ với đồng nghiệp và học sinh; yêu nghề, yêu quý học sinh.

- Có trình độ lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành; có năng lực ngoại ngữ tiếng Anh đạt trình độ A2 (khung ngoại ngữ 6 bậc theo TT số 01/20/2014/ TT- BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của BGDĐT) hoặc tiếng dân tộc thiểu số và công nghệ thông tin (CNTT cơ bản theo TT số 03/2014/TT - BTTTT ngày 11/3/2014 của bộ TT và truyền thông) đáp ứng yêu cầu thực hiện hoạt động giảng dạy, giáo dục, nghiên cứu và học tập, bồi dưỡng phát triển chuyên môn, nghiệp vụ.

- Có kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội và pháp luật đáp ứng yêu cầu công việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ lứa tuổi mầm non; kiến thức thực tế về quản lý, nguyên tắc và phương pháp lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá các quá trình trong nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ lứa tuổi mầm non.

- Có đủ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực giáo dục đảm bảo được những yêu cầu đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, kiểm tra đánh giá kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ lứa tuổi mầm non, chủ nhiệm lớp, tổ chức lễ hội cho trẻ ở trường Mầm non, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục Mầm non. Có tiềm lực để không ngừng hoàn thiện trình độ đào tạo ban đầu vươn lên đáp ứng những nhu cầu đổi mới.

- Có đủ năng lực để làm công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tại các trường Mầm non; làm việc tại các cơ quan, đơn vị quản lý giáo dục; hội chữ thập đỏ; trung tâm trại trẻ mồ côi; các cơ sở nghiên cứu, phát triển giáo dục, các cơ sở sản xuất kinh doanh, phân phối thiết bị đồ dùng dạy học.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

- Trình bày được mục tiêu, nội dung cấu trúc cơ bản của chương trình và các lĩnh vực phát triển ở Mầm non; Xác định được kiến thức, kỹ năng, thái độ từng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe và giáo dục phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ em trong độ tuổi mầm non theo định hướng phát triển toàn diện cho trẻ Mầm non; Có khả năng hệ thống hoá kiến thức trong cả cấp học nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy, cập nhật được những đổi mới trong chương trình Mầm non trong nước và thế giới;

- Xác định được kiến thức cơ bản và chuyên sâu về nuôi dưỡng - chăm sóc sức khỏe trẻ em lứa tuổi mầm non (vệ sinh, dinh dưỡng, sức khỏe sinh sản, dinh dưỡng cộng đồng, phòng bệnh, đảm bảo an toàn cho trẻ); kiến thức về giáo dục trẻ trên các lĩnh vực (phát triển thể chất, phát triển ngôn ngữ, phát triển nhận thức, phát triển thẩm mỹ, phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội); kiến thức nâng cao về mỹ thuật, âm nhạc, làm đồ dùng đồ chơi; kiến thức về giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật; tổ chức các hoạt động vui chơi, ăn, ngủ, vệ sinh.

- Phân tích được đặc điểm tâm lý, sinh lý của trẻ em lứa tuổi mầm non, trẻ khuyết tật, trẻ có hoàn cảnh khó khăn; vận dụng được những hiểu biết vào hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục phù hợp với trẻ em lứa tuổi mầm non;

- Xác định được kiến thức về tâm lý học lứa tuổi, sử dụng các kiến thức đó để lựa chọn phương pháp giảng dạy, cách ứng xử sư phạm trong giáo dục phù hợp với trẻ em lứa tuổi mầm non; Có kiến thức về giáo dục học, vận dụng có hiệu quả các nội dung, phương pháp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ ở các độ tuổi, các loại hình trường lớp mầm non theo định hướng phát triển toàn diện cho trẻ Mầm non;

- Tham gia học tập, nghiên cứu cơ sở lý luận của việc kiểm tra, đánh giá đối với hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ ở Mầm non; Tham gia học tập, nghiên cứu các quy định về nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ theo định hướng phát triển toàn diện cho trẻ Mầm non;

- Trình bày được kiến thức phổ thông về chính trị, xã hội và nhân văn, kiến thức liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin, ngoại ngữ.

1.2.2. Về kỹ năng

- Lập được kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đảm bảo yêu cầu về thời gian, phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ và mục tiêu giáo dục mầm non; biết cách soạn giáo án theo định hướng đổi mới, giải quyết phần lớn các công việc trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe và giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non.

- Tổ chức và thực hiện được các hoạt động giáo dục theo hướng phát triển toàn diện trẻ em; tổ chức được giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật ở các độ tuổi; có khả năng phát hiện và tạo điều kiện phát triển năng khiếu của trẻ.

- Theo dõi và đánh giá được sự phát triển của trẻ theo từng lứa tuổi trẻ trong các hoạt động giáo dục hàng ngày theo định hướng phát triển toàn diện cho trẻ Mầm non; phòng tránh, phát hiện và xử lý kịp thời các bệnh thường gặp và một số tai nạn thông thường; hướng dẫn trẻ rèn luyện một số thói quen tự phục vụ, thói quen vệ sinh văn minh.

- Thực hiện được công tác chủ nhiệm lớp; tổ chức các hoạt động lễ hội cho trẻ theo điều kiện cụ thể của nhóm lớp, trường và địa phương;

- Xây dựng, bảo quản và sử dụng có hiệu quả hồ sơ nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe và giáo dục trẻ.

- Đánh giá được chất lượng và kết quả thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe, giáo dục và những nhiệm vụ khác của các thành viên trong tổ, nhóm chuyên môn;

- Xây dựng được mối quan hệ lành mạnh, phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường - gia đình - xã hội trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe và giáo dục trẻ; biết lắng nghe, hiểu được nguyện vọng, nhu cầu của trẻ, đưa ra lời khuyên phù hợp, giáo dục tốt trẻ dân tộc, trẻ khuyết tật, trẻ có hoàn cảnh khó khăn. Biết giải quyết kịp thời các thông tin phản hồi từ các phía nhà trường, gia đình, xã hội...trong các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe và giáo dục trẻ lứa tuổi mầm non; Giao tiếp ứng xử có văn hoá.

- Vận dụng được khoa học, công nghệ thông tin hiện đại vào nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe và giáo dục trẻ; Có khả năng nghiên cứu khoa học: đề tài, dự án, xuất bản được nguồn học liệu phục vụ đào tạo, bồi dưỡng.

1.2.3. Thái độ, đạo đức:

- Nhận thức đúng tư tưởng chính trị với trách nhiệm của một công dân, một nhà giáo đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Chấp hành nghiêm túc pháp luật, chính sách của Nhà nước.

- Chấp hành nghiêm túc quy chế của ngành, quy định của nhà trường, kỷ luật lao động.

- Có đạo đức, nhân cách và lối sống lành mạnh, trong sáng của nhà giáo; tinh thần đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực; ý thức phấn đấu vươn lên trong nghề nghiệp; sự tin nhiệm của đồng nghiệp, học sinh và cộng đồng.

- Trung thực trong công tác; đoàn kết trong quan hệ đồng nghiệp; phục vụ nhân dân và học sinh.

1.2.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Thể hiện được ý thức tập thể, đoàn kết phấn đấu vì lợi ích chung, lối sống lành mạnh, cẩn thận, trung thực, liêm khiết.

- Thể hiện được bản lĩnh tự tin, năng động, sáng tạo, khoa học, duy trì nguyên tắc công tác, có khả năng tự học, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm;

- Tự định hướng, thích nghi được với các môi trường làm việc khác nhau hoặc môi trường thay đổi; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

- Đánh giá được chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non; hoàn thành nhiệm vụ được giao; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

1.3. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

- ✓ Làm giáo viên tại các trường Mầm non công lập, tư thục;
- ✓ Tự thành lập trường mầm non tư thục, nhóm trẻ-nhà trẻ tư nhân hợp pháp
- ✓ Làm việc tại các cơ quan quản lý giáo dục: Sở Giáo dục, Phòng giáo dục.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học: 45

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 101 tín chỉ

- Khối lượng các môn học khối kiến thức, kỹ năng chung: 38 tín chỉ

- Khối lượng các môn học khối kiến thức, kỹ năng cơ bản: 20 tín chỉ

- Khối lượng các môn học khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành: 26 tín chỉ

- Khối lượng các môn học khối kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm: 12 tín chỉ

- Khối lượng kiến thức thay thế khóa luận tốt nghiệp: 5 tín chỉ

- Khối lượng lý thuyết: 62 tín chỉ; thực hành: 39 tín chỉ

3. Nội dung chương trình

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ		
			TS	LT	TH
3.1. Khối kiến thức, kỹ năng chung			37 TC		
* Bắt buộc			35 TC		
3.1.1. Lý luận chính trị			10 TC		
1	5004701	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	5	4	1
2	5004702	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1	1
3	5004703	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	2	1
3.1.2. Giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng – an ninh			11 TC		
1	5002004	Giáo dục thể chất 1	1	1	0
2	5002005	Giáo dục thể chất 2	1	0	1
3	5002106	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	2	2	0
4	5002107	Công tác Quốc phòng - An ninh	2	2	0
5	5002108	QS chung & Chiến thuật, KT bắn súng và sử dụng lựu đạn	3	1	2
6	5002117	Hiểu biết chung về quân, binh chủng	2	2	0
3.1.3. Ngoại ngữ			7 TC		
1	5004909	Tiếng Anh 1	3	2	1
2	5004910	Tiếng Anh 2	4	2	2
3.1.4. Khoa học xã hội- nhân văn			4 TC		
1	5003611	Pháp luật đại cương	2	2	0
2	5004812	Kỹ năng giao tiếp	2	2	0

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ		
			TS	LT	TH
3.1.5. Toán, tin học, khoa học tự nhiên, công nghệ, môi trường			4 TC		
1	5002913	Công nghệ thông tin cơ bản	4	2	2
* Tự chọn (2/4 tín chỉ)			2 TC		
1	5064101	Môi trường và con người	2	2	0
2	5065002	Giáo dục môi trường	2	2	0
3.2. Khối kiến thức, kỹ năng cơ bản			63 TC		
3.2.1. Kiến thức, kỹ năng cơ bản của nghề giáo viên			20 TC		
* Bắt buộc			16 TC		
1	5004814	Tâm lý học đại cương	2	2	0
2	5004815	Giáo dục học đại cương	2	2	0
3	5064103	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non	2	2	0
4	5064804	Sự học và phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi Mầm non	2	2	0
5	5062905	Ứng dụng CNTT trong giáo dục mầm non	2	1	1
6	5061706	Khoa học đánh giá bậc Mầm non	2	1	1
7	5061707	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo bậc Mầm non	2	1	1
8	5005318	Quản lý hành chính NN và quản lý ngành	2	2	0
* Tự chọn (4/6 tín chỉ)			4 TC		
1	5004816	Khoa học phát triển chương trình	2	2	0
2	5004817	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
3	5064508	Tiếng Việt thực hành	2	1	1
3.2.2. Khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành			26 TC		
* Bắt buộc			25 TC		
1	5064609	Làm đồ chơi	2	1	1
2	5064610	Múa	2	1	1
3	5064811	Giáo dục hòa nhập – giáo dục gia đình	1	1	0
4	5061712	Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	2	2	0
5	5061713	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn	2	2	0
6	5061714	Tổ chức hoạt động vui chơi	1	0	1
7	5064615	Âm nhạc và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc	2	1	1
8	5064616	Tạo hình và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình	2	1	1
9	5061717	Phương pháp phát triển thể chất cho trẻ mầm non	2	1	1
10	5061718	Phương pháp cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh	2	1	1
11	5061719	Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với toán	3	2	1
12	5061720	Giáo dục học mầm non	2	2	0
13	6061739	Phương pháp phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	2	1	1
* Tự chọn (2/6 tín chỉ)			2 TC		
1	5061721	Các chuyên đề đổi mới giáo dục Mầm non	2	1	1
2	5061722	Cơ sở giáo dục văn hóa cho trẻ mầm non	2	1	1
3	5061723	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non	2	1	1
3.2.3. Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			5 TC		
1	5061724	Phương pháp phát triển ngôn ngữ và làm quen văn học	3	2	1
2	5061725	Vệ sinh dinh dưỡng	2	1	1
3.2.4. Khối kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm			12 TC		
3.2.4.1. Thực hành nghề nghiệp			06 TC		
1		Kiến tập sư phạm	1	0	1
2	5061726	Thực hành hoạt động giáo dục nuôi dưỡng	2	0	2
3	5061727	Thực hành hoạt động dạy học	3	0	3

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ		
			TS	LT	TH
3.2.4.2. Thực tập nghề nghiệp			06 TC		
1	5000020	Thực tập sư phạm lần 1	2	0	2
2	5000021	Thực tập sư phạm lần 2	4	0	4
Tổng cộng			101	62	39

2.4. Kế hoạch giảng dạy

Học kỳ 1 - 15TC	Học kỳ 2 – 17TC	Học kỳ 3 – 16TC	Học kỳ 4 - 51TC+9	Học kỳ 5 - 17TC	Học kỳ 6 – 12TC
Sự phát triển TC TELTMN 5064130 2(2,0)	Sự học và PPTLTELTMN 5064831 2(2,0)	PPPT thể chất cho trẻ MN 5061717 2(1,1)	PP cho trẻ KPKH về MTXQ 5061718 2(1,1)	Tạo hình và PPTCHĐTH cho trẻ MN 5064636 2(1,1)	TC thực hiện CTGDMN 5061712 2(1,1)
Làm đồ chơi 5064633 1(0,1)	Giáo dục học mầm non 5061738 2(2,0)	PPPT ngôn ngữ và LQVH 5061740 3(2,1)	Âm nhạc và PP TCHĐAN cho trẻ MN 5064615 2(1,1)	PP cho trẻ MN LQ với toán 5061737 3(2,1)	Phòng bệnh và ĐBAT 5061713 2(1,1)
	Múa 5064634 1(0,1)	Vệ sinh - Dinh dưỡng trẻ 5061725 2(1,1)	THHD dạy học 5061742 3(0,3)	THHD GD nuôi dưỡng 5061726 2(0,2)	Tổ chức HĐVC 5061714 1(0,1)
	Tự chọn 2/4 TC Phần 3.1.5 2(2,0)	HĐTN sáng tạo bậc MN 5061707 2(1,1)	Ứng dụng CNTT trong GDMN 5062932 2(1,1)	PP PTTC và KNXH cho trẻ MN 5061739 2(1,1)	GD hòa nhập-GD gia đình 5064835 1(1,0)
Kỹ năng giao tiếp 5004812 2(2,0)	Pháp luật đại cương 5003611 2(2,0)	Kiến tập sư phạm 5000041 1(0,1)		Khoa học ĐG bậc MN 5061706 2(1,1)	Tự chọn 2/8 TC Phần 3.2.2 2(1,1)
Công nghệ thông tin cơ bản 5002913 4(2,2)	Tư tưởng HCM 5004702 2(1,1)	Đường lối ĐCSVN 5004703 3(2,1)	TTSP lần 1 5000019 2(0,2)	Tự chọn 4/6 TC Phần 3.2.1 2(2,0); 2(1,1)	TTSP lần 2 4(0,4)
Những NLCB CN Mác – LêNin 5004701 5(4,1)	Tâm lí học đại cương 5004826 2(2,0)	Tiếng Anh 1 5004909 3(2,1)	Tiếng Anh 2 5004910 4(2,2)	QLHCNN &QLN 5005318 2(2,0)	
	Giáo dục học đại cương 5004827 2(2,0)		Giáo dục QP-An ninh 9(7,2)		
Giáo dục thể chất 1 5002004 1(1,0)	Giáo dục thể chất 2 5002005 1(0,1)				

5. Hướng dẫn sử dụng chương trình

5.1. Khối kiến thức, kỹ năng chung thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5.2. Tính liên thông.

Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng đã chú ý đến tính liên thông, đảm bảo cho người học khi có điều kiện học tiếp lên trình độ đại học. Phần kiến thức tự chọn có lợi trong việc mở rộng năng lực hoạt động của người học sau tốt nghiệp để đáp ứng với yêu cầu hiện nay.

5.3. Xây dựng chương trình chi tiết các học phần.

Trên cơ sở chương trình khung đã ban hành. Khoa xây dựng và quản lý nội dung chương trình chi tiết của từng học phần đảm bảo mục tiêu và đáp ứng chuẩn đầu ra.

Cần lưu ý một số điểm sau:

- Trình tự triển khai giảng dạy các học phần phải đảm bảo tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu kiến thức.

- Nội dung của học phần phải phù hợp với mục tiêu chú ý hình thành các phẩm chất và năng lực chung, năng lực chuyên ngành cho người học đảm bảo các thành tố trong mô tả yêu cầu của các phẩm chất, năng lực trong chương trình đào tạo.

- Ngoài thời lượng giảng dạy trên lớp cho các học phần, cần qui định số tiết tự học cụ thể để sinh viên củng cố kiến thức, hình thành và phát triển năng lực theo hướng dẫn sau:

+ Số lượng tiết tự học, tự nghiên cứu được tính theo nguyên tắc bù vào số tiết trực tiếp tiếp xúc với người học (cả lý thuyết và thực hành) + số tiết tự học, tự nghiên cứu = số tín chỉ của học phần x 45.

+ Về yêu cầu thực hiện số lượng và hình thức bài tập củng cố kiến thức, bài thực hành kỹ năng, bài tập tình huống để phát triển năng lực ... (nếu có) của các học phần do giảng viên quy định nhằm giúp sinh viên nắm vững kiến thức lý thuyết, rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, hình thành phẩm chất, phát triển năng lực chung và năng lực chuyên ngành cho người học.

- Tất cả các học phần đều phải có giáo trình, hoặc bài giảng, tài liệu tham khảo, bài hướng dẫn..., đã in sẵn cung cấp cho sinh viên.

- Giảng viên xác định các phương pháp giảng dạy cụ thể như: thuyết trình tích cực; nêu và giải quyết vấn đề; hướng dẫn thảo luận; thiết kế các dự án học tập; dạy học nghiên cứu trường hợp... Giảng viên tổ chức cho sinh viên tự phát hiện các vấn đề cần giải quyết khi xem các trích đoạn phim, video về dạy học, giáo dục... và qua các tình huống thực tế trong cuộc sống và nghề nghiệp ở cấp học (cả dạy học và giáo dục), từ đó tạo hứng thú, nhu cầu tìm kiếm kiến thức, tìm kiếm thông tin, lựa chọn giải pháp thích hợp để giải quyết vấn đề phát hiện ra một cách hiệu quả, sáng tạo nhất.

- Lịch trình tổ chức dạy học phải khuyến khích người học tự nghiên cứu và tiếp thu kiến thức, làm chủ tri thức, tập chung hướng dẫn sinh viên cách học gắn kiến thức với thực tế công việc của người giáo viên sau này; tạo điều kiện để người học phát huy được tính chủ động, tích cực trong học tập đồng thời tạo điều kiện để người học lựa chọn phương pháp học tập phù hợp với kế hoạch học tập riêng của bản thân.

5.4. Định hướng tự chọn các học phần theo hướng chuyên ngành

- Khối kiến thức **tự chọn kiến thức, kỹ năng chung**, SV được chọn 2/4 tín chỉ

- Khối kiến thức **tự chọn kiến thức, kỹ năng cơ bản**, SV được chọn 4/6 tín chỉ

- Khối kiến thức **tự chọn kiến thức, kỹ năng chuyên ngành**, SV được chọn 2/4 tín chỉ

5.5. Đánh giá kết quả học tập.

- Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH ĐÀO TẠO
(Theo quyết định số 523/QĐ-CĐSL ngày 13 tháng 8 năm 2019
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La)

1. Tên ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non (Early Childhood Teacher Education)

2. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

3. Đối tượng đào tạo:

- Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc bổ túc THPT đáp ứng yêu cầu tuyển sinh Cao đẳng được tuyển vào ngành Giáo dục Mầm non Trường Cao đẳng Sơn La
- Sinh viên diện chuyển trường có đủ điều kiện theo quy định được nhà trường tiếp nhận.
- Người học tham gia học văn bằng hai, hoặc học cùng lúc 02 chương trình đảm bảo các điều kiện do nhà trường quy định.

4. Yêu cầu về chuẩn đầu ra

4.1. Yêu cầu chung

a) Có tinh thần yêu nước, có bản lĩnh chính trị vững vàng; nghiêm túc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; có trách nhiệm đối với sự nghiệp giáo dục và ý thức trách nhiệm công dân đối với các vấn đề xã hội, tích cực tham gia phát triển cộng đồng;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt; có tác phong sư phạm chuẩn mực, trung thực trong nghề nghiệp và cuộc sống; có lối sống lành mạnh, văn minh, tác phong làm việc khoa học, nghiêm túc, chuẩn mực trong quan hệ với đồng nghiệp và người học; biết chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ đồng nghiệp trong rèn luyện đạo đức nhà giáo.

c) Có trình độ lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành; có năng lực ngoại ngữ và công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu thực hiện hoạt động giảng dạy, giáo dục, nghiên cứu và học tập, bồi dưỡng phát triển chuyên môn, nghiệp vụ.

4.2. Yêu cầu cụ thể

4.2.1. Yêu cầu về kiến thức

4.2.1.1. Kiến thức tổng quát:

- Nhận thức đúng và vận dụng phù hợp những NLCB của CNMLN, tư tưởng HCM và quan điểm, đường lối của Đảng vào cuộc sống và quá trình công tác;

- Vận dụng hợp lý các kiến thức về an ninh quốc phòng trong bảo vệ tổ quốc, bảo vệ an ninh, an toàn xã hội nơi công tác và trong cộng đồng dân cư;

- Xác định được những hành vi vi phạm pháp luật trong các trường hợp thường gặp trong cuộc sống và nơi công tác.

- Tiếng Anh đạt trình độ A2 (theo khung ngoại ngữ 6 bậc theo TT số 01/20/2014/ TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của BGDĐT);

- Tổ chức tập luyện TDTT để nâng cao sức khỏe cho bản thân phục vụ công tác và cuộc sống;

- Kiến thức tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản (theo TT số 03/2014/TT - BTTTT ngày 11/3/2014 của bộ TT và truyền thông)

- Xác định được các kiến thức cơ bản của Tâm lý – Giáo dục học để áp dụng vào quá trình thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe và giáo dục trẻ, kiểm tra đánh giá và thực hiện công tác chủ nhiệm nhóm/lớp ở Mầm non;

- Nhận thức đúng về Quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý ngành. Có kiến thức phổ thông về môi trường, dân số, an toàn giao thông và quyền trẻ em...

- Cập nhật và thực hiện được các văn bản liên quan đến chế độ, quyền lợi của giáo viên trong lĩnh vực giáo dục đào tạo.

4.2.1.2. Kiến thức chuyên môn

- Xác định đúng kiến thức cơ bản và chuyên sâu về nuôi dưỡng - chăm sóc sức khỏe trẻ em lứa tuổi mầm non (vệ sinh, dinh dưỡng, sức khỏe sinh sản, dinh dưỡng cộng đồng, phòng bệnh, đảm bảo an toàn cho trẻ); kiến thức về giáo dục trẻ trên các lĩnh vực (phát triển thể chất,

phát triển ngôn ngữ, phát triển nhận thức, phát triển thẩm mỹ, phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội); kiến thức nâng cao về mỹ thuật, âm nhạc, làm đồ dùng đồ chơi; kiến thức về giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật; tổ chức các hoạt động vui chơi, ăn, ngủ, vệ sinh.

- Xác định đúng mục tiêu giáo dục Mầm non, nội dung chương trình, phương pháp tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ em trong độ tuổi mầm non theo định hướng đổi mới trong Giáo dục Mầm non.

- Xác định rõ kiến thức trọng tâm của bài học trong quá trình thiết kế và giảng dạy theo các lĩnh vực phát triển ở Mầm non;

- Xác định đúng kiến thức về nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo các lĩnh vực phát triển; có hiểu biết về nghiệp vụ sư phạm, biết cách sử dụng đồ dùng dạy học

- Áp dụng kiến thức khoa học GDMN để tổ chức và đánh giá được các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ ở các độ tuổi, các loại hình trường lớp mầm non theo định hướng đổi mới;

- Cập nhật được những thông tin về đổi mới Giáo dục bậc Mầm non trong nước và trên thế giới. Có khả năng vận dụng đổi mới PPDH theo các lĩnh vực phát triển ở mầm non vào giảng dạy trong nhà trường.

4.2.2. Yêu cầu về kỹ năng

4.2.2.1. Kỹ năng chuyên môn

- Phân tích được nội dung chương trình và các tài liệu chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ lứa tuổi mầm non.

- Lập được kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ theo yêu cầu về thời gian, phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ và mục tiêu giáo dục mầm non; biết tổ chức các hoạt động theo chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ ở từng lứa tuổi.

- Theo dõi và đánh giá được sự phát triển cân nặng, chiều cao của trẻ theo từng lứa tuổi; phòng tránh, phát hiện và xử lý kịp thời các bệnh thường gặp và một số tai nạn thông thường; hướng dẫn trẻ rèn luyện một số thói quen tự phục vụ, thói quen vệ sinh văn minh.

- Lựa chọn được các phương pháp, hình thức tổ chức, sử dụng đồ dùng đồ chơi trong từng lĩnh vực hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục phù hợp với lứa tuổi của trẻ theo đặc thù riêng của từng trường, địa phương, vùng miền để lập kế hoạch bài học theo định hướng đổi mới giáo dục mầm non;

- Tổ chức được các hoạt động giáo dục theo hướng phát triển toàn diện trẻ em; tổ chức giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật ở các độ tuổi; có khả năng phát hiện và tạo điều kiện phát triển năng khiếu của trẻ.

- Quản lý và sử dụng có hiệu quả hồ sơ giáo dục theo từng tuần, tháng, học kỳ và năm học theo yêu cầu của chương trình; bảo quản đồ dùng đồ chơi, trang thiết bị phù hợp với mục đích chăm sóc – giáo dục trẻ, đáp ứng được yêu cầu đổi mới GDMN.

- Lựa chọn, sử dụng được các phương pháp, hình thức đánh giá tình trạng dinh dưỡng, đánh giá sự phát triển của trẻ trong các hoạt động giáo dục hàng ngày theo định hướng đổi mới;

- Thực hiện được công tác chủ nhiệm lớp, tổ chức các hoạt động lễ hội cho trẻ theo điều kiện cụ thể của nhóm lớp, trường và địa phương;

4.2.2.2. Kỹ năng làm việc

- Cập nhật được thông tin, biết khai thác Internet... để phục vụ cho hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục

- Diễn đạt lưu loát, mạch lạc, phát âm và viết chuẩn theo chữ viết tiếng Việt, soạn thảo được các văn bản thông thường theo yêu cầu của công việc;

- Phân tích, đánh giá được hiệu quả công việc của bản thân và đồng nghiệp; Biết tạo dựng mối quan hệ lành mạnh, phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường - gia đình - xã hội trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe và giáo dục trẻ; biết lắng nghe, hiểu được nguyện vọng, nhu cầu của trẻ, đưa ra lời khuyên phù hợp, giáo dục tốt trẻ dân tộc, trẻ khuyết tật, trẻ có hoàn cảnh khó khăn.

- Giao tiếp tốt, ứng xử với trẻ gần gũi, thân thiện, tình cảm; ứng xử với đồng nghiệp chân thành, cởi mở, thẳng thắn; Tôn trọng, hợp tác và chia sẻ với phụ huynh học sinh, với cộng đồng nơi công tác.

- Ứng dụng nghiên cứu và thực hiện được các sáng kiến kinh nghiệm, đăng tải được kết quả các nghiên cứu phục vụ cho nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục;

- Xây dựng được các loại kế hoạch phát triển lớp, nhà trường...

- Giải quyết kịp thời các thông tin phản hồi từ gia đình, cộng đồng, xã hội... trong các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe và giáo dục trẻ lứa tuổi mầm non.

4.2.3. Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Thể hiện được ý thức tập thể, đoàn kết phấn đấu vì lợi ích chung, lối sống lành mạnh, cẩn thận, trung thực, liêm khiết.

- Thể hiện được bản lĩnh tự tin, năng động, sáng tạo, khoa học, duy trì nguyên tắc công tác, có khả năng tự học, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm;

- Tự định hướng, thích nghi được với các môi trường làm việc khác nhau hoặc môi trường thay đổi; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

- Đánh giá được chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non; hoàn thành nhiệm vụ được giao; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

5. Khung kiến thức, kỹ năng tối thiểu:

5.1	Khối kiến thức, kỹ năng chung	38 tín chỉ
5.2	Khối kiến thức, kỹ năng cơ bản	20 tín chỉ
5.3	Khối kiến thức kỹ năng chuyên ngành	31 tín chỉ
5.4	Khối kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm	12 tín chỉ
Tổng cộng		101 tín chỉ

6. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

- ✓ Làm giáo viên tại các trường Mầm non;
- ✓ Làm quản lý tại các trường Mầm non, các cơ sở quản lý Giáo dục;
- ✓ Làm chuyên viên Mầm non tại các cơ sở quản lý Giáo dục;

7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có thể học nâng cao trình độ đại học liên thông, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ ngành Giáo dục Mầm non.

- Có thể học thêm để chuyển đổi hoặc kết hợp làm các công việc khác như: chăm sóc tâm lý trẻ Mầm non, tư vấn giáo dục v.v... ở Việt Nam.

- Có thể học thêm để dạy các môn chuyên biệt ở Mầm non như giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật

8. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc gia, quốc tế có thể tham khảo

1. Chương trình giáo dục mầm non (Ban hành kèm thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ giáo dục & Đào tạo và Thông tư số 28/2016/TT – BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ giáo dục & Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ giáo dục & Đào tạo)

2. Chương trình giáo dục đại học của ngành Giáo dục Mầm non - Khoa GDMN - Trường ĐH Hoa Lư – Ninh Bình, ban hành năm 2018

3. Chỉ thị số 1737/CT- BGDĐT ngày 07 tháng 05 năm 2018 của Bộ trưởng BGD&ĐT về việc tăng cường quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo

4. Quyết định số 16/2008/QĐ- BGDĐT ngày 16 tháng 04 năm 2008 của BGD&ĐT Ban hành quy định về đạo đức nhà giáo

5. Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ Giáo dục và đào tạo. Thông tư ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non

6. Thông tư số 29/2018/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và đào tạo. Thông tư quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên; quy trình xây dựng thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên.

7. Thông tư số 03/2017/TT- BGDDĐT ngày 13 tháng 01 năm 2017 của BGDDĐT Ban hành Chương trình Giáo dục quốc phòng – An ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học

8. Tài liệu bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp GVMN hạng II, hạng III, hạng IV - Trường đại học SPHN, 2018

PHỤ LỤC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Chương trình đã xây dựng và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Tùy thuộc vào phương pháp dạy học và yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra của từng môn học để lựa chọn các phương pháp đánh giá phù hợp, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin để đánh giá mức độ tiến bộ của người học cũng như mức độ hiệu quả đạt được của tiến trình dạy học.

1. Các phương pháp đánh giá

** Đánh giá bài tập.*

Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm và được đánh giá theo các tiêu chí:

Bảng 1 : Đánh giá bài tập

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0-5.4	Điểm 5.5-6.9	Điểm 7.0-8.4	Điểm 8.5-10	
Nộp bài tập.	Không nộp bài tập.	Nộp bài tập 70% số lượng bài tập được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	20%
Trình bày bài tập.	Không có bài tập.	Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng).	Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú...)	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), logic. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	30%
Nội dung bài tập.	Không có bài tập.	Nội dung Bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo Yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ, rõ ràng, hợp lý, có nội dung chưa chi tiết.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng theo yêu cầu, logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

** Đánh giá thuyết trình.*

Sinh viên được yêu cầu giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học theo nhóm hoặc cá nhân và trình bày kết quả. Hoạt động này giúp sinh viên đạt được kiến thức, phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm. Để đánh giá mức độ đạt được các kỹ năng này của sinh viên có thể sử dụng các tiêu chí đánh giá cụ thể như sau:

Bảng 2: Đánh giá thuyết trình

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0-5.4	Điểm 5.5-6.9	Điểm 7.0- 8.4	Điểm 8.5-10	
Nội dung báo cáo.	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú.	50%
Trình bày slide	Slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định.	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ và hình ảnh rõ ràng.	Slide trình bày với bố cục logic, Rõ ràng, gồm 3 phần (introduction, body and conclusion)	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần, thể hiện sự thành thạo trong trình bày.	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần. Thuật ngữ sử dụng đơn giản dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ.	25%
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định. Sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ. Người nghe không hiểu.	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn một số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi trình bày.	Bố cục 3 phần rõ ràng. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe. Người nghe hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày.	Phần trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe hiểu nội dung trình bày.	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói lưu loát, thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe hiểu nội dung trình bày. Đúng thời gian quy định.	25%

** Đánh giá thực hành.*

Sinh viên được yêu cầu thực hành cá nhân và làm việc nhóm. Hoạt động này không những giúp sinh viên đạt được những kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp mà còn giúp sinh viên phát triển kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm. Để đánh giá mức độ đạt được các kỹ năng này của sinh viên có thể sử dụng các tiêu chí đánh giá cụ thể như sau:

Bảng 3: Đánh giá thực hành

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0-5.4	Điểm 5.5-6.9	Điểm 7.0-8.4	Điểm 8.5-10	
Tổ chức nhóm	Nhóm bị Phá vỡ Hoàn toàn: Trách nhiệm và nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể, không có sự liên kết, phối hợp nhóm.	Nhiệm vụ của mỗi thành viên không rõ ràng, không phù hợp với khả năng của họ. Không có sự phối hợp làm việc giữa các thành viên trong nhóm.	Mỗi thành viên có nhiệm vụ riêng nhưng chưa rõ ràng và chưa phù hợp với khả năng của thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm chưa tốt.	Nhiệm vụ của mỗi thành viên trong nhóm rõ ràng và phù hợp với khả năng của họ. Sự phối hợp làm việc của nhóm tốt.	Nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm rất rõ ràng và phù hợp với khả năng của họ, phát huy điểm mạnh của các thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm rất tốt.	20%
Chuyên cần	< 30%	<50%	<70%	<90%	100%	10%
Thảo luận, nhận xét.	Không bao giờ tham gia thảo luận trong nhóm.	Hiếm khi tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hiệu quả cho các hoạt động của nhóm và giữa các nhóm.	20%
Nội dung kiến thức.	Không có nội dung hoạt động.	Nội dung không đầy đủ (<50%), kết quả sai, trình tự các bước không hợp lý.	Nội dung đầy đủ (100%). Kết quả còn một số sai sót, nhầm lẫn.	Nội dung đầy đủ (100%). Kết quả đúng, có sử dụng phương tiện hỗ trợ nhưng chưa hợp lý.	Nội dung đầy đủ (100%). Trình tự các bước hợp lý, kết quả đúng, sử dụng phương tiện hỗ trợ hợp lý.	20%
Trình bày thuyết minh/ tập giảng.	Không thuyết minh/ thuyết minh	Trình bày thuyết minh lộn xộn, không đúng	Thuyết minh phù hợp nội dung, còn một số lỗi.	Thuyết minh, logic, đúng nội dung, giải thích đầy đủ,	Thuyết minh đúng nội dung, chi tiết, rõ ràng, logic,	15%

	không phù hợp.	trình tự.		ít sai sót.	đầy đủ.	
Kế hoạch giáo dục.	Không có kế hoạch giáo dục hoặc kế hoạch chưa đầy đủ cấu trúc, nội dung không đúng.	KHGD không đầy đủ, không rõ ràng, còn nhiều sai sót.	Kế hoạch đầy đủ, sắp xếp không phù hợp, còn một số lỗi nhỏ về trình bày. Nội dung đúng. Ghi chú đầy đủ.	Kế hoạch đầy đủ, chi tiết, cấu trúc rõ ràng, trình bày hợp lý. Ghi chú rõ ràng, chi tiết.	Kế hoạch đầy đủ, chi tiết và khoa học. Sắp xếp, trình bày hợp lý, sáng tạo, phù hợp thực tiễn.	15%

** Đánh giá vấn đáp.*

Trong phương pháp này, sinh viên được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp. Các tiêu chí đánh giá cụ thể cho phương pháp này được thể hiện như sau:

Bảng 4: Đánh giá vấn đáp

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0-5.4	Điểm 5.5-6.9	Điểm 7.0-8.4	Điểm 8.5-10	
Thái độ trả lời câu hỏi.	Thái độ giao tiếp, trả lời thô lỗ, không hợp tác, thiếu tôn trọng trong giao tiếp. Sử dụng thuật ngữ không phù hợp, giọng nói khó nghe.	Thái độ giao tiếp, trả lời câu hỏi lễ độ. Sử dụng các thuật ngữ trong câu trả lời phức tạp, khó hiểu. Giọng nói nhỏ, thiếu tự tin.	Thái độ giao tiếp, trả lời nhẹ nhàng, hòa nhã. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời phù hợp, dễ hiểu.	Thái độ trong câu trả lời tự tin, từ tốn, nhẹ nhàng, điềm đạm. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời đơn giản, dễ hiểu. Giọng nói lưu loát, rõ ràng.	Thái độ giao tiếp, trả lời rất tự tin, Giọng nói rõ ràng, lưu loát. thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe.	20%
Nội dung trả lời	Các câu trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi.	Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên, không tập trung vào trọng tâm của câu hỏi.	Các câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếu tự tin trong các câu trả lời.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan đến câu hỏi yêu cầu. Thể hiện sự tự tin về sự hiểu biết trong câu trả lời, lập luận giải thích chưa	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu cầu; tự tin trong câu trả lời; lập luận, giải thích cho câu hỏi hoàn toàn thuyết phục.	80%

				thuyết phục.		

** Kiểm tra viết.*

Theo phương pháp đánh giá này, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp đánh giá này là thang 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.

** Kiểm tra trắc nghiệm.*

Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế sẵn.

2. Hệ thống tính điểm.

[1]. Điểm học phần.

a. Điểm kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân;

b. Điểm trung bình các điểm kiểm tra (làm tròn đến một chữ số thập phân) là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

c. Điểm môn học, học phần là điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, học phần có trọng số 0,6. Điểm môn học, học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau khi làm tròn được chuyển thành điểm chữ như sau:

Phân loại	Thang điểm chữ	Thang điểm 10	Xếp loại
Loại đạt:	A	8,5 - 10	Giỏi
	B	7,0 - 8,4	Khá
	C	5,5 - 6,9	Trung bình
	D	4,0 - 5,4	Trung bình yếu
Loại không đạt:	F	dưới 4,0	Kém

[2]. Điểm trung bình chung học kỳ/năm học/khóa học và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của môn học, học phần phải được quy đổi từ điểm chữ qua điểm số tương ứng theo thang điểm 4 như sau:

- A tương ứng với 4.
- B tương ứng với 3.
- C tương ứng với 2.
- D tương ứng với 1.
- F tương ứng với 0.

[3]. Điểm trung bình chung học kỳ/năm học/khóa học và điểm trung bình chung tích lũy được làm tròn đến hai chữ số thập phân và tính theo công thức sau:.

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \cdot n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

- A : là điểm trung bình chung học kỳ/năm học/khóa học hoặc điểm trung bình chung tích lũy;

- i : là số thứ tự môn học, học phần;

- a_i : là điểm của môn học, học phần thứ i ;

- n_i : là số tín chỉ của môn học, học phần thứ i ;

- n : là tổng số môn học, học phần trong học kỳ/năm học/khóa học hoặc số tín chỉ đã tích lũy.

[4]. Điểm trung bình chung học kỳ/năm học/khóa học, điểm trung bình chung tích lũy bao gồm cả điểm môn học, học phần được bảo lưu, không bao gồm điểm môn học, học phần được miễn trừ và môn học, học phần điều kiện;

[5]. Trường hợp người học được tạm hoãn học môn học, học phần thì chưa tính khối lượng học tập của môn học, học phần đó trong thời gian được tạm hoãn.

[8]. Điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học và điểm trung bình chung tích lũy để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ, năm học hoặc khóa học được tính theo kết quả điểm thi kết thúc môn học, học phần lần thứ nhất; để xét điều chỉnh tiến độ học, buộc thôi học được tính theo kết quả lần thi kết thúc môn học, học phần có điểm cao nhất.

[9]. Học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh là 2 học phần điều kiện; kết quả đánh giá 2 môn học, học phần này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học và điểm trung bình chung tích lũy, xếp loại tốt nghiệp nhưng là một trong các điều kiện để xét hoàn thành khối lượng học tập, xét điều kiện tốt nghiệp hoặc bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp và được ghi vào bảng điểm cấp kèm theo bằng tốt nghiệp.

Xếp loại kết quả học tập của người học theo học kì được căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy trong học kì đó theo thang điểm 4, cụ thể:

- Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,6 đến 4,0

- Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,2 đến cận 3,6

- Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,5 đến cận 3,2

- Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,0 đến cận 2,5

- Loại yếu: Điểm trung bình chung tích lũy dưới 2,0

Xếp loại tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung theo tín chỉ của toàn khóa học theo thang điểm 4 và được làm tròn đến một chữ số thập phân, như sau:

- Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,6 đến 4,0

- Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,2 đến cận 3,6

- Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,5 đến cận 3,2

- Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,0 đến cận 2,5

BẢNG ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2019

1. Đối sánh chương trình đào tạo

1.1. Các chương trình lựa chọn để đối sánh

Đối sánh CTĐT ngành GDMN trình độ Cao đẳng của Trường Cao đẳng Sơn La với CTĐT ngành GDMN trình độ Cao đẳng của Trường Đại học Hoa Lư, Trường CĐSP Hòa Bình, làm cơ sở đánh giá, cải tiến, phát triển chương trình.

1.2. Tiêu chí lựa chọn để đối sánh

- Các chương trình cùng ngành đào tạo Sư phạm Giáo dục mầm non, trình độ cao đẳng

1.3. Kết quả đối sánh

CTĐT ngành GDMN trình độ CD ở Trường Cao đẳng Sơn La được phát triển theo hướng liên thông với các chương trình trung cấp và đại học cùng ngành. Khối lượng kiến thức được xác định cho từng học phần tương đương với chương trình khung, phù hợp với điều kiện tổ chức, hình thức và phương thức đào tạo. Nguyên tắc của việc lựa chọn là toàn bộ kiến thức người học đã tích lũy cho đến khi tốt nghiệp (bao gồm cả tích lũy trước và trong khóa đào tạo) phải đạt được tổng khối lượng kiến thức tối thiểu đã được quy định trong chương trình khung, đảm bảo đầy đủ các học phần bắt buộc, đồng thời có thể sử dụng một số học phần tự chọn nhằm nâng cao năng lực nghề và phù hợp với đặc điểm của đối tượng đào tạo. Nội dung các học phần thuộc khối kiến thức ngành được thiết kế theo hướng liên môn và đảm bảo không lặp lại kiến thức trong các học phần.

Kết quả đối sánh thể hiện như sau:

BẢNG ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trường Tiêu chí	CĐ Sơn La	ĐH Hoa Lư	CĐSP Hòa Bình	Thuyết minh về những điểm giống và khác nhau giữa các chương trình đào tạo
1. Khối lượng kiến thức (Chưa kể GDTC, GDQP & AN)	95/106	91/106 tín chỉ	110/124 tín chỉ	Khối lượng kiến thức của các CTĐT tương đương, trường CĐSP Hòa Bình nhiều TC nhất
2. Thời gian đào tạo	3 năm			Thời gian đào tạo tương đương
3. Cấu trúc kiến thức của CTĐT				Cấu trúc kiến thức của các CTĐT có điểm tương đồng, tuy nhiên, Trường Đại học Hoa Lư có kiến thức cơ sở ngành nhiều nhất. Trường CĐSP Hòa Bình, có số tín chỉ tự chọn cao hơn. Trường Cao đẳng Sơn La có tỉ lệ tín chỉ thực hành, thực tập nghề nghiệp nhiều nhất vì chú trọng nhất đến công tác rèn luyện, phát triển kỹ năng nghề nghiệp cho SV.
- Kiến thức giáo dục đại cương	37,7%	34%	16,9%	
- Kiến thức cơ sở ngành	13,2%	17,9%	7,3%	
- Kiến thức ngành	23,6%	17,9%	40,3%	
- Kiến thức bổ trợ (tự chọn)	7,6	15,1%	20,2%	
- Thực hành, thực tập nghề nghiệp và tốt nghiệp	17,9%	15,1%	15,3%	
4. Số học phần tương đồng		38	35	Các học phần có sự tương đồng khoảng 80% dù tên gọi khác nhau
5. Số học phần mới		6	1	Các học phần mới chủ yếu ở khối kiến thức bổ trợ, trong đó: Trường Đại học Hoa Lư có HP: <i>Biên đạo múa, Ca hát mầm non; Đàn phím điện tử; Sử dụng trò chơi âm nhạc nhằm phát triển kỹ năng vận động theo nhạc cho trẻ mầm non; Phát huy tính tích cực nhận thức của trẻ mẫu giáo trong trò chơi học tập; Sử dụng trò chơi dân gian nhằm phát triển trí tuệ cho trẻ mẫu giáo</i>

				Trường CĐSP Hòa Bình có HP <i>Dạy chữ Mường</i> phù hợp thực tế địa phương.
6. Số học phần tự chọn (khối kiến thức bổ trợ)		18	12	Trường Đại học Hoa Lư tương đồng với Trường Cao đẳng Sơn La 5 HP tự chọn (<i>Cơ sở văn hoá Việt Nam; Môi trường và con người; Giáo dục gia đình; Đọc kể diễn cảm; Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non</i>) Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình tương đồng với Trường Cao đẳng Sơn La 5 HP tự chọn (<i>Cơ sở văn hoá Việt Nam; Tiếng Việt thực hành; Môi trường và con người; Phương pháp nghiên cứu khoa học; Giáo dục môi trường</i>)

Tên ngành, nghề	Vị trí việc làm	Mô tả nội dung công việc	Kỹ năng cần hình thành		Học kỳ triển khai		Văn bản quy định
			Hình thành qua thực hành	Hình thành qua thực tập tốt nghiệp	Qua TH	Qua TT	
1. Đào tạo giáo viên Mầm non	Giáo viên mầm non trình độ cao đẳng (Mã ngành 51140201)	1. Bảo vệ an toàn sức khỏe, tính mạng của trẻ em trong thời gian trẻ em ở nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập. 2. Thực hiện công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em theo chương trình giáo dục mầm non: lập kế hoạch chăm sóc, giáo dục; Xây dựng môi trường giáo dục, tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; Đánh giá và quản lý trẻ em; Chịu trách nhiệm về chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; Tham gia các hoạt động của tổ chuyên môn, của nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập. 3. Trau dồi đạo đức, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; Gương mẫu, thương yêu trẻ em, đối xử công bằng và tôn trọng nhân cách của trẻ em; Bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của trẻ em; Đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp.	1. Biết nội dung chương trình và các tài liệu dạy học ở Mầm non. 2. Bảo vệ an toàn sức khỏe, tính mạng của trẻ em trong thời gian trẻ em ở nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập 3. Thiết kế được kế hoạch bài học theo các lĩnh vực phát triển, quy trình dạy học theo từng lĩnh vực phát triển, tổ chức được các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ và dạy học trên lớp. 4. Biết lựa chọn các phương pháp, hình thức tổ chức, thiết bị dạy học trong từng lĩnh vực phát triển, phù hợp với đối tượng trẻ. 5. Biết sử dụng các phương pháp, hình thức đánh giá trong việc đánh giá trẻ 6. Thiết kế kế hoạch	1. Hiểu nội dung chương trình và các tài liệu dạy học ở Mầm non. 2. Bảo vệ an toàn sức khỏe, tính mạng của trẻ em trong thời gian trẻ em ở nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập 3. Vận dụng, thực hiện, tổ chức tốt các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và dạy học trên lớp bao gồm thiết kế kế hoạch bài học theo các lĩnh vực phát triển, quy trình dạy học theo các lĩnh vực phát triển 4. Vận dụng sáng tạo các phương pháp, hình thức tổ chức, thiết bị dạy học trong từng lĩnh vực phát triển phù hợp với đối tượng. 5. Vận dụng các phương pháp, hình thức đánh giá trong việc thực hiện đánh giá trẻ	3,4,5	6	Điều 35 Văn bản hợp nhất 04/VBHN-BGDĐT năm 2015 hợp nhất Thông tư về Điều lệ Trường Mầm non do Bộ Giáo dục & Đào tạo

		4. Tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ em cho cha mẹ trẻ. Chủ động phối hợp với gia đình trẻ để thực hiện mục tiêu giáo dục trẻ em. 5. Rèn luyện sức khỏe; Học tập văn hóa; Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em. 6. Thực hiện các nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và của ngành, các quy định của nhà trường, quyết định của Hiệu trưởng. 7. Phối hợp với gia đình trẻ và các tổ chức xã hội liên quan để tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ	giáo dục , quản lý hồ sơ giáo dục từng tuần, tháng, học kỳ, năm học, nắm bắt đối tượng, biện pháp giáo dục. 7. Biết làm công tác chủ nhiệm lớp, tổ chức các hoạt động lễ hội cho trẻ 8. Hình thành tác phong sư phạm, giao tiếp chuẩn mực, ngôn ngữ mạch lạc, chuẩn chữ viết và kiến thức, kỹ năng mềm	6. Thực hiện tốt kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, quản lý hồ sơ giáo dục từng tuần, tháng, học kỳ, năm học, phân tích, tư vấn, xử lý đối tượng, chủ trương biện pháp, đánh giá kết quả giáo dục. 7. Thực hiện công tác chủ nhiệm lớp, tổ chức các hoạt động lễ hội cho trẻ 8. Chuẩn mực trong tác phong sư phạm, ngôn ngữ, giao tiếp, chữ viết, kiến thức, kỹ năng mềm.			
--	--	---	---	--	--	--	--

VAI TRÒ CỦA CÁC MÔN HỌC, HỌC PHẦN ĐỐI VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

GHI CHÚ: Tất cả các môn học, học phần đều hướng tới phát triển các năng lực của người học. Vai trò của môn học, học phần đối với sự phát triển từng năng lực chung được thể hiện theo 3 mức độ Mức độ A: Môn học, học phần đóng vai trò chủ yếu đối với sự phát triển năng lực tương ứng. Mức độ B: Môn học, học phần góp phần phát triển năng lực tương ứng. Mức độ C: Môn học, học phần tạo cơ hội phát triển năng lực tương ứng.		CÁC NĂNG LỰC													Số Tín chỉ		
		Phẩm chất chính trị, thẩm mỹ và nhân văn	Tự học và học tập suốt đời	Thích ứng với bối cảnh nhà trường và xã hội	Day học	Giáo dục	Công nghệ thông tin và truyền thông	Giao tiếp và Ngoại ngữ	Nghiên cứu khoa học	Đánh giá	Tổ chức, quản lý	Phát triển chương trình	Phát hiện và giải quyết vấn đề sáng tạo	Thể chất	TS	LT	TH
Kiến thức, kỹ năng chung	1. Những nguyên lý cơ bản của CNMLN	A	A	A	A	A	B	B	B	A	A	C	A	C	5	4	1
	2. Tư tưởng HCM	A	A	A	A	A	A	B	A	A	A	C	A	C	2	1	1
	3. Đường lối CM của ĐCSVN	A	A	A	A	A	A	B	A	A	A	C	A	C	3	2	1
	4. Giáo dục thể chất	B	A	A	A	A	C	B	B	B	A	C	B	A	2	1	1
	5. Giáo dục QP-AN	B	A	A	B	B	C	C	C	B	A	B	B	A	9	7	2
	6. Ngoại ngữ	B	A	A	A	B	A	A	B	B	B	B	B	C	7	4	3
	7. Công nghệ thông tin cơ bản	B	A	A	A	B	A	B	B	B	A	B	B	C	4	2	2
	8. Pháp luật đại cương	A	B	A	A	A	A	B	B	B	A	C	A	C	2	2	0
	9. Kỹ năng giao tiếp	A	C	B	A	A	C	A	C	C	A	B	B	C	2	2	0
	10. Tự chọn (kiến thức đại cương)	B	A	A	A	A	C	B	B	B	A	C	B	A	2	2	0
Kiến thức, kỹ năng cơ bản của nghề giáo viên	11. Tâm lý học đại cương	A	B	A	B	A	C	C	C	B	A	C	A	C	2	2	0
	12. Giáo dục học đại cương	B	B	A	A	B	B	C	B	A	A	A	B	C	2	2	0
	13. Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi Mầm non	A	A	A	A	A	C	C	B	A	A	A	B	C	2	2	0
	14. Sự học và phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi Mầm non	A	A	A	A	A	C	C	B	A	A	A	B	C	2	2	0
	15. Ứng dụng CNTT trong giáo dục mầm non	A	A	B	A	A	B	B	A	A	A	A	B	C	2	1	1
	16. Khoa học đánh giá bậc Mầm non	A	B	B	A	A	B	B	A	A	A	A	B	C	2	1	1
	17. Hoạt động trải nghiệm sáng tạo bậc mầm non	A	A	A	A	A	B	B	A	A	A	A	A	A	2	1	1

	18. Quản lý HCNN và QL ngành GDMN	A	C	B	A	A	C	A	C	C	A	B	B	C	2	2	0
	19. Kiến tập sư phạm	A	A	A	A	A	C	C	B	A	A	A	B	C	1	0	1
	20. Thực tập sư phạm lần 1	A	A	A	A	A	C	C	B	A	A	A	B	C	2	0	2
	21. Thực tập sư phạm lần 2	A	A	A	A	A	C	C	B	A	A	A	B	C	4	0	4
	22. Tự chọn (kiến thức chung của nghề giáo viên)	B	B	A	A	A	C	A	B	A	A	A	B	C	4	3	1
	NĂNG LỰC CHUYÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON																
		Năng lực tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp có chủ đề		Năng lực tổ chức hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ		Năng lực thiết kế môi trường và sử dụng đồ dùng dạy học		Năng lực triển khai chương trình giáo dục mầm non		Năng lực tư vấn, tham vấn							
	23. Làm đồ chơi	C		C		A		C		C		1	0	1			
	24. Múa	A		C		B		C		C		2	1	1			
	25. Giáo dục học mầm non	A		B		B		A		A		2	2	0			
	26. Giáo dục hòa nhập-giáo dục gia đình	A		B		C		C		A		1	1	0			
	27. Vệ sinh - Dinh dưỡng	A		A		B		A		A		2	1	1			
	28. Phòng bệnh và đảm bảo an toàn	A		A		C		A		A		2	2	0			
	29. Tổ chức hoạt động vui chơi	A		B		B		A		A		1	0	1			
	30. Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	A		B		B		A		B		2	2	0			
	31. Phương pháp phát triển thể chất cho trẻ mầm non	A		B		B		A		A		2	1	1			
	32. Phương pháp cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh	A		B		B		A		A		2	1	1			
	33. Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với toán	A		B		B		A		A		3	2	1			

**Kiến thức
ngành**

34. Phương pháp phát triển ngôn ngữ và làm quen văn học	A	B	B	A	A	3	2	1
35. Tạo hình và Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình	A	B	B	A	A	2	1	1
36. Âm nhạc và Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc	A	B	B	A	A	2	1	1
37. Phương pháp phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	A	B	B	A	A	2	1	1
38. Thực hành hoạt động giáo dục nuôi dưỡng (tích hợp)	A	A	B	B	A	2	0	2
39. Thực hành hoạt động dạy học (tích hợp)	A	B	B	A	A	3	0	3
40. Tự chọn (Kiến thức ngành)	A	B	C	B	C	2	1	1
Tổng cộng						101	62	39

**BIỂU HIỆN CỦA PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC CHUNG, NĂNG LỰC CỦA NGHỀ GIÁO VIÊN
VÀ NĂNG LỰC CHUYÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON**

I. Các phẩm chất, năng lực chung, năng lực của nghề giáo viên

Các phẩm chất, năng lực chung	Biểu hiện cụ thể
1. Phẩm chất chính trị, thẩm mỹ và nhân văn	
a) Phẩm chất chính trị	Quát triệt và vận dụng đúng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong quá trình học tập nghiên cứu; tích cực tham gia các hoạt động tập thể và hoạt động xã hội; thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của công dân đối với nhà trường, các tổ chức chính trị và xã hội.
b) Phẩm chất nhân văn	Có lòng nhân ái, yêu nghề; có ý thức phấn đấu vươn lên trong học tập; biết tôn trọng bản thân, bạn bè và thầy cô. Biết tạo dựng phong cách riêng, thích ứng trong học tập và hòa nhập trong sinh hoạt tập thể.
c) Đạo đức nghề nghiệp	Hình thành các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp; biết thể hiện đúng mực trong các tình huống thực tế.
d) Thẩm mỹ	Biết yêu thương và trân trọng cái hay, cái đẹp; biết lắng nghe, chia sẻ, thấu hiểu và cảm thông trong bối cảnh cụ thể.
2. Năng lực tự học và học tập suốt đời	
a) Xác định mục tiêu, lộ trình học tập và nghiên cứu	Xác định nhiệm vụ, lộ trình học tập và nghiên cứu dựa trên chuẩn đầu ra, mục đích và điều kiện cụ thể của người học; đặt ra được mục tiêu học tập, mục tiêu nghiên cứu chi tiết, cụ thể cho từng học kỳ, từng nội dung nghiên cứu; Xác định được phương pháp tự học, tự nghiên cứu phù hợp với bản thân để học tập suốt đời.
b) Lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch	Lập được kế hoạch học tập cụ thể cho toàn khóa, từng học kỳ; Đánh giá và điều chỉnh được kế hoạch học tập phù hợp với bản thân từng học kỳ; hình thành phương pháp tự học, tự nghiên cứu và học tập bộ môn; tìm kiếm, sàng lọc và khai thác được các nguồn tài liệu phù hợp với các mục đích, nhiệm vụ học tập khác nhau; thành thạo trong sử dụng thư viện, thư viện điện tử, lựa chọn các tài liệu phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu; thành thạo việc sàng lọc, ghi chép thông tin đọc được bằng các hình thức phù hợp, thuận lợi cho việc ghi nhớ, sử dụng, bổ sung khi cần thiết; tự xác định đúng mục đích của việc học tập, nghiên cứu và phấn đấu vươn lên.
c) Đánh giá và điều chỉnh việc học tập, điều chỉnh bản thân	Tự đánh giá và giúp bạn đánh giá để điều chỉnh những sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập, nghiên cứu; đánh giá về cách học, cách nghiên cứu để rút kinh nghiệm cải thiện kết quả học tập và nghiên cứu; biết tự điều chỉnh các hành vi của bản thân phù hợp với thuần phong mỹ tục, phù hợp với những quy định về đạo đức nghề nghiệp và pháp luật Việt Nam.
3. Năng lực thích ứng với bối cảnh	

của nhà trường và xã hội	
a) Thích ứng với bối cảnh của xã hội	Nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm của bản thân đối với nhà trường, của nhà giáo đối với xã hội; ảnh hưởng của nền giáo dục đối với sự phát triển xã hội và đất nước. Nhận diện rõ những quy định của pháp luật nhằm điều chỉnh những hành vi của bản thân trong từng bối cảnh cụ thể. Xây dựng ý thức tiếp cận với sự thay đổi không ngừng của khoa học kỹ thuật trên thế giới và đất nước trong từng giai đoạn, vận dụng sáng tạo vào thực tiễn.
b) Thích ứng với bối cảnh của nhà trường	Nhận diện được mặt mạnh, mặt hạn chế và những giá trị cốt lõi của nhà trường; tích cực xây dựng văn hóa công sở, chia sẻ trách nhiệm cá nhân đối với tập thể. Đề xuất và thực hiện tốt các giải pháp thực hiện mục tiêu, chiến lược phát triển nhà trường trong từng giai đoạn. Thực hiện nghiêm những quy định về đạo đức nhà giáo.
4. Năng lực dạy học	
a) Lập kế hoạch, chuẩn bị dạy học	Biết thu thập, phân tích các thông tin về chương trình, lịch trình, đối tượng HS lập được kế hoạch dạy học cá nhân; phối hợp giữa dạy học và giáo dục HS; biết dạy học tích hợp và phân hóa; có sự xem xét, điều chỉnh kế hoạch phù hợp với điều kiện cụ thể.
b) Soạn giáo án (kế hoạch bài học)	Đảm bảo nội dung chương trình, mục tiêu và chuẩn năng lực của người học; đảm bảo các phương pháp phù hợp với đối tượng người học, phát huy được tính chủ động, sáng tạo của người học, phát huy khả năng tự học của HS; tạo dựng được môi trường dạy học phù hợp; lựa chọn được phương tiện thích hợp; biết ứng dụng CNTT trong dạy học; hướng đến vận dụng các kiến thức vào các tình huống cụ thể.
c) Giờ giảng	Thực hiện đủ trình tự các bước của một giờ giảng; xử lý tốt các tình huống phát sinh trong dạy – học; kết hợp giữa dạy – học và giáo dục, giữa dạy học tích hợp và phân hóa; chú trọng đến tác phong, trang phục và giao tiếp.
d) Quản lý hồ sơ dạy học	Thiết lập đầy đủ hồ sơ dạy học theo quy định; thường xuyên cập nhật thông tin chính xác, phù hợp với sự thay đổi; quản lý khoa học hồ sơ dạy học.
5. Năng lực giáo dục	
a) Lập kế hoạch giáo dục	Thiết lập được kế hoạch giáo dục đảm bảo tính khả thi, sát với đối tượng và hoàn cảnh thực tế; thể hiện rõ mục tiêu, các hoạt động giáo dục chính và lịch trình thực hiện; có sự phối hợp giữa các bên có liên quan.
b) Thực hiện kế hoạch giáo dục thông qua môn học	Biết thực hiện việc giáo dục tư tưởng, tình cảm, thái độ cho người học qua môn học.
c) Giáo dục qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo	Biết tổ chức giáo dục theo chủ đề và qua các tình huống phát sinh trong các hoạt động trải nghiệm.
d) Giáo dục thông qua các hoạt động	Thông qua các hoạt động công đồng như lao động công ích, hoạt động xã hội... để giáo dục và hoàn

cộng đồng	thiện nhân cách cho người học.
đ) Giáo dục học sinh cá biệt	Biết phân loại, lựa chọn biện pháp thích hợp để giáo dục học sinh cá biệt trên cơ sở xem xét nguyên nhân và bối cảnh cụ thể, những tác động trực tiếp đến biểu hiện cá biệt của người học.
e) Liên kết xã hội, nhà trường và gia đình	Phối hợp giữa các bên liên quan, tận dụng các nguồn lực ảnh hưởng đến người học để giáo dục và hoàn thiện nhân cách cho người học.
6. Công nghệ thông tin và truyền thông	
	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.
7. Năng lực giao tiếp và ngoại ngữ	
a) Xác định mục đích giao tiếp	Xác định đúng mục đích giao tiếp phù hợp với đối tượng, bối cảnh giao tiếp; dự kiến được thuận lợi, khó khăn để đạt được mục đích trong giao tiếp.
b) Thể hiện thái độ giao tiếp	Chủ động trong giao tiếp; tôn trọng, lắng nghe có phản hồi tích cực trong giao tiếp.
c) Lựa chọn nội dung và phương thức giao tiếp	Lựa chọn nội dung, ngôn ngữ phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp; biết kiềm chế; tự tin khi nói trước nhiều người.
d) Sử dụng Tiếng Việt và ngôn ngữ chuyên ngành	Thành thạo trọng sử dụng Tiếng Việt và ngôn ngữ chuyên ngành được đào tạo trong giao tiếp.
đ) Sử dụng ngoại ngữ	Đạt chuẩn tối thiểu bậc 2 theo khung NLNN 6 bậc
8. Năng lực nghiên cứu khoa học	
a) Lựa chọn vấn đề nghiên cứu	Dựa trên nhu cầu thực tế hoặc định hướng của nhà trường, xác định được vấn đề cần nghiên cứu phù hợp với bản thân và có tính mới, độc đáo. Từ đó xác định được mục đích, phạm vi nghiên cứu...
b) Lập kế hoạch nghiên cứu	Lập được kế hoạch thời gian thực hiện các nhiệm vụ chính của đề tài; biết thu thập thông tin, huy động các nguồn lực để hình thành đề cương nghiên cứu. Đặc biệt, cần lưu ý đến các điều kiện để triển khai thực nghiệm các giải pháp đảm bảo tính khả thi, tính cần thiết cao khi áp dụng.
c) Triển khai nghiên cứu	Dựa trên đề cương và kế hoạch, triển khai các phương pháp đã xác định cho từng giai đoạn nghiên cứu, để kiểm chứng giả thuyết khoa học đã đặt ra.
d) Viết báo cáo kết quả nghiên cứu	Dựa trên yêu cầu về bố cục của từng loại đề tài nghiên cứu, viết báo cáo kết quả nghiên cứu đúng cấu trúc quy định. Chú ý làm rõ các khía cạnh quan trọng và đầy đủ nội dung để khẳng định hay bác bỏ giả thuyết khoa học đã đặt ra.
9. Năng lực đánh giá	
a) Xây dựng kế hoạch đánh giá người học	Xác định rõ mục đích của đánh giá đối với người học; xác định đúng lịch trình tổ chức đánh giá trường xuyên và định kỳ đối với người học; có kế hoạch hỗ trợ, khắc phục những thiếu sót của người học,

	đồng thời điều chỉnh bản thân (nếu cần); xác định thời điểm và phương pháp thông báo kết quả đến phụ huynh để cùng theo dõi, phối hợp quản lý.
b) Thực hiện kế hoạch đánh giá người học	Đa dạng hóa các hình thức đánh giá; đảm bảo tính chính xác, công bằng, khách quan về kết quả đánh giá; hoàn thiện và lưu trữ hồ sơ đúng quy định.
c) Đánh giá đồng nghiệp	Tích cực tham gia dự giờ, đánh giá chuyên môn của đồng nghiệp; biết xác định những mặt mạnh, điểm yếu của đồng nghiệp; góp ý đồng nghiệp trên cơ sở xây dựng và khuyến khích đồng nghiệp tiến bộ; tôn trọng, công bằng, chính xác trong đánh giá đồng nghiệp.
10. Năng lực tổ chức, quản lý	
	Nhận diện được những mặt mạnh, hạn chế và kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường; xác định được những ảnh hưởng, tác động của điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội của địa phương đối với nhà trường; hiểu và vận dụng đúng điều lệ, các quy định về quản lý đối với nhà trường, cấp học; biết tổ chức và triển khai các quyết định quản lý.
11. Năng lực phát triển chương trình	
	Biết dựa trên chuẩn năng lực chung, mục đích yêu cầu cụ thể, đối tượng người học, điều kiện thực tế địa phương để lựa chọn nội dung tự chọn phù hợp; biết tổ chức thực hiện chương trình tự chọn phù hợp với cấp học và điều kiện cụ thể; biết đánh giá chương trình tự chọn để điều chỉnh phù hợp với thực tế giáo dục.
12. Năng lực phát hiện giải quyết vấn đề sáng tạo	
a) Phát hiện và làm rõ vấn đề	Phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống và trong công tác.
b) Đề xuất, lựa chọn giải pháp	Thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề; lựa chọn được giải pháp phù hợp nhất.
c) Thực hiện và đánh giá giải pháp giải quyết vấn đề	Thực hiện và đánh giá giải pháp giải quyết vấn đề; suy ngẫm về cách thức và tiến trình giải quyết vấn đề để điều chỉnh và vận dụng trong bối cảnh mới.
d) Nhận ra ý tưởng mới	Xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới và phức tạp từ các nguồn thông tin khác nhau; phân tích các nguồn thông tin độc lập để thấy được khuynh hướng và độ tin cậy của ý tưởng mới.
đ) Hình thành và triển khai ý tưởng mới	Nêu được nhiều ý tưởng mới trong học tập, cuộc sống và công tác; tạo ra yếu tố mới dựa trên những ý tưởng khác nhau; sáng tạo trong hình thành và kết nối các ý tưởng; nghiên cứu để thay đổi giải pháp trước sự thay đổi của bối cảnh; đánh giá rủi ro và có dự phòng.
e) Tư duy độc lập	Đặt được nhiều câu hỏi có giá trị, không dễ dàng chấp nhận thông tin một chiều; không thành kiến khi

	xem xét, đánh giá vấn đề; quan tâm tới các lập luận và minh chứng thuyết phục; sẵn sàng xem xét, đánh giá lại vấn đề.
13. Năng lực phát triển thể chất	
a) Sống thích ứng và hài hòa với môi trường	Nhận thức rõ trách nhiệm bảo vệ môi trường, biết vận dụng các biện pháp bảo vệ môi trường sống không bị ô nhiễm, giữ cân bằng sinh thái; điều chỉnh chế độ học tập và sinh hoạt phù hợp với thể trạng của bản thân; thể hiện trách nhiệm trong các hoạt động cải thiện môi trường sống; thích ứng với các hoạt động xã hội.
b) Rèn luyện sức khỏe thể lực	Đánh giá được thể trạng sức khỏe của bản thân; có ý thức tự rèn luyện và bảo vệ sức khỏe của bản thân qua các hình thức tập luyện thể dục, biết tập luyện một môn thể thao phù hợp để cải thiện các chức năng của cơ thể.
c) Nâng cao sức khỏe tinh thần	Biết cải thiện các mối quan hệ để đem lại niềm vui, hạnh phúc cho mọi người và cho bản thân; bố trí hài hòa các hoạt động học tập, lao động, giải trí, thể dục thể thao; tinh thần thoải mái; tham gia tích cực các hoạt động học tập và xã hội.

II. Năng lực chuyên ngành giáo dục mầm non

Các năng lực chuyên ngành	Biểu hiện cụ thể
1. Năng lực tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề	
a. Xây dựng kế hoạch giáo dục tích hợp theo chủ đề	Chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục tích hợp theo chủ đề, theo lứa tuổi, thể hiện rõ mục tiêu, nội dung tích hợp theo chủ đề nhằm kích thích trẻ hợp tác cùng nhau, chia sẻ và giao lưu, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của trẻ.
b. Triển khai thực hiện các hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề	Biết triển khai thực hiện các hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề Xử lý được các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức các hoạt động. Có hiểu biết về các kỹ năng sống cần thiết để rèn cho trẻ Ngôn ngữ trong sáng, khúc triết, lời nói hấp dẫn, truyền cảm trong quá trình tổ chức các hoạt động.
c. Đánh giá hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề	Xác định được điểm mạnh, điểm hạn chế trong quá trình tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề của bản thân và đồng nghiệp Đánh giá được kết quả hoạt động của trẻ theo chủ đề
2. Năng lực tổ chức hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ mầm non	
a) Tổ chức thực hiện chế độ sinh hoạt hàng ngày của trẻ	Thực hiện chế độ sinh hoạt theo quy trình khoa học nhằm đảm bảo một cách hợp lý, đúng đắn về thời gian và trình tự các hoạt động giữa vận động và nghỉ ngơi của trẻ theo từng lứa tuổi trong một ngày ở

	trường mầm non.
b) Tổ chức các hoạt động vệ sinh dinh dưỡng cho trẻ	Thực hiện vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và các kỹ năng tự phục vụ cho trẻ; Tổ chức bữa ăn đảm bảo dinh dưỡng, an toàn thực phẩm.
c) Giáo dục dinh dưỡng, sức khỏe và phòng bệnh, đảm bảo an toàn cho trẻ.	Sử dụng đúng biểu đồ tăng trưởng và phát triển để theo dõi, đánh giá và có những biện pháp tác động phù hợp đến sự phát triển của trẻ. Nhận biết và làm quen với các loại thực phẩm và cách chế biến Phòng tránh và xử lý ban đầu về một số bệnh và các tai nạn thường gặp ở trẻ
d) Hướng dẫn trẻ tham gia vào các hoạt động tự phục vụ	Thông qua các công việc đơn giản tự phục vụ, bước đầu biết bảo vệ và chăm sóc các bộ phận và giác quan trên cơ thể Thông qua các hoạt động lao động trong tập thể như: góc thiên nhiên, lao động thủ công và tìm hiểu lao động của người lớn, hoạt động xã hội... để giáo dục và hoàn thiện nhân cách cho trẻ.
3. Năng lực thiết kế môi trường và sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học	
a. Làm đồ dùng đồ chơi	Sưu tầm các nguyên vật liệu và làm đồ dùng đồ chơi theo chủ đề dạy học đảm bảo tính giáo dục, thẩm mỹ, an toàn và sáng tạo
b. Sắp xếp, trưng bày đồ dùng đồ chơi theo chủ đề dạy học	Sắp xếp, trưng bày đồ dùng đồ chơi, sản phẩm của trẻ phù hợp với mục đích chăm sóc giáo dục và không gian lớp học
c. Sử dụng trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi có hiệu quả	Lựa chọn được phương tiện thích hợp; biết ứng dụng CNTT trong dạy học Thiết kế được môi trường dạy học phù hợp nội dung giáo dục và đối tượng trẻ mầm non
d. Quản lý trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi	Biết bảo quản trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi gọn gàng, hợp lý và đảm bảo an toàn cho trẻ Có kế hoạch tu sửa và mua sắm đồ dùng đồ chơi ở từng nhóm lớp
4. Năng lực triển khai chương trình giáo dục mầm non	
a. Xác định mục tiêu, nội dung chương trình giáo dục mầm non	Xác định rõ mục tiêu, nội dung chương trình giáo dục mầm non ở các độ tuổi Phân tích được tình hình thực tiễn (trẻ, phụ huynh, điều kiện vùng miền ở địa phương). Trên cơ sở đó giáo viên chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục cho phù hợp với khả năng của trẻ.
b. Vận dụng tổ chức thực hiện chương trình	Biết lập kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục Tổ chức thực hiện chương trình theo hướng “lấy trẻ làm trung tâm” thông qua các hoạt động giáo dục bao gồm hoạt động chơi, hoạt động học có chủ đích, hoạt động lao động và hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân để đáp ứng chuẩn năng lực
c. Sử dụng cơ sở vật chất	Biết lựa chọn đồ dùng đồ chơi, thiết bị dạy học phù hợp với chủ đề, nội dung hoạt động và độ tuổi của trẻ mầm non

d. Đánh giá việc thực hiện chương trình và đánh giá sự phát triển của trẻ.	Biết đánh giá việc thực hiện chương trình: đánh giá hoạt động quản lí trường; đánh giá cơ sở vật chất của trường; đánh giá giáo viên thực hiện chương trình; đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non
5. Năng lực tư vấn, tham vấn	Nhận thức rõ các nội dung giáo dục và chăm sóc sức khỏe, nuôi dưỡng trẻ theo từng lứa tuổi Biết tư vấn, tham vấn tới các bậc phụ huynh của trẻ về khoa học nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ theo từng lứa tuổi thông qua góc tuyên truyền, hội thi, trao đổi trực tiếp với phụ huynh trẻ... Biết tư vấn, tham vấn nhằm thu hút các lực lượng xã hội khác (hội phụ nữ, đoàn thanh niên...) cùng tham gia vào hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ lứa tuổi mầm non

MÔ TẢ TÓM TẮT MÔN HỌC/HỌC PHẦN

I. CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG

1. Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin

Mã môn học: 5004701

Khối lượng: 5(4,1)

Môn học trước: Không

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những nguyên lý, quy luật và phạm trù của triết học, Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Mã môn học: 5004702

Khối lượng: 2(1,1)

Môn học trước: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin

Môn học cung cấp cho người học những nội dung cơ bản và việc áp dụng vào thực tế về: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc, cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam; về Đảng Cộng Sản Việt Nam; tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế; về dân chủ và nhà nước của dân, do dân, vì dân; về đạo đức, văn hóa xây dựng con người mới.

3. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam

Mã môn học: 5004703

Khối lượng: 3(2,1)

Môn học trước: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam; đường lối của Đảng trong thời kỳ đổi mới về một số lĩnh vực: công nghiệp hóa, nền kinh tế thị trường, hệ thống chính trị, văn hóa và các vấn đề xã hội, đối ngoại.

4. Giáo dục thể chất 1

Mã môn học: 5002004

Khối lượng: 1(1,0)

Môn học trước: Không

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mục tiêu, nhiệm vụ và sự phát triển công tác TDTT nước ta theo đường lối của Đảng, Nhà nước CHXHCN Việt Nam; tác dụng của TDTT đối với sự phát triển con người toàn diện; các môn thể thao tự chọn, một số bài tập thể lực với dụng cụ đơn giản, thể dục ngành nghề.

5. Giáo dục thể chất 2

Mã môn học: 5002005

Khối lượng: 1(0,1)

Môn học trước: Giáo dục thể chất 1

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức và luật thi đấu, phương pháp hình thức tổ chức thi đấu, kỹ năng thực hành tập luyện kỹ, chiến thuật một số môn thể thao tự chọn phù hợp với khả năng rèn luyện nhằm phát triển và nâng cao thể lực chung, các hoạt động ngoại khóa lành mạnh phát triển toàn diện thể chất của Sinh viên

Các bài tập thể lực với dụng cụ đơn giản, chạy sức bền tăng cường thể lực cho Sinh viên.

6. Tiếng Anh 1

Mã môn học: 5004909

Khối lượng: 3(2,1)

Môn học trước: không

Môn học cung cấp một số hiện tượng ngữ pháp cơ bản: Các thì trong Tiếng Anh; cách sử dụng some/any, much/many; so sánh hơn, hơn nhất, so sánh bằng...; một số từ vựng về các chủ đề: đất nước, con người, sở thích, mua sắm, thể thao... Đồng thời cũng bao gồm các bài đọc, bài tập, được thiết kế nhằm giúp sinh viên luyện tập và phát triển kỹ năng giao tiếp bằng Tiếng Anh: Nghe, nói, đọc, viết.

7. Tiếng Anh 2

Mã môn học: 5004910

Khối lượng: 4(2,2)

Môn học trước: Tiếng Anh 1

Môn học cung cấp một số hiện tượng ngữ pháp cơ bản: Các thì trong Tiếng Anh; các loại câu điều kiện; dạng bị động của động từ; cách sử dụng các từ should, could, must, have to, might...; cung cấp một số từ vựng về các chủ đề: điện ảnh, du lịch, nghề nghiệp, ước mơ, thiên tai... Đồng thời cũng bao gồm các bài đọc, bài tập, được thiết kế nhằm giúp sinh viên luyện tập và phát triển kỹ năng giao tiếp bằng Tiếng Anh: Nghe, nói, đọc, viết.

8. Pháp luật đại cương

Mã môn học: 5003611

Khối lượng: 2(2,0)

Môn học trước: Không

Học phần giúp người học tìm hiểu các kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật: khái niệm, nguồn gốc, bản chất, vai trò; quy phạm pháp luật, các văn bản quy phạm pháp luật; hiện tượng vi phạm pháp luật và biện pháp cưỡng chế đối với các chủ thể vi phạm pháp luật. Bên cạnh đó, học phần còn có những nội dung về pháp luật chuyên ngành bao gồm: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Dân sự, Luật Lao động, Luật Hình sự.. và bổ sung thêm một nội dung mới theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và đào tạo là Pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Từ đó người học nâng cao ý thức về quyền và nghĩa vụ của người công dân đối với quốc gia, biết áp dụng quy định của pháp luật trong cuộc sống và công việc của mình.

9. Kỹ năng giao tiếp

Mã môn học: 5004812

Khối lượng: 2(2,0)

Môn học trước: Không

Trong quá trình học sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về giao tiếp, ứng xử truyền thống dân tộc và thông lệ quốc tế, đồng thời để thực hành và rèn luyện kỹ năng. Vận dụng kiến thức môn học vào các tình huống giao tiếp hàng ngày cũng như hoạt động nghề nghiệp sau này.

10. Công nghệ thông tin cơ bản

Mã môn học: 5002913

Khối lượng: 4(2,2)

Môn học trước: Không

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: máy tính, mạng máy tính và truyền thông; Cách sử dụng máy tính (mở máy, đăng nhập hệ thống, làm việc với hệ điều hành, sử dụng tiếng việt, sử dụng máy in...); Cách khai thác các tính năng của phần mềm Microsoft Word (soạn thảo, định dạng, thao tác với bảng biểu, in văn bản...); Cách khai thác các tính năng của phần mềm Microsoft Excel (soạn thảo, định dạng, thao tác trên bảng tính, sử dụng được một số hàm (tập hợp, logic, thời gian, ngày, tháng, tìm kiếm) vào giải quyết các bài toán liên quan, thao tác với biểu đồ, in ấn,); Cách khai thác các tính năng của phần mềm Microsoft PowerPoint (soạn thảo văn bản/ bảng/ sơ đồ/ biểu đồ và định dạng các nội dung thuyết trình đồ, trình chiếu và in ấn bài thuyết trình...); Cách khai thác nguồn thông tin và ứng dụng trên internet (khái niệm, sử dụng web và trình duyệt web, thư điện tử...).

11. Giáo dục quốc phòng – an ninh

Mã môn học: 5002114, 5002115, 5002116, 5002117

Khối lượng: 9(7,2)

Môn học trước: Không

Nội dung ban hành kèm theo Thông tư số: 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo.

12. Môi trường và con người

Mã môn học: 5064128

Khối lượng: 2(2,0)

Môn học trước: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản về sinh thái áp dụng cho khoa học môi trường, các kiến thức về môi trường sống và quan hệ giữa sinh vật với môi trường sống của chúng, quần thể, quần xã, hệ sinh thái và về tài nguyên thiên nhiên, tác động của con người đến môi trường, các biện pháp sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và những vấn đề chung về giáo dục môi trường.

13. Giáo dục môi trường

Mã môn học: 5065029

Khối lượng: 2(2,0)

Môn học trước: Không

Cung cấp cho Sinh viên các vấn đề cơ bản của môi trường và phương pháp giáo dục các vấn đề về môi trường cho trẻ em lứa tuổi Mầm non. Biết ứng dụng giáo dục môi trường cho trẻ em lứa tuổi Mầm non và phát huy nội lực, không ngừng vươn lên trong chuyên môn, có tinh thần chủ động, sáng tạo.

II. CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP

14. Tâm lý học đại cương

Mã môn học: 5004826

Khối lượng: 2(2,0)

Môn học trước: Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin

Cung cấp những nội dung cơ bản khái quát về tâm lý học đại cương, tạo cơ sở cho việc tiếp thu các học phần khác về tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm, các học phần giáo dục học (Giáo dục học đại cương, Hoạt động dạy học và Hoạt động giáo dục), các học phần thuộc về nghiệp vụ sư phạm (Rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên, Thực tập sư phạm). Bước đầu hình thành kỹ năng nghiên cứu tâm lý người.

15. Giáo dục học đại cương

Mã môn học: 5004827

Khối lượng: 2(2,0)

Môn học trước: Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin

Cung cấp một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản, đại cương về giáo dục học: các khái niệm, các phạm trù, các nguyên tắc và phương pháp cơ bản của giáo dục học, làm cơ sở cho việc tiếp thu các học phần hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm.

16. Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi Mầm non

Mã môn học: 5064130

Khối lượng: 2(2,0)

Môn học trước: Không

Học phần gồm 13 chương cung cấp cho người học các kiến thức về sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi Mầm non. Mỗi chương đều cung cấp kiến thức về cấu tạo và chức năng từng hệ cơ quan trong cơ thể Người. Với kiến thức về mỗi hệ cơ quan đều chỉ ra được các cách phòng tránh 1 số bệnh thông thường với hệ cơ quan đó. Học phần cũng cung cấp cho người học các phương pháp chăm sóc, rèn luyện các hệ cơ quan cho trẻ Mầm non đảm bảo phát triển thể chất và sinh lý trẻ Mầm non tối ưu nhất.

17. Sự học và phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi Mầm non

Mã môn học: 5064831

Khối lượng: 2(2,0)

Môn học trước: Không

Học phần gồm 13 chương cung cấp cho người học các kiến thức về sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi Mầm non. Mỗi chương đều cung cấp kiến thức về cấu tạo và chức năng từng hệ cơ quan trong cơ thể Người. Với kiến thức về mỗi hệ cơ quan đều chỉ ra được các cách phòng tránh 1 số bệnh thông thường với hệ cơ quan đó. Học phần cũng cung cấp cho người học các phương pháp chăm sóc, rèn luyện các hệ cơ quan cho trẻ Mầm non đảm bảo phát triển thể chất và sinh lý trẻ Mầm non tối ưu nhất.

18. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục Mầm non

Mã môn học: 5062932

Khối lượng: 2(1,1)

Môn học trước: Công nghệ thông tin cơ bản.

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về: hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non; các phần mềm thường dùng trong thiết kế bài giảng; cách sử dụng phần mềm kidsmart.

19. Khoa học đánh giá bậc Mầm non

Mã môn học: 5061706

Khối lượng: 2(1,1)

Môn học trước: Không

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học đánh giá như: khái niệm, nguyên tắc, phương pháp và công cụ đánh giá trong giáo dục mầm non. Trên cơ sở đó giúp người học tập trung rèn những kỹ năng cơ bản về đánh giá chương trình giáo dục mầm non, đánh giá hoạt động nghề nghiệp của người giáo viên mầm non, đánh giá sự phát triển của trẻ và đánh giá cơ sở giáo dục mầm non. Nhờ các kỹ năng này người học biết sử dụng công cụ đo lường phù hợp với mục đích đánh giá sự phát triển tâm lý của trẻ mầm non ở từng khối, lớp, từng thời điểm; biết sử dụng test đánh giá trẻ và bộ đánh giá chuẩn phát triển của trẻ 5 tuổi.

20. Hoạt động trải nghiệm sáng tạo bậc Mầm non

Mã môn học: 5061707

Khối lượng: 2(1,1)

Môn học trước: Tâm lý học đại cương; Giáo dục học đại cương; Giáo dục học mầm non

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về hoạt động trải nghiệm sáng tạo như: khái niệm; đặc điểm về năng lực, đặc điểm về sự sáng tạo; phương pháp phát triển năng lực của trẻ mầm non; Trên cơ sở đó tập trung rèn luyện cho người học kỹ năng xây dựng mục tiêu, nội dung, cách thức tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo và cách tổ chức đánh giá trong hoạt động trải nghiệm sáng tạo của trẻ Mầm non. Nhờ các kỹ năng này, người học có thể nâng cao năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non.

21. Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành

Mã môn học: 5005318

Khối lượng: 2(2,0)

Môn học trước: Không

Học phần đề cập đến các nội dung cốt lõi sau:

- Vài nét về Nhà nước; Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Quản lý hành chính nhà nước – Quản lý ngành Giáo dục & Đào tạo.

- Bối cảnh của GD-ĐT trong thời kỳ công nghiệp hóa – hiện đại hóa (thế giới, trong nước); thời cơ và thách thức các giải pháp phát triển GD-ĐT hiện nay;

- Sự cần thiết ban hành Luật Giáo dục 2005, Luật sửa đổi bổ sung năm 2011 và những nội dung cơ bản của Luật Giáo dục 2005.

- Tìm hiểu Điều lệ, quy chế quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo đối với bậc học Mầm Non và phổ thông (quy chế quy định đối với giáo viên, học sinh), quy chế công nhận trường Mầm Non, trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia trong giai đoạn hiện nay.

22. Khoa học phát triển chương trình

Mã môn học: 5004828

Khối lượng: 2(2,0)

Môn học trước: Phương pháp nghiên cứu khoa học.

Những kiến thức cơ sở khoa học của chiến lược phát triển con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa hiện đại hóa, thiết kế chương trình giáo dục, lựa chọn phương pháp giảng dạy, viết một chương trình đào tạo.

23. Phương pháp nghiên cứu khoa học

Mã môn học: 5004829

Khối lượng: 2(2,0)

Môn học trước: Tâm lý học đại cương

Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản nhất về khoa học, nghiên cứu khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học; cung cấp những thông tin, những kiến thức cơ bản, các bước trong NCKH, bước đầu thực hiện được một đề tài nghiên cứu khoa học.

24. Tiếng Việt thực hành

Mã môn học: 5064508

Khối lượng: 2(1,1)

Môn học trước: Không

Môn học cung cấp những hiểu biết cơ bản về tiếng Việt, trên cơ sở đó tập trung rèn luyện cho người học hệ thống các kỹ năng sử dụng tiếng Việt như kỹ năng về chính tả, kỹ năng dùng từ, đặt câu, đặc biệt là khả năng tiếp nhận, tạo lập văn bản. Nhờ các kỹ năng này, người học có thể nâng cao năng lực giao tiếp của mình trong các hoạt động nghe, nói, đọc, viết..., kỹ năng sử dụng tiếng Việt trong thực tế đời sống XH đồng thời giúp người học vận dụng các tri thức kỹ năng đã có từ môn học để phát triển năng lực nghiên cứu khoa học và vận dụng dạy các bài tiếng Việt thực hành ở trường tiểu học, mầm non.

25. Làm đồ chơi

Mã môn học: 5064633

Khối lượng: 1(0,1)

Môn học trước: Không

Học phần cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về ý nghĩa của đồ chơi đối với trẻ nhỏ, nguyên tắc làm đồ dùng đồ chơi, kỹ thuật làm đồ chơi từ những nguyên vật liệu khác nhau. Từ đó người học vận dụng các kỹ năng đã học để làm đồ chơi từ các nguyên vật liệu khác nhau nhằm tổ chức các hoạt động cho trẻ mầm non (hoạt động học, hoạt động chơi, lễ hội...) đạt hiệu quả.

26. Múa

Mã môn học: 5064634

Khối lượng: 2(1,1)

Môn học trước: Không

Múa cơ bản: Khái niệm cơ bản về nghệ thuật múa; một số kỹ năng múa các động tác dân gian cơ bản.

27. Giáo dục hòa nhập – Giáo dục gia đình

Mã môn học: 5064835

Khối lượng: 1(1,0)

Môn học trước: Sự học và phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non

Những vấn đề chung về giáo dục hòa nhập: Khái niệm, mục tiêu và nhiệm vụ của giáo dục hòa nhập; Các hình thức tổ chức giáo dục hòa nhập; các nguyên tắc giáo dục hòa nhập; chiến lược thúc đẩy và hỗ trợ giáo dục hòa nhập; giáo dục cho các nhóm trẻ có nhu cầu đặc biệt. Trẻ em và Công ước về quyền trẻ em.

Những vấn đề cơ bản về giáo dục gia đình hiện nay: Vai trò, đặc điểm của gia đình; các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả của giáo dục gia đình; nhiệm vụ và nội dung giáo dục gia đình; phương pháp và biện pháp giáo dục gia đình. Mối quan hệ giữa gia đình và nhà trường, những định hướng và yêu cầu của xã hội đối với ngành học, ảnh hưởng của sự phát triển kinh tế – xã hội đối với GDMN trong chăm sóc và giáo dục trẻ.

28. Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục Mầm non

Mã môn học: 5061712

Khối lượng: 2(2,0)

Môn học trước: Tâm lý học đại cương; Giáo dục học đại cương; Giáo dục học mầm non và các môn phương pháp chuyên ngành

Lập kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non; Tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp xuất phát từ nhu cầu và hứng thú của trẻ trong tất cả các nội dung giáo dục; Xây dựng môi trường giáo dục: Khái niệm, nguyên tắc, quy trình và hướng dẫn cách xây dựng môi trường giáo dục theo chủ đề; đánh giá hiệu quả sử dụng môi trường giáo dục phù hợp với sự phát triển của trẻ.

29. Phòng bệnh và đảm bảo an toàn

Mã môn học: 5061713

Khối lượng: 2(2,0)

Môn học trước: Sự phát triển thể chất cho trẻ lứa tuổi mầm non; Sự học và phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non; Vệ sinh dinh dưỡng

Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ em: Nguyên nhân, triệu chứng, cách phòng và điều trị một số bệnh thường gặp ở trẻ em; Phòng tránh và xử lý một số tai nạn thường gặp ở trẻ em; Tổ chức giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non.

30. Tổ chức hoạt động vui chơi

Mã môn học: 5061714

Khối lượng: 1(0,1)

Môn học trước: Tâm lý học đại cương; Giáo dục học đại cương; Giáo dục học mầm non

Lập kế hoạch tổ chức hoạt động vui chơi của trẻ ở trường mầm non. Tổ chức các loại trò chơi cho trẻ mầm non. Đánh giá mức độ phát triển hoạt động vui chơi của trẻ.

31. Âm nhạc và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc

Mã môn học: 5064615

Khối lượng: 2(1,1)

Môn học trước: Tâm lý học đại cương; Giáo dục học đại cương; Giáo dục học mầm non; Sự học và phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non

Nhạc lý cơ bản: Cao độ âm thanh, trường độ âm thanh, nhịp, phách, sơ lược về hình thức và thể loại âm nhạc. Kỹ thuật ca hát cơ bản (sơ lược bộ máy phát âm, hơi thở – hơi thở ca hát, bài tập luyện thanh, tư thế ca hát thông thường; động tác giữ nhịp, dàn dựng bài hát); học các bài hát phù hợp với chương trình Giáo dục mầm non.

Tổ chức hoạt động Âm nhạc: Vai trò của âm nhạc trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách trẻ em. Nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ trong trường mầm non: Ca hát, nghe nhạc, vận động theo nhạc, trò chơi âm nhạc.

32. Tạo hình và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình

Mã môn học: 5064636

Khối lượng: 2(1,1)

Môn học trước: Tâm lý học đại cương; Giáo dục học đại cương; Giáo dục học mầm non; Sự học và phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non

Những vấn đề chung về nghệ thuật tạo hình: Kiến thức và kỹ năng thể hiện về luật xa gần, hình họa, màu sắc, tỷ lệ; tranh đề tài, tranh minh họa, tranh cắt – xé – dán; nặn, trang trí trường lớp mầm non.

Tổ chức hoạt động Tạo hình: Vai trò của hoạt động tạo hình trong việc phát triển toàn diện cho trẻ mầm non. Nội dung, hình thức tổ chức các hoạt động tạo hình (Vẽ, nặn, cắt dán, ghép), các thể loại tạo hình(theo mẫu, đề tài, ý thích) của trẻ mầm non.

33. Phương pháp phát triển thể chất cho trẻ Mầm non

Mã môn học: 5061717

Khối lượng: 2(1,1)

Môn học trước: Sự phát triển thể chất cho trẻ lứa tuổi mầm non.

Nội dung và phương pháp dạy trẻ các bài tập vận động: trò chơi vận động, đội hình, đội ngũ, bài tập phát triển chung, vận động cơ bản; phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động và đánh giá hoạt động phát triển thể chất cho trẻ ở các cơ sở Giáo dục mầm non.

34. Phương pháp cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh

Mã môn học: 5061718

Khối lượng: 2(1,1)

Môn học trước: Tâm lý học đại cương; Giáo dục học đại cương; Giáo dục học mầm non; Sự học và phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non

Kiến thức cơ bản về nội dung, yêu cầu, phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh.

Phân thực hành chủ yếu tập trung rèn cho sinh viên kỹ năng soạn giáo án (xây dựng kế hoạch bài giảng) và tổ chức hoạt động cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh theo từng nội dung trên tiết học; Quan sát, nhận xét, đánh giá kết quả việc tổ chức tiết dạy trên lớp.

35. Phương pháp cho trẻ Mầm non làm quen với Toán

Mã môn học: 5061737

Khối lượng: 3(2,1)

Môn học trước: Tâm lý học đại cương; Giáo dục học đại cương; Giáo dục học mầm non; Sự học và phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non

Kiến thức về đặc điểm, nhiệm vụ, các nguyên tắc của bộ môn để hình thành kiến thức và kỹ năng, phát triển tư duy, óc tưởng tượng, sáng tạo cho trẻ. Phương pháp hình thành biểu tượng về số lượng; kích thước; hình dạng; định hướng trong không gian và thời gian

Phân thực hành chủ yếu tập trung rèn cho sinh viên kỹ năng soạn giáo án (xây dựng kế hoạch bài giảng) và tổ chức cho trẻ làm quen với những biểu tượng sơ đẳng về toán theo từng nội dung trên tiết học; Quan sát, nhận xét, đánh giá kết quả việc tổ chức tiết dạy trên lớp.

36. Giáo dục học Mầm non

Mã môn học: 5061738

Khối lượng: 2(2,0)

Môn học trước: Giáo dục học đại cương

Nội dung bao gồm: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của giáo dục học mầm non; mục đích và nhiệm vụ của giáo dục học mầm non; chương trình giáo dục mầm non. Bản chất, nội dung, nguyên tắc, hình thức, phương pháp và các điều kiện giáo dục trẻ lứa tuổi nhà trẻ và lứa tuổi mẫu giáo; giáo dục trong hoạt động; các dạng hoạt động cơ bản của trẻ mầm non: Hoạt động vui chơi, hoạt động học – nhận thức, lao động, hoạt động nghệ thuật, giao tiếp; phương pháp tổ chức các hoạt động của trẻ.

Tổ chức cuộc sống của trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non; nội dung và hình thức phối hợp giữa nhà trường và gia đình

37. Phương pháp phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội

Mã môn học: 5061739

Khối lượng: 2(1,1)

Môn học trước: Tâm lý học đại cương; Giáo dục học đại cương; Giáo dục học mầm non; Sự học và phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho người học những vấn đề chung về phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội: Khái niệm, đặc điểm, vai trò, nội dung, các phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non.

Phân thực hành chủ yếu tập trung rèn cho sinh viên kỹ năng soạn giáo án (xây dựng kế hoạch bài giảng) và tổ chức hoạt động giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo từng nội dung trên tiết học; Quan sát, nhận xét, đánh giá kết quả việc tổ chức tiết dạy trên lớp.

38. Các chuyên đề đổi mới của giáo dục Mầm non

Mã môn học: 5061721

Khối lượng: 2(1,1)

Môn học trước: Tâm lý học đại cương; Giáo dục học đại cương; Giáo dục học mầm non; Sự học và phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non và các học phần phương pháp

Học phần chuyên đề đổi mới trong giáo dục Mầm non nhằm bổ sung cho sinh viên các kiến thức cơ bản về chương trình giáo dục Mầm non và các nội dung mới nhất được cập nhật vào chương trình cho phù hợp từng giai đoạn nhằm giúp trẻ phát triển toàn diện, linh hoạt và đáp ứng các yêu cầu của xã hội.

39. Cơ sở giáo dục văn hóa cho trẻ Mầm non

Mã môn học: 5061722

Khối lượng: 2(1,1)

Môn học trước: Không

Những vấn đề chung về văn hóa Việt Nam: Đặc điểm văn hóa vật chất, tinh thần, xã hội của Việt Nam; Các điều kiện ảnh hưởng đến văn hóa Việt Nam; Đặc trưng văn hóa ở một số vùng miền trong cả nước. Nội dung giáo dục trẻ nhằm phát huy bản sắc dân tộc Việt Nam.

40. Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ Mầm non

Mã môn học: 5061723

Khối lượng: 2(1,1)

Môn học trước: Tâm lý học đại cương; Giáo dục học đại cương; Giáo dục học mầm non; Sự học và phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non.

Những vấn đề chung về kỹ năng sống: Khái niệm giáo dục kỹ năng sống; sự cần thiết của giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non; các nguyên tắc đưa kỹ năng sống vào thực tiễn giáo dục mầm non; Mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non.

41. Phương pháp phát triển ngôn ngữ làm quen văn học

Mã môn học: 5061740

Khối lượng: 3(2,1)

Môn học trước: Tâm lý học đại cương; Giáo dục học đại cương; Giáo dục học mầm non; Sự học và phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non

Phần I: Phương pháp phát triển ngôn ngữ trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về nhiệm vụ, hình thức phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non. Hướng dẫn cách thức tiến hành cho trẻ mẫu giáo làm quen với từ, câu và chữ viết.

Phần II: Phương pháp cho trẻ LQ văn học cung cấp cho sinh viên một số kiến thức về vai trò của môn học đối với trẻ mầm non; Các phương pháp, hình thức cho trẻ làm quen với thơ, truyện. Cách sử dụng thơ, truyện trong tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp cho trẻ trong trường mầm non.

Phần thực hành rèn cho sinh viên kỹ năng soạn giáo án và tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen chữ cái, truyện, thơ, nhận biết tập nói; Quan sát, nhận xét, đánh giá kết quả việc tổ chức tiết dạy trên lớp

42. Vệ sinh dinh dưỡng

Mã môn học: 5061725

Khối lượng: 2(1,1)

Môn học trước: Không

Học phần cung cấp cho người học những

43. Kiến tập sư phạm

Mã môn học: 5000041

Khối lượng: 1(0,1)

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung môn học: Người học được quan sát các hoạt động giáo dục vệ sinh (vệ sinh cá nhân trẻ, vệ sinh môi trường); các hoạt động giáo dục nuôi dưỡng (nấu ăn, tổ chức bữa ăn cho trẻ theo từng lứa tuổi); các hoạt động học có chủ đích cho trẻ ở trường mầm non. Tham gia thảo luận, xêmina, làm các bài tập thực hành theo chương trình nhằm rèn kỹ năng chăm sóc vệ sinh và nuôi dưỡng và giáo dục trẻ theo hướng phát triển năng lực.

44. Thực hành hoạt động giáo dục nuôi dưỡng

Mã môn học: 5061726

Khối lượng: 2(0,2)

Môn học trước: Vệ sinh dinh dưỡng

Tóm tắt nội dung môn học: Sinh viên tham gia vào các hoạt động sau: Quan sát và tổ chức các hoạt động giáo dục vệ sinh (vệ sinh cá nhân trẻ, vệ sinh môi trường) và nuôi dưỡng (nấu ăn, tổ chức bữa ăn cho trẻ theo từng lứa tuổi) ở trường mầm non. Tham gia thảo luận, xêmina, làm các bài tập thực hành theo chương trình nhằm rèn kỹ năng chăm sóc vệ sinh và nuôi dưỡng trẻ theo hướng phát triển năng lực.

45. Thực hành hoạt động dạy học

Mã môn học: 5061742

Khối lượng: 3(0,3)

Môn học trước: Tâm lý học đại cương; Giáo dục học đại cương; Giáo dục học mầm non ;Các môn Phương pháp chuyên ngành (Phương pháp phát triển thể chất; Phương pháp cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh; Phương pháp phát triển ngôn ngữ và làm quen văn học; Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc)

Học phần tập trung rèn luyện cho người học các kỹ năng như: Kỹ năng xây dựng kế hoạch (giáo án); kỹ năng làm và sử dụng đồ dùng đồ chơi; kỹ năng thiết kế môi trường dạy học; kỹ năng tổ chức hoạt động học có chủ đích theo từng lĩnh vực phát triển (thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm xã hội, thẩm mỹ) cho trẻ mầm non theo hướng tích hợp; kỹ năng thuyết trình... Từ đó giúp người học vận dụng các tri thức kỹ năng đã học để nâng cao năng lực tổ chức các hoạt động dạy học trong thực tế ở trường mầm non.

46. Thực tập sư phạm lần 1

Mã môn học: 5000019

Khối lượng: 2(0,2)

Môn học trước: Các học phần về tâm lý học, giáo dục học

Nhằm củng cố và khắc sâu lý thuyết về tâm lý học, giáo dục học, rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào việc giải quyết các tình huống sư phạm trong kiến tập sư phạm: Tìm hiểu tình hình thực tiễn địa phương, thực tiễn giáo dục ở trường phổ thông, tập làm công tác dạy học, công tác chủ nhiệm lớp, triển khai bài tập thực hành Tâm lý - Giáo dục.

47. Thực tập sư phạm lần 2

Mã môn học: 5000020

Khối lượng: 4(0,4)

Môn học trước: Thực tập sư phạm lần 1

Củng cố và nâng cao kiến thức lý thuyết về chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực tâm lý học, giáo dục học, Phương pháp dạy học bộ môn; vận dụng những kiến thức đó vào việc giải quyết các tình huống cụ thể trong hoạt động dạy học và giáo dục học sinh, tiếp tục rèn luyện các kỹ năng dạy học, giáo dục, kỹ năng nghiên cứu Khoa học giáo dục.

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC

NGÀNH: MÔN CHUNG – KHỐI SƯ PHẠM TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

I. Môn học: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin.

1. Mục tiêu chung của môn học.

Cung cấp những hệ thống kiến thức về các nguyên lý, các quy luật, các phạm trù cơ bản của triết học, kinh tế - chính trị học và chủ nghĩa xã hội khoa học thuộc chủ nghĩa Mác – Lênin gồm:

- Thế giới quan và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin: những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật; lí luận nhận thức duy vật biện chứng; những qui luật chi phối sự vận động và phát triển của xã hội.

- Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa: những nội dung cơ bản của học thuyết giá trị và học thuyết giá trị thặng dư của C.Mác; học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước của V.I.Lênin.

- Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội (CNXH): sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa; những vấn đề chính trị - xã hội có tính qui luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa; những vấn đề cơ bản của CNXH hiện thực và triển vọng của CNXH.

Sau khi học xong môn học, người học vận dụng những kiến thức đã học để giải thích và bình luận các hiện tượng mang tính phổ quát diễn ra trong lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy; hiểu, giải thích được các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế; Có ý thức bảo vệ, phổ biến những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, đấu tranh chống lại những quan điểm sai trái; Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; Củng cố niềm tin và con đường cách mạng mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã chọn, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng CNXH ở nước ta.

2. Chuẩn đầu ra của môn học

Để hoàn thành môn học, người học phải đạt được:

Nhớ và tái hiện được những kiến thức cơ bản về Thế giới quan và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin; các nguyên lý, các quy luật, các phạm trù cơ bản của triết học, kinh tế - chính trị học và chủ nghĩa xã hội khoa học thuộc chủ nghĩa Mác - Lênin

Vận dụng những kiến thức đã học để giải thích và bình luận các hiện tượng mang tính phổ quát diễn ra trong lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy; hiểu, giải thích được các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế;

Có ý thức bảo vệ, phổ biến những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, đấu tranh chống lại những quan điểm sai trái; Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; Củng cố niềm tin và con đường cách mạng mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã chọn, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng CNXH ở nước ta.

3. Các yêu cầu đánh giá

<i>Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh/ thể hiện được khả năng:</i>	
Nhớ và tái hiện được những kiến thức cơ bản về Thế giới quan và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin; các nguyên lý, các quy luật, các phạm trù cơ bản của triết	- Khái lược về Chủ nghĩa Mác - Lênin - Thế giới quan, phương pháp luận triết học của Chủ nghĩa Mác - Lênin: Chủ nghĩa duy vật biện chứng; Phép biện chứng duy vật; Chủ

học, kinh tế - chính trị học và chủ nghĩa xã hội khoa học thuộc chủ nghĩa Mác - Lênin;	nghĩa duy vật lịch sử; - Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa (PTSX TBCN): Học thuyết giá trị; Học thuyết giá trị thặng dư; Học thuyết về CNTB độc quyền và CNTB độc quyền nhà nước; - Lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin về CNXH: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và Cách mạng XHCN; Những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình Cách mạng XHCN; CNXH hiện thực và triển vọng.
Vận dụng những kiến thức đã học để giải thích và bình luận các hiện tượng mang tính phổ quát diễn ra trong lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy; hiểu, giải thích được các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế;	- Đánh giá được tính đúng đắn của chủ nghĩa duy vật; Vận dụng được các nội dung kiến thức đã học về Thế giới quan, phương pháp luận triết học của Chủ nghĩa Mác - Lênin: Chủ nghĩa duy vật biện chứng; Phép biện chứng duy vật; Chủ nghĩa duy vật lịch sử; Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác - Lênin về PTSX TBCN: Học thuyết giá trị; Học thuyết giá trị thặng dư; Học thuyết về CNTB độc quyền và CNTB độc quyền nhà nước; Lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin về CNXH: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và Cách mạng XHCN; Những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình Cách mạng XHCN; CNXH hiện thực và triển vọng... trong nhận thức và hoạt động thực tiễn
Có ý thức bảo vệ, phổ biến những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, đấu tranh chống lại những quan điểm sai trái; Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; Củng cố niềm tin và con đường cách mạng mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã chọn, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng CNXH ở nước ta.	- Nâng cao lòng tin tưởng vào lý luận học thuyết MLN - Có thế giới quan, phương pháp luận và tư duy khoa học vào phân tích các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội và thực tiễn đất nước, của địa phương - Biết vận dụng lý luận đã học đã nghiên cứu vào các hoạt động thực tiễn: Học tập, lao động, rèn luyện, sinh hoạt xã hội. Từ đó cảnh giác và đấu tranh với những biểu hiện sai lệch trong xã hội

4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học của người học.

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm
Nhớ và tái hiện được những kiến thức cơ bản về Thế giới quan và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin; các nguyên lý, các quy luật, các phạm trù cơ bản của triết học Mác - Lênin; Vận dụng được ý nghĩa phương pháp luận của các nội dung cơ bản về Chủ	Kiểm tra định kỳ lần 1	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 17 tiết giảng

nghĩa duy vật biện chứng và Phép biện chứng duy vật trong nhận thức và hoạt động thực tiễn.			
Nhớ và tái hiện được những kiến thức cơ bản về Thế giới quan và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin; các nguyên lý, các quy luật, các phạm trù cơ bản của triết học Mác - Lênin; Vận dụng được ý nghĩa phương pháp luận của các nội dung cơ bản về Chủ nghĩa duy vật lịch sử trong nhận thức và hoạt động thực tiễn.	Kiểm tra định kỳ lần 2	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 34 tiết giảng
Nhớ và tái hiện được những kiến thức cơ bản về Thế giới quan và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin; các nguyên lý, các quy luật, các phạm trù cơ bản của kinh tế - chính trị học Mác – Lênin về học thuyết giá trị và học thuyết giá trị thặng dư; Vận dụng những kiến thức đã học để hiểu, giải thích được các vấn đề kinh tế theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin.	Kiểm tra định kỳ lần 3	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 51 tiết giảng
Nhớ và tái hiện được những kiến thức cơ bản về Thế giới quan và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin; các nguyên lý, các quy luật, các phạm trù cơ bản của kinh tế - chính trị học Mác – Lênin về Chủ nghĩa tư bản độc quyền và Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước; Vận dụng những kiến thức đã học để hiểu, giải thích được các vấn đề kinh tế theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin.	Kiểm tra định kỳ lần 4	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 68 tiết giảng
Nhớ và tái hiện được những kiến thức cơ bản về Thế giới quan và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin; các nguyên lý, các quy luật, các phạm trù cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học; Vận dụng những kiến thức đã học để hiểu, giải thích được các vấn đề chính trị, xã hội trong nước và quốc tế;	Kiểm tra định kỳ lần 5	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 85 tiết giảng
Đánh giá quá trình tham gia học của người học thông qua việc xây dựng bài trên lớp, chữa bài tập, kiểm tra 15 phút... đi học đầy đủ	Điểm thường xuyên và Điểm chuyên cần	Giảng viên đánh giá	Trong quá trình lên lớp
Vận dụng các kiến thức đã học, trả lời các câu hỏi lý thuyết, thực hành giải quyết các vấn đề, tình huống cụ thể liên quan đến nội dung kiến thức đã học.	Thi kết thúc môn học	Thi tự luận	Kết thúc học kỳ

5. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

Ngân hàng câu hỏi được xây dựng theo các mức độ Nhớ, Hiểu, Áp dụng, Phân tích phù hợp với các yêu cầu của chuẩn đầu ra ở mục 2

6. Đề kiểm tra, thi

CƠ CẤU ĐỀ THI, KIỂM TRA:

Kiểm tra định kỳ lần 1	Tự luận	01 tiết
Kiểm tra định kỳ lần 2	Tự luận	01 tiết

Kiểm tra định kỳ lần 3	Tự luận	01 tiết
Kiểm tra định kỳ lần 4	Tự luận	01 tiết
Kiểm tra định kỳ lần 5	Tự luận	01 tiết
Kiểm tra thường xuyên	Kiểm tra miệng/ 15 phút...	Trong quá trình lên lớp của môn học
Thi kết thúc môn học	Thi tự luận: Gồm 2 phần 1. Phần lý thuyết: trả lời 3 câu hỏi tự luận. 2. Phần liên hệ: gắn với nội dung cụ thể của từng câu hỏi.	120 phút

7. Ngưỡng đánh giá người học

Điểm D: người học đáp ứng các yêu cầu đánh giá của môn học ở mức độ nhớ được các nội dung lý thuyết.

Điểm C: người học đạt mức điểm D và phải thể hiện rằng hiểu được vấn đề trong bài kiểm tra, bài thi.

Điểm B: người học đạt mức điểm C và phải thể hiện khả năng lập luận logic, mạch lạc, biết ứng dụng các nội dung trong các trường hợp thực tế ở bài kiểm tra, bài thi.

Điểm A: người học đạt mức điểm B và phải thể hiện tư duy tổng hợp cao trong bài thi, kiểm tra; biết cách phân tích, vận dụng lý thuyết, các thông tin, minh chứng và lập luận xác đáng thuyết phục cao khi đưa ra các kết luận.

8. Kết quả đánh giá môn học

Thực hiện theo quy chế đào tạo: Điểm môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sau khi làm tròn được chuyển thành điểm chữ như sau

a) Loại đạt:	A	8,5 - 10	giỏi
	B	7,0 - 8,4	khá
	C	5,5 - 6,9	trung bình
	D	4,0 - 5,4	trung bình yếu
b) Loại không đạt:	F	dưới 4,0	kém

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC

NGÀNH: MÔN CHUNG – KHỐI SƯ PHẠM
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

I. Môn học: Tư tưởng Hồ Chí Minh.

1. Mục tiêu chung của môn học.

Cung cấp những hệ thống kiến thức có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá của chủ tịch Hồ Chí Minh: khái niệm, đối tượng và phương pháp nghiên cứu, nội dung cốt lõi và giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh; điều kiện lịch sử - xã hội, nguồn gốc, quá trình hình thành, phát triển và ý nghĩa của việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh; nội dung, bản chất cách mạng, khoa học trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và những quan điểm vận dụng của Đảng ta ở giai đoạn hiện nay.

Người học có ý thức gìn giữ và phát huy di sản tư tưởng của Hồ Chí Minh và vận dụng những kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn; Cùng cố niềm tin vào con đường cách mạng mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã chọn, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng CNXH ở nước ta.

2. Chuẩn đầu ra của môn học

Để hoàn thành môn học, người học phải đạt được:

Nhớ và tái hiện được những kiến thức cơ bản về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá của chủ tịch Hồ Chí Minh: khái niệm, đối tượng và phương pháp nghiên cứu, nội dung cốt lõi và giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh; điều kiện lịch sử - xã hội, nguồn gốc, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; nội dung, bản chất cách mạng, khoa học, đặc điểm của các vấn đề quan trọng trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và những quan điểm vận dụng của Đảng ta ở giai đoạn hiện nay;

Có ý thức gìn giữ và phát huy di sản tư tưởng của Hồ Chí Minh và vận dụng những kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn; Cùng cố niềm tin và con đường cách mạng mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã chọn, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng CNXH ở nước ta.

3. Các yêu cầu đánh giá

Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh/ thể hiện được khả năng:	
Nhớ và tái hiện được những kiến thức cơ bản về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá của chủ tịch Hồ Chí Minh: khái niệm, đối tượng và phương pháp nghiên cứu, nội dung cốt lõi và giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh; điều kiện lịch sử - xã hội, nguồn gốc, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; nội dung, bản chất cách mạng, khoa học, đặc điểm của các vấn đề quan trọng trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và những quan điểm vận dụng của Đảng ta ở giai đoạn hiện nay;	- Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; - Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; - Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam; về Đảng Cộng sản Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân; về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới.
Có ý thức gìn giữ và phát huy di sản tư tưởng của Hồ Chí Minh và vận dụng những kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn; Cùng cố niềm tin và con đường cách mạng mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã chọn, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng CNXH ở nước ta.	- Giữ gìn và phát huy di sản tư tưởng Hồ Chí Minh; - Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh;

4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học của người học.

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm
Nhớ và tái hiện được những kiến thức cơ bản về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá, Hồ Chí Minh: khái niệm, đối tượng và phương pháp nghiên cứu, nội dung cốt lõi và giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh; điều kiện lịch sử – xã hội, nguồn gốc, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; nội dung, bản chất cách mạng, khoa học, đặc điểm của các vấn đề quan trọng trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và những quan điểm vận dụng của Đảng ta ở giai đoạn hiện nay (Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam)	Kiểm tra định kỳ lần 1	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 17 tiết giảng
Nhớ và tái hiện được những kiến thức cơ bản về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá, Hồ Chí Minh nội dung, bản chất cách mạng, khoa học, đặc điểm của các vấn đề quan trọng trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và những quan điểm vận dụng của Đảng ta ở giai đoạn hiện nay (Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân; về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới.) Có ý thức gìn giữ và phát huy di sản tư tưởng của Hồ Chí Minh và vận dụng những kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn; Củng cố niềm tin và con đường cách mạng mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã chọn, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng CNXH ở nước ta: - Giữ gìn và phát huy di sản tư tưởng Hồ Chí Minh; - Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.	Kiểm tra định kỳ lần 2	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 34 tiết giảng
Đánh giá quá trình tham gia học của người học thông qua việc xây dựng bài trên lớp, chữa bài tập, kiểm tra 15 phút... đi học đầy đủ	Điểm thường xuyên và Điểm chuyên cần	Giảng viên đánh giá	Trong quá trình lên lớp
Vận dụng các kiến thức đã học, trả lời các câu hỏi lý thuyết, thực hành giải quyết các vấn đề, tình huống cụ thể liên quan đến nội dung kiến thức đã học.	Thi kết thúc môn học	Thi tự luận	Kết thúc học kỳ

5. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

Ngân hàng câu hỏi được xây dựng theo các mức độ Nhớ, Hiểu, Áp dụng, Phân tích phù hợp với các yêu cầu của chuẩn đầu ra ở mục 2

6. Đề kiểm tra, thi

CƠ CẤU ĐỀ THI, KIỂM TRA:

Kiểm tra định kỳ lần 1	Tự luận	01 tiết
Kiểm tra định kỳ lần 2	Tự luận	01 tiết
Kiểm tra thường xuyên	Kiểm tra miệng/ 15 phút...	Trong quá trình lên lớp của môn học
Thi kết thúc môn học	Thi tự luận: Gồm 2 phần 1. Phần lý thuyết: trả lời 2 câu hỏi tự luận. 2. Phần liên hệ: gắn với nội dung cụ thể của từng câu hỏi.	60 phút

7. Ngưỡng đánh giá người học

Điểm D: người học đáp ứng các yêu cầu đánh giá của môn học ở mức độ nhớ được các nội dung lý thuyết.

Điểm C: người học đạt mức điểm D và phải thể hiện rằng hiểu được vấn đề trong bài kiểm tra, bài thi.

Điểm B: người học đạt mức điểm C và phải thể hiện khả năng lập luận logic, mạch lạc, biết ứng dụng các nội dung trong các trường hợp thực tế ở bài kiểm tra, bài thi.

Điểm A: người học đạt mức điểm B và phải thể hiện tư duy tổng hợp cao trong bài thi, kiểm tra; biết cách phân tích, vận dụng lý thuyết, các thông tin, minh chứng và lập luận xác đáng thuyết phục cao khi đưa ra các kết luận.

8. Kết quả đánh giá môn học

Thực hiện theo quy chế đào tạo: Điểm môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sau khi làm tròn được chuyển thành điểm chữ như sau

a) Loại đạt:	A	8,5 - 10	giỏi
	B	7,0 - 8,4	khá
	C	5,5 - 6,9	trung bình
	D	4,0 - 5,4	trung bình yếu
b) Loại không đạt:	F	dưới 4,0	kém

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC

NGÀNH: MÔN CHUNG – KHỐI SƯ PHẠM TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

1. Mục tiêu chung của môn học.

Cung cấp những hệ thống kiến thức về Đảng Cộng sản Việt Nam (hoàn cảnh lịch sử, quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam); Đường lối cách mạng của Đảng bao gồm hệ thống quan điểm, chủ trương về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam, thể hiện qua cương lĩnh, nghị quyết... của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong đó chủ yếu tập trung tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội.

Người học vận dụng được kiến thức đã học để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; Ý thức được trách nhiệm của mình đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng; Củng cố niềm tin vào con đường cách mạng mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã chọn, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng CNXH ở nước ta.

2. Chuẩn đầu ra của môn học

Để hoàn thành môn học, người học phải đạt được:

Nhớ và tái hiện được những kiến thức cơ bản về Đảng Cộng sản Việt Nam (hoàn cảnh lịch sử, quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam); Đường lối cách mạng của Đảng bao gồm hệ thống quan điểm, chủ trương về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam, thể hiện qua cương lĩnh, nghị quyết... của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Vận dụng được kiến thức đã học để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; Ý thức được trách nhiệm của mình đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng; Củng cố niềm tin và con đường cách mạng mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã chọn, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng CNXH ở nước ta.

3. Các yêu cầu đánh giá

<i>Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh/ thể hiện được khả năng:</i>	
Nhớ và tái hiện được những kiến thức cơ bản về Đảng Cộng sản Việt Nam (hoàn cảnh lịch sử, quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam); Đường lối cách mạng của Đảng bao gồm hệ thống quan điểm, chủ trương về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam, thể hiện qua cương lĩnh, nghị quyết... của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa.	- Hoàn cảnh lịch sử ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam; Hội nghị thành lập Đảng và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; - Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945); - Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 – 1975); - Đường lối công nghiệp hóa; đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đường lối xây dựng hệ thống chính trị; đường lối xây dựng, phát triển nền văn hóa và giải quyết các vấn đề của xã hội; đường lối đối ngoại.
Vận dụng được kiến thức đã học để chủ	- Vận dụng kiến thức đã học để chủ động,

động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; Ý thức được trách nhiệm của mình đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng; Củng cố niềm tin và con đường cách mạng mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã chọn, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng CNXH ở nước ta.	tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; - Có ý thức phấn đấu học tập, rèn luyện để góp phần xây dựng thành công nền kinh tế thị trường định hướng XHCN; xây dựng và bảo vệ hệ thống chính trị; bảo tồn, phát triển nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội; có tri thức, có bản lĩnh để tham gia vào quá trình hội nhập quốc tế của đất nước.
---	---

4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học của người học.

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm
Nhớ và tái hiện được những kiến thức cơ bản về Đảng Cộng sản Việt Nam (hoàn cảnh lịch sử, quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam); Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945); Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)	Kiểm tra định kỳ lần 1	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 19 tiết giảng
Nhớ và tái hiện được những kiến thức cơ bản về Đường lối kháng chiến chống và đế quốc Mỹ xâm lược (1954 – 1975); Đường lối công nghiệp hóa; đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Vận dụng được kiến thức đã học để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước;	Kiểm tra định kỳ lần 2	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 38 tiết giảng
Nhớ và tái hiện được những kiến thức cơ bản về đường lối xây dựng hệ thống chính trị; đường lối xây dựng, phát triển nền văn hóa và giải quyết các vấn đề của xã hội; đường lối đối ngoại; Vận dụng được kiến thức đã học để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề chính trị, văn hóa, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; Ý thức được trách nhiệm của mình đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng; Củng cố niềm tin và con đường cách mạng mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã chọn, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng CNXH ở nước ta.	Kiểm tra định kỳ lần 3	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 57 tiết giảng
Đánh giá quá trình tham gia học của người học thông qua việc xây dựng bài trên lớp, chữa bài tập, kiểm tra 15 phút... đi học đầy đủ	Điểm thường xuyên và Điểm chuyên	Giảng viên đánh giá	Trong quá trình lên lớp

	cần		
Vận dụng các kiến thức đã học, trả lời các câu hỏi lý thuyết, thực hành giải quyết các vấn đề, tình huống cụ thể liên quan đến nội dung kiến thức đã học.	Thi kết thúc môn học	Thi tự luận	Kết thúc học kỳ

5. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

Ngân hàng câu hỏi được xây dựng theo các mức độ Nhớ, Hiểu, Áp dụng, Phân tích phù hợp với các yêu cầu của chuẩn đầu ra ở mục 2

6. Đề kiểm tra, thi

CƠ CẤU ĐỀ THI, KIỂM TRA:

Kiểm tra định kỳ lần 1	Tự luận	01 tiết
Kiểm tra định kỳ lần 2	Tự luận	01 tiết
Kiểm tra định kỳ lần 3	Tự luận	01 tiết
Kiểm tra thường xuyên	Kiểm tra miệng/ 15 phút...	Trong quá trình lên lớp của môn học
Thi kết thúc môn học	Thi tự luận: Gồm 2 phần 1. Phần lý thuyết: trả lời 3 câu hỏi tự luận. 2. Phần liên hệ: gắn với nội dung cụ thể của từng câu hỏi.	90 phút

7. Ngưỡng đánh giá người học

Điểm D: người học đáp ứng các yêu cầu đánh giá của môn học ở mức độ nhớ được các nội dung lý thuyết.

Điểm C: người học đạt mức điểm D và phải thể hiện rằng hiểu được vấn đề trong bài kiểm tra, bài thi.

Điểm B: người học đạt mức điểm C và phải thể hiện khả năng lập luận logic, mạch lạc, biết ứng dụng các nội dung trong các trường hợp thực tế ở bài kiểm tra, bài thi.

Điểm A: người học đạt mức điểm B và phải thể hiện tư duy tổng hợp cao trong bài thi, kiểm tra; biết cách phân tích, vận dụng lý thuyết, các thông tin, minh chứng và lập luận xác đáng thuyết phục cao khi đưa ra các kết luận.

8. Kết quả đánh giá môn học

Thực hiện theo quy chế đào tạo: Điểm môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sau khi làm tròn được chuyển thành điểm chữ như sau

a) Loại đạt:	A	8,5 - 10	giỏi
	B	7,0 - 8,4	khá
	C	5,5 - 6,9	trung bình
	D	4,0 - 5,4	trung bình yếu
b) Loại không đạt:	F	dưới 4,0	kém

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC GDTC
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

I. Môn học: Giáo dục thể chất 1,2

1. Mục tiêu chung của môn học

Mục tiêu của môn học này là tiếp tục trang bị cho người học nghề một số kiến thức, kỹ năng thể dục thể thao cần thiết và phương pháp tập luyện nhằm bảo vệ và tăng cường sức khỏe, nâng cao thể lực chung và thể lực chuyên môn nghề nghiệp để học tập và tham gia lao động, sản xuất.

Giáo dục cho người học nhân cách, phẩm chất, ý chí, tính tập thể, tinh thần vượt khó khăn.

2. Chuẩn đầu ra của môn học

Người học nghề sau khi học môn Giáo dục thể chất phải đạt được những yêu cầu sau:

Hiểu rõ vị trí, ý nghĩa, tác dụng của Giáo dục thể chất đối với con người nói chung, đối với người học nghề và người lao động nói riêng.

Nắm vững được một số kiến thức cơ bản và phương pháp tập luyện của các môn thể dục thể thao được quy định trong chương trình, trên cơ sở đó tự rèn luyện sức khỏe trong quá trình học tập, lao động sản xuất.

Thực hành được những kỹ thuật cơ bản của một số môn thể dục thể thao quy định trong chương trình.

Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để tự tập luyện nhằm tăng cường bảo vệ sức khỏe, phát triển tố chất thể lực chung và thể lực chuyên môn nghề nghiệp.

Thái độ: Có thói quen vận động, tập luyện thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe thường xuyên.

- Để hoàn thành môn học, người học phải được chuẩn kiến thức, kỹ năng gì (dùng các động từ định lượng được khi viết chuẩn đầu ra).

3. Các yêu cầu đánh giá

- Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh/ thể hiện được khả năng	
Nhớ được các khái niệm cơ bản về TDDT - Tác dụng của Giáo dục thể chất đối với con người nói chung, đối với người học nghề và người lao động nói riêng. - Chức năng của hoạt động TDDT trong Xã hội - Công tác xã hội hóa về TDDT	- Khái niệm về VHTC, PTTC, HTTC, TD và TT, các vấn đề chung về TDDT - Kể tên các loại hoạt động trong TDDT trong Xã hội - 1. Là một trong những nội dung quan trọng của đào tạo nghề nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện đối với người lao động. - Phân biệt được Thể dục và Thể thao - Mục đích và nhiệm vụ của công tác GDTC trong các trường Cao đẳng
Hiểu về ý nghĩa các khái niệm, tính chất vai trò của môn học GDTC trong nhà trường - Nắm vững được một số kiến thức cơ bản và phương pháp tập luyện của một số môn TDDT được quy định trong chương trình,	- Xác định đúng đắn động cơ học tập môn học GDTC trong nhà trường - Phương pháp tập luyện các môn Điền kinh, - Hiểu được nguyên lý chung về chạy cự ly ngắn và chạy tiếp sức, kỹ thuật trao nhận tín

trên cơ sở đó tự rèn luyện sức khỏe trong quá trình học tập, lao động sản xuất. - Nắm được tác dụng của việc tập luyện TDTT đối với mọi người. Đặc biệt là trong công tác xây dựng phong trào ở cơ sở. - Học xong môn học, giáo sinh cần có những năng lực sau:	gậy. + Nguyên lý kỹ thuật chạy cự ly ngắn: Xuất phát thấp có bàn đạp trên đường thẳng và đường vòng, chạy lao sau xuất phát, chạy giữa quãng, chạy về đích và đánh đích. + Làm mẫu chính xác các động tác hỗ trợ kỹ thuật: Chạy bước nhỏ, chạy nâng cao gối, chạy gót chạm mông, chạp đạp sau và kỹ thuật đánh tay tại chỗ. + Kỹ thuật chạy tiếp sức: Xuất phát của người trao và người nhận tín gậy trong khu vực quy định, trao nhận tại chỗ, di chuyển theo kiểu dưới lên và trên xuống. Thực hiện được các yêu cầu chính của kỹ thuật chạy tiếp sức 4 x 100 m + Phương pháp giảng dạy kỹ thuật chạy tiếp sức. + Năng lực tổ chức, trọng tài và luật thi đấu của chạy cự ly ngắn và chạy tiếp sức. - Thể dục + Hiểu được khái niệm về thể dục, các thuật ngữ chuyên môn cơ bản, đặc biệt là thể dục phát triển chung, thể dục cơ bản và thể dục thực dụng. + Thực hành thuần thục các kỹ thuật cơ bản của từng nội dung của thể dục cơ bản và thể dục thể hình trong chương trình. Các môn thể thao tự chọn phù hợp với nghề nghiệp như: Bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, thể dục dụng cụ, Bơi lội...trong chương trình GDTC trình độ Cao đẳng nghề - Hiểu được nguồn gốc, sự phát triển, đặc điểm, ý nghĩa tác dụng của môn thể thao tự chọn + Nắm được những kỹ thuật cơ bản và chiến thuật đơn giản theo quy định của chương trình. + Biết được phương pháp giảng dạy bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, đá cầu, bơi lội, điền kinh. + Thực hiện được các động tác kỹ thuật ở mức tương đối chính xác. + Nắm vững và hiểu một số điều luật, biết phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài các môn thể thao cơ bản cho phong trào tập luyện thể thao quần chúng.
Áp dụng các kiến thức liên quan đến các phần thực hành đã học, giải quyết các vấn đề, tình huống cụ thể liên quan đến từng phần thực hành luyện tập các môn TDTT trong chương trình bắt buộc của môn học	- Vận dụng để tự luyện tập, tổ chức có hiệu quả luyện tập TDTT thường xuyên - Giải quyết các tình huống cụ thể trong quá trình tổ chức thi đấu, làm công tác trọng tài một số môn thể thao cơ bản. - Lập được kế hoạch tổ chức các hoạt động

	luyện tập và thi đấu ngắn hạn và trung hạn đối với môn thể thao lựa chọn. - Xây dựng được điều lệ, tổ chức bốc thăm chia bảng sắp xếp cá nhân, các đội tham gia thi đấu, cách tính điểm ... ghi biên bản - Phân công các tổ trọng tài thực hiện nhiệm vụ giải quyết các khiếu nại v.v
Có khả năng vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học về đề định hướng việc tập luyện các bài tập thực hành đạt hiệu quả cao. Thực hiện đúng các động tác cơ bản trong các bài tập. nâng cao thành tích ở một số nội dung điền kinh theo năng lực của mỗi cá nhân, nâng cao ý thức tự giác tích cực trong quá trình học tập.	- Phân biệt được các loại hình TDTT trong xã hội, các Câu lạc bộ TT, các tổ chức quản lý về TDTT, các mô hình xã hội hóa về TDTT, chức năng và nhiệm vụ của TDTT trong cộng đồng dân cư - Phân biệt sự khác nhau giữa Thể thao quần chúng và Thể thao thành tích cao - Tổ chức luyện tập và thi đấu thể thao cấp cơ sở ở cơ quan, đơn vị, trường học v.v. - Tuyên truyền vận động tác dụng của việc luyện tập TDTT đối với cộng đồng dân cư nơi cơ quan, đơn vị, trường đóng.

4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học của người học

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm
Nhớ được các khái niệm cơ bản trong lĩnh vực TDTT Khái niệm về VHTC, GDTC, PTHC, HTTC, TD, TT Các vấn đề chung về lĩnh vực TDTT trong đời sống xã hội.	Kiểm tra lần 1	- Kiểm tra thực hành Phần Thể dục cơ bản	Sau 24 tiết giảng Sau 10 tiết giảng
Hiểu về ý nghĩa các khái niệm cơ bản trong lĩnh vực TDTT Tổ chức được các giải thi đấu Thể thao cấp cơ sở, nắm được phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài một số môn thể thao cơ bản gần với phong trào luyện tập thể thao quần chúng Công tác tuyên truyền vận động phát triển TDTT ở cơ sở, khu dân cư gây dựng phong trào toàn dân đoàn kết, rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại Các vấn đề chung về lĩnh vực TDTT trong đời sống xã hội, sống vui, sống khỏe, sống có ích ...	Kiểm tra lần 2	- Kiểm tra thực hành Phần Điền kinh (chạy cự ly ngắn, nhảy xa)	
Đánh giá quá trình tham gia học tập của người học thông qua việc tích cực tự giác luyện tập trên lớp đạt được các chỉ tiêu về	Điểm chuyên cần	Giáo viên đánh giá	Sau khi kết thúc môn học

tiêu chuẩn rèn luyện sức khỏe của SV, đi học đầy đủ.			
Áp dụng các kiến thức đã học vận dụng vào thực tế Hiểu biết các kỹ thuật vận động cơ bản và phổ thông về một số nội dung thể dục và điền kinh. Nắm vững tác dụng của việc tập luyện và tự tập luyện đối với sức khỏe con người và chính bản thân.	Thi kết thúc môn học	Thi thực hành	Kết thúc học kỳ

5. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

Thành tích đạt được theo tiêu chuẩn rèn luyện thân thể trong các trường Cao đẳng đào tạo nghề

6. Đề kiểm tra, đề thi

CƠ CẤU ĐỀ THI, KIỂM TRA

Kiểm tra lần 1	- Phần Thể dục cơ bản
Kiểm tra lần 2	- Vấn đáp (bóc thăm câu hỏi) - Các phương pháp luyện tập TDTT, - Phương pháp tổ chức thi đấu. Luật lệ một số môn thể thao cơ bản trong chương trình
Thi kết thúc môn học (thực hành)	Gồm 2 nội dung tính thành tích 1. Chạy cự ly 100m (s) 2. Nhảy xa (cm)

7. Ngưỡng đánh giá người học

- Bảng điểm thành tích môn Chạy cự ly ngắn 100m (s)
- Bảng điểm thành tích môn Nhảy xa (cm)

8. Kết quả đánh giá môn học

Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; qui chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp của trường Cao đẳng Sơn La.

Thang điểm được chuyển thành điểm chữ như sau

a) Loại đạt:	A	9 - 10	Xuất sắc
	B	8,0 - 8,9	Giỏi
	C	7,0 - 7,9	Khá
	D	6,0 - 6,9	Trung bình khá
	E	5,0 - 5,9	Trung bình
b) Loại không đạt:	F	4,0 - 4,9	Yếu
	H	dưới 4,0	Kém

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC
NGÀNH: CÁC NGÀNH
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG SƯ PHẠM

I. Học phần 1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam

1. Mục tiêu chung của môn học

Mục tiêu của môn học này là trang bị những nội dung cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh; xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; có kiến thức cơ bản về phòng thủ dân sự, rèn luyện kỹ năng quân sự; sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc, nâng cao dân trí quốc phòng, góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

2. Chuẩn đầu ra của môn học

Để hoàn thành môn học, người học phải đạt được:

Nhớ được các khái niệm cơ bản về quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc VNXHCN, lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; Phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh là như thế nào.

Hiểu ý nghĩa các khái niệm về quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc VNXHCN. Hiểu rõ các quan điểm của chủ nghĩa Mác Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ tổ quốc; về nghệ thuật quân sự Việt Nam

Áp dụng các kiến thức để xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, vận dụng nghệ thuật quân sự vào sự nghiệp BVTQ trong thời đại mới; các nội dung phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Phân tích, đánh giá các quan điểm của chủ nghĩa Mác Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ tổ quốc; về nghệ thuật quân sự Việt Nam, ý nghĩa của cuộc chiến tranh nhân dân BVTQ, về nội dung phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

3. Các yêu cầu đánh giá

Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh thể hiện được khả năng:

Nhớ được các khái niệm cơ bản về quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc, lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; Phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố Quốc phòng - An ninh là như thế nào.	- Khái niệm về quốc phòng toàn dân; - Khái niệm an ninh nhân dân - Khái niệm về chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc VNXHCN. - Khái niệm lực lượng vũ trang nhân dân VN. Phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh là như thế nào.
--	---

Hiểu ý nghĩa các khái niệm về quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc VNXHCN. Hiểu rõ các quan điểm của chủ nghĩa Mác Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ tổ quốc; về nghệ thuật quân sự Việt Nam;	- Hiểu được về quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc VNXHCN. - Hiểu rõ các quan điểm của chủ nghĩa Mác Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ tổ quốc; về nghệ thuật quân sự Việt Nam; Xác định được trách nhiệm của bản thân trong việc xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân trong giai đoạn hiện nay
Áp dụng các kiến thức để xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, vận dụng nghệ thuật quân sự vào sự nghiệp BVTQ trong thời đại mới; các nội dung phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.	- Vận dụng các quan điểm của chủ nghĩa Mác Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ tổ quốc - Vận dụng để xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam, xây dựng nền quốc phòng toàn dân trong giai đoạn hiện nay. - Các nội dung phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh ở nước ta trong giai đoạn hiện nay - Vận dụng một số bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự Việt Nam vào sự nghiệp BVTQ.
Phân tích, đánh giá các quan điểm của chủ nghĩa Mác Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ tổ quốc; về nghệ thuật quân sự Việt Nam, ý nghĩa của cuộc chiến tranh nhân dân BVTQ, về nội dung phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.	- Phân tích ưu, nhược điểm các quan điểm của chủ nghĩa Mác Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ tổ quốc; - Phân tích được nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân trong giai đoạn hiện nay; Cơ sở lý luận phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học của người học

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm
Nhớ được các khái niệm cơ bản về quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc, lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam;	Kiểm tra lần 1	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 18 tiết giảng
Hiểu ý nghĩa các khái niệm về quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc VNXHCN. Hiểu rõ sự kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh; các quan điểm của chủ nghĩa Mác Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh,	Kiểm tra lần 2	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 30 tiết giảng

quân đội và bảo vệ tổ quốc; về nghệ thuật quân sự Việt Nam;			
Đánh giá quá trình tham gia học của người học thông qua việc xây dựng bài trên lớp, chữa bài tập, đi học đầy đủ .	Điểm chuyên cần	Giáo viên đánh giá	Sau khi kết thúc môn học
Áp dụng các kiến thức để thực hiện bài thi	Thi kết thúc môn học	Thi viết	Kết thúc học kỳ

5. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

Ngân hàng câu hỏi được xây dựng theo các mức độ Nhớ, Hiểu, Vận dụng, Phân tích phù hợp với các yêu cầu của chuẩn đầu ra ở mục 2.

6. Đề kiểm tra, đề thi

CƠ CẤU ĐỀ THI, KIỂM TRA

Kiểm tra lần 1	Thi viết
Kiểm tra lần 2	Thi viết và phân tích
Thi kết thúc môn học	Thi viết gồm 2 nội dung: 1. Trình bày các nội dung 01 câu 2. Phân tích các nội dung 01 câu

7. Ngưỡng đánh giá người học

Điểm D: người học đáp ứng các yêu cầu đánh giá của môn học ở mức độ nhớ được các nội dung lý thuyết.

Điểm C: người học đạt mức điểm D và phải thể hiện rằng hiểu được vấn đề trong bài kiểm tra, bài thi.

Điểm B: người học đạt mức điểm C và phải thể hiện khả năng lập luận logic, mạch lạc, biết ứng dụng các nội dung trong các trường hợp thực tế ở bài kiểm tra, bài thi.

Điểm A: người học đạt mức điểm B và phải thể hiện tư duy tổng hợp cao trong bài thi, kiểm tra; biết cách phân tích, vận dụng lý thuyết, các thông tin, minh chứng và lập luận xác đáng thuyết phục cao khi đưa ra các kết luận.

8. Kết quả đánh giá môn học

Thực hiện theo quy chế đào tạo: Điểm môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sau khi làm tròn được chuyển thành điểm chữ như sau

a) Loại đạt:	A	8,5 - 10	giỏi
	B	7,0 - 8,4	khá
	C	5,5 - 6,9	trung bình
	D	4,0 - 5,4	trung bình yếu
b) Loại không đạt:	F	dưới 4,0	kém

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC

NGÀNH: CÁC NGÀNH TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG SƯ PHẠM

II. Học phần 2: Công tác quốc phòng và an ninh

1. Mục tiêu chung của môn học

Mục tiêu của môn học này là trang bị những nội dung cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh; xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; có kiến thức cơ bản về phòng thủ dân sự, rèn luyện kỹ năng quân sự; sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc, nâng cao dân trí quốc phòng, góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

2. Chuẩn đầu ra của môn học

Để hoàn thành môn học, người học phải đạt được:

Nhớ được các khái niệm cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam; khái niệm Lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; khái niệm về dân tộc và tôn giáo; thế nào là tội phạm và tệ nạn xã hội, an ninh phi truyền thống.

Hiểu về ý nghĩa các khái niệm về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay; Nhận biết được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển đảo, biên giới quốc gia;

Áp dụng các kiến thức để xác định được một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, về phòng chống “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam và xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; về các kỹ năng quân sự để sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc

Phân tích, đánh giá các âm mưu, thủ đoạn của chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay. Các âm mưu, thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chống phá cách mạng Việt Nam, các loại hình tội phạm, tệ nạn xã hội hiện nay, vấn đề đe dọa an ninh phi truyền thống.

3. Các yêu cầu đánh giá

Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh/ thể hiện được khả năng:	
Nhớ được các khái niệm cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam; khái niệm Lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; Chủ quyền biển đảo, biên giới quốc gia; khái niệm về dân tộc và tôn giáo; thế nào là tội phạm và tệ nạn xã hội.	- Khái niệm về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam; - Khái niệm Lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên - Khái niệm Chủ quyền biển đảo, biên giới quốc gia - Khái niệm khái niệm về dân tộc và tôn giáo - Khái niệm thế nào là tội phạm và tệ nạn xã hội

Hiểu về ý nghĩa các khái niệm về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay; Nhận biết được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển đảo, biên giới quốc gia;	- Hiểu được “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay, nội dung xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia - Xác định được trách nhiệm của bản thân trong việc phòng chống “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay - Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;
Áp dụng các kiến thức để Xác định được một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, về phòng chống “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam và xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; về các kỹ năng quân sự để sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc	- Vận dụng để xác định được các vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo hiện nay ở nước ta, chủ quyền lãnh thổ, biển đảo, Biên giới quốc gia. - Các biện pháp phòng chống chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam , phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, về phòng chống về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc - Các biện pháp phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chống phá CMVN.
Phân tích, đánh giá các âm mưu, thủ đoạn của chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay. Các âm mưu, thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chống phá cách mạng Việt Nam, các loại hình tội phạm, tệ nạn xã hội hiện nay, vấn đề đe dọa an ninh phi truyền thống.	- Phân biệt được thế nào là “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay - Phân tích được tội phạm và tệ nạn xã hội phổ biến hiện nay và cách phòng chống cơ bản - Phân tích được mối đe dọa về an ninh phi truyền thống, các biện pháp phòng chống. - Phân tích Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội

3. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học của người học.

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm
Nhớ được các khái niệm cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam; khái niệm Lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; khái niệm về dân tộc và tôn giáo;	Kiểm tra lần 1	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 18 tiết giảng
- Hiểu về ý nghĩa các khái niệm về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay; Nhận biết được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo, biên giới quốc gia; An ninh phi truyền thống	Kiểm tra lần 2	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 30 tiết giảng

Đánh giá quá trình tham gia học của người học thông qua việc xây dựng bài trên lớp, chữa bài tập, đi học đầy đủ .	Điểm chuyên cần	Giáo viên đánh giá	Sau khi kết thúc môn học
Áp dụng các kiến thức để thực hiện bài thi	Thi kết thúc môn học	Thi viết	Kết thúc học kỳ

5. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

Ngân hàng câu hỏi được xây dựng theo các mức độ Nhớ, Hiểu, Vận dụng, Phân tích phù hợp với các yêu cầu của chuẩn đầu ra ở mục 2.

6. Đề kiểm tra, đề thi

CƠ CẤU ĐỀ THI, KIỂM TRA

Kiểm tra lần 1	Thi viết
Kiểm tra lần 2	Thi viết và phân tích
Thi kết thúc môn học	Thi viết gồm 2 nội dung: + Phần trình bày các nội dung 01 câu + Phần phân tích các nội dung 01 câu

7. Ngưỡng đánh giá người học

Điểm D: người học đáp ứng các yêu cầu đánh giá của môn học ở mức độ nhớ được các nội dung lý thuyết.

Điểm C: người học đạt mức điểm D và phải thể hiện rằng hiểu được vấn đề trong bài kiểm tra, bài thi.

Điểm B: người học đạt mức điểm C và phải thể hiện khả năng lập luận logic, mạch lạc, biết ứng dụng các nội dung trong các trường hợp thực tế ở bài kiểm tra, bài thi.

Điểm A: người học đạt mức điểm B và phải thể hiện tư duy tổng hợp cao trong bài thi, kiểm tra; biết cách phân tích, vận dụng lý thuyết, các thông tin, minh chứng và lập luận xác đáng thuyết phục cao khi đưa ra các kết luận.

8. Kết quả đánh giá môn học

Thực hiện theo quy chế đào tạo: Điểm môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sau khi làm tròn được chuyển thành điểm chữ như sau

a) Loại đạt:	A	8,5 - 10	giỏi
	B	7,0 - 8,4	khá
	C	5,5 - 6,9	trung bình
	D	4,0 - 5,4	trung bình yếu
b) Loại không đạt:	F	dưới 4,0	kém

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC

NGÀNH: CÁC NGÀNH TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG SƯ PHẠM

III. Học phần 3: Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn

1. Mục tiêu chung của môn học

Mục tiêu của môn học này là trang bị những nội dung cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh; xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; có kiến thức cơ bản về phòng thủ dân sự, rèn luyện kỹ năng quân sự; sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc, nâng cao dân trí quốc phòng, góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

2. Chuẩn đầu ra của môn học

Để hoàn thành môn học, người học phải đạt được:

Nhớ được khái niệm Vũ khí công nghệ cao, đường ngắm cơ bản, đường ngắm đúng, các bước tập hợp đội ngũ đơn vị tiểu đội, trung đội, các môn quân sự phối hợp.

Hiểu về ý nghĩa các khái niệm về Vũ khí công nghệ cao, đường ngắm cơ bản, đường ngắm đúng; Nhận biết được trách nhiệm, vị trí của cá nhân trong trung đội bộ binh tiến công, trung đội bộ binh phòng ngự, trong tập hợp đội ngũ đơn vị, nguyên tắc sử dụng các loại vũ khí an toàn.

Áp dụng các kiến thức để thực hiện các kỹ năng cơ bản về đội ngũ đơn vị, phòng chống vũ khí công nghệ cao, Sự phối hợp trong trung đội bộ binh tiến công, phòng ngự và kỹ thuật bắn súng ngắn, sử dụng một số loại lựu đạn.

Phân tích, đánh giá cách tập hợp đội ngũ đơn vị, cách sử dụng bản đồ địa hình quân sự, các mối đe dọa từ các loại vũ khí công nghệ cao trong tình hình hiện nay; Tác dụng, tính năng, cấu tạo và cách thức sử dụng các kỹ thuật bắn súng ngắn, sử dụng lựu đạn.

3. Các yêu cầu đánh giá

Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh thể hiện được khả năng:

Nhớ được khái niệm Vũ khí công nghệ cao, đường ngắm cơ bản, đường ngắm đúng, các bước tập hợp đội ngũ đơn vị tiểu đội, trung đội, các môn quân sự phối hợp.	- Khái niệm về vũ khí công nghệ cao; - Khái niệm thế nào là đường ngắm cơ bản, đường ngắm đúng - Các bước tập hợp đội ngũ đơn vị - Các nội dung quân sự phối hợp
Hiểu về ý nghĩa các khái niệm về Vũ khí công nghệ cao, đường ngắm cơ bản, đường ngắm đúng; Nhận biết được trách nhiệm, vị trí, chức năng của cá nhân trong trung đội bộ binh tiến công, trung đội bộ binh phòng ngự, trong tập hợp đội ngũ đơn vị, nguyên tắc sử dụng các loại vũ khí an toàn.	- Hiểu được được các loại vũ khí công nghệ cao - Phân biệt được vũ khí công nghệ cao với vũ khí thông thường, sự khác nhau giữa đường ngắm cơ bản và đường ngắm đúng; - Vị trí, nhiệm vụ, chức năng của chỉ huy, của từng cá nhân trong đội hình trung đội, tiểu đội. Trung đội bộ binh tiến công, phòng ngự

Áp dụng các kiến thức để thực hiện các kỹ năng cơ bản về đội ngũ đơn vị, phòng chống vũ khí công nghệ cao, Sự phối hợp trong trung đội bộ binh tiến công, phòng ngự và kỹ thuật bắn súng ngắn, sử dụng một số loại lựu đạn.	- Vận dụng tập hợp đội ngũ đơn vị trong học tập và trong chiến đấu, cách phòng tránh các loại vũ khí công nghệ cao trong chiến tranh hiện nay - Xác định được từng vị trí, chức năng, nhiệm vụ trong đội ngũ đơn vị. trong trung đội tiến công, phòng ngự. - Vận dụng các kỹ thuật bắn súng ngắn, cách sử dụng một số loại lựu đạn thông thường
Phân tích, đánh giá cách tập hợp đội ngũ đơn vị, cách sử dụng bản đồ địa hình quân sự, các mối đe dọa từ các loại vũ khí công nghệ cao trong tình hình hiện nay; Tác dụng, tính năng, cấu tạo và cách thức sử dụng các kỹ thuật bắn súng ngắn, sử dụng lựu đạn.	- Phân biệt được thế nào là vũ khí công nghệ cao, vũ khí thông thường; cách phòng chống hiệu quả các vũ khí công nghệ cao - Phân biệt được đội hình trung đội bộ binh tấn công và trung đội bộ binh phòng ngự - Phân biệt được cách tập hợp đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội. các loại vũ khí bộ binh - Thực hiện được các động tác sử dụng súng ngắn, các loại lựu đạn, phân biệt các bộ phận của súng, lựu đạn

4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học của người học

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm
Nhớ được khái niệm Vũ khí công nghệ cao, đường ngắm cơ bản, đường ngắm đúng, các bước tập hợp đội ngũ đơn vị tiểu đội, trung đội, các môn quân sự phối hợp.	Kiểm tra lần 1	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 28 tiết giảng
Hiểu về ý nghĩa các khái niệm về Vũ khí công nghệ cao, đường ngắm cơ bản, đường ngắm đúng; Nhận biết được trách nhiệm, vị trí, chức năng, nhiệm vụ của cá nhân trong trung đội bộ binh tiến công, trung đội bộ binh phòng ngự, trong tập hợp đội ngũ đơn vị, nguyên tắc sử dụng các loại vũ khí an toàn.	Kiểm tra lần 2	Kiểm thực hành trên lớp	Sau 54 tiết giảng
Áp dụng các kiến thức để thực hiện các kỹ năng cơ bản về đội ngũ đơn vị, phòng chống vũ khí công nghệ cao, Sự phối hợp trong trung đội bộ binh tiến công, phòng ngự và kỹ thuật bắn súng ngắn, sử dụng một số loại lựu đạn.	Kiểm tra lần 3	Kiểm tra thực hành	Sau 85 tiết
Đánh giá quá trình tham gia học của người học thông qua việc xây dựng bài trên lớp, chữa bài tập, đi học đầy đủ.	Điểm chuyên cần	Giáo viên đánh giá	Sau khi kết thúc môn học
Áp dụng các kiến thức để thực hiện bài thi	Thi kết thúc môn học	Thi thực hành	Kết thúc học kỳ

5. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

Ngân hàng câu hỏi được xây dựng theo các mức độ Nhớ, Hiểu, Vận dụng, Phân tích phù hợp với các yêu cầu của chuẩn đầu ra ở mục 2.

6. Đề kiểm tra, đề thi

CƠ CẤU ĐỀ THI, KIỂM TRA

Kiểm tra lần 1	Thi viết
Kiểm tra lần 2	Thi viết và phân tích
Kiểm tra lần 3	Thi thực hành và phân tích
Thi kết thúc môn học	Thi viết gồm 2 nội dung: 1. Phân trình bày các nội dung 01 câu 2. Phân phân tích các nội dung 01 câu

7. Ngưỡng đánh giá người học

Điểm D: người học đáp ứng các yêu cầu đánh giá của môn học ở mức độ nhớ được các nội dung lý thuyết.

Điểm C: người học đạt mức điểm D và phải thể hiện rằng hiểu được vấn đề trong bài kiểm tra, bài thi.

Điểm B: người học đạt mức điểm C và phải thể hiện khả năng lập luận logic, mạch lạc, biết ứng dụng các nội dung trong các trường hợp thực tế ở bài kiểm tra, bài thi.

Điểm A: người học đạt mức điểm B và phải thể hiện tư duy tổng hợp cao trong bài thi, kiểm tra; biết cách phân tích, vận dụng lý thuyết, các thông tin, minh chứng và lập luận xác đáng thuyết phục cao khi đưa ra các kết luận.

8. Kết quả đánh giá môn học

Thực hiện theo quy chế đào tạo: Điểm môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sau khi làm tròn được chuyển thành điểm chữ như sau

a) Loại đạt:	A	8,5 - 10	giỏi
	B	7,0 - 8,4	khá
	C	5,5 - 6,9	trung bình
	D	4,0 - 5,4	trung bình yếu
b) Loại không đạt:	F	dưới 4,0	kém

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC

NGÀNH: CÁC NGÀNH TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG SƯ PHẠM

IV. Học phần 4: Hiểu biết chung về quân, binh chủng

1. Mục tiêu chung của môn học

Mục tiêu của môn học này là trang bị những nội dung cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh; xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; có kiến thức cơ bản về phòng thủ dân sự, rèn luyện kỹ năng quân sự; sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc, nâng cao dân trí quốc phòng, góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

2. Chuẩn đầu ra của môn học

Để hoàn thành môn học, người học phải đạt được:

Nhớ được khái niệm thế nào là quân chủng, binh chủng, tổ chức lực lượng quân, binh chủng hiện nay.

Hiểu về ý nghĩa các khái niệm về quân chủng, binh chủng, cách tổ chức lực lượng quân, binh chủng hiện nay; Nhận biết được trách nhiệm, vị trí của tổ chức cá nhân trong xây dựng lực lượng quân, binh chủng ở nước ta hiện nay.

Áp dụng các kiến thức để nâng cao hiểu biết về lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam, về các quân binh chủng, từ đó góp phần trách nhiệm của bản thân trong việc xây dựng lực lượng quân, binh chủng ở nước ta hiện nay ngày càng hùng mạnh.

Phân tích, đánh giá các điểm mạnh, điểm yếu của các quân binh chủng hiện nay từ đó liên hệ trách nhiệm bản thân trong việc xây dựng lực lượng quân, binh chủng ở nước ta hiện nay.

3. Các yêu cầu đánh giá

Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh thể hiện được khả năng:

Nhớ được khái niệm thế nào là quân chủng, binh chủng, tổ chức lực lượng quân, binh chủng hiện nay.	- Khái niệm thế nào là Quân chủng; - Khái niệm thế nào là Binh chủng; - Tổ chức lực lượng quân, binh chủng hiện nay ở nước ta.
Hiểu về ý nghĩa các khái niệm về quân chủng, binh chủng, cách tổ chức lực lượng quân, binh chủng hiện nay; Nhận biết được trách nhiệm, vị trí của tổ chức cá nhân trong xây dựng lực lượng quân, binh chủng ở nước ta hiện nay.	- Hiểu được Quân chủng, binh chủng - Phân biệt giữa Quân chủng và Binh chủng của lực lượng vũ trang hiện nay; - Trách nhiệm của tổ chức, của từng cá nhân trong xây dựng lực lượng quân, binh chủng ở nước ta hiện nay
Áp dụng các kiến thức để nâng cao hiểu biết về lực lượng vũ trang	- Vận dụng trong học tập và trong chiến đấu, nâng cao lòng tự hào dân tộc về truyền thống của lực lượng vũ

nhân dân Việt Nam, về các quân binh chủng, từ đó góp phần trách nhiệm của bản thân trong việc xây dựng lực lượng quân, binh chủng ở nước ta hiện nay ngày càng hùng mạnh.	trang nhân dân Việt Nam - Xác định được trách nhiệm bản thân trong việc xây dựng lực lượng quân, binh chủng ở nước ta hiện nay ngày càng hùng mạnh. - Có trách nhiệm tuyên truyền cho mọi người về truyền thống vẻ vang của các quân, binh chủng của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam
Phân tích, đánh giá các điểm mạnh, điểm yếu của các quân binh chủng hiện nay từ đó liên hệ trách nhiệm bản thân trong việc xây dựng lực lượng quân, binh chủng ở nước ta hiện nay.	- Phân biệt được thế nào Quân chủng, thế nào là Binh chủng - Nhận thức đầy đủ về chức năng, nhiệm vụ các Quân, Binh chủng trong lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam - Liên hệ thực tiễn trách nhiệm bản thân trong việc xây dựng lực lượng quân, binh chủng ở nước ta hiện nay.

4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học của người học

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm
Nhớ được khái niệm thế nào là quân chủng, binh chủng, tổ chức lực lượng quân, binh chủng hiện nay. Hiểu về ý nghĩa các khái niệm về quân chủng, binh chủng, cách tổ chức lực lượng quân, binh chủng hiện nay; Nhận biết được trách nhiệm, vị trí của tổ chức cá nhân trong xây dựng lực lượng quân, binh chủng ở nước ta hiện nay. Áp dụng các kiến thức để nâng cao hiểu biết về lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam, về các quân binh chủng, từ đó góp phần trách nhiệm của bản thân trong việc xây dựng lực lượng quân, binh chủng ở nước ta hiện nay ngày càng hùng mạnh	Kiểm tra lần	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 18 tiết giảng
Đánh giá quá trình tham gia học của người học thông qua việc xây dựng bài trên lớp, chữa bài tập, đi học đầy đủ.	Điểm chuyên cần	Giáo viên đánh giá	Sau khi kết thúc môn học
Áp dụng các kiến thức để thực hiện bài thi	Thi kết thúc môn học	Thi viết bài thu hoạch	Kết thúc học kỳ

5. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

Ngân hàng câu hỏi được xây dựng theo các mức độ Nhớ, Hiểu, Vận dụng, Phân tích phù hợp với các yêu cầu của chuẩn đầu ra ở mục 2.

6. Đề kiểm tra, đề thi

CƠ CẤU ĐỀ THI, KIỂM TRA

Kiểm tra lần 1	Thi viết
Thi kết thúc môn học	Thi viết gồm 2 nội dung: + Phần trình bày các nội dung 01 câu + Phần tìm hiểu, phân tích liên hệ trách nhiệm bản thân

7. Ngưỡng đánh giá người học

Điểm D: người học đáp ứng các yêu cầu đánh giá của môn học ở mức độ nhớ được các nội dung lý thuyết.

Điểm C: người học đạt mức điểm D và phải thể hiện rằng hiểu được vấn đề trong bài kiểm tra, bài thi.

Điểm B: người học đạt mức điểm C và phải thể hiện khả năng lập luận logic, mạch lạc, biết ứng dụng các nội dung trong các trường hợp thực tế ở bài kiểm tra, bài thi.

Điểm A: người học đạt mức điểm B và phải thể hiện tư duy tổng hợp cao trong bài thi, kiểm tra; biết cách phân tích, vận dụng lý thuyết, các thông tin, minh chứng và lập luận xác đáng thuyết phục cao khi đưa ra các kết luận.

8. Kết quả đánh giá môn học

Thực hiện theo quy chế đào tạo: Điểm môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sau khi làm tròn được chuyển thành điểm chữ như sau

a) Loại đạt:	A	8,5 - 10	giỏi
	B	7,0 - 8,4	khá
	C	5,5 - 6,9	trung bình
	D	4,0 - 5,4	trung bình yếu
b) Loại không đạt:	F	dưới 4,0	kém

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC

NGÀNH: CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

I. Môn học: Tiếng Anh 1

1. Mục tiêu chung của môn học.

Mục tiêu của môn học này là người học hoàn thiện năng lực Tiếng Anh giao tiếp để: Có thể hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về gia đình, bản thân, đi mua hàng, hỏi đường, việc làm). Có thể trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày. Có thể mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu.

2. Chuẩn đầu ra của môn học

Người học khối không chuyên ngữ khi tốt nghiệp Cao đẳng, trình độ Tiếng Anh phải đạt trình độ A1 theo Khung tham chiếu Châu Âu tương đương Bậc 1 theo khung năng lực 6 Bậc dùng cho Việt Nam ban hành tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Cụ thể như sau:

2.1 Kỹ năng Nghe

2.1.1 Yêu cầu tổng quát đối với kỹ năng Nghe

- Có thể hiểu những cụm từ và cách diễn đạt liên quan tới nhu cầu thiết yếu hằng ngày (về gia đình, bản thân, mua sắm, nơi ở, học tập và làm việc...) khi được diễn đạt chậm và rõ ràng.

- Có thể hiểu được ý chính trong các giao dịch quen thuộc hằng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng.

2.1.2 Nghe hội thoại giữa những người bản ngữ hay những người không trực tiếp đối thoại

- Có thể xác định được chủ đề của các hội thoại diễn ra chậm và rõ ràng.

2.1.3 Nghe thông báo, hướng dẫn, chỉ dẫn

- Có thể hiểu được ý chính trong các thông báo hay tin nhắn thoại ngắn, rõ ràng, đơn giản.

- Có thể hiểu những hướng dẫn chỉ đường, sử dụng phương tiện giao thông công cộng đơn giản.

2.1.4 Nghe đài và xem truyền hình

- Có thể xác định thông tin chính của các bản tin trên đài và truyền hình tường thuật các sự kiện, tai nạn v.v...

2.2 Kỹ năng Nói

2.2.1 Yêu cầu tổng quát đối với kỹ năng Nói độc thoại

- Có thể giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hằng ngày liên quan đến công việc và thời gian rảnh rỗi.

- Có thể truyền đạt quan điểm, nhận định của mình trong các tình huống xã giao đơn giản, ngắn gọn nhưng chưa thể duy trì được các cuộc hội thoại.

2.2.1.1 Nói độc thoại: Mô tả kinh nghiệm

- Có thể mô tả về gia đình, điều kiện sống, trình độ học vấn, công việc hiện tại và công việc gần nhất trước đó.

- Có thể mô tả những hoạt động trong cuộc sống thường ngày như tả người, địa điểm, công việc và kinh nghiệm học tập.

- Có thể mô tả các kế hoạch, thói quen hằng ngày, các hoạt động trong quá khứ và kinh nghiệm cá nhân.

- Có thể diễn đạt đơn giản về điều mình thích hay không thích.

2.2.1.2 Nói độc thoại: Trình bày trước người nghe

- Có thể trình bày ngắn gọn thông tin đã được chuẩn bị trước về một chủ đề quen thuộc thường ngày, trình bày được lý do và lý giải một cách ngắn gọn cho những quan điểm, kế hoạch và hành động.

- Có thể trả lời những câu hỏi trực tiếp với điều kiện có thể được hỏi lại và người nghe hỗ trợ giúp diễn đạt cách trả lời

2.2.2 Yêu cầu tổng quát cho kỹ năng nói tương tác

- Có thể giao tiếp về những vấn đề đơn giản, trao đổi thông tin đơn giản và trực tiếp về những vấn đề quen thuộc liên quan tới công việc và cuộc sống hằng ngày nhưng chưa thể duy trì hội thoại theo cách riêng của mình.

- Có thể giao tiếp một cách dễ dàng bằng những hội thoại ngắn trong những tình huống giao tiếp xác định mà không cần nỗ lực quá mức.

2.2.2.1 Nói tương tác: Hội thoại

- Có thể xử lý các giao tiếp xã hội ngắn nhưng chưa duy trì được hội thoại theo cách riêng của mình.

- Có thể sử dụng cách chào hỏi lịch sự, đơn giản thường ngày.

- Có thể mời, đề nghị, xin lỗi, cảm ơn và trả lời lời mời, đề nghị và xin lỗi.

- Có thể nói điều mình thích và không thích.

- Có thể tham gia những hội thoại ngắn trong những ngữ cảnh quen thuộc và về những chủ đề quan tâm.

2.2.2.2 Nói tương tác: Giao dịch hàng hóa và dịch vụ

- Có thể yêu cầu và cung cấp hàng hóa và dịch vụ hằng ngày như gọi ăn trong nhà hàng.

- Có thể lấy những thông tin cơ bản về hàng hóa và dịch vụ tại các cửa hàng, bưu điện hoặc ngân hàng.

- Có thể cung cấp và hiểu các thông tin liên quan tới số lượng, con số, giá cả cho các hàng hóa, dịch vụ.

- Có thể xử lý những tình huống hằng ngày khi đi du lịch như về chỗ ở, ăn uống và mua sắm.

2.2.2.3 Nói tương tác: Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn

- Có thể trả lời và khẳng định quan điểm của mình bằng diễn ngôn đơn giản khi trả lời phỏng vấn.

- Có thể làm cho người phỏng vấn hiểu được và trao đổi ý kiến, thông tin về những chủ đề quen thuộc, đôi khi vẫn cần nhắc lại câu hỏi hoặc tìm cách diễn đạt dễ hiểu hơn.

2.2.3 Yêu cầu phát âm và độ lưu loát

- Phát âm rõ ràng, tương đối chính xác nhóm từ, cách diễn đạt và câu ngắn tuy người đối thoại đôi khi vẫn phải yêu cầu nhắc lại.

- Có thể làm người đối thoại hiểu ý mình bằng cách bổ sung các chi tiết nhỏ, mặc dù còn ngập ngừng, cắt ngắn ý và khó khăn tìm cách diễn đạt lại.

2.2.4 Độ chuẩn xác và phù hợp về mặt ngôn ngữ xã hội

- Có thể sử dụng một số cách diễn đạt phù hợp liên quan đến các chủ đề hằng ngày.

- Có thể giao tiếp phù hợp với vai và hoàn cảnh giao tiếp đơn giản trong gia đình, lớp học, công việc thông thường.

2.2.5 Mức độ hoàn thành nhiệm vụ bài thi

- Chỉ hoàn thành phần đơn giản nhất của nhiệm vụ bài thi (trả lời các gợi ý đơn giản) ở mức rất hạn chế; phần lớn các câu trả lời có thể không phù hợp, mơ hồ hoặc bị bỏ qua (có thể do không hiểu văn bản).

2.3 Kỹ năng Đọc

2.3.1 Yêu cầu tổng quát cho kỹ năng đọc

- Có thể hiểu các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các vấn đề quen thuộc và cụ thể, có

thể sử dụng những từ thường gặp trong công việc hoặc đời sống hằng ngày.

2.3.2 Đọc lấy thông tin và lập luận

- Có thể xác định được thông tin cụ thể trong các văn bản đơn giản như thư từ, tờ thông tin và các bài báo ngắn mô tả sự kiện.

2.3.3 Đọc tìm thông tin

- Có thể tìm được các thông tin cụ thể, dễ đoán trước trong các văn bản đơn giản thường gặp hằng ngày như quảng cáo, thực đơn, danh mục tham khảo và thời gian biểu.

- Có thể định vị thông tin cụ thể trong các danh sách và tìm được thông tin mong muốn (ví dụ: sử dụng danh bạ điện thoại để tìm ra số điện thoại một loại hình dịch vụ nào đó).

2.3.4 Đọc văn bản giao dịch

- Có thể hiểu các loại thư từ và văn bản điện tử cơ bản (thư hỏi đáp, đơn đặt hàng, thư xác nhận, v.v...) về các chủ đề quen thuộc.

- Có thể hiểu các loại thư từ cá nhân ngắn gọn, đơn giản.

- Có thể hiểu các quy định, ví dụ quy định về an toàn, khi được diễn đạt bằng ngôn ngữ đơn giản.

- Có thể hiểu các hướng dẫn sử dụng đơn giản cho các thiết bị trong đời sống hằng ngày như điện thoại công cộng.

2.3.5 Đọc xử lý văn bản

- Có thể nhận ra và tái hiện các từ và cụm từ hoặc các câu ngắn từ một văn bản.

- Có thể sao chép các văn bản ngắn được trình bày dạng in hoặc viết tay.

2.4 Kỹ năng Viết

2.2.1 Yêu cầu tổng quát kỹ năng Viết sản sinh: Viết sáng tạo

- Có thể viết các mệnh đề, câu đơn giản và nối với nhau bằng các liên từ như: và, nhưng, vì.

- Có thể viết những cụm từ hay những câu đơn giản về gia đình, điều kiện sống, quá trình học tập và công việc hiện tại.

- Có thể viết tiểu sử giả tưởng một cách ngắn gọn.

2.4.2 Yêu cầu tổng quát cho kỹ năng viết tương tác

- Có thể viết những ghi chú ngắn, sử dụng biểu mẫu về những vấn đề thuộc lĩnh vực quan tâm.

2.4.2.1 Viết tương tác: Thư từ giao dịch

- Có thể viết những thư cá nhân đơn giản để cảm ơn hoặc xin lỗi.

2.4.2.2 Viết tương tác: Ghi chép, nhắn tin, điền biểu mẫu

- Có thể hiểu được những tin nhắn ngắn, đơn giản.

- Có thể viết các tin nhắn ngắn, đơn giản liên quan tới những vấn đề thuộc lĩnh vực quan tâm

2.4.3 Xử lý văn bản

- Có thể lựa chọn và tái tạo những từ, cụm từ quan trọng, hay những câu ngắn từ một đoạn văn ngắn trong khả năng và kinh nghiệm giới hạn của bản thân. Có thể chép lại những đoạn văn bản ngắn.

2.4.4 Tiêu chí ngôn ngữ chung

- Có vốn ngôn ngữ cơ bản để xử lý các tình huống hằng ngày với nội dung có thể đoán trước, mặc dù người viết vẫn phải điều chỉnh nội dung thông điệp và tìm từ. Có thể diễn đạt ngắn gọn những nhu cầu đơn giản trong sinh hoạt hằng ngày cụ thể như thông tin cá nhân, thói quen hằng ngày, mong muốn, nhu cầu, hỏi thông tin. Có thể sử dụng những kiểu câu đơn giản, những đoạn ngữ, cụm từ ngắn được ghi nhớ, những mô thức giao tiếp để diễn đạt về bản thân, về người khác, công việc, địa danh, vật sở hữu v.v... Có vốn từ hạn chế gồm những cụm từ ngắn được ghi nhớ về những tình huống cấp thiết có thể đoán trước; trong những tình huống không quen thuộc, vẫn thường xảy ra những hiểu nhầm và gián đoạn giao tiếp.

2.4.5 Phạm vi từ vựng

- Có đủ vốn từ để thực hiện các giao dịch thường nhật liên quan đến các tình huống và chủ đề quen thuộc. Có đủ vốn từ để diễn đạt những nhu cầu giao tiếp cơ bản và để xử lý những

nhu cầu tối giản.

2.4.6 Kiểm soát từ vựng

- Có khả năng kiểm soát được vốn từ hẹp thuộc các nhu cầu cụ thể hằng ngày.
- Sử dụng chính xác một số cấu trúc đơn giản nhưng vẫn mắc các lỗi cơ bản một cách hệ thống như có thiên hướng nhầm lẫn giữa các thì, không sử dụng dạng thích hợp của động từ với chủ ngữ. Tuy nhiên, người sử dụng vẫn thể hiện được rõ ràng ý mình muốn truyền đạt.

2.4.7 Độ chính xác về ngữ pháp

- Sử dụng chính xác một số cấu trúc đơn giản nhưng vẫn mắc các lỗi cơ bản một cách hệ thống như có thiên hướng nhầm lẫn giữa các thì, không sử dụng dạng thích hợp của động từ với chủ ngữ. Tuy nhiên, người sử dụng vẫn thể hiện được rõ ràng ý mình muốn truyền đạt.

2.4.8 Độ chính xác về chính tả

- Có thể chép các câu ngắn về các chủ đề hằng ngày, ví dụ các câu chỉ đường. Có thể viết chính xác âm tiết của các từ ngắn (không nhất thiết chuẩn mực tuyệt đối) sẵn có trong vốn từ khẩu ngữ của người học.

3. Các yêu cầu đánh giá

Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh/ thể hiện được khả năng:

Kỹ năng Nghe	Hiểu được các nhóm từ và từ vựng thường dùng về những chủ đề liên quan trực tiếp như gia đình, mua sắm, nơi ở, nghề nghiệp. Có thể hiểu được ý chính trong các thông báo ngắn, đơn giản và rõ ràng.
Kỹ năng Đọc	Hiểu các cụm từ và các từ ngữ thường gặp về các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến tôi (ví dụ: các thông tin cơ bản liên quan tới cá nhân và gia đình, mua sắm, địa lý địa phương, việc làm). Có thể hiểu ý chính của các văn bản ngắn gọn, rõ ràng, đơn giản.
Kỹ năng Nói tương tác	Giao tiếp được trong các tình huống đơn giản hằng ngày về bản thân, gia đình, nhà trường, nơi tôi sinh sống. Có thể thực hiện các giao tiếp đơn giản quen thuộc nhưng không duy trì được cuộc hội thoại.
Kỹ năng Nói sản sinh	Có thể sử dụng các cụm từ và các câu đã học để mô tả một cách đơn giản về gia đình tôi và những người khác; về điều kiện sống, quá trình học tập và công việc hiện tại hoặc gần đây nhất của tôi.
Kỹ năng Viết tương tác	Có thể viết tin nhắn đơn giản, ngắn gọn thuộc phạm vi nhu cầu cấp thiết. Có thể viết một lá thư cá nhân rất đơn giản, ví dụ thư cảm ơn.

4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học của người học.

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm
Các kỹ năng: Nghe, Nói, Đọc, Viết	Kiểm tra lần 1	Trắc nghiệm và vấn đáp trên lớp	Sau 20 tiết giảng
Các kỹ năng: Nghe, Nói, Đọc, Viết	Kiểm tra lần 2	Trắc nghiệm và vấn đáp trên lớp	Sau 40 tiết giảng

Các kỹ năng: Nghe, Nói, Đọc, Viết	Kiểm tra lần 3	Trắc nghiệm và vấn đáp trên lớp	Sau 60 tiết giảng
Các kỹ năng: Nghe, Nói, Đọc, Viết	Thi kết thúc môn học	Thi trắc nghiệm	Kết thúc học kỳ

5. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

Ngân hàng câu hỏi được xây dựng theo các mức độ phù hợp với các yêu cầu của chuẩn đầu ra ở mục 2

6. Đề kiểm tra, thi

CƠ CẤU ĐỀ THI, KIỂM TRA

Kiểm tra lần 1	Trắc nghiệm đối với các kỹ năng Nghe, Đọc, Viết và vấn đáp đối với Kỹ năng Nói	70p
Kiểm tra lần 2	Trắc nghiệm đối với các kỹ năng Nghe, Đọc, Viết và vấn đáp đối với Kỹ năng Nói	70p
Kiểm tra lần 3	Trắc nghiệm đối với các kỹ năng Nghe, Đọc, Viết và vấn đáp đối với Kỹ năng Nói	70p
Thi kết thúc môn học	50 câu hỏi trắc nghiệm, chọn đáp án đúng, không giải thích	60p

7. Ngưỡng đánh giá người học

Điểm D: người học đáp ứng các yêu cầu sử dụng các kỹ năng ngôn ngữ ở mức độ giao tiếp căn bản

Điểm C: người học đáp ứng các yêu cầu sử dụng các kỹ năng ngôn ngữ ở mức độ giao tiếp căn bản và có sự linh hoạt trong sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống ở mức độ trung bình.

Điểm B: người học đáp ứng các yêu cầu sử dụng các kỹ năng ngôn ngữ ở mức độ giao tiếp căn bản và có sự linh hoạt trong sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống ở mức độ linh hoạt.

Điểm A: người học đáp ứng các yêu cầu sử dụng các kỹ năng ngôn ngữ ở mức độ giao tiếp căn bản và có sự linh hoạt trong sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống ở mức độ thành thạo.

8. Kết quả đánh giá môn học

Thực hiện theo quy chế đào tạo: Điểm môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sau khi làm tròn được chuyển thành điểm chữ như sau

a) Loại đạt:	A	8,5 - 10	Giỏi
	B	7,0 - 8,4	Khá
	C	5,5 - 6,9	Trung bình
	D	4,0 - 5,4	Trung bình yếu
b) Loại không đạt:	F	dưới 4,0	Kém

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC

**NGÀNH: CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG**

I. Môn học: Tiếng Anh 2

1. Mục tiêu chung của môn học.

Mục tiêu của môn học này là người học hoàn thiện năng lực Tiếng Anh giao tiếp để: Có thể hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về gia đình, bản thân, đi mua hàng, hỏi đường, việc làm). Có thể trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày. Có thể mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu.

2. Chuẩn đầu ra của môn học

Người học khối không chuyên ngữ khi tốt nghiệp Cao đẳng, trình độ Tiếng Anh phải đạt trình độ A2 theo Khung tham chiếu Châu Âu tương đương Bậc 2 theo khung năng lực 6 Bậc dùng cho Việt Nam ban hành tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Cụ thể như sau:

2.1 Kỹ năng Nghe

2.1.1 Yêu cầu tổng quát đối với kỹ năng Nghe

- Có thể hiểu những cụm từ và cách diễn đạt liên quan tới nhu cầu thiết yếu hằng ngày (về gia đình, bản thân, mua sắm, nơi ở, học tập và làm việc...) khi được diễn đạt chậm và rõ ràng.

- Có thể hiểu được ý chính trong các giao dịch quen thuộc hằng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng.

2.1.2 Nghe hội thoại giữa những người bản ngữ hay những người không trực tiếp đối thoại

- Có thể xác định được chủ đề của các hội thoại diễn ra chậm và rõ ràng.

2.1.3 Nghe thông báo, hướng dẫn, chỉ dẫn

- Có thể hiểu được ý chính trong các thông báo hay tin nhắn thoại ngắn, rõ ràng, đơn giản.

- Có thể hiểu những hướng dẫn chỉ đường, sử dụng phương tiện giao thông công cộng đơn giản.

2.1.4 Nghe đài và xem truyền hình

- Có thể xác định thông tin chính của các bản tin trên đài và truyền hình tường thuật các sự kiện, tai nạn v.v...

2.2 Kỹ năng Nói

2.2.1 Yêu cầu tổng quát đối với kỹ năng Nói độc thoại

- Có thể giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hằng ngày liên quan đến công việc và thời gian rảnh rỗi.

- Có thể truyền đạt quan điểm, nhận định của mình trong các tình huống xã giao đơn giản, ngắn gọn nhưng chưa thể duy trì được các cuộc hội thoại.

2.2.1.1 Nói độc thoại: Mô tả kinh nghiệm

- Có thể mô tả về gia đình, điều kiện sống, trình độ học vấn, công việc hiện tại và công việc gần nhất trước đó.

- Có thể mô tả những những hoạt động trong cuộc sống thường ngày như tả người, địa điểm, công việc và kinh nghiệm học tập.

- Có thể mô tả các kế hoạch, thói quen hằng ngày, các hoạt động trong quá khứ và kinh

nghiệm cá nhân.

- Có thể diễn đạt đơn giản về điều mình thích hay không thích.

2.2.1.2 Nói độc thoại: Trình bày trước người nghe

- Có thể trình bày ngắn gọn thông tin đã được chuẩn bị trước về một chủ đề quen thuộc thường ngày, trình bày được lý do và lý giải một cách ngắn gọn cho những quan điểm, kế hoạch và hành động.

- Có thể trả lời những câu hỏi trực tiếp với điều kiện có thể được hỏi lại và người nghe hỗ trợ giúp diễn đạt cách trả lời

2.2.2 Yêu cầu tổng quát cho kỹ năng nói tương tác

- Có thể giao tiếp về những vấn đề đơn giản, trao đổi thông tin đơn giản và trực tiếp về những vấn đề quen thuộc liên quan tới công việc và cuộc sống hằng ngày nhưng chưa thể duy trì hội thoại theo cách riêng của mình.

- Có thể giao tiếp một cách dễ dàng bằng những hội thoại ngắn trong những tình huống giao tiếp xác định mà không cần nỗ lực quá mức.

2.2.2.1 Nói tương tác: Hội thoại

- Có thể xử lý các giao tiếp xã hội ngắn nhưng chưa duy trì được hội thoại theo cách riêng của mình.

- Có thể sử dụng cách chào hỏi lịch sự, đơn giản thường ngày.

- Có thể mời, đề nghị, xin lỗi, cảm ơn và trả lời lời mời, đề nghị và xin lỗi.

- Có thể nói điều mình thích và không thích.

- Có thể tham gia những hội thoại ngắn trong những ngữ cảnh quen thuộc và về những chủ đề quan tâm.

2.2.2.2 Nói tương tác: Giao dịch hàng hóa và dịch vụ

- Có thể yêu cầu và cung cấp hàng hóa và dịch vụ hằng ngày như gọi ăn trong nhà hàng.

- Có thể lấy những thông tin cơ bản về hàng hóa và dịch vụ tại các cửa hàng, bưu điện hoặc ngân hàng.

- Có thể cung cấp và hiểu các thông tin liên quan tới số lượng, con số, giá cả cho các hàng hóa, dịch vụ.

- Có thể xử lý những tình huống hằng ngày khi đi du lịch như về chỗ ở, ăn uống và mua sắm.

2.2.2.3 Nói tương tác: Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn

- Có thể trả lời và khẳng định quan điểm của mình bằng diễn ngôn đơn giản khi trả lời phỏng vấn.

- Có thể làm cho người phỏng vấn hiểu được và trao đổi ý kiến, thông tin về những chủ đề quen thuộc, đôi khi vẫn cần nhắc lại câu hỏi hoặc tìm cách diễn đạt dễ hiểu hơn.

2.2.3 Yêu cầu phát âm và độ lưu loát

- Phát âm rõ ràng, tương đối chính xác nhóm từ, cách diễn đạt và câu ngắn tuy người đối thoại đôi khi vẫn phải yêu cầu nhắc lại.

- Có thể làm người đối thoại hiểu ý mình bằng cách bổ sung các chi tiết nhỏ, mặc dù còn ngập ngừng, cắt ngắn ý và khó khăn tìm cách diễn đạt lại.

2.2.4 Độ chuẩn xác và phù hợp về mặt ngôn ngữ xã hội

- Có thể sử dụng một số cách diễn đạt phù hợp liên quan đến các chủ đề hằng ngày.

- Có thể giao tiếp phù hợp với vai và hoàn cảnh giao tiếp đơn giản trong gia đình, lớp học, công việc thông thường.

2.2.5 Mức độ hoàn thành nhiệm vụ bài thi

- Chỉ hoàn thành phần đơn giản nhất của nhiệm vụ bài thi (trả lời các gợi ý đơn giản) ở mức rất hạn chế; phần lớn các câu trả lời có thể không phù hợp, mơ hồ hoặc bị bỏ qua (có thể do không hiểu văn bản).

2.3 Kỹ năng Đọc

2.3.1 Yêu cầu tổng quát cho kỹ năng đọc

- Có thể hiểu các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các vấn đề quen thuộc và cụ thể, có thể sử dụng những từ thường gặp trong công việc hoặc đời sống hằng ngày.

2.3.2 Đọc lấy thông tin và lập luận

- Có thể xác định được thông tin cụ thể trong các văn bản đơn giản như thư từ, tờ thông tin và các bài báo ngắn mô tả sự kiện.

2.3.3 Đọc tìm thông tin

- Có thể tìm được các thông tin cụ thể, dễ đoán trước trong các văn bản đơn giản thường gặp hằng ngày như quảng cáo, thực đơn, danh mục tham khảo và thời gian biểu.

- Có thể định vị thông tin cụ thể trong các danh sách và tìm được thông tin mong muốn (ví dụ: sử dụng danh bạ điện thoại để tìm ra số điện thoại một loại hình dịch vụ nào đó).

2.3.4 Đọc văn bản giao dịch

- Có thể hiểu các loại thư từ và văn bản điện tử cơ bản (thư hỏi đáp, đơn đặt hàng, thư xác nhận, v.v...) về các chủ đề quen thuộc.

- Có thể hiểu các loại thư từ cá nhân ngắn gọn, đơn giản.

- Có thể hiểu các quy định, ví dụ quy định về an toàn, khi được diễn đạt bằng ngôn ngữ đơn giản.

- Có thể hiểu các hướng dẫn sử dụng đơn giản cho các thiết bị trong đời sống hằng ngày như điện thoại công cộng.

2.3.5 Đọc xử lý văn bản

- Có thể nhận ra và tái hiện các từ và cụm từ hoặc các câu ngắn từ một văn bản.

- Có thể sao chép các văn bản ngắn được trình bày dạng in hoặc viết tay.

2.4 Kỹ năng Viết

2.2.1 Yêu cầu tổng quát kỹ năng Viết sản sinh: Viết sáng tạo

- Có thể viết các mệnh đề, câu đơn giản và nối với nhau bằng các liên từ như: và, nhưng, vì.

- Có thể viết những cụm từ hay những câu đơn giản về gia đình, điều kiện sống, quá trình học tập và công việc hiện tại.

- Có thể viết tiểu sử giả tưởng một cách ngắn gọn.

2.4.2 Yêu cầu tổng quát cho kỹ năng viết tương tác

- Có thể viết những ghi chú ngắn, sử dụng biểu mẫu về những vấn đề thuộc lĩnh vực quan tâm.

2.4.2.1 Viết tương tác: Thư từ giao dịch

- Có thể viết những thư cá nhân đơn giản để cảm ơn hoặc xin lỗi.

2.4.2.2 Viết tương tác: Ghi chép, nhắn tin, điền biểu mẫu

- Có thể hiểu được những tin nhắn ngắn, đơn giản.

- Có thể viết các tin nhắn ngắn, đơn giản liên quan tới những vấn đề thuộc lĩnh vực quan tâm

2.4.3 Xử lý văn bản

- Có thể lựa chọn và tái tạo những từ, cụm từ quan trọng, hay những câu ngắn từ một đoạn văn ngắn trong khả năng và kinh nghiệm giới hạn của bản thân. Có thể chép lại những đoạn văn bản ngắn.

2.4.4 Tiêu chí ngôn ngữ chung

- Có vốn ngôn ngữ cơ bản để xử lý các tình huống hằng ngày với nội dung có thể đoán trước, mặc dù người viết vẫn phải điều chỉnh nội dung thông điệp và tìm từ. Có thể diễn đạt ngắn gọn những nhu cầu đơn giản trong sinh hoạt hằng ngày cụ thể như thông tin cá nhân, thói quen hằng ngày, mong muốn, nhu cầu, hỏi thông tin. Có thể sử dụng những kiểu câu đơn giản, những đoạn ngữ, cụm từ ngắn được ghi nhớ, những mô thức giao tiếp để diễn đạt về bản thân, về người khác, công việc, địa danh, vật sở hữu v.v... Có vốn từ hạn chế gồm những cụm từ ngắn được ghi nhớ về những tình huống cấp thiết có thể đoán trước; trong những tình huống không quen thuộc, vẫn thường xảy ra những hiểu nhầm và gián đoạn giao tiếp.

2.4.5 Phạm vi từ vựng

- Có đủ vốn từ để thực hiện các giao dịch thường nhật liên quan đến các tình huống và chủ đề quen thuộc. Có đủ vốn từ để diễn đạt những nhu cầu giao tiếp cơ bản và để xử lý những nhu cầu tối giản.

2.4.6 Kiểm soát từ vựng

- Có khả năng kiểm soát được vốn từ hẹp thuộc các nhu cầu cụ thể hằng ngày.
- Sử dụng chính xác một số cấu trúc đơn giản nhưng vẫn mắc các lỗi cơ bản một cách hệ thống như có thiên hướng nhầm lẫn giữa các thì, không sử dụng dạng thích hợp của động từ với chủ ngữ. Tuy nhiên, người sử dụng vẫn thể hiện được rõ ràng ý mình muốn truyền đạt.

2.4.7 Độ chính xác về ngữ pháp

- Sử dụng chính xác một số cấu trúc đơn giản nhưng vẫn mắc các lỗi cơ bản một cách hệ thống như có thiên hướng nhầm lẫn giữa các thì, không sử dụng dạng thích hợp của động từ với chủ ngữ. Tuy nhiên, người sử dụng vẫn thể hiện được rõ ràng ý mình muốn truyền đạt.

2.4.8 Độ chính xác về chính tả

- Có thể chép các câu ngắn về các chủ đề hằng ngày, ví dụ các câu chỉ đường. Có thể viết chính xác âm tiết của các từ ngắn (không nhất thiết chuẩn mực tuyệt đối) sẵn có trong vốn từ khẩu ngữ của người học.

3. Các yêu cầu đánh giá

Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh/ thể hiện được khả năng:	
Kỹ năng Nghe	Hiểu được các nhóm từ và từ vựng thường dùng về những chủ đề liên quan trực tiếp như gia đình, mua sắm, nơi ở, nghề nghiệp. Có thể hiểu được ý chính trong các thông báo ngắn, đơn giản và rõ ràng.
Kỹ năng Đọc	Hiểu các cụm từ và các từ ngữ thường gặp về các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến tôi (ví dụ: các thông tin cơ bản liên quan tới cá nhân và gia đình, mua sắm, địa lý địa phương, việc làm). Có thể hiểu ý chính của các văn bản ngắn gọn, rõ ràng, đơn giản.
Kỹ năng Nói tương tác	Giao tiếp được trong các tình huống đơn giản hằng ngày về bản thân, gia đình, nhà trường, nơi tôi sinh sống. Có thể thực hiện các giao tiếp đơn giản quen thuộc nhưng không duy trì được cuộc hội thoại.
Kỹ năng Nói sản sinh	Có thể sử dụng các cụm từ và các câu đã học để mô tả một cách đơn giản về gia đình tôi và những người khác; về điều kiện sống, quá trình học tập và công việc hiện tại hoặc gần đây nhất của tôi.
Kỹ năng Viết tương tác	Có thể viết tin nhắn đơn giản, ngắn gọn thuộc phạm vi nhu cầu cấp thiết. Có thể viết một lá thư cá nhân rất đơn giản, ví dụ thư cảm ơn.

4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học của người học.

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm
Các kỹ năng: Nghe, Nói, Đọc, Viết	Kiểm tra lần 1	Trắc nghiệm và vấn đáp trên lớp	Sau 20 tiết giảng
Các kỹ năng: Nghe, Nói, Đọc, Viết	Kiểm tra lần 2	Trắc nghiệm và vấn đáp trên lớp	Sau 40 tiết giảng
Các kỹ năng: Nghe, Nói, Đọc, Viết	Kiểm tra lần 3	Trắc nghiệm và vấn đáp trên lớp	Sau 60 tiết giảng
Các kỹ năng: Nghe, Nói, Đọc, Viết	Kiểm tra lần 4	Trắc nghiệm và vấn đáp trên lớp	Sau 90 tiết giảng

Các kỹ năng: Nghe, Nói, Đọc, Viết	Thi kết thúc môn học	Thi trắc nghiệm	Kết thúc học kỳ
-----------------------------------	----------------------	-----------------	-----------------

5. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

Ngân hàng câu hỏi được xây dựng theo các mức phù hợp với các yêu cầu của chuẩn đầu ra ở mục 2

6. Đề kiểm tra, thi

CƠ CẤU ĐỀ THI, KIỂM TRA

Kiểm tra lần 1	Trắc nghiệm đối với các kỹ năng Nghe, Đọc, Viết và vấn đáp đối với Kỹ năng Nói	70p
Kiểm tra lần 2	Trắc nghiệm đối với các kỹ năng Nghe, Đọc, Viết và vấn đáp đối với Kỹ năng Nói	70p
Kiểm tra lần 3	Trắc nghiệm đối với các kỹ năng Nghe, Đọc, Viết và vấn đáp đối với Kỹ năng Nói	70p
Kiểm tra lần 4	Trắc nghiệm đối với các kỹ năng Nghe, Đọc, Viết và vấn đáp đối với Kỹ năng Nói	70p
Thi kết thúc môn học	50 câu hỏi trắc nghiệm, chọn đáp án đúng, không giải thích	60p

7. Ngưỡng đánh giá người học

Điểm D: người học đáp ứng các yêu cầu sử dụng các kỹ năng ngôn ngữ ở mức độ giao tiếp căn bản

Điểm C: người học đáp ứng các yêu cầu sử dụng các kỹ năng ngôn ngữ ở mức độ giao tiếp căn bản và có sự linh hoạt trong sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống ở mức độ trung bình.

Điểm B: người học đáp ứng các yêu cầu sử dụng các kỹ năng ngôn ngữ ở mức độ giao tiếp căn bản và có sự linh hoạt trong sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống ở mức độ linh hoạt.

Điểm A: người học đáp ứng các yêu cầu sử dụng các kỹ năng ngôn ngữ ở mức độ giao tiếp căn bản và có sự linh hoạt trong sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống ở mức độ thành thạo.

8. Kết quả đánh giá môn học

Thực hiện theo quy chế đào tạo: Điểm môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sau khi làm tròn được chuyển thành điểm chữ như sau

a) Loại đạt:	A	8,5 - 10	Giỏi
	B	7,0 - 8,4	Khá
	C	5,5 - 6,9	Trung bình
	D	4,0 - 5,4	Trung bình yếu
b) Loại không đạt:	F	dưới 4,0	Kém

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC

**NGÀNH GDMN
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG**

I. Môn học: Pháp luật đại cương

1. Mục tiêu chung của môn học

Học phần trang bị cho người học tất cả các ngành những kiến thức lý luận cơ bản nhất về Nhà nước và pháp luật nói chung, nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa nói riêng. Trên cơ sở đó đi vào phân tích hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước ta hiện nay; quan hệ pháp luật và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật; các hình thức thực hiện pháp luật, xác định hành vi nào là vi phạm pháp luật và việc áp dụng trách nhiệm pháp lý đối với chủ thể vi phạm pháp luật; hệ thống các ngành luật hiện tại của Việt Nam; nguyên tắc và các biện pháp tăng cường pháp chế XHCN của Nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay. Các hành vi tham nhũng thường gặp và cách phòng, chống tham nhũng. Từ đó giúp cho người học có nhận thức, quan điểm đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước giúp cho sinh viên hiểu biết hơn về pháp luật để vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.

2. Chuẩn đầu ra của môn học

Để hoàn thành môn học, người học phải đạt được:

- Xác định được một số nội dung cơ bản về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hệ thống pháp luật của Việt Nam;
- Trình bày lại được một số nội dung cơ bản về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự; phòng, chống tham nhũng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;
- Nhận biết được cấu trúc, chức năng của các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội ở Việt Nam; các thành tố của hệ thống pháp luật và các loại văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam;
- Phân biệt được khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh và vận dụng được các kiến thức được học về pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự; phòng, chống tham nhũng; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vào việc xử lý các vấn đề liên quan trong các hoạt động hàng ngày.

3. Các yêu cầu đánh giá

Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh/ thể hiện được khả năng:	
- Xác định được một số nội dung cơ bản về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hệ thống pháp luật của Việt Nam; Nhận biết được cấu trúc, chức năng của các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội ở Việt Nam; các thành tố của hệ thống pháp luật và các loại văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam	- Khái niệm, bản chất, chức năng, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; - Các thành tố của hệ thống pháp luật và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam.

- Trình bày lại được một số nội dung cơ bản về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự; phòng, chống tham nhũng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; - Phân biệt được khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh và vận dụng được các kiến thức được học về pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự; phòng, chống tham nhũng; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vào việc xử lý các vấn đề liên quan trong các hoạt động hàng ngày.	- Khái niệm, vị trí của hiến pháp và một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Nội dung cơ bản về Luật dân sự - Quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và các vấn đề cơ bản về hợp đồng - Một số nội dung cơ bản về Luật lao động - Quyền, nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động và một số vấn đề cơ bản khác trong pháp luật lao động - Một số nội dung cơ bản về Luật hành chính - Các dấu hiệu vi phạm hành chính, nguyên tắc và các hình thức xử lý vi phạm hành chính - Một số nội dung cơ bản của Luật hình sự. - Các loại tội phạm và các hình phạt - Một số nội dung về phòng, chống tham nhũng và các điểm chính của Luật Phòng, chống tham nhũng - Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân trong công tác phòng, chống tham nhũng. - Quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng - Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng
---	--

4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học của người học

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm
Xác định được một số nội dung cơ bản về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hệ thống pháp luật của Việt Nam; Trình bày lại được một số nội dung cơ bản về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự; phòng, chống tham nhũng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;	Kiểm tra lần 1	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 15 tiết giảng
Trình bày lại được khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh và vận dụng được các kiến thức được học về pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự; phòng, chống tham nhũng; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vào việc xử lý các vấn đề liên quan trong các hoạt động hàng ngày	Kiểm tra lần 2	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 29 tiết giảng
Đánh giá quá trình tham gia học của người học thông qua việc xây dựng bài trên lớp, chữa bài tập, đi học đầy đủ.	Điểm chuyên cần	Giáo viên đánh giá	Sau khi kết thúc môn học

Nhận biết được cấu trúc, chức năng của các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội ở Việt Nam; các thành tố của hệ thống pháp luật và các loại văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam; Phân biệt được khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh và vận dụng được các kiến thức được học về pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự; phòng, chống tham nhũng; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vào việc xử lý các vấn đề liên quan trong các hoạt động hàng ngày; phân tích xử lý tình huống pháp luật.	Thi kết thúc môn học	Thi viết	Kết thúc học kỳ
---	----------------------	----------	-----------------

5. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

Ngân hàng câu hỏi được xây dựng theo các mức độ Nhớ, Hiểu, Vận dụng, Phân tích phù hợp với các yêu cầu của chuẩn đầu ra ở mục 2.

6. Đề kiểm tra, đề thi

Kiểm tra lần 1	Trắc nghiệm
Kiểm tra lần 2	Trắc nghiệm và phân tích xử lý tình huống
Thi kết thúc môn học	Gồm 2 phần 1. Phần lý thuyết: 35 câu hỏi trắc nghiệm, chọn đáp án đúng, không giải thích 2. Phần bài tập: 05 bài tập ngắn xử lý tình huống

7. Ngưỡng đánh giá người học

Điểm D: người học đáp ứng các yêu cầu đánh giá của môn học ở mức độ nhớ được các nội dung lý thuyết.

Điểm C: người học đạt mức điểm D và phải thể hiện rằng hiểu được vấn đề trong bài kiểm tra, bài thi.

Điểm B: người học đạt mức điểm C và phải thể hiện khả năng lập luận logic, mạch lạc, biết ứng dụng các nội dung trong các trường hợp thực tế ở bài kiểm tra, bài thi.

Điểm A: người học đạt mức điểm B và phải thể hiện tư duy tổng hợp cao trong bài thi, kiểm tra; biết cách phân tích, vận dụng lý thuyết, các thông tin, minh chứng và lập luận xác đáng thuyết phục cao khi đưa ra các kết luận.

8. Kết quả đánh giá môn học

Thực hiện theo quy chế đào tạo: Điểm môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sau khi làm tròn được chuyển thành điểm chữ như sau

a) Loại đạt:	A	8,5 - 10	giỏi
	B	7,0 - 8,4	Khá
	C	5,5 - 6,9	trung bình
	D	4,0 - 5,4	trung bình yếu
b) Loại không đạt:	F	dưới 4,0	Kém

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC

NGÀNH: Môn chung
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

I. Môn học: Kỹ năng giao tiếp

1. Mục tiêu chung của môn học.

Trang bị cho học sinh (HS) những kiến thức cơ bản nhất về khoa học giao tiếp và ứng xử theo truyền thống dân tộc và theo thông lệ quốc tế, phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn hiện nay.

2. Chuẩn đầu ra của môn học

Để hoàn thành môn học, người học phải đạt được:

Nhớ được khái niệm giao tiếp; xác định được vai trò của giao tiếp, các hình thức và phương tiện giao tiếp; nêu được các nguyên tắc giao tiếp và ý nghĩa của các nguyên tắc đó trong giao tiếp, phân loại được các kỹ năng giao tiếp.

Hiểu được một số kỹ năng giao tiếp: kỹ năng làm quen, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng nói trước đám đông, kỹ năng giải quyết xung đột và kỹ năng khắc phục khó khăn trong giao tiếp;

Áp dụng được các kỹ năng giao tiếp trong gia đình, nhà trường, xã hội, trong tìm kiếm việc làm và tại nơi làm việc, có thái độ giao tiếp đúng mực, luôn chủ động và tích cực rèn luyện kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống, xác định được các kỹ năng giao tiếp cơ bản trong tìm kiếm việc làm và tại nơi làm việc.

3. Các yêu cầu đánh giá

Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh/ thể hiện được khả năng:	
Nhớ được khái niệm giao tiếp; xác định được vai trò của giao tiếp, các hình thức và phương tiện giao tiếp; nêu được các nguyên tắc giao tiếp và ý nghĩa của các nguyên tắc đó trong giao tiếp, phân loại được các kỹ năng giao tiếp.	- Khái niệm về giao tiếp, các loại giao tiếp, các chức năng của giao tiếp - Bản chất, đặc điểm của các quá trình: Truyền thông, nhận thức, ảnh hưởng tác động qua giao tiếp - Giá trị biểu đạt của mỗi phương tiện giao tiếp, khái niệm đặc trưng của phong cách giao tiếp.
Hiểu được một số kỹ năng giao tiếp: kỹ năng làm quen, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng nói trước đám đông, kỹ năng giải quyết xung đột và kỹ năng khắc phục khó khăn trong giao tiếp;	- Hiểu được tầm quan trọng của các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng: lắng nghe, đặt câu hỏi, thuyết phục, viết, đọc tóm tắt văn bản. - Biết nói, đặt câu hỏi, thuyết phục nghe, đọc viết, ứng xử hiệu quả hơn trong giao tiếp. - Hiểu được các ý nghĩa của các nghi thức thông lệ trong tiếp xúc trực tiếp - Thực hiện được các nghi thức thông lệ trong tiếp xúc trực tiếp - Biết lập kế hoạch và tiến hành cuộc thương lượng hiệu quả hơn.

Áp dụng được các kỹ năng giao tiếp trong gia đình, nhà trường, xã hội, trong tìm kiếm việc làm và tại nơi làm việc, có thái độ giao tiếp đúng mực, luôn chủ động và tích cực rèn luyện kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống, xác định được các kỹ năng giao tiếp cơ bản trong tìm kiếm việc làm và tại nơi làm việc.	- Vận dụng gọi và trả lời điện thoại hiệu quả hơn. - Xác định được cách viết phù hợp đối với mỗi loại thư tín, tiến hành giao dịch qua thư tín hiệu quả hơn. - Hiểu và thấy được tầm quan trọng của các mối quan hệ giao tiếp cụ thể trong văn phòng, biết cách giao tiếp, ứng xử trong văn phòng hiệu quả hơn. - Thiết lập và tiến hành giao tiếp hiệu quả hơn.
--	---

4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học của người học.

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm
Nhớ được khái niệm giao tiếp; xác định được vai trò của giao tiếp, các hình thức và phương tiện giao tiếp; nêu được các nguyên tắc giao tiếp và ý nghĩa của các nguyên tắc đó trong giao tiếp, phân loại được các kỹ năng giao tiếp.	Kiểm tra lần 1	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 15 tiết giảng
Hiểu được một số kỹ năng giao tiếp: kỹ năng làm quen, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng nói trước đám đông, kỹ năng giải quyết xung đột và kỹ năng khắc phục khó khăn trong giao tiếp;	Kiểm tra lần 2	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 30 tiết giảng
Đánh giá quá trình tham gia học của người học thông qua việc xây dựng bài trên lớp, chữa bài tập, đi học đầy đủ.	Điểm chuyên cần	Giáo viên đánh giá	Sau khi kết thúc môn học
Áp dụng được các kỹ năng giao tiếp trong gia đình, nhà trường, xã hội, trong tìm kiếm việc làm và tại nơi làm việc, có thái độ giao tiếp đúng mực, luôn chủ động và tích cực rèn luyện kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống, xác định được các kỹ năng giao tiếp cơ bản trong tìm kiếm việc làm và tại nơi làm việc.	Thi kết thúc môn học	Thi viết	Kết thúc học kỳ

5. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

Ngân hàng câu hỏi được xây dựng theo các mức độ Nhớ, Hiểu, Áp dụng, Phân tích phù hợp với các yêu cầu của chuẩn đầu ra ở mục 2

6. Đề kiểm tra, thi

CƠ CẤU ĐỀ THI, KIỂM TRA

Kiểm tra lần 1	Bài tự luận
----------------	-------------

Kiểm tra lần 2	Bài tự luận và phân tích xử lý tình huống
Thi kết thúc môn học	Gồm 2 phần - Phần lý thuyết: 24 câu hỏi tự luận - Phần bài tập: 02 bài tập ngắn xử lý tình huống

7. Ngưỡng đánh giá người học

Điểm D: người học đáp ứng các yêu cầu đánh giá của môn học ở mức độ nhớ được các nội dung lý thuyết.

Điểm C: người học đạt mức điểm D và phải thể hiện rằng hiểu được vấn đề trong bài kiểm tra, bài thi.

Điểm B: người học đạt mức điểm C và phải thể hiện khả năng lập luận logic, mạch lạc, biết ứng dụng các nội dung trong các trường hợp thực tế ở bài kiểm tra, bài thi.

Điểm A: người học đạt mức điểm B và phải thể hiện tư duy tổng hợp cao trong bài thi, kiểm tra; biết cách phân tích, vận dụng lý thuyết, các thông tin, minh chứng và lập luận xác đáng thuyết phục cao khi đưa ra các kết luận.

8. Kết quả đánh giá môn học

Thực hiện theo quy chế đào tạo: Điểm môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sau khi làm tròn được chuyển thành điểm chữ như sau

a) Loại đạt:	A	8,5 - 10	giỏi
	B	7,0 - 8,4	khá
	C	5,5 - 6,9	trung bình
	D	4,0 - 5,4	trung bình yếu
b) Loại không đạt:	F	dưới 4,0	kém

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC

NGÀNH: ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN MẦM NON TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

I. Môn học 1: Công nghệ thông tin cơ bản

1. Mục tiêu chung của môn học

Mục tiêu của môn học này giúp sinh viên đạt được chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Môn học nghiên cứu các vấn đề liên quan đến những nội dung cơ bản về máy tính và công nghệ thông tin, cũng như việc sử dụng máy tính trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp sau này.

2. Chuẩn đầu ra của môn học

Để hoàn thành môn học, người học phải đạt được:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về: Công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng máy tính, xử lý văn bản, sử dụng bảng tính, trình chiếu, internet.
- Nhận diện được các thiết bị phần cứng chủ yếu, phần mềm thường dùng; tuân thủ đúng các quy định trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin
- Khởi động, tắt được máy tính, máy in theo đúng quy trình. Thực hiện được việc quản lý thư mục, tập tin; cài đặt, gỡ bỏ và sử dụng được một số phần mềm tiện ích thông dụng
- Soạn thảo được văn bản bảo đảm đúng các yêu cầu về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính; in ấn và phân phối văn bản bảo đảm đúng quy định
- Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính Microsoft Excel để tạo bảng tính, trang tính; nhập và định dạng dữ liệu; sử dụng các biểu thức toán học, một số hàm cơ bản để xử lý một số bài toán thực tế
- Sử dụng được phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint để soạn thảo nội dung, thiết kế và trình chiếu các nội dung cần thiết cho một bài thuyết trình thông thường
- Thực hiện được một số thao tác xử lý cơ bản trên Internet, thư điện tử và tìm kiếm thông tin.

3. Các yêu cầu đánh giá

- Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh/ thể hiện được khả năng:

Trình bày được một số kiến thức cơ bản về: Công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng máy tính, xử lý văn bản, sử dụng bảng tính, trình chiếu, internet	- Một số khái niệm: thông tin, dữ liệu, phần cứng, phần mềm, mạng máy tính, Internet, Intranet, Extranet, bản quyền, sở hữu trí tuệ, hệ điều hành windows, thư mục, tệp tin, đường dẫn, văn bản, xử lý văn bản, bảng tính, trang tính, bài thuyết trình, WWW, thư điện tử.
Nhận diện được các thiết bị phần cứng chủ yếu, phần mềm thường dùng; tuân thủ đúng các quy định trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin	- Gọi tên và chỉ ra được các thiết bị phần cứng chủ yếu, các phần mềm thường dùng trong máy tính - Liệt kê một số ứng dụng của công nghệ thông tin trong đời sống (kinh doanh, liên lạc, ...) - Mô tả cách sử dụng máy tính an toàn, hiệu quả để bảo vệ môi trường và bảo vệ an toàn thông tin khi làm việc với máy tính
Khởi động, tắt được máy tính, máy in theo đúng quy trình. Thực	- Khởi động, tắt máy tính, máy in theo đúng quy trình - Thực hiện được các thao tác: tạo, đổi tên, sao chép, di

hiện được việc quản lý thư mục, tập tin; cài đặt, gỡ bỏ và sử dụng được một số phần mềm tiện ích thông dụng	chuyển, xóa, khôi phục, tìm kiếm tập tin và thư mục - Cài đặt, gỡ bỏ và sử dụng được một số phần mềm tiện ích thông dụng (nén - giải nén, diệt virus, sử dụng tiếng việt)
Soạn thảo được văn bản bảo đảm đúng các yêu cầu về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính; in ấn và phân phối văn bản bảo đảm đúng quy định	- Thực hiện được các thao tác với tập tin văn bản - Thực hiện soạn thảo văn bản bảo đảm đúng các yêu cầu về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính - Thực hiện in ấn và phân phối văn bản bảo đảm đúng quy định
Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính Microsoft Excel để tạo bảng tính, trang tính; nhập và định dạng dữ liệu; sử dụng các biểu thức toán học, một số hàm cơ bản để tính toán một số bài toán thực tế	- Thực hiện được các thao tác với bảng tính, trang tính - Nhập và định dạng dữ liệu trên bảng tính Excel - Sử dụng các biểu thức toán học, các hàm cơ bản để xử lý một số bài toán thực tế.
Sử dụng được phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint để soạn thảo nội dung, thiết kế và trình chiếu các nội dung cần thiết cho một bài thuyết trình thông thường	- Soạn thảo nội dung, thiết kế và trình chiếu các nội dung cần thiết trong một bài thuyết trình thông thường
Sử dụng được các thao tác xử lý cơ bản trên Internet, thư điện tử và tìm kiếm thông tin.	- Thực hiện được một số thao tác xử lý cơ bản trên phần mềm duyệt web: duyệt web, thiết đặt, đánh dấu trang web - Thực hiện được một số thao tác với thư điện tử: soạn - gửi thư, đọc - trả lời thư - Tìm kiếm được thông tin trên internet

4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học của người học

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm
Trình bày được một số kiến thức cơ bản về: Công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng máy tính, xử lý văn bản, sử dụng bảng tính, trình chiếu, internet	Điểm chuyên cần	Giáo viên phát vấn và đánh giá	Trong quá trình giảng dạy
Nhận diện được các thiết bị phần cứng chủ yếu, phần mềm thường dùng; tuân thủ đúng các quy định trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin	Điểm chuyên cần	Giáo viên phát vấn và đánh giá	Trong quá trình giảng dạy chương I
Khởi động, tắt được máy tính, máy in theo đúng quy trình. Thực hiện được việc quản lý thư mục, tập tin; cài đặt, gỡ bỏ và sử dụng được một số phần mềm tiện ích thông dụng	Điểm chuyên cần	- Giáo viên phát vấn và đánh giá - Đánh giá quá trình thực hành tại phòng thực hành máy tính	Trong quá trình giảng dạy chương II
	Kiểm tra lần 1	Kiểm tra thực hành tại phòng thực hành máy tính	Sau khi kết thúc chương III
Soạn thảo được văn bản bảo đảm đúng các yêu cầu về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính; in	Điểm chuyên cần	- Giáo viên phát vấn và đánh giá - Đánh giá quá trình thực	Trong quá trình giảng dạy chương III

ấn và phân phối văn bản bảo đảm đúng quy định		hành tại phòng thực hành máy tính	
	Kiểm tra lần 1	Kiểm tra thực hành tại phòng thực hành máy tính	Sau khi kết thúc chương III
	Thi kết thúc học phần	Kiểm tra thực hành tại phòng thực hành máy tính	Kết thúc học kỳ
Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính Microsoft Excel để tạo bảng tính, trang tính; nhập và định dạng dữ liệu; sử dụng các biểu thức toán học, một số hàm cơ bản để tính toán một số bài toán thực tế	Điểm chuyên cần	- Giáo viên phát vấn và đánh giá - Đánh giá quá trình thực hành tại phòng thực hành máy tính	Trong quá trình giảng dạy chương IV
	Kiểm tra lần 2	Kiểm tra thực hành tại phòng thực hành máy tính	Sau khi kết thúc chương VI
	Thi kết thúc học phần	Kiểm tra thực hành tại phòng thực hành máy tính	Kết thúc học kỳ
Sử dụng được phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint để soạn thảo nội dung, thiết kế và trình chiếu các nội dung cần thiết cho một bài thuyết trình thông thường	Điểm chuyên cần	- Giáo viên phát vấn và đánh giá - Đánh giá quá trình thực hành tại phòng thực hành máy tính	Trong quá trình giảng dạy chương V
	Kiểm tra lần 2	Kiểm tra thực hành tại phòng thực hành máy tính	Sau khi kết thúc chương VI
	Thi kết thúc học phần	Kiểm tra thực hành tại phòng thực hành máy tính	Kết thúc học kỳ
Sử dụng được các thao tác xử lý cơ bản trên Internet, thư điện tử và tìm kiếm thông tin.	Điểm chuyên cần	- Giáo viên phát vấn và đánh giá - Đánh giá quá trình thực hành tại phòng thực hành máy tính	Trong quá trình giảng dạy chương VI
	Kiểm tra lần 2	Kiểm tra thực hành tại phòng thực hành máy tính	Sau khi kết thúc chương VI

5. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

Ngân hàng câu hỏi được xây dựng theo các mức độ Nhớ, Hiểu, Vận dụng, Phân tích phù hợp với các yêu cầu của chuẩn đầu ra ở mục 2.

6. Đề kiểm tra, đề thi

Tùy từng môn học sẽ có số bài kiểm tra tương ứng và bài thi kết thúc môn học.

7. Ngưỡng đánh giá người học

- Tương ứng với điểm số theo thang điểm 10 được quy đổi qua điểm chữ thang điểm 4.

8. Kết quả đánh giá môn học

Thực hiện theo quy chế đào tạo: Điểm môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sau khi làm tròn được chuyển thành điểm chữ như sau:

a) Loại đạt:	A	8,5 - 10	giỏi
	B	7,0 - 8,4	khá
	C	5,5 - 6,9	trung bình
	D	4,0 - 5,4	trung bình yếu
b) Loại không đạt:	F	dưới 4,0	kém

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC**NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG****I. Môn học : Môi trường và Con người****1. Mục tiêu chung của môn học**

- Mục tiêu chung của môn học là cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về sinh thái học và môi trường. Qua đó sinh viên có các kỹ năng quan sát, đánh giá và giải quyết vấn đề, có thái độ hành vi tích cực trong công tác bảo vệ môi trường, các hệ sinh thái nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Chuẩn đầu ra của môn học

Để hoàn thành môn học, người học phải đạt được:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về: cơ sở sinh thái học, các quy luật cơ bản của sinh thái học: quần thể, quần xã, hệ sinh thái.

- Phân tích được sự chuyển hóa vật chất và chuyển hóa năng lượng trong hệ sinh thái.

- Mô tả được sinh quyển và những môi trường sống chính.

- Trình bày và phân loại được các dạng tài nguyên thiên nhiên.

- Giải thích được sự tác động của con người tới môi trường và từ đó đưa ra các giải pháp bảo vệ môi trường. Phân tích được hậu quả của việc gia tăng dân số; vấn đề lương thực; chất thải và ô nhiễm môi trường.

- Hình thành được một số kỹ năng về thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tìm kiếm thông tin về môi trường trên internet trong học tập học phần giáo dục môi trường.

3. Các yêu cầu đánh giá

- Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh/ thể hiện được khả năng:

Trình bày được một số kiến thức cơ bản về: cơ sở sinh thái học, các quy luật cơ bản của sinh thái học: quần thể, quần xã, hệ sinh thái.	- Một số khái niệm: môi trường, các chức năng của môi trường, các nhân tố sinh thái, các quy luật cơ bản của sinh thái học, quần thể, quần xã, hệ sinh thái và cơ chế hoạt động của chúng
Phân tích được sự chuyển hóa vật chất và chuyển hóa năng lượng trong hệ sinh thái	- Trình bày được sự chuyển hóa vật chất trong hệ sinh thái: chuỗi thức ăn, lưới thức ăn, bậc dinh dưỡng, tháp sinh thái. Mô tả và phân tích các chu trình vật chất và các con đường hoàn lại vật chất trong hệ sinh thái - Trình bày được sự chuyển hóa năng lượng trong hệ sinh thái và phân tích được sự chuyển hóa năng lượng này
Mô tả được sinh quyển và những môi trường sống chính	- Trình bày được các khái niệm về sinh quyển, sinh thái quyển. - Liệt kê được các môi trường sống chính trên trái đất
Trình bày và phân loại được các dạng tài nguyên thiên nhiên.	- Trình bày được các dạng tài nguyên thiên nhiên: Tài nguyên đất, rừng, đa dạng sinh học, nước, khoáng sản, năng lượng.
Giải thích được sự tác động của con người tới môi trường và từ đó đưa ra các giải pháp	- Trình bày được sự tác động của con người tới môi trường. - Trình bày và phân tích được hậu quả của sự gia tăng dân số, vấn đề lương thực, vấn đề lương thực; chất thải và ô

bảo vệ môi trường. Phân tích được hậu quả của việc gia tăng dân số; vấn đề lương thực; chất thải và ô nhiễm môi trường.	nhiễm môi trường.
Hình thành được một số kỹ năng về thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tìm kiếm thông tin về môi trường trên internet trong học tập học phần giáo dục môi trường.	- Thực hiện tìm kiếm thông tin về môi trường trên internet tại thư viện, trong quá trình tự học tại nhà và thực hiện làm việc theo nhóm. - Thực hiện thuyết trình trước nhóm với các chủ đề nội dung tự chọn về môi trường, bảo vệ môi trường.

4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học của người học

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm
Trình bày được một số kiến thức cơ bản về: cơ sở sinh thái học, các quy luật cơ bản của sinh thái học: quần thể, quần xã, hệ sinh thái.	Điểm chuyên cần	Giáo viên phát vấn và đánh giá	Trong quá trình giảng dạy chương I, II, III, IV
Phân tích được sự chuyển hóa vật chất và chuyển hóa năng lượng trong hệ sinh thái	Điểm chuyên cần	Giáo viên phát vấn và đánh giá	Trong quá trình giảng dạy chương IV
	Kiểm tra lần 1	Kiểm tra lần 1 tại lớp học	Sau khi kết thúc chương IV
Mô tả được sinh quyển và những môi trường sống chính	Điểm chuyên cần	- Giáo viên phát vấn và đánh giá	Trong quá trình giảng dạy phần 2 chương I
Trình bày và phân loại được các dạng tài nguyên thiên nhiên.	Điểm chuyên cần	- Giáo viên phát vấn và đánh giá	Trong quá trình giảng dạy phần 2 chương II
Giải thích được sự tác động của con người tới môi trường và từ đó đưa ra các giải pháp bảo vệ môi trường. Phân tích được hậu quả của việc gia tăng dân số; vấn đề lương thực; chất thải và ô nhiễm môi trường.	Điểm chuyên cần	- Giáo viên phát vấn và đánh giá	Trong quá trình giảng dạy phần 2 chương III
	Kiểm tra lần 2	Kiểm tra lần 2 tại lớp học	Sau khi kết thúc phần 2 chương III
Hình thành được một số kỹ năng về thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tìm kiếm thông tin về môi trường trên internet trong học tập học phần giáo dục môi trường.	Điểm chuyên cần	- Giáo viên phát vấn, quan sát và đánh giá	Trong quá trình giảng dạy phần 2 chương III
	Thi kết thúc học phần	Kiểm tra lý thuyết	Kết thúc học kỳ

5. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

Ngân hàng câu hỏi được xây dựng theo các mức độ Nhớ, Hiểu, Áp dụng, Phân tích phù hợp với các yêu cầu của chuẩn đầu ra ở mục 2

6. Đề kiểm tra, thi

CƠ CẤU ĐỀ THI, KIỂM TRA

Kiểm tra lần 1	Tự luận
Kiểm tra lần 2	Thực hành
Thi kết thúc môn học	Gồm 2 phần: - Phần lý thuyết: 01-02 câu hỏi tự luận - Phần bài tập: 01 bài tập

7. Ngưỡng đánh giá người học

Điểm D: người học đáp ứng các yêu cầu đánh giá của môn học ở mức độ nhớ được các nội dung lý thuyết.

Điểm C: người học đạt mức điểm D và phải thể hiện rằng hiểu được vấn đề trong bài kiểm tra, bài thi.

Điểm B: người học đạt mức điểm C và phải thể hiện khả năng lập luận logic, mạch lạc, biết ứng dụng các nội dung trong các trường hợp thực tế ở bài kiểm tra, bài thi.

Điểm A: người học đạt mức điểm B và phải thể hiện tư duy tổng hợp cao trong bài thi, kiểm tra; biết cách phân tích, vận dụng lý thuyết, các thông tin, minh chứng và lập luận xác đáng thuyết phục cao khi đưa ra các kết luận.

8. Kết quả đánh giá môn học

Thực hiện theo quy chế đào tạo: Điểm môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sau khi làm tròn được chuyển thành điểm chữ như sau

a) Loại đạt:	A	8,5 - 10	giỏi
	B	7,0 - 8,4	khá
	C	5,5 - 6,9	trung bình
	D	4,0 - 5,4	trung bình yếu
b) Loại không đạt:	F	dưới 4,0	kém

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC

NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON

TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

I. Môn học : Giáo dục môi trường

1. Mục tiêu chung của môn học

- Mục tiêu chung của môn học là cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về môi trường và khoa học môi trường và tài nguyên thiên nhiên, sự tác động của con người tới môi trường; phát triển bền vững. Qua đó sinh viên có các kỹ năng quan sát, đánh giá và giải quyết vấn đề, có thái độ hành vi tích cực trong công tác bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Chuẩn đầu ra của môn học

Để hoàn thành môn học, người học phải đạt được:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về: Khoa học môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

- Mô tả được sự xuất hiện của sinh thái quyển và các nhân tố sinh thái của môi trường, môi trường đất, nước, không khí.

- Giải thích được sự tác động của con người tới môi trường và từ đó đưa ra các giải pháp bảo vệ môi trường.

- Phân tích được các vấn đề nền tảng về môi trường và phát triển bền vững.

- Hình thành được các kiến thức về nội dung giáo dục môi trường trong cộng đồng và giáo dục mầm non cho công việc giảng dạy học sinh sau này;

- Hình thành được một số kỹ năng về thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tìm kiếm thông tin về môi trường trên internet trong học tập học phần giáo dục môi trường.

3. Các yêu cầu đánh giá

- Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh/ thể hiện được khả năng:

Trình bày được một số kiến thức cơ bản về: Khoa học môi trường và tài nguyên thiên nhiên.	- Một số khái niệm: môi trường, phân loại môi trường, khoa học môi trường, các chức năng của môi trường, các khái niệm, phân loại, đánh giá tài nguyên thiên nhiên và các dạng tài nguyên thiên nhiên.
Mô tả được sự xuất hiện của sinh thái quyển và các nhân tố sinh thái của môi trường, môi trường đất, nước, không khí.	- Trình bày được sự xuất hiện của sinh thái quyển và các nhân tố sinh thái của môi trường - Trình bày được đặc điểm môi trường đất và các hệ sinh thái trên cạn, môi trường nước và môi trường không khí
Giải thích được sự tác động của con người tới môi trường và từ đó đưa ra các giải pháp bảo vệ môi trường.	- Trình bày được lịch sử tác động của con người tới môi trường - Liệt kê và giải thích được những vấn đề ô nhiễm môi trường và sự hủy hoại môi trường tự nhiên hiện nay
Phân tích được các vấn đề nền tảng về môi trường và phát triển bền vững	- Trình bày được các vấn đề về nền tảng môi trường như: dân số, lương thực, năng lượng, phát triển bền vững. - Giải thích được các tác động của các vấn đề nền tảng môi trường từ đó đưa ra các giải pháp.
Hình thành được các kiến thức	- Trình bày được các nội dung giáo dục môi trường: nội

về nội dung giáo dục môi trường trong cộng đồng và giáo dục mầm non cho công việc giảng dạy học sinh sau này;	dung phần cứng, nội dung phần mềm. Liên hệ thực tiễn về các nội dung đó. - Đưa các ý kiến về hoạt động giáo dục môi trường hiện nay.
Hình thành được một số kỹ năng về thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tìm kiếm thông tin về môi trường trên internet trong học tập học phần giáo dục môi trường.	- Thực hiện tìm kiếm thông tin về môi trường trên internet tại thư viện, trong quá trình tự học tại nhà và thực hiện làm việc theo nhóm. - Thực hiện thuyết trình trước nhóm với các chủ đề nội dung tự chọn về môi trường, bảo vệ môi trường.

4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học của người học

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm
Trình bày được một số kiến thức cơ bản về: Khoa học môi trường và tài nguyên thiên nhiên.	Điểm chuyên cần	Giáo viên phát vấn và đánh giá	Trong quá trình giảng dạy
Mô tả được sự xuất hiện của sinh thái quyển và các nhân tố sinh thái của môi trường, môi trường đất, nước, không khí.	Điểm chuyên cần	Giáo viên phát vấn và đánh giá	Trong quá trình giảng dạy chương I
Giải thích được sự tác động của con người tới môi trường và từ đó đưa ra các giải pháp bảo vệ môi trường.	Điểm chuyên cần	- Giáo viên phát vấn và đánh giá	Trong quá trình giảng dạy chương II
	Kiểm tra lần 1	Kiểm tra lần 1 tại lớp học	Sau khi kết thúc chương III
Phân tích được các vấn đề nền tảng về môi trường và phát triển bền vững	Điểm chuyên cần	- Giáo viên phát vấn và đánh giá	Trong quá trình giảng dạy chương III
Hình thành được các kiến thức về nội dung giáo dục môi trường trong cộng đồng và giáo dục mầm non cho công việc giảng dạy học sinh sau này;	Điểm chuyên cần	- Giáo viên phát vấn và đánh giá	Trong quá trình giảng dạy chương IV
Hình thành được một số kỹ năng về thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tìm kiếm thông tin về môi trường trên internet trong học tập học phần giáo dục môi trường.	Điểm chuyên cần	- Giáo viên phát vấn và đánh giá - Đánh giá quá trình thực hành tại phòng thực hành máy tính	Trong quá trình giảng dạy chương V
	Kiểm tra lần 2	Kiểm tra thực hành tại phòng thực hành máy tính	Sau khi kết thúc chương VI
	Thi kết thúc học phần	Kiểm tra thực hành tại phòng thực hành máy tính	Kết thúc học kỳ

5. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

Ngân hàng câu hỏi được xây dựng theo các mức độ Nhớ, Hiểu, Áp dụng, Phân tích phù

hợp với các yêu cầu của chuẩn đầu ra ở mục 2

6. Đề kiểm tra, thi

CƠ CẤU ĐỀ THI, KIỂM TRA

Kiểm tra lần 1	Tự luận
Kiểm tra lần 2	Tự luận
Thi kết thúc môn học	Tự luận

7. Ngưỡng đánh giá người học

Điểm D: người học đáp ứng các yêu cầu đánh giá của môn học ở mức độ nhớ được các nội dung lý thuyết.

Điểm C: người học đạt mức điểm D và phải thể hiện rằng hiểu được vấn đề trong bài kiểm tra, bài thi.

Điểm B: người học đạt mức điểm C và phải thể hiện khả năng lập luận logic, mạch lạc, biết ứng dụng các nội dung trong các trường hợp thực tế ở bài kiểm tra, bài thi.

Điểm A: người học đạt mức điểm B và phải thể hiện tư duy tổng hợp cao trong bài thi, kiểm tra; biết cách phân tích, vận dụng lý thuyết, các thông tin, minh chứng và lập luận xác đáng thuyết phục cao khi đưa ra các kết luận.

8. Kết quả đánh giá môn học

Thực hiện theo quy chế đào tạo: Điểm môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sau khi làm tròn được chuyển thành điểm chữ như sau

a) Loại đạt:	A	8,5 - 10	giỏi
	B	7,0 - 8,4	khá
	C	5,5 - 6,9	trung bình
	D	4,0 - 5,4	trung bình yếu
b) Loại không đạt:	F	dưới 4,0	kém

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC
NGÀNH: ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

I. Môn học: Tâm lý học đại cương

1. Mục tiêu chung của môn học.

Môn học cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản, các quy luật cơ bản về tâm lý để từ đó có cơ sở khoa học học tiếp những học phần tiếp theo. Vận dụng kiến thức đã học để giải thích các hiện tượng tâm lý và các biểu hiện đa dạng của nó theo quan điểm khoa học, vận dụng nó vào trong học tập và thực tiễn cuộc sống, yêu thích môn học. Đồng thời thông qua môn học giúp học sinh tăng thêm lòng yêu cuộc sống, tạo điều kiện để các em hình thành và phát triển kỹ năng sống.

2. Chuẩn đầu ra của môn học

Để hoàn thành môn học, người học phải đạt được:

Chỉ ra được vị trí, chức năng, nhiệm vụ của tâm lý học; Phân tích được bản chất của hiện tượng tâm lý theo quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử; Liệt kê được các phương pháp nghiên cứu tâm lý học. Giải thích được cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của hiện tượng tâm lý người. Trình bày được sự hình thành tâm lý, ý thức, vai trò của chú ý. Liệt kê được các hiện tượng tâm lý điển hình của mức độ nhận thức cảm tính và lý tính. Phát biểu được khái niệm xúc cảm – tình cảm và các quy luật cơ bản của đời sống tình cảm của con người. Chỉ ra được cấu trúc và các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách.

Vận dụng được kiến thức tâm lý học vào việc giải các bài tập thực hành, giải thích phân tích các hiện tượng tâm lý và cá biểu hiện đa dạng của nó theo quan điểm khoa học. Áp dụng kiến thức tâm lý học vào việc tìm hiểu tâm lý học sinh để đề ra các biện pháp dạy học và giáo dục học sinh có kết quả. Vận dụng kiến thức tâm lý học vào việc học tập, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và rèn luyện bản thân.

3. Các yêu cầu đánh giá

Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh/ thể hiện được khả năng:	
Nhớ được: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu TLH; các yếu tố của cơ sở tự nhiên và xã hội của tâm lý học; sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức tâm lý; nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính; khái niệm tình cảm và ý chí; khái niệm trí nhớ; khái niệm nhân cách và cấu trúc nhân cách.	- Xác định được đối tượng, nhiệm vụ, vị trí và ý nghĩa của tâm lý học. - Liệt kê được chức năng, phân loại và các phương pháp nghiên cứu của tâm lý học. - Chỉ ra được cơ sở tự nhiên và xã hội của tâm lý học - Trình bày được sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức - Nhận diện được định nghĩa, các loại và vai trò của cảm giác, tri giác, tư duy, tưởng tượng, ngôn ngữ - Liệt kê được định nghĩa và các loại của xúc cảm, tình cảm - Miêu tả được cấu trúc của một hành động ý chí điển hình - Chỉ ra được định nghĩa, các loại và cách rèn luyện trí nhớ. - Nhận diện được định nghĩa nhân cách và miêu tả được cấu trúc của nhân cách

Hiểu được bản chất của hiện tượng tâm lí người; cơ sở xã hội của tâm lí người; các giai đoạn hoạt động nhận thức của con người; quy luật tình cảm; các quá trình cơ bản của trí nhớ; nhân cách và sự hình thành phát triển nhân cách.	- Phân tích được bản chất của hiện tượng tâm lí người theo quan điểm duy vật biện chứng & lịch sử. - Chỉ ra được hoạt động và giao tiếp là cơ sở xã hội của tâm lí người - Phân tích được các quy luật và thuộc tính cơ bản của cảm giác và tri giác - Chỉ ra được đặc điểm của tư duy và tưởng tượng - Phân tích được các thao tác cơ bản của tư duy - So sánh được xúc cảm và tình cảm - Phân tích được các đặc điểm và quy luật của tình cảm - Chỉ ra được các quá trình cơ bản của trí nhớ - Phân tích được đặc điểm nhân cách và các yếu tố chi phối sự hình thành nhân cách
Áp dụng được các kiến thức vào giải các bài tập thực hành và giải thích được các hiện tượng trong cuộc sống; các quy luật trong hoạt động nhận thức; các quy luật của tình cảm; Vận dụng kiến thức về nhân cách để đánh giá và tổ chức giáo dục học sinh.	- Có quan điểm biện chứng khoa học khi đánh giá bản chất hiện tượng tâm lí người, chống lại quan điểm sai lầm về tâm lí người. - Vận dụng kiến thức để giải các bài tập thực hành - Vận dụng hiểu biết về hoạt động, giao tiếp giải thích sự hình thành phát triển tâm lí ý thức - Vận dụng được các đặc điểm, quy luật của cảm giác, tri giác và tình cảm giải thích các hiện tượng cụ thể trong đời sống - Xây dựng mô hình tư duy trước nhiệm vụ tư duy cụ thể - Vận dụng hiểu biết về nhân cách để giải thích các hiện tượng tâm lí theo quan điểm khoa học đồng thời tổ chức giáo dục học sinh.

4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học của người học.

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm
Nhớ được: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu TLH; các yếu tố của cơ sở tự nhiên và xã hội của tâm lí học; sự hình thành và phát triển tâm lí, ý thức tâm lí; nhận thức cảm tính và nhận thức lí tính.	Kiểm tra lần 1	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 15 tiết giảng
Hiểu được bản chất của hiện tượng tâm lí người; cơ sở xã hội của tâm lí người; các giai đoạn hoạt động nhận thức của con người; quy luật tình cảm; các quá trình cơ bản của trí nhớ; nhân cách và sự hình thành phát triển nhân cách.	Kiểm tra lần 2	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 30 tiết giảng
Đánh giá quá trình tham gia học của người học thông qua việc xây dựng bài trên lớp, chữa bài tập, đi học đầy đủ.	Điểm chuyên cần	Giáo viên đánh giá	Sau khi kết thúc môn học
Nhớ, hiểu và áp dụng được các kiến thức vào giải các bài tập thực hành và giải thích được các hiện tượng trong cuộc sống; các quy luật, thuộc tính trong hoạt động nhận thức; các quy luật của tình cảm; các quá trình cơ bản trí nhớ và giúp	Thi kết thúc môn học	Thi viết	Kết thúc học kỳ

rèn luyện trí nhớ cho học sinh. Vận dụng kiến thức về nhân cách và các yếu tố chi phối sự hình thành nhân cách để đánh giá và tổ chức giáo dục học sinh.			
--	--	--	--

5. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

Ngân hàng câu hỏi được xây dựng theo các mức độ: nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích phù hợp với các yêu cầu của chuẩn đầu ra ở mục 2

6. Đề kiểm tra, thi

CƠ CẤU ĐỀ THI, KIỂM TRA

Kiểm tra lần 1	Bài tự luận (lý thuyết và vận dụng, liên hệ)
Kiểm tra lần 2	Bài tự luận (lý thuyết và vận dụng, liên hệ)
Thi kết thúc môn học	Thi tự luận (lý thuyết và vận dụng, liên hệ)

7. Ngưỡng đánh giá người học

Điểm D: người học đáp ứng các yêu cầu đánh giá của môn học ở mức độ nhớ được các nội dung lý thuyết.

Điểm C: người học đạt mức điểm D và phải thể hiện rằng hiểu được vấn đề trong bài kiểm tra, bài thi.

Điểm B: người học đạt mức điểm C và phải thể hiện khả năng lập luận logic, mạch lạc, biết ứng dụng các nội dung trong các trường hợp thực tế ở bài kiểm tra, bài thi.

Điểm A: người học đạt mức điểm B và phải thể hiện tư duy tổng hợp cao trong bài thi, kiểm tra; biết cách phân tích, vận dụng lý thuyết, các thông tin, minh chứng và lập luận xác đáng thuyết phục cao khi đưa ra các kết luận.

8. Kết quả đánh giá môn học

Thực hiện theo quy chế đào tạo: Điểm môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sau khi làm tròn được chuyển thành điểm chữ như sau

a) Loại đạt:	A	8,5 - 10	giỏi
	B	7,0 - 8,4	khá
	C	5,5 - 6,9	trung bình
	D	4,0 - 5,4	trung bình yếu
b) Loại không đạt:	F	dưới 4,0	kém

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC

NGÀNH: Môn chung
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

I. Môn học: Giáo dục học đại cương

1. Mục tiêu chung của môn học.

Cung cấp cho học sinh những kiến thức cơ bản những tri thức chung nhất những cơ sở triết học của việc dạy dỗ giáo dục con người. Đối với bản thân của mỗi người, đều phải tự rèn luyện, tu dưỡng để phát triển hoàn thiện mình. Đặc biệt mỗi sinh viên, cần chuẩn bị các điều kiện, vật chất, và tinh thần, cần thiết để việc học tập được tốt. Vì vậy những tri thức về giáo dục, dạy học rất cần thiết cho mọi thành viên xã hội.

2. Chuẩn đầu ra của môn học

Để hoàn thành môn học, người học phải đạt được:

-Nhớ được Đối tượng,hệ thống khái niệm cơ bản của giáo dục học là một khoa học, mục đích chủ yếu của công tác giáo dục là sự phát triển nhân cách và mục đích nguyên lý giáo dục, vai trò của người thầy giáo trong trường trong công tác giáo dục

- Hiểu biết và nắm vững hệ thống tri thức kĩ năng kĩ xảo về giáo dục trên cơ sở đó để giải thích,xử lý những tình huống gặp phải trong thực tế trường học và ngoài xã hội

-Áp dụng những kiến thức đã học vào việc Dạy dỗ, giải thích các hiện tượng giáo dục trong xã hội,thực hiện các nhiệm vụ giáo dục, có ý thức tự giác nghiêm túc trong quá trình học tập để thực hiện tốt các chức năng nhiệm vụ giáo dục, ở trường CĐSP và trong quá trình công tác sau này

3. Các yêu cầu đánh giá

Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh/ thể hiện được khả năng:

-Nhớ được Đối tượng,hệ thống khái niệm cơ bản của giáo dục học là một khoa học, mục đích chủ yếu của công tác giáo dục là sự phát triển nhân cách và mục đích nguyên lý giáo dục, vai trò của người thầy giáo trong trường trong công tác giáo dục	-Đối tượng của giáo dục học,Những khái niệm cơ bản của GDH,GD là một hiện tượng XH đặc biệt, chức năng, cấu trúc, mối quan hệ , các phương pháp của GDH -Giáo dục và sự phát triển nhân cách ;Một số khái niệm cơ bản, những nhân tố ảnh hưởng,vai trò chủ đạo của giáo dục tới sự phát triển nhân cách -Mục đích nguyên lý giáo dục và hệ thống giáo dục quốc dân ;Mục đích giáo dục, nguyên lý giáo dục ,hệ thống giáo dục quốc dân -Người thầy giáo trung học cơ sở ;vai trò,nhiệm vụ những yêu cầu về phẩm chất và năng lực ;các mối quan hệ của thầy giáo ;bồi dưỡng phẩm chất,năng lực của người thầy giáo trung học cơ sở
- Hiểu biết và nắm vững hệ thống tri thức kĩ năng kĩ xảo về giáo dục trên cơ sở đó để giải thích,xử lý những tình huống gặp phải trong thực tế trường học và ngoài xã hội	- Hiểu được tầm quan trọng của hệ thống kiến thức cơ bản về giáo dục học với tư cách là một khoa học - Hiểu được sự cần thiết quan trọng của học phần nói riêng. Môn GDH nói chung - Có khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn “học đi đôi với hành,lý luận gắn liền với thực tiễn” - Biết xử lý các tình huống thường gặp trong thực tiễn - Có thái độ nghiêm túc khi thực hiện các nhiệm vụ giáo dục

	nhằm đảm bảo mục đích giáo dục có chất lượng hiệu quả
-Áp dụng những kiến thức đã học vào việc Dạy dỗ, giải thích các hiện tượng giáo dục trong xã hội,thực hiện các nhiệm vụ giáo dục, có ý thức tự giác nghiêm túc trong quá trình học tập để thực hiện tốt các chức năng nhiệm vụ giáo dục, ở trường CĐSP và trong quá trình công tác sau này	- Vận dụng những kiến thức khái niệm của giáo dục học để học tập nghiên cứu các phân học tiếp theo như lý luận GD, lý luận dạy học. - Hiểu và có khả năng khắc phục những nhược điểm quan trọng ,khắc phục tình trạng “chiếc nón ngược” trong việc đào tạo nguồn nhân lực - Có ý thức rèn luyện tu dưỡng phấn đấu theo mục tiêu ,mục đích của bậc học,hệ thống giáo dục quốc dân ở nước ta trong giai đoạn hiện nay

4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học của người học.

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm
Nhớ được Đối tượng,hệ thống khái niệm cơ bản của giáo dục học là một khoa học, mục đích chủ yếu của công tác giáo dục là sự phát triển nhân cách và mục đích nguyên lý giáo dục, vai trò của người thầy giáo trong trường trong công tác giáo dục	Kiểm tra lần 1	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 15 tiết giảng
- Hiểu biết và nắm vững hệ thống tri thức kỹ năng kỹ xảo về giáo dục trên cơ sở đó để giải thích,xử lý những tình huống gặp phải trong thực tế trường học và ngoài xã hội	Kiểm tra lần 2	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 30 tiết giảng
Đánh giá quá trình tham gia học của người học thông qua việc xây dựng bài trên lớp, chữa bài tập, đi học đầy đủ .	Điểm chuyên cần	Giáo viên đánh giá	Sau khi kết thúc môn học
-Áp dụng những kiến thức đã học vào việc Dạy dỗ, giải thích các hiện tượng giáo dục trong xã hội,thực hiện các nhiệm vụ giáo dục, có ý thức tự giác nghiêm túc trong quá trình học tập để thực hiện tốt các chức năng nhiệm vụ giáo dục, ở trường CĐSP và trong quá trình công tác sau này	Thi kết thúc môn học	Thi viết	Kết thúc học kỳ

5. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

Ngân hàng câu hỏi được xây dựng theo các mức độ Nhớ, Hiểu, Áp dụng, Phân tích phù hợp với các yêu cầu của chuẩn đầu ra ở mục 2

6. Đề kiểm tra, thi

CƠ CẤU ĐỀ THI, KIỂM TRA

Kiểm tra lần 1	Bài tự luận
Kiểm tra lần 2	Bài tự luận và phân tích xử lý tình huống
Thi kết thúc môn học	Gồm 2 phần 1. Phần lý thuyết: 24 câu hỏi tự luận 2. Phần bài tập: 02 bài tập ngắn xử lý tình huống

7. Ngưỡng đánh giá người học

Điểm D: người học đáp ứng các yêu cầu đánh giá của môn học ở mức độ nhớ được các nội dung lý thuyết.

Điểm C: người học đạt mức điểm D và phải thể hiện rằng hiểu được vấn đề trong bài kiểm tra, bài thi.

Điểm B: người học đạt mức điểm C và phải thể hiện khả năng lập luận logic, mạch lạc, biết ứng dụng các nội dung trong các trường hợp thực tế ở bài kiểm tra, bài thi.

Điểm A: người học đạt mức điểm B và phải thể hiện tư duy tổng hợp cao trong bài thi, kiểm tra; biết cách phân tích, vận dụng lý thuyết, các thông tin, minh chứng và lập luận xác đáng thuyết phục cao khi đưa ra các kết luận.

8. Kết quả đánh giá môn học

Thực hiện theo quy chế đào tạo: Điểm môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sau khi làm tròn được chuyển thành điểm chữ như sau

a) Loại đạt:	A	8,5 – 10	giỏi
	B	7,0 – 8,4	khá
	C	5,5 – 6,9	trung bình
	D	4,0 – 5,4	trung bình yếu
b) Loại không đạt:	F	dưới 4,0	kém

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC

NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

I. Môn học 1: Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi Mầm non

1. Mục tiêu chung của môn học

**** Về kiến thức:***

- Cung cấp cho sinh viên CĐSP Mầm non đầy đủ kiến thức về sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi Mầm non: Cấu tạo chung cơ thể trẻ em; Cấu tạo, hoạt động và đặc điểm các hệ cơ quan cơ thể trẻ em. Nhận biết được các đặc điểm sinh lý học các hệ cơ quan trẻ em lứa tuổi Mầm non.

- Hướng dẫn đúng cách các phương pháp chăm sóc các hệ cơ quan và cách phòng tránh các bệnh thường gặp ở trẻ Mầm non.

- Đề xuất, chỉ dẫn được các phương pháp chăm sóc sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi Mầm non.

- Đề xuất, chỉ dẫn đúng cách ăn uống khoa học đảm bảo sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi Mầm non.

**** Về kỹ năng:***

- Áp dụng được các kỹ năng chăm sóc sức khỏe cho bản thân, gia đình và người thân.

- Thao tác đúng các cách thể dục và các phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi Mầm non.

- Đưa vào thực tế giảng dạy và cuộc sống thực tế các kiến thức đã học.

2. Chuẩn đầu ra của môn học

Để hoàn thành môn học, người học phải:

- Nhớ được:

+ Những đặc điểm về cấu tạo và chức năng thể hiện sự thống nhất của cơ thể trẻ em.

+ Vai trò của: hệ tim mạch, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ bài tiết, hệ sinh dục, hệ vận động, hệ thần kinh và các cơ quan phân tích với cơ thể trẻ em.

+ Cơ chế điều hòa hoạt động: hệ tim mạch, hệ hô hấp.

+ Mục đích và đặc điểm của thở đúng cách; mục đích của luyện tập hô hấp và cách luyện tập hô hấp.

+ Tầm quan trọng của giấc ngủ? Những thay đổi của trẻ em khi ngủ và điều kiện để xuất hiện giấc ngủ.

+ Cơ chế hình thành trí nhớ dài hạn cho trẻ.

+ Khái niệm: trao đổi năng lượng trong cơ thể, dung tích sống.

- Nhớ được tên: các giai đoạn phát triển của trẻ em; các thành phần của máu, các nhóm máu của người (hệ A, B, O); các xương chính và khớp xương; các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển xương trẻ em; 4 loại hình thần kinh của trẻ em.

- Mô tả được: cơ chế điều tiết các chức năng trong cơ thể đảm bảo sự thống nhất giữa cơ thể và môi trường; đặc điểm các bộ phận tham gia cấu tạo: hệ tim mạch, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ bài tiết, hệ sinh dục, hệ vận động, hệ thần kinh và các cơ quan phân tích của trẻ em; các chu kỳ hoạt động của tim.

- Trình bày được:

+ Đặc điểm của giai đoạn tuổi thơ sớm và tuổi thơ đầu tiên.

+ Các quy luật và đặc điểm của quá trình sinh trưởng, phát triển của trẻ em.

+ Tầm quan trọng của trao đổi chất đối với cơ thể, sự chuyển hóa các chất (G, L, Pr) trong cơ thể trẻ em; cơ sở sinh lý của khẩu phần thức ăn; cơ chế điều tiết nhiệt bằng hành vi và

bằng các quá trình sinh lý.

+ Các tính chất của máu trẻ em và điều kiện cần thiết khi truyền máu cho trẻ em; đặc điểm các vòng tuần hoàn của trẻ sau sinh; đặc điểm cơ chế lọc tiểu và bài xuất nước tiểu ở trẻ em; sự bài tiết qua da.

+ Sự sản sinh trứng và chu kỳ kinh nguyệt, sự sản sinh tinh trùng và xuất tinh; vai trò của hoóc môn trong điều hòa trao đổi chất và các quá trình chuyển hóa; chức năng của một số tuyến nội tiết và đặc điểm của hoạt động nội tiết trong quá trình phát triển cơ thể.

+ Đặc điểm phát triển xương trẻ em;

+ Chức năng của hệ thần kinh; đặc điểm phát triển hệ thần kinh trong quá trình phát triển cơ thể trẻ em.

+ Đặc điểm và chức năng của mắt, tai trẻ em; cơ chế thành lập phản xạ có điều kiện; các đặc điểm phát triển của hệ thần kinh trong giai đoạn phát triển sau phôi thai.

- Phân tích được: các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất của trẻ em lứa tuổi mầm non; các chức năng của máu; phân biệt được: huyết áp tối đa, huyết áp tối thiểu, huyết áp hiệu số; bản chất của quá trình tiêu hóa. Phân biệt tư thế đúng và tư thế không đúng. So sánh được phản xạ có điều kiện với phản xạ không điều kiện.

- Giải thích được:

+ Tại sao cơ thể con Người có sự thống nhất về cấu tạo?

+ Cơ sở sinh lý học của các biện pháp cầm máu, cơ chế đông máu.

+ Tại sao khi thở, giai đoạn hít vào ngắn hơn giai đoạn thở ra? Tại sao không nên thở bằng miệng mà nên thở bằng mũi? Tại sao hô hấp nhân tạo có thể cứu sống được những người mới bị ngạt thở.

- Viết được công thức và áp dụng công thức tính được chiều cao đứng tương đối đúng cho trẻ em trên 1 tuổi, khối lượng cơ thể tương đối đúng cho trẻ em Việt Nam từ 2 – 10 tuổi, chỉ số khối lượng cơ thể. Lấy được ví dụ thể hiện quy luật phát triển theo giai đoạn, quy luật phát triển không đồng thì và không đồng tốc. Lập được khẩu phần cho trẻ em. Viết được ptr tính dung tích sống cho trẻ em Việt Nam.

- Xác định được các biện pháp chăm sóc, bảo vệ và phòng tránh một số bệnh liên quan đến: hệ tim mạch, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ bài tiết và da, hệ sinh dục, hệ vận động, hệ thần kinh và các cơ quan phân tích cho trẻ Mầm non.

3. Các yêu cầu đánh giá

Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh/ thể hiện được khả năng:	
Nhớ được các kiến thức cơ bản của môn học.	+ Những đặc điểm về cấu tạo và chức năng thể hiện sự thống nhất của cơ thể trẻ em. + Vai trò của: hệ tim mạch, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ bài tiết, hệ sinh dục, hệ vận động, hệ thần kinh và các cơ quan phân tích với cơ thể trẻ em. + Cơ chế điều hòa hoạt động: hệ tim mạch, hệ hô hấp. + Mục đích và đặc điểm của thở đúng cách; mục đích của luyện tập hô hấp và cách luyện tập hô hấp. + Tầm quan trọng của giấc ngủ? Những thay đổi của trẻ em khi ngủ và điều kiện để xuất hiện giấc ngủ. + Cơ chế hình thành trí nhớ dài hạn cho trẻ. + Cơ chế điều tiết các chức năng trong cơ thể đảm bảo sự thống nhất giữa cơ thể và môi trường; đặc điểm các bộ phận cấu tạo: hệ tim mạch, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ bài tiết, hệ sinh dục, hệ vận động, hệ thần kinh và các cơ quan phân tích của trẻ em; các chu kỳ hoạt động của tim. + Khái niệm: trao đổi năng lượng trong cơ thể, dung tích sống. + Tên các giai đoạn phát triển của trẻ em; các thành phần của máu, các nhóm máu của người (hệ A, B, O); các xương chính và các khớp xương; các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển xương trẻ em; 4 loại hình thân kinh của trẻ em.

Hiểu được các kiến thức cơ bản của môn học.	- Trình bày được: + Đặc điểm của giai đoạn tuổi thơ sớm và tuổi thơ đầu tiên. + Các quy luật và đặc điểm của quá trình sinh trưởng, phát triển của trẻ em. + Tầm quan trọng của trao đổi chất đối với cơ thể, sự chuyển hóa các chất (G, L, Pr) trong cơ thể trẻ em; cơ sở sinh lý của khẩu phần thức ăn; cơ chế điều tiết nhiệt bằng hành vi và bằng các quá trình sinh lý. + Các tính chất của máu trẻ em và điều kiện cần thiết khi truyền máu cho trẻ em; đặc điểm các vòng tuần hoàn của trẻ sau sinh; đặc điểm cơ chế lọc tiểu và bài xuất nước tiểu ở trẻ em; sự bài tiết qua da. + Sự sản sinh trứng và chu kỳ kinh nguyệt, sự sản sinh tinh trùng và xuất tinh; vai trò của hooc môn trong điều hòa trao đổi chất và các quá trình chuyển hóa; chức năng của một số tuyến nội tiết và đặc điểm của hoạt động nội tiết trong quá trình phát triển cơ thể. + Đặc điểm phát triển xương trẻ em; + Chức năng của hệ thần kinh; đặc điểm phát triển hệ thần kinh trong quá trình phát triển cơ thể trẻ em. + Đặc điểm và chức năng của mắt, tai trẻ em; cơ chế thành lập phản xạ có điều kiện; các đặc điểm phát triển của hệ thần kinh trong giai đoạn phát triển sau phôi thai. - Phân tích được: các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất của trẻ em lứa tuổi mầm non; các chức năng của máu; phân biệt được: huyết áp tối đa, huyết áp tối thiểu, huyết áp hiệu số; bản chất của quá trình tiêu hóa. Phân biệt tư thế đúng và tư thế không đúng. So sánh được phản xạ có điều kiện với phản xạ không điều kiện.
Áp dụng kiến thức môn học vào thực tiễn, chăm sóc dạy trẻ Mầm non.	- Giải thích được: + Tại sao cơ thể con Người có sự thống nhất về cấu tạo? + Cơ sở sinh lý học của các biện pháp cầm máu, cơ chế đông máu. + Tại sao khi thở, giai đoạn hít vào ngắn hơn giai đoạn thở ra? Tại sao không nên thở bằng miệng mà nên thở bằng mũi? Tại sao hô hấp nhân tạo có thể cứu sống được những người mới bị ngạt thở. - Viết được công thức và áp dụng công thức tính được chiều cao đúng tương đối đúng cho trẻ em trên 1 tuổi, khối lượng cơ thể tương đối đúng cho trẻ em Việt Nam từ 2 – 10 tuổi, chỉ số khối lượng cơ thể. Lấy được ví dụ thể hiện quy luật phát triển theo giai đoạn, quy luật phát triển không đồng thì và không đồng tốc. Lập được khẩu phần cho trẻ em. Viết được phương trình tính dung tích sống cho trẻ em Việt Nam. - Xác định được các biện pháp chăm sóc, bảo vệ và phòng tránh một số bệnh liên quan đến: hệ tim mạch, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ bài tiết và da, hệ sinh dục, hệ vận động, hệ thần kinh và các cơ quan phân tích cho trẻ Mầm non.

6. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học của người học.

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm
Nhớ, hiểu và vận dụng các kiến thức liên quan đến cấu tạo chung cơ thể trẻ em, trao đổi chất và năng lượng; hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ bài tiết.	Kiểm tra lần 1	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 14 tiết giảng

Nhớ, hiểu và vận dụng các kiến thức liên quan đến hệ sinh dục, các tuyến nội tiết, hệ vận động, hệ thần kinh, cơ quan phân tích.	Kiểm tra lần 2	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 28 tiết giảng
Đánh giá quá trình tham gia học của người học thông qua việc xây dựng bài trên lớp, chữa bài tập, đi học đầy đủ.	Điểm chuyên cần	Giáo viên đánh giá	Sau khi kết thúc môn học
Nhớ, hiểu và vận dụng các kiến thức của cả học phần.	Thi kết thúc môn học	Thi viết	Kết thúc học kỳ

6. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

Ngân hàng câu hỏi được xây dựng theo các mức độ Nhớ, Hiểu, Áp dụng, Phân tích phù hợp với các yêu cầu của chuẩn đầu ra ở mục 2

6. Đề kiểm tra, thi

CƠ CẤU ĐỀ THI, KIỂM TRA

Kiểm tra lần 1	Tự luận
Kiểm tra lần 2	Tự luận
Thi kết thúc môn học	Tự luận Gồm 3 phần 1. Phần nhớ 2. Phần hiểu 3. Phần vận dụng

7. Ngưỡng đánh giá người học

Điểm D: người học đáp ứng các yêu cầu đánh giá của môn học ở mức độ nhớ được các nội dung lý thuyết.

Điểm C: người học đạt mức điểm D và phải thể hiện rằng hiểu được vấn đề trong bài kiểm tra, bài thi.

Điểm B: người học đạt mức điểm C và phải thể hiện khả năng lập luận logic, mạch lạc, biết ứng dụng các nội dung trong các trường hợp thực tế ở bài kiểm tra, bài thi.

Điểm A: người học đạt mức điểm B và phải thể hiện tư duy tổng hợp cao trong bài thi, kiểm tra; biết cách phân tích, vận dụng lý thuyết, các thông tin, minh chứng và lập luận xác đáng thuyết phục cao khi đưa ra các kết luận.

8. Kết quả đánh giá môn học

Thực hiện theo quy chế đào tạo: Điểm môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sau khi làm tròn được chuyển thành điểm chữ như sau

a) Loại đạt:	A	8,5 - 10	giỏi
	B	7,0 - 8,4	khá
	C	5,5 - 6,9	trung bình
	D	4,0 - 5,4	trung bình yếu
b) Loại không đạt:	F	dưới 4,0	kém

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC

NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

I. Môn học: Sự học & Phát triển tâm lí trẻ em lứa tuổi mầm non

1. Mục tiêu chung của môn học.

Cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản, có hệ thống, hiện đại về tâm lí học trẻ em trước tuổi học. Áp dụng có hiệu quả kiến thức khoa học giáo dục mầm non vào việc tổ chức và đánh giá các hoạt động giáo dục trẻ ở các đối tượng khác nhau bao gồm cả trẻ dân tộc thiểu số, trẻ có nhu cầu đặc biệt ở tất cả các nhóm tuổi, các loại hình trường, lớp mầm non.

2. Chuẩn đầu ra của môn học

Để hoàn thành môn học, người học phải đạt được:

Xác định được đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp đánh giá TLHTE; Chỉ ra được lịch sử hình thành và phát triển tâm lí học trẻ em; Liệt kê được các quy luật phát triển tâm lí của trẻ em; Trình bày được sự phát triển của thai nhi; Xác định được đặc điểm phát triển tâm lí của trẻ em trong năm đầu và tuổi ấu nhi; Chỉ ra được các dạng hoạt động của trẻ mẫu giáo; Liệt kê được phát triển tâm vận động của trẻ mẫu giáo; Trình bày được hình thành và phát triển mặt xã hội trong nhân cách trẻ mẫu giáo; Chỉ ra được sự phát triển trí tuệ của trẻ mẫu giáo; Liệt kê được các dạng thức dạy và học trong giáo dục mầm non. Chỉ ra được chuẩn bị sẵn sàng tâm lí cho trẻ vào trường tiểu học.

Áp dụng trong giao tiếp với trẻ, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho sự phát triển và học tập của trẻ. Quan sát, tìm hiểu và đánh giá mức độ phát triển và giáo dục trẻ phù hợp với yêu cầu của từng độ tuổi, từng cá nhân và điều kiện thực tế. Vận dụng tri thức được trang bị vào thực hành, chăm sóc, giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non. Biết phân tích, giải thích các hiện tượng tâm lí liên quan theo quan điểm duy vật biện chứng.

3. Các yêu cầu đánh giá

Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh/ thể hiện được khả năng:

Nhớ được: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp đánh giá TLHTE; lịch sử hình thành và phát triển tâm lí học trẻ em; các quy luật phát triển tâm lí của trẻ em; sự phát triển của thai nhi; phát triển tâm vận động của trẻ mẫu giáo; các dạng thức dạy và học trong giáo dục mầm non; chuẩn bị sẵn sàng tâm lí cho trẻ vào trường tiểu học.	- Xác định được đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp đánh giá TLHTE - Chỉ ra được lịch sử hình thành và phát triển tâm lí học trẻ em - Liệt kê được tên các quy luật phát triển tâm lí của trẻ em & nội dung cơ bản của từng quy luật - Miêu tả được sự phát triển của thai nhi - Liệt kê được phát triển tâm vận động của trẻ mẫu giáo - Liệt kê được các dạng thức dạy và học trong giáo dục mầm non. - Chỉ ra được nội dung cần chuẩn bị sẵn sàng tâm lí cho trẻ vào trường tiểu học.
--	--

Hiểu được đặc điểm phát triển tâm lí của trẻ em trong năm đầu; đặc điểm phát triển tâm lí của trẻ ấu nhi; các dạng hoạt động của trẻ mẫu giáo; sự hình thành và phát triển mặt xã hội trong nhân cách trẻ mẫu giáo; sự phát triển trí tuệ của trẻ mẫu giáo.	- Phân tích được nội dung các nhu cầu của trẻ trong năm đầu - Chỉ ra được giao tiếp xúc cảm trực tiếp với người của trẻ ấu nhi là hoạt động chủ đạo - Chỉ ra được hoạt động với đồ vật của trẻ ấu nhi là hoạt động chủ đạo - Phân tích nguyện vọng độc lập và khủng hoảng của tuổi lên 3. - Phân tích đặc điểm và vai trò của trò chơi đóng vai theo chủ đề - Vẽ và giải thích sơ đồ cấu trúc trò chơi đóng vai theo chủ đề - Chỉ ra được bước phát triển ý thức về bản thân ở đầu tuổi mẫu giáo và những thay đổi về ý thức bản ngã ở cuối tuổi mẫu giáo - Phân tích được sự phát triển tình cảm, ý chí của trẻ mẫu giáo - Chỉ ra được sự phát triển ngôn ngữ, trí nhớ, tư duy, tưởng tượng, chú ý của trẻ mẫu giáo.
Áp dụng được các quy luật phát triển tâm lí của trẻ em; đặc điểm phát triển tâm lí của trẻ em trong năm đầu; đặc điểm phát triển tâm lí của trẻ ấu nhi; các dạng hoạt động của trẻ mẫu giáo; sự hình thành và phát triển mặt xã hội trong nhân cách trẻ mẫu giáo vào thực hành, chăm sóc, giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non.	- Có quan điểm biện chứng khoa học khi nhìn nhận các quy luật và đánh giá sự phát triển tâm lí trẻ em khác nhau - Áp dụng lí thuyết đã học vào giải quyết những tình huống thực tế khủng hoảng của tuổi lên 3 - Vận dụng đặc điểm phát triển tâm lí của trẻ em trong năm đầu; đặc điểm phát triển tâm lí của trẻ ấu nhi và mẫu giáo có những tác động dạy học và giáo dục cho phù hợp với lứa tuổi khác nhau - Vận dụng lí thuyết để tổ chức các hoạt động vui chơi cho trẻ và định hướng cho trẻ chơi những trò chơi lành mạnh - Đánh giá vai trò của sự xuất hiện các động cơ và hình thành hệ thống thứ bậc các động cơ để biết cách hình thành cho trẻ những động cơ bên trong cho trẻ mẫu giáo - Vận dụng kiến thức đã học để rèn luyện bản thân để xứng đáng là cô giáo mầm non tận tụy và có uy tín. - Biết phân tích, giải thích các hiện tượng tâm lí liên quan theo quan điểm duy vật biện chứng.

4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học của người học.

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm
Nhớ được: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp đánh giá TLHTE; lịch sử hình thành và phát triển tâm lí học trẻ em; các quy luật phát triển tâm lí của trẻ em; sự phát triển của thai nhi; phát triển tâm vận động của trẻ mẫu giáo.	Kiểm tra lần 1	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 15 tiết giảng

Hiểu được đặc điểm phát triển tâm lí của trẻ em trong năm đầu; đặc điểm phát triển tâm lí của trẻ ấu nhi; các dạng hoạt động của trẻ mẫu giáo; sự hình thành và phát triển mặt xã hội trong nhân cách trẻ mẫu giáo; sự phát triển trí tuệ của trẻ mẫu giáo.	Kiểm tra lần 2	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 30 tiết giảng
Đánh giá quá trình tham gia học của người học thông qua việc xây dựng bài trên lớp, chữa bài tập, đi học đầy đủ .	Điểm chuyên cần	Giáo viên đánh giá	Sau khi kết thúc môn học
Nhớ, hiểu và áp dụng được các quy luật phát triển tâm lí của trẻ em; đặc điểm phát triển tâm lí của trẻ em trong năm đầu; đặc điểm phát triển tâm lí của trẻ ấu nhi; các dạng hoạt động của trẻ mẫu giáo; sự hình thành và phát triển mặt xã hội trong nhân cách trẻ mẫu giáo vào thực hành, chăm sóc, giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non.	Thi kết thúc môn học	Thi viết	Kết thúc học kỳ

5. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

Ngân hàng câu hỏi được xây dựng theo các mức độ: nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích phù hợp với các yêu cầu của chuẩn đầu ra ở mục 2

6. Đề kiểm tra, thi

CƠ CẤU ĐỀ THI, KIỂM TRA

Kiểm tra lần 1	Bài tự luận (lý thuyết và vận dụng, liên hệ)
Kiểm tra lần 2	Bài tự luận (lý thuyết và vận dụng, liên hệ)
Thi kết thúc môn học	Thi tự luận (lý thuyết và vận dụng, liên hệ)

7. Ngưỡng đánh giá người học

Điểm D: người học đáp ứng các yêu cầu đánh giá của môn học ở mức độ nhớ được các nội dung lý thuyết.

Điểm C: người học đạt mức điểm D và phải thể hiện rằng hiểu được vấn đề trong bài kiểm tra, bài thi.

Điểm B: người học đạt mức điểm C và phải thể hiện khả năng lập luận logic, mạch lạc, biết ứng dụng các nội dung trong các trường hợp thực tế ở bài kiểm tra, bài thi.

Điểm A: người học đạt mức điểm B và phải thể hiện tư duy tổng hợp cao trong bài thi, kiểm tra; biết cách phân tích, vận dụng lý thuyết, các thông tin, minh chứng và lập luận xác đáng thuyết phục cao khi đưa ra các kết luận.

8. Kết quả đánh giá môn học

Thực hiện theo quy chế đào tạo: Điểm môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sau khi làm tròn được chuyển thành điểm chữ như sau

a) Loại đạt:	A	8,5 - 10	giỏi
	B	7,0 - 8,4	khá
	C	5,5 - 6,9	trung bình
	D	4,0 - 5,4	trung bình yếu
b) Loại không đạt:	F	dưới 4,0	kém

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC

**NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG**

I. Môn học: Ứng dụng CNTT trong giáo dục mầm non

1. Mục tiêu chung của môn học

Mục tiêu của môn học này là nghiên cứu các vấn đề liên quan đến những nội dung cơ bản về các phần mềm thường dùng trong thiết kế bài giảng, phần mềm Kidsmart và một số ứng dụng CNTT trong giáo dục mầm non cũng như việc sử dụng máy tính trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp sau này.

2. Chuẩn đầu ra của môn học

Để hoàn thành môn học, người học phải đạt được:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về: phần mềm xử lý văn bản, phần mềm trình chiếu, phần mềm xử lý tranh ảnh, phần mềm xử lý video internet.

+ Soạn thảo được văn bản bảo đảm đúng các yêu cầu về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính

+ Sử dụng được phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint để soạn thảo nội dung, thiết kế và trình chiếu các nội dung cần thiết cho một bài thuyết trình thông thường

+ Sử dụng được phần mềm xử lý tranh ảnh, phần mềm xử lý video để soạn thảo nội dung, thiết kế và trình chiếu các nội dung cần thiết cho một bài giảng thông thường

+ Thực hiện được một số thao tác xử lý cơ bản trên Internet

- Chỉ ra được vai trò của phần mềm Kidsmart: liên kết giữa gia đình và nhà trường nâng cao kỹ năng của trẻ

- Liệt kê được các thành phần có trong phần mềm Kidsmart

- Mô tả lại được các hoạt động, các ngôi nhà, các không gian và thời gian có trong phần mềm Kidsmart

- Liệt kê và mô tả được thao tác với các nội dung cơ bản trên phần mềm Kidsmart như: Ngôi nhà Toán học của Millie; Ngôi nhà không gian và thời gian của Trudy; Ngôi nhà khoa học của Sammy; Ngôi nhà thế giới sôi động Thinkin' things; Ngôi nhà sách Happykid

- Trình bày được thao tác với chế độ hỏi đáp và khảo sát của từng hoạt động trong các ngôi nhà của phần mềm Kidsmart.

- Chỉ ra được một số yêu cầu cơ bản của ứng dụng CNTT trong giáo dục Mầm non

+ Hướng dẫn cách xây dựng quy trình thiết kế bài giảng có ứng dụng CNTT trong giáo dục mầm non

+ Trình bày cấu trúc một bài giảng trên máy tính

+ Trình bày được các bước khi thực hiện hoạt động thiết kế, triển khai nội dung tiết giảng ứng dụng CNTT trong giáo dục mầm non

3. Các yêu cầu đánh giá

- Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh/ thể hiện được khả năng:

Trình bày được một số kiến thức cơ bản về: phần mềm xử lý văn bản, phần mềm trình chiếu, phần mềm xử lý tranh ảnh, phần mềm xử lý video	+ Soạn thảo được văn bản bảo đảm đúng các yêu cầu về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính + Sử dụng được phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint để soạn thảo nội dung, thiết kế và trình chiếu
---	---

internet.	các nội dung cần thiết cho một bài thuyết trình thông thường + Sử dụng được phần mềm xử lý tranh ảnh, phần mềm xử lý video để soạn thảo nội dung, thiết kế và trình chiếu các nội dung cần thiết cho một bài giảng thông thường + Thực hiện được một số thao tác xử lý cơ bản trên Internet
Chỉ ra được vai trò của phần mềm Kidsmart	+ Liên kết giữa gia đình và nhà trường nâng cao kỹ năng của trẻ + Liệt kê được các thành phần có trong phần mềm Kidsmart + Mô tả lại được các hoạt động, các ngôi nhà, các không gian và thời gian có trong phần mềm Kidsmart
Liệt kê và mô tả được thao tác với các nội dung cơ bản trên phần mềm Kidsmart	+ Ngôi nhà Toán học của Millie; Ngôi nhà không gian và thời gian của Trudy; Ngôi nhà khoa học của Sammy; Ngôi nhà thế giới sôi động Thinkin' things; Ngôi nhà sách Happykid + Trình bày được thao tác với chế độ hỏi đáp và khảo sát của từng hoạt động trong các ngôi nhà của phần mềm Kidsmart.
Chỉ ra được một số yêu cầu cơ bản của ứng dụng CNTT trong giáo dục Mầm non Quy trình thiết kế, triển khai nội dung tiết giảng ứng dụng CNTT trong giáo dục mầm non	+ Hướng dẫn cách xây dựng quy trình thiết kế bài giảng có ứng dụng CNTT trong giáo dục mầm non + Trình bày cấu trúc một bài giảng trên máy tính + Trình bày được các bước khi thực hiện hoạt động thiết kế, triển khai nội dung tiết giảng ứng dụng CNTT trong giáo dục mầm non

4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học của người học

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm
Trình bày được một số kiến thức cơ bản về: phần mềm xử lý văn bản, phần mềm trình chiếu, phần mềm xử lý tranh ảnh, phần mềm xử lý video internet.	Điểm chuyên cần	Giáo viên phát vấn và đánh giá	Trong quá trình giảng dạy chương I
Chỉ ra được vai trò của phần mềm Kidsmart	Điểm chuyên cần	Giáo viên phát vấn và đánh giá	Trong quá trình giảng dạy chương II
Liệt kê và mô tả được thao tác với các nội dung cơ bản trên phần mềm Kidsmart	Điểm chuyên cần	- Giáo viên phát vấn và đánh giá - Đánh giá quá trình thực hành tại phòng thực hành máy tính	Trong quá trình giảng dạy chương II
	Kiểm tra lần 1	Kiểm tra thực hành tại phòng thực hành máy tính	Sau khi kết thúc chương II
Chỉ ra được một số yêu cầu cơ bản của ứng dụng CNTT trong giáo dục Mầm non	Điểm chuyên cần	- Giáo viên phát vấn và đánh giá - Đánh giá quá trình thực hành tại phòng thực	Trong quá trình giảng dạy chương III

Quy trình thiết kế, triển khai nội dung tiết giảng ứng dụng CNTT trong giáo dục mầm non		hành máy tính	
	Kiểm tra lần 2	Kiểm tra thực hành tại phòng thực hành máy tính	Sau khi kết thúc chương III
	Thi kết thúc học phần	Kiểm tra thực hành tại phòng thực hành máy tính	Kết thúc học kỳ

5. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

Ngân hàng câu hỏi được xây dựng theo các mức độ Nhớ, Hiểu, Vận dụng, Phân tích phù hợp với các yêu cầu của chuẩn đầu ra ở mục 2.

6. Đề kiểm tra, đề thi

- Số lần kiểm tra thường xuyên: do giảng viên quyết định
- Số lần kiểm tra định kỳ: 2; đánh giá thông qua bài thi thực hành vấn đáp tại phòng thực hành máy tính.
- Bài kiểm tra thi kết thúc môn học: đánh giá thông qua bài thi thực hành tại phòng thực hành máy tính

7. Ngưỡng đánh giá người học

- Tương ứng với điểm số theo thang điểm 10 được quy đổi qua điểm chữ thang điểm 4.

8. Kết quả đánh giá môn học

Thực hiện theo quy chế đào tạo: Điểm môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sau khi làm tròn được chuyển thành điểm chữ như sau

- | | | | |
|--------------------|---|-----------|----------------|
| a) Loại đạt: | A | 8,5 - 10 | giỏi |
| | B | 7,0 - 8,4 | khá |
| | C | 5,5 - 6,9 | trung bình |
| | D | 4,0 - 5,4 | trung bình yếu |
| b) Loại không đạt: | F | dưới 4,0 | kém |

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC

**NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG**

I. Môn học: Khoa học đánh giá bậc mầm non

1. Mục tiêu chung của môn học

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về khoa học đánh giá như: khái niệm, nguyên tắc, phương pháp và công cụ đánh giá trong giáo dục mầm non. Giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng cơ bản về đánh giá cơ sở giáo dục mầm non, đánh giá chương trình giáo dục mầm non, đánh giá hoạt động nghề nghiệp của người giáo viên mầm non và đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non.

b. Chuẩn đầu ra của môn học

Để hoàn thành môn học, người học phải đạt được chuẩn kiến thức, kỹ năng:

3. Các yêu cầu đánh giá

- Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh/ thể hiện được khả năng

Trình bày và mô tả được các khái niệm đánh giá GDMN, nguyên tắc, phương pháp, công cụ đánh giá, tiêu chí đánh giá... - Vận dụng các kiến thức cơ bản về đánh giá cơ sở GDMN; đánh giá chương trình; đánh giá giáo viên mầm non và đánh giá sự phát triển của trẻ vào thực tiễn. - Đưa ra được kết luận, nhận xét sau đánh giá.	-Trình bày được: các khái niệm cơ bản như đo lường, đánh giá, định giá trị; các phương pháp; các nguyên tắc; đánh giá chương trình GDMN; chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non; các nguyên tắc đánh giá trong GDMN; công cụ đánh giá -Mô tả được: tiêu chí đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục mầm non; quy trình đánh giá chất lượng cơ sở GDMN; tiêu chí đánh giá chương trình GDMN; những công việc cần tiến hành khi đánh giá chương trình GDMN; mô hình cấu trúc chuẩn nghề nghiệp GVMN; Quy trình đánh giá chuẩn nghề nghiệp GVMN; nguồn cung cấp minh chứng đánh giá chuẩn nghề nghiệp GVMN; Hình thức đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non; quy trình thiết kế công cụ đánh giá
Vận dụng các kiến thức cơ bản về đánh giá cơ sở GDMN; đánh giá chương trình; đánh giá giáo viên mầm non và đánh giá sự phát triển của trẻ vào thực tiễn	- Bước đầu sử dụng các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục mầm non. (Thực hiện theo TT 25/2014/TT-BGDĐT ngày 7/8/2014). - Bước đầu sử dụng 6 tiêu chí để đánh giá chương trình GDMN hiện hành. - Bước đầu sử dụng bộ chuẩn nghề nghiệp GVMN theo TT 26/2018/TT-BGDĐT ngày 23/11/2018 để đánh giá bản thân. - Sử dụng phối hợp các phương pháp như quan sát, trò chuyện, nghiên cứu sản phẩm hoạt động, PP bài tập, trắc nghiệm khách quan, sử dụng tình huống, trao đổi với phụ huynh... để đánh giá sự phát triển của trẻ theo 2 hình thức (đánh giá qua các hoạt động hàng ngày và đánh giá theo giai đoạn)
Xây dựng được công cụ đánh giá.	-Xây dựng được các item đánh giá sự phát triển của trẻ (Dạng ghép đôi, dạng điền khuyết; dạng nhiều lựa chọn, dạng trả lời ngắn gọn) - Thiết kế được mẫu phiếu đánh giá sự phát triển của trẻ cuối chủ đề, cuối độ tuổi, đánh giá hàng ngày.

Đưa ra được kết luận, nhận xét sau đánh giá.	-Đưa ra được nhận xét, đánh giá về: chất lượng cơ sở giáo dục mầm non; chương trình GDMN hiện hành; những gì đã đạt và chưa đạt được của bản thân theo chuẩn nghề nghiệp, đưa ra được kế hoạch phát triển trong tương lai; Kết luận được sự phát triển của trẻ và đưa ra được kế hoạch CSGD trẻ trong thời gian tiếp theo.
--	--

b. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học của người học

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm
- Trình bày và mô tả được các khái niệm đánh giá GDMN, nguyên tắc, phương pháp, công cụ đánh giá, tiêu chí đánh giá...	Kiểm tra lần 1	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 15 tiết giảng lý thuyết
- Vận dụng các kiến thức cơ bản về đánh giá cơ sở GDMN; đánh giá chương trình; đánh giá giáo viên mầm non và đánh giá sự phát triển của trẻ vào thực tiễn - Xây dựng được công cụ đánh giá. - Đưa ra được kết luận, nhận xét sau đánh giá.	Kiểm tra lần 2	Kiểm tra thực hành trên lớp	Trong quá trình thực hành 30 tiết
Đánh giá quá trình tham gia học của người học thông qua việc xây dựng bài trên lớp, chữa bài tập, đi học đầy đủ.	Điểm chuyên cần, điểm TX	Giáo viên đánh giá	Sau khi kết thúc môn học
-Trình bày các vấn đề đánh giá trong đánh giá GDMN, liên hệ thực tiễn và xây dựng công cụ đánh giá	Thi kết thúc môn học	Thi viết	Kết thúc học kỳ

5. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

Ngân hàng câu hỏi được xây dựng theo các mức độ Hiểu, Vận dụng, Phân tích; Đánh giá phù hợp với các yêu cầu của chuẩn đầu ra ở mục 2.

6. Đề kiểm tra, đề thi

CƠ CẤU ĐỀ THI, KIỂM TRA

Kiểm tra lần 1	Tự luận
Kiểm tra lần 2	Thực hành
Thi kết thúc môn học	Gồm 2 phần -Phần lý thuyết: 01- 02 câu hỏi tự luận -Phần bài tập: 01 bài tập xây dựng công cụ đánh giá hoặc 01 bài tập liên quan đến nội dung đánh giá.

7. Ngưỡng đánh giá người học

Điểm D: người học đáp ứng các yêu cầu đánh giá của môn học ở mức độ nhớ được các nội dung lý thuyết.

Điểm C: người học đạt mức điểm D và phải thể hiện rằng hiểu được vấn đề trong bài kiểm tra, bài thi.

Điểm B: người học đạt mức điểm C và phải thể hiện khả năng lập luận logic, mạch lạc, biết ứng dụng các nội dung trong các trường hợp thực tế ở bài kiểm tra, bài thi.

Điểm A: người học đạt mức điểm B và phải thể hiện tư duy tổng hợp cao trong bài thi, kiểm tra; biết cách phân tích, vận dụng lý thuyết, các thông tin, minh chứng và lập luận xác đáng thuyết phục cao khi đưa ra các kết luận.

8. Kết quả đánh giá môn học

Thực hiện theo quy chế đào tạo: Điểm môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sau khi làm tròn được chuyển thành điểm chữ như sau

a) Loại đạt:	A	8,5 – 10	giỏi
	B	7,0 – 8,4	Khá
	C	5,5 – 6,9	trung bình
	D	4,0 – 5,4	trung bình yếu
b) Loại không đạt:	F	dưới 4,0	Kém

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC

**NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG**

I. Môn học: Hoạt động trải nghiệm sáng tạo bậc mầm non

1. Mục tiêu chung của môn học

Học phần cung cấp cho SV kiến thức cơ bản về tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho trẻ ở trường mầm non, bao gồm: khái niệm; vai trò; quy trình; nội dung, hình thức, phương pháp, yêu cầu khi tổ chức hoạt động trải nghiệm; SV có kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho trẻ mầm non theo chủ đề; có kỹ năng đánh giá năng lực của trẻ được hình thành thông qua hoạt động trải nghiệm.

2. Chuẩn đầu ra của môn học

Để hoàn thành môn học, người học phải được chuẩn kiến thức, kỹ:

- Trình bày và mô tả được một số khái niệm cơ bản; quy trình; vai trò; yêu cầu; các yếu tố ảnh hưởng; các hình thức giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non.
- Phân tích được các nguyên tắc, phương pháp giáo dục trẻ theo hướng trải nghiệm.
- Lập được kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non.
- Vận dụng được các nguyên tắc, phương pháp, hình thức vào tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non.
- Đánh giá năng lực của trẻ được hình thành thông qua hoạt động trải nghiệm

3. Các yêu cầu đánh giá

- Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh/ thể hiện được khả năng

Trình bày và mô tả được một số khái niệm cơ bản; quy trình; vai trò; Yêu cầu; các yếu tố ảnh hưởng; các hình thức giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non.	-Trình bày được: các khái niệm cơ bản (Trải nghiệm; GD theo hướng trải nghiệm; mô hình tổ chức hoạt động GD theo hướng trải nghiệm); vai trò; yêu cầu; các yếu tố ảnh hưởng (bản thân trẻ ở từng giai đoạn độ tuổi; môi trường GD; nhà GD) tới quá trình tổ chức hoạt động GD theo hướng trải nghiệm ở trường mầm non. - Mô tả được: quy trình (4 giai đoạn: GD 1- trải nghiệm thực tế; GD2 – Chia sẻ kinh nghiệm; GD 3- Rút ra kinh nghiệm cho bản thân; GD4 – Vận dụng kinh nghiệm vào cuộc sống), hình thức tổ chức cho trẻ trải nghiệm ở trường mầm non (Hoạt động chơi; hoạt động học; hoạt động lao động; hoạt động tham quan; hoạt động lễ hội)
Phân tích được các nguyên tắc, phương pháp giáo dục trẻ theo hướng trải nghiệm.	-Phân loại được các căn cứ và nguyên tắc xây dựng mô hình trải nghiệm cho trẻ; liên hệ được các nguyên tắc tổ chức trải nghiệm cho trẻ trong thực tiễn (Đảm bảo thực hiện có hiệu quả mục tiêu phát triển năng lực trẻ MN; sử dụng tối đa các hình thức hoạt động của trẻ ở trường mầm non; tính khả thi; đảm bảo cơ hội và sự tha gia, hỗ trợ theo khả năng của các lực lượng GD theo hướng XHHGD) - Các phương pháp cơ bản (PP quan sát, PP đàm thoại PP giải quyết vấn đề; PP sắm vai; PP trò chơi; PP làm việc nhóm..), mỗi phương pháp cần phân tích rõ vai trò, yêu cầu tổ chức và lấy được ví dụ minh họa thực tiễn.
Lập được kế hoạch và tổ chức	-Xây dựng được kế hoạch tổ chức các hoạt động GD trải

các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non.	nhằm cho trẻ phù hợp với từng hình thức, kế hoạch cần xác định các vấn đề như: Mục đích yêu cầu (Kiến thức, kỹ năng, giáo dục); chuẩn bị về phương tiện, đồ dùng trong giờ trải nghiệm; cách tiến hành HĐ trải nghiệm (HĐ trải nghiệm; HĐ chia sẻ kinh nghiệm; Trẻ rút kinh nghiệm và hướng dẫn trẻ vận dụng kinh nghiệm vào cuộc sống) ...
Vận dụng được các nguyên tắc, phương pháp, hình thức vào tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non.	-Sử dụng phối kết hợp các nguyên tắc, phương pháp, hình thức một cách linh hoạt, sáng tạo trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non.
Đánh giá năng lực của trẻ được hình thành thông qua hoạt động trải nghiệm	-Sau dự giờ tổ chức HĐ giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non, đánh giá theo 4 tiêu chí cơ bản (Trẻ có cảm giác thoải mái trong hoạt động; trẻ chủ động tham gia HĐ; trẻ thực hiện HĐ có hiệu quả; trẻ đánh giá được kết quả HĐ)

4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học của người học

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm
- Trình bày và mô tả được một số khái niệm cơ bản; quy trình; vai trò; Yêu cầu; các yếu tố ảnh hưởng; các hình thức giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non.. - Phân tích được các nguyên tắc, phương pháp giáo dục trẻ theo hướng trải nghiệm.	Kiểm tra lần 1	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 15 tiết giảng lý thuyết
- Lập được kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non. - Vận dụng được các nguyên tắc, phương pháp, hình thức vào tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non - Đánh giá năng lực của trẻ được hình thành thông qua hoạt động trải nghiệm	Kiểm tra lần 2	Kiểm tra thực hành trên lớp	Trong quá trình thực hành 30 tiết
- Đánh giá quá trình tham gia học của người học thông qua việc xây dựng bài trên lớp, chữa bài tập, đi học đầy đủ .	Điểm chuyên cần, điểm TX	Giáo viên đánh giá	Sau khi kết thúc môn học
- Trình bày, phân tích các vấn đề tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non. - Lập kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non.	Thi kết thúc môn học	Thi viết	Kết thúc học kỳ

5. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

Ngân hàng câu hỏi được xây dựng theo các mức độ Hiểu, Vận dụng, Phân tích; Đánh giá phù hợp với các yêu cầu của chuẩn đầu ra ở mục 2.

6. Đề kiểm tra, đề thi

CƠ CẤU ĐỀ THI, KIỂM TRA

Kiểm tra lần 1	Tự luận
Kiểm tra lần 2	Thực hành
Thi kết thúc môn học	Gồm 2 phần -Phần lý thuyết: 01-02 câu hỏi tự luận -Phần bài tập: 01 bài tập lập kế hoạch tổ chức HĐ trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non

7. Ngưỡng đánh giá người học

Điểm D: người học đáp ứng các yêu cầu đánh giá của môn học ở mức độ nhớ được các nội dung lý thuyết.

Điểm C: người học đạt mức điểm D và phải thể hiện rằng hiểu được vấn đề trong bài kiểm tra, bài thi.

Điểm B: người học đạt mức điểm C và phải thể hiện khả năng lập luận logic, mạch lạc, biết ứng dụng các nội dung trong các trường hợp thực tế ở bài kiểm tra, bài thi.

Điểm A: người học đạt mức điểm B và phải thể hiện tư duy tổng hợp cao trong bài thi, kiểm tra; biết cách phân tích, vận dụng lý thuyết, các thông tin, minh chứng và lập luận xác đáng thuyết phục cao khi đưa ra các kết luận.

8. Kết quả đánh giá môn học

Thực hiện theo quy chế đào tạo: Điểm môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sau khi làm tròn được chuyển thành điểm chữ như sau

a) Loại đạt:	A	8,5 – 10	giỏi
	B	7,0 - 8,4	Khá
	C	5,5 - 6,9	trung bình
	D	4,0 - 5,4	trung bình yếu
b) Loại không đạt:	F	dưới 4,0	Kém

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC

**NGÀNH GDMN
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG**

I. Môn học: Quản lý Hành chính nhà nước và Quản lý ngành

1. Mục tiêu chung của môn học

Học phần trang bị cho người học tất cả các ngành những kiến thức lý luận cơ bản nhất về Quản lý hành chính nhà nước – Quản lý ngành Giáo dục & Đào tạo (GD-ĐT), Bối cảnh của GD-ĐT trong thời kỳ công nghiệp hóa – hiện đại hóa (thế giới, trong nước), thời cơ và thách thức các giải pháp phát triển GD-ĐT hiện nay; nhận thấy cần thiết ban hành Luật Giáo dục, Tìm hiểu Điều lệ, quy chế quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo đối với bậc học Tiểu học và phổ thông (quy chế quy định đối với giáo viên, học sinh), quy chế công nhận trường Tiểu học, trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia trong giai đoạn hiện nay. Môn học chú trọng đến việc hình thành các kỹ năng nhận thức và vận dụng những kiến thức vào việc bồi dưỡng nhân cách người giáo viên; đồng thời góp phần hình thành các kỹ năng về quản lý học sinh, quản lý trường học... Các kỹ năng chủ yếu được hình thành thông qua các nội dung của môn học có sự lồng ghép của giảng viên.

2. Chuẩn đầu ra của môn học

Để hoàn thành môn học, người học phải đạt được:

Trình bày được các khái niệm cơ bản quản lý, quản lý hành chính nhà nước, quản lý nhà nước về giáo dục.

Trình bày được nội dung, quy trình hoạt động quản lý hành chính nhà nước, công cụ, hình thức và phương pháp quản lý hành chính nhà nước.

Phân tích các yếu tố nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý hành chính nhà nước.

Trình bày được các khái niệm và những vấn đề liên quan đến công chức, công vụ; cơ sở pháp lý và sự cần thiết của Luật cán bộ, công chức; Năm vững đường lối, quan điểm về giáo dục và đào tạo của Đảng và Nhà nước Tổng hợp được tình hình giáo dục hiện nay của Việt Nam – những nguyên nhân của thành tựu và hạn chế của giáo dục; mục tiêu và giải pháp phát triển giáo dục; Hiểu và nắm chắc luật giáo dục, Điều lệ trường mầm non, Tiểu học, trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia trong giai đoạn hiện nay.

Nhận thức sâu sắc về trách nhiệm và vai trò của bản thân đối với sự nghiệp cải cách nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục đào tạo.

Có ý thức trách nhiệm với sự giá trị hành vi của mình Từ đó hình thành ý thức thường xuyên rèn luyện và trau dồi kiến thức và đạo đức cho bản thân.

Từ nội dung môn học dần hình thành giá trị hành vi (tuân thủ nội quy quy định, tôn trọng quy chế, có khả năng thương thuyết, có tinh thần đoàn kết, sáng tạo, có đạo đức nghề nghiệp)

3. Các yêu cầu đánh giá

Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh/ thể hiện được khả năng:	
- Xác định được một số nội dung cơ bản về Quản lý hành chính nhà nước; Những vấn đề về cán bộ, công chức, viên chức và Luật Cán bộ, công chức. - Phân tích Đường lối, quan điểm của Đảng về giáo dục và	- Khái lược về hệ thống chính trị Việt Nam - Vẽ sơ đồ Cơ cấu bộ máy nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Trình bày bản chất của Nhà nước Cộng Hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Trình bày Khái niệm về Quản lý hành chính nhà nước, Các

đào tạo.	nguyên tắc, nội dung, phương pháp Quản lý hành chính nhà nước. - Chỉ ra các vấn đề cơ bản về cán bộ, công chức, viên chức và Luật Cán bộ, công chức. - Xác định được Tình hình giáo dục Việt Nam hiện nay; - Xác định các quan điểm chỉ đạo phát triển giáo dục và Mục tiêu và giải pháp thực hiện.
- Phân tích những nội dung cơ bản của Luật Giáo dục (<i>Cập nhật luật Giáo dục mới nhất</i>) - Phân tích những nội dung cơ bản của Điều lệ nhà trường (<i>nội dung phù hợp các cấp phổ thông mình phụ trách</i>)	- Trình bày cơ sở xây dựng Luật giáo dục - Xác định nội dung cơ bản của Luật Giáo dục - Chỉ ra Những quy định chung về Điều lệ nhà trường - Chỉ ra những nội dung cơ bản của Điều lệ nhà trường.

4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học của người học

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm
Xác định được một số nội dung cơ bản về quản lý hành chính nhà nước và quản lý hành chính nhà nước về giáo dục – đào tạo; cơ chế tổ chức và nội dung quản lý hành chính nhà nước về giáo dục; trình bày được các khái niệm và những vấn đề liên quan đến công chức, công vụ; cơ sở pháp lý và sự cần thiết của Luật cán bộ, công chức.	Kiểm tra lần 1	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 10 tiết giảng
- Trình bày lại được những đường lối, quan điểm về giáo dục và đào tạo của Đảng và Nhà nước Tổng hợp được tình hình giáo dục hiện nay của Việt Nam – những nguyên nhân của thành tựu và hạn chế của giáo dục; mục tiêu và giải pháp phát triển giáo dục. - Hiểu về luật giáo dục, Điều lệ trường trung học	Kiểm tra lần 2	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 19 tiết giảng
Đánh giá quá trình tham gia học của người học thông qua việc xây dựng bài trên lớp, chữa bài tập, đi học đầy đủ.	Điểm chuyên cần	Giáo viên đánh giá	Sau khi kết thúc môn học
Nhận biết được các khái niệm cơ bản quản lý, quản lý hành chính nhà nước, quản lý nhà nước về giáo dục; Trình bày được nội dung, quy trình hoạt động quản lý hành chính nhà nước, công cụ, hình thức và phương pháp quản lý hành chính nhà nước; Phân tích các yếu tố nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý hành chính nhà nước; quan điểm về giáo dục và đào tạo của Đảng và Nhà nước	Thi kết thúc môn học	Thi viết	Kết thúc học kỳ

Tổng hợp được tình hình giáo dục hiện nay của Việt Nam – những nguyên nhân của thành tựu và hạn chế của giáo dục; mục tiêu và giải pháp phát triển giáo dục; Hiểu và nắm chắc luật giáo dục, Điều lệ trường mầm non, Tiểu học, trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia trong giai đoạn hiện nay.			
--	--	--	--

5. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

Ngân hàng câu hỏi được xây dựng theo các mức độ Nhớ, Hiểu, Vận dụng, Phân tích phù hợp với các yêu cầu của chuẩn đầu ra ở mục 2.

6. Đề kiểm tra, đề thi

Kiểm tra lần 1	Trắc nghiệm
Kiểm tra lần 2	Trắc nghiệm và phân tích xử lý tình huống
Thi kết thúc môn học	Gồm 2 phần 1. Phần lý thuyết: 35 câu hỏi trắc nghiệm, chọn đáp án đúng, không giải thích 2. Phần bài tập: 05 bài tập ngắn xử lý tình huống

7. Ngưỡng đánh giá người học

Điểm D: người học đáp ứng các yêu cầu đánh giá của môn học ở mức độ nhớ được các nội dung lý thuyết.

Điểm C: người học đạt mức điểm D và phải thể hiện rằng hiểu được vấn đề trong bài kiểm tra, bài thi.

Điểm B: người học đạt mức điểm C và phải thể hiện khả năng lập luận logic, mạch lạc, biết ứng dụng các nội dung trong các trường hợp thực tế ở bài kiểm tra, bài thi.

Điểm A: người học đạt mức điểm B và phải thể hiện tư duy tổng hợp cao trong bài thi, kiểm tra; biết cách phân tích, vận dụng lý thuyết, các thông tin, minh chứng và lập luận xác đáng thuyết phục cao khi đưa ra các kết luận.

8. Kết quả đánh giá môn học

Thực hiện theo quy chế đào tạo: Điểm môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sau khi làm tròn được chuyển thành điểm chữ như sau

a) Loại đạt:	A	8,5 - 10	giỏi
	B	7,0 - 8,4	Khá
	C	5,5 - 6,9	trung bình
	D	4,0 - 5,4	trung bình yếu
b) Loại không đạt:	F	dưới 4,0	Kém

CHUẨN ĐẦU RA

**NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG**

I. Môn học: KHOA HỌC PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu chung của môn học

1.1. Mục tiêu về kiến thức

- Trình bày được những khái niệm cơ bản về chương trình, phát triển chương trình giáo dục và chương trình giáo dục mầm non;
- Phân biệt được một số cách tiếp cận chương trình giáo dục của Việt Nam.
- Trình bày được ý nghĩa của chương trình giáo dục và nhiệm vụ của phát triển chương trình giáo dục mầm non
- Trình bày được các nhiệm vụ, hoạt động phát triển chương trình giáo dục mầm non

1.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Phân tích, đánh giá được chương trình giáo dục mầm non Việt Nam hiện hành
- Vận dụng được quy trình phát triển giáo dục để phát triển chương trình giáo dục mầm non.
- Phân tích được bối cảnh nhà trường mầm non ở địa phương;
- Vận dụng các kiến thức và kỹ năng để thiết kế chương trình giáo dục nhà trường mầm non theo định hướng giáo dục nhà trường
- Phát triển kỹ năng trình bày, kỹ năng làm việc hợp tác, kỹ năng giải quyết vấn đề

2. Chuẩn đầu ra của môn học

Để hoàn thành môn học, người học phải đạt được:

- Hiểu được các vấn đề tổng quan tới chương trình giáo dục mầm non như các cách tiếp cận trong phát triển chương trình, quy trình phát triển chương trình giáo dục mầm non, các mô hình phát triển chương trình giáo dục.
- Phân tích được chương trình giáo dục nhà trường và các hoạt động phát triển chương trình nhà trường.
- Ứng dụng để thiết kế được một chương trình nhà trường mầm non theo định hướng phát triển năng lực người học.

3. Các yêu cầu đánh giá

- Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh/ thể hiện được khả năng

Hiểu được các vấn đề tổng quan tới chương trình giáo dục mầm non như các cách tiếp cận trong phát triển chương trình, quy trình phát triển chương trình giáo dục mầm non, các mô hình phát triển chương trình giáo dục.	- Trình bày được khái niệm về CTGD, các thành tố của CTGD, cách phân loại CTGD. - So sánh được các cách tiếp cận chương trình giáo dục. - Phân tích được bối cảnh trên thế giới và trong nước với việc tác động đến CTGD.
Phân tích được chương trình giáo dục nhà trường và các hoạt động phát triển chương trình nhà trường.	- Trình bày được các khái niệm về phát triển chương trình giáo dục và chương trình nhà trường. - Phân tích các bước của quy trình phát triển CTGD nhà trường - Hiểu được cách điều chỉnh nội dung dạy học trong chương trình hiện hành (Rà soát nội dung chương trình; sắp xếp lại

	nội dung dạy học của từng lĩnh vực theo định hướng phát triển năng lực trẻ mầm non)
Ứng dụng để thiết kế được một chương trình nhà trường mầm non theo định hướng phát triển năng lực người học.	- Thực hành xây dựng khung chương trình một số chủ đề trong kế hoạch giáo dục mới ở từng lĩnh vực phát triển của nhà trường theo hướng tiếp cận năng lực. - Phân tích được các đổi mới về phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục, cách kiểm tra đánh giá, theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học của người học

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm
- Hiểu được các vấn đề tổng quan tới chương trình giáo dục mầm non như các cách tiếp cận trong phát triển chương trình, quy trình phát triển chương trình giáo dục mầm non, các mô hình phát triển chương trình giáo dục.	Kiểm tra lần 1	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 15 tiết giảng
- Phân tích được chương trình giáo dục nhà trường và các hoạt động phát triển chương trình nhà trường. - Ứng dụng để thiết kế được một chương trình nhà trường mầm non theo định hướng phát triển năng lực người học.	Kiểm tra lần 2	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 30 tiết giảng
- Đánh giá quá trình tham gia học của người học thông qua việc xây dựng bài trên lớp, chữa bài tập, đi học đầy đủ.	Điểm chuyên cần, điểm TX	Giáo viên đánh giá	Sau khi kết thúc môn học
- Hiểu được các vấn đề tổng quan tới chương trình giáo dục mầm non như các cách tiếp cận trong phát triển chương trình, quy trình phát triển chương trình giáo dục mầm non, các mô hình phát triển chương trình giáo dục. - Phân tích được chương trình giáo dục nhà trường và các hoạt động phát triển chương trình nhà trường. - Ứng dụng để thiết kế được một chương trình nhà trường mầm non theo định hướng phát triển năng lực người học.	Thi kết thúc học phần	Thi viết	kết thúc học kì

5. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

Ngân hàng câu hỏi được xây dựng theo các mức độ Nhớ, Hiểu, Vận dụng, Phân tích phù hợp với các yêu cầu của chuẩn đầu ra ở mục 2.

6. Đề kiểm tra, đề thi

CƠ CẤU ĐỀ THI VÀ KIỂM TRA

Kiểm tra lần 1	Tự luận
Kiểm tra lần 2	Tự luận
Thi kết thúc học phần	Tự luận

7. Ngưỡng đánh giá người học

Điểm D: Người học đáp ứng các yêu cầu đánh giá của học phần ở mức độ nhớ các nội

dung lý thuyết.

Điểm C: Người học đạt mức điểm D và phải thể hiện rằng hiểu được vấn đề trong bài kiểm tra, bài thi.

Điểm B: Người học đạt mức điểm C và phải thể hiện được khả năng lập luận logic, mạch lạc biết ứng dụng các nội dung trong các trường hợp thực tế ở bài kiểm tra và bài thi.

Điểm A: Người học đạt mức điểm B và phải thể hiện tư duy tổng hợp cao trong bài thi, bài kiểm tra; biết cách phân tích vận dụng lí thuyết, các thông tin, minh chứng và lập luận xác đáng khi đưa ra các kết luận.

8. Kết quả đánh giá môn học

Thực hiện theo quy chế đào tạo: Điểm môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sau khi làm tròn được chuyển thành điểm chữ như sau

a) Loại đạt:	A	8,5 - 10	giỏi
	B	7,0 - 8,4	khá
	C	5,5 - 6,9	trung bình
	D	4,0 - 5,4	trung bình yếu
b) Loại không đạt:	F	dưới 4,0	kém

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC

**NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG**

I. Môn học: Phương pháp nghiên cứu khoa học

1. Mục tiêu chung của môn học.

Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản, có hệ thống, hiện đại về các quan điểm tiếp cận, các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, các giai đoạn thực hiện một công trình NCKHGD và phương pháp đánh giá công trình nghiên cứu khoa học GD. Sinh viên bước đầu tiếp cận với hoạt động NCKH và hình thành ở SV kỹ năng nghiên cứu khoa học.

2. Chuẩn đầu ra của môn học

Để hoàn thành môn học, người học phải đạt được:

Nhớ được chính xác các khái niệm, nội dung cơ bản của lý luận NCKH (Khoa học, công nghệ, quan điểm tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, cấu trúc công trình nghiên cứu)

Bước đầu hiểu và hình thành các kỹ năng nghiên cứu khoa học: chọn đề tài, xây dựng đề cương, sử dụng phương pháp để thu thập và xử lý thông tin và trình bày văn bản công trình khoa học giáo dục

Sinh viên có hứng thú, tích cực tham gia vào việc nghiên cứu giáo dục và vận dụng kết quả nghiên cứu vào việc dạy học, giáo dục học sinh.

3. Các yêu cầu đánh giá

Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh/ thể hiện được khả năng:

Nhớ được chính xác các khái niệm, nội dung cơ bản của lý luận NCKH (Khoa học, công nghệ, quan điểm tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, cấu trúc công trình nghiên cứu)	- Khái niệm khoa học, sự phát triển của khoa học; - Khái niệm NCKH; Liệt kê được các loại hình NCKH - Khái niệm công nghệ; Các yếu tố cốt lõi của công nghệ - Khái niệm công nghệ cao; bản chất và các nguồn chuyên gia công nghệ - Các khái niệm cơ bản trong quan điểm hệ thống-cấu trúc, quan điểm lịch sử logic, quan điểm thực tiễn và quan điểm biện chứng duy vật trong NCKH GD - Khái niệm PPNCKH GD
Bước đầu hiểu và hình thành các kỹ năng nghiên cứu khoa học: chọn đề tài, xây dựng đề cương, sử dụng phương pháp để thu thập và xử lý thông tin và trình bày văn bản công trình khoa học giáo dục	- Xác định được tầm quan trọng của công nghệ trong thời kỳ CNH, HĐH từ đó vận dụng được phép biện chứng duy vật làm cơ sở cho HĐNCKH và áp dụng vào Thực hành - Mô tả và xác định được cách thực hiện các PP trong NCKH - Giải thích được ý nghĩa của việc xác định đề tài NC và trình bày các yêu cầu đối với tên đề tài NC - Lựa chọn được các PPNC phù hợp với nội dung NC và tổ chức thực hiện PPNC đã lựa chọn đúng yêu cầu - Từ thực tiễn GD, lựa chọn, xác định được đề tài NC và diễn đạt tên đề tài đúng yêu cầu - Biết cách XD đề cương NC một đề tài NCKHGD và lập kế hoạch NC - Biết lựa chọn, sử dụng các PP thu thập tài liệu để XD cơ

	sở lý luận của đề tài - Biết sử dụng các PP để thu thập các thông tin thực tiễn và tổ chức thực nghiệm (nếu cần) - Biết cách trình bày văn bản công trình NCKHGD - Phân tích làm rõ được các hiệu quả của công trình NCKHGD: Khoa học, XH, kinh tế, công nghệ GD - Biết cách thực hiện các PP đánh giá công trình NCKHGD
Sinh viên có hứng thú, tích cực tham gia vào việc nghiên cứu giáo dục và vận dụng kết quả nghiên cứu vào việc dạy học, giáo dục học sinh	- Giáo dục cho SV lòng yêu thích môn học, ý thức học tập tích cực, chủ động, sáng tạo. - Giáo dục cho SV yêu khoa học, làm việc khoa học, nghiêm túc và khách quan. - Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của việc nghiên cứu khoa học, xây dựng cơ chế, chính sách, môi trường thuận lợi khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học; đổi mới phương pháp dạy học, tăng cường nghiên cứu khoa học trong sinh viên, nâng cao ý thức tự học, hứng thú nghiên cứu khoa học trong sinh viên.

4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học của người học.

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm
Nhớ được chính xác các khái niệm, nội dung cơ bản của lý luận NCKH (Khoa học, công nghệ, quan điểm tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, cấu trúc công trình nghiên cứu)	Kiểm tra lần 1	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 15 tiết giảng
Bước đầu hiểu và hình thành các kỹ năng nghiên cứu khoa học: chọn đề tài, xây dựng đề cương, sử dụng phương pháp để thu thập và xử lý thông tin và trình bày văn bản công trình khoa học giáo dục	Kiểm tra lần 2	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 30 tiết giảng
Đánh giá quá trình tham gia học của người học thông qua việc xây dựng bài trên lớp, chữa bài tập, đi học đầy đủ .	Điểm chuyên cần	Giáo viên đánh giá	Sau khi kết thúc môn học
Sinh viên có hứng thú, tích cực tham gia vào việc nghiên cứu giáo dục và vận dụng kết quả nghiên cứu vào việc dạy học, giáo dục học sinh	Thi kết thúc môn học	Thi viết	Kết thúc học kỳ

5. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

Ngân hàng câu hỏi được xây dựng theo các mức độ Nhớ, Hiểu, Áp dụng, Phân tích phù hợp với các yêu cầu của chuẩn đầu ra ở mục 2

6. Đề kiểm tra, thi

CƠ CẤU ĐỀ THI, KIỂM TRA

Kiểm tra lần 1	Bài tự luận
Kiểm tra lần 2	Bài tự luận và thiết kế xây dựng đề cương đề tài nghiên cứu khoa học

Thi kết thúc môn học	Gồm 2 phần 1. Phần lý thuyết: 24 câu hỏi tự luận 2. Phần bài tập: 02 bài tập ngắn về xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học.
-----------------------------	---

7. Ngưỡng đánh giá người học

Điểm D: người học đáp ứng các yêu cầu đánh giá của môn học ở mức độ nhớ được các nội dung lý thuyết.

Điểm C: người học đạt mức điểm D và phải thể hiện rằng hiểu được vấn đề trong bài kiểm tra, bài thi.

Điểm B: người học đạt mức điểm C và phải thể hiện khả năng lập luận logic, mạch lạc, biết ứng dụng các nội dung trong các trường hợp thực tế ở bài kiểm tra, bài thi.

Điểm A: người học đạt mức điểm B và phải thể hiện tư duy tổng hợp cao trong bài thi, kiểm tra; biết cách phân tích, vận dụng lý thuyết, các thông tin, minh chứng và lập luận xác đáng thuyết phục cao khi đưa ra các kết luận.

8. Kết quả đánh giá môn học

Thực hiện theo quy chế đào tạo: Điểm môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sau khi làm tròn được chuyển thành điểm chữ như sau

a) Loại đạt:	A	8,5 - 10	giỏi
	B	7,0 - 8,4	khá
	C	5,5 - 6,9	trung bình
	D	4,0 - 5,4	trung bình yếu
b) Loại không đạt:	F	dưới 4,0	kém

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC

**NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG**

I. Môn học 1: Tiếng Việt thực hành

Người học sẽ hệ thống được các kiến thức về đại cương ngôn ngữ và tiếng Việt, ngữ âm tiếng Việt hiện đại, từ vựng tiếng Việt hiện đại, ngữ pháp tiếng Việt hiện đại, phong cách học tiếng Việt. Hiểu rõ các kiến thức tiếng Việt, người học có điều kiện học tập tốt hơn các môn học khác; có năng lực giao tiếp tốt hơn trong môi trường hoạt động của mình. Học môn Tiếng Việt thực hành người học phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ chuẩn mực trong giao tiếp, dạy học cho trẻ mầm non.

2. Chuẩn đầu ra của môn học

Để hoàn thành môn học, người học phải đạt được:

Nhớ được các khái niệm cơ bản về âm tiết, âm vị, từ tiếng Việt, nghĩa của từ, cụm từ tiếng Việt, cụm từ cố định, từ loại, câu, đoạn văn, văn bản và các phong cách chức năng, các phương tiện tu từ và biện pháp tu từ.

Hiểu được cấu tạo của âm tiết, âm vị nguyên âm và phụ âm, hệ thống âm vị, phân tích được cấu tạo từ, phân biệt được loại từ và từ loại, các thành phần và các loại câu. Mô tả được cấu trúc của đoạn văn, phân biệt được cách chức năng, các phương tiện tu từ và biện pháp tu từ.

Áp dụng các kiến thức về tiếng Việt để giải quyết được các bài tập thực hành tiếng Việt. Từ đó hình thành các năng lực: Nghe, nói, đọc, viết chính âm chính tả, trình bày và cảm thụ được vẻ đẹp của Tiếng Việt.

Phân tích, xác định được nội dung và hình thức của các đơn vị tiếng Việt.

3. Các yêu cầu đánh giá

- Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh/ thể hiện được khả năng

Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh/ thể hiện được khả năng:	
Nhớ được các khái niệm cơ bản về âm tiết, âm vị, từ tiếng Việt, chính âm chính tả, nghĩa của từ, cụm từ tiếng Việt, cụm từ cố định, từ loại, câu, đoạn văn, văn bản và các phong cách chức năng, các phương tiện tu từ và biện pháp tu từ.	- Nhắc lại được các khái niệm cơ bản về âm tiết, cấu tạo âm tiết, âm vị, hệ thống âm vị, chính âm chính tả. - Trình bày được khái niệm từ tiếng Việt, nghĩa của từ, cụm từ tiếng Việt, cụm từ cố định, từ loại, loại từ. - Kể ra được khái niệm câu, các loại câu. - Xác định được cấu trúc đoạn văn. - Khái quát được văn bản và các phong cách chức năng, các phương tiện tu từ và biện pháp tu từ.
Hiểu được cấu tạo của âm tiết, âm vị nguyên âm và phụ âm, hệ thống âm vị, phân tích được cấu tạo từ, phân biệt được loại từ và từ loại, các thành phần và các loại câu. Mô tả được cấu trúc của đoạn văn, phân biệt được cách chức năng, các phương tiện tu từ và biện	- Mô tả được âm tiết, cấu tạo âm tiết, âm vị, hệ thống âm vị, thiết lập được quan niệm về chính âm chính tả. - Phân tích được cấu tạo từ tiếng Việt, các loại từ và từ loại tiếng Việt, phân biệt được các nét nghĩa của từ. - So sánh được cụm từ tiếng Việt và cụm từ cố định - Phân tích được thành phần câu và các loại câu. - Diễn đạt được cấu trúc đoạn văn, viết được đoạn văn theo các cấu trúc khác nhau - Xây dựng được văn bản và các phong cách chức năng.

pháp tu từ.	- Trình bày được các phương tiện tu từ và biện pháp tu từ.
Áp dụng các kiến thức về tiếng Việt để giải quyết được các bài tập thực hành tiếng Việt. Từ đó hình thành các năng lực: Nghe, nói, đọc, viết chính âm chính tả, trình bày và cảm thụ được vẻ đẹp của Tiếng Việt.	- Phân tích được cấu tạo âm tiết, xác định và nhận xét được âm vị, hệ thống âm vị - Trình diễn được cấu tạo từ tiếng Việt, các loại từ và từ loại tiếng Việt, phân biệt được các nét nghĩa của từ. - So sánh được cụm từ tiếng Việt và cụm từ cố định - Liên hệ và áp dụng kiến thức thành phần câu và các loại câu để soạn thảo và dạy bài luyện từ và câu trong chương trình tiểu học. - Viết được đoạn văn theo các cấu trúc khác nhau và trình diễn được đoạn văn - Viết và minh họa được văn bản với các phong cách chức năng. - Giải quyết được các bài tập về các phương tiện tu từ và biện pháp tu từ tiếng Việt. - Hình thành các năng lực: Đọc, nói, viết chuẩn tiếng Việt.
Phân tích, xác định được nội dung và hình thức của các đơn vị tiếng Việt.	- Miêu tả được âm tiết, âm vị nguyên âm và phụ âm, hệ thống âm vị, phân tích được cấu tạo từ - Phân biệt được loại từ và từ loại, các thành phần và các loại câu, của đoạn văn, phong cách chức năng các phương tiện tu từ và biện pháp tu từ. - Tìm hiểu và đánh giá được nội dung và hình thức của các đơn vị tiếng Việt.

4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học của người học.

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm
Nhớ được các khái niệm cơ bản về âm tiết, âm vị, từ tiếng Việt, chính âm chính tả, nghĩa của từ, cụm từ tiếng Việt, cụm từ cố định, từ loại, câu, đoạn văn, văn bản và các phong cách chức năng, các phương tiện tu từ và biện pháp tu từ.	Kiểm tra lần 1	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 20 tiết giảng
Hiểu được cấu tạo của âm tiết, âm vị nguyên âm và phụ âm, hệ thống âm vị, phân tích được cấu tạo từ, phân biệt được loại từ và từ loại, các thành phần và các loại câu. Mô tả được cấu trúc của đoạn văn, phân biệt được cách chức năng, các phương tiện tu từ và biện pháp tu từ..			
Áp dụng các kiến thức về tiếng Việt để giải quyết được các bài tập thực hành tiếng Việt. Từ đó hình thành các năng lực: Nghe, nói, đọc, viết chính âm chính tả, trình bày và cảm thụ được vẻ đẹp của Tiếng Việt.	Kiểm tra lần 2	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 40 tiết giảng

Phân tích, đánh giá, xác định được nội dung và hình thức của các đơn vị tiếng Việt.			
Đánh giá quá trình tham gia học của người học thông qua việc xây dựng bài trên lớp, chữa bài tập, đi học đầy đủ .	Điểm chuyên cần	Giáo viên đánh giá	Sau khi kết thúc môn học
Áp dụng các kiến thức về Tiếng Việt để giải quyết các vấn đề đưa ra	Thi kết thúc môn học	Thi viết	Kết thúc học kỳ

5. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

Ngân hàng câu hỏi được xây dựng theo các mức độ Nhớ, Hiểu, Áp dụng, Phân tích phù hợp với các yêu cầu của chuẩn đầu ra ở mục 2

6. Đề kiểm tra, thi

CƠ CẤU ĐỀ THI, KIỂM TRA

Kiểm tra lần 1	Tự luận
Kiểm tra lần 2	Tự luận
Thi kết thúc môn học	Tự luận

7. Ngưỡng đánh giá người học

Điểm D: người học đáp ứng các yêu cầu đánh giá của môn học ở mức độ nhớ được các nội dung lý thuyết.

Điểm C: người học đạt mức điểm D và phải thể hiện rằng hiểu được vấn đề trong bài kiểm tra, bài thi.

Điểm B: người học đạt mức điểm C và phải thể hiện khả năng lập luận logic, mạch lạc, biết ứng dụng các nội dung trong các trường hợp thực tế ở bài kiểm tra, bài thi.

Điểm A: người học đạt mức điểm B và phải thể hiện tư duy tổng hợp cao trong bài thi, kiểm tra; biết cách phân tích, vận dụng lý thuyết, các thông tin, minh chứng và lập luận xác đáng thuyết phục cao khi đưa ra các kết luận.

8. Kết quả đánh giá môn học

Thực hiện theo quy chế đào tạo: Điểm môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sau khi làm tròn được chuyển thành điểm chữ như sau

a) Loại đạt:	A	8,5 - 10	giỏi
	B	7,0 - 8,4	khá
	C	5,5 - 6,9	trung bình
	D	4,0 - 5,4	trung bình yếu
b) Loại không đạt:	F	dưới 4,0	kém

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC

NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

I. Môn học: Làm đồ chơi

1. Mục tiêu chung của môn học.

Học phần cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về ý nghĩa của đồ chơi đối với trẻ nhỏ, nguyên tắc làm đồ dùng đồ chơi, kỹ thuật làm đồ chơi từ những nguyên vật liệu khác nhau. Từ đó người học vận dụng các kỹ năng đã học để làm đồ chơi từ các nguyên vật liệu khác nhau nhằm tổ chức các hoạt động cho trẻ mầm non (hoạt động học, hoạt động chơi, lễ hội...) đạt hiệu quả.

2. Chuẩn đầu ra của môn học

2.1. Kiến thức:

- *) Kiến thức tổng quát
 - Vận dụng phù hợp các kiến thức cơ bản để làm được đồ dùng đồ chơi và thiết kế được môi trường dạy học phù hợp nội dung giáo dục và đối tượng trẻ mầm non
- *) Kiến thức chuyên môn
 - Mô tả, giải thích và phân tích được đặc điểm của đồ chơi, ý nghĩa tác dụng của đồ chơi...
 - Phân tích và làm rõ cách làm từng loại đồ chơi
 - Đánh giá được sản phẩm

2.2. Kỹ năng:

- *) Kỹ năng chuyên môn:
 - Có khả năng làm và sử dụng thiết bị dạy học và đồ dùng đồ chơi phục vụ cho việc tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non
- *) Kỹ năng làm việc:
 - Giao tiếp, ứng xử với trẻ một cách gần gũi, tình cảm; chân tình, cởi mở, thẳng thắn với đồng nghiệp; Gần gũi, tôn trọng và hợp tác, chia sẻ với cha mẹ trẻ và cộng đồng.
 - Phân tích, đánh giá được hiệu quả làm đồ dùng đồ chơi của bản thân và bạn bè, đồng nghiệp
 - Có kỹ năng: Quan sát, theo dõi, trò chuyện, phân tích sản phẩm của trẻ trong các hoạt động, trao đổi với phụ huynh; Sử dụng một số bài tập, tình huống để khảo sát, đánh giá trẻ.

2.3. Thái độ:

- Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có lòng yêu nghề, mến trẻ, tâm huyết với sự nghiệp giáo dục mầm non.
- Có thái độ cởi mở, thiện chí với phụ huynh và sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác, giúp đỡ đồng nghiệp;
- Có ý thức kỷ luật, linh hoạt, tích cực làm việc trong mọi công việc
- Thể hiện bản lĩnh, tự tin, sáng tạo, có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

2.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Thể hiện được ý thức tập thể, đoàn kết phấn đấu vì lợi ích chung, lối sống lành mạnh, cẩn thận, trung thực, liêm khiết.
- Thể hiện được bản lĩnh tự tin, năng động, sáng tạo, khoa học, duy trì nguyên tắc công tác, có khả năng tự học, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm;
- Tự định hướng, thích nghi được với các môi trường làm việc khác nhau hoặc môi trường thay đổi; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;
- Đánh giá được chất lượng hoạt động giáo dục trẻ mầm non làm quen với đồ chơi; chịu

trách nhiệm cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ được giao;

3. Các yêu cầu đánh giá

Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh/ thể hiện được khả năng:	
Nhớ được các kiến thức cơ bản về làm đồ chơi cho trẻ mầm non	- Mô tả, giải thích và phân tích được đặc điểm của đồ chơi, ý nghĩa tác dụng của đồ chơi... - Các nguyên tắc làm đồ chơi - Phân tích và làm rõ cách làm từng loại đồ chơi - Đánh giá được sản phẩm
Hiểu được các kiến thức cơ bản về làm đồ chơi cho trẻ mầm non.	- Phân tích được 5 nguyên tắc cơ bản cho trẻ khi làm đồ chơi + Đồ chơi phải bảo đảm tính giáo dục + Đồ chơi thỏa mãn nhu cầu về ý muốn hoạt động tích cực khi chơi của trẻ. + Hình dáng đồ chơi phải giống như thật. + Kết hợp hài hòa giữa đường nét và màu sắc. + Phải đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn và bảo đảm bền đẹp. - Trình bày phân loại đồ chơi theo nội dung chủ đề + Đồ chơi học tập. + Đồ chơi phản ánh sinh hoạt. + Đồ chơi sân khấu + Đồ chơi trang trí + Đồ chơi lắp ghép xây dựng - Trình bày được các nguyên vật liệu và các kỹ thuật làm đồ chơi từ những nguyên vật liệu khác nhau. + Đồ chơi làm từ gỗ, tre nứa, lá, vải ...
Áp dụng kiến thức về làm đồ chơi cho trẻ mầm non vào thực tiễn giáo dục trẻ Mầm non.	- Có khả năng làm và sử dụng thiết bị dạy học và đồ dùng đồ chơi phục vụ cho việc tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non - Đưa ra được nhận xét, đánh giá sản phẩm đồ chơi theo các tiêu chí

4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học của người học.

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm
Nhớ, hiểu và vận dụng các kiến thức liên quan đến làm đồ chơi (Đồ chơi học tập; Đồ chơi xếp hình xây dựng; Đồ chơi phản ánh sinh hoạt)	Kiểm tra lần 1	Kiểm tra thực hành trên lớp	Trong quá trình thực hành 15 tiết
Nhớ, hiểu và vận dụng các kiến thức liên quan đến làm đồ chơi (Đồ chơi sân khấu – Âm nhạc; Đồ chơi trang trí)	Kiểm tra lần 2	Kiểm tra thực hành trên lớp	Trong quá trình thực hành 30 tiết
- Đánh giá quá trình tham gia học của người học thông qua việc làm bài thực hành trên lớp, chuẩn bị đồ dùng học tập, đi học đầy đủ .	Điểm chuyên cần, điểm TX	Giáo viên đánh giá	Sau khi kết thúc môn học
- Trình bày, phân tích các vấn đề cơ bản về làm đồ chơi. Thực hành làm đồ chơi cho trẻ mầm non	Thi kết thúc môn học	Thi thực hành	Kết thúc học kỳ

5. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

- Ngân hàng câu hỏi được xây dựng theo nội dung chủ đề phù hợp với các yêu cầu của chuẩn đầu ra ở mục 2

6. Đề kiểm tra, thi

CƠ CẤU ĐỀ THI, KIỂM TRA

Kiểm tra lần 1	Thực hành
Kiểm tra lần 2	Thực hành
Thi kết thúc môn học	Thực hành

7. Ngưỡng đánh giá người học

Điểm D: người học đáp ứng các yêu cầu đánh giá của môn học ở mức độ làm được theo nội dung.

Điểm C: người học đạt mức điểm D và phải thể hiện tính thẩm mỹ trong bài kiểm tra, bài thi.

Điểm B: người học đạt mức điểm C và phải thể hiện tính thẩm mỹ khả năng sáng tạo, biết ứng dụng các nội dung trong các trường hợp thực tế ở bài kiểm tra, bài thi.

Điểm A: người học đạt mức điểm B và phải thể hiện được tính thẩm mỹ tư duy sáng tạo cao trong bài thi, kiểm tra; biết cách phân tích, vận dụng tốt các nguyên tắc, sử dụng nguyên vật liệu phù hợp.

8. Kết quả đánh giá môn học

Thực hiện theo quy chế đào tạo: Điểm môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sau khi làm tròn được chuyển thành điểm chữ như sau

a) Loại đạt:	A	8,5 - 10	giỏi
	B	7,0 - 8,4	khá
	C	5,5 - 6,9	trung bình
	D	4,0 - 5,4	trung bình yếu
b) Loại không đạt:	F	dưới 4,0	kém

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC
NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

I. Môn học : Múa

1. Mục tiêu chung của môn học

Là môn học thực hành, nhằm rèn luyện thực hành những kiến thức cơ bản về vận động, chất liệu múa dân gian các vùng miền trên cơ sở sinh viên đã có kiến thức về vận động theo nhạc. Có nhận thức thẩm mỹ đúng đắn về môn học này, hình thành các kỹ năng tổ chức các hoạt động, trò chơi, ca hát cho lứa tuổi mầm non.

2. Chuẩn đầu ra của môn học

Để hoàn thành được môn học này, người học phải đạt được:

Trình bày được nội dung, ý nghĩa các động tác đã học của từng dân tộc vùng miền.

Thực hành được các động tác cơ bản của các dân tộc vùng miền, vận dụng các kiến thức đó để làm một số bài tập thực hành ngay tại lớp học và về nhà .

Hiểu, phân tích được cách xây dựng một bài múa phù hợp với lứa tuổi mầm non.

Biết sáng tạo từ các động tác múa cơ bản đã học thành nhiều động tác mới.

Thực hiện được các động tác múa đúng kỹ thuật, đúng hình thể, mềm mại uyển chuyển, xây dựng được các động tác mới cải biên.

Thực hiện được các tổ hợp động tác múa đúng kỹ thuật đúng hình thể, mềm mại uyển chuyển, xây dựng thành thạo các động tác cải biên hợp với chủ đề nội dung.

Thực hiện được cách xây dựng một tổ hợp các động tác múa và bài múa.

- Hình thành niềm say mê lĩnh hội tri thức, tinh thần học hỏi không ngừng, mong muốn trở thành một người cán bộ văn hoá có trình độ chuyên môn đáp ứng được yêu cầu của chuyên ngành dạy.

- Chuẩn bị đầy đủ đạo cụ cho môn học: Giày múa; khăn quạt, ô, khèn chuông...

- Nghiêm túc trong học tập, xác định đúng đắn động cơ và mục đích học tập.

3. Các yêu cầu đánh giá

Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh/ thể hiện được khả năng:

- Hiểu, phân tích được cách xây dựng một tác phẩm múa. - Cách lựa chọn chủ đề phù hợp cho chương trình nghệ thuật.	- Khái niệm về nghệ thuật múa, nhận diện chất liệu động tác múa của các vùng miền, chương trình ca múa nhạc. - Khái niệm về chủ đề, chương trình nghệ thuật - Xác định các chủ đề cho chương trình nghệ thuật
- Cách lựa chọn động tác, đội hình các tuyến múa và sắp xếp các động tác múa, tổ hợp các động tác kết hợp với các hướng phù hợp. - Cách dàn dựng từng thể loại tác phẩm.	- Xác định các động tác chất liệu cho bài múa, lập dàn ý xây dựng nội dung cho tác phẩm múa phù hợp với chương trình nghệ thuật - Sắp xếp thứ tự đội hình cho phù hợp với chủ đề chương trình nghệ thuật. - Thực hiện dàn dựng các tác phẩm cho từng chương trình

- Xây dựng được chủ đề cho chương trình văn nghệ - Lựa chọn tác phẩm múa phù hợp với chủ đề và phù hợp với đối tượng	- Vận dụng được chủ đề cho chương trình văn nghệ - Lập kế hoạch thực hiện chi tiết cho từng tiết mục - Thực hiện lựa chọn tác phẩm múa phù hợp với chủ đề và phù hợp với đối tượng.
- Dàn dựng được các tiết Múa độc lập và Múa phụ họa.	- Thực hiện dàn dựng các tiết mục: - Múa độc lập và Múa phụ họa.
- Thực hiện xây dựng được một tác phẩm múa độc lập hoàn chỉnh và múa phụ họa.	- Thực hiện nhiệm vụ xây dựng và biểu diễn tác phẩm múa độc lập cũng như múa phụ họa

4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học của người học

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm
- Nhớ, hiểu, phân tích được cách xây dựng một động tác múa. + Cách lựa chọn động tác múa cải biên cho phù hợp với chủ đề chương trình. - Xây dựng được nội dung cho tác phẩm múa nghệ thuật. - Lựa chọn động tác chất liệu phù hợp với chủ đề và phù hợp với đối tượng. - Sắp xếp các động tác, đội hình các tuyến hợp lý với tác phẩm múa.	Kiểm tra lần 1	Kiểm tra thực hành trên lớp	Sau 15 tiết giảng
+ Cách lựa chọn và sắp xếp chất liệu động tác, và tổ hợp các động tác. + Cách dàn dựng từng thể loại, động tác và tổ hợp các động tác.	Kiểm tra lần 2	Kiểm tra thực hành trên lớp	Sau 30 tiết giảng
- Dàn dựng được các tiết mục Múa độc lập và Múa phụ họa.	Kiểm tra lần 3	Trả bài thực hành trên lớp thực hiện với cá nhân, và nhóm	Sau khi kết thúc môn học 30 tiết.
- Đánh giá quá trình tham gia học của người học thông qua việc xây dựng bài tập, trả bài trên lớp, đi học đầy đủ .	Điểm chuyên cần	Giáo viên đánh giá	Sau khi kết thúc môn học
- Dàn dựng được các tiết mục Múa độc lập và Múa phụ họa.	Thi kết thúc môn học	Thực hành biểu diễn trên sân khấu.	Kết thúc học kỳ

5. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

Thực hiện các bài tập và nội dung đánh giá cá nhân và nhóm.

6. Đề kiểm tra, thi

CƠ CẤU ĐỀ THI, KIỂM TRA

Kiểm tra lần 1	Thực hành cá nhân.
Kiểm tra lần 2	Thực hành cá nhân, nhóm.
Kiểm tra lần 3	Thực hành cá nhân, nhóm.
Thi kết thúc môn học	Thực hành biểu diễn trên sân khấu. Theo cá nhân và nhóm

7. Ngưỡng đánh giá người học

Điểm D: người học đáp ứng các yêu cầu đánh giá của môn học ở mức độ nhớ được các nội dung lý thuyết.

Điểm C: người học đạt mức điểm D và phải thể hiện rằng hiểu được vấn đề trong bài kiểm tra, bài thi.

Điểm B: người học đạt mức điểm C và phải thể hiện khả năng lập luận logic, mạch lạc, biết ứng dụng các nội dung trong các trường hợp thực tế ở bài kiểm tra, bài thi.

Điểm A: người học đạt mức điểm B và phải thể hiện tư duy tổng hợp cao trong bài thi, kiểm tra; biết cách phân tích, vận dụng lý thuyết, các thông tin, minh chứng và lập luận xác đáng thuyết phục cao khi đưa ra các kết luận.

8. Kết quả đánh giá môn học

Thực hiện theo quy chế đào tạo: Điểm môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sau khi làm tròn được chuyển thành điểm chữ như sau

a) Loại đạt:	A	8,5 - 10	giỏi
	B	7,0 - 8,4	Khá
	C	5,5 - 6,9	trung bình
	D	4,0 - 5,4	trung bình yếu
b) Loại không đạt:	F	dưới 4,0	Kém

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC

**NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG**

I. Môn học: Giáo dục hòa nhập – Giáo dục gia đình

1. Mục tiêu chung của môn học.

Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề chung về giáo dục hoà nhập, nội dung giáo dục hoà nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt trong trường mầm non và một số hoạt động thúc đẩy và hỗ trợ giáo dục hoà nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt trong trường mầm non. Ngoài ra, học phần cung cấp những nội dung cơ bản về gia đình như vai trò, đặc điểm, chức năng của gia đình; các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả của giáo dục gia đình; nhiệm vụ và nội dung giáo dục gia đình; phương pháp và biện pháp giáo dục gia đình.

2. Chuẩn đầu ra của môn học

Để hoàn thành môn học, người học phải đạt được:

Trình bày được một số vấn đề cơ bản của giáo dục hòa nhập bao gồm: khái niệm và các quan điểm tiếp cận giáo dục hòa nhập, các yếu tố và đặc điểm của giáo dục hòa nhập. Chỉ ra được giáo dục hòa nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt trong trường mầm non. Liệt kê được chiến lược thúc đẩy và hỗ trợ giáo dục hòa nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt trong trường mầm non. Chỉ ra được khái niệm, các chức năng cơ bản và các mối quan hệ chủ yếu trong gia đình. Liệt kê được mục tiêu giáo dục con trong gia đình, giáo dục con ở các giai đoạn lứa tuổi và mối quan hệ của gia đình, nhà trường và xã hội.

Áp dụng được kỹ năng xác định nhu cầu và khả năng của trẻ có nhu cầu đặc biệt. Kỹ năng xây dựng mục tiêu và kỹ năng lập kế hoạch chăm sóc giáo dục cho trẻ có nhu cầu đặc biệt trong trường mầm non. Vận dụng tri thức đã học để giáo dục trẻ lứa tuổi Mầm non và các độ tuổi khác nhau trong gia đình, giúp hình thành nhân cách trẻ thông qua các mối quan hệ xã hội, gia đình, nhà trường.

3. Các yêu cầu đánh giá

Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh/ thể hiện được khả năng:

Nhớ được: khái niệm giáo dục hòa nhập; giáo dục hòa nhập trẻ có nhu cầu đặc biệt trong trường mầm non; thúc đẩy và hỗ trợ giáo dục hòa nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt trong trường mầm non; khái niệm chung về gia đình; giáo dục con trong gia đình.	- Trình bày được khái niệm, một số quan điểm tiếp cận giáo dục hòa nhập - Liệt kê được các yếu tố của giáo dục hòa nhập - Chỉ ra được tính tất yếu và xu thế của giáo dục hòa nhập - Trình bày được khái niệm và đặc điểm trẻ có nhu cầu đặc biệt - Liệt kê được các nguyên tắc giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt - Chỉ ra được tạo môi trường học tập hòa nhập thân thiện - Liệt kê mở rộng mạng lưới hỗ trợ giáo dục hòa nhập - Chỉ ra được khái niệm chung về gia đình, các loại gia đình - Liệt kê được mối quan hệ gia đình, nhà trường và xã hội.
---	--

Hiểu được các quan điểm tiếp cận giáo dục hòa nhập; các đặc điểm của giáo dục hòa nhập; giáo dục hòa nhập trẻ có nhu cầu đặc biệt trong trường mầm non; các chức năng của gia đình và mối quan hệ trong gia đình; các nội dung và phương pháp giáo dục con ở các độ tuổi khác nhau.	- Giải thích được nội dung cơ bản của các quan điểm tiếp cận giáo dục hòa nhập. - Chỉ ra được các đặc điểm của giáo dục hòa nhập - Phân tích được đặc điểm trẻ có nhu cầu đặc biệt trong trường mầm non - Phân tích được các nguyên tắc giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt - Chỉ ra được các yêu cầu về phẩm chất và năng lực của giáo viên trong giáo dục hoà nhập mầm non - Phân tích được các chức năng của gia đình và mối quan hệ trong gia đình - Chỉ ra được các nội dung và phương pháp giáo dục con ở các độ tuổi
Áp dụng được xác định nhu cầu và khả năng của trẻ có nhu cầu đặc biệt; xây dựng mục tiêu và kỹ năng lập kế hoạch chăm sóc giáo dục cho trẻ có nhu cầu đặc biệt trong trường mầm non. Vận dụng tri thức về nội dung và phương pháp để giáo dục trẻ các độ tuổi khác nhau trong gia đình.	- Áp dụng lí luận đã học chống lại quan điểm sai lầm về giáo dục hòa nhập để chỉ ra giáo dục hòa nhập là tất yếu - Áp dụng xác định khả năng và nhu cầu của trẻ có nhu cầu đặc biệt - Vận dụng lý thuyết xây dựng mục tiêu và lập kế hoạch giáo dục cá nhân trẻ có nhu cầu đặc biệt - Vận dụng xây dựng môi trường học tập hòa nhập thân thiện ở trường mầm non - Áp dụng lí thuyết đã học để biết cách ứng xử có đạo đức và văn hóa các mối quan hệ trong gia đình - Vận dụng tri thức đã học để giáo dục trẻ lứa tuổi mầm non và các độ tuổi khác. Biết cách hình thành nhân cách trẻ thông qua các mối quan hệ xã hội, gia đình, nhà trường.

4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học của người học.

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm
Nhớ được: khái niệm giáo dục hòa nhập; giáo dục hòa nhập trẻ có nhu cầu đặc biệt trong trường mầm non; thúc đẩy và hỗ trợ giáo dục hòa nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt trong trường mầm non; khái niệm chung về gia đình.	Kiểm tra lần 1	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 15 tiết giảng
Hiểu được của các quan điểm tiếp cận giáo dục hòa nhập; các đặc điểm của giáo dục hòa nhập; giáo dục hòa nhập trẻ có nhu cầu đặc biệt trong trường mầm non; các chức năng của gia đình và mối quan hệ trong gia đình; các nội dung và phương pháp giáo dục con ở các độ tuổi khác nhau.	Kiểm tra lần 2	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 30 tiết giảng
Đánh giá quá trình tham gia học của người học thông qua việc xây dựng bài trên lớp, chữa bài tập, đi học đầy đủ.	Điểm chuyên cần	Giáo viên đánh giá	Sau khi kết thúc môn học

Nhớ, hiểu và áp dụng được các quan điểm tiếp cận giáo dục hòa nhập; các đặc điểm của giáo dục hòa nhập; giáo dục hòa nhập trẻ có nhu cầu đặc biệt trong trường mầm non; các chức năng của gia đình và mối quan hệ trong gia đình. Vận dụng tri thức về nội dung và phương pháp để giáo dục trẻ các độ tuổi khác nhau trong gia đình.	Thi kết thúc môn học	Thi viết	Kết thúc học kỳ
--	----------------------	----------	-----------------

5. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

Ngân hàng câu hỏi được xây dựng theo các mức độ: nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích phù hợp với các yêu cầu của chuẩn đầu ra ở mục 2

6. Đề kiểm tra, thi

CƠ CẤU ĐỀ THI, KIỂM TRA

Kiểm tra lần 1	Bài tự luận (lý thuyết và vận dụng, liên hệ)
Kiểm tra lần 2	Bài tự luận (lý thuyết và vận dụng, liên hệ)
Thi kết thúc môn học	Thi tự luận (lý thuyết và vận dụng, liên hệ)

7. Ngưỡng đánh giá người học

Điểm D: người học đáp ứng các yêu cầu đánh giá của môn học ở mức độ nhớ được các nội dung lý thuyết.

Điểm C: người học đạt mức điểm D và phải thể hiện rằng hiểu được vấn đề trong bài kiểm tra, bài thi.

Điểm B: người học đạt mức điểm C và phải thể hiện khả năng lập luận logic, mạch lạc, biết ứng dụng các nội dung trong các trường hợp thực tế ở bài kiểm tra, bài thi.

Điểm A: người học đạt mức điểm B và phải thể hiện tư duy tổng hợp cao trong bài thi, kiểm tra; biết cách phân tích, vận dụng lý thuyết, các thông tin, minh chứng và lập luận xác đáng thuyết phục cao khi đưa ra các kết luận.

8. Kết quả đánh giá môn học

Thực hiện theo quy chế đào tạo: Điểm môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sau khi làm tròn được chuyển thành điểm chữ như sau

a) Loại đạt:	A	8,5 - 10	giỏi
	B	7,0 - 8,4	khá
	C	5,5 - 6,9	trung bình
	D	4,0 - 5,4	trung bình yếu
b) Loại không đạt:	F	dưới 4,0	kém

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC

**NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG**

I. Môn học: Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non

1. Mục tiêu chung của môn học.

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cách lập kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non; Tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp xuất phát từ nhu cầu và hứng thú của trẻ trong tất cả các nội dung giáo dục; Nguyên tắc, quy trình và hướng dẫn cách xây dựng môi trường giáo dục theo chủ đề; đánh giá hiệu quả sử dụng môi trường giáo dục phù hợp với sự phát triển của trẻ

2. Chuẩn đầu ra của môn học

2.1. Kiến thức:

- *) Kiến thức tổng quát:
 - Sinh viên có nhận thức cơ bản về chương trình giáo dục mầm non, tổ chức thực hiện chương trình GDMN và thiết kế môi trường giáo dục trong trường mầm non.
- *) Kiến thức chuyên môn
 - Mô tả được khái niệm chương trình GDMN
 - Phân tích được các nguyên tắc xây dựng kế hoạch.
 - Trình bày được cấu trúc và nội dung các loại kế hoạch giáo dục(năm học, chủ đề, tuần, ngày)
 - Phân tích được cách tổ chức được các hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề (học, chơi, lao động....) ở trường mầm non
 - Thiết kế được môi trường giáo dục trong trường mầm non
 - Trình bày được nội dung, phương pháp, hình thức đánh giá đánh giá việc thực hiện chương trình

2.2. Kỹ năng:

- *) Kỹ năng chuyên môn:
 - Lập được các loại kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình
 - Tổ chức được các hoạt động giáo dục theo chủ đề cho trẻ mầm non; kỹ năng thiết kế môi trường giáo dục để thực hiện chương trình
 - Kỹ năng quan sát, đánh giá hiệu quả thực hiện chương trình giáo dục mầm non.
- *) Kỹ năng làm việc:
 - Giao tiếp, ứng xử với trẻ một cách gần gũi, tình cảm; chân tình, cởi mở, thẳng thắn với đồng nghiệp; Gần gũi, tôn trọng và hợp tác, chia sẻ với cha mẹ trẻ và cộng đồng.
 - Phân tích, đánh giá được trẻ theo các hình thức khác nhau: đánh giá trẻ sau một hoạt động, sau một ngày, sau một chủ đề, sau một năm học

2.3. Thái độ:

- Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có lòng yêu nghề, mến trẻ, tâm huyết với sự nghiệp giáo dục mầm non.
- Có thái độ cởi mở, thiện chí với phụ huynh và sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác, giúp đỡ đồng nghiệp;
- Có ý thức kỷ luật, linh hoạt, tích cực làm việc trong mọi công việc
- Giáo dục sinh viên nhận thức rõ vị trí, vai trò của môn học trong chương trình đào tạo của trường Sư phạm và trong trường mầm non; từ đó có ý thức học tập bộ môn một cách nghiêm túc.
- Chủ động, tích cực học hỏi, trau dồi kiến thức, học tập kinh nghiệm của các giáo viên tại các cơ sở GDMN để hình thành các kỹ năng xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non

2.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Thể hiện được ý thức tập thể, đoàn kết phấn đấu vì lợi ích chung, lối sống lành mạnh, cần thận, trung thực, liêm khiết.
- Thể hiện được bản lĩnh tự tin, năng động, sáng tạo, khoa học, duy trì nguyên tắc công tác, có khả năng tự học, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm;
- Tự định hướng, thích nghi được với các môi trường làm việc khác nhau hoặc môi trường thay đổi; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

3. Các yêu cầu đánh giá

Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh/ thể hiện được khả năng:	
Nhớ được các kiến thức cơ bản Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	- Khái niệm chương trình GDMN - Khái niệm, ý nghĩa của việc lập kế hoạch - Các nguyên tắc xây dựng kế hoạch (XD kế hoạch phải quán triệt mục tiêu GDMN; XD kế hoạch phải đảm bảo tính khoa học và tính thực tiễn; XD kế hoạch phải đảm bảo tính phát triển; XD kế hoạch phải đảm bảo tính toàn diện; Đảm bảo tính pháp lệnh của kế hoạch) - Cấu trúc và nội dung các loại kế hoạch giáo dục (năm học, chủ đề, tuần, ngày) - Quan điểm tích hợp - Cách tổ chức được các hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề (học, chơi, lao động....) ở trường mầm non - Ý nghĩa, nguyên tắc, quy trình đánh giá việc xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non - Nội dung, phương pháp, hình thức đánh giá đánh giá việc thực hiện chương trình.
Hiểu được các kiến thức cơ bản Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	- Phân tích được 5 nguyên tắc xây dựng kế hoạch (XD kế hoạch phải quán triệt mục tiêu GDMN; XD kế hoạch phải đảm bảo tính khoa học và tính thực tiễn; XD kế hoạch phải đảm bảo tính phát triển; XD kế hoạch phải đảm bảo tính toàn diện; Đảm bảo tính pháp lệnh của kế hoạch) - Trình bày được cấu trúc và nội dung các loại kế hoạch giáo dục (năm học, chủ đề, tuần, ngày) mỗi kế hoạch cần chỉ rõ cách thực hiện sao cho hiệu quả trong thực tiễn. - Phân tích được cách tổ chức được các hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề (học, chơi, lao động....) ở trường mầm non - Trình bày được cách thiết kế môi trường giáo dục trong trường mầm non theo đúng quy trình - Trình bày được nội dung, phương pháp, hình thức đánh giá đánh giá việc thực hiện chương trình.
Áp dụng kiến thức Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non vào thực tiễn, chăm sóc dạy trẻ Mầm non.	- Xây dựng được các loại kế hoạch giáo dục (năm học, chủ đề, tuần, ngày), Kế hoạch cần xác định rõ: Những căn cứ xây dựng kế hoạch; mục tiêu; chuẩn bị về phương tiện, đồ dùng; dự kiến được kế hoạch thực hiện (Thời gian thực hiện; Tên hoạt động; cách tiến hành hoặc tổ chức thực hiện;)

4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học của người học.

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm
Nhớ, hiểu và vận dụng các kiến thức liên	Kiểm tra lần 1	Kiểm tra viết	Sau 15 tiết

quan đến lập kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình GDMN; Tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề		trên lớp	giảng
Nhớ, hiểu và vận dụng các kiến thức liên quan đến xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non; đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục	Kiểm tra lần 2	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 30 tiết giảng
- Đánh giá quá trình tham gia học của người học thông qua việc xây dựng bài trên lớp, chữa bài tập, đi học đầy đủ .	Điểm chuyên cần, điểm TX	Giáo viên đánh giá	Sau khi kết thúc môn học
- Trình bày, phân tích các vấn đề cơ bản về tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non, lập kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	Thi kết thúc môn học	Thi viết	Kết thúc học kỳ

5. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

Ngân hàng câu hỏi được xây dựng theo các mức độ Nhớ, Hiểu, Áp dụng, Phân tích phù hợp với các yêu cầu của chuẩn đầu ra ở mục 2

6. Đề kiểm tra, thi

CƠ CẤU ĐỀ THI, KIỂM TRA

Kiểm tra lần 1	Tự luận
Kiểm tra lần 2	Tự luận
Thi kết thúc môn học	Tự luận. Gồm 3 phần Phần nhớ Phần hiểu Phần vận dụng

7. Ngưỡng đánh giá người học

Điểm D: người học đáp ứng các yêu cầu đánh giá của môn học ở mức độ nhớ được các nội dung lý thuyết.

Điểm C: người học đạt mức điểm D và phải thể hiện rằng hiểu được vấn đề trong bài kiểm tra, bài thi.

Điểm B: người học đạt mức điểm C và phải thể hiện khả năng lập luận logic, mạch lạc, biết ứng dụng các nội dung trong các trường hợp thực tế ở bài kiểm tra, bài thi.

Điểm A: người học đạt mức điểm B và phải thể hiện tư duy tổng hợp cao trong bài thi, kiểm tra; biết cách phân tích, vận dụng lý thuyết, các thông tin, minh chứng và lập luận xác đáng thuyết phục cao khi đưa ra các kết luận.

8. Kết quả đánh giá môn học

Thực hiện theo quy chế đào tạo: Điểm môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sau khi làm tròn được chuyển thành điểm chữ như sau

a) Loại đạt:	A	8,5 - 10	giỏi
	B	7,0 - 8,4	khá
	C	5,5 - 6,9	trung bình
	D	4,0 - 5,4	trung bình yếu
b) Loại không đạt:	F	dưới 4,0	kém

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC

**NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG**

I. Môn học: PHÒNG BỆNH VÀ ĐẢM BẢO AN TOÀN

1. Mục tiêu chung của môn học

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về vai trò mục tiêu của công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em. Nhận biết được triệu chứng, cách phòng và điều trị một số bệnh thường gặp ở trẻ em; cách sơ cứu khẩn cấp cũng như cách phòng tránh và xử lý một số tai nạn thường gặp ở trẻ nhỏ. Tổ chức giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non

2. Chuẩn đầu ra của môn học

- Trình bày được các khái niệm về bệnh, các nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em. Trình bày được khái niệm về các bệnh chuyên khoa, bệnh truyền nhiễm thường gặp ở trẻ em.
- Hiểu được nguyên nhân gây bệnh, các biểu hiện khi mắc bệnh, cách điều trị và biến chứng của các bệnh chuyên khoa, truyền nhiễm thường gặp ở trẻ em.
- Có kỹ năng phòng tránh, phát hiện kịp thời và sơ cứu ban đầu khi trẻ mắc bệnh chuyên khoa, bệnh truyền nhiễm, bệnh thường gặp. Đảm bảo an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp, xử trí các tai nạn và chăm sóc trẻ bị tai nạn.
- Vận dụng được các mục tiêu, nội dung, hình thức vào việc tổ chức các hoạt động phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ ở trường MN

3. Các yêu cầu đánh giá

Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh/ thể hiện được khả năng:	
- Trình bày được các khái niệm về bệnh, các nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em. Trình bày được khái niệm về các bệnh chuyên khoa, bệnh truyền nhiễm thường gặp ở trẻ em.	- Trình bày vai trò của môn học, khái niệm về bệnh, mục tiêu chăm sóc sức khỏe trẻ em. - Trình bày được những nội dung công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em - Trình bày được khái niệm về các bệnh thường gặp ở trẻ em. - Trình bày được khái niệm thế nào là bệnh truyền nhiễm.
- Hiểu được nguyên nhân gây bệnh, các biểu hiện khi mắc bệnh, cách điều trị và biến chứng của các bệnh chuyên khoa, truyền nhiễm thường gặp ở trẻ em.	- Phân tích nguyên nhân, triệu chứng các biểu hiện dẫn đến các bệnh thường gặp ở trẻ em. - Phân tích được cách phòng tránh các bệnh thường gặp ở trẻ em - Phân tích được nguyên nhân dẫn đến bệnh ngoài da, sâu răng, bệnh về mắt. - Phân tích được triệu chứng, biến chứng cách phòng và điều trị của các bệnh chuyên khoa - Phân tích được đặc điểm và cách phân loại bệnh truyền nhiễm. - Phân tích được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, cách điều trị và phòng các bệnh truyền nhiễm ở trẻ.
- Có kỹ năng phòng tránh, phát hiện kịp thời và sơ cứu	- Vận dụng kiến thức nhằm phát hiện các triệu chứng bệnh thường gặp trong thực tế.

ban đầu khi trẻ mắc bệnh chuyên khoa, bệnh truyền nhiễm, bệnh thường gặp. Đảm bảo an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp, xử trí các tai nạn và chăm sóc trẻ bị tai nạn.	- Thực hiện phòng bệnh và chăm sóc khi trẻ mắc các bệnh thường gặp. - Phân biệt được các loại thuốc sử dụng trong điều trị bệnh cho trẻ. - Liên hệ kỹ năng chăm sóc trẻ sau khi ốm và cách ly trẻ sớm. - Biết phát hiện kịp thời khi trẻ xảy ra tai nạn - Vận dụng cách xử trí các tai nạn và chăm sóc trẻ bị tai nạn
- Vận dụng được các mục tiêu, nội dung, hình thức vào việc tổ chức các hoạt động phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ ở trường MN	- Sử dụng phối hợp và sáng tạo nội dung, hình thức tổ chức các hoạt động phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ MN

4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học của người học

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm
- Trình bày được các khái niệm về bệnh, các nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em. Trình bày được khái niệm về các bệnh chuyên khoa, bệnh truyền nhiễm thường gặp ở trẻ em.	Kiểm tra lần 1	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 15 tiết giảng
- Có kỹ năng phòng tránh, phát hiện kịp thời và sơ cứu ban đầu khi trẻ mắc bệnh chuyên khoa, bệnh truyền nhiễm, bệnh thường gặp. Đảm bảo an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp, xử trí các tai nạn và chăm sóc trẻ bị tai nạn.	Kiểm tra lần 2	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 25 tiết giảng
Đánh giá quá trình tham gia học của người học thông qua việc xây dựng bài trên lớp, chữa bài tập, đi học đầy đủ.	Điểm chuyên cần	Giáo viên đánh giá	Sau khi kết thúc môn học
- Trình bày được các khái niệm về bệnh, các nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em. Trình bày được khái niệm về các bệnh chuyên khoa, bệnh truyền nhiễm thường gặp ở trẻ em. - Hiểu được nguyên nhân gây bệnh, các biểu hiện khi mắc bệnh, cách điều trị và biến chứng của các bệnh chuyên khoa, truyền nhiễm thường gặp ở trẻ em.	Thi kết thúc môn học	Thi viết	Kết thúc học kỳ

5. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

Ngân hàng câu hỏi được xây dựng theo các mức độ Nhớ, Hiểu, Vận dụng, Phân tích phù hợp với các yêu cầu của chuẩn đầu ra ở mục 2.

6. Đề kiểm tra, đề thi

Kiểm tra lần 1	Thi lý thuyết
Kiểm tra lần 2	Thi lý thuyết
Thi kết thúc môn học	Thi lý thuyết

7. Ngưỡng đánh giá người học

Điểm D: người học đáp ứng các yêu cầu đánh giá của môn học ở mức độ nhớ được các nội dung lý thuyết.

Điểm C: người học đạt mức điểm D và phải thể hiện rằng hiểu được vấn đề trong bài kiểm tra, bài thi.

Điểm B: người học đạt mức điểm C và phải thể hiện khả năng lập luận logic, mạch lạc, biết ứng dụng các nội dung trong các trường hợp thực tế ở bài kiểm tra, bài thi.

Điểm A: người học đạt mức điểm B và phải thể hiện tư duy tổng hợp cao trong bài thi, kiểm tra; biết cách phân tích, vận dụng lý thuyết, các thông tin, minh chứng và lập luận xác đáng thuyết phục cao khi đưa ra các kết luận.

8. Kết quả đánh giá môn học

Thực hiện theo quy chế đào tạo: Điểm môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sau khi làm tròn được chuyển thành điểm chữ như sau

a) Loại đạt:	A	8,5 - 10	giỏi
	B	7,0 - 8,4	khá
	C	5,5 - 6,9	trung bình
	D	4,0 - 5,4	trung bình yếu
b) Loại không đạt:	F	dưới 4,0	kém

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC

**NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG**

I. Môn học: Tổ chức hoạt động vui chơi

1. Mục tiêu chung của môn học

- SV lập được kế hoạch và tổ chức được hoạt động vui chơi và các trò chơi cho trẻ một cách tích hợp, đa dạng, khoa học, đảm bảo phù hợp với lứa tuổi và điều kiện của trường lớp đồng thời theo dõi và đánh giá được khả năng phát triển của trẻ thông qua hoạt động vui chơi.

2. Chuẩn đầu ra của môn học

Để hoàn thành môn học, người học phải đạt được:

- Lập được kế hoạch và tổ chức được hoạt động vui chơi cho trẻ ở trường mầm non, và các loại trò chơi cho trẻ và đánh giá được mức độ phát triển của trẻ thông qua hoạt động vui chơi.

- Biết nhận xét, đánh giá việc tổ chức hoạt động vui chơi, vận dụng những kiến thức để xử lý tình huống sư phạm trong quá trình tổ chức trò chơi.

3. Các yêu cầu đánh giá

Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh/ thể hiện được khả năng:

- Lập được kế hoạch và tổ chức được hoạt động vui chơi cho trẻ ở trường mầm non, và các loại trò chơi cho trẻ và đánh giá được mức độ phát triển của trẻ thông qua hoạt động vui chơi.	- Phân tích được phương pháp và quy trình tổ chức các loại trò chơi: Đóng vai theo chủ đề, xây dựng, đóng kịch, học tập, vận động, dân gian và trò chơi điện tử. Vận dụng các kiến thức kỹ năng để tổ chức các loại trò chơi cho trẻ. - Phân tích được kế hoạch (Giáo án) và tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ ở trường mầm non - Xây dựng kế hoạch và tổ chức được hoạt động vui chơi cho trẻ ở trường mầm non theo các thời điểm khác nhau trong ngày theo từng lứa tuổi - Thực hành tổ chức được các trò chơi và hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non. - Đánh giá được quá trình tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ ở trường mầm non - Đánh giá được mức độ phát triển của trẻ thông qua hoạt động vui chơi.
- Biết nhận xét, đánh giá việc tổ chức hoạt động vui chơi, vận dụng những kiến thức để xử lý tình huống sư phạm trong quá trình tổ chức trò chơi.	- Đánh giá những ưu, nhược điểm trong quá trình tổ chức hoạt động vui chơi và tổ chức các trò chơi, rút kinh nghiệm cho bản thân. - Xử lý được những tình huống sư phạm khi tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ.

4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học của người học

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm
--------------	--------------------	-------------------------	-----------

- Lập được kế hoạch và tổ chức được hoạt động vui chơi cho trẻ ở trường mầm non, và các loại trò chơi cho trẻ và đánh giá được mức độ phát triển của trẻ thông qua hoạt động vui chơi. - Biết nhận xét, đánh giá việc tổ chức hoạt động vui chơi, vận dụng những kiến thức để xử lý tình huống sư phạm trong quá trình tổ chức trò chơi.	Kiểm tra lần 1	- Kiểm tra trên lớp thông qua hoạt động thực hành tập giảng tổ chức các trò chơi và hoạt động góc cho trẻ.	Sau 20 tiết thực hành
Đánh giá quá trình tham gia học của người học thông qua việc xây dựng bài trên lớp, thực hành theo nhóm, đi học đầy đủ .	Điểm chuyên cần	Giáo viên đánh giá	Sau khi kết thúc môn học
Đánh giá khả năng nhận thức chung của người học sau khi kết thúc học phần	Thi kết thúc môn học	Thi thực hành	Kết thúc học kỳ

5. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

Ngân hàng câu hỏi được xây dựng theo các mức độ Nhớ, Hiểu, Vận dụng, Phân tích phù hợp với các yêu cầu của chuẩn đầu ra ở mục 2.

6. Đề kiểm tra, đề thi

CƠ CẤU ĐỀ THI, KIỂM TRA

Kiểm tra lần 1	Thực hành
Thi kết thúc môn học	Thực hành tổ chức hoạt động vui chơi.

7. Ngưỡng đánh giá người học

- **Điểm D:** người học đáp ứng các yêu cầu đánh giá của môn học ở mức độ nhớ được các nội dung thực hành.
- **Điểm C:** người học đạt mức điểm D và phải vận dụng được nội dung đó để thực hành.
- **Điểm B:** người học đạt mức điểm C và phải thực hiện theo đúng quy trình, có sự tích hợp nhiều nội dung.
- **Điểm A:** người học đạt mức điểm B và phải thực hiện theo đúng quy trình một cách nhanh nhẹn, linh hoạt, sáng tạo và khoa học.

8. Kết quả đánh giá môn học

Thực hiện theo quy chế đào tạo: Điểm môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sau khi làm tròn được chuyển thành điểm chữ như sau

a) Loại đạt:	A	8,5 - 10	giỏi
	B	7,0 - 8,4	khá
	C	5,5 - 6,9	trung bình
	D	4,0 - 5,4	trung bình yếu
b) Loại không đạt:	F	dưới 4,0	kém

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC

NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

I. Môn học: Âm nhạc và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc

1. Mục tiêu chung của môn học.

Học phần cung cấp những kiến thức sơ giản về lý thuyết Âm nhạc cơ bản, cách đọc ghi nhạc các bản nhạc đơn giản có từ 0-1 dấu hóa, phương pháp phương pháp dạy trẻ ca hát, nghe nhạc, vận động theo nhạc, trò chơi âm nhạc. Cách lựa chọn bài hát phù hợp với chủ điểm, chủ đề trong nội dung chương trình và có tính giáo dục cao đối với trẻ giúp người học hiểu, phân biệt và vận dụng các phương pháp đó một cách hữu hiệu. Tổ chức cho SV tham gia vào phần thực hành, luyện tập các bài hát và vận động theo nhạc trong chương trình. Rèn cho người học cách soạn giáo án (xây dựng kế hoạch bài giảng), tập giảng giúp người học có những kỹ năng cơ bản về giảng dạy, Quan sát, nhận xét, đánh giá kết quả việc tổ chức tiết dạy trên lớp nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng được yêu cầu của quá trình công tác sau này.

2. Chuẩn đầu ra của môn học

2.1. Kiến thức:

- *) Kiến thức tổng quát
 - Vận dụng phù hợp các kiến thức cơ bản để thiết kế được bài dạy và tổ chức dạy trẻ mầm non thực hành các hoạt động âm nhạc
- *) Kiến thức chuyên môn
 - Mô tả được vai trò, nhiệm vụ của quá trình cho trẻ mầm non thực hành các hoạt động âm nhạc
 - Phân tích, trình bày được các phương pháp và nội dung cho trẻ mầm non thực hành các hoạt động âm nhạc
 - Mô tả, giải thích được đặc điểm nhận thức về các hoạt động âm nhạc của trẻ mầm non ở từng lứa tuổi
 - Phân tích và làm rõ các bước hướng dẫn trẻ mầm non (ở từng lứa tuổi) thực hành các hoạt động âm nhạc
 - Vận dụng được các bước hướng dẫn trẻ thực hành các hoạt động âm nhạc vào soạn giáo án và tổ chức dạy trẻ thực hành các hoạt động âm nhạc

2.2. Kỹ năng:

- *) Kỹ năng chuyên môn:
 - Thiết kế được bài dạy cho trẻ ở từng lứa tuổi thực hành các hoạt động âm nhạc
 - Xây dựng môi trường và sử dụng thiết bị dạy học phù hợp với nội dung bài
 - Tổ chức được các hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non (theo từng lứa tuổi)
- *) Kỹ năng làm việc:
 - Giao tiếp, ứng xử với trẻ một cách gần gũi, tình cảm; chân tình, cởi mở, thẳng thắn với đồng nghiệp; Gần gũi, tôn trọng và hợp tác, chia sẻ với cha mẹ trẻ và cộng đồng.
 - Phân tích, đánh giá được bài soạn và tiết giảng của bản thân và bạn bè, đồng nghiệp
 - Có kỹ năng: Quan sát, theo dõi, trò chuyện với trẻ trong các hoạt động, trao đổi với phụ huynh; Sử dụng một số bài tập, trò chơi, tình huống để khảo sát, đánh giá trẻ.

2.3. Thái độ:

- Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có lòng yêu nghề, mến trẻ, tâm huyết với sự nghiệp giáo dục mầm non.
- Có thái độ cởi mở, thiện chí với phụ huynh và sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác, giúp đỡ đồng nghiệp;
- Có ý thức kỷ luật, linh hoạt, tích cực làm việc trong mọi công việc

- Thể hiện bản lĩnh, tự tin, sáng tạo, có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

2.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Thể hiện được ý thức tập thể, đoàn kết phấn đấu vì lợi ích chung, lối sống lành mạnh, cần thận, trung thực, liêm khiết.
- Thể hiện được bản lĩnh tự tin, năng động, sáng tạo, khoa học, duy trì nguyên tắc công tác, có khả năng tự học, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm;
- Tự định hướng, thích nghi được với các môi trường làm việc khác nhau hoặc môi trường thay đổi; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;
- Đánh giá được chất lượng hoạt động giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non; chịu trách nhiệm cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ được giao;

3. Các yêu cầu đánh giá

Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh/ thể hiện được khả năng:	
- Mô tả được vai trò, nhiệm vụ của quá trình cho trẻ mầm non thực hành các hoạt động âm nhạc	- Mô tả được vai trò, nhiệm vụ của quá trình cho trẻ mầm non thực hành các hoạt động âm nhạc
- Phân tích, trình bày được các phương pháp và nội dung cho trẻ mầm non thực hành các hoạt động âm nhạc	- Phân tích, trình bày được 3 nhóm phương pháp cơ bản (nhóm trực quan; nhóm dùng lời và nhóm thực hành), mỗi phương pháp trong từng nhóm cần phân tích rõ yêu cầu tổ chức và lấy được ví dụ minh họa thực tiễn. - Trình bày được: 3 nội dung cơ bản (Hát kết hợp vận động theo nhạc, Nghe nhạc, Trò chơi âm nhạc), cần phân tích rõ ưu điểm và nhược điểm của từng nội dung; cấu trúc giáo án; 6 tiêu chí đánh giá giờ dạy
- Mô tả được đặc điểm nhận thức và phân tích được các bước hướng dẫn trẻ mầm non (ở từng lứa tuổi) thực hành các hoạt động âm nhạc	- Mô tả được đặc điểm nhận thức và phân tích được các bước hướng dẫn trẻ mầm non (trẻ 3-4 tuổi, trẻ 4-5 tuổi, trẻ 5-6 tuổi) thực hành các hoạt động âm nhạc
- Vận dụng được các bước hướng dẫn trẻ thực hành các hoạt động âm nhạc vào soạn giáo án và tổ chức dạy trẻ thực hành các hoạt động âm nhạc	- Xây dựng được giáo án tổ chức cho trẻ thực hành các hoạt động âm nhạc, giáo án cần xác định rõ: Mục đích yêu cầu (Kiến thức, kĩ năng, giáo dục); chuẩn bị về phương tiện, đồ dùng trong giờ học của cô và trẻ; dự kiến được các phương pháp sử dụng; quá trình tổ chức hoạt động của cô (HĐ 1: Trò chuyện; HĐ 2: Tổ chức cho trẻ thực hành các hoạt động âm nhạc; HĐ 3: Kết thúc, chuyển HĐ) và dự kiến được câu trả lời, hoạt động của trẻ tương ứng với hoạt động của cô.
Vận dụng các phương pháp, hình thức để tổ chức cho trẻ thực hành các hoạt động âm nhạc	- Sử dụng phối kết hợp các phương pháp, hình thức một cách linh hoạt, sáng tạo trong quá trình tổ chức cho trẻ thực hành các hoạt động âm nhạc
Đưa ra được nhận xét, đánh giá về quá trình tổ chức cho trẻ thực hành các hoạt động âm nhạc theo các tiêu chí.	- Sau dự giờ dạy mẫu tổ chức cho trẻ thực hành các hoạt động âm nhạc đưa ra được nhận xét, đánh giá theo 6 tiêu chí cơ bản (Chuẩn bị; tác phong - tư thế, nội dung; hình thức; phương pháp và kết quả hoạt động)

4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học của người học.

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm
- Mô tả được vai trò, nhiệm vụ của quá	Kiểm tra lần 1	Kiểm tra viết trên	Trong quá

trình cho trẻ mầm non thực hành các hoạt động âm nhạc - Phân tích được các phương pháp và nội dung cho trẻ mầm non thực hành các hoạt động âm nhạc - Mô tả được đặc điểm nhận thức và phân tích được các bước hướng dẫn trẻ mầm non (ở từng lứa tuổi) thực hành các hoạt động âm nhạc		lớp	trình giảng 15 tiết lý thuyết
- Vận dụng được các bước hướng dẫn trẻ thực hành các hoạt động âm nhạc vào soạn giáo án và tổ chức dạy trẻ thực hành các hoạt động âm nhạc - Vận dụng các phương pháp, hình thức để tổ chức cho trẻ thực hành các hoạt động âm nhạc - Đưa ra được nhận xét, đánh giá về quá trình tổ chức cho thực hành các hoạt động âm nhạc theo các tiêu chí.	Kiểm tra lần 2	Kiểm tra thực hành trên lớp	Trong quá trình thực hành 30 tiết
- Đánh giá quá trình tham gia học của người học thông qua việc xây dựng bài trên lớp, chữa bài tập, đi học đầy đủ .	Điểm chuyên cần, điểm TX	Giáo viên đánh giá	Sau khi kết thúc môn học
- Trình bày, phân tích các vấn đề cơ bản về tổ chức cho trẻ thực hành các hoạt động âm nhạc, lập kế hoạch cho trẻ thực hành các hoạt động âm nhạc	Thi kết thúc môn học	Thi viết	Kết thúc học kỳ

5. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

Ngân hàng câu hỏi được xây dựng theo các mức độ Nhớ, Hiểu, Áp dụng, Phân tích phù hợp với các yêu cầu của chuẩn đầu ra ở mục 2

6. Đề kiểm tra, thi

CƠ CẤU ĐỀ THI, KIỂM TRA

Kiểm tra lần 1	Tự luận
Kiểm tra lần 2	Thực hành
Thi kết thúc môn học	Gồm 2 phần: - Phần lý thuyết: 01-02 câu hỏi tự luận - Phần bài tập: 01 bài tập

7. Ngưỡng đánh giá người học

Điểm D: người học đáp ứng các yêu cầu đánh giá của môn học ở mức độ nhớ được các nội dung lý thuyết.

Điểm C: người học đạt mức điểm D và phải thể hiện rằng hiểu được vấn đề trong bài kiểm tra, bài thi.

Điểm B: người học đạt mức điểm C và phải thể hiện khả năng lập luận logic, mạch lạc, biết ứng dụng các nội dung trong các trường hợp thực tế ở bài kiểm tra, bài thi.

Điểm A: người học đạt mức điểm B và phải thể hiện tư duy tổng hợp cao trong bài thi, kiểm tra; biết cách phân tích, vận dụng lý thuyết, các thông tin, minh chứng và lập luận xác đáng thuyết phục cao khi đưa ra các kết luận.

8. Kết quả đánh giá môn học

Thực hiện theo quy chế đào tạo: Điểm môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sau khi làm tròn được chuyển thành điểm chữ như sau

a) Loại đạt:	A	8,5 - 10	giỏi
	B	7,0 - 8,4	khá
	C	5,5 - 6,9	trung bình
	D	4,0 - 5,4	trung bình yếu
b) Loại không đạt:	F	dưới 4,0	kém

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC

NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

I. Môn học: Tạo hình và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non

1. Mục tiêu chung của môn học.

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản cho sinh viên (giáo viên Mầm non) những đặc điểm, nhiệm vụ, các nguyên tắc và phương pháp tạo hình, hình thức hướng dẫn cho trẻ mầm non làm quen với hoạt động tạo hình để hình thành kiến thức và kỹ năng ban đầu về lĩnh vực phát triển thẩm mỹ, óc tưởng tượng, sáng tạo cho trẻ mầm non. Phương pháp hình thành khả năng tư duy về đường nét, hình khối, màu sắc, không gian ... (tỷ lệ, kích thước, đặc điểm, hình dáng... định hướng trong không gian và thời gian). Phần thực hành chủ yếu tập trung rèn cho sinh viên kỹ năng tạo hình và phương pháp hướng dẫn trẻ hoạt động tạo hình, phương pháp soạn giáo án (xây dựng kế hoạch bài giảng) và tổ chức cho trẻ làm quen với đường nét, hình khối, màu sắc, không gian ở mức độ sơ đẳng về tạo hình theo từng nội dung trên tiết học; Quan sát, nhận xét, đánh giá kết quả việc tổ chức tiết dạy hướng dẫn hoạt động tạo hình trên lớp.

2. Chuẩn đầu ra của môn học

2.1. Kiến thức:

- *) Kiến thức tổng quát
 - Vận dụng phù hợp các kiến thức cơ bản để thiết kế được bài dạy và tổ chức dạy trẻ mầm non làm quen với hoạt động tạo hình
- *) Kiến thức chuyên môn
 - Mô tả được vai trò, nhiệm vụ của quá trình cho trẻ mầm non làm quen với hoạt động tạo hình
 - Phân tích được các nguyên tắc và hình thức hướng dẫn cho trẻ mầm non làm quen với hoạt động tạo hình cơ bản
 - Mô tả, giải thích được đặc điểm nhận thức về đường nét, hình khối, màu sắc, không gian ở mức sơ đẳng của trẻ mầm non ở từng lứa tuổi.
 - Phân tích và làm rõ các bước hướng dẫn trẻ mầm non (ở từng lứa tuổi) làm quen với đường nét, hình khối, màu sắc, không gian trong hoạt động tạo hình.
 - Vận dụng được các bước hướng dẫn trẻ làm quen với đường nét, hình khối, màu sắc, không gian... vào soạn giáo án và tổ chức hướng dẫn trẻ hoạt động tạo hình theo hướng tích hợp chủ đề.

2.2. Kỹ năng:

- *) Kỹ năng chuyên môn:
 - Làm được các bài tập tạo hình cơ bản đúng phương pháp, biết sáng tạo và vận dụng vào thực tế cuộc sống và trong dạy học.
 - Thiết kế được bài dạy cho trẻ ở từng lứa tuổi làm quen với đường nét, hình khối, màu sắc, không gian... theo hướng tích hợp chủ đề
 - Xây dựng môi trường, làm đồ dùng và sử dụng thiết bị dạy học phù hợp với nội dung từng bài dạy
 - Tổ chức được các hoạt động cho trẻ mầm non làm quen với đường nét, hình khối, màu sắc, không gian theo từng lứa tuổi.
- *) Kỹ năng làm việc:
 - Giao tiếp, ứng xử với trẻ một cách gần gũi, tình cảm; chân tình, cởi mở, thẳng thắn với đồng nghiệp; Gần gũi, tôn trọng và hợp tác, chia sẻ với cha mẹ trẻ và cộng đồng.
 - Phân tích, đánh giá được bài soạn và tiết giảng của bản thân và bạn bè, đồng nghiệp
 - Có kỹ năng: Quan sát, theo dõi, trò chuyện với trẻ trong các hoạt động, trao đổi với phụ huynh; Sử dụng một số bài tập, hoạt động tạo hình, tình huống... để khảo sát, đánh giá trẻ trong

lĩnh vực phát triển thẩm mỹ.

2.3. Thái độ:

- Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có lòng yêu nghề, mến trẻ, tâm huyết với sự nghiệp giáo dục mầm non.
- Có thái độ cởi mở, thiện chí với phụ huynh và sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác, giúp đỡ đồng nghiệp;
- Có ý thức kỷ luật, linh hoạt, tích cực làm việc trong mọi công việc
- Thể hiện bản lĩnh, tự tin, sáng tạo, có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

2.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Thể hiện được ý thức tập thể, đoàn kết phấn đấu vì lợi ích chung, lối sống lành mạnh, cẩn thận, trung thực, liêm khiết.
- Thể hiện được bản lĩnh tự tin, năng động, sáng tạo, khoa học, duy trì nguyên tắc công tác, có khả năng tự học, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm;
- Tự định hướng, thích nghi được với các môi trường làm việc khác nhau hoặc môi trường thay đổi; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;
- Đánh giá được chất lượng hoạt động tạo hình để giáo dục trẻ mầm non trong hoạt động tạo hình; chịu trách nhiệm cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ được giao;

3. Các yêu cầu đánh giá

Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh/ thể hiện được khả năng:	
- Mô tả được vai trò, nhiệm vụ của quá trình cho trẻ mầm non làm quen với hoạt động tạo hình	- Mô tả được vai trò, nhiệm vụ của quá trình cho trẻ mầm non làm quen với hoạt động tạo hình đặc biệt trong lĩnh vực phát triển thẩm mỹ.
- Phân tích được các nguyên tắc, phương pháp và hình thức cho trẻ mầm non làm quen với hoạt động tạo hình	- Phân tích được 7 nguyên tắc cơ bản cho trẻ làm quen với hoạt động tạo hình, mỗi nguyên tắc cần chỉ rõ cách thực hiện sao cho hiệu quả trong thực tiễn. - Trình bày được 3 nhóm phương pháp cơ bản (nhóm trực quan; nhóm dùng lời và nhóm thực hành), mỗi phương pháp trong từng nhóm cần phân tích rõ yêu cầu tổ chức và lấy được ví dụ minh họa thực tiễn. - Trình bày được: 2 hình thức cơ bản (cho trẻ làm quen với hoạt động tạo hình trong hoạt động học có chủ đích; cho trẻ làm quen với hoạt động tạo hình ngoài hoạt động học có chủ đích), cần phân tích rõ ưu điểm và nhược điểm của từng hình thức; cấu trúc giáo án; 6 tiêu chí đánh giá giờ dạy.
- Mô tả được đặc điểm nhận thức và phân tích được các bước hướng dẫn trẻ mầm non (ở từng lứa tuổi) làm quen với đường nét, hình khối, màu sắc, không gian...	- Mô tả, được đặc điểm nhận thức và phân tích được các bước hướng dẫn trẻ mầm non (trẻ 3-4 tuổi, trẻ 4-5 tuổi, trẻ 5-6 tuổi) làm quen với đường nét, hình khối, màu sắc, không gian... sơ đẳng về tạo hình (tỷ lệ, kích thước, đặc điểm, hình dáng... định hướng trong không gian và thời gian)
- Vận dụng được các bước hướng dẫn trẻ làm quen với đường nét, hình khối, màu sắc, không gian... ở mức độ sơ đẳng về phát triển thẩm mỹ vào soạn giáo án và tổ chức dạy trẻ học theo hướng tích hợp chủ đề.	- Xây dựng được giáo án tổ chức cho trẻ làm quen với toán, giáo án cần xác định rõ: Mục đích yêu cầu (Kiến thức, kỹ năng, giáo dục); chuẩn bị về phương tiện, đồ dùng trong giờ học của cô và trẻ; dự kiến được các phương pháp sử dụng; quá trình tổ chức hoạt động tạo hình của cô và trẻ (HĐ 1: Trò chuyện; HĐ 2: Tổ chức cho trẻ làm quen với đường nét, hình khối, màu sắc, không gian... ở mức độ sơ đẳng về phát triển thẩm mỹ;

	HĐ 3: Kết thúc, chuyển HĐ) và dự kiến được câu trả lời, hoạt động của trẻ tương ứng với hoạt động của cô.
Vận dụng các nguyên tắc, phương pháp, hình thức để tổ chức cho trẻ làm quen với đường nét, hình khối, màu sắc, không gian	- Sử dụng phối kết hợp các nguyên tắc, phương pháp, hình thức một cách linh hoạt, sáng tạo trong quá trình tổ chức cho trẻ làm quen với đường nét, hình khối, màu sắc, không gian trong lĩnh vực phát triển thẩm mỹ
Đưa ra được nhận xét, đánh giá về quá trình tổ chức cho trẻ làm quen với tạo hình theo các tiêu chí.	- Sau dự giờ dạy mẫu tổ chức cho trẻ làm quen với tạo hình đưa ra được nhận xét, đánh giá theo 6 tiêu chí cơ bản (Chuẩn bị: tác phong - tư thế; nội dung - hình thức; phương pháp và kết quả hoạt động)

4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học của người học.

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm
- Mô tả được vai trò, nhiệm vụ của quá trình cho trẻ mầm non làm quen với hoạt động Tạo hình - Phân tích được các nguyên tắc, phương pháp và hình thức cho trẻ mầm non làm quen với Tạo hình - Mô tả được đặc điểm nhận thức và phân tích được các bước hướng dẫn trẻ mầm non (ở từng lứa tuổi) làm quen với đường nét, hình khối, màu sắc, không gian ở mức độ sơ đẳng về Tạo hình	Kiểm tra lần 1	Kiểm tra viết trên lớp	Trong 15 tiết lý thuyết
- Vận dụng được các bước hướng dẫn trẻ làm quen với đường nét, hình khối, màu sắc, không gian sơ đẳng về tạo hình vào soạn giáo án và tổ chức dạy trẻ học theo hướng tích hợp chủ đề - Vận dụng các nguyên tắc, phương pháp, hình thức để tổ chức cho trẻ làm quen với đường nét, hình khối, màu sắc, không gian. - Đưa ra được nhận xét, đánh giá về quá trình tổ chức cho trẻ làm quen với tạo hình theo các tiêu chí.	Kiểm tra lần 2	Kiểm tra thực hành	Trong quá trình thực hiện tìm hiểu, nghiên cứu 30 tiết thực hành
- Đánh giá quá trình tham gia học của người học thông qua việc xây dựng bài trên lớp, bài tập thực hành, đi học đầy đủ.	Điểm chuyên cần, điểm TX	Giáo viên đánh giá	Sau khi kết thúc môn học
- Trình bày, phân tích các vấn đề cơ bản về tổ chức cho trẻ làm quen với hoạt động tạo hình, lập kế hoạch cho trẻ làm quen với hoạt động tạo hình	Thi kết thúc môn học	Thi viết	Kết thúc học kỳ

5. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

Ngân hàng câu hỏi được xây dựng theo các mức độ Nhớ, Hiểu, Áp dụng, Phân tích phù hợp với các yêu cầu của chuẩn đầu ra ở mục 2

6. Đề kiểm tra, thi

CƠ CẤU ĐỀ THI, KIỂM TRA

Kiểm tra lần 1	Tự luận
----------------	---------

Kiểm tra lần 2	Thực hành
Thi kết thúc môn học	Gồm 2 phần: - Phần lý thuyết: 01-02 câu hỏi tự luận - Phần bài tập: 01 bài tập

7. Ngưỡng đánh giá người học

Điểm D: người học đáp ứng các yêu cầu đánh giá của môn học ở mức độ nhớ được các nội dung lý thuyết.

Điểm C: người học đạt mức điểm D và phải thể hiện rằng hiểu được vấn đề trong bài kiểm tra, bài thi.

Điểm B: người học đạt mức điểm C và phải thể hiện khả năng lập luận logic, mạch lạc, biết ứng dụng các nội dung trong các trường hợp thực tế ở bài kiểm tra, bài thi.

Điểm A: người học đạt mức điểm B và phải thể hiện tư duy tổng hợp cao trong bài thi, kiểm tra; biết cách phân tích, vận dụng lý thuyết, các thông tin, minh chứng và lập luận xác đáng thuyết phục cao khi đưa ra các kết luận.

8. Kết quả đánh giá môn học

Thực hiện theo quy chế đào tạo: Điểm môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sau khi làm tròn được chuyển thành điểm chữ như sau

a) Loại đạt:	A	8,5 - 10	giỏi
	B	7,0 - 8,4	khá
	C	5,5 - 6,9	trung bình
	D	4,0 - 5,4	trung bình yếu
b) Loại không đạt:	F	dưới 4,0	kém

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC

**NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG**

I. Môn học: Phương pháp phát triển thể chất cho trẻ mầm non

1. Mục tiêu chung của môn học.

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về đặc điểm phát triển thể chất, mục đích, nhiệm vụ và nguyên tắc giáo dục thể chất cho trẻ mầm non, Nội dung và phương tiện, phương pháp, hình thức giáo dục thể chất cho trẻ mầm non. Phần thực hành chủ yếu tập trung rèn cho sinh viên kỹ năng soạn giáo án (xây dựng kế hoạch bài giảng) và tổ chức phát triển thể chất cho trẻ mầm non theo từng nội dung trên tiết học; Quan sát, nhận xét, đánh giá kết quả việc tổ chức tiết dạy trên lớp

2. Chuẩn đầu ra của môn học

2.1. Kiến thức:

**) Kiến thức tổng quát*

- Vận dụng phù hợp các kiến thức cơ bản để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất và thiết kế được môi trường dạy học phù hợp với nội dung giáo dục và đối tượng trẻ mầm non.

**) Kiến thức chuyên môn:*

- Mô tả được một số khái niệm cơ bản trong lý luận giáo dục thể chất
- Trình bày được đặc điểm, mục đích, nhiệm vụ, nguyên tắc GDTC cho trẻ mầm non
- Phân tích được nội dung, phương tiện, phương pháp, hình thức giáo dục thể chất cho trẻ mầm non
- Mô tả được cấu trúc giáo án tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non.

2.2. Kỹ năng:

**) Kỹ năng chuyên môn:*

- Vận dụng được nội dung, nguyên tắc, phương pháp phát triển thể chất cho trẻ mầm non theo từng lứa tuổi vào soạn giáo án và tổ chức dạy trẻ học theo hướng tích hợp chủ đề
- Đánh giá được quá trình tổ chức hoạt động phát triển thể chất cho trẻ mầm non dựa trên các tiêu chí.

**) Kỹ năng làm việc:*

- Giao tiếp, ứng xử với trẻ một cách gần gũi, tình cảm; chân tình, cởi mở, thẳng thắn với đồng nghiệp; Gần gũi, tôn trọng và hợp tác, chia sẻ với cha mẹ trẻ và cộng đồng.
- Phân tích, đánh giá được hiệu quả công việc của đồng nghiệp và bản thân, điều chỉnh kế hoạch giáo dục phù hợp đặc điểm phát triển của trẻ.
- Có kỹ năng: Quan sát, theo dõi, trò chuyện, phân tích kết quả đạt được của trẻ trong các hoạt động, trao đổi với phụ huynh; Sử dụng một số bài tập, tình huống để khảo sát, đánh giá trẻ.

2.3. Thái độ:

- Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có lòng yêu nghề, mến trẻ, tâm huyết với sự nghiệp giáo dục mầm non.
- Có thái độ cởi mở, thiện chí với phụ huynh và sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác, giúp đỡ đồng nghiệp;
- Có ý thức kỷ luật, linh hoạt, tích cực làm việc trong mọi công việc
- Giáo dục sinh viên nhận thức rõ vị trí, vai trò của môn học trong chương trình đào tạo của trường Sư phạm và trong trường mầm non; từ đó có ý thức học tập bộ môn một cách nghiêm túc.
- Chủ động, tích cực học hỏi, trau dồi kiến thức, học tập kinh nghiệm của các giáo viên tại các cơ sở GDMN để hình thành các kỹ năng soạn giáo án, thực hành giờ dạy phát triển thể chất cho trẻ mầm non trên tiết học và ngoài tiết học.

2.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Thể hiện được ý thức tập thể, đoàn kết phấn đấu vì lợi ích chung, lối sống lành mạnh, cần thận, trung thực, liêm khiết.
- Thể hiện được bản lĩnh tự tin, năng động, sáng tạo, khoa học, duy trì nguyên tắc công tác, có khả năng tự học, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm;
- Tự định hướng, thích nghi được với các môi trường làm việc khác nhau hoặc môi trường thay đổi; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;
- Đánh giá được chất lượng hoạt động phát triển thể chất cho trẻ mầm non; chịu trách nhiệm cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ được giao;

3. Các yêu cầu đánh giá

Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh/ thể hiện được khả năng:	
- Mô tả được một số khái niệm cơ bản trong lý luận giáo dục thể chất - Trình bày được đặc điểm mục đích, nhiệm vụ, nguyên tắc giáo dục thể chất cho trẻ mầm non.	- Mô tả được một số khái niệm cơ bản trong lý luận giáo dục thể chất (Phát triển thể chất; Giáo dục thể chất; Hoàn thiện thể chất; Phương pháp giáo dục thể chất) - Trình bày được đặc điểm, mục đích, nhiệm vụ, nguyên tắc giáo dục thể chất cho trẻ mầm non. - Phân tích được 5 nguyên tắc giáo dục thể chất cho trẻ mầm non (Nguyên tắc hệ thống; Nguyên tắc tự giác và tích cực; Nguyên tắc trực quan; Nguyên tắc vừa sức và giáo dục cá biệt; Nguyên tắc phát triển), mỗi nguyên tắc cần chỉ rõ cách thực hiện sao cho hiệu quả trong thực tiễn.
- Phân tích được nội dung, phương tiện, phương pháp và hình thức phát triển thể chất cho trẻ mầm non	- Trình bày được nội dung, phương tiện giáo dục thể chất cho trẻ theo từng lứa tuổi - Trình bày được 3 nhóm phương pháp cơ bản (nhóm trực quan; nhóm dùng lời và nhóm thực hành), mỗi phương pháp trong từng nhóm cần phân tích rõ yêu cầu tổ chức và lấy được ví dụ minh họa thực tiễn. - Trình bày được: 2 hình thức cơ bản (Phát triển thể chất cho trẻ trong hoạt động học có chủ đích; Phát triển thể chất cho trẻ ngoài hoạt động học có chủ đích), cần phân tích rõ ưu điểm và nhược điểm của từng hình thức; cấu trúc giáo án; 6 tiêu chí đánh giá giờ dạy
- Vận dụng được các bước giáo dục thể chất cho trẻ vào soạn giáo án và tổ chức dạy trẻ học theo hướng tích hợp chủ đề	- Xây dựng được giáo án phát triển thể chất, giáo án cần xác định rõ: Mục đích yêu cầu (Kiến thức, kỹ năng, giáo dục); chuẩn bị về phương tiện, đồ dùng trong giờ học của cô và trẻ; dự kiến được các phương pháp sử dụng; quá trình tổ chức hoạt động của cô (HĐ 1: Khởi động; HĐ 2: Trọng động; HĐ 3: Hồi tĩnh, chuyển HĐ) và dự kiến được câu trả lời, hoạt động của trẻ tương ứng với hoạt động của cô.
- Vận dụng các nguyên tắc, phương pháp, hình thức để tổ chức hoạt động phát triển thể chất cho trẻ mầm non	- Sử dụng phối kết hợp các nguyên tắc, phương pháp, hình thức một cách linh hoạt, sáng tạo trong quá trình tổ chức hoạt động phát triển thể chất cho trẻ mầm non.
- Đưa ra được nhận xét, đánh giá về quá trình tổ chức hoạt động phát triển thể chất cho trẻ mầm non.	- Sau dự giờ dạy mẫu tổ chức phát triển thể chất cho trẻ mầm non và đưa ra được nhận xét, đánh giá theo 6 tiêu chí cơ bản (Chuẩn bị; tác phong - tư thế, nội dung; hình thức; phương pháp và kết quả hoạt động)

4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học của người học.

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm
- Mô tả được một số khái niệm cơ bản trong lý luận giáo dục thể chất - Trình bày được đặc điểm mục đích, nhiệm vụ, nguyên tắc giáo dục thể chất cho trẻ mầm non. - Phân tích được nội dung, phương tiện, phương pháp và hình thức phát triển thể chất cho trẻ mầm non	Kiểm tra lần 1	Kiểm tra viết trên lớp	Trong quá trình giảng 15 tiết lý thuyết
- Vận dụng được các bước giáo dục thể chất cho trẻ vào soạn giáo án và tổ chức dạy trẻ học theo hướng tích hợp chủ đề - Vận dụng các nguyên tắc, phương pháp, hình thức để tổ chức hoạt động phát triển thể chất cho trẻ mầm non - Đưa ra được nhận xét, đánh giá về quá trình tổ chức hoạt động phát triển thể chất cho trẻ mầm non	Kiểm tra lần 2	Kiểm tra thực hành trên lớp	Trong quá trình thực hành 30 tiết
- Đánh giá quá trình tham gia học của người học thông qua việc xây dựng bài trên lớp, chữa bài tập, đi học đầy đủ.	Điểm chuyên cần, điểm TX	Giáo viên đánh giá	Sau khi kết thúc môn học
- Trình bày, phân tích các vấn đề cơ bản về tổ chức giáo dục thể chất, lập kế hoạch phát triển thể chất cho trẻ mầm non	Thi kết thúc môn học	Thi viết	Kết thúc học kỳ

5. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

Ngân hàng câu hỏi được xây dựng theo các mức độ Nhớ, Hiểu, Áp dụng, Phân tích phù hợp với các yêu cầu của chuẩn đầu ra ở mục 2

6. Đề kiểm tra, thi

CƠ CẤU ĐỀ THI, KIỂM TRA

Kiểm tra lần 1	Tự luận
Kiểm tra lần 2	Thực hành
Thi kết thúc môn học	Gồm 2 phần: - Phần lý thuyết: 01-02 câu hỏi tự luận - Phần bài tập: 01 bài tập

7. Ngưỡng đánh giá người học

Điểm D: người học đáp ứng các yêu cầu đánh giá của môn học ở mức độ nhớ được các nội dung lý thuyết.

Điểm C: người học đạt mức điểm D và phải thể hiện rằng hiểu được vấn đề trong bài kiểm tra, bài thi.

Điểm B: người học đạt mức điểm C và phải thể hiện khả năng lập luận logic, mạch lạc, biết ứng dụng các nội dung trong các trường hợp thực tế ở bài kiểm tra, bài thi.

Điểm A: người học đạt mức điểm B và phải thể hiện tư duy tổng hợp cao trong bài thi, kiểm tra; biết cách phân tích, vận dụng lý thuyết, các thông tin, minh chứng và lập luận xác đáng thuyết phục cao khi đưa ra các kết luận.

8. Kết quả đánh giá môn học

Thực hiện theo quy chế đào tạo: Điểm môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sau khi làm tròn được chuyển thành điểm chữ như sau

a) Loại đạt:	A	8,5 - 10	giỏi
	B	7,0 - 8,4	khá
	C	5,5 - 6,9	trung bình
	D	4,0 - 5,4	trung bình yếu
b) Loại không đạt:	F	dưới 4,0	kém

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC

**NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG**

I. Môn học: Phương pháp khám phá khoa học về môi trường xung quanh

1. Mục tiêu chung của môn học

Môn học cung cấp một số khái niệm; đặc điểm nhận thức của trẻ về môi trường xung quanh; nguyên tắc; nội dung; yêu cầu; phương pháp, hình thức và một số điều kiện, phương tiện cần thiết để tổ chức hoạt động cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh. Phần thực hành chủ yếu tập trung rèn cho sinh viên kỹ năng soạn giáo án (xây dựng kế hoạch bài giảng), kỹ năng tổ chức hoạt động cho trẻ khám phá khoa học theo từng nội dung trên tiết học, kỹ năng tạo môi trường giáo dục, kỹ năng đánh giá kết quả việc tổ chức tiết dạy trên lớp.

2. Chuẩn đầu ra của môn học

Để hoàn thành môn học, người học phải đạt được chuẩn kiến thức, kỹ năng:

- Trình bày và mô tả được các khái niệm cơ bản, đặc điểm nhận thức của trẻ về MTXQ;

Mục đích, nhiệm vụ; nội dung; hình thức; phương tiện, điều kiện và tiêu chí đánh giá trẻ KPKH về MTXQ;

- Phân tích được các nguyên tắc, phương pháp cho trẻ KPKH về MTXQ.
- Xây dựng được kế hoạch (giáo án) cho trẻ KPKH về MTXQ.
- Vận dụng các nguyên tắc, phương pháp, hình thức để tổ chức cho trẻ KPKH về MTXQ.
- Đưa ra được nhận xét, đánh giá về quá trình tổ chức cho trẻ KPKH về MTXQ theo các

tiêu chí.

3. Các yêu cầu đánh giá

- Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh/ thể hiện được khả năng:

Trình bày và mô tả được các khái niệm cơ bản, đặc điểm nhận thức của trẻ về MTXQ; mục đích, nhiệm vụ; nội dung, hình thức; phương tiện, điều kiện và tiêu chí đánh giá trẻ KPKH về MTXQ	-Trình bày được: các khái niệm cơ bản (Môi trường xung quanh; Khám phá khoa học về MTXQ; các khái niệm về phương pháp cho trẻ KPKH về MTXQ); Ý nghĩa, mục đích, nhiệm vụ; Điều kiện (môi trường vật chất và môi trường xã hội) và phương tiện cho trẻ KPKH về MTXQ; 6 Tiêu chí đánh giá giờ dạy. - Mô tả được: đặc điểm nhận thức của trẻ về MTXQ; nội dung; phương pháp tổ chức cho trẻ KPKH về MTXQ (Nhóm PP trực quan; nhóm PP dùng lời; nhóm PP thực hành); cấu trúc giáo án cho trẻ KPKH về MTXQ
Phân tích được các nguyên tắc, phương pháp cho trẻ KPKH về MTXQ.	-Phân tích được 4 nguyên tắc cơ bản cho trẻ KPKH về MTXQ (Đảm bảo tính mục đích; tính thực tiễn và phù hợp với khả năng, hứng thú của trẻ; tính tích cực hoạt động của trẻ; tính an toàn), mỗi nguyên tắc cần chỉ rõ cách thực hiện sao cho hiệu quả trong thực tiễn. - 3 nhóm phương pháp cơ bản (nhóm trực quan; nhóm dùng lời và nhóm thực hành), mỗi phương pháp trong từng nhóm cần phân tích rõ yêu cầu tổ chức và lấy được ví dụ minh họa thực tiễn.
Xây dựng được kế hoạch (giáo án) cho trẻ KPKH về MTXQ.	-Xây dựng được giáo án tổ chức cho trẻ KPKH về MTXQ, giáo án cần xác định rõ: Mục đích yêu cầu (Kiến thức, kỹ năng, giáo dục); chuẩn bị về phương tiện, đồ dùng trong giờ học của cô và trẻ; dự kiến được các phương pháp sử dụng; quá trình tổ chức

	hoạt động của cô (HĐ 1: Trò chuyện; HĐ 2: tổ chức cho trẻ KP, tìm hiểu đối tượng; HĐ 3 kết thúc, chuyển HĐ) và dự kiến được câu trả lời, hoạt động của trẻ tương ứng với hoạt động của cô.
Vận dụng các nguyên tắc, phương pháp, hình thức để tổ chức cho trẻ KPKH về MTXQ.	-Sử dụng phối kết hợp các nguyên tắc, phương pháp, hình thức một cách linh hoạt, sáng tạo trong quá trình tổ chức cho trẻ KPKH về MTXQ.
Đưa ra được nhận xét, đánh giá về quá trình tổ chức cho trẻ KPKH về MTXQ theo các tiêu chí.	-Sau dự giờ dạy mẫu tổ chức cho trẻ KPKH về MTXQ đưa ra được nhận xét, đánh giá theo 6 tiêu chí cơ bản (Chuẩn bị; nội dung; hình thức; phương pháp; tác phong, tư thế và kết quả hoạt động)

4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học của người học

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm
-Trình bày và mô tả được các khái niệm cơ bản, đặc điểm nhận thức của trẻ về MTXQ; mục đích, nhiệm vụ; nội dung, hình thức; phương tiện, điều kiện và tiêu chí đánh giá trẻ KPKH về MTXQ. - Phân tích được các nguyên tắc, phương pháp cho trẻ KPKH về MTXQ.	Kiểm tra lần 1	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 15 tiết giảng lí thuyết
-Xây dựng được kế hoạch (giáo án) cho trẻ KPKH về MTXQ. -Vận dụng các nguyên tắc, phương pháp, hình thức để tổ chức cho trẻ KPKH về MTXQ. - Đưa ra được nhận xét, đánh giá về quá trình tổ chức cho trẻ KPKH về MTXQ theo các tiêu chí.	Kiểm tra lần 2	Kiểm tra thực hành trên lớp	Trong quá trình thực hành 30 tiết
Đánh giá quá trình tham gia học của người học thông qua việc xây dựng bài trên lớp, chữa bài tập, đi học đầy đủ .	Điểm chuyên cần, điểm TX	Giáo viên đánh giá	Sau khi kết thúc môn học
-Trình bày, phân tích các vấn đề cơ bản về tổ chức cho trẻ KPKH về MTXQ, lập kế hoạch cho trẻ KPKH về MTXQ	Thi kết thúc môn học	Thi viết	Kết thúc học kỳ

5. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

Ngân hàng câu hỏi được xây dựng theo các mức độ Hiểu, Vận dụng, Phân tích; Đánh giá phù hợp với các yêu cầu của chuẩn đầu ra ở mục 2.

6. Đề kiểm tra, đề thi

CƠ CẤU ĐỀ THI, KIỂM TRA

Kiểm tra lần 1	Tự luận
Kiểm tra lần 2	Thực hành
Thi kết thúc môn học	Gồm 2 phần -Phần lý thuyết: 01-02 câu hỏi tự luận - Phần bài tập: 01 bài tập

7. Ngưỡng đánh giá người học

Điểm D: người học đáp ứng các yêu cầu đánh giá của môn học ở mức độ nhớ được các nội dung lý thuyết.

Điểm C: người học đạt mức điểm D và phải thể hiện rằng hiểu được vấn đề trong bài kiểm tra, bài thi.

Điểm B: người học đạt mức điểm C và phải thể hiện khả năng lập luận logic, mạch lạc, biết ứng dụng các nội dung trong các trường hợp thực tế ở bài kiểm tra, bài thi.

Điểm A: người học đạt mức điểm B và phải thể hiện tư duy tổng hợp cao trong bài thi, kiểm tra; biết cách phân tích, vận dụng lý thuyết, các thông tin, minh chứng và lập luận xác đáng thuyết phục cao khi đưa ra các kết luận.

8. Kết quả đánh giá môn học

Thực hiện theo quy chế đào tạo: Điểm môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sau khi làm tròn được chuyển thành điểm chữ như sau

a) Loại đạt:	A	8,5 – 10	giỏi
	B	7,0 - 8,4	khá
	C	5,5 - 6,9	trung bình
	D	4,0 - 5,4	trung bình yếu
b) Loại không đạt:	F	dưới 4,0	kém

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC

**NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG**

I. Môn học: phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với toán

1. Mục tiêu chung của môn học.

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về đặc điểm, nhiệm vụ, các nguyên tắc, các phương pháp, hình thức cho trẻ mầm non làm quen với toán để hình thành kiến thức và kỹ năng, phát triển tư duy, óc tưởng tượng, sáng tạo cho trẻ. Phương pháp hình thành biểu tượng về số lượng; kích thước; hình dạng; định hướng trong không gian và thời gian. Phân thực hành chủ yếu tập trung rèn cho sinh viên kỹ năng soạn giáo án (xây dựng kế hoạch bài giảng) và tổ chức cho trẻ làm quen với những biểu tượng sơ đẳng về toán theo từng nội dung trên tiết học; Quan sát, nhận xét, đánh giá kết quả việc tổ chức tiết dạy trên lớp

2. Chuẩn đầu ra của môn học

2.1. Kiến thức:

- *) Kiến thức tổng quát
 - Vận dụng phù hợp các kiến thức cơ bản để thiết kế được bài dạy và tổ chức dạy trẻ mầm non làm quen với toán
- *) Kiến thức chuyên môn
 - Mô tả được vai trò, nhiệm vụ của quá trình cho trẻ mầm non làm quen với toán
 - Phân tích được các nguyên tắc và hình thức cho trẻ mầm non làm quen với toán
 - Mô tả, giải thích được đặc điểm nhận thức về biểu tượng toán sơ đẳng của trẻ mầm non ở từng lứa tuổi
 - Phân tích và làm rõ các bước hướng dẫn trẻ mầm non (ở từng lứa tuổi) làm quen với biểu tượng sơ đẳng về toán
 - Vận dụng được các bước hướng dẫn trẻ làm quen với biểu tượng sơ đẳng về toán vào soạn giáo án và tổ chức dạy trẻ học theo hướng tích hợp chủ đề

2.2. Kỹ năng:

- *) Kỹ năng chuyên môn:
 - Thiết kế được bài dạy cho trẻ ở từng lứa tuổi làm quen với toán theo hướng tích hợp chủ đề
 - Xây dựng môi trường, làm đồ dùng và sử dụng thiết bị dạy học phù hợp với nội dung bài
 - Tổ chức được các hoạt động cho trẻ mầm non làm quen với toán theo từng lứa tuổi
- *) Kỹ năng làm việc:
 - Giao tiếp, ứng xử với trẻ một cách gần gũi, tình cảm; chân tình, cởi mở, thẳng thắn với đồng nghiệp; Gần gũi, tôn trọng và hợp tác, chia sẻ với cha mẹ trẻ và cộng đồng.
 - Phân tích, đánh giá được bài soạn và tiết giảng của bản thân và bạn bè, đồng nghiệp
 - Có kỹ năng: Quan sát, theo dõi, trò chuyện với trẻ trong các hoạt động, trao đổi với phụ huynh; Sử dụng một số bài tập, trò chơi, tình huống để khảo sát, đánh giá trẻ.

2.3. Thái độ:

- Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có lòng yêu nghề, mến trẻ, tâm huyết với sự nghiệp giáo dục mầm non.
- Có thái độ cởi mở, thiện chí với phụ huynh và sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác, giúp đỡ đồng nghiệp;
- Có ý thức kỷ luật, linh hoạt, tích cực làm việc trong mọi công việc
- Giáo dục sinh viên nhận thức rõ vị trí, vai trò của môn học trong chương trình đào tạo

của trường Sư phạm và trong trường mầm non; từ đó có ý thức học tập bộ môn một cách nghiêm túc.

- Chủ động, tích cực học hỏi, trau dồi kiến thức, học tập kinh nghiệm của các giáo viên tại các cơ sở GDMN để hình thành các kỹ năng soạn giáo án, thực hành giờ dạy cho trẻ mầm non làm quen với toán trên tiết học và ngoài tiết học.

2.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Thể hiện được ý thức tập thể, đoàn kết phấn đấu vì lợi ích chung, lối sống lành mạnh, cẩn thận, trung thực, liêm khiết.

- Thể hiện được bản lĩnh tự tin, năng động, sáng tạo, khoa học, duy trì nguyên tắc công tác, có khả năng tự học, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm;

- Tự định hướng, thích nghi được với các môi trường làm việc khác nhau hoặc môi trường thay đổi; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

- Đánh giá được chất lượng hoạt động giáo dục trẻ mầm non làm quen với toán; chịu trách nhiệm cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ được giao;

3. Các yêu cầu đánh giá

Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh/ thể hiện được khả năng:	
- Mô tả được vai trò, nhiệm vụ của quá trình cho trẻ mầm non làm quen với toán	- Mô tả được vai trò, nhiệm vụ của quá trình cho trẻ mầm non làm quen với toán
- Phân tích được các nguyên tắc, phương pháp và hình thức cho trẻ mầm non làm quen với toán	- Trình bày, phân tích được 7 nguyên tắc cơ bản cho trẻ làm quen với toán (Nguyên tắc dạy học đảm bảo tính phát triển; Nguyên tắc học đi đôi với hành, giáo dục gắn liền với cuộc sống; Nguyên tắc đảm bảo tính trực quan; Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống và tính trình tự; Nguyên tắc đảm bảo sự thống nhất giữa tính vừa sức chung và vừa sức riêng; Nguyên tắc đảm bảo tính khoa học; Nguyên tắc đảm bảo tính ý thức và phát huy tính tích cực của trẻ), mỗi nguyên tắc cần chỉ rõ cách thực hiện sao cho hiệu quả trong thực tiễn. - Trình bày được 3 nhóm phương pháp cơ bản (nhóm trực quan; nhóm dùng lời và nhóm thực hành), mỗi phương pháp trong từng nhóm cần phân tích rõ yêu cầu tổ chức và lấy được ví dụ minh họa thực tiễn. - Trình bày được: 2 hình thức cơ bản (cho trẻ làm quen với toán trong hoạt động học có chủ đích; cho trẻ làm quen với toán ngoài hoạt động học có chủ đích), cần phân tích rõ ưu điểm và nhược điểm của từng hình thức; cấu trúc giáo án; 6 tiêu chí đánh giá giờ dạy
- Mô tả được đặc điểm nhận thức và phân tích được các bước hướng dẫn trẻ mầm non (ở từng lứa tuổi) làm quen với biểu tượng sơ đẳng về toán	- Mô tả, được đặc điểm nhận thức và phân tích được các bước hướng dẫn trẻ mầm non (trẻ 3-4 tuổi, trẻ 4-5 tuổi, trẻ 5-6 tuổi) làm quen với biểu tượng sơ đẳng về toán (Số lượng, con số và phép đếm; kích thước; hình dạng; không gian và thời gian)
- Vận dụng được các bước hướng dẫn trẻ làm quen với biểu tượng sơ đẳng về toán vào soạn giáo án và tổ chức dạy trẻ học theo hướng tích hợp chủ đề	- Xây dựng được giáo án tổ chức cho trẻ làm quen với toán, giáo án cần xác định rõ: Mục đích yêu cầu (Kiến thức, kỹ năng, giáo dục); chuẩn bị về phương tiện, đồ dùng trong giờ học của cô và trẻ; dự kiến được các phương pháp sử dụng; quá trình tổ chức hoạt động của cô (HĐ 1: Trò chuyện; HĐ 2: Tổ chức cho trẻ làm quen với biểu tượng sơ đẳng về toán; HĐ 3: Kết thúc, chuyển HĐ) và dự kiến được câu trả lời, hoạt động của trẻ tương ứng với hoạt động của cô.

Vận dụng các nguyên tắc, phương pháp, hình thức để tổ chức cho trẻ làm quen với toán	- Sử dụng phối kết hợp các nguyên tắc, phương pháp, hình thức một cách linh hoạt, sáng tạo trong quá trình tổ chức cho trẻ làm quen với toán.
Đưa ra được nhận xét, đánh giá về quá trình tổ chức cho trẻ làm quen với toán theo các tiêu chí.	- Sau dự giờ dạy mẫu tổ chức cho trẻ làm quen với toán đưa ra được nhận xét, đánh giá theo 6 tiêu chí cơ bản (Chuẩn bị; tác phong - tư thế, nội dung; hình thức; phương pháp và kết quả hoạt động)

4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học của người học.

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm
- Mô tả được vai trò, nhiệm vụ của quá trình cho trẻ mầm non làm quen với toán - Phân tích được các nguyên tắc, phương pháp và hình thức cho trẻ mầm non làm quen với toán - Mô tả được đặc điểm nhận thức và phân tích được các bước hướng dẫn trẻ mầm non (ở từng lứa tuổi) làm quen với biểu tượng sơ đẳng về toán	Kiểm tra lần 1,2	Kiểm tra viết trên lớp	Trong quá trình giảng 30 tiết lý thuyết
- Vận dụng được các bước hướng dẫn trẻ làm quen với biểu tượng sơ đẳng về toán vào soạn giáo án và tổ chức dạy trẻ học theo hướng tích hợp chủ đề - Vận dụng các nguyên tắc, phương pháp, hình thức để tổ chức cho trẻ làm quen với toán. - Đưa ra được nhận xét, đánh giá về quá trình tổ chức cho trẻ làm quen với toán theo các tiêu chí.	Kiểm tra lần 3	Kiểm tra thực hành trên lớp	Trong quá trình thực hành 30 tiết
- Đánh giá quá trình tham gia học của người học thông qua việc xây dựng bài trên lớp, chữa bài tập, đi học đầy đủ .	Điểm chuyên cần, điểm TX	Giáo viên đánh giá	Sau khi kết thúc môn học
- Trình bày, phân tích các vấn đề cơ bản về tổ chức cho trẻ làm quen với toán, lập kế hoạch cho trẻ làm quen với toán	Thi kết thúc môn học	Thi viết	Kết thúc học kỳ

5. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

Ngân hàng câu hỏi được xây dựng theo các mức độ Nhớ, Hiểu, Áp dụng, Phân tích phù hợp với các yêu cầu của chuẩn đầu ra ở mục 2

6. Đề kiểm tra, thi

CƠ CẤU ĐỀ THI, KIỂM TRA

Kiểm tra lần 1,2	Tự luận
Kiểm tra lần 3	Thực hành
Thi kết thúc môn học	Gồm 2 phần: - Phần lý thuyết: 01-02 câu hỏi tự luận - Phần bài tập: 01 bài tập

7. Ngưỡng đánh giá người học

Điểm D: người học đáp ứng các yêu cầu đánh giá của môn học ở mức độ nhớ được các nội dung lý thuyết.

Điểm C: người học đạt mức điểm D và phải thể hiện rằng hiểu được vấn đề trong bài kiểm tra, bài thi.

Điểm B: người học đạt mức điểm C và phải thể hiện khả năng lập luận logic, mạch lạc, biết ứng dụng các nội dung trong các trường hợp thực tế ở bài kiểm tra, bài thi.

Điểm A: người học đạt mức điểm B và phải thể hiện tư duy tổng hợp cao trong bài thi, kiểm tra; biết cách phân tích, vận dụng lý thuyết, các thông tin, minh chứng và lập luận xác đáng thuyết phục cao khi đưa ra các kết luận.

8. Kết quả đánh giá môn học

Thực hiện theo quy chế đào tạo: Điểm môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sau khi làm tròn được chuyển thành điểm chữ như sau

a) Loại đạt:	A	8,5 - 10	giỏi
	B	7,0 - 8,4	khá
	C	5,5 - 6,9	trung bình
	D	4,0 - 5,4	trung bình yếu
b) Loại không đạt:	F	dưới 4,0	kém

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC

**NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG**

I. Môn học: GIÁO DỤC HỌC MẦM NON

1. Mục tiêu chung của môn học

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non. Mối quan hệ của khoa học giáo dục mầm non với các khoa học khác. Giúp người học hiểu về mục tiêu, nhiệm vụ, nguyên tắc, phương pháp, hình thức giáo dục mầm non, xu hướng giáo dục mầm non trong và ngoài nước, cũng như các nhiệm vụ giáo dục trẻ trong trường mầm non từ đó áp dụng vào việc tổ chức chế độ sinh hoạt của trẻ và các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ ở trường mầm non.

2. Chuẩn đầu ra của môn học

- Trình bày được hệ thống các khái niệm về nguyên tắc, nội dung, phương pháp, nhiệm vụ giáo dục mầm non, khái niệm về chế độ sinh hoạt, các hoạt động giáo dục trẻ ở trường mầm non. Bên cạnh đó cần nêu được khái niệm về nghề GVMN và các đặc điểm của nghề GVMN.

- Phân tích được các nguyên tắc, nội dung, phương pháp, nhiệm vụ giáo dục mầm non. Hiểu được nguyên tắc xây dựng chế độ sinh hoạt cho trẻ mầm non và ý nghĩa các hoạt động giáo dục trẻ ở trường mầm non

- Xây dựng được kế hoạch và tổ chức chế độ sinh hoạt cũng như các hoạt động giáo dục cho trẻ ở trường mầm non.

3. Các yêu cầu đánh giá

Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh/ thể hiện được khả năng:

- Trình bày được hệ thống các khái niệm về nguyên tắc, nội dung, phương pháp, nhiệm vụ giáo dục mầm non, khái niệm về chế độ sinh hoạt, các hoạt động giáo dục trẻ ở trường mầm non. Bên cạnh đó cần nêu được khái niệm về nghề GVMN và các đặc điểm của nghề GVMN.	- Trình bày được khái niệm thế nào là nguyên tắc trong giáo dục mầm non; nội dung, phương pháp, nhiệm vụ giáo dục mầm non. - Trình bày được khái niệm và ý nghĩa của việc thực hiện chế độ sinh hoạt trong trường mầm non. - Mô tả được khái niệm các hoạt động giáo dục trẻ ở trường mầm non như: hoạt động giao tiếp; hoạt động với đồ vật; hoạt động vui chơi; hoạt động dạy học ở trường mầm non; hoạt động lao động; hoạt động tham quan, lễ hội và hoạt động lao động. - Mô tả được khái niệm về nghề GVMN, đặc điểm lao động, kỹ năng nghề nghiệp, nhân cách người GVMN và chuẩn nghề nghiệp GVMN.
- Phân tích được các nguyên tắc, nội dung, phương pháp, nhiệm vụ giáo dục mầm non. Hiểu được nguyên tắc xây dựng chế độ sinh hoạt cho trẻ mầm non và ý nghĩa các hoạt động giáo dục trẻ ở trường mầm non	- Phân tích được hệ thống các nguyên tắc giáo dục mầm non. - Hiểu về các nội dung giáo dục mầm non và phân tích được một số yêu cầu đổi mới nội dung GDMN - Phân tích được hệ thống các phương pháp giáo dục mầm non. - Phân tích được các nội dung và biện pháp giáo dục thể chất; giáo dục thẩm mỹ; giáo dục trí tuệ; giáo dục lao động; giáo dục đạo đức. - Phân tích được nguyên tắc xây dựng chế độ sinh hoạt cũng

	nghĩa của các hoạt động giáo dục trẻ ở trường mầm non
- Xây dựng được kế hoạch và tổ chức chế độ sinh hoạt cũng như các hoạt động giáo dục cho trẻ ở trường mầm non.	-Xây dựng được giáo án tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ ở các nhóm tuổi và giáo án tổ chức hoạt động giáo dục (hoạt động giao tiếp; hoạt động với đồ vật; hoạt động vui chơi; hoạt động dạy học ở trường mầm non; hoạt động lao động; hoạt động tham quan, lễ hội và hoạt động lao động), giáo án cần xác định rõ: Mục đích yêu cầu; chuẩn bị về phương tiện, đồ dùng của cô và trẻ; dự kiến được các phương pháp sử dụng; quá trình tổ chức hoạt động của cô và trẻ. - Sử dụng phối kết hợp các nguyên tắc, phương pháp, hình thức một cách linh hoạt, sáng tạo trong quá trình tổ chức chế độ sinh hoạt và hoạt động giáo dục cho trẻ ở trường mầm non.

4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học của người học

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm
- Trình bày được hệ thống các khái niệm về nguyên tắc, nội dung, phương pháp, nhiệm vụ giáo dục mầm non, khái niệm về chế độ sinh hoạt, các hoạt động giáo dục trẻ ở trường mầm non. Bên cạnh đó cần nêu được khái niệm về nghề GVMN và các đặc điểm của nghề GVMN.	Kiểm tra lần 1	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 15 tiết giảng
- Xây dựng được kế hoạch và tổ chức chế độ sinh hoạt cũng như các hoạt động giáo dục cho trẻ ở trường mầm non.	Kiểm tra lần 2	Kiểm tra thực hành trên lớp	Sau 25 tiết giảng
Đánh giá quá trình tham gia học của người học thông qua việc xây dựng bài trên lớp, chữa bài tập, đi học đầy đủ .	Điểm chuyên cần	Giáo viên đánh giá	Sau khi kết thúc môn học
- Trình bày phân tích được các vấn đề cơ bản về nguyên tắc, nội dung, phương pháp, nhiệm vụ giáo dục mầm non, chế độ sinh hoạt, các hoạt động giáo dục trẻ ở trường mầm non, về nghề GVMN và các đặc điểm của nghề GVMN. - Xây dựng được kế hoạch tổ chức chế độ sinh hoạt cũng như các hoạt động giáo dục cho trẻ ở trường mầm non.	Thi kết thúc môn học	Thi viết	Kết thúc học kỳ

5. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

Ngân hàng câu hỏi được xây dựng theo các mức độ Nhớ, Hiểu, Vận dụng, Phân tích phù hợp với các yêu cầu của chuẩn đầu ra ở mục 2.

6. Đề kiểm tra, đề thi

Kiểm tra lần 1	Thi lý thuyết
Kiểm tra lần 2	Thực hành

Thi kết thúc môn học	Gồm 2 phần -Phần lý thuyết: 01-02 câu hỏi tự luận - Phần bài tập: 01 bài tập
-----------------------------	--

7. Ngưỡng đánh giá người học

Điểm D: người học đáp ứng các yêu cầu đánh giá của môn học ở mức độ nhớ được các nội dung lý thuyết.

Điểm C: người học đạt mức điểm D và phải thể hiện rằng hiểu được vấn đề trong bài kiểm tra, bài thi.

Điểm B: người học đạt mức điểm C và phải thể hiện khả năng lập luận logic, mạch lạc, biết ứng dụng các nội dung trong các trường hợp thực tế ở bài kiểm tra, bài thi.

Điểm A: người học đạt mức điểm B và phải thể hiện tư duy tổng hợp cao trong bài thi, kiểm tra; biết cách phân tích, vận dụng lý thuyết, các thông tin, minh chứng và lập luận xác đáng thuyết phục cao khi đưa ra các kết luận.

8. Kết quả đánh giá môn học

Thực hiện theo quy chế đào tạo: Điểm môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sau khi làm tròn được chuyển thành điểm chữ như sau

a) Loại đạt:	A	8,5 - 10	giỏi
	B	7,0 - 8,4	khá
	C	5,5 - 6,9	trung bình
	D	4,0 - 5,4	trung bình yếu
b) Loại không đạt:	F	dưới 4,0	kém

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC**NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG****I. Môn học: Phương pháp phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non****1. Mục tiêu chung của môn học**

Môn học cung cấp kiến thức chung về giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội (GDTTC và KNXH) cho trẻ mầm non: Đặc điểm, vai trò, nội dung của phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ ở trường mầm non. Phương pháp và hình thức tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non.

Phần thực hành chủ yếu tập trung rèn kỹ năng soạn giáo án (xây dựng kế hoạch bài giảng), kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non, kỹ năng tạo môi trường giáo dục, kỹ năng đánh giá kết quả việc tổ chức tiết dạy trên lớp.

2. Chuẩn đầu ra của môn học

Để hoàn thành môn học, người học phải đạt được chuẩn kiến thức, kỹ năng:

- Trình bày và mô tả được đặc điểm phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội của trẻ mầm non; vai trò; nội dung; hình thức tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non.

- Phân tích được phương pháp tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non.

- Lập được kế hoạch và tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non

- Vận dụng được các phương pháp, hình thức vào tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non.

- Đưa ra được nhận xét, đánh giá về quá trình tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non

3. Các yêu cầu đánh giá

- Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh/ thể hiện được khả năng:

Trình bày và mô tả được đặc điểm phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội của trẻ mầm non; vai trò; nội dung; hình thức tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non.	- Trình bày được: đặc điểm phát triển tình cảm, phát triển kỹ năng của trẻ mầm non; vai trò giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội thúc đẩy sự phát triển tích cực của cá nhân, xã hội và là tiền đề cho sự phát triển toàn diện của trẻ. - Mô tả được: nội dung tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo các độ tuổi nhà trẻ và mẫu giáo dựa trên cơ sở chương trình GDMN hiện hành; Hình thức gồm tổ chức trên tiết học và ngoài tiết học.
Phân tích được phương pháp tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non	- Phân tích được và liên hệ thực tiễn những phương pháp cơ bản để giáo dục và phát triển tình cảm KNXH cho trẻ mầm non: PP dùng tình cảm; PP làm gương; PP trò chơi; PP đàm thoại, trò chuyện; PP dùng nghệ thuật; PP luyện tập hành vi ứng xử thường xuyên trong sinh hoạt hàng ngày; PP động viên, khích lệ; PP tạo môi trường vui vẻ, thoải mái, đầy xúc cảm.
Lập được kế hoạch và tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non	- Xây dựng được giáo án tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non giáo án cần xác định rõ: Mục đích yêu cầu (Kiến thức, kỹ năng, giáo dục); chuẩn bị về phương tiện, đồ dùng trong giờ học của cô và trẻ; dự kiến được các phương pháp sử dụng; quá trình tổ chức hoạt động

	của cô (HĐ 1: Trò chuyện; HĐ 2: GD tình cảm và kỹ năng xã hội; HĐ 3 kết thúc, chuyển HĐ) và dự kiến được câu trả lời, hoạt động của trẻ tương ứng với hoạt động của cô.
Vận dụng được các phương pháp, hình thức vào tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non.	-Sử dụng phối kết hợp các nguyên tắc, phương pháp, hình thức một cách linh hoạt, sáng tạo trong quá trình tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non.
Đưa ra được nhận xét, đánh giá về quá trình tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non	-Sau dự giờ dạy mẫu tổ chức cho trẻ KPKH về MTXQ đưa ra được nhận xét, đánh giá theo 6 tiêu chí cơ bản (Chuẩn bị; nội dung; hình thức; phương pháp; tác phong, tư thế và kết quả hoạt động)

4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học của người học

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm
- Trình bày và mô tả được đặc điểm phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội của trẻ mầm non; vai trò; nội dung; hình thức tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non. - Phân tích được phương pháp tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ MN	Kiểm tra lần 1	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 15 tiết giảng lý thuyết
- Lập được kế hoạch và tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non -Vận dụng được các phương pháp, hình thức vào tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non. - Đưa ra được nhận xét, đánh giá về quá trình tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non	Kiểm tra lần 2	Kiểm tra thực hành trên lớp	Trong quá trình thực hành 30 tiết
Đánh giá quá trình tham gia học của người học thông qua việc xây dựng bài trên lớp, chữa bài tập, đi học đầy đủ .	Điểm chuyên cần, điểm TX	Giáo viên đánh giá	Sau khi kết thúc môn học
-Trình bày các vấn đề tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non.	Thi kết thúc môn học	Thi viết	Kết thúc học kỳ

5. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

Ngân hàng câu hỏi được xây dựng theo các mức độ Hiểu, Vận dụng, Phân tích; Đánh giá phù hợp với các yêu cầu của chuẩn đầu ra ở mục 2.

6. Đề kiểm tra, đề thi

CƠ CẤU ĐỀ THI, KIỂM TRA

Kiểm tra lần 1	Tự luận
Kiểm tra lần 2	Thực hành

Thi kết thúc môn học	Gồm 2 phần 3. Phần lý thuyết: 01-02 câu hỏi tự luận 4. Phần bài tập: 01 bài tập lập kế hoạch tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non.
-----------------------------	---

7. Ngưỡng đánh giá người học

Điểm D: người học đáp ứng các yêu cầu đánh giá của môn học ở mức độ nhớ được các nội dung lý thuyết.

Điểm C: người học đạt mức điểm D và phải thể hiện rằng hiểu được vấn đề trong bài kiểm tra, bài thi.

Điểm B: người học đạt mức điểm C và phải thể hiện khả năng lập luận logic, mạch lạc, biết ứng dụng các nội dung trong các trường hợp thực tế ở bài kiểm tra, bài thi.

Điểm A: người học đạt mức điểm B và phải thể hiện tư duy tổng hợp cao trong bài thi, kiểm tra; biết cách phân tích, vận dụng lý thuyết, các thông tin, minh chứng và lập luận xác đáng thuyết phục cao khi đưa ra các kết luận.

8. Kết quả đánh giá môn học

Thực hiện theo quy chế đào tạo: Điểm môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sau khi làm tròn được chuyển thành điểm chữ như sau

a) Loại đạt:	A	8,5 - 10	giỏi
	B	7,0 - 8,4	khá
	C	5,5 - 6,9	trung bình
	D	4,0 - 5,4	trung bình yếu
b) Loại không đạt:	F	dưới 4,0	kém

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC

NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

I. Môn học: Chuyên đề đổi mới giáo dục mầm non

1. Mục tiêu chung của môn học.

Học phần nhằm bổ sung cho người học các kiến thức cơ bản về chương trình giáo dục Mầm non và các nội dung mới nhất được cập nhật vào chương trình cho phù hợp từng giai đoạn nhằm giúp trẻ phát triển toàn diện, linh hoạt và đáp ứng các yêu cầu của xã hội. Phần thực hành chủ yếu tập trung rèn cho sinh viên kỹ năng soạn giáo án (xây dựng kế hoạch bài giảng), kỹ năng tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe và giáo dục trẻ, kỹ năng xây dựng môi trường giáo dục, kỹ năng đánh giá kết quả việc tổ chức thực hiện hoạt động.

2. Chuẩn đầu ra của môn học

2.1. Kiến thức:

*) Kiến thức tổng quát
- Vận dụng phù hợp các kiến thức cơ bản để thiết kế được bài dạy và tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe và giáo dục trẻ mới nhất được cập nhật vào chương trình cho phù hợp từng giai đoạn nhằm giúp trẻ phát triển toàn diện

*) Kiến thức chuyên môn
- Trình bày được nội dung cơ bản của chuyên đề mới nhất được cập nhật vào chương trình GDMN
- Vận dụng được nội dung và phương pháp tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe và giáo dục trẻ theo chuyên đề mới nhất được cập nhật vào chương trình GDMN để soạn giáo án và tổ chức các hoạt động theo hướng tích hợp chủ đề

2.2. Kỹ năng:

*) Kỹ năng chuyên môn:
- Thiết kế được bài dạy theo chuyên đề mới nhất được cập nhật vào chương trình GDMN theo hướng tích hợp chủ đề
- Xây dựng môi trường, làm đồ dùng và sử dụng thiết bị dạy học phù hợp với nội dung bài
- Tổ chức được các hoạt động theo chuyên đề mới nhất được cập nhật vào chương trình GDMN theo hướng tích hợp chủ đề

*) Kỹ năng làm việc:
- Giao tiếp, ứng xử với trẻ một cách gần gũi, tình cảm; chân tình, cởi mở, thẳng thắn với đồng nghiệp; Gần gũi, tôn trọng và hợp tác, chia sẻ với cha mẹ trẻ và cộng đồng.
- Phân tích, đánh giá được bài soạn và tiết giảng của bản thân và bạn bè, đồng nghiệp
- Có kỹ năng: Quan sát, theo dõi, trò chuyện với trẻ trong các hoạt động, trao đổi với phụ huynh; Sử dụng một số bài tập, trò chơi, tình huống để khảo sát, đánh giá trẻ.

2.3. Thái độ:

- Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có lòng yêu nghề, mến trẻ, tâm huyết với sự nghiệp giáo dục mầm non.
- Có thái độ cởi mở, thiện chí với phụ huynh và sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác, giúp đỡ đồng nghiệp;
- Có ý thức kỷ luật, linh hoạt, tích cực làm việc trong mọi công việc
- Giáo dục sinh viên nhận thức rõ vị trí, vai trò của môn học trong chương trình đào tạo của trường Sư phạm và trong trường mầm non; từ đó có ý thức học tập bộ môn một cách nghiêm túc.
- Chủ động, tích cực học hỏi, trau dồi kiến thức, học tập kinh nghiệm của các giáo viên tại các cơ sở GDMN để hình thành các kỹ năng soạn giáo án, tổ chức thực hiện các hoạt động

theo chuyên đề mới nhất được cập nhật vào chương trình GDMN

2.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Thể hiện được ý thức tập thể, đoàn kết phấn đấu vì lợi ích chung, lối sống lành mạnh, cần thận, trung thực, liêm khiết.
- Thể hiện được bản lĩnh tự tin, năng động, sáng tạo, khoa học, duy trì nguyên tắc công tác, có khả năng tự học, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm;
- Tự định hướng, thích nghi được với các môi trường làm việc khác nhau hoặc môi trường thay đổi; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;
- Đánh giá được chất lượng tổ chức thực hiện các hoạt động theo chuyên đề mới nhất được cập nhật vào chương trình GDMN; chịu trách nhiệm cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ được giao;

3. Các yêu cầu đánh giá

Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh/ thể hiện được khả năng:	
- Trình bày được nội dung, phương pháp cơ bản của chuyên đề mới nhất được cập nhật vào chương trình GDMN	- Trình bày được nội dung, phương pháp cơ bản của chuyên đề mới nhất được cập nhật vào chương trình GDMN
- Phân tích được cách khai thác, sử dụng môi trường theo chuyên đề mới nhất được cập nhật vào chương trình GDMN	- Phân tích được cách khai thác, sử dụng môi trường (MT vật chất, MT tâm lý-XH) theo chuyên đề mới nhất được cập nhật vào chương trình GDMN
- Vận dụng được nội dung và phương pháp tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe và giáo dục trẻ theo chuyên đề mới nhất được cập nhật vào chương trình GDMN để soạn giáo án và tổ chức các hoạt động theo hướng tích hợp chủ đề	- Xây dựng được giáo án tổ chức cho trẻ làm quen với toán, giáo án cần xác định rõ: Mục đích yêu cầu (Kiến thức, kỹ năng, giáo dục); chuẩn bị về phương tiện, đồ dùng trong giờ học của cô và trẻ; dự kiến được các phương pháp sử dụng; quá trình tổ chức hoạt động của cô (HĐ 1: Trò chuyện; HĐ 2: Tổ chức tăng cường Tiếng Việt cho trẻ mầm non vùng dân tộc thiểu số; HĐ 3: Kết thúc, chuyển HĐ) và dự kiến được câu trả lời, hoạt động của trẻ tương ứng với hoạt động của cô.
- Đưa ra được nhận xét, đánh giá về quá trình tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe và giáo dục trẻ theo chuyên đề mới nhất được cập nhật vào chương trình GDMN theo các tiêu chí.	- Sau dự giờ mẫu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe và giáo dục trẻ theo chuyên đề mới nhất được cập nhật vào chương trình GDMN và đưa ra được nhận xét, đánh giá theo 6 tiêu chí cơ bản (Chuẩn bị; tác phong - tư thế, nội dung; hình thức; phương pháp và kết quả hoạt động)

4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học của người học.

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm
- Trình bày được nội dung, phương pháp cơ bản của chuyên đề mới nhất được cập nhật vào chương trình GDMN - Phân tích được cách khai thác, sử dụng môi trường theo chuyên đề mới nhất được cập nhật vào chương trình GDMN	Kiểm tra lần 1	Kiểm tra viết trên lớp	Trong quá trình giảng 15 tiết lý thuyết
- Vận dụng được nội dung và phương pháp tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe và giáo dục trẻ theo chuyên đề	Kiểm tra lần 2	Kiểm tra thực hành trên lớp	Trong quá trình thực hành 30 tiết

mới nhất được cập nhật vào chương trình GDMN để soạn giáo án và tổ chức các hoạt động theo hướng tích hợp chủ đề - Đưa ra được nhận xét, đánh giá về quá trình tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe và giáo dục trẻ theo chuyên đề mới nhất được cập nhật vào chương trình GDMN theo các tiêu chí.			
- Đánh giá quá trình tham gia học của người học thông qua việc xây dựng bài trên lớp, chữa bài tập, đi học đầy đủ.	Điểm chuyên cần, điểm TX	Giáo viên đánh giá	Sau khi kết thúc môn học
- Trình bày, phân tích các vấn đề cơ bản về chuyên đề mới nhất được cập nhật vào chương trình GDMN; lập kế hoạch theo nội dung chuyên đề mới nhất được cập nhật vào chương trình GDMN	Thi kết thúc môn học	Thi viết	Kết thúc học kỳ

5. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

Ngân hàng câu hỏi được xây dựng theo các mức độ Nhớ, Hiểu, Áp dụng, Phân tích phù hợp với các yêu cầu của chuẩn đầu ra ở mục 2

6. Đề kiểm tra, thi

CƠ CẤU ĐỀ THI, KIỂM TRA

Kiểm tra lần 1	Tự luận
Kiểm tra lần 2	Thực hành
Thi kết thúc môn học	Gồm 2 phần: - Phần lý thuyết: 01-02 câu hỏi tự luận - Phần bài tập: 01 bài tập

7. Ngưỡng đánh giá người học

Điểm D: người học đáp ứng các yêu cầu đánh giá của môn học ở mức độ nhớ được các nội dung lý thuyết.

Điểm C: người học đạt mức điểm D và phải thể hiện rằng hiểu được vấn đề trong bài kiểm tra, bài thi.

Điểm B: người học đạt mức điểm C và phải thể hiện khả năng lập luận logic, mạch lạc, biết ứng dụng các nội dung trong các trường hợp thực tế ở bài kiểm tra, bài thi.

Điểm A: người học đạt mức điểm B và phải thể hiện tư duy tổng hợp cao trong bài thi, kiểm tra; biết cách phân tích, vận dụng lý thuyết, các thông tin, minh chứng và lập luận xác đáng thuyết phục cao khi đưa ra các kết luận.

8. Kết quả đánh giá môn học

Thực hiện theo quy chế đào tạo: Điểm môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sau khi làm tròn được chuyển thành điểm chữ như sau

a) Loại đạt:	A	8,5 - 10	giỏi
	B	7,0 - 8,4	khá
	C	5,5 - 6,9	trung bình
	D	4,0 - 5,4	trung bình yếu
b) Loại không đạt:	F	dưới 4,0	kém

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC

NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

I. Môn học: Cơ Sở giáo dục văn hóa cho trẻ mầm non

1. Mục tiêu chung của môn học.

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về văn hóa Việt Nam: Khái niệm; Các điều kiện ảnh hưởng đến văn hóa Việt Nam; Đặc điểm văn hóa vật chất, tinh thần, xã hội của Việt Nam; Đặc trưng văn hóa truyền thống Việt Nam; Đặc điểm phát triển hành vi ở trẻ mẫu giáo 3 -6 tuổi; Nội dung, phương pháp giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non nhằm giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam

2. Chuẩn đầu ra của môn học

2.1. Kiến thức:

- *) Kiến thức tổng quát:
 - Sinh viên có nhận thức cơ bản về cơ sở hình thành, quá trình hình thành và các đặc trưng bản sắc của văn hóa Việt Nam; Nội dung, phương pháp giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non nhằm giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam
- *) Kiến thức chuyên môn:
 - Mô tả được khái niệm văn hóa
 - Trình bày được các điều kiện ảnh hưởng đến văn hóa Việt Nam.
 - Trình bày được đặc điểm văn hóa vật chất, tinh thần, xã hội của Việt Nam;
 - Phân tích được đặc trưng văn hóa truyền thống Việt Nam
 - Trình bày được đặc điểm phát triển hành vi ở trẻ mẫu giáo 3 -6 tuổi.
 - Trình bày, phân tích được nội dung, phương pháp giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non.

2.2. Kỹ năng:

- *) Kỹ năng chuyên môn:
 - Hình thành và phát triển năng lực tư duy, giải quyết vấn đề
 - Tổ chức được các hoạt động giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non.
 - Rèn luyện kỹ năng phân tích, hệ thống hoá, tổng hợp, khái quát trong việc nghiên cứu một vấn đề văn hóa nói riêng và các vấn đề khoa học xã hội nói chung.
 - Vận dụng được các kiến thức cơ bản của môn học để đánh giá các sự kiện, các vấn đề văn hóa đã và đang diễn ra trong thực tiễn đời sống
- *) Kỹ năng làm việc:
 - Giao tiếp, ứng xử với trẻ một cách gần gũi, tình cảm; chân tình, cởi mở, thẳng thắn với đồng nghiệp; Gần gũi, tôn trọng và hợp tác, chia sẻ với cha mẹ trẻ và cộng đồng.
 - Phân tích được trẻ theo các hình thức khác nhau: đánh giá trẻ sau một hoạt động, sau một ngày, sau một chủ đề, sau một năm học

2.3. Thái độ:

- Biết tôn trọng và tự hào, từ đó có ý thức gìn giữ, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc.
- Có thói quen quan tâm tới các vấn đề văn hóa đã và đang diễn ra trong đời sống xã hội.
- Giáo dục sinh viên nhận thức rõ vị trí, vai trò của môn học trong chương trình đào tạo của trường Sư phạm và trong trường mầm non; từ đó có ý thức học tập bộ môn một cách nghiêm túc.
- Chủ động, tích cực học hỏi, trau dồi kiến thức, học tập kinh nghiệm của các giáo viên tại các cơ sở GDMN để hình thành các kỹ năng giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non

2.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Thể hiện được ý thức tập thể, đoàn kết phấn đấu vì lợi ích chung, lối sống lành mạnh, cần thận, trung thực, liêm khiết.
- Thể hiện được bản lĩnh tự tin, năng động, sáng tạo, khoa học, duy trì nguyên tắc công tác, có khả năng tự học, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm;
- Tự định hướng, thích nghi được với các môi trường làm việc khác nhau hoặc môi trường thay đổi; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

3. Các yêu cầu đánh giá

Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh/ thể hiện được khả năng:	
Nhớ được các kiến thức cơ bản của môn học	- Khái niệm văn hóa - Các điều kiện ảnh hưởng đến văn hóa Việt Nam - Đặc điểm văn hóa vật chất, tinh thần, xã hội của Việt Nam; - Đặc trưng văn hóa truyền thống Việt Nam; - Đặc điểm phát triển hành vi ở trẻ mẫu giáo 3 -6 tuổi - Nội dung, phương pháp giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non
Hiểu được các kiến thức cơ bản của môn học.	- Mô tả được khái niệm văn hóa - Trình bày được các điều kiện ảnh hưởng đến văn hóa Việt Nam. Cần phân tích rõ vai trò, yêu cầu tổ chức và lấy được ví dụ minh họa thực tiễn - Trình bày được đặc điểm văn hóa vật chất, tinh thần, xã hội của Việt Nam; - Phân tích được đặc trưng văn hóa truyền thống Việt Nam (Cơ sở hình thành nền văn hóa truyền thống Việt Nam; Đặc trưng văn hóa vật chất; Đặc trưng văn hóa tinh thần; Các vùng văn hóa Việt Nam) - Trình bày được đặc điểm phát triển hành vi ở trẻ mẫu giáo 3 -6 tuổi. - Trình bày được quá trình hình thành và phát triển hành vi văn hóa. Cần phân tích rõ vai trò của văn hóa đối với sự phát triển toàn diện của trẻ mầm non và lấy được ví dụ minh họa - Trình bày được nội dung, phương pháp giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non. Mỗi phương pháp cần phân tích rõ vai trò, yêu cầu tổ chức và lấy được ví dụ minh họa thực tiễn.
Áp dụng kiến thức môn học vào thực tiễn giáo dục trẻ Mầm non.	- Tổ chức được các hoạt động giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non - Vận dụng được các kiến thức cơ bản của môn học để đánh giá các sự kiện, các vấn đề văn hóa đã và đang diễn ra trong thực tiễn đời sống - Nhận xét, đánh giá hoạt động giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non theo các tiêu chí. (Chuẩn bị; tác phong - tư thế, nội dung; hình thức; phương pháp và kết quả hoạt động)

4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học của người học.

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm
Nhớ, hiểu và vận dụng các kiến thức liên quan đến cơ sở văn hóa Việt Nam	Kiểm tra lần 1	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 15 tiết giảng
Nhớ, hiểu và vận dụng các kiến thức liên quan đến giáo dục văn hóa cho trẻ mầm	Kiểm tra lần 2	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 30 tiết giảng

non			
- Đánh giá quá trình tham gia học của người học thông qua việc xây dựng bài trên lớp, chữa bài tập, đi học đầy đủ .	Điểm chuyên cần, điểm TX	Giáo viên đánh giá	Sau khi kết thúc môn học
- Trình bày, phân tích các vấn đề cơ bản về cơ sở giáo dục văn hóa cho trẻ mầm non; Hoạt động tổ chức giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non	Thi kết thúc môn học	Thi viết	Kết thúc học kỳ

5. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

Ngân hàng câu hỏi được xây dựng theo các mức độ Nhớ, Hiểu, Áp dụng, Phân tích phù hợp với các yêu cầu của chuẩn đầu ra ở mục 2

6. Đề kiểm tra, thi

CƠ CẤU ĐỀ THI, KIỂM TRA

Kiểm tra lần 1	Tự luận
Kiểm tra lần 2	Tự luận
Thi kết thúc môn học	Tự luận Gồm 3 phần 5. Phần nhớ 6. Phần hiểu 3. Phần vận dụng

7. Ngưỡng đánh giá người học

Điểm D: người học đáp ứng các yêu cầu đánh giá của môn học ở mức độ nhớ được các nội dung lý thuyết.

Điểm C: người học đạt mức điểm D và phải thể hiện rằng hiểu được vấn đề trong bài kiểm tra, bài thi.

Điểm B: người học đạt mức điểm C và phải thể hiện khả năng lập luận logic, mạch lạc, biết ứng dụng các nội dung trong các trường hợp thực tế ở bài kiểm tra, bài thi.

Điểm A: người học đạt mức điểm B và phải thể hiện tư duy tổng hợp cao trong bài thi, kiểm tra; biết cách phân tích, vận dụng lý thuyết, các thông tin, minh chứng và lập luận xác đáng thuyết phục cao khi đưa ra các kết luận.

8. Kết quả đánh giá môn học

Thực hiện theo quy chế đào tạo: Điểm môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sau khi làm tròn được chuyển thành điểm chữ như sau

a) Loại đạt:	A	8,5 - 10	giỏi
	B	7,0 - 8,4	khá
	C	5,5 - 6,9	trung bình
	D	4,0 - 5,4	trung bình yếu
b) Loại không đạt:	F	dưới 4,0	kém

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC

NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

I. Môn học: Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non

1. Mục tiêu chung của môn học.

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cách lập kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non; Tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp xuất phát từ nhu cầu và hứng thú của trẻ trong tất cả các nội dung giáo dục; Nguyên tắc, quy trình và hướng dẫn cách xây dựng môi trường giáo dục theo chủ đề; đánh giá hiệu quả sử dụng môi trường giáo dục phù hợp với sự phát triển của trẻ. Phần thực hành chủ yếu tập trung rèn cho sinh viên kỹ năng xây dựng kế hoạch và tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho trẻ trong từng hoạt động; Quan sát, nhận xét, đánh giá kết quả việc tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ

2. Chuẩn đầu ra của môn học

2.1. Kiến thức:

- *) Kiến thức tổng quát
 - Vận dụng phù hợp các kiến thức cơ bản về kỹ năng sống để giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non, giúp trẻ hình thành và phát triển toàn diện nhân cách, sẵn sàng vào học lớp một.
- *) Kiến thức chuyên môn
 - Nêu được những vấn đề khái quát chung về giáo dục kỹ năng sống.
 - Mô tả được quá trình hình thành kỹ năng sống cho trẻ mầm non.
 - Giải thích những nguyên tắc giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non.
 - Xác định được mục tiêu cơ bản về giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non.
 - Trình bày được nội dung về giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non.
 - Liệt kê được các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non
 - Phân tích và làm rõ các bước xây dựng kế hoạch giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non
 - Trình bày được mục đích, hình thức, nội dung đánh giá kỹ năng sống cho trẻ mầm non

2.2. Kỹ năng:

- *) Kỹ năng chuyên môn:
 - Thực hành được phương pháp, hình thức giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non.
 - Lập được kế hoạch giáo dục kỹ năng sống cho trẻ.
 - Đánh giá được kết quả giáo dục kỹ năng sống cho trẻ.
- *) Kỹ năng làm việc:
 - Giao tiếp, ứng xử với trẻ một cách gần gũi, tình cảm; chân tình, cởi mở, thẳng thắn với đồng nghiệp; Gần gũi, tôn trọng và hợp tác, chia sẻ với cha mẹ trẻ và cộng đồng.
 - Phân tích, đánh giá được quá trình thực hiện kỹ năng sống của trẻ.
 - Có kỹ năng: Quan sát, theo dõi, trò chuyện, phân tích, đánh giá, làm việc nhóm, sử dụng các phương tiện và đồ dùng trong quá trình giáo dục kỹ năng sống cho trẻ.

2.3. Thái độ:

- Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có lòng yêu nghề, mến trẻ, tâm huyết với sự nghiệp giáo dục mầm non.
- Có thái độ cởi mở, thiện chí với phụ huynh và sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác, giúp đỡ đồng nghiệp;
- Giáo dục sinh viên nhận thức rõ vị trí, vai trò của môn học trong chương trình đào tạo của trường Sư phạm và trong trường mầm non; từ đó có ý thức học tập bộ môn một cách nghiêm

túc.

- Chủ động, tích cực học hỏi, trau dồi kiến thức, học tập kinh nghiệm của các giáo viên tại các cơ sở GDMN để hình thành các kỹ năng sống cho trẻ mầm non

2.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Thể hiện được ý thức tập thể, đoàn kết phấn đấu vì lợi ích chung, lối sống lành mạnh, cẩn thận, trung thực, liêm khiết.

- Thể hiện được bản lĩnh tự tin, năng động, sáng tạo, khoa học, duy trì nguyên tắc công tác, có khả năng tự học, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm;

- Tự định hướng, thích nghi được với các môi trường làm việc khác nhau hoặc môi trường thay đổi; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

3. Các yêu cầu đánh giá

Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh/ thể hiện được khả năng:	
Nhớ được các kiến thức cơ bản của môn học	- Các quan niệm; Đặc điểm; Bản chất của kỹ năng sống - Khái niệm giáo dục kỹ năng sống; Vai trò của giáo dục kỹ năng sống đối với sự phát triển của trẻ mầm non - Quá trình hình thành và điều kiện hình thành kỹ năng sống cho trẻ mầm non - Mục tiêu giáo dục kỹ năng sống cho trẻ - Nội dung, phương pháp và các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non - Mục đích, hình thức, nội dung đánh giá kỹ năng sống cho trẻ mầm non
Hiểu được các kiến thức cơ bản của môn học.	- Trình bày được Các quan niệm; Đặc điểm; Bản chất của kỹ năng sống - Mô tả được khái niệm giáo dục kỹ năng sống; - Trình bày được vai trò của giáo dục kỹ năng sống đối với sự phát triển của trẻ mầm non - Quá trình hình thành và điều kiện hình thành kỹ năng sống cho trẻ mầm non (B1: Quan sát; B2: Bắt chước/ tập thử; B3: Thực hành thường xuyên) - Những điều kiện hình thành kỹ năng sống cho trẻ mầm non (Tương tác với những người gần gũi; Trải nghiệm kỹ năng sống bằng chính những hoạt động của trẻ; Thực hành thường xuyên; Có đủ cơ sở vật chất; Thống nhất yêu cầu của người lớn; Có thời gian; Thay đổi hành vi theo hướng tích cực) - Trình bày được mục tiêu giáo dục kỹ năng sống cho trẻ - Trình bày được các nội dung giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non (Nhóm kỹ năng ý thức về bản thân; Nhóm kỹ năng quan hệ xã hội; Nhóm kỹ năng giao tiếp; Nhóm kỹ năng thực hiện công việc; Nhóm kỹ năng ứng phó với thay đổi) - Trình bày được 3 nhóm phương pháp cơ bản (nhóm trực quan; nhóm dùng lời và nhóm thực hành), mỗi phương pháp trong từng nhóm cần phân tích rõ yêu cầu tổ chức và lấy được ví dụ minh họa thực tiễn - Liệt kê được các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non - Lập được kế hoạch giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non. - Trình bày được mục đích, hình thức, nội dung đánh giá kỹ năng sống cho trẻ mầm non
Áp dụng kiến thức môn học vào thực tiễn giáo dục kỹ năng sống	- Xây dựng được kế hoạch giáo dục kỹ năng sống, kế hoạch cần xác định rõ: Các căn cứ lập kế hoạch; Chuẩn bị về phương tiện, đồ dùng để tổ chức hoạt động của cô và trẻ; dự kiến được các phương pháp sử dụng; quá trình tổ chức hoạt động của cô (HĐ 1: Trò chuyện; HĐ 2: Tổ

cho trẻ Mầm non.	chức giáo dục kỹ năng sống cho trẻ; HĐ 3: Kết thúc, chuyển HĐ) và dự kiến được câu trả lời, hoạt động của trẻ tương ứng với hoạt động của cô. - Sau dự giờ dạy mẫu tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ cần đưa ra được nhận xét, đánh giá theo 6 tiêu chí cơ bản (Chuẩn bị; tác phong - tư thế, nội dung; hình thức; phương pháp và kết quả hoạt động)
------------------	--

4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học của người học.

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm
Nhớ, hiểu và vận dụng các kiến thức liên quan đến giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non; Lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non;	Kiểm tra lần 1	Kiểm tra viết trên lớp	Trong quá trình giảng 15 tiết lý thuyết
- Vận dụng được các bước lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non; - Đưa ra được nhận xét, đánh giá về quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non theo các tiêu chí.	Kiểm tra lần 2	Kiểm tra viết trên lớp	Trong quá trình thực hành 30 tiết
- Đánh giá quá trình tham gia học của người học thông qua việc xây dựng bài trên lớp, chữa bài tập, đi học đầy đủ .	Điểm chuyên cần, điểm TX	Giáo viên đánh giá	Sau khi kết thúc môn học
- Trình bày, phân tích các vấn đề cơ bản về giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non, lập kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non	Thi kết thúc môn học	Thi viết	Kết thúc học kỳ

5. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

Ngân hàng câu hỏi được xây dựng theo các mức độ Nhớ, Hiểu, Áp dụng, Phân tích phù hợp với các yêu cầu của chuẩn đầu ra ở mục 2

6. Đề kiểm tra, thi

CƠ CẤU ĐỀ THI, KIỂM TRA

Kiểm tra lần 1	Tự luận
Kiểm tra lần 2	Thực hành
Thi kết thúc môn học	Gồm 2 phần: - Phần lý thuyết: 01-02 câu hỏi tự luận - Phần bài tập: 01 bài tập

7. Ngưỡng đánh giá người học

Điểm D: người học đáp ứng các yêu cầu đánh giá của môn học ở mức độ nhớ được các nội dung lý thuyết.

Điểm C: người học đạt mức điểm D và phải thể hiện rằng hiểu được vấn đề trong bài kiểm tra, bài thi.

Điểm B: người học đạt mức điểm C và phải thể hiện khả năng lập luận logic, mạch lạc, biết ứng dụng các nội dung trong các trường hợp thực tế ở bài kiểm tra, bài thi.

Điểm A: người học đạt mức điểm B và phải thể hiện tư duy tổng hợp cao trong bài thi, kiểm tra; biết cách phân tích, vận dụng lý thuyết, các thông tin, minh chứng và lập luận xác đáng thuyết phục cao khi đưa ra các kết luận.

8. Kết quả đánh giá môn học

Thực hiện theo quy chế đào tạo: Điểm môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sau khi làm tròn được chuyển thành điểm chữ như sau

a) Loại đạt:	A	8,5 - 10	giỏi
	B	7,0 - 8,4	khá
	C	5,5 - 6,9	trung bình
	D	4,0 - 5,4	trung bình yếu
b) Loại không đạt:	F	dưới 4,0	kém

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC

NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

I. Môn học: PP phát triển ngôn ngữ và làm quen văn học

1. Mục tiêu chung của môn học

- Phần I: Phương pháp phát triển ngôn ngữ mục tiêu cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về nhiệm vụ, hình thức, phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non, hướng dẫn cách thức tiến hành cho trẻ làm quen với tiếng, từ, câu và chữ viết.

- Phần II: Phương pháp cho trẻ làm quen văn học mục tiêu cung cấp cho sinh viên một số kiến thức về vai trò, nhiệm vụ, phương pháp và hình thức cho trẻ làm quen tác phẩm văn học, cách lựa chọn, sử dụng các tác phẩm văn học trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp cho trẻ trong trường mầm non.

- Về phần thực hành chung của 2 phần rèn cho sinh viên kỹ năng soạn giáo án và tổ chức các hoạt động học có chủ đích, đồng thời nhận xét, đánh giá kết quả việc tổ chức tiết dạy trên lớp, vận dụng những kiến thức, kỹ năng được học để giải quyết các tình huống sư phạm.

2. Chuẩn đầu ra của môn học

Để hoàn thành môn học, người học phải đạt được:

- Phân tích được những kiến thức cơ bản về nhiệm vụ, hình thức và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non. Giới thiệu khái quát về giáo dục chuẩn mực ngữ âm tiếng Việt, khái quát đặc điểm vốn từ trẻ em, các nhiệm vụ và biện pháp phát triển vốn từ, đặc trưng của việc dạy trẻ nói đúng ngữ pháp tiếng Việt. Hiểu và nắm được cách thức tiến hành cho trẻ mầm non làm quen với từ, câu và chữ viết.

- Trình bày, phân tích được vai trò, ý nghĩa của môn học đối với trẻ mầm non; đặc điểm thơ, truyện viết cho trẻ mầm non và một số đặc điểm tâm lý trẻ mầm non liên quan đến việc tiếp nhận tác phẩm văn học.

- Trình bày được khái niệm và phân tích các phương pháp, hình thức cho trẻ làm quen TPVH, biết cách sử dụng phối hợp các phương pháp, hình thức tổ chức cho trẻ làm quen với văn học; biết thiết kế hoạt động và quá trình tổ chức thực hiện.

- Vận dụng những kiến thức đã học để lựa chọn, xây dựng, thiết kế và tổ chức hoạt động học có chủ đích theo hướng tích hợp nhiều nội dung nhằm hình thành đa dạng những kiến thức và kỹ năng cho trẻ mầm non.

- Biết nhận xét, đánh giá, vận dụng những kiến thức, kỹ năng để xử lý những tình huống sư phạm trong quá trình tổ chức hoạt động cho trẻ mầm non.

3. Các yêu cầu đánh giá

Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh/ thể hiện được khả năng:

- Phân tích được những kiến thức cơ bản về nhiệm vụ, hình thức và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non. Giới thiệu khái quát về giáo dục chuẩn mực ngữ âm tiếng Việt, khái quát đặc điểm vốn từ trẻ em, các nhiệm vụ và biện pháp phát triển vốn từ, đặc trưng của việc dạy trẻ nói đúng ngữ pháp tiếng Việt. Hiểu và nắm được cách

- Chỉ ra được có mấy nhiệm vụ, hình thức, phương pháp, phân tích từng nhiệm vụ, hình thức, phương pháp, lấy ví dụ minh họa, nêu mối quan hệ của các nhiệm vụ, hình thức, phương pháp đó trong việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ.

- Khái quát về giáo dục chuẩn mực ngữ âm tiếng Việt: Khái niệm, nhiệm vụ, nội dung và hình thức giáo dục chuẩn mực ngữ âm tiếng Việt.

- Khái quát về phát triển vốn từ cho trẻ: Đặc điểm vốn từ của trẻ, nhiệm vụ và biện pháp.

thức tiến hành cho trẻ mầm non làm quen với từ, câu và chữ viết.	- Khái quát về đặc trưng dạy trẻ nói đúng ngữ pháp tiếng Việt: đặc điểm ngữ pháp của trẻ trong các giai đoạn khác nhau, nội dung, phương pháp dạy trẻ đặt câu. - Khái quát nội dung cho trẻ làm quen với chữ viết: Nội dung, phương pháp và quy trình tổ chức cho trẻ làm quen với chữ viết.
- Trình bày, phân tích được vai trò, ý nghĩa của môn học đối với trẻ mầm non; đặc điểm thơ, truyện viết cho trẻ mầm non và một số đặc điểm tâm lý trẻ mầm non liên quan đến việc tiếp nhận tác phẩm văn học. - Trình bày được khái niệm và phân tích các phương pháp, hình thức cho trẻ làm quen TPVH, biết cách sử dụng phối hợp các phương pháp, hình thức tổ chức cho trẻ làm quen với văn học; biết thiết kế hoạt động và quá trình tổ chức thực hiện.	- Lấy ví dụ để phân tích làm rõ vai trò, ý nghĩa của môn học đối với trẻ mầm non; đặc điểm thơ, truyện viết cho trẻ mầm non và một số đặc điểm tâm lý trẻ mầm non liên quan đến việc tiếp nhận tác phẩm văn học. - Khái niệm các phương pháp cho trẻ làm quen TPVH: PP dùng lời, PP trực quan, PP thực hành,.... - Phân tích được tác dụng, cách tiến hành các phương pháp khi tổ chức cho trẻ làm quen TPVH. - Nêu được có mấy hình thức cho trẻ LQTPVH, trình bày được nội dung từng hình thức đó trong việc tổ chức cho trẻ LQTPVH. - Nêu mối quan hệ của các phương pháp và hình thức đó trong việc tổ chức cho trẻ LQTPVH. - Xác định và nắm được quy trình tổ chức cho trẻ làm quen TPVH.
- Vận dụng những kiến thức đã học để lựa chọn, xây dựng, thiết kế và tổ chức hoạt động học có chủ đích theo hướng tích hợp nhiều nội dung nhằm hình thành đa dạng những kiến thức và kỹ năng cho trẻ mầm non.	- Biết soạn giáo án, lập kế hoạch bài học theo hướng tích hợp nhiều nội dung phong phú, phù hợp với chủ đề, chủ điểm, phù hợp với khả năng nhận thức và nhu cầu hứng thú của trẻ ở các độ tuổi khác nhau, kết hợp đan xen linh hoạt các hoạt động động - tĩnh. - Thực hành tập giảng được nội dung phát triển ngôn ngữ và LQTPVH cho trẻ mầm non
- Biết nhận xét, đánh giá, vận dụng những kiến thức, kỹ năng để xử lý những tình huống sư phạm trong quá trình tổ chức hoạt động cho trẻ mầm non.	- Đánh giá những ưu, nhược điểm của tiết dạy, rút kinh nghiệm cho bản thân. -- Vận dụng hiểu biết để xử lý các tình huống sư phạm trong thực tế.

4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học của người học

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm
- Phân tích được những kiến thức cơ bản về nhiệm vụ, hình thức và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non. Giới thiệu khái quát về giáo dục chuẩn mực ngữ âm tiếng Việt, khái quát đặc điểm vốn từ trẻ em, các nhiệm vụ và biện pháp phát triển vốn từ, đặc trưng của việc dạy trẻ nói đúng ngữ pháp tiếng Việt. Hiểu và nắm được cách thức tiến hành cho trẻ mầm non làm quen với từ, câu và chữ viết.	Kiểm tra lần 1	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 15 tiết giảng

- Vận dụng những kiến thức đã học để lựa chọn, xây dựng và thiết kế hoạt động học có chủ đích theo hướng tích hợp nhiều nội dung nhằm hình thành đa dạng những kiến thức và kỹ năng cho trẻ mầm non. - Biết nhận xét, đánh giá, vận dụng những kiến thức, kỹ năng để xử lý những tình huống sư phạm trong quá trình tổ chức hoạt động cho trẻ mầm non.	- Kiểm tra lần 2	- Kiểm tra trên lớp thông qua hoạt động thực hành tập giảng của SV	- Sau 15 tiết và 45 tiết.
- Trình bày, phân tích được vai trò, ý nghĩa của môn học đối với trẻ mầm non; đặc điểm thơ, truyện viết cho trẻ mầm non và một số đặc điểm tâm lý trẻ mầm non liên quan đến việc tiếp nhận tác phẩm văn học. - Trình bày được khái niệm và phân tích các phương pháp, hình thức cho trẻ làm quen TPVH, biết cách sử dụng phối hợp các phương pháp, hình thức tổ chức cho trẻ làm quen với văn học; biết thiết kế hoạt động và quá trình tổ chức thực hiện.	- Kiểm tra lần 3	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 45 tiết giảng
- Đánh giá quá trình tham gia học của người học thông qua việc xây dựng bài trên lớp, thực hành tập giảng, đi học đầy đủ.	Điểm chuyên cần	Giáo viên đánh giá	Sau khi kết thúc môn học
- Đánh giá khả năng nhận thức chung của người học sau khi kết thúc học phần	Thi kết thúc môn học	Thi viết	Kết thúc học kỳ

5. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

Ngân hàng câu hỏi được xây dựng theo các mức độ Nhớ, Hiểu, Vận dụng, Phân tích phù hợp với các yêu cầu của chuẩn đầu ra ở mục 2.

6. Đề kiểm tra, đề thi

CƠ CẤU ĐỀ THI, KIỂM TRA

Kiểm tra lần 1	Tự luận, vận dụng liên hệ
Kiểm tra lần 2	Thực hành tập giảng, xử lý tình huống sư phạm.
Kiểm tra lần 3	Tự luận, vận dụng liên hệ
Thi kết thúc môn học	Gồm 2 phần -Phần lý thuyết: Câu hỏi lý thuyết liên quan đến nội dung môn học học phần, vận dụng liên hệ bản thân. -Phần bài tập: soạn giáo án

7. Ngưỡng đánh giá người học

- **Điểm D:** người học đáp ứng các yêu cầu đánh giá của môn học ở mức độ nhớ được các nội dung lý thuyết.

- **Điểm C:** người học đạt mức điểm D và phải thể hiện rằng hiểu được vấn đề trong bài kiểm tra, bài thi.

- **Điểm B:** người học đạt mức điểm C và phải thể hiện khả năng lập luận logic, mạch lạc, biết

vận dụng, liên hệ các nội dung lý thuyết trong bài kiểm tra, bài thi vào thực tế.

- **Điểm A:** người học đạt mức điểm B và phải thể hiện tư duy tổng hợp cao trong bài thi, kiểm tra; biết cách phân tích, tổng hợp, vận dụng lý thuyết để đưa ra các cách vận dụng, liên hệ trong thực tế một cách sáng tạo, linh hoạt.

8. Kết quả đánh giá môn học

Thực hiện theo quy chế đào tạo: Điểm môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sau khi làm tròn được chuyển thành điểm chữ như sau

a) Loại đạt:	A	8,5 - 10	giỏi
	B	7,0 - 8,4	khá
	C	5,5 - 6,9	trung bình
	D	4,0 - 5,4	trung bình yếu
b) Loại không đạt:	F	dưới 4,0	kém

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC

NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON

TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

I. Môn học: VỆ SINH DINH DƯỠNG

1. Mục tiêu chung của môn học

- Môn học cung cấp cho người học những kiến thức kỹ năng về vệ sinh ở trường mầm non, vệ sinh chăm sóc trẻ, cung cấp khái niệm về dinh dưỡng - tầm quan trọng của nó, các chất dinh dưỡng cần thiết cho cơ thể. Các kiến thức cơ bản về thực phẩm nguồn gốc động vật - thực vật, dinh dưỡng trẻ em theo lứa tuổi. Cách chế biến các món ăn cho trẻ nhà trẻ, mẫu giáo và công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ mầm non.

2. Chuẩn đầu ra của môn học

- Trình bày được những yêu cầu cơ bản về vệ sinh ở trường mầm non. Vệ sinh chăm sóc trẻ độ tuổi nhà trẻ, mẫu giáo

- Trình bày được khái niệm về dinh dưỡng và vai trò của dinh dưỡng đối với sự phát triển cơ thể trẻ em

- Hiểu được vai trò của năng lượng, nguồn cung cấp năng lượng đối với cơ thể, hậu quả của việc cung cấp thiếu thừa năng lượng

- Trình bày được các chất dinh dưỡng cần thiết đối cơ thể: Prôtein, Li pít, Glu xít, vi ta min, các chất khoáng, vai trò nguồn gốc nhu cầu của chúng đối với cơ thể người.

- Trình bày được nguyên tắc dinh dưỡng cho trẻ em từ 6 tháng tới 6 tuổi

- Nhớ được khái niệm và các bước xây dựng khẩu phần, thực đơn.

- Có kỹ năng vệ sinh lớp, trường mầm non và vệ sinh chăm sóc cá nhân cho trẻ.

- Có kỹ năng xây dựng thực đơn và khẩu phần ăn cho trẻ ở trường MN

- Kỹ năng tổ chức bữa ăn và chế biến các món ăn cho trẻ

3. Các yêu cầu đánh giá

Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh/ thể hiện được khả năng:	
- Trình bày được những yêu cầu cơ bản về vệ sinh ở trường mầm non. Vệ sinh chăm sóc trẻ độ tuổi nhà trẻ, mẫu giáo	- Trình bày được yêu cầu về địa điểm xây dựng trường mầm non. - Trình bày được yêu cầu vệ sinh các loại đồ dùng, dụng cụ, đồ chơi. - Trình bày được yêu cầu vệ sinh trường lớp - Mô tả được quy trình rửa mặt, rửa tay cho trẻ nhà trẻ. - Mô tả được quy trình hướng dẫn trẻ mẫu giáo rửa mặt, rửa tay.
- Trình bày được khái niệm về dinh dưỡng và vai trò của dinh dưỡng đối với sự phát triển cơ thể trẻ em	- Trình bày được khái niệm thế nào là dinh dưỡng. - Trình bày được vai trò của dinh dưỡng đối với sự phát triển cơ thể trẻ em.
- Hiểu được vai trò của năng lượng, nguồn cung cấp năng lượng đối với cơ thể, hậu quả của việc cung cấp thiếu thừa năng lượng	- Trình bày được nguồn gốc của năng lượng. - Trình bày được vai trò của năng lượng đối với cuộc sống của con người. - Trình bày được nhu cầu năng lượng hàng ngày của con người và hậu quả của việc thừa thiếu năng lượng.

- Trình bày được các chất dinh dưỡng cần thiết đối cơ thể: Prôtêin, Li pít, Glu xít, vi ta min , các chất khoáng ,vai trò nguồn gốc nhu cầu của chúng đối với cơ thể người.	- Nêu được vai trò chung của Protein; Lipit; Gluxit; vitamin; khoáng chất đối với cơ thể - Trình bày được vai trò, nguồn gốc, nhu cầu của Protein; Lipit; Gluxit và một số vitamin; khoáng chất quan trọng đối với cơ thể. - Trình bày cách phòng chống thiếu hụt Protein; Lipit; Gluxit và một số loại vitamin; khoáng chất quan trọng.
- Trình bày được nguyên tắc dinh dưỡng cho trẻ em từ 6 tháng tới 6 tuổi	- Nêu đặc điểm cơ quan tiêu hóa và tiêu hóa của trẻ em ở các nhóm tuổi. - Trình bày được chế độ ăn của trẻ ở các nhóm tuổi. - Liệt kê được những thực phẩm cần cho trẻ trong một bữa ăn. - Trình bày được phương pháp cho trẻ ăn. - Mô tả được cách chế biến thức ăn cho trẻ phù hợp với độ tuổi.
- Nhớ được khái niệm và các bước xây dựng khẩu phần, thực đơn.	-Trình bày được khái niệm thực đơn, khái niệm khẩu phần. -Trình bày được các nguyên tắc xây dựng thực đơn và khẩu phần -Trình bày các bước xây dựng nên 1 thực đơn phù hợp theo mùa và điều kiện kinh tế của nhà trường. -Trình bày các bước xây dựng khẩu phần chuẩn phù hợp với độ tuổi, đảm bảo nhu cầu năng lượng, cân đối giữa các chất.
- Có kỹ năng vệ sinh lớp, trường mầm non và vệ sinh chăm sóc cá nhân cho trẻ.	-Lựa chọn các biện pháp vệ sinh trường, lớp phù hợp. - Thực hiện vệ sinh các loại đồ dùng, dụng cụ, đồ chơi. - Thực hiện rửa mặt, rửa tay cho trẻ nhà trẻ. -Thực hiện hướng dẫn trẻ mẫu giáo rửa mặt, rửa tay.
- Có kỹ năng xây dựng thực đơn và khẩu phần ăn cho trẻ ở trường MN	-Xây dựng thực đơn phù hợp theo mùa và điều kiện kinh tế của nhà trường. -Xây dựng khẩu phần chuẩn phù hợp với độ tuổi, đảm bảo nhu cầu năng lượng, cân đối giữa các chất.
- Kỹ năng tổ chức bữa ăn và chế biến các món ăn cho trẻ	-Tổ chức bữa ăn phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường và phù hợp với trẻ ở các nhóm tuổi. -Chế biến món ăn theo thực đơn và khẩu phần đã quy định của nhà trường đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học của người học

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm
--------------	--------------------	-------------------------	-----------

- Trình bày được những yêu cầu cơ bản về vệ sinh ở trường mầm non .Vệ sinh chăm sóc trẻ độ tuổi nhà trẻ, mẫu giáo - Trình bày được khái niệm về dinh dưỡng và vai trò của dinh dưỡng đối với sự phát triển cơ thể trẻ em - Hiểu được vai trò của năng lượng , nguồn cung cấp năng lượng đối với cơ thể , hậu quả của việc cung cấp thiếu thừa năng lượng - Trình bày được các chất dinh dưỡng cần thiết đối cơ thể: Prôtein, Li pít, Glu xít, vi ta min , các chất khoáng ,vai trò nguồn gốc nhu cầu của chúng đối với cơ thể người. - Trình bày được nguyên tắc dinh dưỡng cho trẻ em từ 6 tháng tới 6 tuổi - Nhớ được khái niệm và các bước xây dựng khẩu phần, thực đơn.	Kiểm tra lần 1	Kiểm tra viết trên lớp	Sau 15 tiết giảng
- Có kỹ năng vệ sinh lớp, trường mầm non và vệ sinh chăm sóc cá nhân cho trẻ. - Có kỹ năng xây dựng thực đơn và khẩu phần ăn cho trẻ ở trường MN - Kỹ năng tổ chức bữa ăn và chế biến các món ăn cho trẻ	Kiểm tra lần 2	Kiểm tra thực hành trên lớp	Sau 40 tiết giảng
Đánh giá quá trình tham gia học của người học thông qua việc xây dựng bài trên lớp, chữa bài tập, đi học đầy đủ .	Điểm chuyên cần	Giáo viên đánh giá	Sau khi kết thúc môn học
- Trình bày được những yêu cầu cơ bản về vệ sinh ở trường mầm non .Vệ sinh chăm sóc trẻ độ tuổi nhà trẻ, mẫu giáo - Trình bày được khái niệm về dinh dưỡng và vai trò của dinh dưỡng đối với sự phát triển cơ thể trẻ em -Hiểu được vai trò của năng lượng , nguồn cung cấp năng lượng đối với cơ thể , hậu quả của việc cung cấp thiếu thừa năng lượng -Trình bày được các chất dinh dưỡng cần thiết đối cơ thể: Prôtein, Li pít, Glu xít, vi ta min , các chất khoáng ,vai trò nguồn gốc nhu cầu của chúng đối với cơ thể người. - Trình bày được nguyên tắc dinh dưỡng cho trẻ em từ 6 tháng tới 6 tuổi - Nhớ được khái niệm và các bước xây	Thi kết thúc môn học	Thi viết	Kết thúc học kỳ

dụng khẩu phần, thực đơn.			
---------------------------	--	--	--

5. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

Ngân hàng câu hỏi được xây dựng theo các mức độ Nhớ, Hiểu, Vận dụng, Phân tích phù hợp với các yêu cầu của chuẩn đầu ra ở mục 2.

6. Đề kiểm tra, đề thi

Kiểm tra lần 1	Thi lý thuyết
Kiểm tra lần 2	Thực hành
Thi kết thúc môn học	Thi lý thuyết

7. Ngưỡng đánh giá người học

Điểm D: người học đáp ứng các yêu cầu đánh giá của môn học ở mức độ nhớ được các nội dung lý thuyết.

Điểm C: người học đạt mức điểm D và phải thể hiện rằng hiểu được vấn đề trong bài kiểm tra, bài thi.

Điểm B: người học đạt mức điểm C và phải thể hiện khả năng lập luận logic, mạch lạc, biết ứng dụng các nội dung trong các trường hợp thực tế ở bài kiểm tra, bài thi.

Điểm A: người học đạt mức điểm B và phải thể hiện tư duy tổng hợp cao trong bài thi, kiểm tra; biết cách phân tích, vận dụng lý thuyết, các thông tin, minh chứng và lập luận xác đáng thuyết phục cao khi đưa ra các kết luận.

8. Kết quả đánh giá môn học

Thực hiện theo quy chế đào tạo: Điểm môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sau khi làm tròn được chuyển thành điểm chữ như sau

a) Loại đạt:	A	8,5 - 10	giỏi
	B	7,0 - 8,4	khá
	C	5,5 - 6,9	trung bình
	D	4,0 - 5,4	trung bình yếu
b) Loại không đạt:	F	dưới 4,0	kém

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC

NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

I. Môn học: KIẾN TẬP SỰ PHẠM

1. Mục tiêu chung của môn học

Giúp người học khắc sâu lý thuyết về tâm lý học, giáo dục học, tâm lý học lứa tuổi Mầm non, tâm lý học sư phạm, PPDH các môn học để dự giờ, học hỏi, rèn luyện, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào giải quyết vấn đề, các tình huống sư phạm tại trường thực hành Mầm non; Nắm bắt tình hình thực tiễn địa phương, thực tiễn giáo dục ở trường Mầm non, thực hành công tác dạy học, nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho trẻ, công tác chủ nhiệm lớp, tổ chức lễ hội nhằm hoàn thiện dần các kỹ năng nghề và phát triển năng lực của giáo viên Mầm non.

2. Chuẩn đầu ra của môn học

*** Về kiến thức**

- Mô tả được nội dung chương trình giáo dục mầm non
- Quan sát, mô tả khái quát về công việc tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ của cô giáo Mầm non trong một ngày tại các nhóm lớp. Tập so sánh, đối chiếu giữa lý luận với thực tiễn để đưa ra những nhận xét, đánh giá về công tác tổ chức các hoạt động chuyên môn của GVMN, của bản thân và bạn bè trong lớp.
- Quan sát, trình bày khái quát về công việc, cách thức tổ chức thực hiện công việc của cô nấu ăn các chế độ ăn cho trẻ theo từng độ tuổi (Nhà trẻ - Mẫu giáo) ở nhà bếp trong trường Mầm non.
- Quan sát và phân tích được cách bố trí, sắp xếp các đồ dùng, đồ chơi trong nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, cách trang trí các góc chơi
- Trên cơ sở được trang bị một số kiến thức lý luận (tâm lý học và giáo dục học), bước đầu tập vận dụng những kiến thức lý luận vào thực tế kiến tập và tham gia tập tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ ở trường Mầm non

*** Về kỹ năng:**

- Rèn kỹ năng quan sát, ghi chép các hoạt động của cô giáo MN và trẻ trong từng nội dung sinh hoạt hàng ngày
- Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đưa ra nhận xét, đánh giá về công tác tổ chức các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ của GVMN, biết đưa ra những bài học kinh nghiệm, định hướng cho bản thân sau này
- Rèn luyện kỹ năng giao tiếp sư phạm, kỹ năng xử lý các tình huống sư phạm với thầy cô, học sinh và phụ huynh.

3. Các yêu cầu đánh giá

- Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh/ thể hiện được khả năng:

Khả năng tìm hiểu chương	+ Mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, điều kiện thực hiện chương trình giáo dục mầm non
--------------------------	---

trình giáo dục mầm non	+ Tìm hiểu công việc của người giáo viên ở trường mầm non
Khả năng quan sát các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ mầm non	+ Quan sát, tìm hiểu nhóm trẻ + Tập giao tiếp với trẻ; Tìm hiểu khả năng phát triển của trẻ nhà trẻ và trẻ mẫu giáo + Tham gia dự giờ tổ chức các hoạt động (hoạt động học có chủ đích, hoạt động chơi, ăn, ngủ, vệ sinh, lễ hội...) cho trẻ mầm non theo kế hoạch chung + Biết cách ghi chép các nội dung dự giờ + Biết cách nhận xét, đánh giá hoạt động và rút kinh nghiệm cho bản thân + Biết cách lựa chọn và tự làm đồ dùng đồ chơi cho trẻ mầm non

4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học của người học

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm
Báo cáo thu hoạch	Điểm hệ số 2	Do giáo viên hướng dẫn đánh giá	Tuần 10 của đợt kiến tập
Ý thức tổ chức kỷ luật	Điểm hệ số 1	Do GV hướng dẫn và tập thể lớp đánh giá	Cuối đợt kiến tập

5. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

Được xây dựng theo hướng dẫn của phòng đào tạo, đơn vị quản lý sinh viên và đáp ứng chuẩn đầu ra môn học, chuẩn đầu ra ngành đào tạo

6. Đề kiểm tra, thi

Được xây dựng theo hướng dẫn của phòng đào tạo, đơn vị quản lý sinh viên và đáp ứng chuẩn đầu ra môn học, chuẩn đầu ra ngành đào tạo

7. Ngưỡng đánh giá người học

Điểm D: người học đáp ứng các yêu cầu đánh giá của môn học ở mức độ nhớ được các nội dung lý thuyết.

Điểm C: người học đạt mức điểm D và phải thể hiện rằng hiểu được vấn đề trong bài kiểm tra, bài thi.

Điểm B: người học đạt mức điểm C và phải thể hiện khả năng lập luận logic, mạch lạc, biết ứng dụng các nội dung trong các trường hợp thực tế ở bài kiểm tra, bài thi.

Điểm A: người học đạt mức điểm B và phải thể hiện tư duy tổng hợp cao trong bài thi, kiểm tra; biết cách phân tích, vận dụng lý thuyết, các thông tin, minh chứng và lập luận xác đáng thuyết phục cao khi đưa ra các kết luận.

8. Kết quả đánh giá môn học

Thực hiện theo quy chế đào tạo: Điểm môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sau khi làm tròn được chuyển thành điểm chữ như sau

a) Loại đạt:	A	8,5 - 10	giỏi
	B	7,0 - 8,4	khá
	C	5,5 - 6,9	trung bình
	D	4,0 - 5,4	trung bình yếu
b) Loại không đạt:	F	dưới 4,0	kém

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC

**NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG**

I. Môn học: Thực hành hoạt động nuôi dưỡng.

1. Mục tiêu chung của môn học

- Quan sát và tổ chức các hoạt động giáo dục vệ sinh (vệ sinh cá nhân trẻ, vệ sinh môi trường) và nuôi dưỡng (nấu ăn, tổ chức bữa ăn cho trẻ theo từng lứa tuổi) ở trường mầm non. Tham gia thảo luận, làm bài tập, thực hành theo chương trình nhằm rèn kỹ năng chăm sóc vệ sinh và nuôi dưỡng trẻ theo hướng phát triển năng lực.

2. Chuẩn đầu ra của môn học

Để hoàn thành môn học, người học phải đạt được:

- Biết xây dựng thực đơn và khẩu phần ăn cho trẻ mầm non, biết chế biến các món ăn cho trẻ.
- Biết tổ chức các hoạt động vệ sinh, chăm sóc trẻ.
- Biết nhận xét, đánh giá được hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ mầm non, vận dụng những kiến thức, kỹ năng cho nghề nghiệp sau này và xử lý những tình huống sư phạm trong quá trình tổ chức vệ sinh chăm sóc trẻ.

3. Các yêu cầu đánh giá

Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh/ thể hiện được khả năng:

- Biết xây dựng thực đơn và khẩu phần ăn cho trẻ mầm non, biết chế biến các món ăn cho trẻ.	- Nêu được nguyên tắc, yêu cầu, nội dung, cách thức xây dựng thực đơn cho trẻ mầm non đảm bảo yêu cầu khoa học. - Biết lựa chọn và thay thế thực phẩm theo mùa, phù hợp điều kiện thực tế của địa phương. - Biết tính khẩu phần ăn và cân đối tỉ lệ các chất dinh dưỡng theo thực đơn. - Nắm được công thức và quy trình chế biến từng món ăn cho trẻ, biết chế biến món ăn cho trẻ sạch sẽ, hợp vệ sinh, thành phẩm thơm, ngon, bắt mắt, mang mùi vị đặc trưng của từng món ăn, đảm bảo đủ dinh dưỡng.
- Biết tổ chức các hoạt động vệ sinh, chăm sóc trẻ.	- SV trình bày, phân tích được kỹ thuật, thao tác vệ sinh cho trẻ ở từng nội dung: rửa mặt, rửa tay, rửa dĩa, quy trình vệ sinh lau nền nhà, phòng nhóm trẻ. - SV trình bày, phân tích được quá trình tổ chức giờ ăn, ngủ cho trẻ. - Thực hành được hoạt động vệ sinh chăm sóc trẻ.
- Biết nhận xét, đánh giá được hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ mầm non, vận dụng những kiến thức, kỹ năng cho nghề nghiệp sau này và xử lý những tình huống sư phạm	- Đánh giá những ưu, nhược điểm trong quá trình quan sát hoạt động, rút kinh nghiệm cho bản thân. - Xử lý được những tình huống sư phạm khi tổ chức hoạt động vệ sinh, chăm sóc trẻ.

trong quá trình tổ chức vệ sinh chăm sóc trẻ.	
---	--

4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học của người học

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm
- Biết xây dựng thực đơn và khẩu phần ăn cho trẻ mầm non, biết chế biến các món ăn cho trẻ.	Kiểm tra lần 1	Kiểm tra làm bài tập vận dụng	Sau 28 tiết thực hành
- Biết tổ chức các hoạt động vệ sinh, chăm sóc trẻ. - Biết nhận xét, đánh giá được hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ mầm non, vận dụng những kiến thức, kỹ năng cho nghề nghiệp sau này và xử lý những tình huống sư phạm trong quá trình tổ chức vệ sinh chăm sóc trẻ.	- Kiểm tra lần 2	- Kiểm tra trên lớp thông qua hoạt động thực hành vệ sinh chăm sóc trẻ.	- Sau 60 tiết
Đánh giá quá trình tham gia học của người học thông qua việc xây dựng bài trên lớp, thực hành, đi học đầy đủ .	Điểm chuyên cần	Giáo viên đánh giá	Sau khi kết thúc môn học
Đánh giá khả năng nhận thức chung của người học sau khi kết thúc học phần	Thi kết thúc môn học	Thi thực hành	Kết thúc học kỳ

5. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

Ngân hàng câu hỏi được xây dựng theo các mức độ Nhớ, Hiểu, Vận dụng, Phân tích phù hợp với các yêu cầu của chuẩn đầu ra ở mục 2.

6. Đề kiểm tra, đề thi

CƠ CẤU ĐỀ THI, KIỂM TRA

Kiểm tra lần 1	Thực hành
Kiểm tra lần 2	Thực hành, xử lý tình huống sư phạm.
Thi kết thúc môn học	Thực hành chế biến món ăn và vệ sinh cho trẻ, phòng nhóm trẻ.

7. Ngưỡng đánh giá người học

- **Điểm D:** người học đáp ứng các yêu cầu đánh giá của môn học ở mức độ nhớ được các nội dung thực hành.
- **Điểm C:** người học đạt mức điểm D và phải vận dụng được nội dung đó để thực hành.
- **Điểm B:** người học đạt mức điểm C và phải thực hiện theo đúng quy trình.
- **Điểm A:** người học đạt mức điểm B và phải thực hiện theo đúng quy trình một cách nhanh nhẹn, linh hoạt, sáng tạo và khoa học.

8. Kết quả đánh giá môn học

Thực hiện theo quy chế đào tạo: Điểm môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sau khi làm tròn được chuyển thành điểm chữ như sau

a) Loại đạt: A 8,5 - 10 giỏi

	B	7,0 - 8,4	khá
	C	5,5 - 6,9	trung bình
	D	4,0 - 5,4	trung bình yếu
b) Loại không đạt:	F	dưới 4,0	kém

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC

**NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG**

I. Môn học: Thực hành hoạt động dạy học

1. Mục tiêu chung của môn học

Học phần nhằm tổ chức cho sinh viên thực hành các hoạt động soạn giáo án, tổ chức hoạt động học có chủ đích theo từng lĩnh vực phát triển (thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm xã hội, thẩm mỹ). Ngoài ra sinh viên còn được tham gia thảo luận, đánh giá nhận xét các hoạt động học có chủ đích.

2. Chuẩn đầu ra của môn học

- Trình bày được cấu trúc giáo án của các hoạt động học có chủ đích theo từng lĩnh vực phát triển (thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm xã hội, thẩm mỹ), mô tả được các tiêu chí đánh giá hoạt động học có chủ đích.
- Xây dựng được giáo án và tổ chức các hoạt động học có chủ đích theo từng lĩnh vực phát triển cho trẻ ở trường mầm non.
- Đánh giá nhận xét về quá trình tổ chức các hoạt động học có chủ đích theo các tiêu chí.

3. Các yêu cầu đánh giá

Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh/ thể hiện được khả năng:	
- Trình bày được cấu trúc giáo án của các hoạt động học có chủ đích theo từng lĩnh vực phát triển (thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm xã hội, thẩm mỹ), mô tả được các tiêu chí đánh giá hoạt động học có chủ đích.	- Trình bày cấu trúc giáo án theo từng lĩnh vực phát triển: phát triển thể chất, phát triển nhận thức, phát triển ngôn ngữ, phát triển tình cảm xã hội, thẩm mỹ. - Mô tả được 6 tiêu chí đánh giá hoạt động học có chủ đích (Chuẩn bị; nội dung; hình thức; phương pháp; tác phong, tư thế và kết quả hoạt động)
- Xây dựng được giáo án và tổ chức các hoạt động học có chủ đích theo từng lĩnh vực phát triển cho trẻ ở trường mầm non.	- Xây dựng được giáo án tổ chức các hoạt động học có chủ đích theo từng lĩnh vực phát triển, giáo án cần xác định rõ: Mục đích yêu cầu; chuẩn bị về phương tiện, đồ dùng của cô và trẻ; dự kiến được các phương pháp sử dụng; quá trình tổ chức hoạt động của cô và trẻ. - Sử dụng phối kết hợp các nguyên tắc, phương pháp, hình thức một cách linh hoạt, sáng tạo trong quá trình tổ chức các hoạt động học có chủ đích
- Đánh giá nhận xét về quá trình tổ chức các hoạt động học có chủ đích theo các tiêu chí.	- Đưa ra đánh giá nhận xét sau khi được dự 1 hoạt động học có chủ đích dựa trên theo 6 tiêu chí cơ bản (Chuẩn bị; nội dung; hình thức; phương pháp; tác phong, tư thế và kết quả hoạt động)

4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học của người học

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm
--------------	--------------------	-------------------------	-----------

- Xây dựng được giáo án hoạt động học có chủ đích theo từng lĩnh vực phát triển cho trẻ ở trường mầm non	Kiểm tra lần 1	Kiểm tra thực hành trên lớp	Sau 30 tiết
- Tổ chức các hoạt động học có chủ đích theo từng lĩnh vực phát triển cho trẻ ở trường mầm non	Kiểm tra lần 2	Kiểm tra thực hành trên lớp	Sau 60 tiết
- Tổ chức các hoạt động học có chủ đích theo từng lĩnh vực phát triển cho trẻ ở trường mầm non	Kiểm tra lần 3	Kiểm tra thực hành trên lớp	Sau 80 tiết
Đánh giá quá trình tham gia học của người học thông qua việc xây dựng bài trên lớp, chữa bài tập, đi học đầy đủ .	Điểm chuyên cần	Giáo viên đánh giá	Sau khi kết thúc môn học
- Xây dựng được giáo án và tổ chức các hoạt động học có chủ đích theo từng lĩnh vực phát triển cho trẻ ở trường mầm non	Thi kết thúc môn học	Thi thực hành	Kết thúc học kỳ

5. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

Ngân hàng câu hỏi được xây dựng theo các mức độ Nhớ, Hiểu, Vận dụng, Phân tích phù hợp với các yêu cầu của chuẩn đầu ra ở mục 2.

6. Đề kiểm tra, đề thi

Kiểm tra lần 1	Thi thực hành
Kiểm tra lần 2	Thi thực hành
Thi kết thúc môn học	Thi thực hành

7. Ngưỡng đánh giá người học

Điểm D: người học đáp ứng các yêu cầu đánh giá của môn học ở mức độ nhớ được các nội dung lý thuyết.

Điểm C: người học đạt mức điểm D và phải thể hiện rằng hiểu được vấn đề trong bài kiểm tra, bài thi.

Điểm B: người học đạt mức điểm C và phải thể hiện khả năng lập luận logic, mạch lạc, biết ứng dụng các nội dung trong các trường hợp thực tế ở bài kiểm tra, bài thi.

Điểm A: người học đạt mức điểm B và phải thể hiện tư duy tổng hợp cao trong bài thi, kiểm tra; biết cách phân tích, vận dụng lý thuyết, các thông tin, minh chứng và lập luận xác đáng thuyết phục cao khi đưa ra các kết luận.

8. Kết quả đánh giá môn học

Thực hiện theo quy chế đào tạo: Điểm môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sau khi làm tròn được chuyển thành điểm chữ như sau

a) Loại đạt:	A	8,5 - 10	giỏi
	B	7,0 - 8,4	khá
	C	5,5 - 6,9	trung bình
	D	4,0 - 5,4	trung bình yếu
b) Loại không đạt:	F	dưới 4,0	kém

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC

NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

I. Môn học 1: Thực tập sư phạm lần 1

1. Mục tiêu chung của môn học

- Củng cố, hệ thống hoá kiến thức, kỹ năng đã được học và thực hành ở năm thứ nhất và để chuẩn bị tốt cho đợt thực tập ở năm thứ ba.

- Giúp sinh viên đi sâu tìm hiểu thực tế giáo dục, tiếp xúc với trẻ và giáo viên trường mầm non. Qua đó hình thành tình cảm nghề nghiệp, thúc đẩy quá trình tự rèn luyện theo yêu cầu của nghề nghiệp.

- Giúp sinh viên sư phạm làm một số công việc về nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non theo chương trình đào tạo giáo viên mầm non trình độ CĐSP do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Chuẩn đầu ra của môn học

Sau đợt thực tập sư phạm lần 1 SV phải đạt được một số mục tiêu sau:

- Bước đầu đáp ứng được chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non

- Thực hiện được một số công việc về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non theo chương trình đào tạo giáo viên mầm non trình độ CĐSP do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành như: giảng dạy, chủ nhiệm, tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ, tổ chức lễ hội ở trường mầm non.

3. Các yêu cầu đánh giá

- Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh/ thể hiện được khả năng

Ý thức tổ chức kỷ luật	- Việc chấp hành nội quy đoàn thực tập, nội quy trường thực tập và những quy định của địa phương nơi trường đóng . - Tinh thần và ý thức tham gia các nội dung thực tập - Mối quan hệ với bạn bè, giáo viên trường thực tập và nhân dân địa phương nơi trường đóng . - ý thức, thái độ, tác phong sư phạm, năng nổ, nhiệt tình với công việc.
Báo cáo thu hoạch	- Trình bày mục tiêu và ý nghĩa của đợt thực tập sư phạm. - Trình bày khái quát tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội và phong trào giáo dục tại địa phương, thực tế nhà trường nơi thực tập và các thành tích đạt được. - Trình bày những thu hoạch của bản thân trong công tác chủ nhiệm - Tự đánh giá lại quá trình thực hiện về thực tập công tác giảng dạy của bản thân.
Chủ nhiệm	-Tinh thần, thái độ ý thức trách nhiệm - Xây dựng kế hoạch chủ nhiệm - Mức độ thực hiện kế hoạch - Sáng tạo trong thực hiện kế hoạch
Giảng dạy	- Chuẩn bị chu đáo đồ dùng dạy học, soạn bài chi tiết, đúng thời gian, có tập giảng. - Nội dung đủ, chính xác và làm bật được trọng tâm, đảm bảo tính vừa sức. - Thực hiện tốt các bước, vận dụng phương pháp hợp lý,

	nhiều sáng tạo. - Ngôn ngữ rõ ràng, truyền cảm, trình bày khoa học, chữ viết sạch, đẹp. - Trẻ chủ động, tích cực tìm hiểu và nắm chắc nội dung buổi dạy.
--	--

4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học của người học

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm
Báo cáo thu hoạch	Điểm hệ số 2	Do trưởng phó ban chỉ đạo trường đánh giá	Kết thúc tuần 2 của đợt thực tập
Ý thức tổ chức kỷ luật	Điểm hệ số 1	Do GV hướng dẫn và trưởng phó ban chỉ đạo trường đánh giá	Cuối đợt thực tập (ngày cuối cùng của tuần 3)
Chủ nhiệm	Điểm hệ số 2	Do giáo viên hướng dẫn chủ nhiệm đánh giá	Cuối đợt thực tập (ngày cuối cùng của tuần 3)
Giảng dạy	Điểm hệ số 2	Do giáo viên hướng dẫn giảng dạy đánh giá	Vào tuần 2 và tuần 3 của đợt thực tập

5. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

Đánh giá theo tài liệu hướng dẫn của phòng đào tạo

6. Đề kiểm tra, đề thi

Đánh giá theo tài liệu hướng dẫn của phòng đào tạo

7. Ngưỡng đánh giá người học

- Tương ứng với điểm số theo thang điểm 10 được quy đổi qua điểm chữ thang điểm 4.

8. Kết quả đánh giá môn học

** Cách tính :*

$$\text{Điểm TTSP} = \frac{[\text{Giảng dạy} + (\text{Báo cáo TH} \times 2) + (\text{Chủ nhiệm} \times 2) + \text{Tổ chức kỷ luật}]}{6}$$

** Xếp loại :*

- Xuất sắc: đạt từ điểm 9 đến 10
- Giỏi: đạt từ điểm 8 đến cận 9
- Khá: đạt từ điểm 7 đến cận 8
- TB khá: đạt từ điểm 6 đến cận 7
- Trung bình: đạt từ điểm 5 đến cận 6
- Không đạt: dưới điểm 5

Lưu ý: sinh viên vắng mặt trên 20% số thời gian quy định của đợt thực tập năm thứ 2, sẽ không được đánh giá kết quả.

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC

**NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG**

I. Môn học 1: Thực tập sư phạm lần 2

1. Mục tiêu chung của môn học

- Nắm vững quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của người giáo viên, trên cơ sở đó phấn đấu trở thành người giáo viên có năng lực chuyên môn vững vàng, đáp ứng yêu cầu của xã hội.
- Giúp sinh viên sư phạm chủ động, sáng tạo trong việc vận dụng các kiến thức đã học, rèn luyện các kỹ năng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ mầm non trong thực tế tại nhà trường mầm non nơi sinh viên thực tập, từ đó hình thành năng lực sư phạm cho bản thân.

2. Chuẩn đầu ra của môn học

Sau đợt thực tập sư phạm lần 2 SV phải đạt được một số mục tiêu sau:

- Đáp ứng được chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non
- Thực hiện được các công việc về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non theo chương trình đào tạo giáo viên mầm non trình độ CĐSP do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành như: giảng dạy, chủ nhiệm, tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ, tổ chức lễ hội ở trường mầm non.

3. Các yêu cầu đánh giá

- Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, người học cần chứng minh/ thể hiện được khả năng

Ý thức tổ chức kỷ luật	- Việc chấp hành nội quy đoàn thực tập, nội quy trường thực tập và những quy định của địa phương nơi trường đóng . - Tinh thần và ý thức tham gia các nội dung thực tập - Mối quan hệ với bạn bè, giáo viên trường thực tập và nhân dân địa phương nơi trường đóng . - ý thức, thái độ, tác phong sư phạm, năng nổ, nhiệt tình với công việc.
Báo cáo thu hoạch	- Trình bày mục tiêu và ý nghĩa của đợt thực tập sư phạm. - Trình bày khái quát tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội và phong trào giáo dục tại địa phương, thực tế nhà trường nơi thực tập và các thành tích đạt được. - Trình bày những thu hoạch của bản thân trong công tác chủ nhiệm - Tự đánh giá lại quá trình thực hiện về thực tập công tác giảng dạy của bản thân.
Chủ nhiệm	-Tinh thần, thái độ ý thức trách nhiệm - Xây dựng kế hoạch chủ nhiệm - Mức độ thực hiện kế hoạch - Sáng tạo trong thực hiện kế hoạch
Giảng dạy	- Chuẩn bị chu đáo đồ dùng dạy học, soạn bài chi tiết, đúng thời gian, có tập giảng. - Nội dung đủ, chính xác và làm bật được trọng tâm, đảm bảo tính vừa sức. - Thực hiện tốt các bước, vận dụng phương pháp hợp lí, nhiều sáng tạo. - Ngôn ngữ rõ ràng, truyền cảm, trình bày khoa học, chữ viết sạch, đẹp.

	- Trê chủ động, tích cực tìm hiểu và nắm chắc nội dung buổi dạy.
--	--

4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học của người học

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm
Báo cáo thu hoạch	Điểm hệ số 1	Do trưởng phó ban chỉ đạo trường đánh giá	Kết thúc tuần 5 của đợt thực tập
Ý thức tổ chức kỷ luật	Điểm hệ số 1	Do GV hướng dẫn và trưởng phó ban chỉ đạo trường đánh giá	Cuối đợt thực tập (ngày cuối cùng của tuần 6)
Chủ nhiệm	Điểm hệ số 2	Do giáo viên hướng dẫn chủ nhiệm đánh giá	Cuối đợt thực tập (ngày cuối cùng của tuần 6)
Giảng dạy	Điểm hệ số 3	Do giáo viên hướng dẫn giảng dạy đánh giá	Từ tuần 2 đến tuần 5 của đợt thực tập

5. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

Đánh giá theo tài liệu hướng dẫn của phòng đào tạo

6. Đề kiểm tra, đề thi

Đánh giá theo tài liệu hướng dẫn của phòng đào tạo

7. Ngưỡng đánh giá người học

- Tương ứng với điểm số theo thang điểm 10 được quy đổi qua điểm chữ thang điểm 4.

8. Kết quả đánh giá môn học

** Cách tính :*

$$\text{Điểm TTSP} = \frac{(\text{Giảng dạy} \times 3) + (\text{Chủ nhiệm} \times 2) + \text{Thu hoạch} + \text{Tổ chức kỷ luật}}{7}$$

** Xếp loại :*

- Xuất sắc: đạt từ điểm 9 đến 10
- Giỏi: đạt từ điểm 8 đến cận 9
- Khá: đạt từ điểm 7 đến cận 8
- TB khá: đạt từ điểm 6 đến cận 7
- Trung bình: đạt từ điểm 5 đến cận 6
- Không đạt: dưới điểm 5

Lưu ý: sinh viên vắng mặt trên 20% số thời gian quy định của đợt thực tập năm thứ 2, sẽ không được đánh giá kết quả.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG
Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin

2. Số tín chỉ: 5 tín chỉ (4-1)

3.Trình độ: Cao đẳng

4. Phân bổ thời gian: Học kỳ 1

- Nghe giảng lý thuyết: 60 tiết
- Thảo luận, kiểm tra: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 180 tiết

5. Điều kiện tiên quyết: Bố trí học năm thứ nhất trình độ đào tạo đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; là môn học đầu tiên của chương trình các môn Lý luận chính trị trong trường đại học, cao đẳng.

6. Mục tiêu học phần:

*** Kiến thức.**

+Trang bị cho người học hệ thống kiến thức gồm các nguyên lý, các quy luật, các phạm trù cơ bản của Triết học, Kinh tế - chính trị học và Chủ nghĩa xã hội khoa học thuộc chủ nghĩa Mác - Lênin; giúp người học hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam:

+ Xác định được những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật.

+ Xác định được những nội dung cơ bản của lí luận nhận thức duy vật biện chứng.

+ Nhận diện được những qui luật chi phối sự vận động và phát triển của xã hội.

+ Chỉ ra được những nội dung cơ bản của học thuyết giá trị và học thuyết giá trị thặng dư của C.Mác.

+ Phác thảo được những nội dung cơ bản của học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước của Lênin.

+ Giúp người học xác định được những nội dung cơ bản về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa.

+ Người học nhận diện được những vấn đề chính trị - xã hội có tính qui luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.

+ Mô tả được những vấn đề cơ bản của CNXH hiện thực và triển vọng của CNXH.

*** Kỹ năng.**

- Người học có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để giải thích và bình luận các hiện tượng mang tính phổ quát diễn ra trong lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy.

- Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để hiểu, giải thích được các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế.

- Trên cơ sở những kiến thức lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin để từ đó giúp người học xác lập cơ sở lý luận để tiếp cận nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và môn học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

- Từng bước hình thành thế giới quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các môn khoa học khác.

- Hình thành được kĩ năng tư duy logic, khoa học cho người học, góp phần rèn luyện năng lực tư duy và thực tiễn cho người học.

*** Năng lực tự chủ và trách nhiệm.**

- Góp phần hình thành ở người học thái độ nghiêm túc trong học tập các môn lý luận chính trị và các môn khoa học chuyên ngành được đào tạo; giúp người học xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho bản thân

- Có ý thức bảo vệ, phổ biến những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, đấu tranh chống lại những quan điểm sai trái.

- Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.
- Củng cố niềm tin và con đường cách mạng mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã chọn, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng CNXH ở nước ta.

7. Mô tả nội dung học phần.

Ngoài 1 chương mở đầu nhằm giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin và một số vấn đề chung của môn học. Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 3 phần, 9 chương:

Phần thứ nhất có 3 chương bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin;

Phần thứ hai có 3 chương trình bày ba nội dung trọng tâm thuộc học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa;

Phần thứ ba có 3 chương, trong đó có 2 chương khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội và 1 chương khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

8. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Suu tầm, nghiên cứu trước giáo trình và các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên;
- Tham dự đầy đủ các giờ giảng của giảng viên và các buổi tổ chức thảo luận dưới sự hướng dẫn và điều khiển của giảng viên theo quy chế.

9. Tài liệu học tập

- Chương trình môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
- Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo biên soạn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản.
- Tài liệu tham khảo: Giáo trình các môn học Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức biên soạn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2007; các tài liệu phục vụ dạy và học Chương trình Lý luận chính trị do Bộ Giáo dục và Đào tạo trực tiếp chỉ đạo, tổ chức biên soạn.

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Theo quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hiện hành.
- Tham gia học lý thuyết và thực hành đầy đủ, kiểm tra thường xuyên, định kì, thi học phần.
- Thang điểm: 10/10

11. Nội dung chi tiết học phần:

Chương mở đầu

NHẬP MÔN NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN (02 Lý thuyết + 01 Thảo luận)

I. Khái lược về chủ nghĩa Mác – Lênin.

II. Đối tượng, mục đích và yêu cầu về phương pháp học tập, nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin.

Chương I: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG.

(04 Lý thuyết + 02 Thảo luận)

I. CHỦ NGHĨA DUY VẬT VÀ CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG

1. Sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học

2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng – hình thức phát triển cao nhất của CNDV

II. QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG VỀ VẬT CHẤT, Ý THỨC VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA VẬT CHẤT VỚI Ý THỨC

1. Vật chất

- a. Phạm trù vật chất
- b. Phương thức và hình thức tồn tại của vật chất
- c. Tính thống nhất vật chất của thế giới.

2. Ý thức

- a, Nguồn gốc của ý thức
- b, Bản chất và kết cấu của ý thức

3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức

- a, Vai trò của vật chất đối với ý thức
- b, Vai trò của ý thức đối với vật chất
- c, Ý nghĩa phương pháp luận

Chương II: PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT (10 Lý thuyết + 05 Thảo luận + 01 Kiểm tra)

I. PHÉP BIỆN CHỨNG VÀ PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT

1. Phép biện chứng và các hình thức cơ bản của phép biện chứng

2. Phép biện chứng duy vật

II. CÁC NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT

1. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến

2. Nguyên lý về sự phát triển

III. CÁC CẠP PHẠM TRÙ CƠ BẢN CỦA PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT

1. Cái chung và cái riêng
2. Nguyên nhân và kết quả
3. Bản chất và hiện tượng
4. Tất nhiên và ngẫu nhiên.
5. Nội dung và hình thức.
6. Khả năng và hiện thực

IV. CÁC QUY LUẬT CƠ BẢN CỦA PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT

1. Quy luật chuyển hóa từ những sự thay đổi về lượng thành những sự thay đổi về chất và ngược lại

2. Quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập
3. Quy luật phủ định của phủ định

V. LÝ LUẬN NHẬN THỨC DUY VẬT BIỆN CHỨNG

1. Thực tiễn, nhận thức và vai trò của thực tiễn với nhận thức.
2. Con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý

Chương III: CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ (10 Lý thuyết + 04 Thảo luận + 01 Kiểm tra)

I. VAI TRÒ CỦA SẢN XUẤT VẬT CHẤT VÀ QUY LUẬT QUAN HỆ SẢN XUẤT PHÙ HỢP VỚI TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN CỦA LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT

1. Sản xuất vật chất và vai trò của nó
2. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

II. BIỆN CHỨNG CỦA CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ KIẾN TRÚC THƯỢNG TẦNG

1. Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng
2. Mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội

III. TỒN TẠI XÃ HỘI QUYẾT ĐỊNH Ý THỨC XÃ HỘI VÀ TÍNH ĐỘC LẬP TƯƠNG ĐỐI CỦA Ý THỨC XÃ HỘI

1. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội
2. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội

IV. HÌNH THÁI KINH TẾ-XÃ HỘI VÀ QUÁ TRÌNH LỊCH SỬ-TỰ NHIÊN CỦA SỰ PHÁT TRIỂN CÁC HÌNH THÁI KINH TẾ-XÃ HỘI

1. Khái niệm, kết cấu hình thái kinh tế-xã hội

2. Quá trình lịch sử-tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế-xã hội

V. VAI TRÒ CỦA ĐẤU TRANH GIAI CẤP VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI ĐỐI VỚI SỰ VẬN ĐỘNG, PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI CÓ ĐỐI KHÁNG GIAI CẤP

1. Giai cấp và vai trò của đấu tranh giai cấp đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp
2. Cách mạng xã hội và vai trò của nó đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp

VI. QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ VỀ CON NGƯỜI VÀ VAI TRÒ SÁNG TẠO LỊCH SỬ CỦA QUẦN CHÚNG NHÂN DÂN

1. Con người và bản chất của con người
2. Khái niệm quần chúng nhân dân và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân và cá nhân

CHƯƠNG IV: HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ

(04 Lý thuyết + 01 Thảo luận)

I. ĐIỀU KIỆN RA ĐỜI, ĐẶC TRƯNG VÀ ƯU THẾ CỦA SẢN XUẤT HÀNG HOÁ

1. Điều kiện ra đời của sản xuất hàng hoá
2. Đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá

II. HÀNG HOÁ

1. Hàng hoá và hai thuộc tính của hàng hoá
2. Tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá
3. Lượng giá trị hàng hoá và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hoá

III. TIỀN TỆ

1. Lịch sử phát triển của hình thái giá trị và bản chất của tiền tệ
2. Chức năng của tiền tệ

IV. QUY LUẬT GIÁ TRỊ

1. Nội dung của quy luật giá trị
2. Tác động của quy luật giá trị

Chương V: HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ

(11 Lý thuyết + 06 Thảo luận + 01 Kiểm tra)

I. SỰ CHUYỂN HÓA CỦA TIỀN TỆ THÀNH TƯ BẢN

1. Công thức chung của tư bản
2. Mâu thuẫn của công thức chung của tư bản
3. Hàng hóa sức lao động

II. QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT RA GIÁ TRỊ THẶNG DƯ

1. Sự thống nhất giữa quá trình sản xuất ra giá trị sử dụng và quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư
2. Bản chất của tư bản. Sự phân chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến
3. Tỷ suất giá trị thặng dư và khối lượng giá trị thặng dư

III. TIỀN CÔNG TRONG CNTB

1. Bản chất của tiền công
2. Hai hình thức cơ bản của tiền công trong CNTB
3. Tiền công danh nghĩa và tiền công thực tế

IV. SỰ CHUYỂN HÓA CỦA GIÁ TRỊ THẶNG DƯ THÀNH TƯ BẢN – TÍCH LŨY TƯ BẢN

1. Thực chất và động cơ của tích lũy tư bản
2. Tích tụ và tập trung tư bản
3. Cấu tạo hữu cơ của tư bản

V. QUÁ TRÌNH LƯU THÔNG CỦA TƯ BẢN VÀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ

1. Tuần hoàn và chu chuyển của tư bản.
2. Tái sản xuất và lưu thông TB xã hội.

VI. CÁC HÌNH THÁI TƯ BẢN VÀ CÁC HÌNH THỨC BIỂU HIỆN CỦA GIÁ TRỊ THẶNG DƯ

1. Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa. Lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận
2. Lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất
3. Sự phân chia giá trị thặng dư giữa các tập đoàn tư bản

CHƯƠNG VI: HỌC THUYẾT VỀ CNTB ĐỘC QUYỀN VÀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC

(04 Lý thuyết + 01 Kiểm tra)

I. CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN

1. Bước chuyển từ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh sang chủ nghĩa tư bản độc quyền
2. Năm đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền
3. Sự hoạt động của quy luật giá trị và quy luật giá trị thặng dư trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền

II. CNTB ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC

1. Nguyên nhân ra đời và bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước
2. Những biểu hiện của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

III. CHỦ NGHĨA TƯ BẢN NGÀY NAY VÀ NHỮNG BIỂU HIỆN CỦA NÓ

1. Những biểu hiện mới trong năm đặc điểm của chủ nghĩa tư bản độc quyền
2. Những biểu hiện mới trong cơ chế điều tiết kinh tế của CNTB độc quyền nhà nước.
3. Những nét mới trong sự phát triển của CNTB hiện đại

IV. VAI TRÒ, GIỚI HẠN VÀ XU HƯỚNG VẬN ĐỘNG CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

1. Vai trò của chủ nghĩa tư bản đối với sự phát triển của nền sản xuất xã hội
2. Hạn chế của chủ nghĩa tư bản
3. Xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản

CHƯƠNG VII: SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

(06 Lý thuyết + 02 Thảo luận)

I. SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GCCN

1. Giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của nó
2. Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân
3. Vai trò của Đảng Cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của GCCN

II. CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Cách mạng xã hội chủ nghĩa và nguyên nhân của nó
2. Mục tiêu, động lực và nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa

III. HÌNH THÁI KINH TẾ-XÃ HỘI CỘNG SẢN CHỦ NGHĨA

1. Xu thế tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa
2. Các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa

Chương VIII: NHỮNG VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ - XH CÓ TÍNH QUY LUẬT TRONG TIẾN TRÌNH CMXHCN. (07 Lý thuyết + 03 Thảo luận)

I. XÂY DỰNG NỀN DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa
2. Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa

II. XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Khái niệm nền văn hóa xã hội chủ nghĩa
2. Tính tất yếu của việc xây dựng nền văn hoá XNCH
3. Nội dung và phương thức xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa

III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

1. Vấn đề dân tộc và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc
2. Vấn đề tôn giáo và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo
 - a, Khái niệm tôn giáo

- b, Vấn đề tôn giáo trong tiến trình xây dựng CNXH
- c, Các quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề TG

Chương IX: CNXH HIỆN THỰC VÀ TRIỂN VỌNG.

(02 Lý thuyết + 01 Kiểm tra + 01 Ôn tập)

I. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HIỆN THỰC

- 1. Cách mạng Tháng Mười Nga và mô hình CNXH hiện thực đầu tiên trên thế giới
- 2. Sự ra đời của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa và những thành tựu của nó

II. SỰ KHỦNG HOẢNG, SỤP ĐỔ CỦA MÔ HÌNH CHỦ NGHĨA XÃ HỘI XÔVIẾT VÀ NGUYÊN NHÂN CỦA NÓ

- 1. Sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết
- 2. Nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết

III. TRIỂN VỌNG CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

- 1. Chủ nghĩa tư bản không phải là tương lai của xã hội loài người
- 2. Chủ nghĩa xã hội – tương lai của xã hội loài người

12. Cấp phê duyệt

13. Ngày phê duyệt

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG
Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

2. Số tín chỉ: 2(1.1)

3. Trình độ: Cao đẳng

4. Phân bố thời gian: Học kỳ 2

- Lý thuyết: 15 tiết

- Thực hành, kiểm tra: 30 tiết

5. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải học xong môn học Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin.

6. Mục tiêu học phần:

- Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá, Hồ Chí Minh.

- Tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin.

- Cùng với môn học *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin* tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta.

- Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.

7. Mô tả nội dung học phần:

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.

8. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Phải nghiên cứu giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng. Chuẩn bị thảo luận và đọc, sưu tầm các tài liệu có liên quan đến nội dung của chương.

- Dành thời gian cho việc nghiên cứu trước bài giảng dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

- Tham dự các buổi thảo luận, các buổi lên lớp theo quy định.

9. Tài liệu học tập

- Chương trình môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo biên soạn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản.

- Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh do Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh chỉ đạo biên soạn.

- Sách tham khảo: các tài liệu hướng dẫn học tập, nghiên cứu Tư tưởng Hồ Chí Minh của Ban Tuyên giáo TW.

- Hồ Chí Minh: toàn tập, tuyển tập, đĩa CDROM Hồ Chí Minh toàn tập.

- Các Nghị quyết, Văn kiện của Đảng.

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Theo quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hiện hành.

- Tham gia học lý thuyết và thực hành đầy đủ, kiểm tra thường xuyên, định kì, thi học phần

- Vận dụng được kiến thức lý thuyết đã học vào thực tế cuộc sống và chuyên ngành của sinh viên

- Thang điểm: 10/10

11. Nội dung chi tiết học phần:

Chương mở đầu

**ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA
HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**

(01 Lý thuyết + 01 Thảo luận)

I. Đối tượng nghiên cứu

1. Khái niệm tư tưởng và tư tưởng Hồ Chí Minh.
2. Đối tượng và nhiệm vụ của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh
3. Mối quan hệ của môn học này với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin và môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

II. Phương pháp nghiên cứu

1. Cơ sở phương pháp luận.
2. Các phương pháp cụ thể.

III. Ý nghĩa của việc học tập môn học đối với sinh viên

1. Nâng cao năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác.
2. Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng và rèn luyện bản lĩnh chính trị.

Chương I

**CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**

(03 Lý thuyết + 03 Thảo luận)

I. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.

1. Cơ sở khách quan.
2. Nhân tố chủ quan.

II. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh

1. Thời kỳ trước năm 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cứu nước.
2. Thời kỳ từ năm 1911-1920: Tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc.
3. Thời kỳ từ 1921-1930: Hình thành cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam.
4. Thời kỳ từ 1930-1945: Vượt qua thử thách, kiên trì giữ vững lập trường cách mạng.
5. Thời kỳ 1945-1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện.

III. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường giải phóng và phát triển dân tộc.
2. Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển thế giới.

Chương II

**TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC**

(02 Lý thuyết + 03 Thảo luận)

I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc

1. Vấn đề dân tộc thuộc địa.
2. Mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp.

II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc

1. Tính chất, nhiệm vụ và mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc.
2. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản.
3. Cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo.
4. Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc

5. Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc

6. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng con đường cách mạng bạo lực.

III. Kết luận.

1. Làm phong phú học thuyết Mác-Lênin về cách mạng thuộc địa.

2. Soi đường thắng lợi cho cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam

Chương III

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

(02 Lý thuyết + 03 Thảo luận + 01 Kiểm tra)

I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH ở Việt Nam.

1. Tính tất yếu của CNXH ở Việt Nam.

2. Quan niệm Hồ Chí Minh về đặc trưng, bản chất của CNXH ở VN.

a. Cách tiếp cận của Hồ Chí Minh về CNXH

b. Đặc trưng, bản chất của CNXH ở VN.

3. Quan niệm Hồ Chí Minh về mục tiêu, động lực của CNXH ở VN.

II. Con đường, biện pháp quá độ lên CNXH ở Việt Nam.

1. Đặc điểm, nhiệm vụ của thời kì quá độ lên CNXH ở Việt Nam.

2. Những chỉ dẫn có tính định hướng về nguyên tắc, bước đi, biện pháp thực hiện trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

III. Kết luận.

1. Kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH.

2. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân...

3. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

4. Chăm lo xây dựng Đảng vững mạnh..., để xây dựng CNX

Chương IV

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

(02 Lý thuyết+ 03 Thảo luận)

I. Quan niệm của Hồ Chí Minh về vai trò và bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam.

1. Về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam.

4. Quan niệm về Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền

II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh.

1. Xây dựng Đảng-Quy luật tồn tại và phát triển của Đảng.

2. Nội dung công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam

III. Kết luận

1. Về chính trị

2. Về tư tưởng

3. Về tổ chức

4. Về đạo đức, lối sống

Chương V

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ

(02 Lý thuyết + 03 Thảo luận+ 01 Kiểm tra)

I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc.

1. Vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng.

2. Lực lượng đại đoàn kết dân tộc

3. Hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc.

II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế.

1. Vai trò của đoàn kết quốc tế.

2. Lực lượng đoàn kết và các hình thức tổ chức.

a. Lực lượng đoàn kết

b. các hình thức tổ chức.

3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế.

III. Kết luận.

- Sáng tạo lý luận của Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế?

- Ý nghĩa của việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế.

Chương VI

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ DÂN CHỦ VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN

(02 Lý thuyết + 03 thảo luận)

I. Xây dựng nhà nước thể hiện quyền là chủ và làm chủ của nhân dân.

1. Nhà nước của dân

2. Nhà nước do dân

3. Nhà nước vì dân.

II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước.

1. Về bản chất giai cấp công nhân của nhà nước

2. Bản chất giai cấp công nhân thống nhất với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước.

III. Xây dựng Nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ.

1. Xây dựng Nhà nước hợp pháp, hợp hiến.

2. Hoạt động quản lý nhà nước bằng hiến pháp, pháp luật và chú trọng đưa pháp luật vào cuộc sống.

IV. Xây dựng nhà nước trong sạch, hoạt động có hiệu quả

1. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ đức và tài.

2. Đề phòng và khắc phục những tiêu cực trong hoạt động của nhà nước.

3. Tăng cường tính nghiêm minh của pháp luật đi đôi với đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng.

V. Kết luận.

1. Nhà nước bảo đảm quyền làm chủ thật sự của nhân dân.

2. Kiện toàn bộ máy hành chính Nhà nước.

3. Tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

Chương VII

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC VÀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI

(02 Lý thuyết + 07 Thảo luận + 01 Kiểm tra)

I. Những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về văn hóa.

1. Định nghĩa về văn hóa và quan điểm về xây dựng nền văn hoá mới.

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về các vấn đề chung của văn hóa.

a. Vị trí, vai trò của văn hóa trong đời sống xã hội.

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về các vấn đề chung của văn hóa.
 - b. quan điểm về tính chất của nền văn hóa
 - c. quan điểm về chức năng của văn hóa
3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực chính của văn hóa
 - a. Văn hoá giáo dục.
 - b. Văn hoá văn nghệ.
 - c. Văn hoá đời sống.

II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức.

1. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức.
 - a. quan điểm về vai trò và sức mạnh của đạo đức
 - b. Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng
 - c. Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức mới
2. Sinh viên học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh
 - a. học tập và làm theo tư tưởng đạo đức HCM
 - b. Nội dung học tập theo tư tưởng tấm gương đạo đức HCM

III. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới.

1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người.
2. Quan niệm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người và chiến lược “trồng người”.

IV. Kết luận

1. Trong lĩnh vực văn hoá
2. Trong lĩnh vực đạo đức
3. Về xây dựng con người mới

12. Cấp phê duyệt

13. Ngày phê duyệt

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG
Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

2. Số tín chỉ: 3 tín chỉ (2-1)

3.Trình độ: Cao đẳng

4. Phân bố thời gian: Học kỳ 3

- Lý thuyết: 30 tiết

- Thực hành, kiểm tra: 30 tiết

5. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải học xong môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin và môn Tư tưởng Hồ Chí Minh

6. Mục tiêu học phần

*** Kiến thức**

+ Hoàn cảnh lịch sử, quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam - chủ thể hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam.

+ Những kiến thức có bản và có hệ thống về đường lối cách mạng của Đảng bao gồm hệ thống quan điểm, chủ trương về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam, thể hiện qua cương lĩnh, nghị quyết... của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong đó chủ yếu tập trung tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội.

*** Kỹ năng:**

+ Rèn luyện năng lực tư duy lý luận, có tư duy độc lập trong phân tích và giải quyết những vấn đề thực tiễn chính trị - xã hội.

+ Có kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trong nghiên cứu đường lối, chủ trương của Đảng; có kỹ năng trình bày, thuyết trình một số vấn đề lý luận chính trị - xã hội.

+ Vận dụng được kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

*** Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

+ Tin tưởng và phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng và đường lối của Đảng .

+ Ý thức được trách nhiệm của mình đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng.

+ Có thái độ nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu khoa học, tự rèn luyện bản thân về đạo đức và trình độ chuyên môn.

7. Mô tả nội dung học phần:

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 8 chương:

Chương I: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; chương II: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); chương III: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); chương IV: Đường lối công nghiệp hoá; chương V: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chương VI: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; chương VII: Đường lối xây dựng văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội; chương VIII: Đường lối đối ngoại.

Nội dung chủ yếu của môn học là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối của Đảng, đặc biệt là đường lối trong thời kỳ đổi mới.

8. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Phải nghiên cứu trước giáo trình, đọc các tài liệu có liên quan đến môn học theo sự hướng dẫn của giảng viên; chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng.

- Tham dự các buổi thảo luận, các buổi lên lớp theo quy định.

9. Tài liệu học tập

- *Chương trình môn học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam* do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành

- *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam* do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo biên soạn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, xuất bản.

- Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh: Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Các Văn kiện, nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

Theo quy chế hiện hành về đào tạo trình độ đại học, cao đẳng.

- Tham gia học lý thuyết và thực hành đầy đủ, kiểm tra thường xuyên, định kì, thi học phần- Vận dụng được kiến thức lý thuyết đã học vào thực tế cuộc sống và chuyên ngành của sinh viên

- Thang điểm: 10/10

11. Nội dung chi tiết học phần:

- Sinh viên phải lên lớp đủ, không được nghỉ quá số tiết theo quy định của học phần và quy chế đào tạo. Dự lớp tối thiểu 80% trong giờ lý thuyết, thảo luận, ra vào lớp đúng giờ quy định, có đầy đủ giáo trình, tài liệu cần thiết;

- Sinh viên phải làm đầy đủ các bài kiểm tra, đánh giá thường xuyên, bài thảo luận, bài tập cá nhân, bài tập nhóm theo yêu cầu. Đạt yêu cầu các bài kiểm tra, đánh giá định kỳ và bài thi kết thúc môn học. Sinh viên vắng mặt trong buổi kiểm tra giữa kỳ tại lớp nếu không có lý do thì nhận 0 điểm. Các bài kiểm tra phải nộp đúng thời gian quy định, đúng yêu cầu về nội dung và hình thức.

Chương mở đầu:

ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

(Tổng tiết của chương: 02; LT: 01, TL: 01 - TH: 04)

I. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu

1. Đối tượng nghiên cứu

- Khái niệm đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam
- Đối tượng nghiên cứu môn học

2. Nhiệm vụ nghiên cứu

II. Phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập môn học

1. Phương pháp nghiên cứu

- Cơ sở phương pháp luận
- Phương pháp nghiên cứu

2. Ý nghĩa của học tập môn học

Chương I: SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG

(Tổng tiết của chương: 08; LT: 04, TL: 04 - TH: 16)

I. Hoàn cảnh lịch sử ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

1. Hoàn cảnh quốc tế cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

- Sự chuyển biến của chủ nghĩa tư bản và hậu quả của nó
- Chủ nghĩa Mác – Lênin
- Cách mạng Tháng Mười Nga và Quốc tế Cộng sản

2. Hoàn cảnh trong nước

- a. Xã hội Việt Nam dưới sự thống trị của thực dân Pháp
- b. Phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến và tư sản cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX
- c. Phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản

II. Hội nghị thành lập Đảng và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

- 1. Hội nghị thành lập Đảng
- 2. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng
- 3. Ý nghĩa lịch sử - sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

Chương II: ĐƯỜNG LỐI ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 - 1945)

(Tổng tiết của chương: 06; LT: 03, TL: 03 - TH: 12)

I. Chủ trương đấu tranh từ năm 1930 đến năm 1939

- 1. Trong những năm 1930-1935
 - a. Luận cương Chính trị tháng 10-1930
 - b. Chủ trương khôi phục tổ chức đảng và phong trào cách mạng
- 2. Trong những năm 1936-1939
 - a. Hoàn cảnh lịch sử
 - b. Chủ trương và nhận thức mới của Đảng

II. Chủ trương đấu tranh từ năm 1939 đến năm 1945

- 1. Hoàn cảnh lịch sử và sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng
 - a. Tình hình thế giới và trong nước
 - b. Nội dung chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược
 - c. Ý nghĩa của sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược
- 2. Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền
 - a. Phát động cao trào kháng Nhật, cứu nước và đẩy mạnh khởi nghĩa từng phần
 - b. Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa
 - c. Kết quả, ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của cuộc Cách mạng Tháng Tám.

Chương III: ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1945 - 1975)

(Tổng tiết của chương: 10; LT: 05, TL: 05 - TH: 20)

I. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945- 1954)

- 1. Chủ trương xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945- 1946)
 - a. Hoàn cảnh nước ta sau Cách mạng Tháng Tám
 - b. Chủ trương kháng chiến kiến quốc của Đảng
 - c. Kết quả, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm.
- 2. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và XD chế độ dân chủ nhân dân (1946- 1954)
 - a. Hoàn cảnh lịch sử
 - b. Quá trình hình thành và nội dung đường lối kháng chiến, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân.
 - 3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm
 - a. Kết quả và ý nghĩa lịch sử
 - b. Nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm

II. Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thống nhất Tổ quốc (1954 - 1975)

- 1. Đường lối trong giai đoạn 1954 - 1964
 - a. Bối cảnh lịch sử của cách mạng Việt Nam sau tháng 7 - 1954
 - b. Quá trình hình thành, nội dung và ý nghĩa của đường lối.
- 2. Đường lối trong giai đoạn 1965 - 1975
 - a. Hoàn cảnh lịch sử
 - b. Quá trình hình thành, nội dung và ý nghĩa của đường lối
- 3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm

- a. Kết quả và ý nghĩa lịch sử
- b. Nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm.

Chương IV: ĐƯỜNG LỐI CÔNG NGHIỆP HOÁ
(*Tổng tiết của chương: 06; LT: 03, TL: 03 - TH: 12*)

I. Công nghiệp hoá thời kỳ trước đổi mới

- 1. Mục tiêu và phương hướng của công nghiệp hóa
- 2. Đánh giá sự thực hiện đường lối công nghiệp hóa

II. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá thời kỳ đổi mới

- 1. Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hoá
- 2. Mục tiêu, quan điểm công nghiệp hoá, hiện đại hoá
 - a. Mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá
 - b. Quan điểm công nghiệp hoá, hiện đại hoá
- 3. Định hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong những năm tới
- 4. Kết quả và nguyên nhân
 - a. Kết quả thực hiện đường lối và ý nghĩa
 - b. Nguyên nhân.

Chương V: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XHCN

(*Tổng tiết của chương: 07; LT: 03, TL: 04 - TH: 14*)

I. Quá trình đổi mới nhận thức về kinh tế thị trường

- 1. Cơ chế quản lý kinh tế thời kỳ trước đổi mới
 - a. Cơ chế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu bao cấp
 - b. Nhu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế
- 2. Sự hình thành tư duy của Đảng về kinh tế thị trường thời kỳ đổi mới
 - a. Tư duy của Đảng về kinh tế thị trường từ Đại hội VI đến Đại hội VIII
 - b. Tư duy của Đảng về kinh tế thị trường

II. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta

- 1. Mục tiêu và quan điểm cơ bản
 - a. Thể chế kinh tế và thể chế kinh tế thị trường
 - b. Mục tiêu hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN
 - c. Quan điểm về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN.
- 2. Một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa
- 3. Kết quả và nguyên nhân
 - a. Kết quả
 - b. Nguyên nhân.

Chương VI: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ
(*Tổng tiết của chương: 05; LT: 03, TL: 02 - TH: 10*)

I. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ trước đổi mới (1945-1985)

- 1. Hệ thống chính trị dân chủ nhân dân (1945 – 1954)
- 2. Hệ thống dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản (1954 – 1975)
- 3. Hệ thống chuyên chính vô sản theo tư tưởng làm chủ tập thể (1975 – 1985)

II. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới

- 1. Đổi mới tư duy hệ thống chính trị
- 2. Mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới
 - a. Mục tiêu và quan điểm xây dựng hệ thống chính trị
 - b. Chủ trương xây dựng hệ thống chính trị
- 3. Đánh giá sự thực hiện đường lối
 - a. Kết quả
 - b. Nguyên nhân.

**Chương VII: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HOÁ
VÀ GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

(Tổng tiết của chương: 08; LT: 04, TL: 04 - TH: 16)

I. Quá trình nhận thức và nội dung đường lối xây dựng, phát triển nền văn hóa

1. Thời kỳ trước đổi mới
 - a. Quan điểm, chủ trương về xây dựng nền văn hoá mới
 - b. Đánh giá việc thực hiện đường lối
2. Trong thời kỳ đổi mới
 - a. Quá trình đổi mới tư duy về xây dựng và phát triển nền văn hoá
 - b. Quan điểm chỉ đạo và chủ trương về xây dựng, phát triển nền văn hoá
 - c. Đánh giá việc thực hiện đường lối

II. Quá trình nhận thức và chủ trương giải quyết những vấn đề xã hội

1. Thời kỳ trước đổi mới
 - a. Chủ trương của Đảng về giải quyết các vấn đề xã hội
 - b. Đánh giá việc thực hiện đường lối
2. Trong thời kỳ đổi mới
 - a. Quá trình đổi mới nhận thức về giải quyết các vấn đề xã hội
 - b. Quan điểm về giải quyết các vấn đề xã hội
 - c. Chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội
 - d. Đánh giá sự thực hiện đường lối.

Chương VIII: ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI

(Tổng tiết của chương: 08; LT: 04, TL: 04 - TH: 16)

I. Đường lối đối ngoại thời kỳ từ năm 1975 đến năm 1986

1. Hoàn cảnh lịch sử
 - a. Tình hình thế giới
 - b. Tình hình trong nước
2. Nội dung đường lối đối ngoại của Đảng
 - Nhiệm vụ đối ngoại
 - Chủ trương đối ngoại với các nước
3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân
 - a. Kết quả và ý nghĩa
 - b. Hạn chế và nguyên nhân

II. Đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế thời kỳ đổi mới

1. Hoàn cảnh lịch sử và quá trình hình thành đường lối
 - a. Hoàn cảnh lịch sử
 - b. Các giai đoạn hình thành, phát triển đường lối
2. Nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế
 - a. Mục tiêu, nhiệm vụ và tư tưởng chỉ đạo
 - b. Một số chủ trương, chính sách lớn về mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế trong thời gian tới
3. Kết quả và nguyên nhân
 - a. Kết quả
 - b. Nguyên nhân

12. Cấp phê duyệt

13. Ngày phê duyệt

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG
Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Giáo dục thể chất 1

2. Số tín chỉ: Lý thuyết (1 Tín chỉ) bắt buộc

3. Thời điểm thực hiện: Học kỳ thứ I

4. Phân bổ thời gian: Học trong 01 học kỳ; 1 tiết/ tuần, tổng số 15 tuần

5. Mục tiêu của học phần

*** Về kiến thức:**

Giải thích được những nội dung cơ bản học phần GDTC về lý luận phương pháp, y sinh học TDTT, những khái niệm cơ bản về VHTC, GDTC, TDTT, biết phương pháp phòng ngừa chấn thương và sơ cứu, vệ sinh trong luyện tập TDTT, rèn luyện nâng cao sức khỏe thường xuyên.

Có kiến thức khoa học cơ bản về GDTC, vệ sinh trong tập luyện TDTT, thấy rõ vai trò và vị trí quan trọng của GDTC trong quá trình giáo dục toàn diện thể hệ trẻ.

*** Về kỹ năng:**

Vận dụng được các kiến thức đã học trong việc rèn luyện thân thể vệ sinh trong tập luyện TDTT.

Có khả năng tổ chức các hoạt động ngoại khóa, thực hiện và tuyên truyền thực hiện tốt vệ sinh môi trường và cách phòng chống bệnh tật lan truyền ...

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- Có nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, chấp hành tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực TDTT vệ sinh cá nhân và môi trường sống.

- Có phẩm chất đạo đức tốt, ý thức tổ chức kỷ luật, sống lành mạnh, tự giác, tích cực rèn luyện học tập phấn đấu vươn lên.

- Có thái độ nghiêm túc, tác phong nhanh nhẹn hoạt bát, khỏe mạnh, đoàn kết giúp đỡ nhau trong học tập.

6. Điều kiện tiên quyết

Sinh viên phải học xong chương trình thể dục bậc học phổ thông trung học và đảm bảo sức khỏe cho việc học tập và rèn luyện

7. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Bao gồm: Mục tiêu, nhiệm vụ và sự phát triển công tác TDTT nước ta theo đường lối của Đảng, Nhà nước CHXHCN Việt Nam; tác dụng của TDTT đối với sự phát triển con người toàn diện; các môn thể thao tự chọn, một số bài tập thể lực với dụng cụ đơn giản, thể dục ngành nghề;

8. Phân bổ thời gian:

Lý thuyết	Bài tập	Thực hành thực tập	Tổng số
15	0	0	15

9. Nội dung chi tiết học phần:

***/ Phần Lý thuyết GDTC (01 TC)**

Chương I

Bài 1. Các khái niệm cơ bản của TDTT (2 tiết)

- + Khái niệm VH TC
- + GDTC
- + TDTT
- + Phát triển TC
- + Hoàn thiện TC

Bài 2. Mục tiêu, nhiệm vụ và sự phát triển công tác TDTT nước ta theo đường lối của Đảng và Nhà nước CHXHCN Việt Nam (2 tiết)

- + Sơ lược lịch sử phát triển của TDTT Việt Nam giai đoạn 1945 đến 1975

- + Tác dụng của TDDT đối với sự phát triển con người toàn diện

Bài 3. Phương pháp tập luyện nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất vận động (2 tiết)

- + Phương pháp rèn luyện sức nhanh
- + Phương pháp rèn luyện Sức mạnh
- + Phương pháp rèn luyện Sức bền
- + Phương pháp rèn luyện năng lực mềm dẻo và khéo léo
- Ôn tập kiểm tra (1 tiết)

Chương II.

Bài 1. Vệ sinh trong tập luyện TDDT (2 tiết)

- + Vệ sinh thân thể
- + Lợi dụng các nhân tố thiên nhiên để tập luyện

Bài 2. Kỹ năng và kỹ xảo vận động (2 tiết)

- + Kỹ năng vận động
- + Kỹ xảo vận động
- + Lượng vận động, các thành phần của lượng vận động

Bài 3. Cách phòng chống chấn thương trong vận động TDDT (3 tiết)

- + Khái niệm chấn thương
- + Phân loại chấn thương
- + Các phòng chống chấn thương
- Ôn tập kiểm tra (1 tiết)

10. Phương pháp dạy học: Thuyết trình, thảo luận, bài tập, trình chiếu ...

11. Đánh giá học phần

- Số điểm kiểm tra thường xuyên: 2
- Hình thức thi : Thi viết
- Điểm thi kết thúc học phần là điểm trung bình trung các nội dung kiểm tra (đánh giá theo thang điểm 10)

12. Trang thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu, phấn, bảng, giáo trình, tài liệu có liên quan đến môn học

13. Yêu cầu về giảng viên: Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành GDTC trở lên, có chứng chỉ NVSP

14. Tài liệu tham khảo

- Giáo trình Lý luận và phương pháp TDDT - NXB ĐH SP năm 2007
- Giáo trình Vệ sinh và Y học TDDT - NXB ĐH SP năm 2007
- Lịch sử và quản lý học TDDT - NXB ĐH SP năm 2007

15. Cấp phê duyệt

16. Ngày phê duyệt

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Giáo dục thể chất 2

2. Số tín chỉ: Thực hành: (1 Tín chỉ) Các học phần tự chọn (chọn tối thiểu 1/9 tín chỉ)

3. Thời điểm thực hiện: Học kỳ thứ II

4. Phân bổ thời gian: Học trong 01 học kỳ; 3 tiết/ tuần, tổng số 15 tuần

5. Mục tiêu của học phần

*** Về kiến thức:**

Hiểu sâu về luật, phương pháp tổ chức thi đấu một hoặc một số môn TDTT cụ thể; biết phương pháp tự tập luyện kỹ thuật, chiến thuật nhằm nâng cao thành tích thể thao môn tự chọn

Các bài tập thể lực nâng cao sức khỏe cho Sinh viên

Thấy rõ vai trò và vị trí quan trọng của GDTC trong quá trình giáo dục toàn diện thể hệ trẻ.

*** Về kỹ năng:**

Nâng cao các kỹ năng vận động cơ bản, thực hành tốt các kỹ thuật động tác của các môn thể thao tự chọn trên cơ sở đã hình thành ở mức độ ban đầu trong các nhà trường phổ thông.

Có sức khỏe, đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể (theo qui định của Bộ GD & ĐT), nắm được luật lệ của môn thể thao tự chọn, có khả năng tổ chức được các giải thi đấu cấp cơ sở, làm trọng tài các môn thể thao đã học.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- Nâng cao ý thức tự giác tích cực trong quá trình học tập.

- Có phẩm chất đạo đức tốt, ý thức tổ chức kỷ luật, sống lành mạnh, tự giác, tích cực rèn luyện học tập phần đầu vươn lên.

- Xác định đúng mục tiêu môn học và nhận thức sâu sắc nhiệm vụ của bản thân trong quá trình học tập

- Có thái độ nghiêm túc, tác phong nhanh nhẹn hoạt bát, khỏe mạnh, đoàn kết giúp đỡ nhau trong học tập.

6. Điều kiện tiên quyết

Sinh viên đăng kí học phần tự chọn sau khi học xong học phần bắt buộc, đảm bảo sức khỏe cho việc học tập và rèn luyện.

7. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Kiến thức và luật thi đấu, phương pháp hình thức tổ chức thi đấu, kỹ năng thực hành tập luyện kỹ, chiến thuật một số môn thể thao tự chọn phù hợp với khả năng để rèn luyện nhằm phát triển và nâng cao thể lực chung, các hoạt động ngoại khóa lành mạnh phát triển toàn diện thể chất của Sinh viên

Các bài tập thể lực với dụng cụ đơn giản, chạy sức bền tăng cường thể lực cho Sinh viên

8. Phân bổ thời gian:

Thực hành	Bài tập	Thực hành thực tập	Tổng số
45	0	45	45

9. Nội dung chi tiết học phần:

***/ Phần Thực hành (01 TC)**

1. Bóng đá (45 tiết)

- Một số trò chơi, động tác bổ trợ làm quen với bóng
- Một số động tác, bài tập phát triển sức mạnh và sự khéo léo của chân
- Di chuyển, giữ bóng
- Dẫn bóng bằng má trong bàn chân
- Đá bóng bằng mu bàn chân
- Một số bài tập phối hợp và thi đấu theo luật.

- Ôn tập một số kĩ thuật động tác đã học
- Dẫn bóng bằng má ngoài bàn chân
- Đánh đầu
- Một số bài phối hợp đầu tập nội bộ
- Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài
- Luật Bóng đá

2. Bóng chuyền (45 tiết)

*** Phần thực hành**

- Tư thế chuẩn bị và các bước di chuyển
- Kĩ thuật chuyền bóng cao tay bằng hai tay
- Kĩ thuật chuyền bước 1, chuyền bước 2
- Kĩ thuật phát bóng thấp tay, phát bóng cao tay chính diện
- Kĩ thuật đập bóng theo phương lấy đà
- Phối hợp các kĩ thuật: Chuyền bước 1 - chuyền bước 2 - đập bóng
- Kĩ thuật chắn bóng
- Giới thiệu một số chiến thuật cơ bản trong thi đấu bóng chuyền
- Thực tập thi đấu và trọng tài bóng chuyền
- Luật Bóng chuyền

3. Bóng rổ (45 tiết)

*** Phần thực hành**

- Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng rổ - cách cầm bóng, kĩ thuật dẫn bóng
- Kĩ thuật chuyền bóng về trước bằng hai tay trước ngực, kĩ thuật bắt bóng bằng hai tay
- Ném rổ bằng một tay trên vai, bằng hai tay trước ngực, bằng hai tay trên đầu
- Chuyền bóng bằng hai tay, bằng một tay
- Kĩ thuật nhảy bắt bóng bằng hai tay, bằng một tay
- Kĩ thuật nhảy ném rổ bằng hai tay, bằng một tay
- Phối hợp các kĩ thuật đã học, dẫn bóng Zik - zắc, dẫn bóng đổi tay
- Kĩ thuật chuyền bóng bằng hai tay, bằng một tay -di chuyển hai bước ném rổ
- Đầu tập theo luật và thực hành chiến thuật 1-2-2, 2-1-2 thực tập làm trọng tài thi đấu nội

bộ và giao lưu.

- Luật Bóng rổ

4. Cầu lông (45 tiết)

*** Phần thực hành**

- Cách cầm cầu, cầm vợt, các tư thế cơ bản, các bước di chuyển
- Kĩ thuật đánh cầu phải trái thấp tay
- Kĩ thuật đánh cầu phải trái cao tay
- Kĩ thuật đánh cầu sát lưới và bỏ nhỏ, phối hợp các kĩ thuật đã học
- Kĩ thuật phát cầu gần, cầu cao sâu.
- Kĩ thuật đập cầu trên đầu
- Phát cầu đơn và cách đánh đơn + đôi
- Thực hành tổ chức thi đấu và trọng tài cầu lông.
- Luật Cầu lông

5. Cờ vua (TT trí tuệ) (45 tiết)

*** Phần lý thuyết và thực hành**

- Luật cờ vua
- Một số tri thức cơ bản của môn cờ vua
- Các khái niệm cơ bản
- Khai cuộc đơn giản, một số phương pháp khai cuộc
- Một số thế cờ tàn kết thúc đơn giản
- Cờ thế

- Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài cờ vua

6. Võ Cổ truyền (45 tiết)

*** Phần thực hành**

Bài 1. Kỹ thuật tấn và những phương pháp di chuyển cơ bản

- Tấn tự nhiên.
- Trung bình tấn.
- Đỉnh tấn.
- Đỉnh nhất.
- Chảo mã tấn.
- Miêu tấn.

Bài 2. Những kỹ thuật tấn công bằng tay

- Kỹ thuật đâm thẳng.
- Kỹ thuật đâm vòng.
- Kỹ thuật đâm xóc.
- Kỹ thuật lòng bàn tay, cạnh ngoài bàn tay, lưng bàn tay.
- Kỹ thuật cùi trỏ đánh trước, ngang, vòng, lên, xuống.

Bài 3. Những kỹ thuật phòng thủ bằng tay

- Đỡ hạ đẳng bằng cạnh ngoài, trong cánh tay
- Đỡ trung đẳng bằng cánh tay trong, ngoài
- Đỡ thượng đẳng bằng cánh tay ngoài, chéo bằng hai tay.

Bài 4. Kỹ thuật chân

- Kỹ thuật đá trước, ngang, vòng cầu.
- Kỹ thuật đá ngang.
- Kỹ thuật đạp trước, ngang, sau.
- Kỹ thuật đối luyện
- Đối luyện tại chỗ trong phòng thủ, tấn công.
- Đối luyện di chuyển trong phòng thủ và tấn công.
- Vận dụng những kỹ thuật phối hợp trong thi đấu.

Bài 5. Kỹ thuật phối hợp giữa các đòn chân.

- Kỹ thuật đá vòng cầu - Tổng sau, đá ngang, vòng cầu.
- Vận dụng kỹ thuật những đòn tấn công bằng tay
- Đâm thẳng, cạnh ngoài bàn tay.
- Cùi trỏ đánh phía trước, cùi trỏ đánh phía sau.
- Vận dụng kỹ thuật chân bằng những đòn đơn và những đòn phối hợp.
- Đá sau, vòng cầu, tổng sau, đá ngang.

Bài 6. Kỹ thuật tự vệ.

- Tay không - Chống túm tóc. Chống bóp cổ. Chống ôm phía trước.
- Khi bị khống chế hai tay, chống đâm từ trên xuống.
- Chống đâm về trước.
- Chống đâm tạt ngang.
- Kỹ thuật cơ bản: Tay, chân, đối luyện.
- Kỹ thuật vận dụng.
- Luyện tập thi đấu: 1 hiệp 3 phút.
- Luật, và phương pháp tổ chức thi đấu

7. Điền kinh (45 tiết)

1. Kỹ thuật chạy cự ly ngắn

1.1. Tập các động tác bổ trợ chạy

- Chạy bước nhỏ, chạy nâng cao đầu gối, chạy gót chạm mông, chạy đạp sau
- Kỹ thuật đánh tay tại chỗ

1.2. Tập kỹ thuật chạy giữa quãng

- Chạy tăng tốc độ nhằm làm quen với kỹ thuật chạy trên đường thẳng
- Chạy trên đường vòng, từ đường thẳng vào đường vòng, từ đường vòng ra đường thẳng.

- Chạy lặp lại $\frac{3}{4}$ sức nhằm hoàn thiện kỹ thuật chạy (60 – 80 – 100 m), chạy tốc độ cao 30 – 60 – 100 m

1.3. Tập kỹ thuật xuất phát thấp và chạy lao sau xuất phát

- Cách bố trí bàn đạp và thực hiện kỹ thuật xuất phát thấp theo khẩu lệnh của trọng tài (xuất phát trên đường thẳng).

- Xuất phát thấp và chạy lao sau xuất phát (không và có xác định thời gian). Giới thiệu thêm kỹ thuật xuất phát cao.

1.4. Tập chạy về đích và đánh đích, (chạy tốc độ chậm, chạy tốc độ cao đánh đích)

1.5. Hoàn thiện kỹ thuật chạy 100 và 400 m

1.6. Làm quen với tổ chức thi đấu và trọng tài, thực hiện nhiệm vụ của các trọng tài xuất phát, trọng tài bấm giờ và trọng tài đích.

*/ Kiểm tra kỹ thuật và thành tích

2. Kỹ thuật nhảy xa kiểu ngồi

2.1. Nguyên lý kỹ thuật và kỹ thuật các giai đoạn của nhảy xa

- Nguyên lý kỹ thuật

- Các yếu tố quyết định thành tích, cách xác định tổng trọng tâm cơ thể

2.2. Nhiệm vụ các giai đoạn kỹ thuật

- Các giai đoạn kỹ thuật nhảy xa

- Giai đoạn chạy đà, giậm nhảy, trên không, rơi xuống tiếp đất (chạm hố cát)

2.3. Làm quen với tổ chức thi đấu và trọng tài

2.4. Thực hiện nhiệm vụ của trọng tài trong nhảy xa, trọng tài xác định thành tích

*/ Kiểm tra kỹ thuật và thành tích

8. Thể dục tự do (45 tiết)

* Phần thực hành

- Các động tác lộn: Lộn trước, lộn sau, lộn chống nghiêng.

- Các động tác tròng chuối: Chuối bả vai, chuối đầu, chuối tay.

- Các động tác thăng bằng: Trước, sau, nghiêng.

- Các động tác dẻo: Xoạc dọc, xoạc ngang, dẻo lưng.

- Các động tác nhảy bật: Nhảy căng thân, gập thân, quay 180⁰, 360⁰, nhảy bước với, cắt kéo.

- Bài tập phối hợp đơn giản

9. Đá cầu (45 tiết)

* Phần thực hành

- Các kỹ thuật tăng cầu, chuyển cầu và đỡ cầu

- Phát cầu thấp chân và cao chân chính diện

- Phát cầu thấp chân và cao chân nghiêng mình

- Đá cầu tấn công bằng lòng bàn chân chính diện và nghiêng mình trái, phải.

- Đá cầu tấn công bằng mu giữa bàn chân chính diện và nghiêng mình trái, phải.

- Đá cầu tấn công bằng mu ngoài (phía gót chân).

- Đá móc

- Đánh đầu và chắn cầu bằng ngực

- Luật, và phương pháp tổ chức thi đấu đá cầu

10. Phương pháp dạy học: Thực hành kỹ thuật, luyện tập

11. Đánh giá học phần:

- Số điểm kiểm tra thường xuyên: 3

- Hình thức thi : Thực hành kỹ thuật

- Điểm thi kết thúc học phần là điểm trung bình trung các nội dung kiểm tra thực hành (đánh giá theo thang điểm 10)

- Đối với sinh viên bậc cao đẳng hệ chính quy; phải tích lũy đủ 02 tín chỉ GDTC, trong đó 01 tín chỉ bắt buộc và 01 tín chỉ tự chọn (được qui định tại điều 2)

- Căn cứ điểm trung bình chung kết quả đánh giá các học phần đã tích lũy, kết quả xếp loại chứng chỉ GDTC của sinh viên được xếp như sau:

*/ Xếp loại Chứng chỉ GDTC

- | | |
|--------------------------|--|
| - Loại Xuất sắc: | Điểm trung bình chung tích lũy từ 9 đến 10. |
| - Loại Giỏi: | Điểm trung bình chung tích lũy từ 8 đến cận 9. |
| - Loại Khá: | Điểm trung bình chung tích lũy từ 7 đến cận 8. |
| - Loại Trung bình - Khá: | Điểm trung bình chung tích lũy từ 6 đến cận 7. |
| - Loại Trung bình: | Điểm trung bình chung tích lũy từ 5 đến cận 6. |

12. Trang thiết bị dạy học: Sân bãi, nhà tập, dụng cụ thiết bị dạy và học các môn thể thao tự chọn.

13. Yêu cầu về giảng viên: Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành GDTC trở lên, có chứng chỉ nghiệp vụ Sư phạm.

14. Tài liệu tham khảo

- Giáo trình Bóng đá - NXB ĐH SP năm 2012, Luật Bóng đá NXB TDTT năm 2014
- Giáo trình Bóng chuyền - NXB ĐH SP năm 2012, Luật Bóng chuyền NXB TDTT năm 2014
- Giáo trình Bóng rổ - NXB ĐH SP năm 2012, Luật Bóng rổ NXB TDTT năm 2014
- Giáo trình Cầu lông - NXB ĐH SP năm 2012, Luật Cầu lông NXB TDTT năm 2014
- Giáo trình Cờ vua - NXB ĐH SP năm 2012, Luật Cờ vua - NXB TDTT năm 2014
- Giáo trình Võ cổ truyền - NXB ĐH SP năm 2012, Luật Võ Cổ truyền - NXB TDTT năm 2014
- Giáo trình Điền kinh - NXB ĐH SP năm 2012, Luật Điền kinh NXB TDTT năm 2014
- Giáo trình Thể dục tự do - NXB ĐH SP năm 2012,
- Giáo trình Đá cầu - NXB ĐH SP năm 2012, Luật Đá cầu - NXB TDTT năm 2014

15. Cấp phê duyệt

16. Ngày phê duyệt

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG
Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Tiếng Anh 1

2. Số tín chỉ: 3 (2,1)

3.Trình độ: Cao đẳng

4. Phân bố thời gian: Học kỳ 3

- Lý thuyết: 30 tiết

- Thực hành, kiểm tra: 30 tiết

5. Điều kiện tiên quyết: Không

6. Mục tiêu học phần:

6.1. Kiến thức:

**) Kiến thức tổng quát*

Nhận biết được các kiến thức ngôn ngữ cần phát triển: ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và các chủ đề sẽ gặp trong các đơn vị bài học có trong học phần.

**) Kiến thức chuyên môn*

Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên có thể:

- Trình bày được các cấu trúc ngữ pháp, các mẫu câu, cách diễn đạt thông dụng hàng ngày, các từ vựng về các chủ đề sinh hoạt hàng ngày.

- Nhận biết và phân biệt được ý nghĩa, cách sử dụng của các cấu trúc câu, từ vựng và các cách diễn đạt trong các tình huống giao tiếp thường ngày.

- Vận dụng kiến thức ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng để thực hành một số tình huống và giải một số bài tập cụ thể nhằm nâng cao nhận thức và khả năng áp dụng thực tiễn của các hiện tượng ngữ pháp và mở rộng số lượng từ vựng.

6.2. Kỹ năng:

**) Kỹ năng chuyên môn:*

Nghe: Nghe, nhớ lại và tóm tắt được nội dung chính của đoạn băng để trả lời các câu hỏi, phân tích dữ kiện, nội dung lấy thông tin để có thể vận dụng phân biệt được câu đúng sai, làm bài tập điền khuyết, nghe nhận thông tin cần thiết hoặc ý chính.

Nói: Vận dụng cấu trúc ngữ pháp, từ vựng để diễn đạt tự nhiên, lưu loát (có thể mắc lỗi ngữ pháp) các nhu cầu giao tiếp cơ bản về các lĩnh vực thuộc đời sống sinh hoạt hàng ngày.

Đọc: Đọc, tóm tắt được đại bộ phận thông tin, dữ kiện, ý chính ... của văn bản để vận dụng làm một số dạng bài tập: trả lời câu hỏi, xác định thông tin đúng sai, tìm từ đồng nghĩa, tóm tắt ý chính...

Viết: Tái hiện được cấu trúc câu, chủ đề từ vựng để viết về các vấn đề cá nhân, xã hội, mô tả, kể lại sự việc/thông tin, tóm tắt lại nội dung đã nghe/nói/đọc về các vấn đề quen thuộc như bản thân, gia đình, công việc, sở thích, du lịch giải trí, kế hoạch.

Kỹ năng khác: Sinh viên làm quen và thực hành làm việc theo cặp, nhóm; biết cách tìm kiếm, khai thác, lựa chọn thông tin trên mạng Internet để phục vụ cho việc học tập môn học.

**) Kỹ năng làm việc:*

Giao tiếp, ứng xử với trẻ một cách gần gũi, tình cảm; chân tình, cởi mở, thẳng thắn với đồng nghiệp; gần gũi, tôn trọng và hợp tác, chia sẻ với phụ huynh và cộng đồng.

Phân tích, đánh giá được bài soạn và tiết giảng của bản thân và bạn bè, đồng nghiệp

6.3. Thái độ:

Nhận thức được tầm quan trọng của môn học; xây dựng và phát huy tối đa tinh thần tự học thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu trên mạng Internet...

Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn; tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử.

Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà; tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng vào các hoạt động trên lớp

6.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Thể hiện được ý thức tập thể, đoàn kết phấn đấu vì lợi ích chung, lối sống lành mạnh, cẩn thận, trung thực, liêm khiết.

Thể hiện được bản lĩnh tự tin, năng động, sáng tạo, khoa học, duy trì nguyên tắc công tác, có khả năng tự học, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm;

Hợp tác được với bạn học để thực hiện nhiệm vụ được giao.

Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

7. Mô tả nội dung học phần:

Học phần gồm 04 bài học, từ bài 1 đến bài 4 cung cấp cho người học một số hiện tượng ngữ pháp cơ bản: *Các thì trong Tiếng Anh; tính từ sở hữu, đại từ sở hữu, đại từ chỉ định, động từ to be, các quán từ a/an, giới từ chỉ thời gian...*; cung cấp cho người học một số từ vựng về các chủ đề: *gia đình, kỳ nghỉ, con người, sở thích, mua sắm...* Đồng thời, học phần cũng bao gồm các bài đọc, các bài tập, nhiệm vụ được thiết kế nhằm giúp sinh viên luyện tập và phát triển 04 kỹ năng giao tiếp bằng Tiếng Anh: Nghe, nói, đọc, viết.. Mỗi phần nhỏ được thiết kế dưới hình thức tổ chức các hoạt động giao tiếp nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức ngôn ngữ (Ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng) và giúp sinh viên thực hành các kỹ năng theo mức độ tăng dần từ dễ đến khó và cuối cùng là sử dụng thành thạo ngôn ngữ đã học trong từng bài.

8. Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

*) *Chuyên cần*: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: đọc tài liệu và chuẩn bị các câu hỏi thảo luận trước khi lên lớp; hoàn thành 100% các yêu cầu được giao.

*) *Kiểm tra*: Bao gồm các hình thức sau

Hình thức	Trọng số (tỷ lệ)
- Bài tập cá nhân/1 đơn vị bài học (01 lần điểm hệ số 1)	7 %
- Kiểm tra - đánh giá định kỳ (03 lần điểm hệ số 2)	43 %
- Thi cuối kì (trắc nghiệm 60p)	50%

9. Tài liệu học tập

9.1 Tài liệu bắt buộc:

[1]. New English File – Elementary Student’s Book, Clive Oxenden, Cristina Latham Koeing và Paul Seligson, NXB Thời đại, 2012.

9.2 Tài liệu tham khảo:

[2]. English Grammar in use, Raymond Murphy, NXB TP Hồ Chí Minh, 1995.

[3]. Lifelines – Pre-Intermediate, Tom Hutchinson, Oxford University Press, 2004.

[4]. New Headway– Elementary Student’s Book and Workbook (3rd edition), John and Liz Soars, Oxford University Press, 2010.

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp
- Đi học chuyên cần, cho phép nghỉ học có lý do tối đa 6 tiết học (20% giờ lý thuyết)
- Nộp đúng hạn các loại bài tập, đảm bảo chất lượng bài tập, bài kiểm tra. Bài tập cá nhân, nhóm nộp muộn trừ 02 điểm/ngày; không quá 02 lần không có minh chứng cho việc chuẩn bị các nội dung mà giảng viên yêu cầu.
- Có đầy đủ điểm thành phần của môn học (cho phép thực hiện lại không quá 01 lần bài kiểm tra học trình/học phần nếu không đạt).
- Dụng cụ học tập: Sinh viên phải có đủ giáo trình, ngoài ra có thể tìm đọc thêm các tài liệu tham khảo trên thư viện hoặc truy cập trên Internet.
- Thang điểm: 10/10

11. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số tiết	
	LT	TH
1A: Nice to meet you	7	6

1B: I'm not English, I'm Scottish 1C: His name, her name 1D: Turn off your mobiles! Practical English: On a plane Writing: Completing a form		
2A: Cappuccino and chips 2B: When Natasha meets Darren... 2C: An artist and a musician 2D: Relatively famous Writing: An informal e-mail/letter Practical English: At a hotel	7	6
Test 1	0	2
3A: Pretty woman 3B: Wake up, get out of bed... 3C: The island with a secret 3D: On the last Wednesday in August Practical English: in a coffee shop Writing: A magazine article	8	6
Test 2	0	2
4A: I can't dance 4B: Shopping- men love it! 4C : Fantal attraction ? 4D : Are you still mine ? Practical English: in a clothes shop Writing: Describing a friend	8	6
Test 3	0	2
Tổng cộng	30	30

*** Hướng dẫn thực hiện**

- Giáo viên có đầy đủ tài liệu (giáo trình, sách tham khảo) để hướng dẫn sinh viên học và tự học học phần Tiếng Anh 1.

- Sinh viên làm bài tập theo yêu cầu, khuyến khích tìm tòi, sáng tạo trong cách thể hiện.

12. Cấp phê duyệt

13. Ngày phê duyệt

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG
Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Tiếng Anh 2

2. Số tín chỉ: 4 (2,2)

3.Trình độ: Cao đẳng

4. Phân bố thời gian: Học kỳ 4

- Lý thuyết: 30 tiết

- Thực hành, kiểm tra: 60 tiết

5. Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1

6. Mục tiêu học phần:

6.1. Kiến thức:

**) Kiến thức tổng quát*

Nhận biết được các kiến thức ngôn ngữ cần phát triển: ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và các chủ đề sẽ gặp trong các đơn vị bài học có trong học phần.

**) Kiến thức chuyên môn*

Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên có thể:

- Trình bày được các cấu trúc ngữ pháp, các mẫu câu, cách diễn đạt thông dụng hàng ngày, các từ vựng về các chủ đề sinh hoạt hàng ngày.

- Nhận biết và phân biệt được ý nghĩa, cách sử dụng của các cấu trúc câu, từ vựng và các cách diễn đạt trong các tình huống giao tiếp thường ngày.

- Vận dụng kiến thức ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng để thực hành một số tình huống và giải một số bài tập cụ thể nhằm nâng cao nhận thức và khả năng áp dụng thực tiễn của các hiện tượng ngữ pháp và mở rộng số lượng từ vựng.

6.2. Kỹ năng:

**) Kỹ năng chuyên môn:*

Nghe: Nghe, nhớ lại và tóm tắt được nội dung chính của đoạn băng để trả lời các câu hỏi, phân tích dữ kiện, nội dung lấy thông tin để có thể vận dụng phân biệt được câu đúng sai, làm bài tập điền khuyết, nghe nhận thông tin cần thiết hoặc ý chính.

Nói: Vận dụng cấu trúc ngữ pháp, từ vựng để diễn đạt tự nhiên, lưu loát (có thể mắc lỗi ngữ pháp) các nhu cầu giao tiếp cơ bản về các lĩnh vực thuộc đời sống sinh hoạt hàng ngày.

Đọc: Đọc, tóm tắt được đại bộ phận thông tin, dữ kiện, ý chính ... của văn bản để vận dụng làm một số dạng bài tập: trả lời câu hỏi, xác định thông tin đúng sai, tìm từ đồng nghĩa, tóm tắt ý chính...

Viết: Tái hiện được cấu trúc câu, chủ đề từ vựng để viết về các vấn đề cá nhân, xã hội, mô tả, kể lại sự việc/thông tin, tóm tắt lại nội dung đã nghe/nói/đọc về các vấn đề quen thuộc như bản thân, gia đình, công việc, sở thích, du lịch giải trí, kế hoạch.

Kỹ năng khác: Sinh viên làm quen và thực hành làm việc theo cặp, nhóm; biết cách tìm kiếm, khai thác, lựa chọn thông tin trên mạng Internet để phục vụ cho việc học tập môn học..

**) Kỹ năng làm việc:*

Giao tiếp, ứng xử với trẻ một cách gần gũi, tình cảm; chân tình, cởi mở, thẳng thắn với đồng nghiệp; gần gũi, tôn trọng và hợp tác, chia sẻ với phụ huynh và cộng đồng.

Phân tích, đánh giá được bài soạn và tiết giảng của bản thân và bạn bè, đồng nghiệp

6.3. Thái độ:

Nhận thức được tầm quan trọng của môn học; xây dựng và phát huy tối đa tinh thần tự học thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu trên mạng Internet...

Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn; tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử.

Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà; tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng vào các hoạt động trên lớp

6.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Thể hiện được ý thức tập thể, đoàn kết phấn đấu vì lợi ích chung, lối sống lành mạnh, cẩn thận, trung thực, liêm khiết.

Thể hiện được bản lĩnh tự tin, năng động, sáng tạo, khoa học, duy trì nguyên tắc công tác, có khả năng tự học, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm;

Hợp tác được với bạn học để thực hiện nhiệm vụ được giao.

Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

7. Mô tả nội dung học phần:

Học phần gồm 05 bài học, từ bài 5 đến bài 9 cung cấp cho người học một số hiện tượng ngữ pháp cơ bản: *Thì quá khứ đơn, hiện tại tiếp diễn, tương lai gần, hiện tại hoàn thành, cấu trúc so sánh hơn kém, hơn nhất của tính từ, cách sử dụng trạng từ, giới từ chỉ vị trí, cụm động từ danh từ đếm được và không đếm được và cấu trúc thể hiện lời mời hoặc yêu cầu*; cung cấp cho người học một số từ vựng về các chủ đề: *Kỳ nghỉ, du lịch khám phá, chỉ dẫn,...*

Đồng thời, học phần cũng bao gồm các bài đọc, các bài tập, nhiệm vụ được thiết kế nhằm giúp sinh viên luyện tập và phát triển 04 kỹ năng giao tiếp bằng Tiếng Anh: Nghe, nói, đọc, viết.. Mỗi phần nhỏ được thiết kế dưới hình thức tổ chức các hoạt động giao tiếp nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức ngôn ngữ (Ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng) và giúp sinh viên thực hành các kỹ năng theo mức độ tăng dần từ dễ đến khó và cuối cùng là sử dụng thành thạo ngôn ngữ đã học trong từng bài.

8. Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

*) *Chuyên cần*: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: đọc tài liệu và chuẩn bị các câu hỏi thảo luận trước khi lên lớp; hoàn thành 100% các yêu cầu được giao.

*) *Kiểm tra*: Bao gồm các hình thức sau

Hình thức	Trọng số (tỷ lệ)
- Bài tập cá nhân/1 đơn vị bài học (01 lần điểm hệ số 1)	6 %
- Kiểm tra - đánh giá định kỳ (04 lần điểm hệ số 2)	44 %
- Thi cuối kì (trắc nghiệm 60p)	50%

9. Tài liệu học tập

9.1 Tài liệu bắt buộc:

[1]. New English File – Elementary Student’s Book, Clive Oxenden, Cristina Latham Koeing và Paul Seligson, NXB Thời đại, 2012.

9.2 Tài liệu tham khảo:

[2]. English Grammar in use, Raymond Murphy, NXB TP Hồ Chí Minh, 1995.

[3]. Lifelines – Pre-Intermediate, Tom Hutchinson, Oxford University Press, 2004.

[4]. New Headway– Elementary Student’s Book and Workbook (3rd edition), John and Liz Soars, Oxford University Press, 2010.

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp
- Đi học chuyên cần, cho phép nghỉ học có lý do tối đa 6 tiết học (20% giờ lý thuyết)
- Nộp đúng hạn các loại bài tập, đảm bảo chất lượng bài tập, bài kiểm tra. Bài tập cá nhân, nhóm nộp muộn trừ 02 điểm/ngày; không quá 02 lần không có minh chứng cho việc chuẩn bị các nội dung mà giảng viên yêu cầu.

- Có đầy đủ điểm thành phần của môn học (cho phép thực hiện lại không quá 01 lần bài kiểm tra học trình/học phần nếu không đạt).

- Dụng cụ học tập: Sinh viên phải có đủ giáo trình, ngoài ra có thể tìm đọc thêm các tài liệu tham khảo trên thư viện hoặc truy cập trên Internet.

- Thang điểm: 10/10

11. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số tiết
----------	---------

	LT	TH
5A: Who were they? 5D: Murder in a country house 5C: Girl's night out 5B: Sydney, here we come Practical English/ Writing/ Revise and check	7	6
Test 1	0	2
6A: A house with a history 6B: A night in a haunted hotel 6C: Neighbors from hell 6D: When a man is tired of London Practical English/ Writing/ Revise and check	7	6
Test 2	0	2
7A: What does your food say about? 7B: How much water do we really need? 7C: Changing Holiday 7D: It's written in a cards. Practical English/ Writing/ Revise and check	8	6
Test 3	0	2
8A: The true False Show. 8B: The highest city in the world 8C: Would you like to drive a Ferrari 8D: They dress well but drive badly Practical English/ Writing/ Revise and check	8	6
Test 4	0	2
9A: Before we meet 9B: I've read the book. I've seen the film. Grammar/ Vocabulary/ Pronunciaion		
Tổng cộng	30	60

*** Hướng dẫn thực hiện**

- Giáo viên có đầy đủ tài liệu (giáo trình, sách tham khảo) để hướng dẫn sinh viên học và tự học học phần Tiếng Anh 2.
- Sinh viên làm bài tập theo yêu cầu, khuyến khích tìm tòi, sáng tạo trong cách thể hiện.

12. Cấp phê duyệt

13. Ngày phê duyệt

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Pháp luật đại cương

2. Số tín chỉ: 2 (2;0)

3.Trình độ: Cao đẳng

4. Phân bố thời gian: Học kỳ 2 năm thứ nhất.

- Lý thuyết: 30 tiết

- Thực hành: 0 tiết

5. Điều kiện tiên quyết: không

6. Mục tiêu học phần:

6.1. Kiến thức:

***) Kiến thức tổng quát**

- Người học được trang bị những kiến thức cơ bản về các vấn đề lý luận chung về nhà nước, pháp luật Việt Nam; những quy định cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam

- Trang bị khả năng tự cập nhật kiến thức pháp luật cơ bản.

- Hình thành ý thức pháp luật, có trách nhiệm công dân.

***) Kiến thức chuyên môn**

- Trình bày được những vấn đề lý luận chung về pháp luật như: nguồn gốc của pháp luật, hình thức pháp luật, quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.

- Phân tích được các quy định của pháp luật Việt Nam trong các ngành luật cơ bản như: Hiến pháp, Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật Lao động, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật phòng chống tham nhũng

- Phân tích được quyền và nghĩa vụ pháp lý của chủ thể trong một quan hệ pháp luật nhất định

- Chỉ ra các quy định về tổ chức bộ máy nhà nước của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Xác định hành vi nào là vi phạm pháp luật và việc áp dụng trách nhiệm pháp lý đối với chủ thể vi phạm pháp luật; hệ thống các ngành luật hiện tại của Việt Nam; nguyên tắc và các biện pháp tăng cường pháp chế XHCN của Nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay.

6.2. Kỹ năng:

***) Kỹ năng chuyên môn:**

- Có khả năng vận dụng, liên hệ kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tế.

- Nhận diện, đánh giá được các tình huống pháp lý cơ bản.

- Thích ứng được với sự thay đổi của hệ thống pháp luật.

***) Kỹ năng làm việc:**

- Có khả năng làm việc nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề pháp lý liên quan.

6.3. Thái độ:

- Nhận thức và có trách nhiệm của công dân

- Có phẩm chất đạo đức tốt, có thái độ tôn trọng và chấp hành pháp luật.

6.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có ý thức trách nhiệm công dân, ý thức kỷ luật và thái độ nghề nghiệp đúng đắn.

7. Mô tả nội dung học phần:

Học phần giới thiệu những vấn đề lý luận cơ bản của học thuyết Mác-Lênin về nhà nước và pháp luật từ nguồn gốc, bản chất, hình thức, chức năng cũng như các kiểu nhà nước và pháp luật đã hình thành, tồn tại và phát triển qua các hình thái kinh tế xã hội khác nhau trong lịch sử nhân loại. Học phần bao gồm việc nghiên cứu vị trí của nhà nước trong hệ thống chính trị, cấu

thành bộ máy nhà nước, các hệ thống cơ quan nhà nước. Khối lượng lớn kiến thức cơ bản thuộc các ngành luật thông dụng của Việt Nam cũng được giới thiệu như quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tội phạm, vi phạm pháp luật hành chính, quy định của pháp luật về kết hôn, ly hôn, thừa kế, nhận diện hành vi tham nhũng...

8. Phương pháp dạy học:

- Thuyết trình: giảng viên diễn giải các vấn đề mang tính lý luận để người học làm nền tảng cho việc tự nghiên cứu và giải quyết các tình huống có liên quan đến nội dung môn học. Bên cạnh đó, phương pháp này sử dụng khi giới thiệu các quy định của pháp luật nhằm giúp người học dễ nắm bắt một cách có hệ thống. Phương pháp này cũng được sử dụng để định hướng cho người học trước khi nghiên cứu, chuẩn bị các chuyên đề được giao; tổng kết lại các vấn đề thảo luận, trình bày trong các buổi thuyết trình của người học.

- Phương pháp đàm thoại, giải quyết vấn đề trong các tình huống pháp luật được đưa ra trong bài học để giới thiệu nội dung cơ bản của một số ngành luật.

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự đầy đủ các buổi lên lớp, thảo luận theo quy định với ý thức học tập tích cực, tự giác chủ động, thực hiện nghiên cứu và hoàn thành các yêu cầu của bài học.

- Tham dự kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ

- Tham dự thi kết thúc học phần.

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

10. Tài liệu học tập

- Giáo trình Pháp luật đại cương – Bộ giáo dục và Đào tạo - NXB Đại học sư phạm - NXB 2018.

- Giáo trình tham khảo:

+ Pháp luật đại cương - Dành trong các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp - Lê Minh Toàn (chủ biên) – NXB Chính trị quốc gia - NXB 2013

+ Lý luận Nhà nước và Pháp luật - Lê Minh Tâm - NXB Tư pháp- NXB 2020.

+ Luật Dân sự Việt Nam, tập 1,2 - Lê Đình Nghi - NXB Công an Nhân dân- NXB 2020.

+ Đại học Luật Hà Nội, Luật Hình sự Việt Nam, tập 1,2 – ĐH Luật Hà Nội - NXB Công an Nhân dân - NXB 2020

+, Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam- Đại học Luật Hà Nội - NXB Công an Nhân dân- NXB 2021.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt và tích cực thảo luận trong quá trình học tập, làm bài tập đầy đủ.

- Làm đầy đủ các bài kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra giữa kỳ và bài thi học phần.

- Thể hiện được sự tìm tòi, khả năng sáng tạo trong quá trình học tập.

- Thang điểm: 10/10

12. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số tiết	
	LT	TH
Chương 1: Một số vấn đề lý luận cơ bản về Nhà Nước và Pháp luật 1.1. Nguồn gốc, bản chất, đặc trưng cơ bản của Nhà nước: (2 tiết) 1.2. Chức năng, hình thức nhà nước và pháp luật 1.3. Bộ máy Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam (2 tiết) + Khái niệm bộ máy nhà nước. + Bộ máy Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam	04	
Chương 2: Quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật 2.1. Quy phạm pháp luật (1 tiết) 2.2. Quan hệ pháp luật (1 tiết) 2.3. Sự kiện pháp lý	02	

Chương 3. Thực hiện Pháp luật, Vi phạm pháp luật và Trách nhiệm pháp lý 3.1. Thực hiện pháp luật (2 tiết) 3.2. Vi phạm pháp luật (2 tiết) 3.3. Trách nhiệm pháp lý	04	
Chương 4. Luật Hiến pháp 4.1. Khái niệm và Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh (1 tiết) 4.2. Một số nội dung cơ bản của luật Hiến pháp (1 tiết)	02	
Chương 5. Luật Dân sự 5.1. Khái niệm 5.2. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh (1 tiết) 5.3. Một số nội dung cơ bản của ngành luật dân sự (3 tiết)	04	
Chương 6. Luật Hình sự 6.1. Khái niệm 6.2. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh (1 tiết) 6.3. Những nội dung cơ bản của ngành luật hình sự (3 tiết)	04	
Chương 7. Luật Hành chính và tổ tụng Hành chính 7.1. Khái niệm 7.2. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh (2 tiết) 7.3. Khiếu nại hành chính (1 tiết) 7.4. Khiếu kiện hành chính (1 tiết)	04	
Chương 8. Luật hôn nhân và gia đình 8.1. Khái niệm 8.2. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh (1 tiết) 8.3. Một số nội dung cơ bản của ngành luật hôn nhân và gia đình (1 tiết)	02	
Chương 9. Luật Lao động 9.1. Khái niệm 9.2. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh (1 tiết) 9.3. Một số nội dung cơ bản của ngành luật lao động (1 tiết)	02	
Chương 10. Pháp luật về phòng chống tham nhũng 10.1. Khái quát về tham nhũng 10.2. Đặc điểm của Hành vi tham nhũng (1 tiết) 10.3. Khái niệm phòng và chống tham nhũng, các tội phạm về tham nhũng (1 Tiết).	02	

* Hướng dẫn thực hiện

- Đây là môn học lý thuyết với yêu cầu người học có được nhận thức và ý thức thượng tôn pháp luật. Vì vậy cần sự nỗ lực học tập và tìm hiểu tài liệu pháp luật theo quy định hiện hành của người học.

13. Cấp phê duyệt

14. Ngày phê duyệt

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG
Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Kỹ năng giao tiếp

2. Số tín chỉ: 2 (2;0)

3.Trình độ: Cao đẳng

4. Phân bố thời gian: Học kỳ 1 năm thứ nhất.

- Lý thuyết: 27 tiết

- Thực hành, kiểm tra: 03 tiết

5. Điều kiện tiên quyết: Không

6. Mục tiêu học phần:

6.1. Kiến thức:

- Sinh viên lĩnh hội được khái niệm giao tiếp, vai trò, chức năng, phân loại giao tiếp. Liệt kê được cấu trúc của giao tiếp và các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình giao tiếp; nội dung cơ bản của các phương tiện giao tiếp bao gồm cả giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ

- Nhận thức được lối ứng xử theo truyền thống dân tộc, theo thông lệ quốc tế, phù hợp với sự phát triển kinh tế- xã hội trong giai đoạn hiện nay.

6.2. Kỹ năng:

- Hình thành kỹ năng thiết lập, phát triển, củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp sau này.

- Kỹ năng sử dụng tối ưu các phương tiện giao tiếp (bao gồm cả giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ) để nâng cao hiệu quả trong giao tiếp.

6.3. Thái độ:

- Sinh viên nhận thấy được tầm quan trọng của việc trở thành một người giao tiếp giỏi trong công tác.

- Hình thành cho sinh viên ý thức đúng đắn đối với môn học cũng như ý thức rèn luyện các phẩm chất giao tiếp của bản thân

- Hình thành lối ứng xử lịch sự trong giao tiếp và có văn hóa trong cộng đồng.

6.4. Năng lực cần đạt:

Môn học, học phần đóng vai trò chủ yếu đối với sự phát triển Năng lực giao tiếp:

- Phân tích được khái niệm GT.

- Vẽ và giải thích các sơ đồ mạng truyền thông giao tiếp.

- Phân tích được sự ảnh hưởng của cách phát âm, tốc độ , nhịp độ nói và các biểu hiện phi ngôn ngữ khác trong giao tiếp.

- Vận dụng kiến thức để xử lý có hiệu quả các tình huống giao tiếp.

- Vận dụng được các cách thức giao tiếp trong tổ chức trong quá trình học tập, làm việc đạt hiệu quả.

- Biết lập kế hoạch và tiến hành cuộc thương lượng.

- Bày tỏ các quan điểm cá nhân trong GT theo VH dân tộc mình.

7. Mô tả nội dung học phần:

Kỹ năng giao tiếp nhóm môn học cơ sở chuyên ngành trong chương trình đào tạo, là môn học lý thuyết vừa là môn học thực hành, trong chương trình sinh viên được trang bị các kiến thức cơ bản về giao tiếp, ứng xử, đồng thời thực hành và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức môn học vào các tình huống giao tiếp hàng ngày cũng như trong nghiệp vụ sau này.

8. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia đầy đủ các buổi lên lớp.

- Làm đủ các bài tập quy định, bài kiểm tra học trình, thi học phần.

9. Tài liệu học tập

- Giáo trình kỹ năng giao tiếp, Ths Chu Văn Đức. Sở GD và Đào tạo Hà nội. NXB Giáo dục 2005.

- Giáo trình Kỹ năng giao tiếp. Nguyễn Thị Oanh 2007. NXB Khoa học - xã hội, Thành phố HCM

- Kỹ năng GT và làm việc theo nhóm. TS Đặng Tùng Hoa và các giảng viên, Trường ĐH Thủy lợi.

- Giao tiếp sư phạm, PGS.TS Ngô Công Hoàn; PGS.TS Hoàng Anh, NXBGD năm 2001

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Dự lớp, thực hành bài tập đầy đủ, kiểm tra, thi học phần.

- Hiểu biết và vận dụng kiến thức kỹ năng giao tiếp.

- Thang điểm: 10/10

11. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số tiết	
	LT	TH
Chương 1: Khái quát chung về giao tiếp (2:0) 1. Khái niệm giao tiếp 1.1. Giao tiếp là gì 1.2. Vai trò của giao tiếp 2. Chức năng giao tiếp 2.1. Nhóm chức năng xã hội 2.1. Nhóm chức năng tâm lý 3. Phân loại giao tiếp		
Chương 2: Cấu trúc của giao tiếp (3:0) 1. Truyền thông trong giao tiếp 1.1. Truyền thông giữa hai cá nhân 1.2. Truyền thông trong tổ chức 2. Nhận thức trong giao tiếp 2.1. Nhận thức đối tượng giao tiếp 2.2. Tự nhận thức trong giao tiếp 2.3. Tăng cường hiểu biết lẫn nhau trong giao tiếp 3. Ảnh hưởng tác động qua lại trong giao tiếp 3.1. Lây lan cảm xúc 3.2. Âm thị 3.3. Áp lực nhóm 3.4. Bắt chước		
Chương 3: Các phương tiện giao tiếp (3:0) 1. Ngôn ngữ 1.1. Nội dung của ngôn ngữ 1.2. Phát âm, giọng nói, tốc độ nói 1.3. Phong cách ngôn ngữ 2. Các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ. 2.1. Ánh mắt, nét mặt và nụ cười 2.2. Ăn mặc, trang điểm và trang sức 3. Tư thế và động tác. 4. Khoảng cách, vị trí và kiểu bàn ghế. 5. Quà tặng		
Chương 4: Phong cách giao tiếp (2:0) 1. Khái niệm phong cách giao tiếp. 1.1. Định nghĩa 1.2. Đặc trưng của phong cách giao tiếp 2. Các loại phong cách giao tiếp. 2.1. Phong cách giao tiếp dân chủ. 2.2. Phong cách giao tiếp độc đoán 2.3. Phong cách giao tiếp tự do.		

Chương 5: Các kỹ năng giao tiếp cơ bản (4:1) 1. Kỹ năng lắng nghe 1.1. Lợi ích của việc lắng nghe 1.2. Những yếu tố cản trở việc lắng nghe có hiệu quả 1.3. Các mức độ lắng nghe và kỹ năng nghe có hiệu quả. 2. Kỹ năng đặt câu hỏi. 2.1. Dùng câu hỏi để thu thập thông tin. 2.2. Dùng câu hỏi với mục đích khác nhau. 3. Kỹ năng thuyết phục. 3.1 Thuyết phục là gì. 3.2. Những điểm cần lưu ý khi thuyết phục người khác. 3.3. Quy trình thuyết phục người khác. 4. Kỹ năng thuyết trình. 4.1. Thuyết trình là gì. 4.2. Các bước thuyết trình. 5. Kỹ năng đọc và tóm tắt văn bản. 5.1. Kỹ năng đọc. 5.2. Kỹ năng tóm tắt văn bản 6. Kỹ năng viết 6.1. Giai đoạn chuẩn bị viết. 6.2. Giai đoạn viết. * Kiểm tra 1 tiết	4	1
Chương 6: Giao tiếp trực tiếp (3.0 tiết) 1. Chào hỏi, bắt tay, giới thiệu, trao danh thiếp 1.1. Chào hỏi. 1.2. Bắt tay. 1.3. Giới thiệu 1.4. Trao danh thiếp 2. Khen, phê bình, từ chối. 2.1. Khen 2.2. Phê bình. 2.3. Từ chối. 3. Trò chuyện, kể chuyện. 3.1. Trò chuyện 3.2. Kể chuyện. 4. Tiếp khách, yến tiệc. 4.1. Tiếp khách. 4.2. Đãi khách bằng tiệc. Kiểm tra giữa kì: 1 tiết		
Chương 7: Thương lượng (2.0 tiết). 1. Khái niệm về thương lượng 1.1. Định nghĩa thương lượng. 1.2. Nguyên nhân của thương lượng. 1.3. Phân loại thương lượng. 2. Đặc điểm và vấn đề đánh giá thương lượng 2.1. Đặc điểm thương lượng. 2.2. Đánh giá cuộc thương lượng. 3. Các kiểu thương lượng. 3.1. Thương lượng kiểu mềm. 3.2. Thương lượng kiểu cứng. 3.3. Thương lượng dựa trên những nguyên tắc khách quan. 4. Quá trình thương lượng.		

4.1. Giai đoạn chuẩn bị. 4.2. Giai đoạn tiếp xúc. 4.3. Giai đoạn tiến hành thương lượng 4.4. Đi đến thỏa thuận và ký kết hợp đồng.		
Chương 8: Giao tiếp qua điện thoại (2:0) 1. Tầm quan trọng của điện thoại. 2. Sử dụng điện thoại. 2.1. Gọi điện thoại. 2. Nhận điện thoại. 3. Những điều cần chú ý khi sử dụng điện thoại.		
Chương 9: Giao tiếp qua thư tín (3:0) 1. Khái niệm, phân loại và kết cấu của thư tín. 1.1. Khái niệm thư tín. 1.2. Phân loại thư tín. 1.3. Kết cấu thư tín. 2. Nguyên tắc và cách viết thư tín. 2.1. Nguyên tắc viết thư tín. 2.2. Cách viết thư tín. 3. Viết một lá thư cụ thể. 3.1. Các thư về đặt hàng. 3.2. Thư khiếu nại. 3.3. Các loại thư xã giao.		
Chương 10: Giao tiếp văn phòng (2.0 tiết) 1. Các loại hình giao tiếp văn phòng. 1.1. Giao tiếp với cấp trên. 1.2. Giao tiếp với cấp dưới. 1.3. Giao tiếp với đồng nghiệp. 1.4. Giao tiếp với khách hàng. 1.5. Giao tiếp với người cung ứng. 2. Nguyên tắc giao tiếp văn phòng.		
Chương 11: Văn hóa giao tiếp của người Việt Nam và người nước ngoài (2.0 tiết) 1. Văn hóa giao tiếp của người Việt nam. 2. Văn hóa giao tiếp của người nước ngoài. 2.1. Văn hóa giao tiếp của người châu Âu và người Mỹ. 2.2. Người châu Á.		

12. Cấp phê duyệt

13. Ngày phê duyệt

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên môn học: Công nghệ thông tin cơ bản

2. Mã môn học: MH

3. Thời gian thực hiện môn học: 90 giờ (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 56 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)

4. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn Công nghệ thông tin cơ bản là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo cao đẳng.

- Tính chất: Chương trình môn học bao gồm nội dung tổng quan về công nghệ thông tin cũng như việc sử dụng máy tính trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp sau này.

5. Mục tiêu môn học:

** Về kiến thức:*

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về CNTT và mạng máy tính như: các khái niệm cơ bản, phần cứng, phần mềm, hiệu năng máy tính, vấn đề an toàn lao động và bảo vệ môi trường, an toàn thông tin cơ bản và một số vấn đề liên quan đến pháp luật trong sử dụng CNTT. Đồng thời liệt kê được các ứng dụng của CNTT trong kinh doanh, liên lạc và truyền thông.

- Mô tả được cách thực hiện một số thao tác với: Hệ điều hành, phần mềm tiếng việt, máy in; Đồng thời gọi tên và mô tả cách thực hiện một số thao tác trên các phần mềm tiện ích thông dụng.

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về internet như: Các khái niệm liên quan, gọi tên và mô tả cách sử dụng các trình duyệt web; Thao tác với hòm thư điện tử.

- Gọi tên được một số phần mềm soạn thảo văn bản và mô tả được cách thực hiện một số thao tác trên phần mềm soạn thảo văn bản Microsoft Word 2010 như: Cấu hình phần mềm, thao tác với tệp tin, định dạng văn bản, thao tác với bảng biểu,.....

- Gọi tên được một số phần mềm bảng tính và mô tả được cách thực hiện một số thao tác trên phần mềm bảng tính Microsoft Excel 2010 như: Cấu hình phần mềm, thao tác với ô tính - trang tính, định dạng dữ liệu, thao tác trên biểu đồ...; Đồng thời gọi tên, mô tả cú pháp một số hàm cơ bản;

- Gọi tên được một số phần mềm trình chiếu và mô tả được cách thực hiện một số thao tác trên phần mềm trình chiếu Microsoft Power Point 2010 như: Cấu hình phần mềm, thao tác với bài thuyết trình, trang thuyết trình, trình chiếu,

** Kỹ năng:*

- Nhận diện được phần cứng, phần mềm của máy tính, các ứng dụng của CNTT trong kinh doanh, liên lạc và truyền thông; Đồng thời xác định được hiệu năng của máy tính đang sử dụng.

- Thực hiện được một số thao tác với: Hệ điều hành, phần mềm tiếng việt, máy in và các phần mềm tiện ích thông dụng theo sự hướng dẫn.

- Thực hiện được các thao tác cơ bản trên một trình duyệt web và hòm thư điện tử theo sự hướng dẫn.

- Thực hiện được một số thao tác trên phần mềm soạn thảo văn bản Microsoft Word 2010 như: Cấu hình phần mềm, thao tác với tệp tin, định dạng văn bản, thao tác với bảng biểu,..... theo sự hướng dẫn.

- Thực hiện một số thao tác trên phần mềm bảng tính Microsoft Excel 2010 như: cấu hình phần mềm, thao tác với ô tính - trang tính, định dạng dữ liệu, thao tác trên biểu đồ...; Đồng thời biết sử dụng một số hàm cơ bản vào giải quyết một số bài toán cụ thể theo sự hướng dẫn.

- Thực hiện được một số thao tác trên phần mềm trình chiếu Microsoft Power Point 2010 như: cấu hình phần mềm, thao tác với bài thuyết trình, trang thuyết trình, trình chiếu, theo sự hướng dẫn.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- Nhận thức được tầm quan trọng và thực hiện đúng quy định của pháp luật, có trách nhiệm trong việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

6. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương I. Tổng quan về CNTT và sử dụng máy tính	13	5	8	
2	Chương II. Internet	10	2	8	
3	Chương III. Phần mềm xử lý văn bản	25	9	15	1
4	Chương IV. Phần mềm bảng tính	24	8	14	2
5	Chương V. Phần mềm trình chiếu	18	6	11	1
	Cộng	90	30	56	4

2. Nội dung chi tiết

Chương 1. Tổng quan về CNTT cơ bản và sử dụng máy tính

Thời gian: 13 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được 4 khái niệm (máy tính cá nhân, thiết bị di động cầm tay, lưu trữ trên mạng, lưu trữ trực tuyến) và các vấn đề về an toàn lao động và bảo vệ môi trường, an toàn thông tin cơ bản và một số vấn đề liên quan đến pháp luật trong sử dụng CNTT; Đồng thời liệt kê và nhận diện được các ứng dụng của CNTT trong kinh doanh, liên lạc và truyền thông.

- Liệt kê và nhận diện được các thiết bị phần cứng dùng để: Nhập, xuất dữ liệu, kết nối các thiết bị phần cứng qua các cổng giao tiếp; Xác định được hiệu năng làm việc của máy tính. Nêu được khái niệm và nhận diện được 2 loại phần mềm: Phần mềm mã nguồn mở, phần mềm thương mại; Đồng thời gọi được tên và chỉ ra chức năng của một số phần mềm mã nguồn mở thông dụng

- Mô tả được cách thực hiện một số thao tác với hệ điều hành (thao tác với màn hình, thao tác với thư mục - tệp tin, thùng rác); Gọi tên và mô tả cách sử dụng phần mềm tiếng việt; Nêu được các khái niệm cơ bản và mô tả cách thực hiện một số thao tác cơ bản với máy in (thực hiện in, xem tiến trình, dừng in, ...)

- Gọi tên và mô tả cách thực hiện một số thao tác trên 4 phần mềm tiện ích thông dụng (nén và giải nén, diệt virus, đổi định dạng tệp, đa phương tiện)

- Liệt kê và nhận diện được các thiết bị phần cứng cơ bản khác của máy tính

- Thực hiện được các thao tác cơ bản khác trên hệ điều hành

- Download và sử dụng các phần mềm mã nguồn mở và phần mềm tiện ích khác phục vụ công việc và đời sống

- Mô tả các thủ thuật khi thao tác với hệ điều hành

2. Nội dung chương

I.1. Một số khái niệm

I.1.1. Máy tính cá nhân

I.1.2. Thiết bị di động cầm tay

I.1.3. Lưu trữ trên mạng

I.1.4. Lưu trữ trực tuyến

I.2. Phần cứng máy tính

I.2.1. Thiết bị nhập

I.2.2. Thiết bị xuất

I.2.3. Cổng giao tiếp

I.3. Phần mềm máy tính

- I.3.1. Cách thức tạo ra phần mềm
 - I.3.2. Phần mềm mã nguồn mở
 - I.3.2.1. Khái niệm
 - I.3.2.2. Một số phần mềm mã nguồn mở thông dụng
 - I.3.3. Phần mềm thương mại
- I.4. Hiệu năng của máy tính
- I.5. Mạng máy tính và truyền thông
 - I.5.1. intranet
 - I.5.2. extranet
 - I.5.3. Download
 - I.5.4. Upload
 - I.5.5. Băng thông
- II. Ứng dụng của CNTT và truyền thông
 - II.1. Một số ứng dụng công và ứng dụng trong kinh doanh
 - II.2. Một số ứng dụng phổ biến để liên lạc, truyền thông
- III. Tổng quan về việc sử dụng máy tính
 - III.1. Kích hoạt và tắt bàn phím ảo
 - III.2. Sử dụng bảng chạm (touchpad).
- IV. Thao tác với hệ điều hành
 - IV.1. Thao tác với màn hình
 - IV.1.1. Thay đổi cấu hình màn hình làm việc
 - IV.1.2. Thay đổi ngôn ngữ của bàn phím
 - IV.1.3. Thay đổi hình nền
 - IV.1.4. Thay đổi giao diện
 - IV.1.5. Cài đặt/ gỡ bỏ một phần mềm ứng dụng
 - IV.2. Thao tác với thư mục, tệp tin
 - IV.2.1. Thiết bị lưu giữ thư mục
 - IV.2.2. Các đặc trưng của tệp tin
 - IV.2.3. Thay đổi trạng thái tệp tin
 - IV.2.4. Chia sẻ thư mục, tệp tin trên mạng LAN
 - IV.2.5. Khôi phục thư mục, tệp tin từ thùng rác
 - IV.3. Dọn dẹp thùng rác
- V. Một số phần mềm tiện ích
 - V.1. Nén và giải nén tệp
 - V.2. Phần mềm diệt virus, phần mềm an ninh mạng
 - V.3. Chuyển đổi định dạng tệp
 - V.4. Đa phương tiện
- VI. Sử dụng tiếng việt
 - VI.1. Một số phần mềm gõ tiếng việt thông dụng
 - VI.2. Cài đặt một số phần mềm hỗ trợ tiếng Việt
 - VI.3. Chuyển đổi phông chữ việt
 - VI.4. Sử dụng nhiều ngôn ngữ trong một tệp tin
- VII. Sử dụng máy in
 - VII.1. Cài đặt máy in
 - VII.2. Chia sẻ máy in mạng
 - VII.3. In
 - VII.3.1. Một số khái niệm cơ bản
 - VII.3.1.1. Hàng đợi in
 - VII.3.1.2. Tác vụ in
 - VII.3.2. Một số thao tác cơ bản
 - VII.3.2.1. In tài liệu từ một ứng dụng
 - VII.3.2.2. Xem tiến trình trong hàng đợi

- VII.3.2.3. Dừng tác vụ in
- VII.3.2.4. Khởi động lại tác vụ in
- VII.3.2.5. Xóa tác vụ in
- VIII. An toàn lao động và bảo vệ môi trường trong sử dụng CNTT
 - VIII.1. An toàn lao động
 - VIII.2. Bảo vệ môi trường
- IX. An toàn thông tin cơ bản
 - IX.1. Kiểm soát truy nhập, bảo vệ an toàn cho dữ liệu
 - IX.2. Phần mềm độc hại
- X. Một số vấn đề cơ bản liên quan đến pháp luật trong sử dụng CNTT
 - XI.1. Bản quyền
 - XI.2. Bảo vệ dữ liệu

Chương 2. Internet

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu
 - Trình bày được 3 khái niệm về Internet: ISP, Popup, Cookie.
 - Mô tả được cách thực hiện các thao tác duyệt Web (Sử dụng chức năng trợ giúp, hiển thị trang web trên cửa sổ mới, ngừng/khôi phục tải trang web, chuyển hướng trang web bằng lịch sử duyệt, đánh dấu trang Web), sử dụng Web (Thiết lập một biểu mẫu trên Web, thao tác trên trang mạng dịch vụ hành chính công trực tuyến, khai thác một số trang Web) và thiết đặt (Trang chủ, lịch sử duyệt Web, Pop-up, Cookie, xóa các tệp tin trung gian, tệp tin tạm thời lấy về từ Internet.).
 - Trình bày khái niệm lừa đảo và đồng thời mô tả cách thực hiện các thao tác với thư điện tử (Sử dụng chức năng trợ giúp, sao chép dữ liệu từ một nguồn khác vào trong thư điện tử, sử dụng công cụ kiểm tra và sửa lỗi chính tả, thư nháp, trả lời thư), các thao tác quản lý thư điện tử.
 - Liệt kê được một số vấn đề bảo mật khi làm việc với Internet; một số dạng truyền thông số thông dụng (Dịch vụ nhắn tin tức thời, cộng đồng trực tuyến, thương mại điện tử và ngân hàng điện tử).
 - Thực hiện được các thao tác cơ bản khác khi duyệt Web và các thao tác thiết đặt khác trên trình duyệt Web.
 - Thực hiện được các thao tác khác đối với thư điện tử.
 - Chỉ ra một số thủ thuật khi thao tác trên internet
2. Nội dung chương
 - I. Tổng quan về Internet
 - I.1. Một số khái niệm
 - I.1.1. ISP
 - I.1.2. Pop-up
 - I.1.3. Cookie
 - I.2. Bảo mật khi làm việc với internet
 - I.2.1. Một số rủi ro khi làm việc với internet
 - I.2.2. Website bảo mật
 - I.2.3. Kiểm soát việc sử dụng internet
 - II. Trình duyệt web
 - II.1. Duyệt web
 - II.1.1. Trợ giúp của trình duyệt web
 - II.1.2. Thao tác trên trang web
 - II.1.2.1. Hiển thị trang web trong cửa sổ/tab mới
 - II.1.2.2. Ngừng tải trang web
 - II.1.2.3. Khôi phục việc tải trang web
 - II.1.2.4. Chuyển hướng trang web bằng lịch sử duyệt web
 - II.1.2.5. Đánh dấu trang web
 - II.2. Sử dụng web
 - II.2.1. Thiết lập một biểu mẫu trên web
 - II.2.2. Thao tác trên trang mạng dịch vụ hành chính công trực tuyến
 - II.2.3. Khai thác một số websie

- II.2.3.1. Website từ điển, bách khoa toàn thư
- II.2.3.2. Website chứa nội dung đa phương tiện
- II.3. Thiết đặt
 - II.3.1. Trang chủ
 - II.3.2. Lịch sử duyệt web
 - II.3.3. Pop-up
 - II.3.4. Cookie
 - II.3.5. Xóa các tệp tin trung gian, tệp tin tạm thời lấy về từ Internet
- III. Thư điện tử
 - III.1. Khái niệm lừa đảo (phishing)
 - III.2. Thao tác với thư điện tử
 - III.2.1. Sử dụng chức năng trợ giúp
 - III.2.2. Sao chép dữ liệu từ một nguồn khác vào trong thư điện tử
 - III.2.3. Sử dụng công cụ kiểm tra và sửa lỗi chính tả
 - III.2.4. Thư nháp
 - III.2.5. Trả lời thư
 - III.3. Quản lý thư điện tử
- IV. Một số dạng truyền thông số thông dụng
 - IV.1. Dịch vụ nhắn tin tức thời
 - IV.2. Cộng đồng trực tuyến
 - IV.3. Thương mại điện tử và ngân hàng điện tử

Chương 3. Phần mềm xử lý văn bản

Thời gian: 25 giờ

- 1. Mục tiêu
 - Liệt kê được một số phần mềm xử lý văn bản.
 - Mô tả được cách thực hiện một số thao tác cơ bản với phần mềm Microsoft Word 2010: Cấu hình phần mềm, thao tác với tệp tin (Thay đổi kích thước, mở nhiều tệp tin, sắp xếp các tệp tin, di chuyển giữa các tệp tin, Chuyển tài liệu khác nhau thành văn bản)
 - Mô tả được cách thực hiện một số thao tác cơ bản khi soạn thảo văn bản: Định dạng văn bản (Định dạng chỉ số trên, chỉ số dưới; Chuyển đổi chữ hoa, chữ thường; Ngắt từ, ngắt dòng, ngắt đoạn; Định dạng tab; Thay đổi kiểu tự động; Định dạng đường viền, bóng nền), thao tác với bảng biểu (Thao tác với đường viền, Định dạng kiểu dáng ô, sao chép định dạng), thao tác với hộp văn bản (Tạo, định dạng, lưu hộp văn bản), thao tác với kiểu dáng (Style), thao tác với hình minh họa (Chèn hình minh họa; Chọn, sao chép, di chuyển, thay đổi kích thước, xóa hình minh họa), tham chiếu (Tạo chú thích chân trang, cuối bài, sửa/xóa số trang).
 - Trình bày được cách thức thực hiện một số thao tác khác khi xử lý văn bản: Style, xử lý lỗi hiển thị tiếng việt, hoàn tất văn bản (Tạo tiêu đề đầu trang, chân trang, bảo vệ văn bản), in và phân phối văn bản (Kết xuất văn bản; Phân phối qua Email, qua không gian mạng)
 - Chỉ ra được các chú ý khi thực hiện các thao tác trên
 - Thực hiện được các thao tác khác để soạn thảo các văn bản
 - Thực hiện soạn thảo các văn bản theo đúng mẫu
 - Chỉ ra một số thủ thuật khi thực hiện thao tác soạn thảo văn bản
 - Chỉ ra một số thao tác nâng cao khi soạn thảo văn bản
- 2. Nội dung chương
 - I. Một số phần mềm xử lý văn bản
 - II. Phần mềm Microsoft Word
 - II.1. Cấu hình phần mềm
 - II.2. Thao tác với tệp tin
 - II.1.1. Thay đổi kích thước
 - II.1.2. Mở nhiều tệp tin
 - II.1.3. Sắp xếp các tệp tin
 - II.1.4. Di chuyển giữa các tệp tin
 - II.1.5. Chuyển tài liệu từ các định dạng khác thành văn bản

- II.3. Xử lý lỗi hiển thị tiếng việt
- II.4. Định dạng văn bản
 - II.4.1. Định dạng chỉ số trên, chỉ số dưới
 - II.4.2. Chuyển đổi chữ hoa, chữ thường
 - II.4.3. Ngắt từ, ngắt dòng, ngắt đoạn
 - II.4.4. Định dạng cách (tab)
 - II.4.5. Thay đổi kiểu tự động
 - II.4.6. Định dạng đường viền, bóng/nền
- II.5. Kiểu dáng (Style)
 - II.5.1. Khái niệm
 - II.5.2. Thao tác với kiểu dáng
 - II.5.3. Công cụ sao chép định dạng
- II.6. Thao tác với bảng biểu
 - II.6.1. Thao tác với đường viền
 - II.6.2. Định dạng kiểu dáng cho ô của bảng
 - II.6.3. Sao chép định dạng
- II.7. Thao tác với hình minh họa (đối tượng đồ họa)
- II.8. Thao tác với hộp văn bản
- II.9. Tham chiếu
 - III.11.1. Chú thích chân trang, cuối bài
 - III.11.2. Sửa/ xóa số trang
- II.10. Hoàn tất văn bản
 - II.10.1. Tiêu đề đầu trang, chân trang
 - II.10.2. Bảo vệ văn bản
- II.11. In và phân phối văn bản
 - II.11.1. In văn bản
 - II.11.2. Phân phối văn bản
 - II.11.2.1. Kết xuất văn bản
 - II.11.2.2. Qua email
 - II.11.2.3. Qua không gian mạng

Chương 4. Phần mềm bảng tính

Thời gian: 24 giờ

1. Mục tiêu
 - Trình bày tổng quan về bảng tính và phần mềm bảng tính, đồng thời mô tả thao tác mở, đóng phần mềm và chỉ ra các thành phần trên giao diện phần mềm.
 - Trình bày được các thao tác: Với bảng tính (Mở, đóng bảng tính; Mở nhiều bảng tính và sắp xếp bảng tính; Phóng to, thu nhỏ bảng tính; Tạo bảng tính mới theo mẫu cho trước; Lưu bảng tính; Chuyển từ bảng tính này sang bảng tính khác) thao tác với ô tính (Nhập dữ liệu; Biên tập các ô, sắp xếp thứ tự các ô; Sao chép, di chuyển nội dung ô), các thao tác trên trang tính (Thao tác với dòng và cột, thao tác với trang tính).
 - Trình bày được khái niệm biểu thức, địa chỉ tương đối, địa chỉ tuyệt đối, ứng dụng của biểu thức; Chỉ ra cách tạo các biểu thức số học đơn giản và một số lỗi thường gặp. Đồng thời mô tả cú pháp và trình bày ý nghĩa của các hàm: Hàm tập hợp (SUM, AVERAGE, MIN, MAX, COUNT, COUNTA, ROUND), hàm logic, hàm thời gian, hàm ngày tháng, hàm tìm kiếm.
 - Trình bày được một số thao tác xử lý bảng tính: Định dạng ô vùng (Định dạng kiểu số, ngày tháng, tiền tệ; Định dạng văn bản; Căn chỉnh, tạo hiệu ứng viền), biểu đồ (Tạo biểu đồ và hiệu chỉnh biểu đồ), in và phân phối bảng tính (Cấu hình trang in, kiểm tra và in, phân phối trang tính).
 - Áp dụng các hàm: Tập hợp; hàm logic; hàm thời gian, ngày tháng; hàm tìm kiếm vào giải quyết các bảng tính theo yêu cầu.
 - Chỉ ra các chú ý khi sử dụng các hàm vào giải quyết các bảng tính.
 - Thực hiện được một số hàm thông dụng khác vào xử lý các bảng tính.
 - Chỉ ra một số thủ thuật khi thực hiện thao tác xử lý bảng tính

- Chỉ ra một số thao tác nâng cao khi xử lý bảng tính

2. Nội dung chương

I. Tổng quan về bảng tính

II. Tổng quan về phần mềm bảng tính

III. Phần mềm Microsoft Excel

III.1. Mở, đóng phần mềm

III.2. Giao diện phần mềm

III.3. Cấu hình phần mềm

III.4. Thao tác với bảng tính

III.5. Thao tác với ô tính

III.5.1. Nhập dữ liệu

III.5.2. Biên tập các ô, sắp xếp thứ tự các ô

III.5.3. Sao chép, di chuyển nội dung của ô

III.6. Thao tác trên trang tính (worksheet)

III.6.1. Thao tác với dòng và cột

III.6.2. Thao tác với trang tính

III.7. Biểu thức và hàm

III.7.1. Biểu thức

III.7.1.1. Khái niệm

III.7.1.2. Ứng dụng

III.7.1.3. Địa chỉ

III.7.1.4. Một số lỗi thường gặp

III.7.2. Hàm

III.7.2.1. Nhóm hàm tập hợp

III.7.2.2. Nhóm hàm logic

III.7.2.3. Nhóm hàm thời gian

III.7.2.4. Nhóm hàm ngày tháng

III.7.2.5. Nhóm hàm tìm kiếm

III.8. Định dạng ô, vùng

III.8.1. Định dạng dữ liệu kiểu số, ngày tháng, tiền tệ

III.8.2. Định dạng văn bản

III.8.3. Căn chỉnh, tạo hiệu ứng viền

III.9. Biểu đồ

III.9.1. Tạo biểu đồ

III.9.2. Hiệu chỉnh biểu đồ

III.10. In và phân phối bảng tính

III.10.1. Cấu hình trang tính

III.10.2. Kiểm tra và in

III.10.3. Phân phối trang tính

III.10.3.1. Kết xuất trang tính

III.10.3.2. Qua email

III.10.3.3. Qua không gian mạng

Chương 5. Phần mềm trình chiếu

Thời gian: 18 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày khái niệm về bài trình chiếu, tổng quan về phần mềm trình chiếu; khái niệm trang thuyết trình, trang thuyết trình chủ, mẫu thiết kế; Khái niệm về: Tiêu đề (title), bố cục (layout), mẫu thiết kế sẵn (design template), chủ đề (theme), hiệu ứng động (animation).

- Trình bày được các thao tác đối với phần mềm (mở đóng phần mềm, cấu hình phần mềm, giao diện phần mềm); Thao tác với bài thuyết trình (Mở, đóng bài thuyết trình; Tạo bài thuyết trình mới theo mẫu có sẵn; Hiện thị bài thuyết trình khác nhau; Chuyển từ cách hiện thị này sang cách hiện thị khác; Lưu bài thuyết trình; Mở nhiều bài thuyết trình và chuyển từ bài thuyết trình này sang bài thuyết trình khác), thao tác với trang thuyết trình (Thêm trang thuyết trình; Chọn kiểu bố cục trang

thuyết trình; Sử dụng một mẫu thiết kế; Chọn và biên tập trang thuyết trình chủ; Sao chép, cắt, dán, di chuyển, xóa trang thuyết trình)

- Mô tả cách thức xây dựng nội dung bài thuyết trình (Tạo và định dạng văn bản, danh sách, bảng), thao tác với đối tượng trên trang thuyết trình (Tạo lập và hiệu chỉnh biểu đồ, sơ đồ tổ chức, đối tượng đồ họa, vẽ hình).

- Trình bày được các thao tác trình chiếu (Hiệu ứng của trang thuyết trình, của đối tượng trên trang thuyết trình, ghi chú của trang trình chiếu, hiệu chỉnh trang trình chiếu), in ấn và trình diễn.

- Áp dụng được các thao tác đối với phần mềm, với bài thuyết trình, với trang thuyết trình, xây dựng nội dung bài thuyết trình và các thao tác với đối tượng trên trang thuyết trình để thiết kế bài thuyết trình theo yêu cầu

- Thực hiện được một số thao tác khác để xử lý bài thuyết trình.

- Chỉ ra một số thủ thuật khi thiết kế bài thuyết trình trên phần mềm Power point.

2. Nội dung chương

I. Khái niệm bài trình chiếu

II. Tổng quan về phần mềm trình chiếu

III. Phần mềm Microsoft PowerPoint

III.1. Mở, đóng phần mềm

III.2. Giao diện phần mềm

III.3. Cấu hình phần mềm

III.4. Thao tác với bài thuyết trình

III.5. Thao tác với trang thuyết trình

III.5.1. Tổng quan về trang thuyết trình

III.5.2. Mẫu/ chủ đề có sẵn

III.5.3. Trang thuyết trình chủ (slide master)

III.6. Xây dựng nội dung bài thuyết trình

III.6.1. Tạo và định dạng văn bản

III.6.2. Danh sách

III.6.3. Bảng

III.7. Thao tác với đối tượng trên trang thuyết trình

III.7.1. Biểu đồ

III.7.1.1. Tạo lập

III.7.1.2. Hiệu chỉnh

III.7.2. Sơ đồ tổ chức

III.7.2.1. Tạo lập

III.7.2.2. Hiệu chỉnh

III.7.3. Đối tượng đồ họa

III.7.3.1. Tạo lập

III.7.3.2. Hiệu chỉnh

III.7.4. Vẽ hình

III.7.4.1. Tạo lập

III.7.4.2. Hiệu chỉnh

III.8. Trình chiếu, in và trình diễn bài thuyết trình

III.8.1. Trình chiếu

III.8.1.1. Hiệu ứng của trang trình chiếu

III.8.1.2. Hiệu ứng của đối tượng trên trang trình chiếu

III.8.1.3. Ghi chú của trang trình chiếu

III.8.1.4. Hiệu chỉnh trang trình chiếu

III.8.2. In ấn

III.8.3. Trình diễn

7. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa /nhà xưởng: Phòng thực hành máy tính có mạng LAN, có kết nối Internet và được cài đặt hệ điều hành windows, ba phần mềm ứng dụng: MS Word, MS Excel, Unikey

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu Projector, Laptop/ PC, sơ đồ, tranh ảnh minh họa.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Đề cương chi tiết môn học
- Tài liệu giảng dạy học phần Công nghệ thông tin cơ bản
- Tài liệu tham khảo
- Các thiết bị mạng thường dùng: switch, modem, router

4. Các điều kiện khác: Không

8. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

* Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm/ tự luận/ vấn đáp, sinh viên cần đạt các yêu cầu sau:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về CNTT và mạng máy tính như: các khái niệm cơ bản, phần cứng, phần mềm, hiệu năng máy tính, vấn đề an toàn lao động và bảo vệ môi trường, an toàn thông tin cơ bản và một số vấn đề liên quan đến pháp luật trong sử dụng CNTT. Đồng thời liệt kê được các ứng dụng của CNTT trong kinh doanh, liên lạc và truyền thông.

- Mô tả được cách thực hiện một số thao tác với: Hệ điều hành, phần mềm tiếng việt, máy in; Đồng thời gọi tên và mô tả cách thực hiện một số thao tác trên các phần mềm tiện ích thông dụng.

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về internet như: Các khái niệm liên quan, gọi tên và mô tả cách sử dụng các trình duyệt web; Thao tác với hòm thư điện tử.

- Gọi tên được một số phần mềm soạn thảo văn bản và mô tả được cách thực hiện một số thao tác trên phần mềm soạn thảo văn bản Microsoft Word 2010 như: Cấu hình phần mềm, thao tác với tệp tin, định dạng văn bản, thao tác với bảng biểu,.....

- Gọi tên được một số phần mềm bảng tính và mô tả được cách thực hiện một số thao tác trên phần mềm bảng tính Microsoft Excel 2010 như: Cấu hình phần mềm, thao tác với ô tính - trang tính, định dạng dữ liệu, thao tác trên biểu đồ...; Đồng thời gọi tên, mô tả cú pháp một số hàm cơ bản;

- Gọi tên được một số phần mềm trình chiếu và mô tả được cách thực hiện một số thao tác trên phần mềm trình chiếu Microsoft Power Point 2010 như: Cấu hình phần mềm, thao tác với bài thuyết trình, trang thuyết trình, trình chiếu,

* Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của người học thông qua việc thực hiện các công việc:

- Nhận diện được phần cứng, phần mềm của máy tính, các ứng dụng của CNTT trong kinh doanh, liên lạc và truyền thông; Đồng thời xác định được hiệu năng của máy tính đang sử dụng.

- Thực hiện được một số thao tác với: Hệ điều hành, phần mềm tiếng việt, máy in và các phần mềm tiện ích thông dụng theo sự hướng dẫn.

- Thực hiện được các thao tác cơ bản trên một trình duyệt web và hòm thư điện tử theo sự hướng dẫn.

- Thực hiện được một số thao tác trên phần mềm soạn thảo văn bản Microsoft Word 2010 như: Cấu hình phần mềm, thao tác với tệp tin, định dạng văn bản, thao tác với bảng biểu,..... theo sự hướng dẫn.

- Thực hiện một số thao tác trên phần mềm bảng tính Microsoft Excel 2010 như: cấu hình phần mềm, thao tác với ô tính - trang tính, định dạng dữ liệu, thao tác trên biểu đồ...; Đồng thời biết sử dụng một số hàm cơ bản vào giải quyết một số bài toán cụ thể theo sự hướng dẫn.

- Thực hiện được một số thao tác trên phần mềm trình chiếu Microsoft Power Point 2010 như: cấu hình phần mềm, thao tác với bài thuyết trình, trang thuyết trình, trình chiếu, theo sự hướng dẫn.

* Năng lực tự chủ và trách nhiệm

+ Năng lực liên hệ thực tế với nội dung đã được học; sáng tạo trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; năng lực tự học tập, tự tích lũy kiến thức, kinh nghiệm.

+ Có ý thức tự rèn luyện, học tập.

2. Phương pháp:

Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua các bài kiểm tra định kỳ, bài thực hành và bài kiểm tra kết thúc môn học. Điểm trung bình các bài kiểm tra định kỳ và bài kiểm tra kết thúc môn học phải $\geq 5,0$ theo thang điểm 10 hoặc điểm D theo thang điểm chữ.

9. Hướng dẫn thực hiện môn học

9.1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho sinh viên trình độ cao đẳng.

9.2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giảng viên

+ Môn học sử dụng kết hợp các phương pháp: thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, nêu và giải quyết vấn đề, dạy học theo tình huống, dạy học định hướng hành động.

+ Để phát huy hiệu quả của các phương pháp giảng dạy, giảng viên cần phối hợp khéo léo, phù hợp với nội dung bài học, đồng thời nên ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy đảm bảo vừa hoàn thiện nội dung bài học, vừa tạo hứng thú cho người học và còn phát huy tính chủ động, sáng tạo trong quá trình tiếp thu tri thức của sinh viên.

+ Trước khi giảng dạy giảng viên cần nghiên cứu kỹ nội dung từng bài học để chuẩn bị đủ các điều kiện thực hiện bài học đảm bảo chất lượng giảng dạy.

- Đối với người học

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu của môn học

+ Chuẩn bị nội dung kiến thức theo đề cương chi tiết

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học

+ Chuyên cần, say mê môn học

+ Tham gia đầy đủ các buổi kiểm tra định kỳ và kết thúc môn học

9.3. Những trọng tâm cần chú ý

- Thao tác với hệ điều hành Windows

- Thao tác với phần mềm duyệt web và thư điện tử

- Thao tác với phần mềm Microsoft Word

- Thao tác với phần mềm Microsoft Excel

- Thao tác với phần mềm Microsoft PowerPoint

9.4. Tài liệu tham khảo

[1]. Phạm Quang Hiên, Phạm Phương Hoa, Tin học văn phòng Microsoft Office, Nxb Thời Đại, 2014

[2]. Giáo trình Tin học cơ bản, Đồng tác giả TS Lê Đức Long (chủ biên); Tạ Quang Thanh; Nguyễn Văn Điền; Lê Thị Huyền; Trần Hữu Cường, Nxb ĐHSP TPHCM, 2018

[3]. Khoa CNTT, Hướng dẫn sử dụng Word 2010, Đại học Bách Khoa, 2011.

[4]. Thạc Bình Cường, Giáo trình Tin học văn phòng, Nxb Giáo dục, 2011

[5]. Bùi Thế Tâm, Tin học cơ sở, Nxb Văn hóa thời đại, 2011

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Môi trường và Con người

2. Số tín chỉ: 2(2,0)

3.Trình độ: Cao đẳng

4. Phân bố thời gian: Học kỳ 5

- Lý thuyết: 28 tiết

- Thực hành, kiểm tra: 2 tiết

5. Điều kiện tiên quyết: Không

6. Mục tiêu học phần:

6.1. Kiến thức:

*) Kiến thức tổng quát

Vận dụng phù hợp các kiến thức cơ bản của môn học nhằm nâng cao ý thức và trách nhiệm, hiệu quả trong công tác bảo vệ môi trường.

*) Kiến thức chuyên môn

- Trình bày được các khái niệm trong khoa học môi trường, sinh thái học, dân số học.

- Mô tả được các hiện tượng sinh thái tự nhiên dựa trên các quy luật sinh thái;

- Trình bày được hiện trạng của các dạng tài nguyên thiên nhiên và các giải pháp nhằm bảo vệ tài nguyên, giảm thiểu tác động đến tài nguyên;

- Phân tích được mối quan hệ giữa sự phát triển dân số và các vấn đề môi trường;

- Trình bày được các biện pháp bảo vệ môi trường.

6.2. Kỹ năng:

*) Kỹ năng chuyên môn:

- Quan sát, đánh giá hiện trạng và đưa ra nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường từ đó có những biện pháp tích cực ngăn chặn, xử lý, bảo vệ môi trường trong cộng đồng.

- Tuyên truyền cho mọi người hiểu và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường sống xung quanh

*) Kỹ năng làm việc:

- Giao tiếp, ứng xử với trẻ một cách gần gũi, tình cảm; chân tình, cởi mở, thẳng thắn với đồng nghiệp; Gần gũi, tôn trọng và hợp tác, chia sẻ với cha mẹ trẻ và cộng đồng.

- Có kỹ năng: Quan sát, theo dõi, trò chuyện với trẻ trong các hoạt động, trao đổi với phụ huynh; Sử dụng một số bài tập, trò chơi, tình huống để khảo sát, đánh giá trẻ.

- Phân tích, đánh giá được đặc điểm trẻ mầm non để lựa chọn được nội dung giáo dục môi trường phù hợp

6.3. Thái độ:

- Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có lòng yêu nghề, mến trẻ, tâm huyết với sự nghiệp giáo dục mầm non.

- Có thái độ cởi mở, thiện chí với phụ huynh và sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác, giúp đỡ đồng nghiệp;

- Có ý thức kỷ luật, linh hoạt, tích cực làm việc trong mọi công việc

- Thể hiện bản lĩnh, tự tin, sáng tạo, có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

6.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Thể hiện được ý thức tập thể, đoàn kết phấn đấu vì lợi ích chung, lối sống lành mạnh, cẩn thận, trung thực, liêm khiết.

- Thể hiện được bản lĩnh tự tin, năng động, sáng tạo, khoa học, duy trì nguyên tắc công tác, có khả năng tự học, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm;

- Tự định hướng, thích nghi được với các môi trường làm việc khác nhau hoặc môi trường thay đổi; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

- Đánh giá được chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non; hoàn thành nhiệm vụ được giao; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

7. Mô tả nội dung học phần:

Môn học trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về môi trường và con người, mối quan hệ giữa con người và môi trường, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường

8. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học trên lớp đủ 30 tiết lý thuyết và các bài kiểm tra
- Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng, dụng cụ học tập

9. Tài liệu học tập

1. Con người và môi trường, Lê Văn Khoa (cb), Bộ Giáo dục và đào tạo, 2011 Thư viện trường CĐSL

2. Con người và môi trường, Lê Thanh Vân, Nxb Đại học sư phạm, 2009, Thư viện trường CĐSL

3. Quản lý môi trường cho sự phát triển bền vững, TS.Lưu Đức Hải, TS.Nguyễn Ngọc Sinh, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000

4. Sinh thái học và môi trường, Trần Kiên – Mai Sỹ Tuấn, Nxb Đại học sư phạm, 2007, Thư viện trường CĐSL

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Tham gia đầy đủ các tiết học trên lớp và làm đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ, thi học phần

- Thang điểm: 10/10

11. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số tiết
CHƯƠNG I: GIỚI THIỆU VỀ KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG I. Khái niệm môi trường II. Phân loại môi trường III. Các chức năng cơ bản của môi trường IV. Thành phần cơ bản của môi trường V. Quy luật cơ bản của sinh thái học	6
CHƯƠNG II: TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN I. Khái niệm, phân loại, đánh giá tài nguyên thiên nhiên 1. Khái niệm tài nguyên thiên nhiên 2. Phân loại tài nguyên thiên nhiên 3. Đánh giá tài nguyên thiên nhiên II. Các dạng tài nguyên thiên nhiên 1. Tài nguyên rừng 2. Tài nguyên đất 3. Tài nguyên khoáng sản 4. Tài nguyên năng lượng 5. Tài nguyên nước 6. Tài nguyên khí hậu 7. Tài nguyên đa dạng sinh học	6
CHƯƠNG III. DÂN SỐ, MỐI QUAN HỆ GIỮA DÂN SỐ VÀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG I. Một số vấn đề cơ bản về dân số 1. Khái niệm 2. Đặc trưng cơ bản của dân số II. Các chỉ tiêu phản ánh quy mô dân số 1. Dân số thời điểm	4

2. Số dân trung bình 3. Tốc độ gia tăng dân số III. Gia tăng dân số trên thế giới và ở Việt Nam IV. Tác động của dân số lên tài nguyên và môi trường 1. Ô nhiễm môi trường 2. Cạn kiệt tài nguyên	
CHƯƠNG IV: Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG I. Khái niệm ô nhiễm môi trường II. Khả năng chịu đựng của môi trường III. Các vấn đề ô nhiễm môi trường hiện nay 1. Ô nhiễm môi trường không khí 2. Ô nhiễm môi trường nước và đất 3. Vấn đề ô nhiễm tiếng ồn, rác thải và các dạng ô nhiễm khác 4. Sự hủy hoại môi trường tự nhiên a. Sự phá hủy ozon trong tầng bình lưu b. Sự lắng đọng axit c. Sự gia tăng thiên tai	6
CHƯƠNG V: HOẠT ĐỘNG CỦA CON NGƯỜI VÀ CÁC VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG NẤY SINH I. Môi trường và các quá trình công nghiệp hóa II. Môi trường và các quá trình đô thị hóa III. Biến đổi khí hậu	4
CHƯƠNG VI: CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG I. Chiến lược quốc gia về bảo vệ môi trường II. Các vấn đề chung về phát triển bền vững	4
Tổng cộng	30

12. Cấp phê duyệt

13. Ngày phê duyệt

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Giáo dục môi trường

2. Số tín chỉ: 2(2,0)

3.Trình độ: Cao đẳng

4. Phân bố thời gian: Học kỳ 5

- Lý thuyết: 28 tiết

- Thực hành, kiểm tra: 2 tiết

5. Điều kiện tiên quyết: Không

6. Mục tiêu học phần:

6.1. Kiến thức:

*) Kiến thức tổng quát

Vận dụng phù hợp các kiến thức cơ bản của môn học để lồng ghép được nội dung giáo dục môi trường vào các bài học của trẻ.

*) Kiến thức chuyên môn

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về môi trường: Khái niệm, phân loại, chức năng của môi trường

- Mô tả được sự xuất hiện của sinh thái quyển và các nhân tố sinh thái của môi trường

- Trình bày được các đặc điểm của môi trường đất, nước, không khí.

- Giới thiệu được các vấn đề cơ bản của tài nguyên thiên nhiên: Khái niệm, phân loại, một số dạng tài nguyên thiên nhiên thông dụng

- Mô tả, giải thích được sự tác động của con người tới môi trường

- Phân tích được các vấn đề nền tảng của bảo vệ môi trường và phát triển bền vững và đánh giá được tầm quan trọng của chúng

- Trình bày được các vấn đề cơ bản của giáo dục môi trường: Khái niệm, lịch sử ra đời, mục tiêu, nội dung, ...

- Giới thiệu được một số văn bản pháp luật bảo vệ môi trường làm cơ sở cho giáo dục môi trường

6.2. Kỹ năng:

*) Kỹ năng chuyên môn:

- Đánh giá được thực trạng chất lượng môi trường sống và tầm quan trọng của giáo dục môi trường

- Vận dụng được một số biện pháp đã được tìm hiểu để bảo vệ chất lượng môi trường sống

- Vận dụng kiến thức thu nhận được sau khi học xong chương trình để giáo dục môi trường cho trẻ

*) Kỹ năng làm việc:

- Giao tiếp, ứng xử với trẻ một cách gần gũi, tình cảm; chân tình, cởi mở, thẳng thắn với đồng nghiệp; Gần gũi, tôn trọng và hợp tác, chia sẻ với cha mẹ trẻ và cộng đồng.

- Có kỹ năng: Quan sát, theo dõi, trò chuyện với trẻ trong các hoạt động, trao đổi với phụ huynh; Sử dụng một số bài tập, trò chơi, tình huống để khảo sát, đánh giá trẻ.

- Phân tích, đánh giá được đặc điểm trẻ mầm non để lựa chọn được nội dung giáo dục môi trường phù hợp

6.3. Thái độ:

- Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có lòng yêu nghề, mến trẻ, tâm huyết với sự nghiệp giáo dục mầm non.

- Có thái độ cởi mở, thiện chí với phụ huynh và sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác, giúp đỡ đồng nghiệp;

- Có ý thức kỷ luật, linh hoạt, tích cực làm việc trong mọi công việc

- Thể hiện bản lĩnh, tự tin, sáng tạo, có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

6.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Thể hiện được ý thức tập thể, đoàn kết phấn đấu vì lợi ích chung, lối sống lành mạnh, cẩn thận, trung thực, liêm khiết.
- Thể hiện được bản lĩnh tự tin, năng động, sáng tạo, khoa học, duy trì nguyên tắc công tác, có khả năng tự học, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm;
- Tự định hướng, thích nghi được với các môi trường làm việc khác nhau hoặc môi trường thay đổi; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;
- Đánh giá được chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non; hoàn thành nhiệm vụ được giao; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

7. Mô tả nội dung học phần:

Môn học trang bị cho người học các kiến thức cơ bản của môi trường và phương pháp giáo dục các vấn đề môi trường cho trẻ em lứa tuổi mầm non nhằm ứng dụng vào việc xây dựng tiết học lồng ghép nội dung giáo dục môi trường cho trẻ.

8. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học trên lớp đủ 30 tiết lý thuyết và các bài kiểm tra
- Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng, dụng cụ học tập

9. Tài liệu học tập

1. Giáo dục môi trường, Lê Văn Trường – Đặng Kim Tuyền (đồng chủ biên), Nxb Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2006, Thư viện trường CĐSL
2. Con người và môi trường, Lê Thanh Vân, Nxb Đại học sư phạm, 2009, Thư viện trường CĐSL
3. Quản lý môi trường cho sự phát triển bền vững, TS.Lưu Đức Hải, TS.Nguyễn Ngọc Sinh, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000
4. Sinh thái học và môi trường, Trần Kiên – Mai Sỹ Tuấn, Nxb Đại học sư phạm, 2007, Thư viện trường CĐSL

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Tham gia đầy đủ các tiết học trên lớp và làm đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ, thi học phần
- Thang điểm: 10/10

11. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số tiết
CHƯƠNG I: GIỚI THIỆU VỀ KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG I. Khái niệm môi trường II. Phân loại môi trường III. Các chức năng cơ bản của môi trường 1. Chức năng cung cấp không gian sống 2. Chức năng cung cấp tài nguyên thiên nhiên 3. Chức năng chứa đựng và đồng hóa chất thải 4. Chức năng lưu trữ thông tin 5. Chức năng giảm thiểu thiên tai IV. Giới thiệu về khoa học môi trường 1. Tính liên ngành của khoa học môi trường 2. Đối tượng của khoa học môi trường 3. Nhiệm vụ của khoa học môi trường 4. Vị trí của khoa học môi trường	4
CHƯƠNG II: CÁC THÀNH PHẦN CƠ BẢN CỦA MÔI TRƯỜNG I. Sự xuất hiện của sinh thái quyển và các nhân tố sinh thái của môi trường 1. Lịch sử hình thành và phát triển của sinh thái quyển	6

2. Các nhân tố sinh thái của môi trường II. Môi trường đất và các hệ sinh thái trên cạn 1. Nguồn gốc, thành phần, cấu trúc lớp đất bề mặt 2. Các hệ sinh thái trên cạn III. Môi trường nước và môi trường không khí 1. Môi trường nước 2. Môi trường không khí	
CHƯƠNG III: TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN I. Khái niệm, phân loại, đánh giá tài nguyên thiên nhiên 1. Khái niệm tài nguyên thiên nhiên 2. Phân loại tài nguyên thiên nhiên 3. Đánh giá tài nguyên thiên nhiên II. Các dạng tài nguyên thiên nhiên 1. Tài nguyên rừng 2. Tài nguyên đất 3. Tài nguyên khoáng sản 4. Tài nguyên năng lượng 5. Tài nguyên nước 6. Tài nguyên khí hậu 7. Tài nguyên đa dạng sinh học	6
CHƯƠNG IV: SỰ TÁC ĐỘNG CỦA CON NGƯỜI TỚI MÔI TRƯỜNG I. Lịch sử tác động của con người tới môi trường II. Khái niệm ô nhiễm môi trường và vấn đề ô nhiễm môi trường không khí 1. Khái niệm ô nhiễm môi trường 2. Vấn đề ô nhiễm môi trường không khí III. Ô nhiễm môi trường nước và môi trường đất 1. Ô nhiễm môi trường nước 2. Ô nhiễm môi trường đất IV. Những vấn đề về tiếng ồn, rác thải và các dạng ô nhiễm khác 1. Ô nhiễm tiếng ồn 2. Rác thải 3. Các dạng ô nhiễm khác V. Sự hủy hoại môi trường tự nhiên 1. Sự phá hủy ozon trong tầng bình lưu 2. Sự lắng đọng axit 3. Sự gia tăng thiên tai	6
CHƯƠNG V: MỘT SỐ VẤN ĐỀ NỀN TẢNG VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG I. Vấn đề dân số 1. Khái niệm 2. Các đặc trưng của dân số học 3. Dân số thế giới a. Hiện trạng dân số thế giới b. Sự tác động của dân số lên tài nguyên, môi trường và xã hội II. Vấn đề lương thực - thực phẩm 1. Nhu cầu dinh dưỡng của con người 2. Tình hình sản xuất lương thực - thực phẩm trên thế giới III. Vấn đề năng lượng 1. Tình hình sử dụng năng lượng trên thế giới 2. Các vấn đề môi trường liên quan tới khai thác và sử dụng tài nguyên năng lượng IV. Phát triển bền vững	4

1. Khái niệm phát triển bền vững 2. Độ đo/cơ sở đánh giá sự phát triển bền vững 3. Nguyên tắc phát triển bền vững	
CHƯƠNG VI: GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG TRONG MẦM NON I. Những vấn đề chung về giáo dục môi trường 1. Lịch sử ra đời của giáo dục môi trường 2. Khái niệm giáo dục môi trường 3. Mục tiêu của giáo dục môi trường 4. Nội dung của giáo dục môi trường II. Giáo dục môi trường trong Mầm non 1. Mục đích 2. Nhiệm vụ 3. Nguyên tắc 4. Nội dung III. Luật bảo vệ môi trường	4
Tổng cộng	30

* Hướng dẫn thực hiện

- Giáo viên có đầy đủ tài liệu (giáo trình, sách tham khảo, phương tiện hỗ trợ dạy học) để hướng dẫn sinh viên tìm hiểu kiến thức của học phần
- Sinh viên thực hiện theo yêu cầu, khuyến khích tìm tòi, sáng tạo trong cách thể hiện.

12. Cấp phê duyệt

13. Ngày phê duyệt

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Tâm lý học đại cương

2. Số tín chỉ: 2(2.0)

3. Trình độ: Cao đẳng

4. Phân bố thời gian: Học kỳ 2 năm thứ nhất
28 tiết lý thuyết, 02 tiết kiểm tra.

5. Điều kiện tiên quyết: Không

6. Mục tiêu học phần:

* **Kiến thức:** Trình bày được vị trí, chức năng, nhiệm vụ của tâm lý học; Bản chất của hiện tượng tâm lý theo quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử; Kể tên được các phương pháp nghiên cứu tâm lý học và nêu lại được các yêu cầu cơ bản của từng phương pháp nghiên cứu.

Nêu được cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của hiện tượng tâm lý người. Trình bày được vai trò của hoạt động và giao tiếp đối với sự hình thành và phát triển tâm lý con người.

Trình bày được Sự hình thành tâm lí về phương diện loài và về phương diện cá thể, sự hình thành và phát triển ý thức, vai trò của chú ý.

Nêu, trình bày được các hiện tượng tâm lý điển hình của mức độ nhận thức cảm tính và lý tính;

Phát biểu khái niệm xúc cảm – tình cảm, trình bày được các quy luật cơ bản của đời sống tình cảm của con người.

Kể được các kiểu cấu trúc nhân cách. Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách.

* **Kỹ năng :** Vận dụng được kiến thức tâm lý học vào việc giải quyết các bài tập thực hành tâm lý trong sách bài tập.

Giải thích được cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của hiện tượng tâm lý người.

Giải thích và phân tích được các hiện tượng tâm lý và các biểu hiện đa dạng của nó trong cuộc sống hàng ngày theo quan điểm khoa học.

Biết so sánh các hiện tượng tâm lý điển hình để nhận biết được đặc điểm phản ánh của từng hiện tượng tâm lý.

Bước đầu vận dụng được kiến thức tâm lí học vào việc xây dựng phương pháp học tập, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và rèn luyện bản thân.

* **Năng lực tự chủ và trách nhiệm :** Yêu thích môn tâm lý học, coi trọng môn học này trong trường Sư phạm, tăng thêm lòng yêu người, yêu nghề, tự hào về nghề dạy học.

7. Mô tả nội dung học phần.

Môn học cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản, các quy luật cơ bản về tâm lý để từ đó có cơ sở khoa học học tiếp những học phần tiếp theo. Vận dụng kiến thức đã học để giải thích các hiện tượng tâm lý và các biểu hiện đa dạng của nó theo quan điểm khoa học, vận dụng nó vào trong học tập và thực tiễn cuộc sống, yêu thích môn học. Đồng thời thông qua môn học giúp học sinh tăng thêm lòng yêu cuộc sống, tạo điều kiện để các em hình thành và phát triển kỹ năng sống. Biết yêu thương con người, quý trọng bản thân trong cư xử và giao tiếp với những người xung quanh.

Môn học giúp cho người học phân tích các hiện tượng tâm lý mang tính biện chứng, từ đó giúp cho họ học tập và rèn luyện tốt hơn để trau dồi tri thức, góp phần thực hiện được mục tiêu giáo dục và đào tạo.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên dự đủ số giờ lý thuyết và thực hành theo qui định, chuẩn bị các bài đọc theo yêu cầu của giảng viên.

- Tự học: SV tự học có hiệu quả những nội dung GV yêu cầu.

- Thảo luận: Tham gia thảo luận nhóm, đóng góp ý kiến, trình bày được kết quả thảo luận nhóm.

9. Tài liệu học tập:

- Tài liệu chính : Nguyễn Quang Uẩn (Chủ biên), Trần Trọng Thủy : Tâm lý học đại cương NXB ĐHSP 2004. Lưu trữ tại thư viện trường CĐSL

- Sách tham khảo:

+Trần Trọng Thủy (Chủ biên), Nguyễn Quang Uẩn: Tâm lý học đại cương (Giáo trình đào tạo giáo viên THCS hệ CĐSP) NXB Giáo dục 1999. Lưu trữ tại thư viện trường CĐSL

+ Hà Thị Thư: Giáo trình tâm lý học phát triển – NXB Lao động – xã hội – Năm 2007. Lưu trữ tại thư viện trường CĐSL

+ Trần Trọng Thủy (Chủ biên), Ngô Công Hoàn, Bùi Văn Huệ, Lê Ngọc Lan, Nguyễn Quang Uẩn – Bài tập thực hành tâm lý học – NXB ĐHQG Hà nội – 2002. Lưu trữ tại thư viện trường CĐSL

10. Tiêu chuẩn đánh giá

- Dự lớp : 80% thời lượng yêu cầu
- Thực hành : 100% thời lượng yêu cầu.
- Thi hết trình : 02 bài kiểm tra viết.
- Thi giữa học kỳ : Bài kiểm tra viết
- Thi cuối học kỳ : Thi viết

11. Thang điểm:

STT	Nội dung đánh giá	Trọng số
1	Kiểm tra trình	0,2
2	Kiểm tra giữa môn	0,3
3	Thi hết môn	0,5

12. Nội dung chi tiết

Chương I. TÂM LÝ HỌC LÀ MỘT KHOA HỌC

1. Đối tượng, nhiệm vụ, vị trí và ý nghĩa của Tâm lý học

- 1.1. Đối tượng của tâm lý học.
- 1.2. Nhiệm vụ của Tâm lý học.
- 1.3. Vị trí, ý nghĩa của Tâm lý học

2. Bản chất, chức năng, phân loại các hiện tượng tâm lý

- 2.1. Bản chất của hiện tượng tâm lý theo quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử.
- 2.2. Chức năng của tâm lý.
- 2.3. Phân loại hiện tượng tâm lý

3. Các phương pháp nghiên cứu tâm lý

- 3.1. Phương pháp quan sát.
- 3.2. Phương pháp trò chuyện
- 3.3. Phương pháp điều tra.
- 3.4. Phương pháp thực nghiệm
- 3.5. Trắc nghiệm tâm lý.
- 3.6. Phương pháp phân tích sản phẩm của hoạt động.
- 3.7. Phương pháp nghiên cứu tiểu sử cá nhân.

Các câu hỏi và bài tập

Chương II. CƠ SỞ TỰ NHIÊN VÀ CƠ SỞ XÃ HỘI CỦA TÂM LÝ

1. Cơ sở tự nhiên của tâm lý

- 1.1. Phản xạ có điều kiện và tâm lý
- 1.2. Hệ thống tín hiệu thứ hai và tâm lý

2. Cơ sở xã hội của tâm lý

- 2.1. Hoạt động và tâm lý (Khái niệm, cấu trúc, các dạng, vai trò của hoạt động)
- 2.2. Giao tiếp và tâm lý (khái niệm giao tiếp, các loại, vai trò).

Các câu hỏi và bài tập

Chương III. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TÂM LÝ, Ý THỨC

1. Sự hình thành và phát triển tâm lý

- 1.1. Sự hình thành tâm lý về phương diện loài
- 1.2. Sự hình thành tâm lý về phương diện cá thể

2. Sự hình thành và phát triển ý thức

- 2.1. Bản chất và cấu trúc của ý thức.
- 2.2. Các cấp độ ý thức.
- 2.3. Sự hình thành và phát triển ý thức.
- 2.4. Chú ý - điều kiện của hoạt động có ý thức.

Câu hỏi và bài tập.

Chương IV. HOẠT ĐỘNG NHẬN THỨC

1. Nhận thức cảm tính

- 1.1. Cảm giác
- 1.2. Tri giác
- 1.3. Tính nhạy cảm và năng lực quan sát.

2. Nhận thức lí tính

2.1. Tư duy:

- 2.1.1. Khái niệm tư duy.
- 2.1.2. Tư duy như một quá trình, các thao tác tư duy cơ bản.
- 2.1.3. Các loại tư duy.
- 2.1.4. Trí tuệ và các phẩm chất cơ bản của trí tuệ.

2.2. Tưởng tượng :

- 2.2.1. Khái niệm tưởng tượng
- 2.2.2. Các loại tưởng tượng
- 2.2.3. Các cách sáng tạo hình ảnh mới trong tưởng tượng

3. Ngôn ngữ.

- 3.1. Khái niệm ngôn ngữ.
- 3.2. Các loại ngôn ngữ.
- 3.3. Các đặc điểm cá nhân về ngôn ngữ.
- 3.4. Vai trò của ngôn ngữ trong đời sống tâm lý của con người.

Câu hỏi và bài tập

Chương V. TÌNH CẢM VÀ Ý CHÍ

1. Tình cảm

- 1.1. Khái niệm tình cảm – xúc cảm.
- 1.2. Những đặc điểm đặc trưng của tình cảm
- 1.3. Các loại, mức độ thể hiện của tình cảm.
- 1.4. Các quy luật của tình cảm.

2. Ý chí

- 2.1. Ý chí.
- 2.2. Hành động ý chí

Chương VI. TRÍ NHỚ

- 1. Khái niệm trí nhớ
- 2. Các quá trình cơ bản của trí nhớ
- 3. Các loại trí nhớ
- 4. Rèn luyện trí nhớ

Câu hỏi và bài tập.

Chương VII. NHÂN CÁCH VÀ SỰ HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN NHÂN

CÁCH

1. Khái niệm chung về nhân cách.

- 1.1. Định nghĩa nhân cách.
- 1.2. Đặc điểm của nhân cách.

2. Cấu trúc của nhân cách.

- 2.1. Xu hướng (khái niệm, biểu hiện)
- 2.2. Tính cách (khái niệm, cấu trúc).
- 2.3. Khí chất (khái niệm, phân loại).
- 2.4. Năng lực (khái niệm, các mức độ , sự hình thành phát triển năng lực).

3. Sự hình thành và phát triển nhân cách.

- 3.1. Khái niệm về sự hình thành và phát triển nhân cách.
- 3.2. Các yếu tố chi phối sự hình thành nhân cách.

13. Ngày phê duyệt

14. Cấp phê duyệt

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG
Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Giáo dục học đại cương

2. Số tín chỉ: 2(2.0)

3. Trình độ: Cao đẳng

4. Phân bố thời gian: Học kỳ 2 năm thứ nhất
28 tiết lý thuyết, 02 tiết kiểm tra.

5. Điều kiện tiên quyết: Không

6. Mục tiêu học phần:

* **Kiến thức:** Nắm vững hệ thống kiến thức cơ bản về giáo dục học. (những vấn đề chung của giáo dục và giáo dục mầm non, quá trình dạy học, quá trình giáo dục và công tác tổ chức, quản lý trường mầm non).

* **Kỹ năng :** Vận dụng được những hiểu biết chung về giáo dục học để giải thích, xử lý những vấn đề đặt ra trong dạy học và giáo dục ở bậc học mầm non.

* **Năng lực tự chủ và trách nhiệm :** Trên cơ sở có kiến thức chuyên môn và kỹ năng sư phạm, sinh viên tin tưởng vào năng lực, chuyên môn của bản thân, có thái độ tốt đối với trẻ và nghề sư phạm. Biết lao động sư phạm khoa học, có ý thức vận dụng sáng tạo các kiến thức, kỹ năng được đào tạo để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục mầm non.

7. Mô tả nội dung học phần.

Môn học gồm các nội dung sau: Những vấn đề chung của giáo dục và giáo dục mầm non; Quá trình dạy học ở mầm non; Quá trình giáo dục; Người giáo viên mầm non - tổ chức và quản lý trường mầm non

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên dự đủ số giờ lý thuyết và thực hành theo qui định, chuẩn bị các bài đọc theo yêu cầu của giảng viên.

- Tự học: SV tự học có hiệu quả những nội dung GV yêu cầu.

- Thảo luận: Tham gia thảo luận nhóm, đóng góp ý kiến, trình bày được kết quả thảo luận nhóm.

9. Tài liệu học tập:

- Tài liệu chính : Giáo dục học, Nguyễn Sinh Huy (Chủ biên), Nguyễn Hữu Dũng, NXBGD - 1998, Thư viện trường Cao đẳng Sơn La.

- Sách tham khảo :

+ Giáo dục học, Nguyễn Thị Quy, Nguyễn Thị Bích Hạnh, Hồ Văn Liên, Mai Ngọc Luông, Vũ Khắc Tuấn, NXBGD – 2007, Thư viện trường Cao đẳng Sơn La.

+ Hà Thế Ngữ, Đặng Vũ Hoạt: Giáo dục học, tập 1. NXB Giáo dục, Hà Nội 1987

10. Tiêu chuẩn đánh giá

- Dự lớp : 80% thời lượng yêu cầu

- Thực hành : 100% thời lượng yêu cầu.

- Thi hết trình : 02 bài kiểm tra viết.

- Thi cuối học kỳ : Thi viết

11. Thang điểm:

STT	Nội dung đánh giá	Trọng số
1	Kiểm tra trình	0,2
2	Kiểm tra giữa môn	0,3
3	Thi hết môn	0,5

12. Nội dung chi tiết

PHẦN I: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA GIÁO DỤC VÀ GIÁO DỤC MẦM NON.

8 tiết

Chương I. Giáo dục là hiện tượng xã hội đặc biệt.

I. Những khái niệm cơ bản của giáo dục học.

1. Giáo dục (nghĩa rộng).
2. Giáo dục (nghĩa hẹp).

II. Giáo dục là hiện tượng xã hội đặc biệt.

1. Sự nảy sinh và phát triển của giáo dục - một nhu cầu đặc biệt của xã hội loài người.
2. Tính quy định của kinh tế xã hội đối với giáo dục.
3. Chức năng xã hội của giáo dục.
4. Các xu thế đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

Chương II. Giáo dục học với tư cách là khoa học về giáo dục con người.

1. Giáo dục học - đối tượng nghiên cứu của giáo dục.
2. Các nhiệm vụ của giáo dục học.
3. Các phạm trù cơ bản của giáo dục học.
4. Giáo dục học trong hệ thống các khoa học giáo dục - mối quan hệ giữa giáo dục học và các khoa học khác.

Chương III. Mục đích giáo dục và hệ thống giáo dục quốc dân ở nước ta.

1. Khái niệm về mục đích giáo dục.
2. Mục đích giáo dục xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.
3. Những nhiệm vụ giáo dục xã hội chủ nghĩa của hệ thống giáo dục quốc dân.
4. Hệ thống giáo dục quốc dân ở Việt Nam- cơ cấu của hệ thống.

Chương IV. Giáo dục mầm non ở Việt Nam

1. Xu thế phát triển của giáo dục mầm non trên thế giới
2. Sự phát triển của giáo dục mầm non từ cách mạng tháng 8 tới nay
3. Mục tiêu của giáo dục mầm non - mối quan hệ giữa mục tiêu giáo dục mầm non và mục đích giáo dục.
4. Kế hoạch và chương trình giáo dục ở bậc mầm non.

PHẦN II. QUÁ TRÌNH DẠY HỌC Ở MẦM NON

8 tiết

Chương I. Quá trình dạy học ở mầm non.

1. Khái niệm, ý nghĩa của quá trình dạy học.
2. Quy luật chung của quá trình dạy học.
3. Bản chất của quá trình dạy học.
4. Động lực của quá trình dạy học.

Chương II. Các nguyên tắc dạy học ở mầm non.

1. Khái niệm chung về nguyên tắc dạy học ở mầm non.
2. Các nguyên tắc dạy học.

Chương III. Nội dung dạy học ở mầm non.

1. Khái niệm về nội dung dạy học.
2. Các nguyên tắc xây dựng nội dung dạy học ở mầm non.
3. Kế hoạch dạy học ở mầm non, chương trình dạy học, sách giáo khoa và tài liệu khác.
4. Xu thế đổi mới nội dung dạy học ở mầm non.

Chương IV. Phương pháp dạy học ở mầm non

1. Khái niệm về phương pháp dạy học và những đặc điểm của phương pháp dạy học ở mầm non.

2. Nhóm các phương pháp dạy học dùng lời
3. Nhóm các phương pháp dạy học trực quan
4. Nhóm các phương pháp dạy học thực hành
5. Lựa chọn, phối hợp và sử dụng các phương pháp dạy học
6. Các phương tiện dạy học

Chương V. Các hình thức tổ chức dạy học ở mầm non

1. Khái niệm về hình thức tổ chức dạy học

2. Hình thức tổ chức bài học ở lớp
3. Các hình thức dạy học khác ở mầm non
4. Dạy học ở lớp ghép

Chương VI. Đánh giá kết quả học tập của học sinh mầm non

1. Khái quát về đánh giá kết quả học tập của học sinh
2. Những khái niệm cơ bản về đánh giá- các loại đánh giá
3. Các phương pháp và kỹ thuật đánh giá
4. Phương pháp kỹ thuật trắc nghiệm
5. Đánh giá tổng hợp kết quả học tập của học sinh

PHẦN III. QUÁ TRÌNH GIÁO DỤC

8 tiết

Chương I. Quá trình giáo dục ở mầm non

- I. Khái niệm về quá trình giáo dục
- II. Bản chất và đặc điểm của quá trình giáo dục
- III. Cấu trúc của quá trình giáo dục
- IV. Động lực của quá trình giáo dục
- V. Tự giáo dục và giáo dục lại

Chương II. Nguyên tắc giáo dục

- I. Khái niệm về nguyên tắc giáo dục
- II. Hệ thống các nguyên tắc giáo dục

Chương III. Các phương pháp giáo dục

- I. Khái niệm chung về phương pháp giáo dục
- II. Phân loại các phương pháp giáo dục mầm non
- III. Lựa chọn và vận dụng có hiệu quả các phương pháp giáo dục

Chương III. Các hình thức tổ chức quá trình giáo dục học sinh mầm non

- I. Tổ chức quá trình giáo dục thông qua quá trình dạy học
- II. Tổ chức giáo dục trong tập thể học sinh
- III. Tổ chức giáo dục trong các hoạt động ngoài giờ lên lớp, ngoài trường

Chương IV. Kết hợp việc giáo dục của nhà trường, gia đình và xã hội

- I. Ý nghĩa của việc kết hợp giáo dục giữa nhà trường, gia đình và xã hội
- II. Kết hợp giáo dục học sinh giữa nhà trường và gia đình
- III. Kết hợp giáo dục học sinh giữa nhà trường và xã hội

PHẦN IV. NGƯỜI GIÁO VIÊN MẦM NON- TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ TRƯỜNG MẦM NON

4 tiết

Chương I. Người giáo viên mầm non

- I. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ của người giáo viên mầm non
 1. Đặc điểm lao động người giáo viên
 2. Chức năng của người giáo viên mầm non
 3. Nhiệm vụ của người giáo viên mầm non
- II. Những yêu cầu về phẩm chất đạo đức đối với người giáo viên mầm non
- III. Năng lực sư phạm và hệ thống những kỹ năng nghề nghiệp của người giáo viên mầm non

Chương II. Công tác chủ nhiệm lớp của người giáo viên mầm non

- I. Vị trí, chức năng và nhiệm vụ của người giáo viên chủ nhiệm lớp ở mầm non
- II. Nội dung và phương pháp hoạt động của giáo viên chủ nhiệm
- III. Quy trình công tác của giáo viên chủ nhiệm lớp

Chương III. Tổ chức và quản lý trường mầm non

- I. Trường mầm non - Đối tượng của công tác quản lý của hiệu trưởng
- II. Những mục tiêu quản lý và nguyên tắc quản lý trường mầm non
- III. Bộ máy quản lý trường mầm non

13. Ngày phê duyệt

14. Cấp phê duyệt

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Sự phát triển thể chất lứa tuổi mầm non

2. Số tín chỉ: 2 (2;0)

3. Trình độ: Cao đẳng

4. Phân bố thời gian:

- Lý thuyết: 30 tiết

- Thực hành: 0 tiết

5. Điều kiện tiên quyết: Không

6. Mục tiêu học phần

6.1. Mục tiêu chung

Giúp người học có thể vận dụng những hiểu biết cơ bản về quá trình hoạt động sinh lí và phát triển của cơ thể trẻ em lứa tuổi mầm non vào việc chăm sóc, bảo vệ, giáo dục giúp trẻ phát triển toàn diện

6.2. Mục tiêu cụ thể.

*** Kiến thức**

- Trình bày được các đặc điểm về cấu tạo phù hợp với chức năng thể hiện sự thống nhất của cơ thể trẻ em.

- Mô tả được cấu tạo của các cơ quan trong cơ thể.

- Nhận biết được sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non.

*** Kỹ năng**

- Phân tích được cơ chế hoạt động của các cơ quan trong cơ thể trẻ em.

- Vận dụng các kiến thức về sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non để có biện pháp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ phù hợp.

*** Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- Có tinh thần tự chủ, tích cực trong học tập, có thái độ nghiêm túc, tư duy khoa học.

- Tích cực vận dụng các kiến thức đã học vào dạy học và thực tiễn.

7. Mô tả nội dung học phần

Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non là học phần nghiên cứu quá trình phát triển các chỉ số thể chất diễn ra trong cơ thể trẻ em ở lứa tuổi mầm non. Học phần trang bị các kiến thức cơ bản về quá trình phát triển thể chất của trẻ em lứa tuổi mầm non, giúp sinh viên khi ra trường có thể vận dụng những kiến thức của môn học trong việc nuôi, dạy trẻ một cách khoa học để các em có thể phát triển toàn diện về các mặt đức, trí, thể, mỹ.

8. Yêu cầu của học phần

- Sinh viên phải tham gia học ít nhất 80% số tiết lý thuyết; tham gia thực hành tất cả số tiết của học phần. Khi tham gia học tập, thực hiện nghiêm túc nội quy của trường, lớp học.

- Làm các bài tập cá nhân/nhóm do giảng viên yêu cầu.

- Tham gia làm các bài kiểm tra, bài thi kết thúc học phần.

- Sinh viên phải chuyên cần, chăm chỉ, chuẩn bị bài tốt; trong quá trình học phải luôn phát huy tính tự giác, tích cực, chủ động, sáng tạo để đạt hiệu quả cao trong học tập, nghiên cứu.

9. Tài liệu học tập

[1] Tạ Thủy Lan, Trần Thị Loan (2017), *Giáo trình Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non*, NXB Đại học Sư phạm.

[2] Lê Thanh Vân (2015), *Giáo trình Sinh lí học trẻ em*, Nxb Đại học Sư phạm.

[3] Phan Thị Ngọc Yến, Trần Minh Kỳ, Nguyễn Thị Dung (2006), *Đặc điểm giải phẫu sinh lí trẻ em*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội

[4] Nguyễn Thạc, Lý thuyết và phương pháp nghiên cứu sự phát triển thể chất trẻ em, NXB Đại học Sư phạm.

10. Tiêu chuẩn đánh giá

- Dự lớp : 80% thời lượng yêu cầu
- Thực hành : 100% thời lượng yêu cầu.
- Kiểm tra định kì : 02 bài kiểm tra viết.
- Thi cuối học kỳ : Thi viết

11. Nội dung chi tiết học phần.

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy học
2 tiết (2LT, 0TH)	CHƯƠNG 1: CẤU TẠO CHUNG CƠ THỂ TRẺ EM 1. Cơ thể con người là 1 khối thống nhất. 2. Môi trường bên trong và nội cân bằng. 3. Quá trình p.tr cơ thể trẻ em. 4. Các chỉ số đánh giá phát triển thể chất trẻ em. 5. Các quy luật sinh trưởng và phát triển của trẻ em 5.1. Quy luật phát triển theo giai đoạn. 5.2. Quy luật phát triển không đồng thì và không đồng tốc. 5.3. Hiện tượng tăng tốc. 6. Các giai đoạn phát triển của trẻ em.	CLO 1,3,4	- Thuyết giảng - Thảo luận - Câu hỏi gợi mở - Vấn đáp - Trực quan - Học nhóm
2 tiết (2LT, 0TH)	CHƯƠNG 2: TRAO ĐỔI CHẤT VÀ NĂNG LƯỢNG 1. Đại cương. 2. Chuyển hóa các chất cơ bản trong cơ thể. 3. Trao đổi năng lượng trong cơ thể. 4. Cơ sở sinh lý của khẩu phần thức ăn. 5. Trao đổi nhiệt năng và cơ chế điều hòa thân nhiệt.	CLO 2,3,4	- Thuyết giảng - Thảo luận - Câu hỏi gợi mở - Vấn đáp - Trực quan - Học nhóm
4 tiết (4LT, 0TH)	CHƯƠNG 3: HỆ TUẦN HOÀN A. MÁU VÀ BẠCH HUYẾT 1. Chức năng của máu. 2. Khối lượng, tỷ trọng của máu. 3. Các thành phần của máu. 4. Đặc điểm của máu trẻ em. 5. Tính chất của máu. 6. Nước mô và bạch huyết. 7. Miễn dịch; HIV/AIDS. B. HỆ TUẦN HOÀN 1. Cấu tạo hệ Tuần hoàn 2. Hoạt động của Tim. 3. Các vòng tuần hoàn. 4. Huyết áp. 5. Điều hòa hoạt động tim, mạch. 6. Tuần hoàn bạch huyết	CLO 2,3,4	- Thuyết giảng - Thảo luận - Câu hỏi gợi mở - Vấn đáp - Trực quan - Học nhóm
2 tiết (2LT, 0TH)	CHƯƠNG 4: HỆ HÔ HẤP 1. Cấu tạo hệ Hô hấp. 2. Cơ chế hoạt động của hệ hô hấp. 3. Dung tích sống. 4. Điều hòa hoạt động hô hấp. 5. Vệ sinh hô hấp – Hô hấp nhân tạo	CLO 2,3,4	- Thuyết giảng - Thảo luận - Câu hỏi gợi mở - Vấn đáp - Trực quan - Học nhóm

2 tiết (2LT, 0TH)	CHƯƠNG 5: HỆ TIÊU HÓA 1. Vai trò của hệ Tiêu hóa. 2. Cấu tạo của hệ tiêu hóa. 3. Sự tiêu hóa thức ăn. 4. Sự hấp thụ thức ăn. 5. Vệ sinh tiêu hóa trẻ em.	CLO 2,3,4	- Thuyết giảng - Thảo luận - Câu hỏi gợi mở - Vấn đáp - Trực quan Học nhóm
2 tiết (2LT, 0TH)	CHƯƠNG 6: HỆ BÀI TIẾT 1. Cấu tạo của hệ Tiết niệu. 2. Quá trình hình thành nước tiểu. 3. Đặc tính lý, hóa của nước tiểu. 4. Quá trình bài xuất nước tiểu. 5. Vệ sinh hệ tiết niệu. 6. Dạng bài tiết khác: Da	CLO 2,3,4	- Thuyết giảng - Thảo luận - Câu hỏi gợi mở - Vấn đáp - Trực quan - Học nhóm
2 tiết (2LT, 0TH)	CHƯƠNG 7: HỆ SINH DỤC 1. Đặc điểm cấu tạo cơ quan sinh dục nam và nữ. 2. Tế bào sinh dục đực và cái. 3. Sự sản sinh trứng và chu kỳ kinh nguyệt. 4. Sự sản sinh tinh trùng và xuất tinh. 5. Cơ chế điều tiết và chức năng sinh dục. 6. Cơ chế thụ tinh và thụ thai	CLO 2,3,4	- Thuyết giảng - Thảo luận - Câu hỏi gợi mở - Vấn đáp - Trực quan - Học nhóm
2 tiết (2LT, 0TH)	CHƯƠNG 8: CÁC TUYẾN NỘI TIẾT 1. Đại cương. 2. Chức năng của từng tuyến nội tiết.	CLO 2,3,4	- Thuyết giảng - Thảo luận - Câu hỏi gợi mở - Vấn đáp - Trực quan - Học nhóm
4 tiết (4LT, 0TH)	CHƯƠNG 9: SINH LÝ VẬN ĐỘNG 1. Hệ xương. 1.1. Vai trò của hệ xương 1.2. Cấu tạo 1.3. Sự phát triển xương của trẻ em. 1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của xương và các bệnh về hệ xương trẻ em. 2. Hệ cơ.	CLO 2,3,4	- Thuyết giảng - Thảo luận - Câu hỏi gợi mở - Vấn đáp - Trực quan - Học nhóm
4 tiết (4LT, 0TH)	CHƯƠNG 10: HỆ THẦN KINH 1. Nơ ron. 2. Cấu tạo và chức phận của hệ thần kinh. 3. Đặc điểm phát triển hệ thần kinh trẻ em.	CLO 2,3,4	- Thuyết giảng - Thảo luận - Câu hỏi gợi mở - Vấn đáp - Trực quan - Học nhóm
2 tiết (2LT, 0TH)	CHƯƠNG 11: CƠ QUAN PHÂN TÍCH 1. Đại cương. 2. Cấu tạo và chức năng của các cơ quan phân tích.	CLO 2,3,4	- Thuyết giảng - Thảo luận - Câu hỏi gợi mở - Vấn đáp
2 tiết (2LT, 0TH)	CHƯƠNG 12: SINH LÝ HOẠT ĐỘNG THẦN KINH CẤP CAO TRẺ EM.	CLO 2,3,4	- Thuyết giảng - Thảo luận

0TH)	1. Phân xạ có điều kiện. 2. Ước chế phản xạ có điều kiện ở trẻ em. 3. Giấc ngủ trẻ em. 4. Quy luật hoạt động thần kinh cấp cao trẻ em. 5. Các hệ thống tín hiệu của trẻ em. 6. Trí nhớ.		- Câu hỏi gợi mở - Vấn đáp - Trực quan - Học nhóm
------	--	--	--

12. Tài liệu học tập

[1] Tạ Thuý Lan, Trần Thị Loan (2017), *Giáo trình Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non*, NXB Đại học Sư phạm.

[2] Lê Thanh Vân (2015), *Giáo trình Sinh lí học trẻ em*, Nxb Đại học Sư phạm.

[3] Phan Thị Ngọc Yến, Trần Minh Kỳ, Nguyễn Thị Dung (2006), *Đặc điểm giải phẫu sinh lí trẻ em*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội

[4] Nguyễn Thạc, Lý thuyết và phương pháp nghiên cứu sự phát triển thể chất trẻ em, NXB Đại học Sư phạm.

13. Ngày phê duyệt

14. Cấp phê duyệt

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Sự học và phát triển Tâm lý lứa tuổi Mầm non

2. Số tín chỉ tín: 2(2.0)

3. Trình độ: Cao đẳng

4. Phân bố thời gian: Kì II, năm thứ nhất

- Lý Thuyết: 30 tiết
- Thực hành: 0

5. Điều kiện tiên quyết

- Trên cơ sở đã học Tâm lý học đại cương ; Giáo dục học đại cương
- Các học phần kế tiếp: Tâm lý học lứa tuổi mầm non

6. Mục tiêu học phần

* Kiến thức.

Cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản, có hệ thống, hiện đại về tâm lý học trẻ em trước tuổi học. Áp dụng có hiệu quả kiến thức khoa học giáo dục mầm non vào việc tổ chức và đánh giá các hoạt động giáo dục trẻ ở các đối tượng khác nhau bao gồm cả trẻ dân tộc thiểu số, trẻ có nhu cầu đặc biệt ở tất cả các nhóm tuổi, các loại hình trường, lớp mầm non.

* Kỹ năng.

Giao tiếp với trẻ, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho sự phát triển và học tập của trẻ, quan sát, tìm hiểu và đánh giá mức độ phát triển và giáo dục trẻ phù hợp với yêu cầu của từng độ tuổi, từng cá nhân và điều kiện thực tế, vận dụng tri thức được trang bị vào thực hành, chăm sóc, giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non. Biết phân tích, giải thích các hiện tượng tâm lý liên quan theo quan điểm duy vật biện chứng.

* Năng lực tự chủ và trách nhiệm.

Trên cơ sở có kiến thức chuyên môn và kỹ năng sư phạm, sinh viên tin tưởng vào năng lực, chuyên môn của bản thân, có thái độ tốt đối với trẻ và nghề giáo viên mầm non. Biết lao động sư phạm khoa học, có ý thức vận dụng sáng tạo các kiến thức, kỹ năng được đào tạo để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục mầm non.

7. Mô tả học phần

Cung cấp những nội dung cơ bản khái quát về hệ thống kiến thức nghiên cứu trẻ lứa tuổi mầm non để giúp người giáo viên thực hiện tốt công tác chuyên môn, rèn nghiệp vụ trong hiện tại và trong tương lai. Đặc biệt từ những tri thức được cung cấp sinh viên có thể áp dụng giáo dục trẻ ở các đối tượng khác nhau trong bậc học mầm non.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên dự đủ số giờ lý thuyết và thực hành theo quy định, chuẩn bị các bài đọc theo yêu cầu của giảng viên
- Tự học: Sinh viên tự học có hiệu quả những nội dung GV yêu cầu
- Thảo luận: Tham gia thảo luận nhóm, đóng góp ý kiến, trình bày được kết quả thảo luận nhóm

9. Tài liệu học tập

* Tài liệu chính

[1]. Nguyễn Ánh Tuyết - Nguyễn Thị Như Mai; *Sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non*, NXB GD 2009

* Tài liệu tham khảo

[2]. Nguyễn Ánh Tuyết (chủ biên), *Tâm lý học trẻ em tuổi mầm non*. NXB GD 2006

[3]. Nguyễn Ánh Tuyết (chủ biên). *Tâm lý học trẻ em trước tuổi học*. NXB GD 2002

10. Tiêu chuẩn đánh giá

- Dự lớp : 80% thời lượng yêu cầu
- Thực hành 100% thời lượng yêu cầu
- Thi hết trình: 02 bài kiểm tra viết
- Thi cuối kì : Thi viết

11. Thang điểm

stt	Nội dung đánh giá	Trọng số
1	Kiểm tra trình	0,2
2	Kiểm tra giữa môn	0,3
3	Thi hết môn	0,5

12. Nội dung chi tiết học phần

Phần I. Những vấn đề chung của tâm lý học trẻ em

Chương I. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học trẻ em, phương pháp nghiên cứu và đánh giá tâm lý trẻ em

- I. Đối tượng của tâm lý học trẻ em
- II. Nhiệm vụ của tâm lý học trẻ em
- III. Phương pháp nghiên cứu và đánh giá sự phát triển tâm lý trẻ em

Chương II. Lịch sử hình thành và phát triển tâm lý học trẻ em

- I. Sự nảy sinh và phát triển ban đầu của tâm lý học trẻ em
- II. Dòng phái nguồn gốc sinh học và nguồn gốc xã hội trong sự phát triển của tâm lý trẻ em
- III. Sự phát triển của tâm lý học trẻ em ở Nga và Xô viết
- IV. Tâm lý học trẻ em ở các nước phương tây
- V. Tâm lý học trẻ em Việt Nam

Chương III. Quy luật phát triển tâm lý của trẻ em

- I. Sự phát triển tâm lý của trẻ em
- II. Những quy luật phát triển tâm lý của trẻ em
- III. Phân định thời kỳ phát triển theo lứa tuổi

Phần II. Sự phát triển tâm lý trẻ em dưới 3 tuổi

Chương IV. Sự phát triển của thai nhi

- I. Mối quan hệ giữa thai nhi và môi trường
- II. Trình tự hình thành các giác quan ở thai nhi
- III. Các giai đoạn phát triển của thai nhi

Chương V. Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ em trong năm đầu (từ lọt lòng đến khoảng 15 tháng)

- I. Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ sơ sinh (từ lọt lòng đến 2 tháng)
- II. Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ hài nhi (từ 2 đến 15 tháng)

Chương VI. Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ ấu nhi (15 tháng đến 36 tháng)

- I. Phát triển hoạt động chủ đạo
- II. Sự phát triển vận động và tâm vận động của trẻ ấu nhi
- III. Sự phát triển tâm lý của trẻ ấu nhi
- IV. Xuất hiện tiền đề của sự hình thành nhân cách

Phần III. Đặc điểm phát triển của trẻ mẫu giáo (3 đến 6 tuổi)

Chương VII. Các dạng hoạt động của trẻ mẫu giáo

- A. Hoạt động vui chơi
 - I. Khái niệm về hoạt động vui chơi
 - II. Trò chơi đóng vai theo chủ đề và vai trò chủ đạo của nó đối với sự phát triển của trẻ mẫu giáo
 - III. Sự phát triển của hoạt động vui chơi
- B. Các dạng hoạt động khác

Chương VIII. Phát triển tâm vận động của trẻ mẫu giáo

Chương IX. Sự hình thành và phát triển mặt xã hội trong nhân cách trẻ mẫu giáo

- I. Sự hình thành và phát triển ý thức về bản thân ở trẻ mẫu giáo
- II. Sự phát triển động cơ hành vi và hình thành hệ thống thứ bậc các động cơ ở trẻ mẫu giáo
- III. Sự phát triển đời sống tình cảm của trẻ mẫu giáo
- IV. Sự phát triển ý chí ở trẻ mẫu giáo

Chương X. Sự phát triển trí tuệ ở trẻ mẫu giáo

- I. Đặc điểm phát triển ngôn ngữ của trẻ mẫu giáo
- II. Sự phát triển hoạt động nhận cảm của trẻ mẫu giáo (bao gồm cả hai quá trình cảm giác và tri giác)
- III. Đặc điểm phát triển trí nhớ của trẻ mẫu giáo
- IV. Đặc điểm phát triển tư duy của trẻ mẫu giáo

V. Đặc điểm phát triển trí tưởng tượng của trẻ mẫu giáo

VI. Đặc điểm phát triển chú ý của trẻ mẫu giáo

Phần IV. Dạy và học đối với trẻ ở tuổi mầm non

Chương XI. Dạy và học trong giáo dục mầm non

I. Khái niệm dạy và học

II. Dạy và học trong giáo dục mầm non

Chương XII. Chuẩn bị sẵn sàng tâm lý cho trẻ vào trường tiểu học

I. Vì sao cần chuẩn bị cho trẻ vào trường tiểu học

II. Chuẩn bị toàn diện cho trẻ vào trường tiểu học

13. Ngày phê duyệt

14. Cấp phê duyệt

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Ứng dụng CNTT trong GDMN

2. Số tín chỉ: 2 (1,1)

3.Trình độ: Cao đẳng

4. Phân bố thời gian: Học kỳ 4

- Lý thuyết: 15 tiết
- Thực hành, kiểm tra: 30 tiết

5. Điều kiện tiên quyết: Sau khi học xong các học Tin học (đã tiếp cận được với máy tính và bộ phần mềm văn phòng: biết cách sử dụng cơ bản bộ phần mềm văn phòng Word, Excel, PowerPoint, ...)

6. Mục tiêu học phần:

6.1. Kiến thức:

***) Kiến thức tổng quát**

- Áp dụng phần mềm văn phòng soạn thảo văn bản, thiết kế trình chiếu, kẻ vẽ, video..., những nội dung cơ bản về các phần mềm thường dùng trong thiết kế bài giảng, phần mềm Kidsmart và một số ứng dụng CNTT trong giáo dục mầm non cũng như việc sử dụng máy tính trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp.

***) Kiến thức chuyên môn**

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về: phần mềm xử lý văn bản, phần mềm trình chiếu, phần mềm xử lý tranh ảnh, phần mềm xử lý video internet.
- Chỉ ra được vai trò của phần mềm Kidsmart.
- Liệt kê và mô tả được thao tác với các nội dung cơ bản trên phần mềm Kidsmart.
- Chỉ ra được một số yêu cầu cơ bản của ứng dụng CNTT trong giáo dục Mầm non. Quy trình thiết kế, triển khai nội dung tiết giảng ứng dụng CNTT trong giáo dục mầm non.

6.2. Kỹ năng.

***) Kỹ năng chuyên môn:**

+ Soạn thảo được văn bản bảo đảm đúng các yêu cầu về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính

+ Sử dụng được phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint để soạn thảo nội dung, thiết kế và trình chiếu các nội dung cần thiết cho một bài thuyết trình thông thường

+ Sử dụng được phần mềm xử lý tranh ảnh, phần mềm xử lý video để soạn thảo nội dung, thiết kế và trình chiếu các nội dung cần thiết cho một bài giảng thông thường

+ Thực hiện được một số thao tác xử lý cơ bản trên Internet

+ Hướng dẫn cách xây dựng quy trình thiết kế bài giảng có ứng dụng CNTT trong giáo dục mầm non

+ Trình bày cấu trúc một bài giảng trên máy tính

+ Trình bày được các bước khi thực hiện hoạt động thiết kế, triển khai nội dung tiết giảng ứng dụng CNTT trong giáo dục mầm non.

***) Kỹ năng làm việc:**

- Giao tiếp, ứng xử với trẻ một cách gần gũi, tình cảm; chân tình, cởi mở, thẳng thắn với đồng nghiệp; Gần gũi, tôn trọng và hợp tác, chia sẻ với cha mẹ trẻ và cộng đồng.

- Phân tích, đánh giá được bài soạn và tiết giảng của bản thân và bạn bè, đồng nghiệp

- Có kỹ năng: Quan sát, theo dõi, trò chuyện với trẻ trong các hoạt động, trao đổi với phụ huynh; Sử dụng một số bài tập, trò chơi, tình huống để khảo sát, đánh giá trẻ.

6.3. Thái độ.

- Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có lòng yêu nghề, mến trẻ, tâm huyết với sự nghiệp giáo dục mầm non.

- Có thái độ cởi mở, thiện chí với phụ huynh và sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác, giúp đỡ đồng nghiệp;

- Có ý thức kỷ luật, linh hoạt, tích cực làm việc trong mọi công việc

- Thể hiện bản lĩnh, tự tin, sáng tạo, có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

6.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Thể hiện được ý thức tập thể, đoàn kết phấn đấu vì lợi ích chung, lối sống lành mạnh, cẩn thận, trung thực, liêm khiết.
- Thể hiện được bản lĩnh tự tin, năng động, sáng tạo, khoa học, duy trì nguyên tắc công tác, có khả năng tự học, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm;
- Tự định hướng, thích nghi được với các môi trường làm việc khác nhau hoặc môi trường thay đổi; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;
- Đánh giá được chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non; hoàn thành nhiệm vụ được giao; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

7. Mô tả nội dung học phần:

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về: hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non; các phần mềm thường dùng trong thiết kế bài giảng; cách sử dụng phần mềm kidsmart

8. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học trên lớp đủ 15 tiết lý thuyết, 30 tiết thực hành và các bài kiểm tra
- Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng, dụng cụ học tập

9. Tài liệu học tập

- [1]. Giáo trình Tin học văn phòng Nguyễn Sơn Hải - NXBGD.
- [2]. Tài liệu tin học văn phòng do giáo viên biên soạn.
- [3]. Tài liệu tập huấn phần mềm kidsmart do giảng viên biên soạn
- [4]. Tài liệu tập huấn phần mềm: “Bé làm quen với chữ cái Happy Kid”

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Tham gia học lý thuyết và thực hành đầy đủ, kiểm tra thường xuyên, định kì, thi học phần
- Vận dụng được kiến thức lý thuyết đã học vào bài tập thực hành (Soạn giáo án và tập giảng).
- Các bài thực hành đều được đánh giá, rút kinh nghiệm cho SV
- Thang điểm: 10/10

11. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số tiết	
	LT	TH
Chương 1. Các phần mềm thường dùng trong thiết kế bài giảng 3.1. Phần mềm Microsoft Word 3.2. Phần mềm Microsoft Powerpoint 3.3. Phần mềm xử lý tranh ảnh 3.4. Phần mềm xử lý video 3.5. Thao tác với Internet Explorer	3	10
Chương 2. Phần mềm Kidsmart 2.1. Ngôi nhà Toán học của Millie 2.2. Ngôi nhà không gian và thời gian của Trudy 2.3. Ngôi nhà khoa học của Sammy 2.4. Ngôi nhà thế giới sôi động Thinkin' things 2.5. Ngôi nhà sách Happykid	7	10
Chương 3. Ứng dụng CNTT trong giáo dục mầm non 3.1. Một số yêu cầu cơ bản của ứng dụng CNTT trong giáo dục Mầm non 3.2. Xây dựng quy trình thiết kế bài giảng có ứng dụng CNTT trong giáo dục mầm non 3.3. Cấu trúc một bài giảng trên máy tính 3.4. Thiết kế bài giảng có ứng dụng CNTT ở mầm non 3.5. Triển khai các hoạt động trên lớp với bài giảng có ứng dụng CNTT	5	10

Tổng cộng	15	30
------------------	-----------	-----------

* Hướng dẫn thực hiện

- Giáo viên có đầy đủ tài liệu (giáo trình, sách tham khảo, video tổ chức cho trẻ mầm non làm quen với toán) để hướng dẫn sinh viên các vấn đề tổ chức cho trẻ mầm non làm quen với toán

- Sinh viên làm bài tập theo yêu cầu, khuyến khích tìm tòi, sáng tạo trong cách thể hiện.

12. Cấp phê duyệt

13. Ngày phê duyệt

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Khoa học đánh giá bậc mầm non

2. Số tín chỉ: 2 (1;1)

3.Trình độ: Cao đẳng

4. Phân bố thời gian: Học kỳ 1, năm thứ ba.

- Lý thuyết: 15 tiết

- Thực hành, kiểm tra: 30 tiết

5. Điều kiện tiên quyết: Không

6. Mục tiêu học phần:

6.1. Kiến thức:

***) Kiến thức tổng quát**

- Vận dụng phù hợp các kiến thức cơ bản về khoa học đánh giá bậc mầm non để đánh giá chất lượng giáo dục mầm non, đánh giá chương trình, đánh giá sự phát triển của trẻ và đánh giá hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non.

***) Kiến thức chuyên môn**

- Trình bày và phân tích được một số vấn đề về đánh giá giáo dục mầm non.

- Phân tích và đánh giá được sự phát triển của trẻ và hoạt động nghề nghiệp của giáo viên.

6.2. Kỹ năng:

***) Kỹ năng chuyên môn:**

- Vận dụng chuẩn nghề nghiệp GVMN để đánh giá hoạt động nghề nghiệp của người GVMN.

- Xây dựng bài tập, tiêu chí đánh giá và sử dụng các phương tiện trong đánh giá sự phát triển của trẻ.

***) Kỹ năng làm việc:**

- Giao tiếp, ứng xử với trẻ một cách gần gũi, tình cảm; chân tình, cởi mở, thẳng thắn với đồng nghiệp; Gần gũi, tôn trọng và hợp tác, chia sẻ với cha mẹ trẻ và cộng đồng.

- Phân tích, đánh giá được sự phát triển của trẻ và hoạt động nghề nghiệp của GVMN.

- Có kỹ năng: Quan sát, theo dõi, trò chuyện, phân tích, đánh giá, làm việc nhóm, sử dụng các phương tiện và đồ dùng trong quá trình đánh giá.

6.3. Thái độ:

- Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có lòng yêu nghề, mến trẻ, tâm huyết với sự nghiệp giáo dục mầm non.

- Có thái độ cởi mở, thiện chí với phụ huynh và sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác, giúp đỡ đồng nghiệp;

- Có ý thức kỷ luật, linh hoạt, tích cực làm việc trong mọi công việc

- Thể hiện bản lĩnh, tự tin, sáng tạo, có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

6.4. Năng lực cần đạt:

- Môn học/học phần đóng vai trò chủ yếu đối với sự phát triển “năng lực đánh giá”

+ Vận dụng các nội dung đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục mầm non.

+ Vận dụng các tiêu chí đánh giá chương trình GDMN

+ Sử dụng chuẩn nghề nghiệp GVMN để đánh giá hoạt động nghề nghiệp GVMN.

+ Thiết kế được công cụ đo lường và đánh giá.

+ Đánh giá được sự phát triển của trẻ: đánh giá theo chủ đề; đánh giá theo giai đoạn; đánh giá chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi.

- Môn học/học phần tạo cơ hội phát triển các năng lực như:

+ Năng lực tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp có chủ đề: Chủ động xây dựng kế hoạch, xác định mục tiêu và tổ chức các HĐGD theo chủ đề phù hợp với trẻ, khắc phục những hạn chế và phát huy điểm mạnh của trẻ trong các chủ đề tiếp theo,

+ Năng lực tổ chức hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ: Thực hiện chế độ sinh hoạt theo quy trình khoa học nhằm đảm bảo cách hợp lý về thời gian và trình tự các hoạt động phù hợp lứa tuổi.

+ Năng lực triển khai chương trình giáo dục mầm non: Phân tích được tình hình thực tiễn (trẻ, phụ huynh, điều kiện vùng miền ở địa phương). Trên cơ sở đó giáo viên chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục cho phù hợp với khả năng của trẻ.

Biết lựa chọn đồ dùng đồ chơi, thiết bị dạy học phù hợp với chủ đề, nội dung hoạt động và độ tuổi của trẻ mầm non

+ Năng lực tư vấn, tham vấn: Tư vấn, tham vấn được tới các bậc phụ huynh của trẻ và các lực lượng xã hội khác (hội phụ nữ, đoàn thanh niên...) cùng tham gia vào hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ lứa tuổi mầm non.

7. Mô tả nội dung học phần:

Một số vấn đề chung về đánh giá trong Giáo dục mầm non: khái niệm, ý nghĩa, nguyên tắc, nội dung, hình thức, phương pháp và các kỹ thuật đánh giá (đánh giá các hoạt động nghề nghiệp của Giáo dục mầm non, chương trình Giáo dục mầm non và sự phát triển của trẻ dưới tác động của chương trình Giáo dục mầm non).

Giúp người học sử dụng các biện pháp và kỹ thuật đánh giá (quan sát, ghi lại và đánh giá sự học và phát triển của trẻ) nhằm mục đích thiết kế công cụ đo lường các hoạt động và môi trường giáo dục phù hợp với nhu cầu của từng trẻ, kể cả trẻ có nhu cầu đặc biệt, tạo sự phát triển toàn diện về thể lực, xã hội, tình cảm, thẩm mỹ và trí tuệ cho trẻ

8. Nhiệm vụ của sinh viên: Dự lớp, thực hành bài tập, chuẩn bị đồ dùng học tập.

9. Tài liệu học tập

1. *Đánh giá trong giáo dục mầm non*, Đinh Thị Kim Thoa, NXBGDVN, 2011.
2. *Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN*, Nguyễn Thị Thu Hiền, NXGD, 2008.
3. *Đánh giá trong giáo dục*, Trần Thị Tuyết Oanh, NXBĐHSP, 2007.
4. *Đánh giá và đo lường kết quả học tập*, Trần Thị Tuyết Oanh, NXBĐHSP, 2007.
5. *Hướng dẫn áp dụng chuẩn nghề nghiệp GVMN và đánh giá GV*, Bộ GDĐT, NXBGDVN, 2012.
7. *Chương trình GDMN*, Bộ GD và ĐT, NXBGDVN, 2011.
8. Điều lệ trường mầm non.
9. *PP nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non*, Nguyễn Ánh Tuyết – Lê Thị Kim Anh – Đinh Văn Vang, NXBĐHSP, 2012.
- . *Hướng dẫn thực hiện chương trình GDMN (các độ tuổi)*, Lê Thu Hương – Nguyễn Ánh Tuyết, NXBGD, 2009.
- . *Đánh giá và kích thích sự phát triển của trẻ (0-3 tuổi; 3-6 tuổi)*, Tạ Ngọc Thanh, NXBGD, 2008.
12. *Đánh giá sự phát triển trẻ 5 tuổi theo bộ chuẩn phát triển trẻ*
13. *HD xây dựng kế hoạch GD và tổ chức thực hiện HGD cho trẻ MG*, Bộ GD và ĐT – Vụ GDMN, NXB GDVN, 2014

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Dự lớp, thực hành bài tập đầy đủ, kiểm tra, thi giữa kỳ, thi học phần
- Hiểu biết và vận dụng kiến thức vào bài tập thực hành.
- Các bài tập đều được đánh giá, rút kinh nghiệm cho SV
- Thang điểm: 10/10

11. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số tiết	
	LT	TH/KT
CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐÁNH GIÁ TRONG GIÁO DỤC MẦM NON(4LT+ 2TH)	4	2
I. Khái niệm cơ bản (0.25T)		
1. Đo lường		
2. Đánh giá		
3. Định giá trị		
II. Vai trò của đánh giá trong giáo dục mầm non (0.25T)		
1. Đối với các cấp quản lý và đồng nghiệp		
2. Đối với giáo viên		

3. Đối với trẻ 4. Đối với phụ huynh III. Chức năng của đánh giá trong giáo dục mầm non (0.25T) 1. Chức năng định hướng 2. Chức năng kích thích, tạo động lực 3. Chức năng sàng lọc, lựa chọn 4. Chức năng cải tiến dự báo. IV. Các bước tiến hành đánh giá và các yêu cầu đối với đánh giá trong giáo dục mầm non (0.25T) 1. Các bước tiến hành đánh giá 2. Yêu cầu đối với đánh giá V. Nội dung đánh giá trong giáo dục mầm non (0.25T) 1. Đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục mầm non 2. Đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non. 3. Đánh giá hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non 4. Đánh giá sự phát triển của trẻ VI. Hình thức đánh giá trong GDMN (0.25T) VII. Phương pháp đánh giá trong giáo dục mầm non (2.5T) 1. Phương pháp quan sát 2. PP trắc nghiệm 3. Phương pháp phân tích sản phẩm hoạt động 4. Phương pháp trò chuyện 5. Phương pháp đánh giá qua tiêu sử cá nhân 6. Phương pháp đàm thoại, phỏng vấn 7. Phương pháp khảo sát, điều tra 8. Phương pháp đánh giá qua hồ sơ, tài liệu		
CHƯƠNG II: ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON (2LT+ 2TH) I. Một số khái niệm 1. Cơ sở giáo dục mầm non 2. Chất lượng giáo dục mầm non 3. Chất lượng cơ sở giáo dục mầm non theo UNESCO II. Đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục mầm non (thực hiện theo thông tư 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018) III. Tổ chức đánh giá chất lượng cơ sở GDMN 1. Công tác tự đánh giá trường mầm non 2. Quy trình tự đánh giá trường mầm non	1	2
CHƯƠNG III: ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON (2LT+2TH) I. Đánh giá chương trình giáo dục (1T) 1. Một số khái niệm 2. Các tiêu chí đánh giá chương trình giáo dục 3. Các loại đánh giá chương trình giáo dục 4. Người đánh giá chương trình II. Tổ chức đánh giá thực hiện chương trình giáo dục mầm non (1T) 1. Quan điểm xây dựng chương trình giáo dục mầm non 2. Nội dung chương trình giáo dục mầm non và nội dung đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non 3. Mục đích đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non 4. Hình thức tổ chức đánh giá chương trình 5. Công việc cần tiến hành khi đánh giá chương trình giáo dục mầm non	2	2

CHƯƠNG IV: ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NGHỀ NGHIỆP CỦA GVMN (2LT + 02TH +1KT) I. Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non (1.5T) 1. Khái niệm chuẩn 2. Chuẩn nghề nghiệp giáo viên 3. Quy trình xây dựng chuẩn 4. Nguyên tắc xây dựng chuẩn giáo viên mầm non 5. Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non 6. Vai trò của chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non 7. Quy trình đánh giá giáo viên theo chuẩn II. Nguồn cung cấp minh chứng (0.5T) 1. Khái niệm minh chứng 2. Nguồn cung cấp minh chứng trong đánh giá giáo viên mầm non 3. Nội dung các chỉ báo và minh chứng hoạt động đánh giá, xếp loại GVMN	2	3
CHƯƠNG V: ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ (6LT + 20TH + 1KT) I. Ý nghĩa của việc đánh giá sự phát triển của trẻ (0.25T) 1. Đối với trẻ mầm non 2. Đối với giáo viên mầm non 3. Đối với nhà quản lý giáo dục mầm non 4. Đối với cha mẹ trẻ II. Các nguyên tắc trong đánh giá sự phát triển của trẻ (0.25T) 1. Đánh giá trong mối quan hệ, liên hệ 2. Đánh giá trẻ trong môi trường gần với môi trường sống của trẻ 3. Đánh giá trẻ trong hoạt động 4. Đánh giá trẻ trong sự phát triển III. Quy trình và hình thức đánh giá sự phát triển của trẻ (3.5T) 1. Quy trình đánh giá sự phát triển của trẻ 2. Đánh giá trẻ hằng ngày 3. Đánh giá trẻ theo giai đoạn III. Công cụ đo lường và đánh giá sự phát triển của trẻ (2T) 1. Một số vấn đề chung trong thiết kế công cụ 2. Quy trình thiết kế công cụ đo lường trong đánh giá 3. Chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi	6	21
	15	30

* Hướng dẫn thực hiện

- Giáo viên có đầy đủ các biểu mẫu, tiêu chí đánh giá, hướng dẫn SV cách làm đồ dùng để đánh giá.

- Sinh viên làm bài tập theo yêu cầu, khuyến khích tìm tòi, sáng tạo trong cách thể hiện.

12. Cấp phê duyệt

13. Ngày phê duyệt

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Hoạt động trải nghiệm sáng tạo bậc học mầm non

2. Số tiết: 2 (1;1)

3. Trình độ: Cao Đẳng

4. Phân bổ thời gian: Học kỳ I, năm thứ 3

- Lý thuyết: 15 tiết
- Thực hành, Kiểm tra: 30 tiết

5. Điều kiện tiên quyết: Không

6. Mục tiêu học phần:

6.1. Kiến thức:

***) Kiến thức tổng quát**

- Vận dụng phù hợp các kiến thức cơ bản về hoạt động trải nghiệm bậc mầm non để tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non, giúp trẻ hình thành và phát triển toàn diện nhân cách, sẵn sàng vào học lớp một.

***) Kiến thức chuyên môn**

- Trình bày được khái niệm, quy trình, phân tích được vai trò và các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non.

- Phân tích được các ưu thế của các hình thức tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non theo hướng trải nghiệm.

- Trình bày được các khái niệm; phân tích được căn cứ nguyên tắc; mô tả được cấu trúc, nội dung; phân tích được cách sử dụng mô hình tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non.

- Phân tích được quá trình tổ chức hoạt động học, hoạt động chơi, hoạt động lao động, hoạt động tham quan, hoạt động lễ hội, hoạt động giao lưu theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non.

6.2. Kỹ năng:

***) Kỹ năng chuyên môn:**

- Lập được kế hoạch giáo dục trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non.

- Tổ chức được các hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non theo hướng trải nghiệm ở trường mầm non.

- Nhận xét, đánh giá được quá trình tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non

***) Kỹ năng làm việc:**

- Giao tiếp, ứng xử với trẻ một cách gần gũi, tình cảm; chân tình, cởi mở, thẳng thắn với đồng nghiệp; Gần gũi, tôn trọng và hợp tác, chia sẻ với cha mẹ trẻ và cộng đồng.

- Phân tích, đánh giá được quá trình thực hiện giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non.

- Có kỹ năng: Quan sát, theo dõi, trò chuyện, phân tích, đánh giá, làm việc nhóm, sử dụng các phương tiện và đồ dùng trong quá trình tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non.

6.3. Thái độ:

- Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có lòng yêu nghề, mến trẻ, tâm huyết với sự nghiệp giáo dục mầm non.

- Có thái độ cởi mở, thiện chí với phụ huynh và sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác, giúp đỡ đồng nghiệp;

- Có ý thức kỷ luật, linh hoạt, tích cực làm việc trong mọi công việc

- Thể hiện bản lĩnh, tự tin, sáng tạo, có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

- Tích cực tìm hiểu về giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non.

- Tích cực, chủ động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non.

6.4. Năng lực cần đạt:

- Môn học, học phần đóng vai trò chủ yếu đối với sự phát triển “năng lực tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề”

+ Lập kế hoạch giáo dục trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non.

+ Giáo dục trải nghiệm thông qua các hoạt động ở trường mầm non.

+ Liên kết giữa gia đình và nhà trường, xã hội trong việc giáo dục trải nghiệm cho trẻ.

- Môn học, học phần tạo cơ hội phát triển các năng lực như:

+ Năng lực thiết kế môi trường và sử dụng trang thiết bị, đồ dùng có hiệu quả: Lựa chọn phương tiện, đồ dùng thích hợp để giáo dục trải nghiệm cho trẻ.

+ Năng lực tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp có chủ đề: Chủ động xây dựng kế hoạch, xác định mục tiêu và tổ chức các HĐGD theo chủ đề phù hợp với trẻ, khắc phục những hạn chế và phát huy điểm mạnh của trẻ trong các chủ đề tiếp theo,

+ Năng lực tổ chức hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ: thực hiện chế độ sinh hoạt theo quy trình khoa học nhằm đảm bảo cách hợp lý về thời gian và trình tự các hoạt động giáo dục kỹ năng sống phù hợp lứa tuổi.

+ Năng lực triển khai chương trình giáo dục mầm non: Phân tích được tình hình thực tiễn (trẻ, phụ huynh, điều kiện vùng miền ở địa phương). Trên cơ sở đó giáo viên chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục giáo dục trải nghiệm phù hợp với khả năng của trẻ.

+ Năng lực tư vấn, tham vấn: Tư vấn, tham vấn được tới các bậc phụ huynh của trẻ và các lực lượng xã hội khác (hội phụ nữ, đoàn thanh niên...) cùng tham gia vào hoạt động giáo dục trải nghiệm cho trẻ lứa tuổi mầm non.

7. Mô tả nội dung học phần:

Học phần này nhằm cung cấp cho SV mầm non những kiến thức, kỹ năng và thái độ về giáo dục trải nghiệm cho trẻ mầm non: Lí luận về giáo dục theo hướng trải nghiệm; Mô hình tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non; Hướng dẫn tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non; Từ đó SV thực hành tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non.

8. Nhiệm vụ của sinh viên: Dự lớp, chuẩn bị đồ dùng học tập.

9. Tài liệu học tập

- Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non, Hoàng Thị Phương (cb), NXBĐHSPHN, 2018.

- Tài liệu bồi dưỡng thường xuyên nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ và ĐDN CBQL và GVMN năm 2019-2020.

- Tài liệu bồi dưỡng thường xuyên nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ và ĐDN CBQL và GVMN năm 2017-2018.

- Kỹ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong trường tiểu học, Cục nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, BGD và ĐT, NXBĐHSP, 2017.

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Dự lớp, thực hành bài tập đầy đủ, kiểm tra, thi học phần
- Hiểu biết và vận dụng kiến thức vào bài tập thực hành.
- Các bài tập đều được đánh giá, rút kinh nghiệm cho SV
- Thang điểm: 10/10

11. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số tiết	
	LT	TH
Chương I: Lí luận về giáo dục theo hướng trải nghiệm	04	0
1. Khái niệm: Giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non		
2. Quy trình giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non		
3. Vai trò của trải nghiệm đối với việc giáo dục trẻ mầm non		
4. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình giáo dục theo hướng trải nghiệm		
5. Các hình thức hoạt động giáo dục trẻ ở trường mầm non		
Chương II: Mô hình tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non	05	0
1. Khái niệm: Mô hình tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non		
2. Căn cứ nguyên tắc xây dựng mô hình tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non		
3. Cấu trúc và nội dung mô hình tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non		

4. Hướng dẫn sử dụng mô hình tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non		
Chương III: Hướng dẫn tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non 1. Tổ chức hoạt động học theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non 2. Tổ chức hoạt động chơi theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non 3. Tổ chức hoạt động lao động theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non 4. Tổ chức hoạt động tham quan theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non 5. Tổ chức hoạt động lễ hội theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non 6. Tổ chức hoạt động giao lưu theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non	06	0
Chương IV: Thực hành tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non		30
Tổng số	15	30

* Hướng dẫn thực hiện:

- Có đầy đủ giáo trình, tài liệu chính và tài liệu tham khảo tối thiểu là bộ chương trình GDMN hiện hành

- Xây dựng đề cương chi tiết cho môn học

12. Cấp phê duyệt

13. Ngày phê duyệt

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành

2. Số tín chỉ: 2 (2;0)

3.Trình độ: Cao đẳng

4. Phân bố thời gian: Học kỳ 1 năm thứ ba.

- Lý thuyết: 30 tiết

- Thực hành: 0 tiết

5. Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đại cương

6. Mục tiêu học phần:

6.1. Kiến thức:

***) Kiến thức tổng quát**

- Người học được trang bị kiến thức về những vấn đề quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo ở Việt Nam.

- Lý luận chung về Nhà nước và quản lý hành chính nhà nước ở Việt Nam, những nội dung chủ yếu của cuộc vận động cải cách hành chính hiện nay

- Nội dung, quy trình hoạt động quản lý hành chính nhà nước, công cụ, hình thức và phương pháp hành chính nhà nước

- Các khái niệm và những vấn đề liên quan đến công chức, công vụ; cơ sở pháp lý và sự cần thiết của Luật công chức, luật viên chức; Đường lối, quan điểm về giáo dục và đào tạo của Đảng và Nhà nước.

- Tổng hợp được tình hình giáo dục hiện nay của Việt Nam

***) Kiến thức chuyên môn**

- Lý luận chung về Nhà nước và quản lý hành chính nhà nước ở Việt Nam, những nội dung chủ yếu của cuộc vận động cải cách hành chính hiện nay;

- Các khái niệm cơ bản quản lý, quản lý hành chính nhà nước, quản lý nhà nước về giáo dục;

- Nội dung, quy trình hoạt động quản lý hành chính nhà nước, công cụ, hình thức và phương pháp hành chính nhà nước;

- Các yếu tố nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý hành chính nhà nước;

- Các khái niệm và những vấn đề liên quan đến công chức, công vụ; cơ sở pháp lý và sự cần thiết của Luật công chức, luật viên chức.

- Đường lối, quan điểm về giáo dục và đào tạo của Đảng và Nhà nước. Tổng hợp được tình hình giáo dục hiện nay của Việt Nam – những nguyên nhân của thành tựu và hạn chế của giáo dục; mục tiêu và giải pháp phát triển giáo dục.

- Luật Giáo dục và Điều lệ trường trung học.

6.2. Kỹ năng:

***) Kỹ năng chuyên môn:**

- Tổng hợp tình hình thực tiễn trong quản lý hành chính nhà nước, quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo, từ đó đề xuất các giải pháp để nâng cao hiệu quả quản lý.

- Có khả năng tự tìm kiếm tài liệu, nghiên cứu và trình bày các văn bản pháp luật trong quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo ở nước ta như Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Luật Giáo dục.

- Vận dụng kiến thức đã học vào việc thực hiện các quy định trong giáo dục học sinh..

- Nhận diện và giải quyết được những vấn đề liên quan đến công tác quản lý hành chính trong nhà trường.

- Từ nội dung môn học dần hình thành giá trị hành vi (tuân thủ nội quy quy định, tôn trọng quy chế, có khả năng thương thuyết, có tinh thần sáng tạo, đoàn kết có đạo đức nghề nghiệp)

***) Kỹ năng làm việc:**

- Có khả năng làm việc nhóm trong phân công, hợp tác và chia sẻ trách nhiệm.

- Thực hành kỹ năng trình bày vấn đề; phản biện vấn đề để giải quyết tình huống

- Quản lý, hướng đạo giáo dục cá nhân và tập thể học sinh tuân theo pháp luật, quy định của Nhà nước.

- Xây dựng kế hoạch làm việc cẩn thận, chính xác theo qui định của ngành

- Ứng dụng kiến thức vào thực hành nhiệm vụ học tập, thực tập và công tác

6.3. Thái độ:

- Nhận thức được vai trò, trách nhiệm, sứ mệnh của nhà giáo, từ đó tích cực rèn luyện phẩm chất đạo đức và chuyên môn nghiệp vụ của người giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục.

6.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có ý thức trách nhiệm công dân, ý thức kỷ luật và thái độ nghề nghiệp đúng đắn.

7. Mô tả nội dung học phần:

Học phần gồm những kiến thức về quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo ở Việt Nam. Nội dung chính của học phần gồm những vấn đề như cách thức tổ chức hoạt động của bộ máy nhà nước Việt Nam trong đó tập trung đến tổ chức, hoạt động của bộ máy quản lý giáo dục và đào tạo; tính chất, nguyên tắc, chức năng, quy trình quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục đào tạo; đường lối, quan điểm của Đảng và pháp luật của Nhà nước về giáo dục và đào tạo, tập trung những vấn đề liên quan đến nghề sư phạm và người giáo viên. Bên cạnh đó, môn Trang 2 học tích hợp giảng dạy các kỹ năng như: tư duy phân tích, tư duy phản biện, tư duy giải quyết vấn đề và kỹ năng làm việc nhóm.

8. Phương pháp dạy học:

- Thuyết trình: giảng viên diễn giải các vấn đề mang tính lý luận để người học làm nền tảng cho việc tự nghiên cứu và giải quyết các tình huống có liên quan đến nội dung môn học. Bên cạnh đó, phương pháp này sử dụng khi giới thiệu các quy định của pháp luật nhằm giúp người học dễ nắm bắt một cách có hệ thống. Phương pháp này cũng được sử dụng để định hướng cho người học trước khi nghiên cứu, chuẩn bị các chuyên đề được giao; tổng kết lại các vấn đề thảo luận, trình bày trong các buổi thuyết trình của người học.

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự đầy đủ các buổi lên lớp, thảo luận theo quy định với ý thức học tập tích cực, tự giác chủ động, thực hiện nghiên cứu và hoàn thành các yêu cầu của bài học.

- Tham dự kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ

- Tham dự thi kết thúc học phần.

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

10. Tài liệu học tập

- Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo - Phạm Viết Vượng (chủ biên) - NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2007.

- Tài liệu tham khảo:

+ Luật Cán bộ, Công chức 2008.

+ Luật Viên chức 2010.

+ Luật Giáo dục 2005 (2009).

+ Nghị định 115/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục.

+ Nghị định 138/2013/NĐ-CP ngày 22/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục.

+ Quyết định số 5/2014/VBHN-BGDĐT ngày 13/2/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành điều lệ trường mầm non.

+ Thông tư số 3/2014/VBHN-BGDĐT ngày 22/1/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành điều lệ trường tiểu học.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt và tích cực thảo luận trong quá trình học tập, làm bài tập đầy đủ.

- Làm đầy đủ các bài kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra giữa kỳ và bài thi học phần.

- Thể hiện được sự tìm tòi, khả năng sáng tạo trong quá trình học tập.

- Các bài tập đều được đánh giá, rút kinh nghiệm cho SV

- Thang điểm: 10/10

12. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số tiết	
	LT	TH

Chương 1: Những vấn đề chung về nhà nước, quản lý hành chính nhà nước và công vụ, công chức 1.1. Lý luận chung về nhà nước, Nhà nước CHXHCN Việt Nam. (2 tiết) 1.2. Nhà nước CHXHCN Việt Nam. (1 tiết) 1.3. Những vấn đề về quản lý hành chính nhà nước. (1 tiết) 1.4. Công chức, công vụ, Luật công chức, Luật viên chức (2 tiết)	06	0
Chương 2. Đường lối quan điểm về giáo dục và đào tạo của Đảng và Nhà nước. 2.1. Một số vấn đề cần giải quyết trong giai đoạn hiện (2 tiết) 2.2. Một số nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp phát triển giáo (2 tiết)	04	0
Chương 3. Luật Giáo dục 3.1. Khái quát Luật Giáo dục (2 tiết) 3.2. Một số nội dung của Luật Giáo dục (5 tiết) 3.3. Những điểm mới của Luật Giáo dục (1 tiết)	08	0
Chương 4. Quản lý Nhà nước về Giáo dục và đào tạo 4.1. Tổng quan (2 tiết) 4.2. Bộ máy quản lý nhà nước về GD-ĐT (4 tiết)	06	0
Chương 5. Điều lệ nhà trường và những quy định đối với giáo viên 5.1. Điều lệ nhà trường. (2 tiết) 5.2. Vai trò của Điều lệ nhà trường trong quản lý nhà trường (4 tiết)	06	0

* Hướng dẫn thực hiện

- Đây là môn học lý thuyết với yêu cầu người học có được Nhận diện và giải quyết được những vấn đề liên quan đến công tác quản lý hành chính trong nhà trường. Để vận dụng kiến thức đã học vào việc thực hiện các quy định trong giáo dục học sinh.

13. Cấp phê duyệt

14. Ngày phê duyệt

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Khoa học phát triển chương trình

2. Số tín chỉ: 2 (2;0)

3.Trình độ: Cao đẳng

4. Phân bố thời gian: Học kỳ 5 năm thứ ba.

- Lý thuyết: 30 tiết
- Kiểm tra: 2 tiết

5. Điều kiện tiên quyết: Học sau khi sinh viên đã học các học phần cơ sở chuyên ngành và các học phần chuyên ngành sư phạm.

6. Mục tiêu học phần:

6.1. Kiến thức:

*) Kiến thức tổng quát: Sinh viên có nhận thức cơ bản về phát triển chương trình giáo dục

*) Kiến thức chuyên môn

- Mô tả, giải thích và viết được các loại kế hoạch giáo dục (năm học, chủ đề, tuần, ngày)
- Tổ chức được các hoạt động giáo dục theo chủ đề (học, chơi, lao động....)ở trường

mầm non

- Thiết kế được môi trường học tập theo chủ đề giáo dục

6.2. Kỹ năng:

*) Kỹ năng chuyên môn:

- SV có kỹ năng phát triển chương trình
- Lập các loại kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình
- Tổ chức các hoạt động giáo dục theo chủ đề cho trẻ mầm non; kỹ năng thiết kế môi trường giáo dục để thực hiện chương trình

- Kỹ năng quan sát, đánh giá hiệu quả thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

*) Kỹ năng làm việc:

- Giao tiếp, ứng xử với trẻ một cách gần gũi, tình cảm; chân tình, cởi mở, thẳng thắn với đồng nghiệp; Gần gũi, tôn trọng và hợp tác, chia sẻ với cha mẹ trẻ và cộng đồng.

- Phân tích, đánh giá được trẻ theo các hình thức khác nhau: đánh giá trẻ sau một hoạt động, sau một ngày, sau một chủ đề, sau một năm học

6.3. Thái độ:

Sinh viên có thái độ đúng đắn khi đánh giá chương trình giáo dục mầm non Việt Nam ở từng giai đoạn; có thái độ đúng đắn và nghiêm túc trong tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non nói riêng và trong công tác chăm sóc trẻ nói chung.

6.4. Năng lực cần đạt:

- Môn học, học phần đóng vai trò chủ yếu đối với sự phát triển phát triển chương trình GDMN như:

- + Lập kế hoạch thực hiện chương trình
- + Tổ chức các hoạt động dạy học theo chủ đề
- + Thiết kế môi trường giáo dục theo chủ đề
- + Đánh giá việc thực hiện chương trình và đánh giá sự phát triển của trẻ

- Môn học, học phần tạo cơ hội phát triển các năng lực như:

+ Năng lực triển khai chương trình giáo dục mầm non: Phân tích được tình hình thực tiễn (trẻ, phụ huynh, điều kiện vùng miền ở địa phương). Trên cơ sở đó giáo viên chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục cho phù hợp với khả năng của trẻ.

+ Năng lực tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp có chủ đề: Chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình và thiết kế môi trường thực hiện các hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề

+ Năng lực đánh giá kết quả việc thực hiện chương trình: Phân tích được mục đích của việc đánh giá, nội dung đánh giá, phương pháp và hình thức đánh giá phù hợp với sự phát triển của trẻ.

+ Năng lực tư vấn, tham vấn: Tư vấn, tham vấn được tới các bậc phụ huynh của trẻ và các lực lượng xã hội khác (tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên, hội phụ nữ...) về môi trường học tập của trẻ, hứng thú của trẻ với chủ đề dạy học, các kiến thức kỹ năng của trẻ về chủ đề giáo dục

7. Mô tả nội dung học phần:

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ sở về chương trình giáo dục, chương trình giáo dục mầm non, chương trình giáo dục nhà trường mầm non, chương trình giáo dục khối lớp mầm

non. Từ đó thiết kế chương trình giáo dục nhà trường mầm non và chương trình giáo dục khối lớp mầm non

8. Nhiệm vụ của sinh viên: Dự lớp, thực hành bài tập, chuẩn bị đồ dùng học tập.

9. Tài liệu học tập

*** Giáo trình chính:**

1. *Giáo trình Phát triển và tổ chức chương trình giáo dục mầm non* – Nguyễn Thị Thu Hiền – NXBGD.

2. *Chương trình chăm sóc- giáo dục trẻ nhà trẻ và hướng dẫn thực hiện (chương trình chính lý)*, NXB GD, 1995.

3. *Chương trình chăm sóc- giáo dục trẻ mẫu giáo và hướng dẫn thực hiện 3-4 tuổi; 4-5 tuổi; 5-6 tuổi (chương trình cải cách)*, NXB GD, 1995.

4. *Đổi mới hình thức tổ chức hoạt động giáo dục trẻ 3-36 tháng; 3-4 tuổi; 4-5 tuổi; 5-6 tuổi (chương trình đổi mới)*, NXB GD, 2004.

5. *Chương trình giáo dục mầm non (chương trình khung)* NXB Giáo dục 2009.

6. *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non (3-36 tháng; 3-4 tuổi; 4-5 tuổi; 5-6 tuổi) (chương trình khung)*, NXB Giáo dục, 2009.

*** Tài liệu tham khảo:**

1. Các tài liệu viết về quan điểm tích hợp trong giáo dục mầm non.

2. Các tài liệu viết về môi trường giáo dục trong trường mầm non.

3. Tạp chí giáo dục mầm non, các văn bản khác.

4. Phạm Văn Lập: *Phát triển chương trình đào tạo- một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB. Đại học quốc gia Hà Nội, 1998.

5. Bộ giáo dục và đào tạo: *Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi*, 2010

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt và tích cực thảo luận trong quá trình học tập, làm bài tập đầy đủ.

- Làm đầy đủ các bài kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra giữa kỳ và bài thi học phần.

- Thể hiện được sự tìm tòi, khả năng sáng tạo trong quá trình học tập.

- Các bài tập đều được đánh giá, rút kinh nghiệm cho SV

- Thang điểm: 10/10

11. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số tiết	
	LT	TH
CHƯƠNG I: KHÁI QUÁT CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC VÀ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC	6	0
1. Khái niệm		
- Chương trình giáo dục		
- Phát triển CTGD		
2. Các thành tố của CTGD		
3. Các mô hình PT CTGD		
3.1. Mô hình Oliva		
3.2. Mô hình Taba		
3.3. Mô hình Saylor, Alexander và Lewis		
3.4. Mô hình Tyler		
4. Cách tiếp cận trong phát triển CTGD		
2.1. Tiếp cận theo mục tiêu		
2.2. Tiếp cận theo nội dung		

2.3. Tiếp cận theo năng lực 2.4. Tiếp cận theo phát triển 5. Quy trình phát triển CTGD 4.1. Phân tích nhu cầu a. Nhu cầu PT CT khoá học/bậc học b. Nhu cầu phát triển CT một môn học 4.2. Xác định mục đích, mục tiêu a. Phân biệt triết lí, định hướng, mục đích giáo dục và mục đích, mục tiêu của CTGD b. Năng lực, chuẩn đầu ra dưới dạng năng lực 4.3. Thiết kế chương trình giáo dục a. Lựa chọn và sắp xếp nội dung CT b. Xác định phương thức tổ chức quá trình đào tạo c. Xác định các HTTC dạy học d. Lựa chọn các phương pháp dạy học e. Lựa chọn và sử dụng phương tiện, công nghệ dạy học f. Xây dựng kế hoạch kiểm tra đánh giá 4.4. Thực thi CTGD (thông qua 1 môn học/lĩnh vực phát triển) a. Giai đoạn chuẩn bị b. Giai đoạn thực thi c. Đánh giá cải tiến		
CHƯƠNG II: PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON I. Khái niệm về phát triển chương trình giáo dục mầm non II. Cơ sở lí luận và thực tiễn của việc phát triển chương trình giáo dục mầm non 1. Cơ sở lí luận 1.1. Các học thuyết cơ bản về sự phát triển trẻ em 1.2. Đặc điểm phát triển của trẻ ở lứa tuổi mầm non 1.3. Một số cách tiếp cận cơ bản - Tiếp cận mục tiêu - Tiếp cận nội dung - Tiếp cận phát triển - Tiếp cận truyền thống và tiếp cận phù hợp với sự phát triển - Tiếp cận dạy học – giáo dục hướng vào đứa trẻ và tiếp cận lấy người lớn làm trung tâm - Tiếp cận cá nhân, tiếp cận tập thể - Tiếp cận tích hợp, tiếp cận tương hỗ và tiếp cận tách biệt - Tiếp cận bình đẳng và tiếp cận phân biệt 1.4. Hình thức thiết kế chương trình - Chương trình khung - Chương trình được tổ chức theo môn học - Chương trình được tổ chức theo các chủ đề - Chương trình được tổ chức theo các sự kiện - Chương trình được tổ chức theo các hoạt động 2. Cơ sở thực tiễn của việc phát triển chương trình giáo dục mầm non - Chương trình mẫu giáo cải tiến - Chương trình chỉnh lí nhà trẻ và chương trình cải cách mẫu giáo - Chương trình đổi mới hình thức tổ chức giáo dục mầm non - Chương trình giáo dục mầm non mới III. Các bước phát triển chương trình giáo dục mầm non	5	
CHƯƠNG II. PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG Ở TRƯỜNG MẦM NON	9	0

I. Phát triển chương trình giáo dục nhà trường ở trường mầm non 1. Chương trình giáo dục nhà trường 2. Phát triển chương trình giáo dục nhà trường 3. Quy trình phát triển chương trình nhà trường 4. Yêu cầu đối với phát triển chương trình giáo dục nhà trường ở trường mầm non. II. Nội dung và các hoạt động phát triển chương trình giáo dục nhà trường. 1. Nội dung phát triển chương trình giáo dục nhà trường 1.1. Xác định nhu cầu 1.2. Tổ chức phát triển chương trình 1.3. Tổ chức thẩm định chương trình 1.4. Tổ chức thực thi chương trình 1.5. Đánh giá, cải tiến chương trình 2. Các hoạt động phát triển chương trình giáo dục nhà trường 2.1. Tổ chức điều chỉnh cấu trúc, nội dung chương trình 2.2. Xây dựng kế hoạch thực hiện 2.3. Tổ chức thực hiện chương trình 2.4. Đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức 2.5. Quản lý hoạt động giảng dạy của giáo viên 2.6. Tập trung đổi mới sinh hoạt chuyên môn		
CHƯƠNG III. PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC KHỐI LỚP MẦM NON I. Phát triển chương trình giáo dục mầm non của khối lớp. 1. Khái niệm phát triển chương trình giáo dục mầm non của khối lớp 2. Tầm quan trọng của phát triển chương trình giáo dục mầm non của khối lớp 3. Những yêu cầu cơ bản đối với phát triển chương trình giáo dục mầm non của khối lớp 4. Quy trình phát triển chương trình giáo dục mầm non của khối lớp. II. Nội dung và các hoạt động phát triển chương trình giáo dục mầm non của khối lớp. 1. Phát triển chương trình giáo dục lứa tuổi nhà trẻ 2. Phát triển chương trình giáo dục lứa tuổi mẫu giáo	10	0
Tổng cộng	30	0

* Hướng dẫn thực hiện:

- Có đầy đủ giáo trình, tài liệu chính và tài liệu tham khảo tối thiểu là bộ chương trình GDMN hiện hành

- Xây dựng đề cương chi tiết cho môn học

- Liên hệ với cơ sở giáo dục mầm non để tìm hiểu thực tiễn việc thực hiện chương trình

GDMN các độ tuổi.

12. Cấp phê duyệt

13. Ngày phê duyệt

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Phương pháp nghiên cứu khoa học

2. Số tín chỉ: 2(2,0)

3. Trình độ: Học kỳ 1 năm thứ ba.

4. Phân bố thời gian: 27 tiết lý thuyết, 3 tiết kiểm tra.

5. Điều kiện tiên quyết: Sau khi SV học xong học phần: Kỹ năng giao tiếp

6. Mục tiêu học phần:

*) **Kiến thức:** Trình bày chính xác các khái niệm, nội dung cơ bản của lý luận NCKH (quan điểm tiếp cận, các phương pháp nghiên cứu lý luận và thực tiễn, các bước tiến hành công trình nghiên cứu khoa học giáo dục và đánh giá công trình nghiên cứu khoa học giáo dục)

*) **Kỹ năng:** Bước đầu hình thành các kỹ năng nghiên cứu khoa học: chọn đề tài, xây dựng đề cương, sử dụng phương pháp để thu thập và xử lý thông tin và trình bày văn bản công trình khoa học giáo dục

*) **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Có hứng thú, tích cực tham gia vào việc nghiên cứu giáo dục và vận dụng kết quả nghiên cứu vào việc dạy học, giáo dục học sinh

7. Mô tả nội dung học phần.

Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản, có hệ thống, hiện đại về các quan điểm tiếp cận, các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, các giai đoạn thực hiện một công trình NCKHGD và phương pháp đánh giá công trình nghiên cứu khoa học GD. Sinh viên bước đầu tiếp cận với hoạt động NCKH và hình thành ở SV kỹ năng nghiên cứu khoa học.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên dự đủ số giờ lý thuyết và thực hành theo qui định, chuẩn bị các bài đọc theo yêu cầu của giảng viên.
- Tự học: SV tự học có hiệu quả những nội dung GV yêu cầu.
- Thảo luận: Tham gia thảo luận nhóm, đóng góp ý kiến, trình bày được kết quả thảo luận nhóm.

9. Tài liệu học tập:

9.1. *Học liệu chính: Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non*- Nguyễn Ánh Tuyết (chủ biên)-Lê Thị Kim Anh- Đinh Văn Vang - NXBĐHSP 2006

9.2. *Học liệu* (tối thiểu có 3 tài liệu tham khảo)

- Phạm Viết Vượng. *PPNCKHGD* - NXB GD 2002
- Phạm Viết Vượng. *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục*. NXB GD 1998
- Vũ Cao Đàm - *PP Lý luận NCKH* - NXB Kinh tế 1997.

9.3. *Đồ dùng, phương tiện dạy học*

- Một số đề tài, tiểu luận để minh họa

10. Tiêu chuẩn đánh giá

- Dự lớp : 80% thời lượng yêu cầu
- Thực hành : 100% thời lượng yêu cầu.
- Thi hết trình : 02 bài kiểm tra viết.
- Thi cuối học kỳ : Thi viết

11. Thang điểm:

STT	Nội dung đánh giá	Trọng số
1	Kiểm tra thường xuyên	0,2
2	Kiểm tra định kì	0,3
3	Thi hết môn	0,5

12. Nội dung chi tiết

**CHƯƠNG I: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC GIÁO DỤC MẦM NON
(2;0) tiết**

I. PP luận nghiên cứu khoa học

II. Phép biện chứng duy vật vừa là nền tảng vừa là kim chỉ nam trong nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non.

1. Hai nguyên lí của phép BCDV
2. Ba quy luật vận động của sự vật và hiện tượng trong hiện thực khách quan.
3. Các cặp phạm trù

III. Trẻ em là gì?

1. Khái niệm trẻ em xét trên bình diện sinh học
2. Khái niệm trẻ em xét trên bình diện văn hóa
3. Khái niệm trẻ em xét trên bình diện cá nhân

CHƯƠNG II: NHỮNG QUAN ĐIỂM TIẾP CẬN TRONG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC GIÁO DỤC MẦM NON (2;0) tiết

1. Quan điểm hệ thống- Cấu trúc trong nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non.
2. Quan điểm tiếp cận lịch sử- Logic trong nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non.
3. Quan điểm tiếp cận tích hợp trong nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non
4. Quan điểm tiếp cận hoạt động trong nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non
5. Quan điểm thực tiễn trong nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non.

CHƯƠNG III: CÁC PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC GIÁO DỤC MẦM NON (2;0) tiết

- I. Khái niệm về phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục.
 1. Hiểu thế nào là phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục.
 2. Đặc điểm của phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục
- II. Phân loại phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục..
- III. Hệ thống các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non.

CHƯƠNG IV. NHỮNG PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN TRONG GIÁO DỤC MẦM NON. (2;0) tiết

- I. PP Phân tích và tổng hợp lý thuyết
 - II. PP Phân tích và tổng hợp lý thuyết
 - III. PP cụ thể hóa lý thuyết
 - IV. PP giả thuyết
- Kiểm tra 1 bài

CHƯƠNG V. NHỮNG PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU THỰC TIỄN TRONG GIÁO DỤC MẦM NON. (8;0) tiết

- I. Phương pháp quan sát
- II. PP Trò chuyện
- III. Phương pháp phân tích sản phẩm
- IV. PPNC tiêu sử trẻ em
- V. Phương pháp điều tra viết
- VI. PP Tổng kết kinh nghiệm

CHƯƠNG VI: CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH MỘT CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC GIÁO DỤC (9;0) tiết

- I. Xác định đề tài nghiên cứu
 1. Đề tài nghiên cứu khoa học là gì?
 2. Các đề tài nghiên cứu khoa học.
 - II. Xây dựng đề cương nghiên cứu.
 - III. Tiến hành nghiên cứu
 - IV. Xử lý – phân tích và bình luận kết quả nghiên cứu.
 - V. Viết công trình và bảo vệ công trình
- Kiểm tra 2 bài

CHƯƠNG VII: ĐÁNH GIÁ CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC GIÁO DỤC (2,0) tiết

- I. Hiệu quả khoa học.

- II. Hiệu quả xã hội.
- III. Hiệu quả kinh tế.
- IV. Hiệu quả công nghệ giáo dục.

13. Ngày phê duyệt

14. Cấp phê duyệt

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG
Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

- 1. Tên học phần:** Tiếng Việt thực hành
- 2. Số tín chỉ:** 2 (1;1)
- 3.Trình độ:** Cao đẳng
- 4. Phân bổ thời gian:** Học kỳ 1, năm thứ ba

- Lý thuyết: 15 tiết
- Thực hành, kiểm tra: 30 tiết

5 . Điều kiện tiên quyết: Sau khi SV học xong các học phần:

- + Tâm lý học đại cương
- + Giáo dục học đại cương
- + Giải phẫu sinh lý trẻ em

6. Mục tiêu học phần:

6.1. Kiến thức:

***) Kiến thức tổng quát**

- Sinh viên có khả năng lĩnh hội hệ thống tri thức cơ bản về Tiếng Việt và vận dụng phù hợp vào quá trình thực hành Tiếng Việt trong các hoạt động giáo dục trẻ mầm non

***) Kiến thức chuyên môn**

- Nêu và phân tích được hệ thống ngữ âm Tiếng Việt, từ vựng Tiếng Việt
- Trình bày và phân tích được ngữ pháp Tiếng Việt và văn bản Tiếng Việt.
- Vận dụng được các thức cơ bản về Tiếng Việt vào thực hành viết chính tả, lựa chọn và sử dụng từ, viết câu trong văn bản.

6.2. Kỹ năng:

***) Kỹ năng chuyên môn:**

- Vận dụng được các quy định chính tả Tiếng Việt vào thực hành viết chính tả
- Lựa chọn và sử dụng được từ phù hợp trong giao tiếp
- Viết câu trong văn bản đảm bảo những yêu cầu chung về câu trong văn bản

***) Kỹ năng làm việc:**

- Giao tiếp, ứng xử với trẻ một cách gần gũi, tình cảm; chân tình, cởi mở, thẳng thắn với đồng nghiệp; Gần gũi, tôn trọng và hợp tác, chia sẻ với cha mẹ trẻ và cộng đồng.
- Có kỹ năng: Quan sát, theo dõi, trò chuyện, phân tích, đánh giá, làm việc nhóm trong quá trình vận dụng Tiếng Việt để giáo dục trẻ mầm non

6.3. Thái độ:

- Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có lòng yêu nghề, mến trẻ, tâm huyết với sự nghiệp giáo dục mầm non.
- Có thái độ cởi mở, thiện chí với phụ huynh và sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác, giúp đỡ đồng nghiệp;
- Có ý thức kỷ luật, linh hoạt, tích cực làm việc trong mọi công việc
- Thể hiện bản lĩnh, tự tin, sáng tạo, có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.
- Giáo dục sinh viên nhận thức rõ vị trí, vai trò của môn học trong chương trình đào tạo của trường Sư phạm và trong trường mầm non ; từ đó có ý thức học tập bộ môn một cách nghiêm túc.
- Chủ động, tích cực học hỏi, trau dồi kiến thức, học tập kinh nghiệm của các giáo viên tại các cơ sở GDMN.

6.4. Năng lực cần đạt:

- Môn học, học phần đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển “năng lực tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề”: Ngôn ngữ trong sáng, khúc triết, lời nói hấp dẫn, truyền cảm trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ.

- Môn học, học phần tạo cơ hội phát triển các năng lực như:

+ Năng lực triển khai chương trình giáo dục mầm non: Sử dụng Tiếng Việt để xác định được mục tiêu, nội dung chương trình GDMN và phân tích được tình hình thực tiễn (trẻ, phụ huynh, điều kiện vùng miền ở địa phương) trong quá trình giáo dục trẻ.

+ Năng lực tổ chức hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ: thực hiện chế độ sinh hoạt theo quy trình khoa học nhằm đảm bảo cách hợp lý về thời gian và trình tự các hoạt động nuôi dưỡng cho trẻ mầm non.

+ Năng lực tư vấn, tham vấn: Tư vấn, tham vấn được tới các bậc phụ huynh của trẻ và các lực lượng xã hội khác (hội phụ nữ, đoàn thanh niên...) cùng tham gia vào hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ mầm non.

7. Mô tả nội dung học phần:

Học phần này nhằm cung cấp cho SV mầm non những kiến thức, kĩ năng và thái độ về Tiếng Việt

Phần thực hành chủ yếu tập trung rèn cho sinh viên kĩ năng viết chính tả, sử dụng từ, câu phù hợp trong giao tiếp và soạn thảo văn bản

8. Nhiệm vụ của sinh viên: Dự lớp, thực hành bài tập, chuẩn bị đồ dùng học tập.

9. Tài liệu học tập

1. *Tiếng Việt và Tiếng Việt thực hành* - Lã Thị Bắc Lý, Phan Thị Hồng Xuân, Nguyễn Thị Thu Nga – NXB ĐHSP. 2012

2. *Tiếng Việt thực hành* - Bùi Minh Toán, Lê A, Đỗ Việt Hùng – NXB GDVN. 2002

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Dự lớp, thực hành bài tập đầy đủ, kiểm tra, thi học phần
- Hiểu biết và vận dụng kiến thức vào bài tập thực hành.
- Các bài tập đều được đánh giá, rút kinh nghiệm cho SV
- Tham gia 45 tiết trong đó 15 tiết lý thuyết + 28 tiết thực hành + 2 bài kiểm tra định kỳ + 1 bài kiểm tra giữa kỳ + thi học phần
- Thang điểm: 10/10

11. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số tiết	
	LT	TH/KT
Chương I: Ngữ âm học Tiếng Việt <i>I. Hệ thống ngữ âm Tiếng Việt</i> 1. Âm tiết Tiếng Việt 2. Âm vị Tiếng Việt <i>II. Rèn kỹ năng chính tả Tiếng Việt</i> 1. Khái niệm chính tả 2. Một số quy định chính tả Tiếng Việt 3. Luyện chữa lỗi chính tả <i>III. Thực hành</i>	2	1
Chương II: Từ vựng Tiếng Việt <i>I. Từ và cấu tạo từ Tiếng Việt</i> 1. Từ và từ vựng 2. Đơn vị từ vựng <i>II. Nghĩa của từ</i> 1. Nghĩa của từ là gì? 2. Các thành phần ý nghĩa trong từ 3. Tính nhiều nghĩa của từ <i>III. Từ trong hoạt động giao tiếp</i> 1. Sự chi phối của các nhân tố giao tiếp đối với từ 2. Sự biến đổi và chuyển hóa của từ trong hoạt động giao tiếp 3. Những yêu cầu chung của việc dùng từ trong văn bản 4. Thao tác chọn lựa và sử dụng từ <i>IV. Thực hành</i>	3	1
Chương III: Ngữ pháp Tiếng Việt <i>I. Từ loại Tiếng Việt</i> 1. Khái niệm và tiêu chí phân định từ loại 2. Các loại từ Tiếng Việt <i>II. Cụm từ Tiếng Việt</i> 1. Khái niệm 2. Cấu tạo của cụm từ 3. Chức năng của cụm từ 4. Các loại cụm từ	2	6

III. Câu Tiếng Việt 1. Khái niệm 2. Các thành phần câu 3. Các kiểu câu phân loại theo cấu tạo ngữ pháp 4. Các kiểu câu phân loại theo mục đích nói 5. Hệ thống dấu câu trong Tiếng Việt III. Rèn kỹ năng viết câu trong văn bản 1. Những yêu cầu chung về câu trong văn bản 2. Các lỗi về câu IV. Thực hành		
Chương IV: Văn bản Tiếng Việt I. Văn bản Tiếng Việt 1. Giao tiếp và văn bản 2. Văn bản – Khái niệm và các đặc trưng cơ bản 3. Quá trình tạo lập một văn bản 4. Lập luận trong văn bản 5. Các phương thức liên kết giữa các câu, đoạn II. Đoạn văn 1. Khái niệm đoạn văn 2. Cấu trúc của đoạn văn 3. Quy trình viết đoạn văn III. Thực hành	4	11
Chương V: Phong cách học Tiếng Việt I. Một số khái niệm phong cách học 1. Đối tượng của phong cách học 2. Phong cách chức năng 3. Chuẩn mực ngôn ngữ và chuẩn mực phong cách 4. Lập luận trong văn bản II. Các phong cách chức năng Tiếng Việt 1. Phong cách hành chính – công vụ 2. Phong cách chính luận 3. Phong cách thông tin báo chí 4. Phong cách sinh hoạt 5. Phong cách nghệ thuật III. Thực hành	4	11
	15	30

* Hướng dẫn thực hiện

- Giáo viên có đầy đủ tài liệu (giáo trình, sách tham khảo) để hướng dẫn sinh viên các vấn đề cơ bản về Tiếng Việt và thực hành Tiếng Việt.

- Sinh viên làm bài tập theo yêu cầu, khuyến khích tìm tòi, sáng tạo trong cách thể hiện.

12. Cấp phê duyệt

13. Ngày phê duyệt

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Làm đồ chơi

2. Số tín chỉ: 1 (0;1)

3.Trình độ: Cao đẳng

4. Phân bố thời gian: Học kỳ 1 năm thứ nhất.

- Lý thuyết: 0 tiết
- Thực hành, kiểm tra: 30 tiết

5. Điều kiện tiên quyết: Không

6. Mục tiêu học phần:

6.1. Kiến thức:

- *) Kiến thức tổng quát
- Vận dụng phù hợp các kiến thức cơ bản để làm được đồ dùng đồ chơi và thiết kế được môi trường dạy học phù hợp nội dung giáo dục và đối tượng trẻ mầm non

*) Kiến thức chuyên môn

- Mô tả, giải thích và phân tích được đặc điểm của đồ chơi, ý nghĩa tác dụng của đồ chơi...
- Phân tích và làm rõ cách làm từng loại đồ chơi
- Đánh giá được sản phẩm

6.2. Kỹ năng:

- *) Kỹ năng chuyên môn:
- Có khả năng làm và sử dụng thiết bị dạy học và đồ dùng đồ chơi phục vụ cho việc tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non

*) Kỹ năng làm việc:

- Giao tiếp, ứng xử với trẻ một cách gần gũi, tình cảm; chân tình, cởi mở, thẳng thắn với đồng nghiệp; Gần gũi, tôn trọng và hợp tác, chia sẻ với cha mẹ trẻ và cộng đồng.
- Phân tích, đánh giá được hiệu quả làm đồ dùng đồ chơi của bản thân và bạn bè, đồng nghiệp
- Có kỹ năng: Quan sát, theo dõi, trò chuyện, phân tích sản phẩm của trẻ trong các hoạt động, trao đổi với phụ huynh; Sử dụng một số bài tập, tình huống để khảo sát, đánh giá trẻ.

6.3. Thái độ:

- Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có lòng yêu nghề, mến trẻ, tâm huyết với sự nghiệp giáo dục mầm non.
- Có thái độ cởi mở, thiện chí với phụ huynh và sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác, giúp đỡ đồng nghiệp;
- Có ý thức kỷ luật, Linh hoạt, tích cực làm việc trong mọi công việc
- Thể hiện bản lĩnh, tự tin, sáng tạo, có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

6.4. Năng lực cần đạt:

- Môn học, học phần đóng vai trò chủ yếu đối với sự phát triển Năng lực thiết kế môi trường và sử dụng đồ dùng dạy học:
 - + Sưu tầm các nguyên vật liệu và làm đồ dùng đồ chơi theo chủ đề dạy học đảm bảo tính giáo dục, thẩm mỹ, an toàn và sáng tạo
 - + Sắp xếp, trưng bày đồ dùng đồ chơi, sản phẩm của trẻ phù hợp với mục đích chăm sóc giáo dục và không gian lớp học
 - + Lựa chọn được phương tiện thích hợp; biết ứng dụng CNTT trong dạy học
 - + Thiết kế được môi trường dạy học phù hợp nội dung giáo dục và đối tượng trẻ mầm non
 - + Biết bảo quản trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi gọn gàng, hợp lý và đảm bảo an toàn cho trẻ
 - + Có kế hoạch tu sửa và mua sắm đồ dùng đồ chơi ở từng nhóm lớp
- Môn học, học phần tạo cơ hội phát triển các năng lực như:
 - + Năng lực tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp có chủ đề: Chủ động xây dựng kế hoạch làm đồ dùng đồ chơi và thiết kế môi trường thực hiện các hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề
 - + Năng lực tổ chức hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ: Biết làm đồ dùng đồ chơi và sử dụng đồ dùng đồ chơi thông qua tổ chức các hoạt động trong sinh hoạt hàng ngày của trẻ
 - + Năng lực triển khai chương trình giáo dục mầm non: Phân tích được tình hình thực tiễn (trẻ, phụ huynh, điều kiện vùng miền ở địa phương). Trên cơ sở đó giáo viên chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục cho phù hợp với khả năng của trẻ.

Biết lựa chọn đồ dùng đồ chơi, thiết bị dạy học phù hợp với chủ đề, nội dung hoạt động và độ tuổi của trẻ mầm non

+ Năng lực tư vấn, tham vấn: Tư vấn, tham vấn được tới các bậc phụ huynh của trẻ và các lực lượng xã hội khác (hội phụ nữ, đoàn thanh niên...) về cách làm đồ chơi và sử dụng đồ chơi thông qua góc tuyên truyền, hội thi, trao đổi trực tiếp với phụ huynh trẻ...

7. Mô tả nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về ý nghĩa của đồ chơi đối với trẻ nhỏ, nguyên tắc làm đồ dùng đồ chơi, kỹ thuật làm đồ chơi từ những nguyên vật liệu khác nhau. Từ đó người học vận dụng các kỹ năng đã học để làm đồ chơi từ các nguyên vật liệu khác nhau nhằm tổ chức các hoạt động cho trẻ mầm non (hoạt động học, hoạt động chơi, lễ hội...) đạt hiệu quả.

8. Nhiệm vụ của sinh viên: Dự lớp, thực hành bài tập, chuẩn bị đồ dùng học tập.

9. Tài liệu học tập

- Giáo trình *Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ em – Quyển 2: Làm đồ chơi* – Tác giả: Đặng Hồng Nhật – NXB ĐHQGHN

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Dự lớp, thực hành bài tập đầy đủ, kiểm tra, thi học phần
- Hiểu biết và vận dụng kiến thức vào bài tập thực hành. Thể hiện bài không được lặp lại
- Thể hiện phải đạt những yêu cầu cơ bản của kỹ thuật làm đồ chơi, khuyến khích những bài tìm tòi, sáng tạo trong thể hiện
- Các bài tập đều được đánh giá, rút kinh nghiệm cho SV
- Thang điểm: 10/10

11. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số tiết	
	LT	TH
Bài 1: Đồ chơi học tập (6 tiết) I. Khái niệm, ý nghĩa tác dụng của đồ chơi học tập II. Hướng dẫn làm một số đồ chơi học tập 1. Đồ chơi chấp tranh 2. Đồ chơi tập sử dụng đồ vật III. Thực hành làm đồ chơi học tập	0	6
Bài 2: Đồ chơi xếp hình – Xây dựng (6 tiết) I. Khái niệm II. Các loại đồ chơi xếp hình – xây dựng 1. Đồ chơi sắp xếp 2. Đồ chơi lắp ráp 3. Đồ chơi đào đắp III. Ý nghĩa tác dụng của đồ chơi xếp hình xây dựng IV. Cấu tạo, cách làm, cách chơi một số đồ chơi xếp hình – xây dựng 1. Bộ đồ chơi xếp hình phẳng 1.1 Bộ xếp hình bằng hạt hạt 1.2 Bộ xếp hình bằng que 1.3 Bộ xếp hình bằng mảnh 1.4 Bộ xếp hình bằng lá cây 2. Bộ đồ chơi xếp hình khối 2.1 Hộp khối gỗ vuông 2.2 Hộp khối gỗ chữ nhật V. Thực hành làm đồ chơi xếp hình - xây dựng	0	6

Bài 3: Đồ chơi phản ánh sinh hoạt (6 tiết) I. Khái niệm III. Ý nghĩa tác dụng III. Hướng dẫn - Thực hành làm một số đồ chơi phản ánh sinh hoạt 1. Làm búp bê và con vật từ giấy, bìa 2. Làm đồ chơi từ kĩ thuật bồi giấy 3. Làm bộ đồ chơi nấu ăn và bộ đồ dùng gia đình IV. Thực hành làm đồ chơi phản ánh sinh hoạt	0	6
Bài 4: Đồ chơi sân khấu – Âm nhạc (6 tiết) I. Khái niệm II. Ý nghĩa, tác dụng III. Hướng dẫn làm một số đồ chơi sân khấu, âm nhạc 1. Làm con rối 2. Làm mặt nạ, mũ múa, nhạc cụ đơn giản IV. Thực hành làm đồ chơi sân khấu - âm nhạc	0	6
Bài 5: Đồ chơi trang trí (6 tiết) I. Khái niệm II. Ý nghĩa, tác dụng III. Hướng dẫn - Thực hành làm một số đồ chơi trang trí 1. Làm hoa giấy 2. Đan làn giấy 3. Làm đồ chơi gấp giấy IV. Thực hành làm đồ chơi trang trí	0	6
	0	30

* Hướng dẫn thực hiện

- Giáo viên có đồ dùng dạy học đúng, đẹp, theo nội dung của các bài.
- Sinh viên làm bài tập theo yêu cầu, khuyến khích tìm tòi, sáng tạo trong cách thể hiện.
- Có yêu cầu cao trong cách trình bày và bố cục trong từng bài

12. Cấp phê duyệt

13. Ngày phê duyệt

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Múa

2. Số tín chỉ: 2 (1.1)

3.Trình độ: Cao đẳng

4. Phân bố thời gian: Học kỳ 2 năm thứ nhất.

- Lý thuyết: 15 tiết

- Thực hành: 30 tiết

5. Điều kiện tiên quyết: Không

6. Mục tiêu học phần:

6.1. Kiến thức:

*) Kiến thức tổng quát:

Thực hiện đúng những động tác múa dân gian của các dân tộc từng vùng miền và tổ chức các hoạt động múa tại cơ sở phù hợp cho từng lứa tuổi của ngành giáo dục mầm non.

*) Kiến thức chuyên môn

- Trình bày được các khái niệm về loại hình nghệ thuật múa dân gian

- Trình bày được khái niệm động tác, tổ hợp các động tác; đội hình đơn, các tuyến di chuyển.

- Kể tên được các động tác của từng vùng miền; vùng Đồng bằng; dân tộc Thái tây bắc; dân tộc Mông; dân tộc Tày; vùng Tây nguyên.

- Trình bày được nội dung, ý nghĩa các động tác đã học của từng dân tộc vùng miền.

- Thực hành múa được các động tác cơ bản của các dân tộc vùng miền, vận dụng các kiến thức đó để làm một số bài tập thực hành ngay tại lớp học và về nhà .

6.2. Kỹ năng:

*) Kỹ năng chuyên môn:

+ Thực hiện được các động tác múa đúng kỹ thuật, đúng hình thể, mềm mại uyển chuyển

+ Thực hiện được các tổ hợp động tác múa đúng kỹ thuật đúng hình thể, mềm mại uyển chuyển

+ Xây dựng được các tổ hợp động tác múa dân gian từng vùng miền.

+ Sáng tạo từ các động tác múa cơ bản đã học thành nhiều động tác mới.

*) Kỹ năng làm việc:

- Kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm;

- Kỹ năng đánh giá và tự đánh giá ;

- Kỹ năng giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ (lời nói và phi lời nói).

6.3. Thái độ:

- Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có lòng yêu nghề, mến trẻ, tâm huyết với sự nghiệp giáo dục mầm non.

- Có thái độ cởi mở, thiện chí với phụ huynh và sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác, giúp đỡ đồng nghiệp;

- Có ý thức kỷ luật, linh hoạt, tích cực làm việc trong mọi công việc

- Thể hiện bản lĩnh, tự tin, sáng tạo, có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

6.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Hình thành niềm say mê lĩnh hội tri thức, tinh thần học hỏi không ngừng, mong muốn trở thành một giáo viên mầm non có trình độ chuyên môn đáp ứng được yêu cầu của xã hội.

- Chuẩn bị đầy đủ đạo cụ cho môn học: Giày múa; khăn quạt, ô, khèn chuông...

- Nghiêm túc trong học tập, xác định đúng đắn động cơ và mục đích học tập.

- Tự định hướng, thích nghi được với các môi trường làm việc khác nhau hoặc môi trường thay đổi; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

7. Mô tả nội dung học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về nghệ thuật múa, có nhận thức thẩm mỹ đúng đắn về môn học nghệ thuật này. Thực hiện đúng những động tác múa dân gian của các dân tộc từng vùng miền, hình thành các kỹ năng tổ chức các hoạt động múa tại cơ sở phù hợp cho từng lứa tuổi của ngành giáo dục mầm non.

8. Nhiệm vụ của sinh viên:

Dự lớp, chuẩn bị đồ dùng học tập (Quạt; Khăn dải; khăn vuông; ô; khèn; chuông; gậy...)

9. Tài liệu học tập

- Múa – NXB Sư phạm Hà Nội.
- Khái luận nghệ thuật múa – Lê Ngọc Canh – NXB Văn hóa thông tin
- Múa dân gian các dân tộc Việt Nam – Lâm Tô Ngọc – NXB Văn hóa các dân tộc
- Tài liệu nghiệp vụ văn hóa thông tin cơ sở - Hà Văn Tăng – Bộ VH-TT- Cục Văn hóa –

TTCS

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

10.1. Nội dung:

- + Kiến thức:
 - Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua việc trả bài thực hành; chất liệu các động tác
 - Đánh giá trong quá trình học theo hình thức: thực hành thể hiện bài tập đã giao.
 - Đánh giá cuối môn học: Kiểm tra theo hình thức: thực hành trình diễn trên sân khấu.
- + Kỹ năng: Kiểm tra kỹ năng thông qua các bài thực hành
 - Tự chủ trên sân khấu khi trình diễn
 - Rèn kỹ năng chuyên nghiệp trình diễn

10.2. Phương pháp

- Đánh giá qua hình thức kiểm tra, trả bài tập
- Kiểm tra chất liệu động tác
- Kiểm tra chất liệu tổ hợp nhóm
- Kiểm tra đánh giá qua bài tập thực hành của từng nhóm ứng với vùng miền dân tộc
- Trả bài trên sân khấu: Hình thức biểu diễn

10.3. Thang điểm: 10/10

11. Nội dung chi tiết học phần

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra, Bài tập
1	Chương I: Khái Quát chung về nghệ thuật múa 1. Khái niệm và nguồn gốc ra đời của nghệ thuật múa 2. Khái niệm động tác, đội hình, các tuyến múa 3. Ý nghĩa của nghệ thuật múa	16	15	0	1
2	Chương II: Thực hành chất liệu động tác múa vùng miền 1. Thực hành một số động tác múa dân gian cơ bản đồng bằng 2. Thực hành một số động tác múa dân gian dân tộc Thái 3. Thực hành một số động tác múa dân gian dân tộc H'mông 4. Thực hành một số động tác múa dân gian dân tộc Tày 5. Thực hành một số động tác múa dân gian dân tộc vùng Tây nguyên	25	0	23	2
3	Chương II: Thực hành biên soạn một bài múa dân gian đơn giản 1. Viết đề cương biên soạn điệu múa				

	2. Xây dựng động tác và đội hình 3. Thực hành biên soạn bài múa theo nhóm	04	0	03	1
	Tổng	45	15	26	4

* Hướng dẫn thực hiện

- Giáo viên có đầy đủ tài liệu để hướng dẫn sinh viên Thực hiện đúng những động tác múa

- Sinh viên làm bài tập theo yêu cầu, khuyến khích tìm tòi, sáng tạo trong cách thể hiện.

12. Cấp phê duyệt

13. Ngày phê duyệt

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Giáo dục hoà nhập- Giáo dục gia đình

2. Số tín chỉ: 1(1.0)

3. Trình độ: Học kỳ 2 năm thứ ba.

4. Phân bố thời gian: 15 tiết lý thuyết, 1 tiết kiểm tra.

5. Điều kiện tiên quyết

Sau khi SV học xong học phần: Sinh lí học; Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non; tâm lý học trẻ em; Sự học và phát triển tâm lí trẻ em lứa tuổi mầm non; Giáo dục học mầm non

6. Mục tiêu học phần:

* **Kiến thức:** Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức khái niệm về giáo dục hòa nhập, mục đích của việc giáo dục hoà nhập trong trường mầm non

Giúp sinh viên có một số kỹ năng nhận biết phát hiện trẻ khuyết tật, cách tổ chức giáo dục trẻ khuyết tật trong các lớp trường mầm non. Nắm chắc một số kiến thức về quản lý lớp học có trẻ khuyết tật hoà nhập

***Kỹ năng** : Bước đầu có một số kỹ năng dạy học hòa nhập phù hợp với đặc điểm khuyết tật của từng loại trẻ trong lớp hoà nhập

***Năng lực tự chủ và trách nhiệm** : Bồi dưỡng phẩm chất tình cảm nghề nghiệp

7. Mô tả nội dung học phần.

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giáo dục hòa nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt: Khái niệm về giáo dục hòa nhập, các quan điểm tiếp cận các yếu tố và đặc điểm, tính tất yếu, xu thế của giáo dục hòa nhập, khái niệm và đặc điểm trẻ có nhu cầu đặc biệt, những nguyên tắc giáo dục hòa nhập trẻ có nhu cầu đặc biệt trong trường mầm non, thực hiện giáo dục hòa nhập trẻ có nhu cầu đặc biệt, thúc đẩy và hỗ trợ giáo dục hòa nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt trong trường mầm non, những yêu cầu về phẩm chất và năng lực của giáo viên trong giáo dục hòa nhập mầm non cho trẻ có nhu cầu đặc biệt và phối hợp các lực lượng hỗ trợ trong giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật nói chung. Đồng thời hình thành cho sinh viên kỹ năng giáo dục hòa nhập phù hợp với đặc điểm khuyết tật của từng loại trẻ (bao gồm trẻ khiếm thị, trẻ khiếm thính, trẻ chậm phát triển trí tuệ).

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên dự đủ số giờ lý thuyết và thực hành theo qui định, chuẩn bị các bài đọc theo yêu cầu của giảng viên.

- Tự học: SV tự học có hiệu quả những nội dung GV yêu cầu.

- Thảo luận: Tham gia thảo luận nhóm, đóng góp ý kiến, trình bày được kết quả thảo luận nhóm.

9. Tài liệu học tập:

-Tài liệu chính :Trần Thị Thiệp-Nguyễn Xuân Hải-Lê Thị Thúy Hằng. Giáo trình *Giáo dục hòa nhập(Dành cho hệ cao đẳng sư phạm mầm non)* NXB Giáo dục 2008

-Sách tham khảo :

1. Trần Thị Thiệp, Bùi Thị Lâm, Hoàng Thị Nho, Trần Minh Thành - Can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật - NXB Giáo dục 2006

2. Trần Thị Lệ Thu - Đại cương giáo dục đặc biệt cho trẻ chậm phát triển trí tuệ - NXB Đại học quốc gia Hà Nội 2003

3. Hiểu và đáp ứng nhu cầu đặc biệt trong lớp hòa nhập - NXB chính trị quốc gia 2002

10. Tiêu chuẩn đánh giá

- Dự lớp : 80% thời lượng yêu cầu

- Thực hành : 100% thời lượng yêu cầu.

- Thi hết trình : 02 bài kiểm tra viết.

- Thi cuối học kỳ : Thi viết

11. Thang điểm:

STT	Nội dung đánh giá	Trọng số
1	Kiểm tra trình	0,2
2	Kiểm tra giữa môn	0,3
3	Thi hết môn	0,5

12. Nội dung chi tiết

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIÁO DỤC HÒA NHẬP 10 (3.7) tiết

I. Khái niệm và một số quan điểm tiếp cận giáo dục hòa nhập

1. Khái niệm giáo dục hòa nhập
2. Một số quan điểm tiếp cận giáo dục hòa nhập

II. Các yếu tố và đặc điểm của giáo dục hòa nhập

1. Các yếu tố của giáo dục hòa nhập
2. Đặc điểm của giáo dục hòa nhập

III. Tính tất yếu của giáo dục hòa nhập

IV. Xu thế của giáo dục hòa nhập

1. Thực trạng giáo dục hòa nhập hiện nay
2. Bối cảnh, cơ hội và thách thức của giáo dục hòa nhập
3. Định hướng của bộ giáo dục và đào tạo nhằm phát triển giáo dục hòa nhập ở Việt Nam

CHƯƠNG 2

GIÁO DỤC HÒA NHẬP TRẺ CÓ NHU CẦU ĐẶC BIỆT TRONG TRƯỜNG MẦM NON: 20 (7.13) tiết

I. Khái niệm và đặc điểm trẻ có nhu cầu đặc biệt

1. Khái niệm và phân loại trẻ có nhu cầu đặc biệt
2. Một số đặc điểm cơ bản trẻ em có nhu cầu đặc biệt

II. Nguyên tắc giáo dục hòa nhập trẻ có nhu cầu đặc biệt trong trường mầm non

1. Phát hiện sớm và can thiệp sớm
2. Phù hợp với khả năng và nhu cầu của trẻ
3. Đáp ứng sự đa dạng
4. Dựa vào cộng đồng

III. Thực hiện giáo dục hòa nhập trẻ có nhu cầu đặc biệt

1. Xác định nhu cầu, khả năng của trẻ
2. Lập kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ có nhu cầu đặc biệt
3. Điều chỉnh chương trình chăm sóc giáo dục phù hợp với khả năng và nhu cầu của trẻ có nhu cầu đặc biệt
4. Đánh giá kết quả giáo dục hòa nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt trong trường mầm non

CHƯƠNG 3

THÚC ĐẨY VÀ HỖ TRỢ GIÁO DỤC HÒA NHẬP CHO TRẺ CÓ NHU CẦU ĐẶC BIỆT: 15 (5.10) tiết

I. Tạo môi trường học tập hòa nhập thân thiện

1. Môi trường vật chất không rào cản
2. Môi trường tâm lý thân thiện, chia sẻ, hợp tác và vòng tay bạn bè
3. Tổ chức các hoạt động đảm bảo sự tham gia tích cực của trẻ

II. Mở rộng mạng lưới hỗ trợ giáo dục hòa nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt ở trường mầm non

1. Sự tham gia của gia đình trẻ
2. Nhóm hỗ trợ cộng đồng
3. Trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập

III. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực của giáo viên trong giáo dục hòa nhập mầm non cho trẻ có nhu cầu đặc biệt

1. Vị trí, vai trò của giáo viên trong giáo dục hòa nhập mầm non cho trẻ có nhu cầu đặc biệt
2. Yêu cầu phẩm chất và năng lực của giáo viên trong giáo dục hòa nhập mầm non
3. Công tác giáo viên phụ trách lớp trong giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt

IV. Thực hành

13. Ngày phê duyệt

14. Cấp phê duyệt

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG
Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

- 1. Tên học phần:** Tổ chức thực hiện chương trình GDMN
- 2. Số tín chỉ:** 2 (2;0)
- 3.Trình độ:** Cao đẳng

4. Phân bố thời gian: Học kỳ 2 năm thứ ba.

- Lý thuyết: 30 tiết

5. Điều kiện tiên quyết: Học sau khi sinh viên đã học các học phần cơ sở chuyên ngành và các học phần chuyên ngành sư phạm.

6. Mục tiêu học phần:

6.1. Kiến thức:

*) Kiến thức tổng quát: Sinh viên có nhận thức cơ bản về phát triển chương trình giáo dục mầm non, tổ chức thực hiện chương trình và thiết kế môi trường giáo dục trong trường mầm non.

*) Kiến thức chuyên môn

- Mô tả, giải thích và viết được các loại kế hoạch giáo dục (năm học, chủ đề, tuần, ngày)

- Tổ chức được các hoạt động giáo dục theo chủ đề (học, chơi, lao động....)ở trường mầm non

- Thiết kế được môi trường học tập theo chủ đề giáo dục

6.2. Kỹ năng:

*) Kỹ năng chuyên môn:

- SV có kỹ năng phát triển chương trình

- Lập các loại kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình

- Tổ chức các hoạt động giáo dục theo chủ đề cho trẻ mầm non; kỹ năng thiết kế môi trường giáo dục để thực hiện chương trình

- Kỹ năng quan sát, đánh giá hiệu quả thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

*) Kỹ năng làm việc:

- Giao tiếp, ứng xử với trẻ một cách gần gũi, tình cảm; chân tình, cởi mở, thẳng thắn với đồng nghiệp; Gần gũi, tôn trọng và hợp tác, chia sẻ với cha mẹ trẻ và cộng đồng.

- Phân tích, đánh giá được trẻ theo các hình thức khác nhau: đánh giá trẻ sau một hoạt động, sau một ngày, sau một chủ đề, sau một năm học

6.3. Thái độ:

Sinh viên có thái độ đúng đắn khi đánh giá chương trình giáo dục mầm non Việt Nam ở từng giai đoạn; có thái độ đúng đắn và nghiêm túc trong tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non nói riêng và trong công tác chăm sóc trẻ nói chung.

6.4. Năng lực cần đạt:

- Môn học, học phần đóng vai trò chủ yếu đối với sự phát triển phát triển chương trình GDMN như:

+ Lập kế hoạch thực hiện chương trình

+ Tổ chức các hoạt động dạy học theo chủ đề

+ Thiết kế môi trường giáo dục theo chủ đề

+ Đánh giá việc thực hiện chương trình và đánh giá sự phát triển của trẻ

- Môn học, học phần tạo cơ hội phát triển các năng lực như:

+ Năng lực triển khai chương trình giáo dục mầm non: Phân tích được tình hình thực tiễn (trẻ, phụ huynh, điều kiện vùng miền ở địa phương). Trên cơ sở đó giáo viên chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục cho phù hợp với khả năng của trẻ.

+ Năng lực tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp có chủ đề: Chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình và thiết kế môi trường thực hiện các hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề

+ Năng lực đánh giá kết quả việc thực hiện chương trình: Phân tích được mục đích của việc đánh giá, nội dung đánh giá, phương pháp và hình thức đánh giá phù hợp với sự phát triển của trẻ.

+ Năng lực tư vấn, tham vấn: Tư vấn, tham vấn được tới các bậc phụ huynh của trẻ và các lực lượng xã hội khác (tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên, hội phụ nữ...) về môi trường học tập của trẻ, hứng thú của trẻ với chủ đề dạy học, các kiến thức kỹ năng của trẻ về chủ đề giáo dục

7. Mô tả nội dung học phần:

- Phát triển chương trình: cơ sở lý luận và thực tiễn để phát triển chương trình; nội dung phát triển chương trình.

- Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non: lập kế hoạch thực hiện chương trình; chuẩn bị điều kiện thực hiện chương trình; tổ chức thực hiện chương trình.

- Xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non.

- Đánh giá kết quả thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

8. Nhiệm vụ của sinh viên: Dự lớp, thực hành bài tập, chuẩn bị đồ dùng học tập.

9. Tài liệu học tập

* Giáo trình chính:

1. Giáo trình Phát triển và tổ chức chương trình giáo dục mầm non – Nguyễn Thị Thu Hiền – NXBGD.

2. Chương trình chăm sóc- giáo dục trẻ nhà trẻ và hướng dẫn thực hiện (chương trình chính lý), NXB GD, 1995.

3. Chương trình chăm sóc- giáo dục trẻ mẫu giáo và hướng dẫn thực hiện 3-4 tuổi; 4-5 tuổi; 5-6 tuổi (chương trình cải cách), NXB GD, 1995.

4. Đổi mới hình thức tổ chức hoạt động giáo dục trẻ 3-36 tháng; 3-4 tuổi; 4-5 tuổi; 5-6 tuổi (chương trình đổi mới), NXB GD, 2004.

5. Chương trình giáo dục mầm non (chương trình khung) NXB Giáo dục 2009.

6. Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non (3-36 tháng; 3-4 tuổi; 4-5 tuổi; 5-6 tuổi) (chương trình khung), NXB Giáo dục, 2009.

* Tài liệu tham khảo:

1. Các tài liệu viết về quan điểm tích hợp trong giáo dục mầm non.

2. Các tài liệu viết về môi trường giáo dục trong trường mầm non.

3. Tạp chí giáo dục mầm non, các văn bản khác.

4. Phạm Văn Lập: Phát triển chương trình đào tạo- một số vấn đề lý luận và thực tiễn, NXB. Đại học quốc gia Hà Nội, 1998.

5. Bộ giáo dục và đào tạo: Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi, 2010

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt và tích cực thảo luận trong quá trình học tập, làm bài tập đầy đủ.

- Làm đầy đủ các bài kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và bài thi học phần.

- Thể hiện được sự tìm tòi, khả năng sáng tạo trong quá trình học tập.

- Thang điểm: 10/10

11. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số tiết	
	LT	TH
CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON	3	0
I. Khái niệm về chương trình giáo dục mầm non		
II. Cấu trúc chương trình giáo dục mầm non		
1. Mục tiêu chương trình.		
2. Nội dung chương trình.		
3. Tổ chức thực hiện chương trình.		
4. Điều kiện thực hiện chương trình.		

5. Đánh giá kết quả thực hiện chương trình. III. Các chương trình giáo dục mầm non ở Việt Nam 1. Sơ lược lịch sử phát triển chương trình giáo dục mầm non ở Việt Nam. 2. Giới thiệu các chương trình giáo dục mầm non hiện hành.		
CHƯƠNG II. PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON I. Khái niệm về phát triển chương trình giáo dục mầm non II. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc phát triển chương trình giáo dục mầm non 1. Cơ sở lý luận 2. Cơ sở thực tiễn. III. Các bước phát triển chương trình giáo dục mầm non 1. Phát triển mục tiêu chương trình. 2. Phát triển nội dung chương trình. 3. Phát triển phương pháp hướng dẫn thực hiện chương trình. 4. Phát triển các điều kiện thực hiện chương trình. 5. Phát triển đánh giá kết quả thực hiện chương trình.	3	0
CHƯƠNG III. LẬP KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON I. Khái niệm, ý nghĩa của việc lập kế hoạch 1. Khái niệm về kế hoạch thực hiện chương trình. 2. Ý nghĩa của việc lập kế hoạch thực hiện chương trình. II. Nguyên tắc xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình GDMN III. Các loại kế hoạch thực hiện chương trình. 1. Kế hoạch năm học. 2. Kế hoạch tháng(chủ đề) 3. Kế hoạch tuần. 4. Kế hoạch ngày. 5. Kế hoạch chủ đề giáo dục.	9	0
CHƯƠNG VI: TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TÍCH HỢP THEO CHỦ ĐỀ I. Quan điểm tích hợp II. Tổ chức các hoạt động tích hợp theo chủ đề 1. Chuẩn bị điều kiện thực hiện chương trình. 2. Triển khai thực hiện chương trình theo từng loại kế hoạch. 3. Tổ chức thực hiện chủ đề giáo dục trong chương trình. III. Đánh giá kết quả thực hiện chương trình 1. Mục đích đánh giá. 2. Nội dung đánh giá. 3. Phương pháp đánh giá. 4. Các hình thức đánh giá sự phát triển của trẻ VI. Tiếp cận sự kiện trong quá trình thực hiện chương trình	9	0

CHƯƠNG V: XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC TRONG TRƯỜNG MẦM NON I. Khái quát về môi trường giáo dục trong trường mầm non 1. Khái niệm về môi trường giáo dục trong trường mầm non. 2. Ý nghĩa của môi trường giáo dục trong trường mầm non. 3. Nguyên tắc xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non. II. Xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non. 1. Xây dựng môi trường giáo dục chung trong trường mầm non. 2. Xây dựng môi trường giáo dục trong nhóm, lớp trẻ mầm non. 3. Xây dựng môi trường tổ chức các hoạt động giáo dục. III. Quy trình thiết kế MTGD IV. Hướng dẫn thiết kế MTGD trong trường mầm non V. Tổ chức cho trẻ hoạt động trong môi trường giáo dục	6	0
Tổng cộng	30	0

* Hướng dẫn thực hiện:

- Có đầy đủ giáo trình, tài liệu chính và tài liệu tham khảo tối thiểu là bộ chương trình GDMN hiện hành

- Xây dựng đề cương chi tiết cho môn học

- Liên hệ với cơ sở giáo dục mầm non để tìm hiểu thực tiễn việc thực hiện chương trình GDMN các độ tuổi.

12. Cấp phê duyệt

13. Ngày phê duyệt

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Phòng bệnh và đảm bảo an toàn

2. Số tín chỉ: 2 (2;0)

3.Trình độ: Cao đẳng

4. Phân bố thời gian: Học kỳ 2 năm thứ ba.

- Lý thuyết: 30 tiết

- Thực hành: 0

5. Điều kiện tiên quyết: Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non

6. Mục tiêu học phần:

6.1. Kiến thức:

*) Kiến thức tổng quát

- Vận dụng phù hợp các kiến thức cơ bản để tổ chức hoạt động chăm sóc, phòng ngừa tai nạn và một số bệnh thường gặp cũng như đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non.

*) Kiến thức chuyên môn

- Mô tả, phân tích được triệu chứng, cách phòng và điều trị một số bệnh thường gặp ở trẻ em.

- Trình bày và phân tích được các bước sơ cứu khẩn cấp khi trẻ gặp một số tai nạn.

- Trình bày được các nội dung và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non.

6.2. Kỹ năng:

*) Kỹ năng chuyên môn:

- Lập được kế hoạch nuôi dạy và chăm sóc trẻ (năm, tháng, tuần và ngày) đúng quy định;

- Kỹ năng phòng tránh, phát hiện và xử lý kịp thời các bệnh thường gặp và một số tai nạn thông thường

- Kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non.

*) Kỹ năng làm việc:

- Kỹ năng giao tiếp, ứng xử với trẻ, đồng nghiệp, phụ huynh và cộng đồng: giao tiếp, ứng xử với trẻ gần gũi, tình cảm; giao tiếp, ứng xử với đồng nghiệp chân tình, cởi mở, thẳng thắn; giao tiếp, ứng xử với cha mẹ trẻ gần gũi, tôn trọng, hợp tác; giao tiếp, ứng xử với cộng đồng trên tinh thần hợp tác, chia sẻ.

- Phân tích, đánh giá được quá trình tổ chức chăm sóc nuôi dưỡng trẻ mầm non của bản thân và đồng nghiệp

- Có kỹ năng: Quan sát, giao tiếp với trẻ trong các hoạt động chăm sóc và đánh giá trẻ.

6.3. Thái độ:

- Yêu nghề, mến trẻ và có ý thức trách nhiệm XH, đạo đức, tác phong người GV.

- Có ý thức học tập nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn, tìm tòi nghiên cứu để không ngừng tiến bộ.

- Tích cực rèn luyện năng lực nghề nghiệp, cập nhật thông tin về đổi mới PPDH

6.4. Năng lực cần đạt:

- Môn học, học phần đóng vai trò chủ yếu đối với sự phát triển Năng lực tổ chức hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ mầm non

+ Phòng tránh và xử lý ban đầu về một số bệnh và các tai nạn thường gặp ở trẻ

- Môn học, học phần tạo cơ hội phát triển các năng lực như:

+ Năng lực triển khai chương trình giáo dục mầm non: Phân tích được tình hình thực tiễn (trẻ, phụ huynh, điều kiện vùng miền ...). Trên cơ sở đó giáo viên chủ động xây dựng kế hoạch chăm sóc sức khỏe trẻ phù hợp

+ Năng lực tư vấn, tham vấn: Biết tư vấn, tham vấn tới các bậc phụ huynh của trẻ về khoa học chăm sóc trẻ (Phòng bệnh và đảm bảo an toàn) theo từng lứa tuổi thông qua hội thi, trao đổi trực tiếp với phụ huynh trẻ... Biết tư vấn, tham vấn nhằm thu hút các lực lượng xã hội khác (hội phụ nữ, đoàn thanh niên...) cùng tham gia vào hoạt động Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ lứa tuổi mầm non

7. Mô tả nội dung học phần:

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về triệu chứng, cách phòng và điều trị một số bệnh thường gặp ở trẻ em; cách sơ cứu khẩn cấp cũng như cách phòng tránh và xử lý một số tai nạn thường gặp ở trẻ nhỏ. Tổ chức giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ MN.

8. Nhiệm vụ của sinh viên: Tham gia học tập đầy đủ; hoàn thành đủ các bài tập và bài kiểm tra, chuẩn bị đồ dùng học tập.

9. Tài liệu học tập

- Giáo trình *Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non* - Tác giả: Lê Thị Mai Hoa – NXB

Giáo dục Việt Nam

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu, các đồ dùng học tập theo yêu cầu của GV bộ môn.
- Tham gia đầy đủ các giờ học trên lớp
- Thực hiện các bài kiểm tra và bài tập
- Thang điểm: 10/10

11. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số tiết	
	LT	TH
Chương I: Đại cương về bệnh học trẻ em I. Vai trò, khái niệm môn học II. Sự tăng trưởng về chất và phát triển tâm vận động ở trẻ em. III. Đặc điểm bệnh lý trẻ em qua các thời kì IV. Tình hình bệnh tật và tử vong ở trẻ em V. Chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em	3	0
Chương II: Các bệnh thường gặp ở trẻ em I. Các bệnh liên quan đến dinh dưỡng và chuyển hóa 1. Bệnh suy dinh dưỡng 2. Bệnh còi xương 3. Bệnh thiếu máu do thiếu sắt 4. Bệnh khô mắt do thiếu vitamin 5. Bệnh biểu cổ do thiếu iốt 6. Hiện tượng tăng cân béo phì II. Bệnh thuộc hệ tiêu hóa 1. Bệnh tiêu chảy cấp tính 2. Bệnh giun ở trẻ em III. Bệnh thuộc hệ hô hấp 1. Bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp trên 2. Nhiễm khuẩn đường hô hấp dưới IV. Bệnh thuộc hệ tiết niệu 1. Cấu tạo, chức năng. 2. Các bệnh thuộc hệ tiết niệu.. 2.1. Bệnh nhiễm khuẩn đường tiết niệu 2.2. Bệnh viêm cầu thận cấp V. Bệnh thấp tim	9	0
Chương III: Các bệnh chuyên khoa I. Bệnh về mắt 1. Bệnh đau mắt đỏ 2. Bệnh đau mắt hột II. Bệnh sâu răng III. Bệnh ngoài da 1. Bệnh chốc 2. Mụn nhọt 3. Bệnh ghẻ	6	0

Chương IV. Bệnh truyền nhiễm ở trẻ em I. Đại cương II. Các bệnh truyền nhiễm 1. Bệnh sởi 2. Bệnh Lao 3. Bệnh ho gà 4. Bệnh Bạch hầu 5. Bệnh bại liệt 6. Bệnh uốn ván 7. Bệnh viêm gan do vi rút	6	0
Chương V. Phòng và sơ cứu ban đầu một số bệnh thường gặp I. Tử thuốc , cách sử dụng II. Đề phòng và sơ cứu một số tai nạn III. Một số kỹ năng phát hiện chăm sóc trẻ ốm	2	0
Chương VI: Đảm bảo an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp I. Mục tiêu II. Một số tai nạn thương tích có thể xảy ra cho trẻ III. Cách phòng tránh xử lý ban đầu một số tai nạn thương tích	1	0
Chương VII: Giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non I. Mục tiêu II .Nội dung III. Hình thức tổ chức IV. Một số hoạt động cụ thể	3	0
	30	0

12. Cấp phê duyệt

13. Ngày phê duyệt

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG
Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

- 1. Tên học phần:** Tổ chức hoạt động vui chơi
- 2. Số tín chỉ:** 1 (0;1)
- 3.Trình độ:** Cao đẳng
- 4. Phân bố thời gian:** Học kỳ 2 năm thứ ba.

- Lý thuyết: 0 tiết
- Thực hành, kiểm tra: 30 tiết

5. Điều kiện tiên quyết: Không

6. Mục tiêu học phần:

6.1. Kiến thức:

- * Kiến thức tổng quát
 - Vận dụng phù hợp các kiến thức cơ bản để tổ chức hoạt động vui chơi, hoạt động góc và thiết kế được môi trường dạy học phù hợp với nội dung giáo dục và đối tượng trẻ mầm non
- * Kiến thức chuyên môn
 - Phân tích và làm rõ phương pháp tổ chức thực hiện từng trò chơi khác nhau, cách tổ chức thực hiện hoạt động chơi theo từng lứa tuổi, từng thời điểm khác nhau trong ngày.

6.2. Kỹ năng:

- * Kỹ năng chuyên môn:
 - Có kỹ năng tổ chức các hoạt động vui chơi cho trẻ mẫu giáo theo hướng tích hợp, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của trẻ, đảm bảo mục tiêu giáo dục của ngành Mầm non
 - Có kỹ năng thiết kế tổ chức hoạt động vui chơi; quan sát, nhận xét, đánh giá kết quả việc tổ chức hoạt động vui chơi trên lớp.
- * Kỹ năng làm việc:
 - Giao tiếp, ứng xử với trẻ một cách gần gũi, tình cảm; chân tình, cởi mở, thẳng thắn với đồng nghiệp; Gần gũi, tôn trọng và hợp tác, chia sẻ với cha mẹ trẻ và cộng đồng.
 - Phân tích, đánh giá được quá trình tổ chức các trò chơi và hoạt động góc của bản thân, bạn bè, đồng nghiệp
 - Có kỹ năng: Quan sát, theo dõi, trò chuyện, phân tích, đánh giá quá trình chơi của trẻ dưới các hình thức khác nhau, trao đổi với phụ huynh; Sử dụng một số bài tập, tình huống để khảo sát, đánh giá trẻ.

6.3. Thái độ:

- Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của nhà nước;
- Tuyệt đối phục tùng sự phân công, điều động của tổ chức;
- Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có lòng yêu nghề, mến trẻ, tâm huyết với sự nghiệp giáo dục mầm non.
- Có thái độ cởi mở, thiện chí với phụ huynh và sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác, giúp đỡ đồng nghiệp;
- Có ý thức kỷ luật, linh hoạt, tích cực làm việc trong mọi công việc
- Thể hiện bản lĩnh, tự tin, sáng tạo, có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.
- Nêu cao tinh thần đoàn kết trong tập thể sư phạm

6.4. Năng lực cần đạt:

- Môn học, học phần đóng vai trò chủ yếu đối với sự phát triển năng lực: Năng lực phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non
 - + Xác định mục tiêu, nội dung chương trình giáo dục mầm non: Xác định rõ mục tiêu, nội dung chương trình giáo dục mầm non ở các độ tuổi
- Phân tích được tình hình thực tiễn (trẻ, phụ huynh, điều kiện vùng miền ở địa phương). Trên cơ sở đó giáo viên chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục cho phù hợp với khả năng của trẻ. Tổ chức thực hiện chương trình theo hướng “lấy trẻ làm trung tâm”
- + Sử dụng cơ sở vật chất: Biết lựa chọn đồ dùng đồ chơi, thiết bị dạy học phù hợp với chủ đề, nội dung hoạt động và độ tuổi của trẻ mầm non
 - Môn học, học phần tạo cơ hội phát triển các năng lực như:
 - + Năng lực tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề: Chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục tích hợp theo chủ đề, theo lứa tuổi, thể hiện rõ mục tiêu, nội dung tích hợp theo chủ đề nhằm kích thích trẻ hợp tác cùng nhau, chia sẻ và giao lưu, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của trẻ.

+ Năng lực tổ chức hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ: Tổ chức các hoạt động vệ sinh dinh dưỡng cho trẻ Thực hiện vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và các kỹ năng tự phục vụ cho trẻ; Tổ chức bữa ăn đảm bảo dinh dưỡng, an toàn thực phẩm thông qua trò chơi.

+ Năng lực thiết kế môi trường và sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học: Sắp xếp, trưng bày đồ dùng đồ chơi theo chủ đề dạy học, sử dụng trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi có hiệu quả

+ Năng lực đánh giá: đánh giá cơ sở vật chất của trường; đánh giá bản thân, đồng nghiệp trong quá trình thực hiện; đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non.

+ Năng lực nghiên cứu khoa học: Dựa trên nhu cầu thực tế hoặc định hướng của nhà trường, giáo viên viên xác định được vấn đề cần nghiên cứu phù hợp với bản thân và có tính mới, độc đáo. Từ đó xác định được mục đích, phạm vi nghiên cứu...

+ Năng lực tư vấn, tham vấn: Tư vấn cho nhà trường, gia đình, đồng nghiệp trong việc thiết kế tổ chức các hoạt động vui chơi cho phù hợp với điều kiện thực tế.

7. Mô tả nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho người học những hiểu biết về các loại trò chơi và phương pháp hướng dẫn trẻ chơi các loại trò chơi và cách tổ chức trò chơi cho các lứa tuổi vào các thời điểm khác nhau trong ngày.

8. Nhiệm vụ của sinh viên: Dự lớp, thực hành bài tập, chuẩn bị đồ dùng học tập.

9. Tài liệu học tập

- Giáo trình *Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non* – Đinh Văn Vang - NXB GD-2009.

- Giáo trình *Chương trình chăm sóc giáo dục mầm non* - Bộ giáo dục đào tạo - 2007

- Giáo trình *Hướng dẫn thực hiện chương trình CSGD Mầm non từ 3 - 36 tháng và 3 - 6 tuổi* -BGD- DT 2006

- Giáo trình *Giáo dục học trẻ em tác giả : Phạm Thị Châu- Nguyễn Thị Oanh- Trần Thị Sinh nhà xuất bản đại học Quốc gia*

- Giáo trình *Giáo dục học Mầm non những vấn đề lý luận và thực tiễn Tác giả Nguyễn Ánh Tuyết- Nhà xuất bản đại học sư phạm*

- *Quyết định 55 do bộ trưởng giáo dục kí ngày 3 -2 năm 1990*

- Giáo trình *Điều lệ trường mầm non*

- Giáo trình *Tuyển tập trò chơi, thơ chuyện, bài hát cho trẻ 3-4 tuổi, 4-5 tuổi, 5-6 tuổi*

- *Các trò chơi cho trẻ nhà trẻ*

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Dự lớp, thực hành bài tập đầy đủ, kiểm tra, thi học phần

- Hiểu biết và vận dụng kiến thức lý thuyết vào bài tập thực hành và hoạt động trải nghiệm.

- Các bài tập, thực hành đều được đánh giá, rút kinh nghiệm cho SV

- Thang điểm: 10/10

11. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số tiết	
	LT	TH
Bài 1: Trò chơi ĐVTCD	0	3
Bài 2: Trò chơi xây dựng.	0	3
Bài 3: Trò chơi đóng kịch.	0	3
Bài 4: Trò chơi học tập.	0	6
Bài 5: Trò chơi vận động	0	3
Bài 6: Trò chơi dân gian	0	2,5
Bài 7: Trò chơi điện tử	0	0,5
Bài 8: Thực hành tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ	0	9
Tổng	0	30

* Hướng dẫn thực hiện

- Giáo viên có đầy đủ tài liệu (giáo trình, sách tham khảo, video tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non) để hướng dẫn sinh viên các vấn đề tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non

- Sinh viên làm bài tập theo yêu cầu, khuyến khích tìm tòi, sáng tạo trong cách thể hiện.

12. Cấp phê duyệt

13. Ngày phê duyệt

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Âm nhạc & Phương pháp tổ chức hoạt động Âm nhạc

2. Số tín chỉ: 2 (1,1)

3.Trình độ: Cao đẳng

4. Phân bố thời gian: Học kỳ 4

- Lý thuyết: 15 tiết
- Thực hành, kiểm tra: 30 tiết

5. Điều kiện tiên quyết: Sau khi học xong các học phần Tâm lý học đại cương; Giáo dục học đại cương, Múa

6. Mục tiêu học phần:

6.1. Kiến thức:

- *) Kiến thức tổng quát
 - Vận dụng phù hợp các kiến thức cơ bản để thiết kế được bài dạy và tổ chức dạy trẻ mầm non hoạt động âm nhạc
- *) Kiến thức chuyên môn
 - Nhận biết được các ký hiệu cơ bản thường dùng trong âm nhạc; Phân biệt được một số loại nhịp, phách, tiết tấu; Nhận biết được khái niệm về điệu thức, giọng, cách xác định giọng điệu của bản nhạc và cách dịch giọng một bản nhạc có từ 0- > 2 dấu hóa;
 - Thực hiện đọc và ghi được các ký hiệu cơ bản có trong bản nhạc đơn giản, đọc được nhạc và ghép lời ca chủ yếu bản nhạc ở lứa tuổi nhà trẻ, mẫu giáo có từ 0-1 dấu hóa;
 - Hát và sử dụng các động tác vận động theo nhạc phù hợp với tính chất âm nhạc và nội dung lời ca;
 - Trình bày được cấu trúc giáo án và cách tổ chức các hoạt động âm nhạc cho trẻ MN theo từng độ tuổi;

6.2. Kỹ năng:

- *) Kỹ năng chuyên môn:
 - Thiết kế được bài dạy cho trẻ ở từng lứa tuổi hoạt động âm nhạc theo hướng tích hợp chủ đề
 - Tổ chức được các hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non theo từng lứa tuổi
- *) Kỹ năng làm việc:
 - Giao tiếp, ứng xử với trẻ một cách gần gũi, tình cảm; chân tình, cởi mở, thẳng thắn với đồng nghiệp; Gần gũi, tôn trọng và hợp tác, chia sẻ với cha mẹ trẻ và cộng đồng.
 - Phân tích, đánh giá được bài soạn và tiết giảng của bản thân và bạn bè, đồng nghiệp
 - Có kỹ năng: Quan sát, theo dõi, trò chuyện với trẻ trong các hoạt động, trao đổi với phụ huynh; Sử dụng một số bài tập, trò chơi, tình huống để khảo sát, đánh giá trẻ.

6.3. Thái độ:

- Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có lòng yêu nghề, mến trẻ, tâm huyết với sự nghiệp giáo dục mầm non.
- Có thái độ cởi mở, thiện chí với phụ huynh và sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác, giúp đỡ đồng nghiệp;
- Có ý thức kỷ luật, linh hoạt, tích cực làm việc trong mọi công việc
- Thể hiện bản lĩnh, tự tin, sáng tạo, có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

6.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Thể hiện được ý thức tập thể, đoàn kết phấn đấu vì lợi ích chung, lối sống lành mạnh, cẩn thận, trung thực, liêm khiết.
- Thể hiện được bản lĩnh tự tin, năng động, sáng tạo, khoa học, duy trì nguyên tắc công tác, có khả năng tự học, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm;
- Tự định hướng, thích nghi được với các môi trường làm việc khác nhau hoặc môi trường thay đổi; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;
- Đánh giá được chất lượng hoạt động giáo dục trẻ mầm non; hoàn thành nhiệm vụ được giao; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

7. Mô tả nội dung học phần:

Học phần cung cấp những kiến thức sơ giản về lý thuyết Âm nhạc cơ bản, cách đọc ghi nhạc các bản nhạc đơn giản có từ 0-1 dấu hóa, phương pháp dạy trẻ ca hát, nghe nhạc, vận động theo nhạc, trò chơi âm nhạc. Cách lựa chọn bài hát phù hợp với chủ điểm, chủ đề

trong nội dung chương trình và có tính giáo dục cao đối với trẻ giúp người học hiểu, phân biệt và vận dụng các phương pháp đó một cách hữu hiệu. Tổ chức cho SV tham gia vào phần thực hành, luyện tập các bài hát và vận động theo nhạc trong chương trình. Đồng thời học phần cung cấp cho người học cách soạn giáo án hoàn chỉnh, sử dụng giáo án đã soạn vào tập giảng giúp người học có những kỹ năng cơ bản về giảng dạy, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng được yêu cầu của quá trình công tác sau này.

8. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học trên lớp đủ 15 tiết lý thuyết, 30 tiết thực hành và các bài kiểm tra
- Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng, dụng cụ học tập

9. Tài liệu học tập

- [1] Giáo trình Tổ chức hoạt động âm nhạc – Phạm Thị Hòa - NXB Hà Nội 2009
- [2] Phạm Thị Hoà: Giáo dục âm nhạc tập 2 - NXB Đại học Sư phạm - 2006
- [3] Hoàng Văn Yên: Trẻ thơ hát - Vụ Giáo dục Mầm non – 2003
- [4] Hải Lễ: Lý thuyết cơ bản về âm nhạc - Trường CĐSP Nhạc hoạ TW - 2003
- [5] Lê Thu Hương: Tuyển chọn trò chơi, bài hát, thơ ca, truyện, câu đố 3-36 tháng; 4-5 tuổi; 5-6 tuổi. NXB Giáo dục Việt Nam - 2010
- [6] Trần Thị Trọng: Tuyển tập Trò chơi, bài hát, thơ truyện mẫu giáo 3 - 4 tuổi. NXB Giáo dục Việt Nam - 2008

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Tham gia học lý thuyết và thực hành đầy đủ, kiểm tra thường xuyên, định kì, thi học phần
- Vận dụng được kiến thức lý thuyết đã học vào bài tập thực hành (Soạn giáo án và tập giảng).
- Các bài thực hành đều được đánh giá, rút kinh nghiệm cho SV
- Thang điểm: 10/10

11. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số tiết	
	LT	TH
Phần I. Âm nhạc I. Nhạc lý sơ giản Chương 1: Âm – Cách ghi âm 1. Khái niệm về âm thanh âm nhạc 2. Hàng âm, bậc, bậc cơ bản của hàng âm 3. Cách ghi độ cao 3.1. Nốt nhạc 3.2. Khuông nhạc 3.3. Khóa son 4. Cách ghi độ dài 4.1. Các kí hiệu chính 4.2. Các kí hiệu bổ sung. 4.2.1. Dấu nối, dấu luyến 4.2.2. Dấu chấm đôi 4.2.3. Dấu ngân tự do 4.2.4. Dấu lặng, ngắt. 5. Cung và nửa cung	3	
Chương 2: Nhịp 1. Khái niệm về nhịp phách 1.1. Phách 1.2. Trọng âm. 1.3. Phách mạnh, phách yếu 1.4. Nhịp 1.5. Số chỉ nhịp	3	

2. Nhịp đơn 2.1. Nhịp hai phách 2.1.1. Nhịp 2/4 2.1.2. Nhịp 2/2 2.1.3. Nhịp 2/8 2.2. Nhịp ba phách 2.2.1. Nhịp 3/4 2.2.2. Nhịp 3/2 2.2.3. Nhịp 3/8 3. Nhịp thiếu 4. Cách kết nhóm các nốt móc trong nhịp đơn 5. Đảo phách, nghịch phách 5.1. Đảo phách: 5.1.1. Đảo phách cân 5.1.2. Đảo phách lệch 5.2. Nghịch phách:		
Chương 3: Điệu thức, gam, giọng 1. Khái niệm chung 2. Điệu thức trưởng tự nhiên 3. Điệu thức thứ	2	
Chương 4: Cách xác định giọng của bản nhạc 1. Thứ tự dấu thăng, giáng trên hoá biểu có từ 0-2 dấu hóa 2. Cách xác định giọng	1	
II. Xướng âm Chương 1: Giọng đô trưởng 1. Giới thiệu về gam, giọng 2. Thực hành đọc: gam, hợp âm rải, các loại quãng 3. Bài đọc ứng dụng: các bài hát nhịp 2/4; 3/4; 4/4 với các tiết tấu của phách phân đôi và các bài hát trong chương trình âm nhạc ở trường mầm non.		7
Chương 2: Giọng la thứ 1. Giới thiệu về gam, giọng 2. Thực hành đọc: gam, hợp âm rải, các loại quãng 3. Bài đọc ứng dụng: các bài hát nhịp 2/4; 3/4; 4/4 với các tiết tấu của phách phân đôi và các bài hát trong chương trình âm nhạc ở trường mầm non.		1
Chương 3: Giọng son trưởng 1. Giới thiệu về gam, giọng 2. Thực hành đọc: gam, hợp âm rải, các loại quãng 3. Bài đọc ứng dụng: các bài hát nhịp 2/4; 3/4; 4/4 với các tiết tấu của phách phân đôi và các bài hát trong chương trình âm nhạc ở trường mầm non.		3
Chương 4: Giọng pha trưởng 1. Giới thiệu về gam, giọng 2. Thực hành đọc: gam, hợp âm rải, các loại quãng 3. Bài đọc ứng dụng: các bài hát nhịp 2/4; 3/4; 4/4 với các tiết tấu của phách phân đôi và các bài hát trong chương trình âm nhạc ở trường mầm non. *) Kiểm tra định kì		4
Phần III: Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc Chương I: Những vấn đề chung 1. Vai trò của ÂN trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách	2	

trẻ em 2. Đặc điểm lứa tuổi và khả năng ÂN của trẻ MN 3. Nhiệm vụ giáo dục ÂN cho trẻ MN 4. PP cơ bản tổ chức các hoạt động ÂN trong trường MN		
Chương II: Các hình thức tổ chức hoạt động âm nhạc 1. Tổ chức các hoạt động ÂN 2. Hoạt động ÂN trong đời sống hàng ngày của trẻ ở trường MN 3. Hoạt động ÂN trong ngày lễ, ngày hội	1	
Chương III: Phương pháp tổ chức các hoạt động AN trong trường Mầm non 1. Ca hát 2. Vận động theo nhạc 3. Nghe nhạc 4. Trò chơi âm nhạc	3	
Chương IV. Thiết kế bài soạn và tập dạy 1. Phân phối chương trình 2. Thiết kế bài soạn 3. Tập giảng *) Kiểm tra định kì		15
Tổng cộng	15	30

* Hướng dẫn thực hiện

- Giáo viên có đầy đủ tài liệu (giáo trình, sách tham khảo, video tổ chức cho trẻ hoạt động âm nhạc) để hướng dẫn sinh viên các vấn đề tổ chức cho trẻ mầm non hoạt động âm nhạc
- Sinh viên làm bài tập theo yêu cầu, khuyến khích tìm tòi, sáng tạo trong cách thể hiện.

12. Cấp phê duyệt

13. Ngày phê duyệt

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** Tạo hình và Phương pháp tổ chức HĐTH cho trẻ mầm non.
- Số tín chỉ:** 2 (1,1)
- Trình độ:** Cao đẳng
- Phân bố thời gian:** Học kỳ 5

- Lý thuyết: 15 tiết
- Thực hành, kiểm tra: 30 tiết

5. Điều kiện tiên quyết: Sau khi học xong các học phần đại cương (Tâm lý học đại cương; Giáo dục học đại cương; Giáo dục học mầm non; Sự học và phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non) và một số môn phương pháp (Phương pháp giáo dục thể chất, Phương pháp phát triển ngôn ngữ và làm quen văn học...)

6. Mục tiêu học phần:

6.1. Kiến thức:

- *) Kiến thức tổng quát
 - Vận dụng các kiến thức cơ bản để thực hiện được các bài tập Tạo hình và thiết kế được bài dạy và tổ chức thực hiện hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non.
- *) Kiến thức chuyên môn
 - Mô tả được vai trò, nhiệm vụ của quá trình cho trẻ mầm non làm quen với HĐ tạo hình
 - Thực hiện các bài tập thực hành tạo hình cơ bản
 - Phân tích và làm rõ các bước hướng dẫn trẻ mầm non (ở từng lứa tuổi) tham gia HĐ tạo hình.

6.2. Kỹ năng:

- *) Kỹ năng chuyên môn:
 - Làm được các bài tập tạo hình và có kỹ năng dạy cho trẻ ở từng lứa tuổi tham gia HĐ tạo hình theo chủ đề.
 - Xây dựng môi trường, làm đồ dùng và sử dụng thiết bị dạy học phù hợp với nội dung từng bài học ở trường mầm non.
 - Tổ chức được các hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non theo từng lứa tuổi.
- *) Kỹ năng làm việc:
 - Giao tiếp, ứng xử với trẻ một cách gần gũi, tình cảm; chân tình, cởi mở, thẳng thắn với đồng nghiệp; Gần gũi, tôn trọng và hợp tác, chia sẻ với cha mẹ trẻ và cộng đồng.
 - Phân tích, đánh giá được các bài tập tạo hình và bài soạn, tiết giảng của bản thân và bạn bè, đồng nghiệp
 - Có kỹ năng: Quan sát, theo dõi, trò chuyện với trẻ trong thực hiện các hoạt động tạo hình, trao đổi với phụ huynh; Sử dụng một số bài tập, trò chơi, tình huống để khảo sát, đánh giá trẻ.

6.3. Thái độ:

- Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có lòng yêu nghề, mến trẻ, tâm huyết với sự nghiệp giáo dục mầm non.
- Có thái độ cởi mở, thiện chí với phụ huynh và sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác, giúp đỡ đồng nghiệp;
- Có ý thức kỷ luật, linh hoạt, tích cực làm việc trong mọi công việc
- Thể hiện bản lĩnh, tự tin, sáng tạo, có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

6.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Thể hiện được ý thức tập thể, đoàn kết phấn đấu vì lợi ích chung, lối sống lành mạnh, cẩn thận, trung thực, liêm khiết.
- Thể hiện được bản lĩnh tự tin, năng động, sáng tạo, khoa học, duy trì nguyên tắc công tác, có khả năng tự học, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm;
- Tự định hướng, thích nghi được với các môi trường làm việc khác nhau hoặc môi trường thay đổi; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;
- Đánh giá được chất lượng hoạt động tạo hình và hướng dẫn trẻ mầm non tham gia HĐ tạo hình; hoàn thành nhiệm vụ được giao; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

7. Mô tả nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho người học những Kiến thức cơ bản về tạo hình, phương pháp hướng dẫn trẻ tham gia hoạt HĐ tạo hình, các nguyên tắc của bộ môn để hình thành kiến thức và kỹ năng, phát triển tư duy, óc tưởng tượng, sáng tạo của bản thân và cho trẻ sau này. Phương pháp hình thành biểu tượng về đường nét; hình; khối; màu sắc; định hướng trong không gian và thời gian.

Phần thực hành chủ yếu tập trung cho SV thực hiện các bài tập tạo hình cơ bản, rèn cho sinh viên kỹ năng soạn giáo án (xây dựng kế hoạch bài giảng) và tổ chức cho trẻ tham gia các hoạt động tạo hình với những biểu tượng sơ đẳng về tạo hình theo từng nội dung trên tiết học; Quan sát, nhận xét, đánh giá kết quả việc tổ chức tiết dạy tạo hình trên lớp.

8. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học trên lớp đủ 15 tiết lý thuyết, 60 tiết thực hành và các bài kiểm tra
- Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng, dụng cụ học tập

9. Tài liệu học tập

- Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non.- NXB Đại học sư phạm – Lê Thanh Thủy – 2006.
- Tạo hình và PP hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non - NXB Bộ GD-ĐT - Ứng Thị Châu – 1998.
- Tạo hình và PP hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non hoạt động tạo hình - NXB Đại học quốc gia Hà Nội – Lê Đình Bình – 2008.

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Tham gia học lý thuyết và thực hành đầy đủ, kiểm tra thường xuyên, định kì, thi học phần
- Vận dụng được kiến thức lý thuyết đã học vào bài tập thực hành (bài tập tạo hình, soạn giáo án và tập giảng).
- Các bài thực hành đều được đánh giá, rút kinh nghiệm cho SV
- Thang điểm: 10/10

11. Nội dung chi tiết

Tên Chương/Bài	Số tiết	
	LT	TH
Chương I: Những vấn đề chung về HĐTH 1: Khái quát về HĐTH ở trường mầm non. - Đặc điểm, vai trò, mục đích, nhiệm vụ của HĐTH 2: Các dạng hoạt động tạo hình của trẻ em 3: Các giai đoạn phát triển khả năng tạo hình	01	
Chương II: Kỹ thuật tạo hình cơ bản <u>A. Tổ chức hoạt động vẽ</u> Bài 1. Vẽ theo mẫu: + Những vấn đề chung của hoạt động vẽ + Các bước vẽ của hoạt động vẽ Thực hành 1: Vẽ theo mẫu: bài vẽ vật mẫu có hình trụ và hình cầu (vẽ đen trắng) Thực hành 2: Vẽ theo mẫu: bài vẽ có 3 vật mẫu (vẽ tĩnh vật màu) Bài 2. Vẽ Trang trí: + Thực hành Trang trí: Vẽ trang trí Hình vuông hoặc hình tròn (tự chọn) Bài 3. Vẽ tranh + Thực hành Vẽ tranh theo chủ đề: Đề tài sinh hoạt gia đình	02	02 02 03 03
<u>B. Các kỹ thuật tạo hình cơ bản khác</u> + Những vấn đề chung của hoạt động tạo hình cơ bản khác + Các bước thực hiện của hoạt động tạo hình cơ bản khác Bài 1: Tổ chức hoạt động nặn - Bài tập TH: - Nặn mô hình - Nặn quả, nặn đồ vật - Nặn con vật, nặn người Bài 2: Tổ chức hoạt động Cắt dán, gấp giấy, xé dán tranh - Bài tập TH: - Thực hành Cắt dán,	01 01	02 03

- Chắp ghép, xé dán tranh - Gấp giấy		
Bài 3: Phóng tranh, minh hoạ, trang trí lớp học + Những vấn đề chung của hoạt động phóng tranh, minh hoạ, trang trí lớp học. + Các bước thực hiện phóng tranh, minh hoạ, trang trí lớp học. - Bài tập TH: - Phóng hình bằng cách kẻ ô bàn cờ, kẻ ô vuông - Minh hoạ truyện, bài hát, thơ. - Trang trí không gian trong lớp học, ngoài lớp học	01	03
Bài 4: Thường thức Mỹ thuật – (xem tranh) + Những vấn đề chung của hoạt động xem tranh. + Các bước thực hiện xem tranh - Bài tập TH: - Giới thiệu tranh vẽ thiếu nhi trên lớp - Tập phân tích nội dung hình thức của bức tranh	01	02
Chương III: PP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TẠO HÌNH CHO TRẺ MẦM NON 1. Phương pháp dạy học tạo hình cho trẻ mầm non - Phương pháp quan sát - Phương pháp trực quan - Phương pháp giảng bài - đàm thoại - Phương pháp thực hành - luyện tập - Phương pháp đánh giá kết quả - Phương pháp tổ chức hoạt động nhóm, vui chơi - Tích hợp nhóm phương pháp trong bài dạy phát triển thẩm mỹ cho trẻ MN 2. Hình thức tổ chức dạy học tạo hình cho trẻ mầm non. - Hoạt động tạo hình trên tiết học - Hoạt động tạo hình ngoài tiết học; Tổ chức hoạt động dã ngoại, chơi trò chơi tạo hình. - Hoạt động tạo hình ở gia đình 3. Yêu cầu về giờ học tạo hình - Hình thức tổ chức - Môi trường học tập 4. Cấu trúc giáo án dạy tạo hình cho trẻ mầm non. - Cấu trúc của giáo án lên lớp - Tập soạn GA - Tập giảng: bài dạy tạo hình theo độ tuổi 5. Cách tổ chức giờ học tạo hình cho trẻ ở trường mầm non. Bài 1: Phương pháp dạy vẽ cho trẻ mầm non - Dạy vẽ cho trẻ 2 - 3 tuổi - Dạy vẽ cho trẻ 3 - 4 tuổi - Dạy vẽ cho trẻ 4 - 5 tuổi - Dạy vẽ cho trẻ 5 - 6 tuổi Thực hành: - Soạn giáo án - Tập dạy vẽ cho trẻ	02	
Bài 2: Phương pháp dạy nặn cho trẻ mầm non - Dạy nặn cho trẻ 2 - 3 tuổi - Dạy nặn cho trẻ 3 - 4 tuổi - Dạy nặn cho trẻ 4- 5 tuổi - Dạy nặn cho trẻ 5 - 6 tuổi Thực hành: - Soạn giáo án dạy trẻ tập nặn (lập kế hoạch bài học) - Tập giảng: dạy trẻ tập nặn (tập giảng theo tổ, nhóm)	02	
Bài 3: Phương pháp dạy cắt, xé dán cho trẻ mầm non - Nguyên liệu, dụng cụ cho hoạt động cắt, xé dán, gấp giấy. - Nhiệm vụ, nội dung dạy cắt, xé dán cho trẻ 2 - 6 tuổi	01	

- Phương pháp hướng dẫn dạy trẻ cắt, xé dán Thực hành: - Soạn giáo án cắt, xé dán, gấp giấy - Tập giảng: dạy trẻ tập cắt, xé dán, gấp giấy (tập giảng theo tổ, nhóm)		03
Bài 4: Phương pháp hướng dẫn trẻ Thường thức Mỹ thuật - Khái niệm, ý nghĩa của hoạt động thường thức Mỹ thuật đối với trẻ mầm non - Nội dung - phương pháp dạy trẻ Thường thức Mỹ thuật Thực hành: - Soạn giáo án Thường thức Mỹ thuật - Tập dạy trẻ Thường thức Mỹ thuật	01	01
Tổng cộng	15	30

12. Ngày phê duyệt

13. Cấp phê duyệt

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: **Phương pháp phát triển thể chất cho trẻ mầm non**

2. Số tín chỉ: **2(1,1)**

3. Trình độ đào tạo: Học kỳ 1 năm thứ ba.

4. Phân bố thời lượng: 45 Tiết

5. Điều kiện tiên quyết: Sau khi học xong học phần giáo dục thể chất 1,2

6. Mục tiêu của học phần :

- Cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về GDTC
- Nắm được hệ thống tri thức cơ bản. Hình thành kỹ năng học tập, nhận xét, đánh giá.
- Luyện khả năng nhận xét, đánh giá và tự học.
- Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng thực hành
- Bồi dưỡng cho sinh viên khả năng tổ chức thực hiện công tác giáo dục thể chất trong

các trường hợp mầm non, giáo dục lòng yêu nghề mến trẻ và các năng lực sư phạm .

7. Mô tả nội dung học phần

Lý luận cơ bản về giáo dục thể chất cho trẻ mầm non: Nhiệm vụ, nội dung và phương tiện giáo dục thể chất; phát triển vận động chủ động cho trẻ lứa tuổi mầm non; phát triển các bài tập thể lực sáng tạo và tự lực của trẻ; cơ sở của việc dạy trẻ các thói quen và kỹ năng vận động; mối liên quan giữa phát triển các tố chất tâm vận động và thói quen vận động.

Nội dung và phương pháp dạy trẻ các bài tập vận động: Thể dục, trò chơi vận động, bài tập thụ động, bài tập chủ động, đội hình, đội ngũ, bài tập phát triển chung, vận động cơ bản;

phương pháp tổ chức các hoạt động vận động của trẻ trong chế độ sinh hoạt tại trường mầm non. Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá hoạt động phát triển và giáo dục thể chất cho trẻ ở các cơ sở GDMN.

8. Nhiệm vụ của sinh viên.

- Dự lớp theo quy chế. Lên lớp đủ thời gian cả lý thuyết và thực hành - có đồ dùng dạy học.

- Hoàn thành ba điểm cho 3 đơn vị học trình thì mới được thi hết học phần.

9. Tài liệu học tập.

- Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em: NXB: ĐHQG HN 2001. Tác giả: Hoàng thị Bưởi.

- Chương trình chăm sóc giáo dục trẻ từ 3->36 tháng ở nhà trẻ. Bộ GD và ĐT: Hà nội 1994.

- Chương trình giáo dục trẻ mẫu giáo từ (3 – 4) (4 – 5 tuổi) (5 – 6 tuổi) Bộ GD và ĐT giáo dục mầm non 1994

- Trò chơi vận động của trẻ mẫu giáo – Nguyễn Hợp Pháp NXB TDTT – Hà Nội 1986.

- Phương pháp GDTC cho trẻ mầm non - Đặng Hồng Phương – Hoàng Thị Bưởi – Trường cao đẳng sư phạm NTMG – TWI - 1995

- Giáo dục học mầm non – Tập I, II PTS Đào Thanh Âm - Đại học SPHNI – 1995

10 – Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên.

- Theo các quy định được ban hành theo quyết định số 25/2004 QĐ -BGDDĐT ngày 26/6/2006 của Bộ trưởng BGD và ĐT về việc ban hành qui chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính qui và các quy định hiện hành khác của trường Cao đẳng sư phạm Sơn La cụ thể:

Điểm học phần được tính trên cơ sở hai điểm thành phần dưới đây:

* Điểm quá trình : 30% tổng điểm,

* Điểm thi kết thúc học phần : 70% tổng điểm trong đó điểm quá trình bao gồm :

I - Điểm chuyên cần

II - Điểm kiểm tra thường xuyên

III - Đánh giá nhận thức là thái độ tham gia thảo luận dựa theo hai tiêu chí

+ Mức độ hoàn thành của các môn học

+ Mức độ tích cực tham gia thảo luận xây dựng bài.

11- Thang điểm : 10/10

12 – Nội dung chi tiết học phần :

A – LÝ THUYẾT

PHẦN I : NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIÁO DỤC THỂ CHẤT

BÀI MỞ ĐẦU : (1 TIẾT)

- Giới thiệu chương trình

- Tài liệu tham khảo

- Phương pháp học tập bộ môn và yêu cầu đối với sinh viên

CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN TRONG GIÁO DỤC THỂ CHẤT (2 TIẾT)

I - Đối tượng nghiên cứu :

1 - Đối tượng nghiên cứu của lý luận giáo dục thể chất

2 - Đối tượng nghiên cứu của phương pháp giáo dục thể chất

3 - Đối tượng nghiên cứu của giáo dục thể chất cho trẻ MN

II – Những khái niệm cơ bản trong giáo dục thể chất.

1 – Phát triển thể chất

2 – Giáo dục thể chất

3 – Hoàn thiện thể chất

III – Cơ sở lý luận của giáo dục thể chất và mối quan hệ của nó với các môn khoa học khác.

1 – Cơ sở lý luận của giáo dục thể chất

1.1 – Cơ sở của khoa học xã hội

1.2 – Cơ sở của khoa học xã hội

2 – Mối quan hệ giữa giáo dục thể chất với các bộ môn khoa học khác.

2.1 – Khoa học tự nhiên

2.2 – Khoa học xã hội

CHƯƠNG II : MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT CỦA TRẺ MẦM NON VÀ NHIỆM VỤ GIÁO DỤC THỂ CHẤT (4 TIẾT)

I – Một số đặc điểm phát triển thể chất của trẻ em

1 - Đặc điểm phát triển sinh lý vận động của trẻ em.

1.1 – Trẻ 1 tuổi

1.2 – Trẻ 2 tuổi

1.3 – Trẻ 3 tuổi

1.4 – Trẻ 4 tuổi

1.5 – Trẻ 5 tuổi

1.6 – Trẻ 6 tuổi

II – Mục đích và nhiệm vụ giáo dục thể chất cho trẻ mầm non

1 – Mục đích

2 – Nhiệm vụ

2.1 – Nhiệm vụ bảo vệ sức khỏe

2.2 – Nhiệm vụ giáo dục

2.3 – Nhiệm vụ giáo dục

CHƯƠNG III: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO TRẺ MẦM NON (3 TIẾT)

I – Cơ sở sinh lý của vận động

1 – Khái niệm về vận động

2 – Cơ sở sinh lý của vận động

II – Quy luật hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động

1 – Quy luật

2 – Các giai đoạn hình thành vận động

2.1 – Giai đoạn 1

2.2 – Giai đoạn 2

2.3 – Giai đoạn 3

III – Nguyên tắc giáo dục thể chất cho trẻ

1 – Nguyên tắc hệ thống

2 – Nguyên tắc trực quan

3 – Nguyên tắc tự giác tích cực

4 – Nguyên tắc vừa sức và chú ý đặc điểm cá nhân

4.1 - Vừa sức

4.2 – Chú ý đặc điểm cá nhân

5 – Nguyên tắc tăng tiến

6 – Nguyên tắc đảm bảo an toàn

IV – Phương pháp giáo dục thể chất

1 – Phương pháp trực quan

1.1 – Thủ thuật sử dụng tính trực quan của thị giác

1.2 – Thủ thuật sử dụng tính trực quan của cảm giác cơ

1.3 – Thủ thuật sử dụng tính trực quan của thính giác

1.4 – Thủ thuật mô phỏng (bắt trước)

2 – Phương pháp dùng lời nói

2.1 – Gọi tên bài tập

2.2 – Giảng giải, giải thích

2.3 - Đàm thoại

2.4 – Chỉ dẫn

2.5 – Ra hiệu lệnh

2.6 - Đánh giá và kiểm tra

2.7 – Kể chuyện

- 3 – Phương pháp thực hành
 - 3.1 – Hướng dẫn trực tiếp
 - 3.2 – Luyện tập bằng hình thức chơi
 - 3.3 – Luyện tập bằng hình thức thi đua
 - 3.4 – Kiến tập :
 - 1 giờ vận động ở nhóm trẻ 18 – 24 tháng
 - 1 giờ thể dục ở lứa tuổi mẫu giáo

PHẦN II

TỔ CHỨC GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO TRẺ TRONG TRƯỜNG MẦM NON

CHƯƠNG 1: TỔ CHỨC GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO TRẺ NHÀ TRẺ (16 TIẾT) : 7 LT- 9 TH

- I – Trẻ từ 3 đến 12 tháng
 - 1 – Nội dung giáo dục thể chất cho trẻ
 - 1.1 – Các bài tập thụ động
 - 1.2 – Các bài tập chủ động
 - 2 – Hình thức giáo dục thể chất cho trẻ.
 - 2.1 – Giờ tập vận động
 - 2.2 – Ngoài giờ luyện tập
- II – Trẻ từ 12 đến 24 tháng
 - 1 – Nội dung giáo dục thể chất cho trẻ
 - 1.1 – Các bài tập phát triển vận động cơ bản
 - 1.2 – Các bài tập trò chơi và trò chơi vận động
 - 1.3 – Các bài tập phát triển chung
 - 2 – Hình thức giáo dục thể chất cho trẻ
 - 2.1 – Giờ tập vận động
 - 2.2 – Tập thể dục buổi sáng
 - 2.3 – Ngoài giờ tập luyện
- III – Trẻ từ 24 đến 36 tháng
 - 1 – Nội dung giáo dục thể chất cho trẻ
 - 1.1 – Bài tập phát triển chung
 - 1.2 – Bài tập phát triển vận động cơ bản
 - 1.3 – Trò chơi vận động
 - 2 – Hình thức giáo dục thể chất cho trẻ
 - 2.1 – Giờ tập vận động
 - 2.2 – Thể dục buổi sáng
 - 2.3 – Ngoài giờ tập luyện

Thực hành (5 tiết)

* Soạn giáo án và tập dạy và tập dạy theo từng độ tuổi

CHƯƠNG II: (TỔ CHỨC GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO TRẺ MẪU GIÁO) (17 TIẾT : (7LT – 10TH)

- I – Trẻ từ 3 đến 47 tuổi (mẫu giáo bé)
 - 1.1 - Đội hình đội ngũ
 - 1.2 – Bài tập phát triển chung
 - 1.3 – Bài tập phát triển vận động cơ bản
 - 1.4 – Trò chơi vận động
 - 2 – Hình thức giáo dục thể chất cho trẻ
 - 2.1 – Giờ học thể dục
 - 2.2 – Thể dục buổi sáng
 - 2.3 – Phút thể dục
 - 2.4 – Trò chơi vận động
 - 2.5 – Đạo chơi
- II – Trẻ từ 4 đến 5 tuổi (mẫu giáo nhỡ)

- 1 – Nội dung giáo dục thể chất cho trẻ.
 - 1.1 - Đội hình đội ngũ
 - 1.2 – Bài tập phương pháp chung
 - 1.3 – Bài tập phát triển vận động cơ bản
 - 1.4 – Trò chơi vận động
 - 2 – Hình thức giáo dục thể chất cho trẻ :
 - 2.1 – Giờ học thể dục
 - 2.2 – Thể dục buổi sáng
 - 2.3 – Phút thể dục
 - 2.4 – Trò chơi vận động
 - 2.5 – Đạo chơi
 - III – Trẻ từ 5 đến 6 tuổi (mẫu giáo lớn)
 - 1 – Nội dung giáo dục thể chất cho trẻ
 - 1.1 - Đội hình đội ngũ
 - 1.2 – Bài tập phát triển chung
 - 1.3 – Bài tập phát triển vận động cơ bản
 - 1.4 – Trò chơi vận động
 - 2 - Hình thức giáo dục thể chất cho trẻ
 - 2.1 - Giờ học thể dục
 - 2.2 – Thể dục buổi sáng
 - 2.3 – Phút thể dục
 - 2.4 – Trò chơi vận động
 - 2.5 – Đạo chơi
 - 2.6 – Thăm quan
- * Thực hành : 7 tiết
- Soạn giáo án và tập dạy theo độ tuổi

CHƯƠNG III: ĐIỀU KIỆN ĐỂ GIÁO DỤC THỂ CHẤT TRONG TRƯỜNG MẦM NON (2 TIẾT)

I - Địa điểm .

- 1 – Ngoài sân trường
- 2 – Trong phòng nhóm
- 3 – Phòng tập thể dục – thể thao

II – Trang phục

- 1 – Mùa đông
- 2 – Mùa hè

III – Thiết bị , dụng cụ.

- 1 – ý nghĩa của thiết bị, dụng cụ đối với việc giáo dục thể chất cho trẻ.
- 2 – Yêu cầu đối với thiết bị dụng cụ đối với việc giáo dục thể chất
 - 2.1 – Yêu cầu giáo dục
 - 2.2 – Yêu cầu vệ sinh, an toàn
 - 2.3 – Yêu cầu về thẩm mỹ
- 3 – Một số trang thiết bị, dụng cụ cần thiết trong trường mầm non
 - 3.1 – Ngoài sân chơi
 - 3.2 – Trong phòng nhóm
 - 3.3 – Phòng tập thể dục, thể thao

*** Hướng dẫn thực hiện chương trình**

- Với thực trạng hiện nay là khả năng khái quát của sinh viên Cao đẳng còn hạn chế cho nên tôi mạnh dạn trình bày phần “Tổ chức GDTC cho trẻ “ Theo cấu trúc bố ngang để khi vào bất kỳ lứa tuổi nào sinh viên cũng dễ dàng xác định được các nội dung và HT GD thể chất giành cho lứa tuổi đó và giúp sinh viên thấy rõ hơn sự khác biệt của quá trình GD thể chất giữa các lứa tuổi.

- Vì khối lượng kiến thức nhiều, quỹ thời gian có hạn nên khi giảng chọn lọc và tập trung vào những phần cơ bản nhất, còn các phần đưa vào để đảm bảo tính lô gíc, hệ thống của chương trình thì có thể chỉ nhắc lại các hình thức thực hành tham quan, kiến tập thảo luận tập dạy cần bố trí ngoài giờ ngoài khối.

- Khi thực hiện chương trình cần triệt để khai thác các sách giáo khoa, các tài liệu có liên quan

- Do nhiều nội dung, sinh lý nên yêu cầu xếp GDTC sau khi sinh viên đã học hết các môn trên

13. Cấp phê duyệt.

14. Ngày phê duyệt

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Phương pháp cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh

2. Số tín chỉ: 2 (1;1)

3.Trình độ: Cao đẳng

4. Phân bố thời gian: Học kỳ 2, năm thứ hai.

- Lý thuyết: 15 tiết

- Thực hành, kiểm tra: 30 tiết

5 . Điều kiện tiên quyết: Sau khi SV học xong các học phần:

+ Tâm lý học đại cương

+ Giáo dục học đại cương

+ Giải phẫu sinh lý trẻ em

6. Mục tiêu học phần:

6.1. Kiến thức:

***) Kiến thức tổng quát**

- Vận dụng phù hợp các nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức để tổ chức, hướng dẫn trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh.

***) Kiến thức chuyên môn**

- Nêu và phân tích được đối tượng, vị trí, nhiệm vụ của bộ môn phương pháp cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh.

- Trình bày và phân tích được khái niệm, ý nghĩa, đặc điểm, mục đích, nhiệm vụ, nguyên tắc cho trẻ khám phá khoa học về MTXQ.

- Biết phân tích và vận dụng các phương pháp, phương tiện, các hình thức tổ chức hướng dẫn trẻ khám phá khoa học về MTXQ đối với từng độ tuổi.

- Trình bày được các bước tiến hành soạn giáo án (lập kế hoạch) khám phá khoa học về MTXQ và cách thức tổ chức giờ dạy trẻ khám phá khoa học về MTXQ.

6.2. Kỹ năng:

***) Kỹ năng chuyên môn:**

- Vận dụng được các nguyên tắc, phương pháp, hình thức để tổ chức cho trẻ KPKH về MTXQ.

- Lập được kế hoạch (soạn được giáo án) và tổ chức, hướng dẫn trẻ KPKH về MTXQ.

- Đánh giá được quá trình tổ chức cho trẻ KPKH về MTXQ dựa trên các tiêu chí.

***) Kỹ năng làm việc:**

- Giao tiếp, ứng xử với trẻ một cách gần gũi, tình cảm; chân tình, cởi mở, thẳng thắn với đồng nghiệp; Gần gũi, tôn trọng và hợp tác, chia sẻ với cha mẹ trẻ và cộng đồng.

- Phân tích, đánh giá được quá trình tổ chức cho trẻ KPKH về MTXQ.

- Có kỹ năng: Quan sát, theo dõi, trò chuyện, phân tích, đánh giá, làm việc nhóm, sử dụng các phương tiện và đồ dùng trong quá trình tổ chức cho trẻ KPKH về MTXQ.

- Có kỹ năng thiết kế môi trường và sử dụng các phương tiện, đồ dùng thành thạo trong quá trình cho trẻ KPKH về MTXQ.

6.3. Thái độ:

- Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có lòng yêu nghề, mến trẻ, tâm huyết với sự nghiệp giáo dục mầm non.

- Có thái độ cởi mở, thiện chí với phụ huynh và sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác, giúp đỡ đồng nghiệp;

- Có ý thức kỷ luật, linh hoạt, tích cực làm việc trong mọi công việc

- Thể hiện bản lĩnh, tự tin, sáng tạo, có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

- Giáo dục sinh viên nhận thức rõ vị trí, vai trò của môn học trong chương trình đào tạo của trường Sư phạm và trong trường mầm non ; từ đó có ý thức học tập bộ môn một cách nghiêm túc.

- Chủ động, tích cực học hỏi, trau dồi kiến thức, học tập kinh nghiệm của các giáo viên tại các cơ sở GDMN để hình thành các kỹ năng soạn giáo án, thực hành giờ dạy khám phá khoa học về MTXQ trên tiết học và ngoài tiết học.

6.4. Năng lực cần đạt:

- Môn học, học phần đóng vai trò chủ yếu đối với sự phát triển “năng lực tổ chức hoạt giáo dục tích hợp theo chủ đề”

- + Lập kế hoạch (soạn giáo án) và tổ chức, hướng dẫn trẻ KPKH về MTXQ theo CD.

- + Xử lý được tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức cho trẻ KPKH về MTXQ.

- + Ngôn ngữ trong sáng, khúc triết, lời nói hấp dẫn, truyền cảm trong quá trình tổ chức hoạt động KPKH về MTXQ.

- + Xác định điểm mạnh, điểm hạn chế trong quá trình tổ chức hoạt động KPKH về MTXQ. Đánh giá được kết quả hoạt động của trẻ.

- Môn học, học phần tạo cơ hội phát triển các năng lực như:

- + Năng lực thiết kế môi trường và sử dụng trang thiết bị, đồ dùng có hiệu quả: Lựa chọn và thiết kế phương tiện, đồ dùng thích hợp để tổ chức cho trẻ KPKH về MTXQ.

- Sắp xếp, trưng bày đồ dùng, đồ chơi theo chủ đề cho trẻ khám phá. Biết ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình tổ chức cho trẻ KPKH về MTXQ.

- + Năng lực triển khai chương trình giáo dục mầm non: Xác định được mục tiêu, nội dung chương trình GDMN và phân tích được tình hình thực tiễn (trẻ, phụ huynh, điều kiện vùng miền ở địa phương). Trên cơ sở đó giáo viên chủ động xây dựng kế hoạch cho trẻ KPKH về MTXQ.

+ Năng lực tổ chức hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ: thực hiện chế độ sinh hoạt theo quy trình khoa học nhằm đảm bảo cách hợp lý về thời gian và trình tự các hoạt động giáo dục cho trẻ KPKH về MTXQ.

+ Năng lực tư vấn, tham vấn: Tư vấn, tham vấn được tới các bậc phụ huynh của trẻ và các lực lượng xã hội khác (hội phụ nữ, đoàn thanh niên...) cùng tham gia vào hoạt động hướng dẫn trẻ KPKH về MTXQ.

7. Mô tả nội dung học phần:

Học phần này nhằm cung cấp cho SV mầm non những kiến thức, kĩ năng và thái độ về quá trình tổ chức KPKH về MTXQ: nội dung, yêu cầu, phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh.

Phần thực hành chủ yếu tập trung rèn cho sinh viên kĩ năng soạn giáo án (xây dựng kế hoạch bài giảng) và tổ chức hoạt động cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh theo từng nội dung trên tiết học; Quan sát, nhận xét, đánh giá kết quả việc tổ chức tiết dạy trên lớp

8. Nhiệm vụ của sinh viên: Dự lớp, thực hành bài tập, chuẩn bị đồ dùng học tập.

9. Tài liệu học tập

1. *Phương pháp cho trẻ MN khám phá khoa học về MTXQ* - Hoàng Thị Oanh, Nguyễn Thị Xuân – NXB SPHN, 2008.

2. *Lý luận và phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh*, Hoàng Thị Phương, NXBĐHSP, 2008.

3. *Phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh*, Sách bồi dưỡng chuẩn hóa giáo viên THSPMN hệ 9+3 và 12+1, Trần Thị Thanh, NXBGD, 1998.

4. *Phương pháp cho trẻ mẫu giáo làm quen với MTXQ*, Lê Thị Ninh, NXBGD, 1990

5. *Giáo án trẻ mầm khám phá môi trường xung quanh*, Nguyễn Thị Bích Thủy – Nguyễn Thị Lết, NXBHN, 2009.

6. *Tuyển tập trò chơi, bài hát, thơ ca, truyện, câu đố theo chủ đề* (Trẻ 3-36 tháng; trẻ 5-6 tuổi), TS Lê Thu Hương, NXBGD, 2008.

7. *Tuyển tập trò chơi, bài hát, thơ ca, truyện, câu đố theo chủ đề* (Trẻ 3-4 tuổi; 4-5 tuổi), Viện chiến lược và chương trình giáo dục, NXBGD, 2008.

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Dự lớp, thực hành bài tập đầy đủ, kiểm tra, thi học phần
- Hiểu biết và vận dụng kiến thức vào bài tập thực hành.
- Các bài tập đều được đánh giá, rút kinh nghiệm cho SV
- Tham gia 45 tiết trong đó 15 tiết lý thuyết + 28 tiết thực hành + 2 bài kiểm tra định kỳ + 1 bài kiểm tra giữa kỳ+ thi học phần
- Thang điểm: 10/10

11. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số tiết	
	LT	TH/KT
Chương I: Những vấn đề chung I. Một số khái niệm cơ bản 1. Môi trường xung quanh 2. Tổ chức cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh II. Ý nghĩa của việc cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh 1. Đối với sự phát triển trí tuệ 2. Đối với sự phát triển tình cảm đạo đức, thẩm mỹ, thể lực và lao động III. Đặc điểm nhận thức môi trường xung quanh của trẻ mầm non 1. Trẻ học qua việc sử dụng các giác quan 2. Trẻ học bằng thử nghiệm	04	06

3. Trẻ học qua chơi 4. Trẻ học qua tương tác, chia sẻ kinh nghiệm 5. Trẻ học qua tư duy, suy luận 6. Trẻ tập trung chú ý, ghi nhớ, tái hiện lại các sự vật hiện tượng xung quanh khi có hứng thú và được trải nghiệm phù hợp 7. Nếu được tham gia vào các hoạt động học phù hợp với trình độ, khả năng của mình thì việc học cũng như sự phát triển nhận thức của trẻ sẽ được thúc đẩy mạnh mẽ và hiệu quả hơn. 8. Trẻ em xuất phát từ những gia đình và cơ sở văn hóa, xã hội khác nhau, thể tạng của từng trẻ không giống nhau thì chúng cũng có những khả năng khác nhau trong học tập. IV. Mục đích, nhiệm vụ cho trẻ mầm non khám phá khoa học về MTXQ 1. Mục đích 2. Nhiệm vụ a. Phát triển và rèn luyện cho trẻ khả năng nhận thức và năng lực khám phá khoa học về MTXQ b. Mở rộng và nâng cao nhận thức của trẻ về thế giới xung quanh. c. Giáo dục thái độ ứng xử đúng đắn cho trẻ. V. Yêu cầu, nội dung cho trẻ ở các độ tuổi khám phá khoa học về MTXQ 1. Yêu cầu a. Lứa tuổi nhà trẻ b. Lứa tuổi mẫu giáo 2. Nội dung a. Nội dung khám phá về môi trường thiên nhiên b. Nội dung khám phá về thế giới đồ vật c. Nội dung khám phá về cuộc sống xã hội VI. Các nguyên tắc cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh 1. Đảm bảo tính giáo dục 2. Đảm bảo tính thực tiễn và phù hợp khả năng hứng thú của trẻ 3. Đảm bảo tính tích cực hoạt động 4. Đảm bảo an toàn cho trẻ.		
Chương II: Phương pháp, phương tiện và hình thức hướng dẫn trẻ KPKH về môi trường xung quanh I. Các phương pháp hướng dẫn trẻ KPKH về MTXQ 1. Nhóm phương pháp trực quan 1.1. Phương pháp quan sát a. Khái niệm b. Mục đích c. Các loại quan sát d. Yêu cầu đối với việc chuẩn bị và tiến hành quan sát 1.2. Sử dụng các phương tiện trực quan (tranh ảnh, mô hình, băng hình, máy tính) a. Khái niệm b. Mục đích c. Yêu cầu đối với việc sử dụng các phương tiện trực quan 2. Nhóm phương pháp dùng lời 2.1. Đàm thoại a. Khái niệm b. Mục đích	07	12

c. Các loại đàm thoại d. Yêu cầu đối với việc chuẩn bị và hướng dẫn đàm thoại 2.2. Sử dụng các tác phẩm văn học (thơ, truyện, ca dao, tục ngữ) a. Khái niệm b. Cách sử dụng 2.3. Các biện pháp dùng lời khác 3. Nhóm phương pháp thực hành 3.1. Trò chơi a. Trò chơi học tập b. Trò chơi vận động c. Trò chơi sáng tạo 3.2. Thí nghiệm a. Khái niệm b. Mục đích c. Các loại thí nghiệm d. Hướng dẫn thí nghiệm 3.3. Lao động a. Mục đích b. Cách tổ chức lao động II. Phương tiện cho KPKH về môi trường xung quanh 1. Môi trường giáo dục gia đình 2. Môi trường giáo dục trong lớp 3. Môi trường giáo dục trường mầm non III. Hình thức cho trẻ KPKH về môi trường xung quanh 1. Cơ sở xác định các hình thức a. Theo lí luận dạy học truyền thống b. Theo quy mô tổ chức c. Theo dạng hoạt động 2. Các hình thức cho trẻ làm quen môi trường xung quanh a. Giờ học (hoạt động học có chủ đích) hướng dẫn trẻ LQMTXQ b. Hoạt động vui chơi c. Hoạt động ngoài trời d. Hoạt động tham quan e. Hoạt động lao động		
Chương III: Tổ chức cho trẻ KPKH về MTXQ I. Tổ chức cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ KPKH về MTXQ 1. Ngoài giờ học a. Thông qua sinh hoạt hàng ngày b. Thông qua hoạt động ngoài trời 2. Giờ học a. Yêu cầu đối với giờ học b. Các loại giờ học II. Tổ chức cho trẻ lứa tuổi mẫu giáo KPKH về MTXQ 1. Ngoài giờ học a. Hoạt động ngoài trời b. Tham quan c. Sinh hoạt hàng ngày d. Hoạt động góc e. Ngày hội, ngày lễ 2. Giờ học (tiết học) a. Yêu cầu đối với giờ học (tiết học) b. Chuẩn bị và tiến hành giờ học (tiết học)	04	12

c. Các loại tiết học khám phá môi trường xung quanh 3. Phối hợp các hình thức tổ chức cho trẻ khám phá MTXQ theo đề tài 3. Lập kế hoạch và đánh giá quá trình tổ chức cho trẻ khám phá MTXQ 4. Lập kế hoạch và đánh giá quá trình tổ chức cho trẻ KPKH về MTXQ a. Lập kế hoạch b. Đánh giá việc tổ chức cho trẻ khám phá MTXQ Thực hành+ Kiểm tra: Tổng hợp các giờ thực hành của cả 3 chương (tổng là 30 tiết) 1. Vận dụng kiến thức về phân lí thuyết chương 1, chương 2 để thực hiện một số bài tập. 2. Soạn giáo án hoặc kiến tập giờ dạy học MTXQ (Thông qua xem băng đĩa) 3. Tập dạy trẻ KPKH về MTXQ trên tiết học.		
Tổng cộng	15	30

* Hướng dẫn thực hiện

- Giáo viên có đầy đủ tài liệu (giáo trình, sách tham khảo, video tổ chức cho trẻ KPKH về MTXQ) để hướng dẫn sinh viên các vấn đề tổ chức cho trẻ KPKH về MTXQ.
- Sinh viên làm bài tập theo yêu cầu, khuyến khích tìm tòi, sáng tạo trong cách thể hiện.

12. Cấp phê duyệt

13. Ngày phê duyệt

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với toán

2. Số tín chỉ: 3 (2,1)

3.Trình độ: Cao đẳng

4. Phân bổ thời gian: Học kỳ 5

- Lý thuyết: 30 tiết
- Thực hành, kiểm tra: 30 tiết

5. Điều kiện tiên quyết: Sau khi học xong các học phần đại cương (Tâm lý học đại cương; Giáo dục học đại cương; Giáo dục học mầm non; Sự học và phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non) và một số môn phương pháp (Phương pháp giáo dục thể chất, Phương pháp phát triển ngôn ngữ và làm quen văn học...)

6. Mục tiêu học phần:

6.1. Kiến thức:

- *) Kiến thức tổng quát
 - Vận dụng phù hợp các kiến thức cơ bản để thiết kế được bài dạy và tổ chức dạy trẻ mầm non làm quen với toán
- *) Kiến thức chuyên môn
 - Mô tả được vai trò, nhiệm vụ của quá trình cho trẻ mầm non làm quen với toán
 - Phân tích được các nguyên tắc và hình thức cho trẻ mầm non làm quen với toán

- Mô tả, giải thích được đặc điểm nhận thức về biểu tượng toán sơ đẳng của trẻ mầm non ở từng lứa tuổi
- Phân tích và làm rõ các bước hướng dẫn trẻ mầm non (ở từng lứa tuổi) làm quen với biểu tượng sơ đẳng về toán

- Vận dụng được các bước hướng dẫn trẻ làm quen với biểu tượng sơ đẳng về toán vào soạn giáo án và tổ chức dạy trẻ học theo hướng tích hợp chủ đề

6.2. Kỹ năng:

*) Kỹ năng chuyên môn:

- Thiết kế được bài dạy cho trẻ ở từng lứa tuổi làm quen với toán theo hướng tích hợp chủ đề

- Xây dựng môi trường, làm đồ dùng và sử dụng thiết bị dạy học phù hợp với nội dung bài

- Tổ chức được các hoạt động cho trẻ mầm non làm quen với toán theo từng lứa tuổi

*) Kỹ năng làm việc:

- Giao tiếp, ứng xử với trẻ một cách gần gũi, tình cảm; chân tình, cởi mở, thẳng thắn với đồng nghiệp; Gần gũi, tôn trọng và hợp tác, chia sẻ với cha mẹ trẻ và cộng đồng.

- Phân tích, đánh giá được bài soạn và tiết giảng của bản thân và bạn bè, đồng nghiệp

- Có kỹ năng: Quan sát, theo dõi, trò chuyện với trẻ trong các hoạt động, trao đổi với phụ huynh; Sử dụng một số bài tập, trò chơi, tình huống để khảo sát, đánh giá trẻ.

6.3. Thái độ:

- Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có lòng yêu nghề, mến trẻ, tâm huyết với sự nghiệp giáo dục mầm non.

- Có thái độ cởi mở, thiện chí với phụ huynh và sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác, giúp đỡ đồng nghiệp;

- Có ý thức kỷ luật, linh hoạt, tích cực làm việc trong mọi công việc

- Thể hiện bản lĩnh, tự tin, sáng tạo, có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

6.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Thể hiện được ý thức tập thể, đoàn kết phấn đấu vì lợi ích chung, lối sống lành mạnh, cần thận, trung thực, liêm khiết.

- Thể hiện được bản lĩnh tự tin, năng động, sáng tạo, khoa học, duy trì nguyên tắc công tác, có khả năng tự học, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm;

- Tự định hướng, thích nghi được với các môi trường làm việc khác nhau hoặc môi trường thay đổi; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

- Đánh giá được chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non; hoàn thành nhiệm vụ được giao; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

7. Mô tả nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho người học những Kiến thức cơ bản về đặc điểm, nhiệm vụ, các nguyên tắc của bộ môn để hình thành kiến thức và kỹ năng, phát triển tư duy, óc tưởng tượng, sáng tạo cho trẻ. Phương pháp hình thành biểu tượng về số lượng; kích thước; hình dạng; định hướng trong không gian và thời gian

Phần thực hành chủ yếu tập trung rèn cho sinh viên kỹ năng soạn giáo án (xây dựng kế hoạch bài giảng) và tổ chức cho trẻ làm quen với những biểu tượng sơ đẳng về toán theo từng nội dung trên tiết học; Quan sát, nhận xét, đánh giá kết quả việc tổ chức tiết dạy trên lớp

8. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học trên lớp đủ 15 tiết lý thuyết, 60 tiết thực hành và các bài kiểm tra

- Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng, dụng cụ học tập

9. Tài liệu học tập

1. Giáo trình Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với toán - Đỗ Thị Minh Liên - NXBGD.

2. Giáo trình Toán và phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với toán - Nguyễn Duy Thuận, Tạ Minh Loan - NXBGD.

3. Giáo trình Toán và phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với toán - Đinh Thị Nhung - NXB ĐHQG, 2006.

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Tham gia học lý thuyết và thực hành đầy đủ, kiểm tra thường xuyên, định kì, thi học phần
- Vận dụng được kiến thức lý thuyết đã học vào bài tập thực hành (Soạn giáo án và tập giảng).
- Các bài thực hành đều được đánh giá, rút kinh nghiệm cho SV
- Thang điểm: 10/10

11. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số tiết	
	LT	TH
CHƯƠNG I: ĐỊNH HƯỚNG CỦA QUÁ TRÌNH CHO TRẺ MẦM NON LÀM QUEN VỚI TOÁN I. Vai trò của quá trình cho trẻ mầm non làm quen với toán. II. Nhiệm vụ của quá trình cho trẻ mầm non làm quen với toán III. Các nguyên tắc cho trẻ mầm non làm quen với toán 1. Nguyên tắc dạy học đảm bảo tính phát triển 2. Nguyên tắc học đi đôi với hành, giáo dục gắn liền với thực tiễn 3. Nguyên tắc đảm bảo tính trực quan 4. Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống và tính trình tự 5. Nguyên tắc đảm bảo sự thống nhất giữa tính vừa sức chung và vừa sức riêng 6. Nguyên tắc đảm bảo tính khoa học 7. Nguyên tắc đảm bảo tính ý thức và phát huy tính tích cực của trẻ. IV. Các phương pháp cho trẻ làm quen với toán 1. Các phương pháp dạy học trực quan 2. Các phương pháp dùng lời nói 3. Các phương pháp dạy học thực hành V. Các hình thức cho trẻ mầm non làm quen với toán 1. Cho trẻ làm quen với toán trong hoạt động học có chủ đích 2. Cho trẻ làm quen với toán ngoài hoạt động học có chủ đích	11	
CHƯƠNG II: HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG SỐ LƯỢNG, CON SỐ, PHÉP ĐẾM CHO TRẺ MẦM NON I. Đặc điểm nhận thức 1. Trẻ mẫu giáo 3-4 tuổi 2. Trẻ mẫu giáo 4-5 tuổi 3. Trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi II. Nội dung hình thành biểu tượng về số lượng, con số và phép đếm cho trẻ MN 1. Trẻ mẫu giáo 3-4 tuổi 2. Trẻ mẫu giáo 4-5 tuổi 3. Trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi III. Phương pháp thành biểu tượng về số lượng, con số và phép đếm cho trẻ MN 1. Trẻ mẫu giáo 3-4 tuổi a. Dạy trẻ tạo nhóm đồ vật và so sánh số lượng các nhóm đối tượng bằng biện pháp thiết lập tương ứng 1:1 (Biện pháp ghép đôi) b. Dạy trẻ đếm và nhận biết số lượng trong phạm vi 5 2. Trẻ mẫu giáo 4-5 tuổi a. Dạy trẻ phép đếm xác định số lượng trong phạm vi 10, nhận biết các con số chỉ số lượng và các con số thứ tự trong phạm vi 5 bằng cách thiết lập tương ứng 1 -1 b. Dạy trẻ biến đổi số lượng và mối quan hệ số lượng giữa các nhóm vật	4	9

bằng cách thêm, bớt. 3. Trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi a. Dạy trẻ phép đếm xác định số lượng trong phạm vi 10, so sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng cách xếp tương ứng 1-1, nhận biết các số từ 1-10, thêm - bớt nhằm biến đổi số lượng và mqh số lượng từ 1-10 b. Dạy trẻ cách chia một nhóm đối tượng thành 2 phần theo các cách khác nhau IV. Thực hành 1. Tập soạn giáo án và tập dạy trẻ mẫu giáo 3-4 tuổi 2. Tập soạn giáo án và tập dạy trẻ mẫu giáo 4-5 tuổi 3. Tập soạn giáo án và tập dạy trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi		
CHƯƠNG III: HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG VỀ KÍCH THƯỚC CHO TRẺ MẦM NON I. Đặc điểm nhận thức 1. Trẻ mẫu giáo 3-4 tuổi 2. Trẻ mẫu giáo 4-5 tuổi 4. Trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi II. Nội dung hình thành biểu tượng về kích thước cho trẻ mầm non 1. Trẻ mẫu giáo 3-4 tuổi 2. Trẻ mẫu giáo 4-5 tuổi 3. Trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi III. Phương pháp thành biểu tượng về kích thước cho trẻ mầm non 1. Trẻ mẫu giáo 3-4 tuổi Dạy trẻ nhận biết sự khác biệt về từng chiều đo của các vật: chiều dài, chiều rộng, chiều cao, độ lớn giữa hai đối tượng. 2. Trẻ mẫu giáo 4-5 tuổi a. Dạy trẻ so sánh độ lớn từng chiều đo kích thước của hai đối tượng và phản ánh mối quan hệ về kích thước giữa hai đối tượng bằng lời nói b. Dạy trẻ so sánh độ lớn từng chiều đo kích thước của ba đối tượng trở lên và dạy trẻ cách sắp xếp các vật theo kích thước tăng dần hoặc giảm dần. 3. Trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi Dạy trẻ phép đo lường. IV. Thực hành 1. Tập soạn giáo án và tập dạy trẻ mẫu giáo 3-4 tuổi 2. Tập soạn giáo án và tập dạy trẻ mẫu giáo 4-5 tuổi 3. Tập soạn giáo án và tập dạy trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi	4	5
CHƯƠNG IV: HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG VỀ HÌNH DẠNG CHO TRẺ MẦM NON I. Đặc điểm nhận thức 1. Trẻ mẫu giáo 3-4 tuổi 2. Trẻ mẫu giáo 4-5 tuổi 3. Trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi II. Nội dung hình thành biểu tượng về hình dạng cho trẻ mầm non 1. Trẻ mẫu giáo 3-4 tuổi 2. Trẻ mẫu giáo 4-5 tuổi 3. Trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi III. Phương pháp thành biểu tượng về hình dạng cho trẻ mầm non 1. Trẻ mẫu giáo 3-4 tuổi Dạy trẻ nhận biết và gọi tên các hình hình học phẳng: hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật. 2. Trẻ mẫu giáo 4-5 tuổi	4	6

a. Dạy trẻ phân biệt các hình học phẳng : hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật. b. Dạy trẻ nhận biết và gọi tên các hình khối: khối cầu, khối trụ, khối vuông, khối chữ nhật. 3. Trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi Dạy trẻ phân biệt các hình khối: khối cầu, khối trụ, khối vuông, khối chữ nhật. IV. Thực hành 1. Tập soạn giáo án và tập dạy trẻ mẫu giáo 3-4 tuổi 2. Tập soạn giáo án và tập dạy trẻ mẫu giáo 4-5 tuổi 3. Tập soạn giáo án và tập dạy trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi		
CHƯƠNG V: HÌNH THÀNH SỰ ĐỊNH HƯỚNG TRONG KHÔNG GIAN CHO TRẺ MẦM NON I. Đặc điểm nhận thức 1. Trẻ dưới 3 tuổi. 2. Trẻ 3-6 tuổi II. Nội dung dạy trẻ mẫu giáo định hướng trong không gian 1. Trẻ mẫu giáo 3-4 tuổi 2. Trẻ mẫu giáo 4-5 tuổi 3. Trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi III. Phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng trong không gian 1. Trẻ mẫu giáo 3-4 tuổi a. Dạy trẻ nhận biết tay phải, tay trái của bản thân trẻ. b. Dạy trẻ nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau của bản thân trẻ. 2. Trẻ mẫu giáo 4-5 tuổi a. Dạy trẻ xác định phía phải, phía trái của bản thân trẻ. b. Dạy trẻ xác định phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau của người khác. 3. Trẻ mẫu giáo lớn 5-6 tuổi a. Dạy trẻ xác định phía phải, phía trái của người khác b. Dạy trẻ xác định vị trí của vật này với vật khác IV. Thực hành 1. Tập soạn giáo án và tập dạy trẻ mẫu giáo 3-4 tuổi 2. Tập soạn giáo án và tập dạy trẻ mẫu giáo 4-5 tuổi 3. Tập soạn giáo án và tập dạy trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi	4	7
CHƯƠNG VI: HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG VỀ THỜI GIAN CHO TRẺ MẦM NON I. Đặc điểm nhận thức 1. Trẻ dưới 3 tuổi. 2. Trẻ 3-6 tuổi II. Nội dung và phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian 1. Trẻ mẫu giáo 3-4 tuổi Dạy trẻ nhận biết ngày và đêm. 2. Trẻ mẫu giáo 4-5 tuổi Dạy trẻ nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối và trình tự diễn ra các buổi trong ngày. 3. Trẻ mẫu giáo lớn 5-6 tuổi Dạy trẻ nhận biết và gọi tên các ngày trong tuần; phân biệt hôm qua, hôm nay, ngày mai IV. Thực hành 1. Tập soạn giáo án và tập dạy trẻ mẫu giáo 3-4 tuổi	3	3

2. Tập soạn giáo án và tập dạy trẻ mẫu giáo 4-5 tuổi		
3. Tập soạn giáo án và tập dạy trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi		
Tổng cộng	30	30

* Hướng dẫn thực hiện

- Giáo viên có đầy đủ tài liệu (giáo trình, sách tham khảo, video tổ chức cho trẻ mầm non làm quen với toán) để hướng dẫn sinh viên các vấn đề tổ chức cho trẻ mầm non làm quen với toán

- Sinh viên làm bài tập theo yêu cầu, khuyến khích tìm tòi, sáng tạo trong cách thể hiện.

12. Cấp phê duyệt

13. Ngày phê duyệt

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Giáo dục học mầm non

2. Số tín chỉ: 2 (2;0)

3.Trình độ: Cao đẳng

4. Phân bố thời gian: Học kỳ 2 năm thứ nhất.

- Lý thuyết: 30 tiết

- Thực hành: 0 tiết

5. Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần giáo dục học đại cương, tâm lý học mầm non và sự phát triển trẻ mầm non.

6. Mục tiêu học phần:

6.1. Kiến thức:

*) Kiến thức tổng quát:

Sinh viên có khả năng lĩnh hội hệ thống tri thức cơ bản về khoa học giáo dục mầm non: đối tượng, nhiệm vụ, các phạm trù cơ bản ; hệ thống phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non; mục tiêu, nhiệm vụ, nguyên tắc phương pháp giáo dục mầm non; các loại hình trường lớp mầm non; các nhiệm vụ giáo dục trẻ trong trường mầm non; chế độ sinh hoạt của trẻ ở các nhóm lứa tuổi, nội dung, phương pháp tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ ở trường mầm non; mục đích, nội dung, phương pháp chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1; Nghề giáo viên mầm

non, hoạt động sư phạm của người GVMN, nhân cách của người GVMN, áp dụng chuẩn nghề nghiệp vào đánh giá GVMN.

*) Kiến thức chuyên môn

- Mô tả, giải thích được đối tượng, nhiệm vụ và các khái niệm cơ bản của GDHNM; vị trí của bậc học mầm non trong hệ thống GDQD, xu hướng GDMN ở Việt Nam và trên thế giới; các nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục mầm non

- Tổ chức được các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ ở trường Mầm non (CĐSH, Hoạt động giao tiếp của trẻ MN, HĐ với đồ vật, HĐ vui chơi, HĐ dạy học, HĐ dạo chơi tham quan, HĐ lao động, HĐ lễ hội);

- Chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1.

- Các phẩm chất, năng lực, đặc thù lao động của nghề GVMN

6.2. Kỹ năng:

*) Kỹ năng chuyên môn:

- Sinh viên có kỹ năng tổ chức các hoạt động chăm sóc- giáo dục trẻ ở trường mầm non; kỹ năng lập và tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ theo các nhóm lứa tuổi;

- Kỹ năng giải quyết một số tình huống giáo dục diễn ra trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ ở các nhóm, lớp.

-Kỹ năng lựa chọn nội dung, vận dụng phù hợp, sáng tạo các PPDH trong việc tổ chức HĐGD; Kỹ năng thiết kế giáo án dạy học; thiết kế các HĐGD ở trường MN tích hợp theo các chủ đề

*) Kỹ năng làm việc:

-Kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm;Kỹ năng lập kế hoạch giáo dục, tổ chức, quản lý, điều khiển, theo dõi kiểm tra hoạt động, làm việc nhóm

-Kỹ năng đánh giá và tự đánh giá ;Kỹ năng tìm kiếm, xử lý thông tin bằng các phương tiện công nghệ; Kỹ năng giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ (lời nói và phi lời nói).

6.3. Thái độ:

-Sinh viên thể hiện rõ quan điểm đúng đắn trong công tác chăm sóc- giáo dục trẻ mầm non; có một số phẩm chất và năng lực cần thiết cho người làm công tác giáo dục mầm non trong tương lai.

-Hiểu biết sâu sắc về trách nhiệm, vai trò của người giáo viên trong giai đoạn mới. Nhạy bén với cái mới, có tinh thần chủ động thích ứng với sự thay đổi. Say mê nghề nghiệp, tinh thần không ngừng học hỏi, tích cực đổi mới PPDH.

-Hình thành ý thức thường xuyên trau dồi, phát triển nghề nghiệp

6.4. Năng lực cần đạt:

- Môn học, học phần đóng vai trò chủ yếu trong việc tổ chức các HĐ ở trường mầm non như:

+ Soạn giáo án các hoạt động: HĐVDV; HĐVC; HĐNT

+ Tổ chức các hoạt động: giao tiếp sư phạm; chế độ sinh hoạt hàng ngày; dạy học theo chủ đề; lễ hội; lao động

- Môn học, học phần tạo cơ hội phát triển các năng lực như:

+ Năng lực xác định hoạt động chủ đạo theo độ tuổi; lựa chọn các nội dung phù hợp theo độ tuổi; giao tiếp với trẻ như thế nào để có hiệu quả.

+ Năng lực tổ chức hoạt động chăm sóc – giáo dục theo chủ đề: Lập kế hoạch tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ ở các nhóm lứa tuổi; Lập kế hoạch tổ chức hoạt động dạo chơi ngoài trời; HĐVDV, HĐVC cho trẻ các nhóm lứa tuổi

+ Năng lực đánh giá: Phân tích được mục đích của việc đánh giá, nội dung đánh giá, phương pháp và hình thức đánh giá phù hợp với sự phát triển của trẻ.

+ Năng lực tư vấn, tham vấn: Tư vấn, tham vấn cho các đối tượng như phụ huynh của trẻ và các lực lượng xã hội khác (tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên, hội phụ nữ...) về nhu cầu, hứng thú, sức khỏe, mục tiêu cuối độ tuổi cần đạt của trẻ

7. Mô tả nội dung học phần:

- Đối tượng, nhiệm vụ, phạm trù cơ bản, phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non. Mối quan hệ của khoa học giáo dục mầm non với các khoa học khác.

- Mục tiêu, nhiệm vụ, nguyên tắc, phương pháp, hình thức giáo dục mầm non, xu hướng giáo dục mầm non trong và ngoài nước.

- Nhiệm vụ giáo dục trẻ trong trường mầm non.

- Chế độ sinh hoạt của trẻ ở trường mầm non.

- Các hoạt động chăm sóc- giáo dục trẻ ở trường mầm non.

- Chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1.

8. Nhiệm vụ của sinh viên: Dự lớp, chuẩn bị đồ dùng học tập.

9. Tài liệu học tập

[1]. Phạm Thị Châu, Nguyễn Thị Oanh, Trần Thị Sinh: *Giáo dục học mầm non*, NXB. Đại học quốc gia Hà Nội, 2000. Thư viện trường CĐSL - Hiệu sách Sơn La

[2]. Nguyễn Thị Hòa: *Giáo trình Giáo dục học mầm non*- NXB ĐHSP 2009. Thư viện trường CĐSL - Hiệu sách Sơn La

[3]. Quyết định số 55: *Quy định mục tiêu kế hoạch đào tạo của nhà trẻ- trường mẫu giáo*, Bộ giáo dục 1990. Thư viện trường CĐSL - Hiệu sách Sơn La

[4]. Tuyển tập trò chơi, bài hát, bài thơ, câu chuyện kể cho trường mầm non. Thư viện trường CĐSL - Hiệu sách Sơn La

[5]. Trần Thị Sinh, Điền Thị Sinh: *Giáo dục học mầm non*, Trường Cao đẳng sư phạm nhà trẻ- mẫu giáo TW I, 1994. Thư viện trường CĐSL - Hiệu sách Sơn La

[6]. Đào Thanh Âm(chủ biên): *Giáo dục học mầm non*, Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội, 1995. Thư viện trường CĐSL - Hiệu sách Sơn La

[7]. *Chiến lược phát triển giáo dục mầm non từ nay đến năm 2020*, Vụ Giáo dục mầm non và Viện nghiên cứu phát triển giáo dục, Hà nội, 1997. Thư viện trường CĐSL - Hiệu sách Sơn La

[8]. A.I.Xô-rôkhina: *Giáo dục học mẫu giáo*, NXB. Giáo dục, 1979.

[9]. Nguyễn Thị Ngọc Chúc (chủ biên): *Giáo dục học mẫu giáo*, NXB. Giáo dục, 1989. Thư viện trường CĐSL - Hiệu sách Sơn La

[10]. Luật giáo dục 2005. Thư viện trường CĐSL - Hiệu sách Sơn La

[11]. Tạp chí giáo dục mầm non và các văn bản khác. Thư viện trường CĐSL - Hiệu sách Sơn La

[12]. Bộ giáo dục và đào tạo, *Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi*, 2010. Thư viện trường CĐSL - Hiệu sách Sơn La

[13]. Hướng dẫn tổ chức thực hiện các HĐGD trong trường mầm non theo chủ đề (theo chương trình GDMN mới) [3-4 tuổi; 4-5 tuổi; 5-6 tuổi] - NXBGDVN 2011. Thư viện trường CĐSL - Hiệu sách Sơn La

[14]. Lê Thị Ánh Tuyết, Đặng Thu Quỳnh, Vũ Thị Thu Hằng: *Các hoạt động GD tích hợp theo chủ đề trong chương trình GDMN* - NXBGDVN 2011. Thư viện trường CĐSL - Hiệu sách Sơn La

- Thang điểm: 10/10

11. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số tiết	
	LT	TH
HỌC		
CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA GIÁO DỤC		
I. Đối tượng của giáo dục mầm non.	1	0
II. Nhiệm vụ của giáo dục học mầm non		
III. Các khái niệm cơ bản của khoa học giáo dục mầm non		
IV. Hệ thống phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non		
CHƯƠNG II. GIÁO DỤC MẦM NON TRONG HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN	9	0

I. Vị trí của giáo dục mầm non trong hệ thống giáo dục quốc dân II. Xu hướng phát triển giáo dục mầm non trong và ngoài nước 1. Xu hướng phát triển giáo dục mầm non trên thế giới. 2. Xu hướng phát triển giáo dục mầm non ở Việt Nam. III. Nguyên tắc giáo dục mầm non 1. Khái niệm. 2. Hệ thống các nguyên tắc giáo dục mầm non. IV. Nội dung GDMN 1. Khái niệm 2. Một số yêu cầu đổi mới nội dung GDMN V. Phương pháp giáo dục mầm non 1. Khái niệm. 2. Hệ thống các phương pháp giáo dục mầm non. VI. Nhiệm vụ giáo dục mầm non 1. Giáo dục thể chất cho trẻ em mầm non 2. Giáo dục trí tuệ cho trẻ em mầm non 3. Giáo dục đạo đức cho trẻ em mầm non 4. Giáo dục thẩm mỹ cho trẻ em mầm non 5. Giáo dục lao động cho trẻ em mầm non		
CHƯƠNG III: TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC- GIÁO DỤC TRẺ Ở TRƯỜNG MẦM NON I. Tổ chức chế độ sinh hoạt của trẻ trong trường mầm non (2T) 1. Khái niệm, ý nghĩa chế độ sinh hoạt. 2. Nguyên tắc xây dựng chế độ sinh hoạt cho trẻ mầm non. 3. Tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ ở các nhóm lứa tuổi. 3.1. Tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ trong năm đầu (0-12 tháng). 3.2. Tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ năm thứ hai (13-24 tháng). 3.3. Tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ (24-36 tháng). 3.4. Tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ mẫu giáo (3-6 tuổi). II. Khái quát các hoạt động giáo dục trẻ ở trường mầm non 1. Hoạt động với đồ vật.(1T) 1.1. Khái niệm và ý nghĩa của hoạt động với đồ vật. 1.2. Khái quát nội dung, phương pháp tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ. 2. Hoạt động vui chơi.(4T) 2.1 Nguồn gốc, bản chất của hoạt động vui chơi. 2.2. Ý nghĩa của hoạt động vui chơi. 2.3. Khái quát nội dung và phương pháp tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ. 3. Hoạt động học tập ở trường mầm non.(4T) 3.1. Khái niệm và ý nghĩa của hoạt động dạy học ở trường mầm non. 3.2. Đặc điểm hoạt động dạy học ở trường mầm non. 3.3. Nhiệm vụ dạy học ở trường mầm non. 3.4. Nguyên tắc dạy học ở trường mầm non. 3.5. Nội dung dạy học ở trường mầm non. 3.6 Phương pháp dạy học ở trường mầm non. 3.7. Hình thức tổ chức dạy học mầm non. 5. Tổ chức hoạt động tham quan, dạo chơi cho trẻ ở trường mầm non.(1T) 4.1. Tổ chức hoạt động tham quan. - Mục đích tổ chức cho trẻ mầm non tham quan. - Nội dung, phương pháp tổ chức hoạt động tham quan. 4.2. Tổ chức các hoạt động dạo chơi ngoài trời cho trẻ ở trường mầm	14	0

non. - Mục đích tổ chức cho trẻ mầm non dạo chơi. - Nội dung, phương pháp tổ chức cho trẻ dạo chơi. 5. Tổ chức hội, lễ ở trường mầm non.(2T) 5.1. Mục đích tổ chức lễ, hội cho trẻ mầm non. 5.2. Nội dung, phương pháp tổ chức lễ, hội ở trường mầm non.		
CHƯƠNG IV. CHUẨN BỊ CHO TRẺ VÀO LỚP MỘT I. Mục đích chuẩn bị cho trẻ vào lớp một II. Nội dung chuẩn bị cho trẻ vào lớp một 1. Chuẩn bị cho trẻ tâm lý sẵn sàng đến trường phổ thông. 2. Chuẩn bị thể lực cho trẻ. 3. Chuẩn bị tri thức kỹ năng và năng lực hoạt động trí tuệ cho trẻ. 4. Chuẩn bị ngôn ngữ cho trẻ. 5. Chuẩn bị một số kỹ năng, thói quen cần thiết cho hoạt động học tập ở trường phổ thông. III. Biện pháp chuẩn bị cho trẻ vào lớp một 1. Thông qua chế độ sinh hoạt của trẻ ở trường mầm non. 2. Phối hợp giữa trường mầm non với trường phổ thông. 3. Phối hợp giữa trường mầm non và gia đình trẻ	3	0
CHƯƠNG V: NGHỀ GIÁO VIÊN MẦM NON I. Hoạt động sư phạm của GVMN 1. Khái niệm về nghề và nghề GVMN 2. Đặc điểm lao động sư phạm và nhiệm vụ giáo viên Mầm non 3. Các kỹ năng nghề nghiệp của giáo viên Mầm non II. Nhân cách và Nghề của GVMN 1. Nhân cách của người GVMN 2. Chuẩn nghề nghiệp của người GVMN 3. Hoạt động học tập và rèn luyện nhân cách của người GVMN	3	0
Tổng cộng	30	0

* Hướng dẫn thực hiện:

- Có đầy đủ giáo trình, tài liệu chính và tài liệu tham khảo tối thiểu là bộ chương trình GDMN hiện hành

- Xây dựng đề cương chi tiết cho môn học

12. Cấp phê duyệt

13. Ngày phê duyệt

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Phương pháp phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non

2. Số tín chỉ: 2 (1;1)

3.Trình độ: Cao đẳng

4. Phân bổ thời gian: Học kỳ 2, năm thứ ba.

- Lý thuyết: 15 tiết

- Thực hành, kiểm tra: 30 tiết

5. Điều kiện tiên quyết: Không

6. Mục tiêu học phần:

6.1. Kiến thức:

***) Kiến thức tổng quát**

- Vận dụng phù hợp các kiến thức cơ bản về phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội để giáo dục trẻ mầm non, giúp trẻ hình thành và phát triển toàn diện nhân cách, sẵn sàng vào học lớp một.

***) Kiến thức chuyên môn**

- Trình bày được những khái niệm, vai trò, đặc điểm phát triển tình cảm kỹ năng và xã hội đối với trẻ mầm non.

- Giải thích những nguyên tắc giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội đối với trẻ mầm non.

- Trình bày được mục tiêu, nội dung cơ bản về giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội đối với trẻ mầm non.

- Phân tích được phương pháp, hình thức, kế hoạch giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội đối với trẻ mầm non.

6.2. Kỹ năng:

***) Kỹ năng chuyên môn:**

- Hình thành và phát triển năng lực tư duy, giải quyết vấn đề.
- Phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm.
- Xác định được mục tiêu, nội dung, cách thực hiện kỹ năng sống cho trẻ phù hợp chương trình giáo dục mầm non, phù hợp chủ đề giáo dục và phù hợp độ tuổi.
- Lập được kế hoạch (giáo án) và tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho trẻ phối kết hợp các phương pháp, hình thức.
- Đánh giá được kết quả giáo dục kỹ năng sống cho trẻ.

***) Kỹ năng làm việc:**

- Giao tiếp, ứng xử với trẻ một cách gần gũi, tình cảm; chân tình, cởi mở, thẳng thắn với đồng nghiệp; Gần gũi, tôn trọng và hợp tác, chia sẻ với cha mẹ trẻ và cộng đồng.
- Phân tích, đánh giá được quá trình thực hiện kỹ năng sống của trẻ.
- Có kỹ năng: Quan sát, theo dõi, trò chuyện, phân tích, đánh giá, làm việc nhóm, sử dụng các phương tiện và đồ dùng trong quá trình giáo dục kỹ năng sống cho trẻ.

6.3. Thái độ:

- Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có lòng yêu nghề, mến trẻ, tâm huyết với sự nghiệp giáo dục mầm non.
- Có thái độ cởi mở, thiện chí với phụ huynh và sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác, giúp đỡ đồng nghiệp;
- Có ý thức kỷ luật, linh hoạt, tích cực làm việc trong mọi công việc
- Thể hiện bản lĩnh, tự tin, sáng tạo, có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.
- Tích cực tìm hiểu về giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non.
- Tích cực, chủ động giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ.

6.4. Năng lực cần đạt:

- Môn học, học phần đóng vai trò chủ yếu đối với sự phát triển “năng lực tổ chức hoạt giáo dục tích hợp theo chủ đề”
 - + Lập kế hoạch giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non.
 - + Giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội thông qua các hoạt động ở trường mầm non.
 - + Liên kết giữa gia đình và nhà trường, xã hội trong việc giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non.
- Môn học, học phần tạo cơ hội phát triển các năng lực như:
 - + Năng lực thiết kế môi trường và sử dụng trang thiết bị, đồ dùng có hiệu quả: Lựa chọn phương tiện, đồ dùng thích hợp để giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ.
 - + Năng lực tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp có chủ đề: Chủ động xây dựng kế hoạch, xác định mục tiêu và tổ chức các hoạt động giáo dục theo chủ đề phù hợp với trẻ, khắc phục những hạn chế và phát huy điểm mạnh của trẻ trong các chủ đề tiếp theo.
 - + Năng lực tổ chức hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ: thực hiện chế độ sinh hoạt theo quy trình khoa học nhằm đảm bảo cách hợp lý về thời gian và trình tự các hoạt động giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội phù hợp lứa tuổi.
 - + Năng lực triển khai chương trình giáo dục mầm non: Phân tích được tình hình thực tiễn (trẻ, phụ huynh, điều kiện vùng miền ở địa phương). Trên cơ sở đó giáo viên chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội phù hợp với khả năng của trẻ.
 - + Năng lực tư vấn, tham vấn: Tư vấn, tham vấn được tới các bậc phụ huynh của trẻ và các lực lượng xã hội khác (hội phụ nữ, đoàn thanh niên...) cùng tham gia vào hoạt động giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ lứa tuổi mầm non.

7. Mô tả nội dung học phần:

Học phần này nhằm cung cấp cho SV mầm non những kiến thức, kỹ năng và thái độ về giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non: Khái niệm giáo dục tình cảm, giáo dục kỹ năng xã hội; đặc điểm phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội của trẻ mầm non; sự cần thiết của giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non; các nguyên tắc đưa giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội vào thực tiễn giáo dục mầm non; Mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non. Từ đó SV biết vận dụng các kiến thức đã học để tổ chức các hoạt động giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non.

8. Nhiệm vụ của sinh viên: Dự lớp, thực hành bài tập, chuẩn bị đồ dùng học tập.

9. Tài liệu học tập

1. Lập kế hoạch giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non, Lương Thị Bình (cb), NXBGDVN, 2018.

2. Tài liệu bồi dưỡng thường xuyên nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp cán bộ quản lý và giáo viên mầm non, Cục nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, NXBGDVN, 2020.

3. Module 2, Đặc điểm phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội, mục tiêu và kết quả mong đợi ở trẻ mầm non về tình cảm, kỹ năng xã hội, Nguyễn Thu Hà.

4. Module 24, Ứng dụng phương pháp dạy học tích cực trong lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội, Nguyễn Thị Liên.

5. Giáo án tổ chức hoạt động giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội (các độ tuổi), Nguyễn Thị Mỹ Dung (cb), NXBGDVN, 2020.

7. *Giáo trình chuyên đề giáo dục kỹ năng sống*, Nguyễn Thanh Bình, NXB ĐHSP, 2011.

8. Các hoạt động giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non, Lương Thị Bình – Phan Lan Anh, NXBGDVN, 2011.

9. Hướng dẫn các hoạt động phát triển tình cảm và quan hệ xã hội cho trẻ mầm non, NXBGDVN, 2012.

10. Giúp bé phát triển tình cảm – kỹ năng xã hội (các độ tuổi), Lê Thị Luận – Lâm Thùy Uyên, NXBGDVN, 2019.

11. Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non (các độ tuổi), TS. Lê Thu Hương – TS. Trần Thị Ngọc Trâm – PGS.TS. Lê Thị Ánh Tuyết, NXBGDVN, 2017.

12. *Kỹ năng giao tiếp – Bồi dưỡng cho trẻ 49 lễ nghi để trở thành người dễ mến*, Trần đại Vi – Người dịch Phạm Thanh Hương, NXGDQGHN, 2016.

13. *Con là bé ngoan (1,2,3,4,5,6) – Để bé yêu khôn lớn, phát triển toàn diện và tự tin*, NXB Dân Trí, 2015.

14. *Dạy con từ thủa còn thơ – Phát triển kỹ năng giao tiếp*, NXB Kim Đồng, 2014

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Dự lớp, thực hành bài tập đầy đủ, kiểm tra, thi học phần
- Hiểu biết và vận dụng kiến thức vào bài tập thực hành.
- Các bài tập đều được đánh giá, rút kinh nghiệm cho SV
- Thang điểm: 10/10

11. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số tiết	
	LT	TH
CHƯƠNG I: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI I. Một số khái niệm 1. Phát triển tình cảm 2. Phát triển kỹ năng xã hội 3. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ ở trường mầm non II. Vai trò, ý nghĩa của phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội III. Đặc điểm phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội của trẻ mầm non 1. Yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội của trẻ mầm non 2. Đặc điểm phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội của trẻ mầm non 2.1. Đối với trẻ nhà trẻ 2.2. Đối với trẻ mẫu giáo IV. Nguyên tắc giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội đối với trẻ mầm non	05	0
CHƯƠNG II: MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI	04	6

I.Mục tiêu giáo dục phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội 1. Đối với trẻ nhà trẻ 2. Đối với trẻ mẫu giáo II. Nội dung giáo dục phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội 1.Đối với trẻ nhà trẻ 2. Đối với trẻ mẫu giáo		
CHƯƠNG III: PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KĨ NĂNG XÃ HỘI ĐỐI VỚI TRẺ MẦM NON I.Phương pháp 1. Cơ sở để nhận biết việc sử dụng các phương pháp thích hợp với nội dung phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội 2. Các phương pháp giáo dục phát triển tình cảm, kĩ năng xã hội a. Phương pháp giao lưu tình cảm, tiếp xúc gần gũi. b. Phương pháp dùng lời (trò chuyện, kể chuyện, giải thích) c. Phương pháp sử dụng tình huống (luyện tập) d. Phương pháp sử dụng trò chơi e. Phương pháp làm việc nhóm f. Tham gia các hoạt động lao động g. Giám sát, nhận xét, đánh giá II. Hình thức 1.Thông qua các hoạt động sinh hoạt hằng ngày 2.Thông qua hoạt động có chủ định (giờ học)	04	06
CHƯƠNG IV: LẬP KẾ HOẠCH VÀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KĨ NĂNG XÃ HỘI ĐỐI VỚI TRẺ MẦM NON I.Lập kế hoạch giáo dục và phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội đối với trẻ mầm non 1. Căn cứ xây dựng kế hoạch giáo dục phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội 2.Những điểm cần chú ý khi xây dựng kế hoạch và tổ chức hoạt động giáo dục phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội 3. Cấu trúc giáo án 4. Tiêu chí đánh giá giờ dạy 5. Thực hành soạn giáo án II. Tổ chức một số hoạt động giáo dục phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội đối với trẻ mầm non 1.Xem video tiết giảng mẫu 2. Thực hành tập giảng	02	18
Tổng	15	30

* Hướng dẫn thực hiện

- Giáo viên có đầy đủ tài liệu (giáo trình, sách tham khảo, video GDKNS) để hướng dẫn sinh viên các vấn đề giáo dục kĩ năng sống cho trẻ ở trường mầm non.

- Sinh viên làm bài tập theo yêu cầu, khuyến khích tìm tòi, sáng tạo trong cách thể hiện.

12. Cấp phê duyệt

13. Ngày phê duyệt

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Các chuyên đề đổi mới giáo dục mầm non (Chuyên đề: *Tăng cường Tiếng Việt cho trẻ mầm non vùng dân tộc thiểu số*)

2. Số tín chỉ: 2 (1;1)

3.Trình độ: Cao đẳng

4. Phân bổ thời gian: Học kỳ 6

- Lý thuyết: 15 tiết

- Thực hành, kiểm tra: 30 tiết

5. Điều kiện tiên quyết: Sau khi học xong các học phần đại cương (Tâm lý học đại cương; Giáo dục học đại cương; Giáo dục học mầm non; Sự học và phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non) và các môn phương pháp (Phương pháp giáo dục thể chất; Phương pháp phát triển ngôn ngữ và làm quen văn học; Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với toán...)

6. Mục tiêu học phần:

6.1. Kiến thức:

*) Kiến thức tổng quát

- Vận dụng phù hợp các kiến thức cơ bản để thiết kế được bài dạy và tổ chức các hoạt động Tăng cường tiếng việt cho trẻ mầm non vùng dân tộc thiểu số.

*) Kiến thức chuyên môn

- Mô tả, trình bày được Bộ tiêu chí xây dựng môi trường tăng cường Tiếng Việt cho trẻ mầm non vùng dân tộc thiểu số.

- Mô tả, trình bày được yêu cầu xây dựng môi trường, khai thác và sử dụng môi trường tăng cường Tiếng Việt cho trẻ mầm non vùng dân tộc thiểu số.

- Trình bày, phân tích được các hình thức tổ chức tăng cường Tiếng Việt cho trẻ mầm non vùng dân tộc thiểu số theo từng lứa tuổi.

- Tổ chức được hoạt động tăng cường Tiếng Việt cho trẻ mầm non vùng dân tộc thiểu số theo hướng tích hợp chủ đề phù hợp với nội dung và lứa tuổi của trẻ.

6.2. Kỹ năng:

*) Kỹ năng chuyên môn:

- Thiết kế được bài dạy tăng cường Tiếng Việt cho trẻ mầm non vùng dân tộc thiểu số theo hướng tích hợp chủ đề.

- Xây dựng môi trường, làm đồ dùng và sử dụng thiết bị dạy học phù hợp với nội dung bài.

- Tổ chức được các hoạt động tăng cường Tiếng Việt cho trẻ mầm non vùng dân tộc thiểu số theo từng lứa tuổi.

*) Kỹ năng làm việc:

- Giao tiếp, ứng xử với trẻ một cách gần gũi, tình cảm; chân tình, cởi mở, thẳng thắn với đồng nghiệp; Gần gũi, tôn trọng và hợp tác, chia sẻ với cha mẹ trẻ và cộng đồng.

- Phân tích, đánh giá được bài soạn và tiết giảng của bản thân và bạn bè, đồng nghiệp

- Có kỹ năng: Quan sát, theo dõi, trò chuyện với trẻ trong các hoạt động, trao đổi với phụ huynh; Sử dụng một số bài tập, trò chơi, tình huống để khảo sát, đánh giá trẻ.

6.3. Thái độ:

- Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có lòng yêu nghề, mến trẻ, tâm huyết với sự nghiệp giáo dục mầm non.

- Có thái độ cởi mở, thiện chí với phụ huynh và sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác, giúp đỡ đồng nghiệp;

- Có ý thức kỷ luật, linh hoạt, tích cực làm việc trong mọi công việc

- Thể hiện bản lĩnh, tự tin, sáng tạo, có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

6.4. Năng lực cần đạt:

* Môn học/học phần đóng vai trò chủ yếu đối với sự phát triển Năng lực tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề.

+ Chủ động xây dựng kế hoạch tăng cường Tiếng Việt cho trẻ mầm non vùng dân tộc thiểu số theo hướng tích hợp có chủ đề, thể hiện rõ mục tiêu, nội dung tích hợp nhằm kích thích trẻ hợp tác cùng nhau, chia sẻ và giao lưu, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của trẻ.

+ Triển khai và xử lý được tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức hoạt động tăng cường Tiếng Việt cho trẻ mầm non vùng dân tộc thiểu số theo hướng tích hợp có chủ đề; Ngôn ngữ trong sáng, khúc triết, lời nói hấp dẫn, truyền cảm trong quá trình tổ chức hoạt động.

+ Xác định được điểm mạnh, điểm hạn chế của bản thân, bạn bè và đồng nghiệp trong quá trình tổ chức hoạt động tăng cường Tiếng Việt cho trẻ mầm non vùng dân tộc thiểu số cho trẻ theo hướng tích hợp có chủ đề; Đánh giá được kết quả hoạt động của trẻ.

* Môn học/học phần tạo cơ hội phát triển các năng lực như:

- Năng lực triển khai chương trình giáo dục mầm non: Tổ chức thực hiện hoạt động tăng cường Tiếng Việt cho trẻ mầm non vùng dân tộc thiểu số cho trẻ theo hướng “lấy trẻ làm trung tâm” thông qua các hoạt động chơi, hoạt động học có chủ đích, hoạt động ngoài trời, lễ hội, hoạt động lao động và hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân để đáp ứng chuẩn năng lực.

- Năng lực tổ chức hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ: Thông qua tổ chức các hoạt động trong sinh hoạt hàng ngày của trẻ (Ăn, ngủ, vệ sinh...) để cho trẻ rèn luyện

* Môn học/học phần tạo cơ hội phát triển năng lực tương ứng:

- Năng lực thiết kế môi trường và sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học: Biết làm đồ dùng đồ chơi và thiết kế môi trường phù hợp với mục đích và không gian tổ chức hoạt động tăng cường Tiếng Việt cho trẻ mầm non vùng dân tộc thiểu số

- Năng lực tư vấn, tham vấn: Biết tư vấn, tham vấn tới các bậc phụ huynh của trẻ và các lực lượng xã hội khác về cách hướng dẫn trẻ ở từng lứa tuổi phát triển khả năng phát âm chuẩn, nói mạch lạc, rõ ràng... thông qua góc tuyên truyền, trao đổi trực tiếp với phụ huynh trẻ...

7. Mô tả nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về Bộ tiêu chí xây dựng môi trường, yêu cầu xây dựng môi trường và Khai thác, sử dụng môi trường tăng cường Tiếng Việt cho trẻ mầm non vùng dân tộc thiểu số; Các hình thức tổ chức tăng cường Tiếng Việt cho trẻ mầm non vùng dân tộc thiểu số theo từng lứa tuổi. Từ đó người học vận dụng các kiến thức đã học để soạn giáo án (xây dựng kế hoạch hoạt động) và tổ chức hoạt động tăng cường Tiếng Việt cho trẻ

mầm non vùng dân tộc thiểu số cho trẻ theo từng nội dung; Quan sát, nhận xét, đánh giá kết quả việc tổ chức hoạt động phát triển vận động cho trẻ.

8. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học trên lớp đủ 15 tiết lý thuyết, 30 tiết thực hành và các bài kiểm tra
- Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng, dụng cụ học tập

9. Tài liệu học tập

- Hướng dẫn Hướng dẫn *Tăng cường Tiếng Việt cho trẻ mầm non vùng dân tộc thiểu số*
- Nguyễn Thị Hiếu (Chủ biên) - NXB GDVN.2018
- Hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục mầm non (3-36 tháng; 3-4 tuổi; 4-5 tuổi; 5-6 tuổi) - Bộ GD&ĐT - NXBGDVN

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Tham gia học lý thuyết và thực hành đầy đủ, kiểm tra định kì, thi học phần
- Vận dụng được kiến thức lý thuyết đã học vào bài tập thực hành (Xây dựng kế hoạch, Soạn giáo án và tập giảng).
- Các bài thực hành đều được đánh giá, rút kinh nghiệm cho SV
- Thang điểm: 10/10

11. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số tiết	
	LT	TH
<i>Chương I: Xây dựng và khai thác sử dụng môi trường tăng cường Tiếng Việt</i>	3	5
I. Bộ tiêu chí xây dựng môi trường tăng cường Tiếng Việt cho trẻ mầm non vùng dân tộc thiểu số		
II. Yêu cầu xây dựng môi trường tăng cường Tiếng Việt cho trẻ mầm non vùng dân tộc thiểu số		
III. Khai thác, sử dụng môi trường tăng cường Tiếng Việt cho trẻ mầm non vùng dân tộc thiểu số		
IV. Xây dựng góc địa phương		
<i>Chương II: Xây dựng kế hoạch giáo dục tăng cường Tiếng Việt cho trẻ mầm non vùng dân tộc thiểu số</i>	3	5
I. Các căn cứ xây dựng kế hoạch giáo dục tăng cường Tiếng Việt		
II. Nội dung tăng cường Tiếng Việt trong kế hoạch giáo dục		
III. Kế hoạch tăng cường Tiếng Việt cho trẻ mầm non vùng dân tộc thiểu số		
<i>Chương III: Tổ chức hoạt động tăng cường Tiếng Việt cho trẻ mầm non vùng dân tộc thiểu số</i>	9	20
I. Hoạt động học có chủ đích		
II. Hoạt động chơi		
III. Hoạt động lễ hội		
IV. Hoạt động lao động		
Tổng cộng	15	30

* Hướng dẫn thực hiện

- Giáo viên có đầy đủ tài liệu (giáo trình, sách tham khảo, video tổ chức các hoạt động Tăng cường tiếng việt cho trẻ mầm non vùng dân tộc thiểu số) để hướng dẫn sinh viên các vấn đề tổ chức tổ chức các hoạt động Tăng cường tiếng việt cho trẻ mầm non vùng dân tộc thiểu số.
- Sinh viên làm bài tập theo yêu cầu, khuyến khích tìm tòi, sáng tạo trong cách thể hiện.

12. Cấp phê duyệt

13. Ngày phê duyệt

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG
Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

- 1. Tên học phần:** Cơ sở giáo dục văn hóa cho trẻ mầm non
- 2. Số tín chỉ:** 2 (1;1)
- 3. Trình độ:** Cao Đẳng
- 4. Phân bố thời gian:** Học kỳ 2 năm thứ 3
 - Lý thuyết: 15 tiết
 - Thực hành, kiểm tra: 30 tiết
- 5. Điều kiện tiên quyết:** Không
- 6. Mục tiêu học phần:**
 - 6.1. Kiến thức:**
 - *) Kiến thức tổng quát:
 - Sinh viên có nhận thức cơ bản về văn hóa Việt Nam, Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non.
 - *) Kiến thức chuyên môn:
 - Mô tả được kiến thức cơ bản về văn hóa Việt Nam
 - Trình bày được khái niệm và quá trình hình thành và phát triển hành vi văn hóa cho trẻ mầm non.
 - Phân tích được nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non.
 - 6.2. Kỹ năng:**
 - *) Kỹ năng chuyên môn:
 - Hình thành và phát triển năng lực tư duy, giải quyết vấn đề.
 - Phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm.
 - Xác định được nội dung, phương pháp giáo dục hành vi văn hóa phù hợp chương trình giáo dục mầm non, phù hợp chủ đề giáo dục và phù hợp độ tuổi.
 - Lập được kế hoạch (giáo án) và tổ chức giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non
 - Đánh giá được kết quả giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non
 - *) Kỹ năng làm việc:

- Giao tiếp, ứng xử với trẻ một cách gần gũi, tình cảm; chân tình, cởi mở, thẳng thắn với đồng nghiệp; Gần gũi, tôn trọng và hợp tác, chia sẻ với cha mẹ trẻ và cộng đồng.
- Phân tích, đánh giá được quá trình giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non
- Có kỹ năng: Quan sát, theo dõi, trò chuyện, phân tích, đánh giá, làm việc nhóm, sử dụng các phương tiện và đồ dùng trong quá trình giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non

6.3. Thái độ:

- Biết tôn trọng và tự hào, từ đó có ý thức gìn giữ, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc.
- Có ý thức tôn trọng các nền văn hóa khác, biết tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại để làm giàu cho vốn văn hóa truyền thống.
- Củng cố và nâng cao vốn văn hóa cho bản thân, xây dựng lối sống lành mạnh dựa trên các tiêu chí Chân - Thiện - Mỹ, nhằm góp phần hoàn thiện tâm hồn, nhân cách để trở thành những con người phát triển toàn diện, hài hòa, tạo nền tảng và động lực cho sự phát triển bền vững của xã hội.

6.4. Năng lực cần đạt:

- Môn học, học phần góp phần phát triển “năng lực tổ chức hoạt giáo dục tích hợp theo chủ đề”
 - + Lập kế hoạch giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non
 - + Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ thông qua các hoạt động ở trường mầm non.
 - + Liên kết giữa gia đình và nhà trường, xã hội trong việc giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ
- Môn học, học phần tạo cơ hội phát triển các năng lực như:
 - + Năng lực thiết kế môi trường và sử dụng trang thiết bị, đồ dùng có hiệu quả: Lựa chọn phương tiện, đồ dùng thích hợp để giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ .
 - + Năng lực tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp có chủ đề: Chủ động xây dựng kế hoạch, xác định mục tiêu và tổ chức các HĐGD theo chủ đề phù hợp với trẻ, khắc phục những hạn chế và phát huy điểm mạnh của trẻ trong các chủ đề tiếp theo,
 - + Năng lực tổ chức hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ: thực hiện chế độ sinh hoạt theo quy trình khoa học nhằm đảm bảo cách hợp lý về thời gian và trình tự các hoạt động giáo dục kỹ năng sống phù hợp lứa tuổi.
 - + Năng lực triển khai chương trình giáo dục mầm non: Phân tích được tình hình thực tiễn (trẻ, phụ huynh, điều kiện vùng miền ở địa phương). Trên cơ sở đó giáo viên chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục hành vi văn hóa phù hợp với khả năng của trẻ.
 - + Năng lực tư vấn, tham vấn: Tư vấn, tham vấn được tới các bậc phụ huynh của trẻ và các lực lượng xã hội khác (hội phụ nữ, đoàn thanh niên...) cùng tham gia vào hoạt động giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non.

7. Mô tả nội dung học phần:

Học phần này nhằm cung cấp cho SV mầm non những kiến thức, kỹ năng và thái độ về giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non: Khái niệm văn hóa, hành vi văn hóa; Đặc trưng văn hóa Việt Nam; Các vùng văn hóa Việt Nam; Nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non. Từ đó SV biết vận dụng các kiến thức đã học để tổ chức các hoạt động giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non.

8. Nhiệm vụ của sinh viên: Dự lớp, thực hành bài tập, chuẩn bị đồ dùng học tập.

9. Tài liệu học tập

1. Lê Hồng Vân, *Tập bài giảng Đại cương Văn hóa Việt Nam*, Lưu hành nội bộ, ĐH Luật TP. Hồ Chí Minh, 2009.
2. Trần Ngọc Thêm, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, 1997.
3. Chu Xuân Diên, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb. ĐHQG TP. Hồ Chí Minh, 2002.
4. Nguyễn Ánh Tuyết - *Giáo dục văn hóa cho trẻ mầm non*. NXBGD.2014
5. Phan Ngọc, *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb. Văn hóa – Thông tin, 1998.
6. Chu Xuân Diên, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb. ĐHQG TP. Hồ Chí Minh, 2002.
7. Nguyễn Trọng Chuẩn, Nguyễn Văn Huyền (đồng chủ biên), *Giá trị truyền thống trước những thách thức của toàn cầu hóa*, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2002.

8. Nguyễn Đăng Duy, *Các hình thức tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Thông tin, 2001.

9. Lê Huy Hoà, Hoàng Đức Nhuận (tuyển chọn và giới thiệu), *Văn hoá Việt Nam truyền thống và hiện đại*, Nxb. Văn hoá, 2000.

10. Trường Lưu (chủ biên), *Văn hoá và phát triển*, Nxb. Văn hoá - Thông tin, 1995.

11. Ngô Đức Thịnh (chủ biên), *Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, 1993.

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Dự lớp, thực hành bài tập đầy đủ, kiểm tra, thi học phần
- Hiểu biết và vận dụng kiến thức lý thuyết vào bài tập thực hành
- Các bài tập, thực hành đều được đánh giá, rút kinh nghiệm cho SV
- Thang điểm: 10/10

11. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số tiết	
	LT	TH
Chương I: Cơ sở văn hóa Việt Nam	6	0
I. Khái niệm		
II. Cơ sở hình thành nền văn hóa truyền thống Việt Nam		
- Nền tảng văn hóa bản địa		
- Tiếp thu văn hóa ngoại sinh		
- Quá trình định hình nền văn hóa truyền thống Việt Nam		
III. Đặc trưng văn hóa Việt Nam		
1. Đặc trưng văn hóa vật chất		
- Văn hóa sản xuất vật chất		
- Văn hóa ẩm thực		
- Văn hóa trang phục		
- Văn hóa ở và đi lại		
2. Đặc trưng văn hóa tinh thần		
- Nền tảng triết học		
- Tư tưởng và tôn giáo		
- Ngôn ngữ và học thuật		
- Nghệ thuật truyền thống		
- Giao tiếp và ứng xử		
- Tín ngưỡng và phong tục		
- Lễ tết và lễ hội		
IV. Giới thiệu các vùng văn hóa Việt Nam		
1. Vùng văn hóa Việt Bắc		
2. Vùng văn hóa Tây Bắc		
3. Vùng văn hóa Bắc Bộ		
4. Vùng văn hóa Trung Bộ		
5. Vùng văn hóa Tây Nguyên		
6. Vùng văn hóa Nam Bộ		
Chương II: Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non	9	30
I. Khái niệm		
II. Quá trình hình thành và phát triển hành vi văn hóa		
III. Nội dung giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non		
IV. Phương pháp giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non		
V. Hình thức giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non		
	15	30

* Hướng dẫn thực hiện:

- Có đầy đủ giáo trình, tài liệu chính và tài liệu tham khảo
- Sinh viên làm bài tập theo yêu cầu, khuyến khích tìm tòi, sáng tạo trong cách thể hiện

12. Cấp phê duyệt

13. Ngày phê duyệt

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non

2. Số tín chỉ: 2 (1;1)

3.Trình độ: Cao đẳng

4. Phân bố thời gian: Học kỳ 2, năm thứ ba.

- Lý thuyết: 15 tiết
- Thực hành, kiểm tra: 30 tiết

5. Điều kiện tiên quyết: Không

6. Mục tiêu học phần:

6.1. Kiến thức:

- *) Kiến thức tổng quát
 - Vận dụng phù hợp các kiến thức cơ bản về kỹ năng sống để giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non, giúp trẻ hình thành và phát triển toàn diện nhân cách, sẵn sàng vào học lớp một.
- *) Kiến thức chuyên môn
 - Nêu được những vấn đề khái quát chung về giáo dục kỹ năng sống.
 - Mô tả được quá trình hình thành kỹ năng sống cho trẻ mầm non.
 - Giải thích những nguyên tắc giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non.
 - Xác định được mục tiêu cơ bản về giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non.
 - Trình bày được nội dung, phương pháp, hình thức, các bước lập kế hoạch giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non.

6.2. Kỹ năng:

- *) Kỹ năng chuyên môn:
 - Hình thành và phát triển năng lực tư duy, giải quyết vấn đề.
 - Phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm.
 - Xác định được mục tiêu, nội dung, cách thực hiện kỹ năng sống cho trẻ phù hợp chương trình giáo dục mầm non, phù hợp chủ đề giáo dục và phù hợp độ tuổi.

- Lập được kế hoạch (giáo án) và tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho trẻ phối kết hợp các phương pháp, hình thức.

- Đánh giá được kết quả giáo dục kỹ năng sống cho trẻ.

*) Kỹ năng làm việc:

- Giao tiếp, ứng xử với trẻ một cách gần gũi, tình cảm; chân tình, cởi mở, thẳng thắn với đồng nghiệp; Gần gũi, tôn trọng và hợp tác, chia sẻ với cha mẹ trẻ và cộng đồng.

- Phân tích, đánh giá được quá trình thực hiện kỹ năng sống của trẻ.

- Có kỹ năng: Quan sát, theo dõi, trò chuyện, phân tích, đánh giá, làm việc nhóm, sử dụng các phương tiện và đồ dùng trong quá trình giáo dục kỹ năng sống cho trẻ.

6.3. Thái độ:

- Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có lòng yêu nghề, mến trẻ, tâm huyết với sự nghiệp giáo dục mầm non.

- Có thái độ cởi mở, thiện chí với phụ huynh và sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác, giúp đỡ đồng nghiệp;

- Có ý thức kỷ luật, linh hoạt, tích cực làm việc trong mọi công việc

- Thể hiện bản lĩnh, tự tin, sáng tạo, có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

- Tích cực tìm hiểu về giáo dục kỹ năng sống cho trẻ.

- Tích cực, chủ động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ.

6.4. Năng lực cần đạt:

- Môn học, học phần đóng vai trò chủ yếu đối với sự phát triển “năng lực tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề”

- + Lập kế hoạch giáo dục kỹ năng sống

- + Giáo dục kỹ năng sống thông qua các hoạt động ở trường mầm non.

- + Liên kết giữa gia đình và nhà trường, xã hội trong việc giáo dục kỹ năng sống cho trẻ.

- Môn học, học phần tạo cơ hội phát triển các năng lực như:

- + Năng lực thiết kế môi trường và sử dụng trang thiết bị, đồ dùng có hiệu quả: Lựa chọn phương tiện, đồ dùng thích hợp để giáo dục kỹ năng sống cho trẻ.

- + Năng lực tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp có chủ đề: Chủ động xây dựng kế hoạch, xác định mục tiêu và tổ chức các HĐGD theo chủ đề phù hợp với trẻ, khắc phục những hạn chế và phát huy điểm mạnh của trẻ trong các chủ đề tiếp theo,

- + Năng lực tổ chức hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ: thực hiện chế độ sinh hoạt theo quy trình khoa học nhằm đảm bảo cách hợp lý về thời gian và trình tự các hoạt động giáo dục kỹ năng sống phù hợp lứa tuổi.

- + Năng lực triển khai chương trình giáo dục mầm non: Phân tích được tình hình thực tiễn (trẻ, phụ huynh, điều kiện vùng miền ở địa phương). Trên cơ sở đó giáo viên chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục kỹ năng sống phù hợp với khả năng của trẻ.

- + Năng lực tư vấn, tham vấn: Tư vấn, tham vấn được tới các bậc phụ huynh của trẻ và các lực lượng xã hội khác (hội phụ nữ, đoàn thanh niên...) cùng tham gia vào hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ lứa tuổi mầm non.

7. Mô tả nội dung học phần:

Học phần này nhằm cung cấp cho SV mầm non những kiến thức, kỹ năng và thái độ về giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non: Khái niệm giáo dục kỹ năng sống; sự cần thiết của giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non; các nguyên tắc đưa kỹ năng sống vào thực tiễn giáo dục mầm non; Mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non. Từ đó SV biết vận dụng các kiến thức đã học để tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non

8. Nhiệm vụ của sinh viên: Dự lớp, thực hành bài tập, chuẩn bị đồ dùng học tập.

9. Tài liệu học tập

1. Những kỹ năng sống dành cho lứa tuổi mầm non, Quang Lâm, NXB Dân trí.

2. Module 39, Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo, Lê Bích Ngọc.

3. *Giáo trình chuyên đề giáo dục kỹ năng sống*, Nguyễn Thanh Bình, NXB ĐHSP, 2011.

4. *Kỹ năng giao tiếp – Bồi dưỡng cho trẻ 49 lễ nghi để trở thành người dễ mến*, Trần đại Vi – Người dịch Phạm Thanh Hương, NXGDQGHN, 2016.

5. *Kỹ năng vận động – Bồi dưỡng cho trẻ 49 phương pháp vận động rèn luyện sức khỏe*, Trần đại Vi – Người dịch Phạm Thanh Hương, NXGDQGHN, 2016.4. *Đánh giá và đo lường kết quả học tập*, Trần Thị Tuyết Oanh, NXBĐHSP, 2007.

6. *Kỹ năng vận động – Bồi dưỡng cho trẻ 49 kỹ năng sống thực tế*, Trần Đại Vi – Người dịch Phạm Thanh Hương, NXGDQGHN, 2016.4. *Đánh giá và đo lường kết quả học tập*, Trần Thị Tuyết Oanh, NXBĐHSP, 2007.

7. *Con là bé ngoan (1,2,3,4,5,6) – Để bé yêu khôn lớn, phát triển toàn diện và tự tin*, NXB Dân Trí, 2015.

8. *Dạy con từ thuở còn thơ – Phát triển kỹ năng giao tiếp*, NXB Kim Đồng, 2014

9. *Rèn kỹ năng sống cho học sinh – Kỹ năng đặt mục tiêu*, Nguyễn Khánh Hà, NXB ĐHSP, 2016,

10. *Rèn kỹ năng sống cho học sinh – Kỹ năng kiểm soát cảm xúc*, Nguyễn Khánh Hà, NXB ĐHSP, 2016,

11. *Rèn kỹ năng sống cho học sinh – Kỹ năng tư duy sáng tạo và tư duy tích cực*, Nguyễn Khánh Hà, NXB ĐHSP, 2016,

12. *Rèn kỹ năng sống cho học sinh – Kỹ năng làm chủ bản thân*, Nguyễn Khánh Hà, NXB ĐHSP, 2016,

13. *Rèn kỹ năng sống cho học sinh – Kỹ năng giao tiếp*, Nguyễn Khánh Hà, NXB ĐHSP, 2016,

14. *Rèn kỹ năng sống cho học sinh – Kỹ năng giải quyết vấn đề*, Nguyễn Khánh Hà, NXB ĐHSP, 2016,

15. *Rèn kỹ năng sống cho học sinh – Kỹ năng tự nhận thức*, Nguyễn Khánh Hà, NXB ĐHSP, 2016,

16. *Rèn kỹ năng sống cho học sinh – Kỹ năng tư duy sáng tạo và tích cực*, Nguyễn Khánh Hà, NXB ĐHSP, 2016,

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Dự lớp, thực hành bài tập đầy đủ, kiểm tra, thi học phần
- Hiểu biết và vận dụng kiến thức vào bài tập thực hành.
- Các bài tập đều được đánh giá, rút kinh nghiệm cho SV

- Thang điểm: 10/10

11. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số tiết	
	LT	TH
CHƯƠNG I: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG (2LT) I. Khái quát chung về kỹ năng sống 1. Các quan niệm về kỹ năng sống 2. Đặc điểm chung của kỹ năng sống 3. Khái niệm giáo dục kỹ năng sống II. Phân loại kỹ năng sống 1. Cách phân loại xuất phát từ lĩnh vực sức khỏe (WHO) 2. Cách phân loại của UNESCO 3. Cách phân loại của tổ chức Quỹ nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF) 4. Cách phân loại dựa trên cách phân chia các lĩnh vực học tập (Theo Bloom) 5. Giáo dục kỹ năng sống ở một số quốc gia	02	
CHƯƠNG II: QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH KỸ NĂNG SỐNG, MỤC TIÊU GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO TRẺ MẦM NON (4LT+ 6TH) I. Quá trình hình thành kỹ năng sống cho trẻ Mầm non	04	6

1.Sự phát triển thể chất và đặc điểm tâm lí ở trẻ mầm non a. Sự phát triển thể chất trẻ mầm non b. Đặc điểm tâm lí trẻ mầm non 2. Đặc điểm phát triển ngôn ngữ của trẻ 3. Từng giai đoạn giáo dục trẻ mầm non 4.Quy trình hình thành kĩ năng sống cho trẻ mầm non a. Bước 1: Quan sát b. Bước 2: Bắt chước/ tập thử c. Bước 3: Thực hành thường xuyên 5. Những điều kiện hình thành kĩ năng sống cho trẻ mầm non a. Điều kiện hình thành kĩ năng sống cho trẻ b. Biện pháp đảm bảo điều kiện hình thành kĩ năng sống cho trẻ II. Mục tiêu giáo dục kĩ năng sống cho trẻ mầm non 1. Khái niệm mục tiêu giáo dục kĩ năng sống 2.Mục tiêu chung của giáo dục kĩ năng sống 3. Mục tiêu giáo dục kĩ năng sống cho trẻ mầm non 4. Các bước xác định mục tiêu giáo dục kĩ năng sống cho trẻ MN III. Sự cần thiết phải giáo dục kĩ năng sống cho trẻ 1.Thúc đẩy sự phát triển cá nhân và xã hội 2. Là yêu cầu cấp thiết đối với thể hệ trẻ 3. Vai trò giáo dục kĩ năng sống đối với trẻ mầm non 4. Chuẩn bị kĩ năng sống cho trẻ trước khi vào lớp 1		
CHƯƠNG III: NỘI DUNG, NGUYÊN TẮC GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG CHO TRẺ MẦM NON (3LT + 6TH) I.Nội dung giáo dục kĩ năng sống cho trẻ mầm non 1. Dựa vào chương trình GDMN 2. Nhóm kĩ năng cụ thể a.Nhóm kĩ năng ý thức về bản thân b. Nhóm kĩ năng quan hệ xã hội c. Nhóm kĩ năng giao tiếp d. Nhóm kĩ năng thực hiện công việc e. Nhóm kĩ năng ứng phó với thay đổi 3. Nội dung kĩ năng dạy trẻ ở các lứa tuổi II. Nguyên tắc giáo dục kĩ năng sống cho trẻ mầm non 1.Nguyên tắc đưa kĩ năng sống vào thực tiễn giáo dục 2. Nguyên tắc giáo dục kĩ năng sống	03	06
CHƯƠNG IV: PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG CHO TRẺ MẦM NON (4LT+ 3TH) I. Phương pháp giáo dục kĩ năng sống cho trẻ mầm non 1.Nhóm phương pháp trực quan a. Phương pháp làm mẫu b. Phương pháp làm cùng c. Phương pháp làm gương 2. Nhóm phương pháp dùng lời a.Phương pháp trò chuyện b. Phương pháp giảng giải ngắn gọn 3. Nhóm phương pháp thực hành a.Phương pháp trải nghiệm b. Phương pháp trò chơi c. Phương pháp giao việc 4. Những lưu ý khi sử dụng các phương pháp giáo dục kĩ năng sống cho	04	03

trẻ mầm non II. Hình thức (hoạt động) giáo dục kĩ năng sống cho trẻ mầm non 1. Hoạt động chơi 2. Hoạt động giao tiếp 3. Hoạt động học (có chủ đích) a. Hoạt động ngôn ngữ b. Hoạt động nhận thức c. Hoạt động tạo hình d. Hoạt động âm nhạc e. Hoạt động thể dục 4. Thông qua các thời điểm sinh hoạt hàng ngày a. Đón và trả trẻ b. Điểm danh c. Trò chuyện đầu giờ d. Dạo chơi ngoài trời e. Khi cho trẻ ăn f. Khi cho trẻ ngủ g. Khi nấu ăn h. Khi đi thăm hỏi họ hàng, xóm giềng i. Thực hiện thông qua sinh hoạt chiều 5. Hoạt động lao động 6. Sử dụng các phương tiện thông thường ở trường mầm non và gia đình để GDKNS cho trẻ		
CHƯƠNG V: LẬP KẾ HOẠCH, ĐÁNH GIÁ , TỔ CHỨC GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG CHO TRẺ MẦM NON (2LT + 15 TH) I. Lập kế hoạch giáo dục kĩ năng sống cho trẻ mầm non 1. Vai trò của việc lập kế hoạch giáo dục kĩ năng sống cho trẻ 2. Căn cứ để lập kế hoạch giáo dục kĩ năng sống cho trẻ 3. Các bước lập kế hoạch giáo dục kĩ năng sống cho trẻ a. Bước 1: Xác định các kĩ năng sống cần tập cho trẻ ở từng độ tuổi b. Bước 2: Xác định thời gian giáo dục cho từng kĩ năng sống c. Bước 3: Lựa chọn những phương pháp và hình thức giáo dục d. Bước 4: Xác định các điều kiện thực hiện kĩ năng sống e. Bước 5: Xác định những hoạt động phối hợp với các bậc cha mẹ và cộng đồng để tập luyện kĩ năng sống cho trẻ f. Bước 6: Sắp xếp kế hoạch tập kĩ năng sống vào kế hoạch chăm sóc – giáo dục chung theo chủ đề II. Đánh giá giáo dục kĩ năng sống cho trẻ mầm non 1. Mục đích đánh giá giáo dục kĩ năng sống cho trẻ 2. Các hình thức đánh giá giáo dục kĩ năng sống cho trẻ a. Đánh giá quá trình b. Đánh giá kết quả c. Đánh giá lẫn nhau và tự đánh giá 3. Tiêu chí đánh giá quá trình giáo dục kĩ năng sống a. Đánh giá mục tiêu giáo dục kĩ năng sống b. Đánh giá nội dung giáo dục kĩ năng sống c. Đánh giá điều kiện giáo dục kĩ năng sống d. Đánh giá phương pháp, hình thức giáo dục kĩ năng sống e. Đánh giá kế hoạch giáo dục kĩ năng sống III. Thực hành: Soạn giáo án và tổ chức giáo dục kĩ năng sống cho trẻ mầm non	02	15

Tổng	15	30
-------------	-----------	-----------

* Hướng dẫn thực hiện

- Giáo viên có đầy đủ tài liệu (giáo trình, sách tham khảo, video GDKNS) để hướng dẫn sinh viên các vấn đề giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở trường mầm non.
- Sinh viên làm bài tập theo yêu cầu, khuyến khích tìm tòi, sáng tạo trong cách thể hiện.

12. Cấp phê duyệt

13. Ngày phê duyệt

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Phương pháp phát triển ngôn ngữ và làm quen văn học

2. Số tín chỉ: 3 (2,1)

3.Trình độ: Cao đẳng

4. Phân bố thời gian: Học kỳ 1 năm thứ hai.

- Lý thuyết: 30 tiết
- Thực hành, kiểm tra: 30 tiết

5. Điều kiện tiên quyết: Sau khi học xong các học phần đại cương (Tâm lý học đại cương; Giáo dục học đại cương; Giáo dục học mầm non; Sự học và phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non)

6. Mục tiêu học phần:

6.1. Kiến thức:

- *) Kiến thức tổng quát
 - Vận dụng phù hợp các kiến thức cơ bản để tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ và làm quen văn học, thiết kế được môi trường dạy học phù hợp với nội dung giáo dục và đối tượng trẻ mầm non.

*) Kiến thức chuyên môn

- Phân tích được những kiến thức cơ bản về nhiệm vụ, hình thức và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non. Giới thiệu khái quát về giáo dục chuẩn mực ngữ âm tiếng Việt, khái quát đặc điểm vốn từ trẻ em, các nhiệm vụ và biện pháp phát triển vốn từ, đặc trưng của việc dạy trẻ nói đúng ngữ pháp tiếng Việt. Phân tích được cách thức tiến hành cho trẻ mẫu giáo làm quen với từ, câu và chữ viết.

- Sinh viên (SV) trình bày, phân tích được vai trò, ý nghĩa của môn học đối với trẻ mầm non; đặc điểm thơ, truyện viết cho trẻ mầm non và một số đặc điểm tâm lý trẻ tuổi mầm non liên quan đến việc văn học của trẻ.

- SV mô tả được khái niệm và trình bày được cách sử dụng các phương pháp, hình thức tổ chức cho trẻ làm quen với văn học; cách thiết kế hoạt động và quá trình tổ chức thực hiện đối với từng loại bài, tiết khác nhau.

6.2. Kỹ năng:

*) Kỹ năng chuyên môn:

- Xây dựng được kế hoạch tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ và làm quen văn học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ và mục tiêu giáo dục mầm non;

- Có kỹ năng tổ chức các hoạt động học có chủ đích cho trẻ theo hướng tích hợp, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của trẻ, đảm bảo mục tiêu giáo dục của ngành Mầm non

- Sinh viên soạn được giáo án và tổ chức được hoạt động cho trẻ làm quen chữ cái, truyện, thơ, nhận biết tập nói; quan sát, nhận xét, đánh giá kết quả việc tổ chức tiết dạy trên lớp.

- Có khả năng xây dựng và tổ chức môi trường giáo dục phù hợp với điều kiện của các nhóm lớp khác nhau.

- Cập nhật và vận dụng những thành tựu khoa học giáo dục mới vào thực tiễn tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen chữ cái, truyện, thơ, nhận biết tập nói cho trẻ ở từng lứa tuổi

*) Kỹ năng làm việc:

- Giao tiếp, ứng xử với trẻ một cách gần gũi, tình cảm; chân tình, cởi mở, thẳng thắn với đồng nghiệp; Gần gũi, tôn trọng và hợp tác, chia sẻ với cha mẹ trẻ và cộng đồng.

- Phân tích, đánh giá được hiệu quả công việc của đồng nghiệp và bản thân, điều chỉnh kế hoạch giáo dục phù hợp đặc điểm phát triển của trẻ.

- Có kỹ năng: Quan sát, theo dõi, trò chuyện, phân tích kết quả đạt được của trẻ trong các hoạt động, trao đổi với phụ huynh; Sử dụng một số bài tập, tình huống để khảo sát, đánh giá trẻ.

6.3. Thái độ:

- Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của nhà nước;

- Tuyệt đối phục tùng sự phân công, điều động của tổ chức;

- Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có lòng yêu nghề, mến trẻ, tâm huyết với sự nghiệp giáo dục mầm non.

- Có thái độ cởi mở, thiện chí với phụ huynh và sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác, giúp đỡ đồng nghiệp;

- Có ý thức kỷ luật, linh hoạt, tích cực làm việc trong mọi công việc

- Thể hiện bản lĩnh, tự tin, sáng tạo, có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

- Nêu cao tinh thần đoàn kết trong tập thể sư phạm

6.4. Năng lực cần đạt:

- Môn học, học phần đóng vai trò chủ yếu đối với sự phát triển năng lực tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề:

+ Chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục tích hợp theo chủ đề, theo lứa tuổi, thể hiện rõ mục tiêu, nội dung tích hợp theo chủ đề nhằm kích thích trẻ hợp tác cùng nhau, chia sẻ và giao lưu, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của trẻ.

+ Triển khai thực hiện được các hoạt động giáo dục phát triển ngôn ngữ và làm quen văn học theo hướng tích hợp có chủ đề; Ngôn ngữ trong sáng, khúc triết, lời nói hấp dẫn, truyền cảm trong quá trình tổ chức các hoạt động.

Xử lý được các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức các hoạt động.

+Xác định được điểm mạnh, điểm hạn chế trong quá trình tổ chức hoạt động giáo dục giáo dục phát triển ngôn ngữ và làm quen văn học theo hướng tích hợp có chủ đề của giáo viên

Đánh giá được kết quả hoạt động của trẻ

- Môn học, học phần tạo cơ hội phát triển các năng lực như:

+ Năng lực phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non: Xác định rõ mục tiêu, nội dung chương trình giáo dục mầm non ở các độ tuổi để lập kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục và đánh giá việc thực hiện chương trình. Phân tích được tình hình thực tiễn (trẻ, phụ huynh, điều kiện vùng miền ở địa phương). Trên cơ sở đó giáo viên chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục cho phù hợp với khả năng của trẻ.

+ Năng lực tổ chức hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ: Lồng ghép, tích hợp các hoạt động vệ sinh dinh dưỡng cho trẻ thông qua hoạt động phát triển ngôn ngữ và làm quen văn học.

+ Năng lực thiết kế môi trường và sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học: Sắp xếp, trưng bày đồ dùng đồ chơi theo chủ đề dạy học, sử dụng trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi có hiệu quả

+ Năng lực đánh giá: đánh giá cơ sở vật chất của trường; đánh giá bản thân, đồng nghiệp trong quá trình thực hiện; đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non.

+ Năng lực nghiên cứu khoa học: Dựa trên nhu cầu thực tế hoặc định hướng của nhà trường, giáo viên viên xác định được vấn đề cần nghiên cứu phù hợp với bản thân và có tính mới, độc đáo. Từ đó xác định được mục đích, phạm vi nghiên cứu...

+ Năng lực tư vấn, tham vấn: Tư vấn cho nhà trường, gia đình, đồng nghiệp trong việc thiết kế tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho phù hợp với điều kiện thực tế.

7. Mô tả nội dung học phần:

Phần I: *Phương pháp phát triển ngôn ngữ* trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về nhiệm vụ, hình thức phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non. Hướng dẫn cách thức tiến hành cho trẻ mẫu giáo làm quen với từ, câu và chữ viết.

Phần II: *Phương pháp cho trẻ LQ văn học* cung cấp cho sinh viên một số kiến thức về vai trò của môn học đối với trẻ mầm non; Các phương pháp, hình thức cho trẻ làm quen với thơ, truyện. Cách sử dụng thơ, truyện trong tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp cho trẻ trong trường mầm non.

Phần thực hành rèn cho sinh viên kỹ năng soạn giáo án và tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen chữ cái, truyện, thơ, nhận biết tập nói; Quan sát, nhận xét, đánh giá kết quả việc tổ chức tiết dạy trên lớp

8. Nhiệm vụ của sinh viên: Dự lớp, thực hành bài tập, chuẩn bị đồ dùng học tập.

9. Tài liệu học tập

- *Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non* - Tác giả: Đinh Hồng Thái (Chủ biên), Trần Thị Mai - NXBGD, 2009.

- *Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học* – Lê Thị Bắc Lý, Lê Thị Ánh Tuyết - NXBGD 2008.

- *Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non* - Tác giả: Lê Thị Kim Anh: Đại học Sư phạm Hà Nội, 1999.

- *Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học* – Nguyễn Thị Tuyết Nhung. Phạm Thị Việt - NXB ĐHQG Hà nội 2002

- *Văn học và phương pháp cho trẻ tiếp xúc với văn học* – Phạm Thị Việt, Lê Ánh Tuyết, Cao Đức Tiến - NXBGD 1996.

- *Phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với văn học* – Lê Ánh Tuyết, Phạm Thị Việt, Đặng Thu Quỳnh - NXBGD 1998.

- *Chương trình chăm sóc, giáo dục trẻ nhà trẻ 3 - 36 tháng* - Nhiều tác giả - Bộ GD và ĐT, Dự án đổi mới chương trình và sách giáo khoa - NXB Hà Nội 2004.

- *Hướng dẫn thực hiện đổi mới hình thức tổ chức hoạt động giáo dục- trẻ 3 - 4 tuổi; 4 - 5 tuổi; 5 - 6 tuổi* – Nhiều tác giả - NXBGD 2005.

- "*Tuyển chọn trò chơi, bài hát, thơ ca, truyện, câu đố theo chủ đề*" - Tiến sĩ Lê Thu Hương (chủ biên) - Trẻ 3 - 36 tháng và trẻ 5 - 6 tuổi - NXBGD 2008.

- "*Tuyển chọn trò chơi, bài hát, thơ ca, truyện, câu đố theo chủ đề*" - Viện chiến lược và chương trình giáo dục - Trẻ 3 - 4 tuổi - NXBGD 2008.

- "*Tuyển chọn trò chơi, bài hát, thơ ca, truyện, câu đố theo chủ đề*" - Viện chiến lược và chương trình giáo dục - Trẻ 4 - 5 tuổi - NXBGD 2008.

- Giáo án mầm non - Hoạt động làm quen văn học - Tác giả Đồng Thanh Quang, Nguyễn Thị Mĩ Ngọc - NXB Hà Nội, 2009.

- Giáo án mầm non - Hoạt động làm quen chữ viết - Tác giả Hồ Quang Minh, Trịnh Thị Thanh Hoa - NXB Hà Nội, 2009

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Dự lớp, thực hành bài tập đầy đủ, kiểm tra, thi học phần

- Hiểu biết và vận dụng kiến thức lý thuyết vào bài tập thực hành và hoạt động trải nghiệm.
- Các bài tập, thực hành đều được đánh giá, rút kinh nghiệm cho SV
- Thang điểm: 10/10

11. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số tiết	
	LT	TH
Phần I: PP PTNN cho trẻ mầm non	15	15
<i>Chương I: Nhiệm vụ, hình thức và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ.</i> I. Các nhiệm vụ phát triển ngôn ngữ trẻ em 1. Giáo dục chuẩn mực ngữ âm tiếng việt 2. Hình thành và phát triển vốn từ cho trẻ 3. Dạy trẻ các mẫu câu tiếng việt 4. Phát triển lời nói mạch lạc 5. Chuẩn bị cho trẻ đọc, viết ở trường phổ thông 6. Phát triển lời nói nghệ thuật thông qua việc cho trẻ tiếp xúc với thơ, truyện 7. Giáo dục tình yêu đối với tiếng mẹ đẻ và phân hóa giao tiếp ngôn ngữ II. Các phương pháp, phát triển ngôn ngữ trẻ em 1. Phương pháp dùng trực quan 2. Phương pháp dùng lời nói 3. Phương pháp thực hành 4. Phương pháp trò chơi III. Các hình thức phát triển ngôn ngữ trẻ em 1. Phát triển ngôn ngữ trong giờ học 2. Phát triển ngôn ngữ cho trẻ ở các hoạt động khác	3	
<i>Chương II: Giáo dục chuẩn mực ngữ âm tiếng Việt</i> I – Khái niệm về giáo dục chuẩn mực ngữ âm tiếng việt II. Các nhiệm vụ giáo dục chuẩn mực ngữ âm 1. Rèn luyện khả năng nghe lời nói 2. Rèn luyện khả năng phát âm 3. Hoàn thiện chuẩn mực chính âm 4. Rèn luyện ngữ điệu của lời nói 5. Sửa các lỗi phát âm của trẻ III. Các nội dung và biện pháp giáo dục chuẩn mực ngữ âm 1. Giai đoạn 1 : (Trẻ từ 18 tháng- 3 tuổi) 2. Giai đoạn 2: (Trẻ từ 3 – 5 tuổi) 3. Giai đoạn 3 : (Trẻ 5 – 6 tuổi) IV. Các hình thức rèn luyện ngữ âm cho trẻ ở trường mầm non 1. Tiết học rèn luyện ngữ âm 2. Đưa việc rèn luyện ngữ âm vào nội dung các tiết học phát triển lời nói 3. Đưa các phần rèn luyện ngữ âm vào tiết học âm nhạc 4. Công việc ngoài tiết học	3	
<i>Chương III: Hình thành và phát triển vốn từ cho trẻ</i> I. Đặc điểm vốn từ của trẻ em 1. Vốn từ xét về mặt số lượng 2. Vốn từ xét về mặt cơ cấu từ loại 3. Khả năng hiểu nghĩa từ của trẻ tuổi mầm non 4. Khái niệm vốn từ tích cực và thụ động	3	3

5. Đặc trưng của việc lĩnh hội vốn từ của trẻ em II. Các nhiệm vụ hình thành vốn từ cho trẻ mầm non 1. Tích lũy số lượng từ 2. Cơ cấu từ loại trong vốn từ 3. Giúp trẻ lĩnh hội ý nghĩa của từ 4. Tích cực hóa vốn từ cho trẻ III. Các biện pháp phát triển vốn từ cho trẻ 1. Phát triển vốn từ cho trẻ qua hướng dẫn trẻ quan sát sự vật hiện tượng 2. Sử dụng đồ chơi để phát triển vốn từ 3. Sử dụng các trò chơi học tập 4. Các biện pháp dùng lời * Một số ví dụ giờ học phát triển vốn từ (Tự đọc tài liệu) VI. Thực hành dạy phát triển vốn từ cho trẻ.		
Chương IV: Dạy trẻ sử dụng mẫu câu tiếng Việt I. Đặc trưng của việc dạy trẻ nói đúng ngữ pháp tiếng việt: 1. Dạy ngữ pháp tiếng việt cho trẻ mầm non là dạy các mô hình câu 2. Cần dạy trẻ mô hình câu từ đơn giản đến phức tạp 3. Dạy ngữ pháp cho trẻ mầm non là dạy thực hành II. Những đặc điểm ngữ pháp trong lời nói của trẻ 1. Lời nói của trẻ từ 1 – 3 tuổi 2. Lời nói của trẻ từ 3 – 4 tuổi 3. Lời nói của trẻ từ 4 – 6 tuổi III. Nội dung dạy trẻ đặt câu 1. Dạy đặt câu cho trẻ 1 – 3 tuổi 2. Đặt câu cho trẻ 3 - 4 tuổi 3. Đặt câu cho trẻ 5 – 6 tuổi IV. Phương pháp dạy trẻ đặt câu 1. Cô sử dụng lời nói mẫu 2. Đàm thoại 3. Sử dụng hệ thống câu hỏi 4. Có thể sử dụng biện pháp soạn lại văn bản 5. Cho trẻ được thực hành giao tiếp, kể chuyện 6. Phát hiện lỗi sai và sửa lỗi cho trẻ	3	
Chương V: Chuẩn bị cho trẻ học tiếng Việt ở trường Tiểu học I. Cho trẻ làm quen với từ 1. Biểu tượng về từ và nghĩa của từ 2. Làm quen với cấu trúc tiếng 3. Làm quen với cấu trúc âm thanh của từ II. Cho trẻ làm quen với câu 1. Hình thành biểu tượng về câu 2. Làm quen với thành phần của câu III. Cho trẻ làm quen với chữ viết 1. Nội dung 2. Phương pháp dạy làm quen với chữ viết a. Giới thiệu chương trình dạy trẻ làm quen với chữ cái b. Phương pháp dạy trẻ làm quen với chữ cái mới 3. Cấu trúc giáo án cho trẻ làm quen với chữ cái IV. Thực hành: 1. Soạn giáo án cho trẻ làm quen chữ cái. 2. Thực hành tập dạy trẻ làm quen chữ cái.	3	12

Phần II: PP cho trẻ LQ TPVH	15	15
<i>Chương I: Những vấn đề chung</i> I. Đặc điểm của truyện, thơ viết cho trẻ em lứa tuổi mầm non 1. Sự hồn nhiên, ngây thơ 2. Sự ngắn gọn, rõ ràng 3. giàu hình ảnh, vần điệu, nhạc điệu 4. Ngôn ngữ chọn lọc, trong sáng, dễ hiểu 5. Yếu tố truyện trong thơ và yếu tố thơ trong truyện 6. Ý nghĩa giáo dục nhẹ nhàng mà sâu lắng II. Vai trò của văn học đối với sự phát triển của trẻ thơ 1. Vai trò của văn học đối với việc giáo dục thẩm mỹ cho trẻ lứa tuổi mầm non 2. Vai trò của văn học đối với việc giáo dục lòng nhân ái cho trẻ thơ 3. Vai trò của văn học đối với việc mở rộng và nâng cao nhận thức cho trẻ em lứa tuổi mầm non 4. Vai trò của văn học đối với việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ em lứa tuổi mầm non. III. Một số đặc điểm tâm lí của trẻ em lứa tuổi mầm non liên quan đến việc tiếp nhận tác phẩm văn học. 1. Trẻ em lứa tuổi mầm non giàu xúc cảm và tình cảm 2. Trí tưởng tượng phong phú, bay bổng 3. Tư duy trực quan hình tượng	3	
<i>Chương II: Các phương pháp và hình thức cho trẻ làm quen với thơ, truyện</i> <i>A. Các phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học</i> I. Phương pháp trực quan II. Phương pháp dùng lời nói III. Phương pháp thực hành <i>B. Các hình thức cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học</i> I. Cho trẻ làm quen với văn học trong tiết học. II. Cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học qua các hoạt động ngoài giờ. <i>C. Thực hành:</i> 1 Tập đọc, kể TPVH kết hợp sử dụng đồ dùng trực quan, đàm thoại, giảng giải, giúp trẻ hiểu TPVH 2. Luyện tập đóng kịch theo nội dung câu truyện trong chương trình	6	3
<i>Chương III: Tổ chức hoạt động cho trẻ LQ với thơ, truyện</i> I. Thiết kế hoạt động cho trẻ làm quen với văn học 1. Cấu trúc giáo án 2. Phân tích các giáo án mẫu II. Thực hành 1. Kiến tập giờ dạy truyện, thơ (qua băng đĩa hoặc xây dựng tiết mẫu) 2. Tổ chức thực hành tập giảng tiết dạy truyện, thơ.	6	12
Tổng cộng	30	30

12. Cấp phê duyệt

13. Ngày phê duyệt

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Vệ sinh dinh dưỡng

2. Số tín chỉ: 2 (1,1)

3.Trình độ: Cao đẳng

4. Phân bố thời gian: Học kỳ 2 năm thứ nhất

- Lý thuyết: 15 tiết

- Thực hành, kiểm tra: 30 tiết

5. Điều kiện tiên quyết: Bộ môn này học sau môn: Sự phát triển thể chất trẻ em theo lứa tuổi MN, làm đồ chơi, kỹ năng giao tiếp, công nghệ thông tin, nguyên lý cơ bản CNMLN

6. Mục tiêu học phần:

6.1. Kiến thức:

*) Kiến thức tổng quát

- Nhận thức những kiến thức cơ bản về vệ sinh môi trường sống của trẻ ở trường mầm non, các biện pháp vệ sinh môi trường sống của trẻ và vệ sinh chăm sóc trẻ hàng ngày

- Hiểu rõ những kiến thức khoa học về dinh dưỡng và tầm quan trọng của dinh dưỡng đối với cơ thể người trong đời sống hàng ngày .

*) Kiến thức chuyên môn

- Phân tích những yêu cầu về vệ sinh môi trường sống và thực hiện các yêu cầu vệ sinh ở trường mầm non. Vệ sinh chăm sóc trẻ tuổi nhà trẻ, mẫu giáo

- Nhận thức rõ những kiến thức cơ bản về dinh dưỡng và tầm quan trọng của dinh dưỡng hợp lý đối với trẻ mầm non.

- Mô tả các khái niệm về dinh dưỡng, dinh dưỡng hợp lý và vai trò của dinh dưỡng đối với sự phát triển cơ thể. Hiểu rõ nguồn cung cấp năng lượng, hậu quả của việc cung cấp thiếu - thừa năng lượng đối với trẻ mầm non.

- Phân tích được các chất dinh dưỡng cần thiết đối cơ thể: Prôtein, Li pít, Gluxít, vitamin, các chất khoáng và vai trò, nguồn gốc, nhu cầu của chúng đối với cơ thể con người, đặc biệt là trẻ em.

- Phân tích được nguyên tắc chung về dinh dưỡng trẻ em dưới một tuổi và chế độ dinh dưỡng hàng ngày của trẻ.

6.2. Kỹ năng:

*) Kỹ năng chuyên môn:

- Kỹ năng xây dựng thực đơn và tính khẩu phần ăn cân đối cho trẻ ở trường MN

- Có khả năng lựa chọn thực phẩm tươi ngon đảm bảo chất lượng, sơ chế và chế biến các món ăn cho trẻ thành thạo.

- Có khả năng làm và lựa chọn đồ dùng đồ chơi phục vụ cho việc tổ chức vệ sinh nấu ăn cho trẻ ở trường mầm non.

*) Kỹ năng làm việc:

- Phát triển kỹ năng làm việc nhóm trong các buổi thực hành

- Kỹ năng tổ chức nấu ăn cho trẻ theo thực đơn

- Biết nhận xét và đánh giá sản phẩm khi tổ chức thực hành.

- Có kỹ năng giao tiếp với trẻ khi tổ chức các hoạt động vệ sinh, tổ chức giờ ăn

- Xây dựng mối quan hệ thân thiện với trẻ, bạn bè, giáo viên

6.3. Thái độ:

- Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có lòng yêu nghề, mến trẻ, tâm huyết với sự nghiệp giáo dục mầm non.

- Có thái độ cởi mở, thiện chí với phụ huynh và sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác, giúp đỡ bạn bè

- Có ý thức kỷ luật, linh hoạt, tích cực làm việc trong mọi công việc

- Thể hiện bản lĩnh, tự tin, sáng tạo, có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

6.4. Năng lực cần đạt:

- Thông qua môn học phát triển năng lực

+ Tổ chức giáo dục vệ sinh cá nhân cho trẻ mầm non trong các hoạt động hàng ngày : Ăn , ngủ , chơi...

+ Lựa chọn thực phẩm sạch sẵn có ở địa phương đưa vào bảng thực đơn phù hợp theo mùa : Đông- hè

+ Xây dựng thực đơn và tính khẩu phần ăn cân đối phù hợp với điều kiện kinh tế của địa phương

+ Đánh giá được tình trạng dinh dưỡng ở trẻ em qua biểu đồ tăng trưởng

7. Mô tả nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về vệ sinh: vệ sinh môi trường (môi trường không khí; vệ sinh nguồn nước; vệ sinh mặt đất và các chất thải). Vệ sinh chăm sóc trẻ (vệ sinh thân thể; vệ sinh trang phục); Vệ sinh cô nuôi dạy trẻ và cô mẫu giáo; giáo dục thói quen vệ sinh văn minh cho trẻ. Nhờ các kĩ năng này người học thể nâng cao năng lực để vận dụng các kĩ năng này vào trong quá trình chăm sóc vệ sinh cho trẻ ở trường mầm non

Những kiến thức cơ bản về dinh dưỡng: Khái niệm về dinh dưỡng và vai trò của các chất dinh dưỡng đối với sự phát triển của cơ thể; Xây dựng và cân đối khẩu phần ăn và thực đơn; Vệ sinh an toàn thực phẩm; Cách chế biến các món ăn thông thường cho trẻ mầm non; Cách tổ chức cho trẻ ăn uống hợp lý; Đánh giá tình trạng dinh dưỡng ở trẻ em

8. Nhiệm vụ của sinh viên: Dự lớp, thực hành bài tập, chuẩn bị đồ dùng học tập.

9. Tài liệu học tập

- Giáo trình *Vệ sinh dinh dưỡng* – Tác giả: Nguyễn Thị Mai Hoa ,Trần Văn Dân

– NXB GD HN

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Dự lớp, thực hành bài tập đầy đủ, kiểm tra, thi giữa kỳ, thi học phần

- Hiểu biết và vận dụng kiến thức vào bài tập thực hành.

- SV Thể hiện kỹ năng vệ sinh chăm sóc trẻ, tổ chức nấu ăn ngon và khoa học

- ## 11. Nội dung chi tiết học phần

11. Nội dung chi tiết học phần

358

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Kiến tập sư phạm

2. Số tín chỉ: 1(0,1).

3.Trình độ: Cao đẳng

4. Phân bố thời gian: Học kỳ 1 năm thứ hai

- Lý thuyết: 0 tiết
- Thực hành, kiểm tra: 30 tiết

5. Điều kiện tiên quyết: Bộ môn này học sau môn học: Giáo dục học mầm non

6. Mục tiêu học phần:

6.1. Kiến thức:

6.1. Mục tiêu tổng quát.

Người học xác định được vai trò, chức năng, nhiệm vụ của người giáo viên mầm non; tìm hiểu cơ sở giáo dục mầm non, tìm hiểu việc xây dựng kế hoạch và tổ chức một số hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ; phát triển kỹ năng làm việc theo nhóm; có thái độ tích cực, chủ động trong học tập và giao tiếp để đáp ứng tốt hơn cho công việc của mình.

6.2. Mục tiêu cụ thể.

* Kiến thức.

- Có hiểu biết chung về ngành GDMN, về hệ thống cơ sở GDMN, chương trình và tổ chức thực hiện chương trình chăm sóc, giáo dục trẻ ở lứa tuổi mầm non.

- Sinh viên nhận thức được vai trò, chức năng, nhiệm vụ của người giáo viên mầm non.

* Kỹ năng.

- Giao tiếp, ứng xử với cán bộ, giáo viên trường mầm non, với trẻ, với cha mẹ trẻ.

- Đánh giá hoạt động dự giờ.

- Làm đồ dùng đồ chơi phục vụ tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ.

* Năng lực tự chủ và trách nhiệm.

- Thực hiện được trách nhiệm của bản thân trong thực hiện nhiệm vụ kiến tập chuyên môn, nghiệp vụ GVMN.

- Định hướng đúng về nghề đã lựa chọn; bồi dưỡng tình cảm yêu nghề, thúc đẩy quá trình tự học, tự nghiên cứu rèn luyện tay nghề; tích cực tham gia làm việc nhóm.

7. Mô tả nội dung học phần:

Sinh viên được tham quan, dự giờ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ ở trường mầm non và tập tổ chức một số hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

8. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Sinh viên phải tham gia tối thiểu 80% thời gian quy định của đợt kiến tập sư phạm, thực hiện đúng quy định của trường mầm non.

- Tự nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung kiến tập theo sự hướng dẫn của giảng viên trường Cao đẳng Sơn La và giáo viên trường mầm non.

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

- Thực hiện đầy đủ nội dung thực tập sư phạm.

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người hướng dẫn kiến tập sư phạm. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình kiến tập sư phạm đều bị nghiêm cấm.

9. Tài liệu học tập

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Chương trình giáo dục mầm non (Số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 về Thông tư ban hành Chương trình giáo dục mầm non).

[2] Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết (Đồng chủ biên) (2015), Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non: Nhà trẻ 3-36 tháng, Nxb Giáo dục Việt Nam.

[3] Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết (Đồng chủ biên) (2011), Hướng dẫn tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non: Mẫu giáo bé (3-4 tuổi), Nxb Giáo dục Việt Nam.

[4] Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết (Đồng chủ biên) (2011), Hướng dẫn tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non: Mẫu giáo nhỡ (4-5 tuổi), Nxb Giáo dục Việt Nam.

[5] Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết (Đồng chủ biên) (2015), Hướng dẫn tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non: Mẫu giáo lớn (5-6 tuổi), Nxb Giáo dục Việt Nam.

10. Đánh giá học phần .

Đánh giá hoạt động Kiến tập sư phạm được quy định cụ thể trong Kế hoạch kiến tập sư phạm của Trường Cao đẳng Sơn La.

11. Nội dung chi tiết môn học.

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy học
30 tiết (0 LT; 30 TH)	1. Tìm hiểu thực tiễn giáo dục. - Nghe đại diện Ban giám hiệu trường mầm non báo cáo về tình hình giáo dục của nhà trường (tình hình chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng trẻ). - Tìm hiểu các hoạt động của trường mầm non, chức năng nhiệm vụ của cô giáo mầm non, đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho hoạt động giáo dục, chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ. - Tìm hiểu nội dung, yêu cầu và việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non. 2. Tìm hiểu về công tác tổ chức, quản lý các trẻ trong một lớp. - Tìm hiểu về chế độ sinh hoạt hàng ngày của trẻ theo các độ tuổi, việc lập kế hoạch theo dõi trẻ,	CLO1,2,3,4,5	- Giải quyết vấn đề. - Học theo tình huống. - Dự giờ. - Thảo luận. - Học nhóm. - Bài tập.

	nắm tình hình nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ ở độ tuổi nhà trẻ và mẫu giáo. - Quan sát các công việc của người giáo viên trong một ngày ở độ tuổi nhà trẻ (đón trẻ; chơi - tập; ăn ngủ; vệ sinh; chơi/trả trẻ) và ở độ tuổi mẫu giáo (đón trẻ, chơi, thể dục buổi sáng; hoạt động học; chơi, hoạt động ở các góc; chơi, hoạt động ngoài trời; tổ chức ăn, ngủ, vệ sinh; chơi, hoạt động theo ý thích; trả trẻ). - Tập làm các công tác tổ chức quản lý các cháu trong một lớp ở nhóm/lớp sinh viên thực tập. 3. Tìm hiểu công tác nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe cho trẻ. - Tham quan, tìm hiểu cơ sở vật chất phục vụ cho công tác chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ. - Làm quen với các hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe: Tổ chức ăn, tổ chức ngủ, vệ sinh, chăm sóc sức khỏe và an toàn. - Tập tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe: Tổ chức bữa ăn, tổ chức ngủ, vệ sinh trẻ, vệ sinh môi trường. 4. Tìm hiểu công tác giáo dục trẻ. - Vận dụng kiến thức các môn học ở trường sư phạm để tìm hiểu chương trình chăm sóc, giáo dục trẻ ở lứa tuổi mầm non. - Làm quen với các hoạt động giáo dục trong tất cả các lĩnh vực ở độ tuổi nhà trẻ và mẫu giáo. - Dự một số hoạt động giáo dục ở các độ tuổi nhà trẻ, mẫu giáo: + 01 buổi thể dục sáng. + 05 tiết dạy hoạt động học. + 01 hoạt động ngoài trời. + 01 hoạt động với đồ vật. + 01 hoạt động góc. - Tập làm một số loại đồ dùng phục vụ hoạt động giáo dục trẻ. - Bước đầu thực hiện phối hợp công tác giữa cô với trẻ - cha mẹ - trường mầm non trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.		
--	--	--	--

*** Hướng dẫn thực hiện**

- Giáo viên xây dựng đề cương đủ số tiết theo qui định của chương trình
- Chuẩn bị đầy đủ đồ điều kiện và phương tiện dạy học theo yêu cầu bài học.
- Sinh viên theo dõi đề cương chi tiết chuẩn bị bài và thực hiện làm bài tập theo yêu cầu

12. Cấp phê duyệt

13. Ngày phê duyệt

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG
Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

- 1. Tên học phần:** Thực hành hoạt động giáo dục nuôi dưỡng
- 2. Số tín chỉ:** 2 (0;2)
- 3.Trình độ:** Cao đẳng
- 4. Phân bố thời gian:** Học kỳ 1 năm thứ ba.
 - Lý thuyết: 0
 - Thực hành, kiểm tra: 60 tiết
- 5. Điều kiện tiên quyết:** Sau khi học xong môn Vệ sinh dinh dưỡng
- 6. Mục tiêu học phần:**
 - 6.1. Kiến thức:**
 - * Kiến thức tổng quát
 - Vận dụng phù hợp các kiến thức cơ bản để tổ chức hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng trẻ mầm non.
 - * Kiến thức chuyên môn
 - Mô tả, phân tích được chế độ sinh hoạt hàng ngày của trẻ em theo từng nhóm tuổi
 - Trình bày và phân tích được quá trình tổ chức các hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng trẻ (ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân...)
 - Đánh giá được hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ mầm non.
 - 6.2. Kỹ năng:**
 - * Kỹ năng chuyên môn
 - Có kỹ năng xây dựng thực đơn, tính khẩu phần.
 - Lập được kế hoạch nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ (năm tháng, tuần và ngày) đúng quy định;
 - Có khả năng tổ chức được các hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng trẻ mầm non (tổ chức ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân, vệ sinh nhóm lớp)
 - * Kỹ năng làm việc
 - Giao tiếp, ứng xử với trẻ một cách gần gũi, tình cảm; chân tình, cởi mở, thẳng thắn với đồng nghiệp; Gần gũi, tôn trọng và hợp tác, chia sẻ với cha mẹ trẻ và cộng đồng.

- Phân tích, đánh giá được quá trình tổ chức chăm sóc nuôi dưỡng trẻ mầm non của bản thân và đồng nghiệp
- Có kỹ năng: Quan sát, giao tiếp với trẻ trong các hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng và đánh giá trẻ.

6.3. Thái độ:

- Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có lòng yêu nghề, mến trẻ, tâm huyết với sự nghiệp giáo dục mầm non.
- Có thái độ cởi mở, thiện chí với phụ huynh và sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác, giúp đỡ đồng nghiệp;
- Có ý thức kỷ luật, Linh hoạt, tích cực làm việc trong mọi công việc
- Thể hiện bản lĩnh, tự tin, sáng tạo, có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

6.4. Năng lực cần đạt:

- Môn học, học phần đóng vai trò chủ yếu đối với sự phát triển Năng lực tổ chức hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ mầm non
 - + Thực hiện chế độ sinh hoạt theo quy trình khoa học nhằm đảm bảo một cách hợp lý, đúng đắn về thời gian và trình tự các hoạt động giữa vận động và nghỉ ngơi của trẻ theo từng lứa tuổi trong một ngày ở trường mầm non.
 - + Thực hiện vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và các kỹ năng tự phục vụ cho trẻ; Tổ chức bữa ăn đảm bảo dinh dưỡng, an toàn thực phẩm.
 - + Nhận biết và làm quen với các loại thực phẩm và cách chế biến, cách phân loại và thay thế các loại thực phẩm.
 - + Biết xây dựng thực đơn cho trẻ phù hợp với đặc điểm và điều kiện kinh tế của địa phương. Thiết kế khẩu phần ăn cân đối các chất dinh dưỡng phù hợp với từng nhóm trẻ.
 - + Thông qua các công việc đơn giản tự phục vụ, bước đầu biết bảo vệ và chăm sóc các bộ phận và giác quan trên cơ thể
 - Môn học, học phần tạo cơ hội phát triển các năng lực như:
 - + Năng lực triển khai chương trình giáo dục mầm non: Phân tích được tình hình thực tiễn (trẻ, phụ huynh, điều kiện vùng miền ở địa phương). Trên cơ sở đó giáo viên chủ động xây dựng kế hoạch chăm sóc dinh dưỡng phù hợp
 - + Năng lực tư vấn, tham vấn: Biết tư vấn, tham vấn tới các bậc phụ huynh của trẻ về khoa học nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ theo từng lứa tuổi thông qua góc tuyên truyền, hội thi, trao đổi trực tiếp với phụ huynh trẻ...Biết tư vấn, tham vấn nhằm thu hút các lực lượng xã hội khác (hội phụ nữ, đoàn thanh niên...) cùng tham gia vào hoạt động chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ lứa tuổi mầm non

7. Mô tả nội dung học phần:

Tổ chức thực hành các hoạt động giáo dục vệ sinh (vệ sinh cá nhân trẻ, vệ sinh môi trường) và nuôi dưỡng (Xây dựng thực đơn, tính khẩu phần, chế biến món ăn cho trẻ, tổ chức bữa ăn cho trẻ theo từng lứa tuổi) ở trường mầm non. Tham gia thảo luận, xêmina, làm các bài tập thực hành theo chương trình nhằm rèn kỹ năng chăm sóc trẻ theo hướng phát triển năng lực

8. Nhiệm vụ của sinh viên: Thực hành xây dựng thực đơn, tính khẩu phần ăn cho trẻ ở từng lứa tuổi, chế biến một số món ăn cho trẻ. Chuẩn bị giáo án đồ dùng để tổ chức thực hành vệ sinh chăm sóc trẻ, vệ sinh phòng nhóm trẻ.

9. Tài liệu học tập

- Giáo trình *Vệ sinh dinh dưỡng* Tác giả: Lê Thị Mai Hoa – NXB Giáo dục

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu, các đồ dùng học tập theo yêu cầu của GV bộ môn.
- Tham gia đầy đủ các giờ học trên lớp
- Thực hiện soạn giáo án, thực hành thao tác vệ sinh cá nhân trẻ, làm bài tập xây dựng thực đơn và tính khẩu phần đầy đủ.
- Các bài tập, bài thực hành đều được đánh giá, rút kinh nghiệm cho SV
- Thang điểm: 10/10

11. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số tiết	
	LT	TH
Chương I: Thực hành xây dựng thực đơn và khẩu phần I. Xây dựng thực đơn (4T) II. Tính khẩu phần (16T) III. Thực hành chế biến món ăn cho trẻ mầm non(8T)	0	28
Chương II: Thực hành tổ chức các hoạt động vệ sinh chăm sóc trẻ. I. Thực hành soạn giáo án vệ sinh chăm sóc trẻ,vệ sinh phòng, nhóm trẻ (4T) 1. Giáo án tổ chức giờ ăn 2. Giáo án tổ chức giờ ngủ 3. Giáo án vệ sinh rửa mặt cho trẻ. 4. Giáo án vệ sinh rửa tay 5. Giáo án vệ sinh hậu môn cho trẻ 6. Giáo án lau nhà II. Thực hành các thao tác vệ sinh chăm sóc trẻ.(24T) 1. Tổ chức giờ ăn 2. Tổ chức giờ ngủ 3. Tổ chức vệ sinh rửa mặt cho trẻ. 4. Tổ chức vệ sinh rửa tay 5. Tổ chức vệ sinh hậu môn cho trẻ III. Thực hành thao tác vệ sinh phòng, nhóm trẻ(4T) 1. Lau nền nhà.	0	32
Tổng	0	60

12. Cấp phê duyệt

13. Ngày phê duyệt

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Thực hành hoạt động dạy học

2. Số tín chỉ: 3 (0;3)

3.Trình độ: Cao đẳng

4. Phân bố thời gian: Học kỳ 4

- Lý thuyết: 0 tiết

- Thực hành, kiểm tra: 90 tiết

5. Điều kiện tiên quyết: Sau khi học xong các học phần đại cương (Tâm lý học đại cương; Giáo dục học đại cương; Giáo dục học mầm non; Sự học và phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non) và một số môn phương pháp (Phương pháp giáo dục thể chất, Phương pháp phát triển ngôn ngữ và làm quen văn học...)

6. Mục tiêu học phần:

6.1. Kiến thức:

*) Kiến thức tổng quát

- Vận dụng phù hợp các kiến thức cơ bản để thiết kế được bài dạy và tổ chức hoạt động dạy học cho trẻ mầm non theo các lĩnh vực phát triển

*) Kiến thức chuyên môn

- Trình bày, phân tích được cấu trúc giáo án theo từng lĩnh vực phát triển

- Lập được kế hoạch (soạn giáo án) cho trẻ mầm non ở từng lĩnh vực phát triển theo hướng tích hợp có chủ đề

- Tổ chức được hoạt động dạy trẻ học ở từng lĩnh vực phát triển theo hướng tích hợp có chủ đề

6.2. Kỹ năng:

*) Kỹ năng chuyên môn:

- Thiết kế được bài dạy cho trẻ ở từng lĩnh vực phát triển theo hướng tích hợp chủ đề

- Xây dựng môi trường, làm đồ dùng và sử dụng thiết bị dạy học phù hợp với nội dung bài

- Tổ chức được các hoạt động dạy học ở từng lĩnh vực phát triển cho trẻ mầm non theo từng lứa tuổi

*) Kỹ năng làm việc:

- Giao tiếp, ứng xử với trẻ một cách gần gũi, tình cảm; chân tình, cởi mở, thẳng thắn với đồng nghiệp; Gần gũi, tôn trọng và hợp tác, chia sẻ với cha mẹ trẻ và cộng đồng.
- Phân tích, đánh giá được bài soạn và tiết giảng của bản thân và bạn bè, đồng nghiệp
- Có kỹ năng: Quan sát, theo dõi, trò chuyện với trẻ trong các hoạt động, trao đổi với phụ huynh; Sử dụng một số bài tập, trò chơi, tình huống để khảo sát, đánh giá trẻ.

6.3. Thái độ:

- Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có lòng yêu nghề, mến trẻ, tâm huyết với sự nghiệp giáo dục mầm non.
- Có thái độ cởi mở, thiện chí với phụ huynh và sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác, giúp đỡ đồng nghiệp;
- Có ý thức kỷ luật, linh hoạt, tích cực làm việc trong mọi công việc
- Thể hiện bản lĩnh, tự tin, sáng tạo, có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

6.4. Năng lực cần đạt:

* Môn học/học phần đóng vai trò chủ yếu đối với sự phát triển Năng lực tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề; Năng lực triển khai chương trình giáo dục mầm non; Năng lực tư vấn, tham vấn

- Năng lực tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề;
- + Chủ động xây dựng kế hoạch theo từng lĩnh vực phát triển cho trẻ mầm non các độ tuổi theo hướng tích hợp có chủ đề, thể hiện rõ mục tiêu, nội dung tích hợp nhằm kích thích trẻ hợp tác cùng nhau, chia sẻ và giao lưu, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của trẻ.
- + Triển khai và xử lý được tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức hướng dẫn trẻ học ở từng lĩnh vực phát triển; Ngôn ngữ trong sáng, khúc triết, lời nói hấp dẫn, truyền cảm trong quá trình tổ chức hoạt động.

+ Xác định được điểm mạnh, điểm hạn chế của bản thân, bạn bè và đồng nghiệp trong quá trình tổ chức dạy trẻ học ở từng lĩnh vực phát triển; Đánh giá được kết quả hoạt động của trẻ

- Năng lực triển khai chương trình giáo dục mầm non:

+ Phân tích được tình hình thực tiễn (trẻ, phụ huynh, điều kiện vùng miền ở địa phương). Trên cơ sở đó giáo viên chủ động xây dựng kế hoạch dạy trẻ học theo từng lĩnh vực phát triển phù hợp với khả năng của trẻ.

+ Tổ chức thực hiện cho trẻ học theo hướng “lấy trẻ làm trung tâm” thông qua các hoạt động giáo dục bao gồm hoạt động chơi, hoạt động học có chủ đích, hoạt động lao động và hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân để đáp ứng chuẩn năng lực

+ Biết lựa chọn đồ dùng đồ chơi, thiết bị dạy học phù hợp với chủ đề và nội dung hoạt động ở từng lĩnh vực theo từng lứa tuổi của trẻ.

+ Đánh giá được giáo viên thực hiện chương trình dạy trẻ học ở từng lĩnh vực phát triển và đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non ở từng lĩnh vực phát triển

- Năng lực tư vấn, tham vấn

+ Biết tư vấn, tham vấn tới các bậc phụ huynh của trẻ về cách hướng dẫn trẻ ở từng lứa tuổi học tập thông qua góc tuyên truyền, hội thi, trao đổi trực tiếp với phụ huynh trẻ...

+ Biết tư vấn, tham vấn nhằm thu hút các lực lượng xã hội khác (hội phụ nữ, đoàn thanh niên...) cùng tham gia vào hoạt động hướng dẫn trẻ mầm non học và trải nghiệm

* Môn học/học phần tạo cơ hội phát triển các năng lực như:

- Năng lực thiết kế môi trường và sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học: Biết làm đồ dùng đồ chơi và thiết kế môi trường phù hợp với mục đích dạy học và không gian lớp học

- Năng lực tổ chức hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ: Tích hợp dạy trẻ học các nội dung có liên quan thông qua tổ chức các hoạt động trong sinh hoạt hàng ngày của trẻ (Ăn, ngủ, vệ sinh...)

7. Mô tả nội dung học phần:

Học phần tập trung vào việc hướng dẫn sinh viên tham gia vào các hoạt động soạn giáo án, tổ chức hoạt động học có chủ đích theo từng lĩnh vực phát triển (thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm xã hội, thẩm mỹ). Tham gia thảo luận, làm các bài tập thực hành theo chương trình nhằm rèn các kỹ năng dạy học theo định hướng phát triển năng lực

8. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia đủ 120 tiết thực hành và các bài kiểm tra
- Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng, dụng cụ học tập

9. Tài liệu học tập

- *Chương trình Giáo dục mầm non* - Bộ Giáo dục và Đào tạo - NXBGD Việt Nam, 2010.
- Giáo trình các môn chuyên ngành:
 - + *Phương pháp cho trẻ MN khám phá khoa học về MTXQ* (Giáo trình đào tạo cao đẳng) - Tác giả Hoàng Thị Oanh, Nguyễn Thị Xuân - NXBGDVN, 2009.
 - + *Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học* – Tác giả: Lã Thị Bắc Lý, Lê Thị Ánh Tuyết - NXBGD, 2008.
 - + *Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non* - Tác giả: Đinh Hồng Thái (Chủ biên), Trần Thị Mai - NXBGD, 2009.
 - + *PP cho trẻ làm quen với toán* - Tác giả: Đỗ Thị Minh Liên - NXBGD, 2001
 - + *PP giáo dục thể chất cho trẻ mầm non* - Tác giả: Đặng Hồng Phương - NXBGD, 2008
 - + *PP tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non* - Tác giả: Lê Thị Thanh Thủy - NXBGD, 2006
 - + *Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non* - Tác giả: Phạm Thị Hoà - NXBGD, 2009
 - + *Vệ sinh - Dinh dưỡng* - Tác giả: Lê Thị Mai Hoa, Trần Văn Dần - NXBG & ĐT Hà Nội, 2008.
- Sách bài soạn gợi ý các môn phương pháp:
 - + *Giáo án mầm non - Hoạt động thể dục* - Tác giả: Nguyễn Minh Anh, Nguyễn Thị Nguyệt - NXB Hà Nội, 2009.
 - + *Giáo án mầm non khám phá môi trường xung quanh* - Nguyễn Thị Bích Thủy - Nguyễn Thị Lết - Nhà xuất bản Hà Nội, 2009.
 - + *Giáo án mầm non - Hoạt động làm quen với văn học* - Tác giả: Đồng Thanh Quang, Nguyễn Thị Mỹ Học - NXBGD Hà Nội, 2009
 - + *Giáo án mầm non - Hoạt động làm quen với toán học* - Tác giả: Đào Quang Tám, Nguyễn Thị Kim Thanh - NXB Hà Nội, 2009.
 - + *Giáo án mầm non - Hoạt động làm quen với chữ viết* - Tác giả: Hồ Quang Minh, ịnh Thị Thanh Hoa - NXB Hà Nội, 2009
 - + *Giáo án mầm non - Hoạt động tạo hình* - Tác giả: Lê Minh Thanh, Tạ Thị Mỹ Đức - NXB Hà Nội, 2009.
 - + *Giáo án mầm non - Hoạt động âm nhạc* - Tác giả: Vũ Tuấn Anh, Trần Thị Thu Dung - NXB Hà Nội, 2009.
- Sách "Tuyển chọn trò chơi, bài hát, thơ ca, truyện, câu đố theo chủ đề" các độ tuổi:
 - + *Tuyển chọn trò chơi, bài hát, thơ ca, truyện, câu đố theo chủ đề*, trẻ 3 - 36 tháng - Tiên sĩ Lê Thu Hương (chủ biên) - NXBGD, 2008.
 - + *Tuyển chọn trò chơi, bài hát, thơ ca, truyện, câu đố theo chủ đề*, trẻ 3 - 4 tuổi - Viện chiến lược và chương trình giáo dục - NXBGD, 2008.
 - + *Tuyển chọn trò chơi, bài hát, thơ ca, truyện, câu đố theo chủ đề*, trẻ 4 - 5 tuổi - Viện chiến lược và chương trình giáo dục - NXBGD, 2008.
 - + *Tuyển chọn trò chơi, bài hát, thơ ca, truyện, câu đố theo chủ đề*, trẻ 5 - 6 tuổi - Lê Thu Hương (chủ biên) - NXBGD, 2008.

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Tham gia thực hành đầy đủ, kiểm tra định kỳ, giữa kỳ
- Vận dụng được kiến thức lý thuyết đã học vào bài tập thực hành (Soạn giáo án và tập giảng).
- Các bài thực hành đều được đánh giá, rút kinh nghiệm cho SV
- Thang điểm: 10/10

11. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số tiết	
	LT	TH

Chương 1: Tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ nhà trẻ	(38)	
1. Lĩnh vực phát triển thể chất		2
- Xem video mẫu tiết dạy lĩnh vực phát triển thể chất		4
- Tổ chức hoạt động phát triển thể chất		
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức		2
- Xem video mẫu tiết dạy lĩnh vực phát triển nhận thức		2
- Tổ chức giờ học nhận biết, tập nói		2
- Tổ chức giờ học nhận biết, phân biệt		
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ		3
- Xem video mẫu tiết dạy lĩnh vực phát triển ngôn ngữ		3
- Tổ chức giờ học Nhận biết tập nói		3
- Tổ chức giờ học Đọc thơ		3
- Tổ chức giờ học Kể chuyện		
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ		2
- Xem video mẫu tiết dạy lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ		
- Tổ chức giờ học phát triển kỹ năng – tình cảm xã hội		4
- Tổ chức giờ học tạo hình: Vẽ, nặn, xé dán		3
- Tổ chức giờ học âm nhạc		5
Chương 2: Tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ mẫu giáo	(52)	
1. Lĩnh vực phát triển thể chất		2
- Xem video mẫu tiết dạy lĩnh vực phát triển thể chất		4
- Tổ chức hoạt động phát triển thể chất		
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức		2
- Xem video mẫu tiết dạy lĩnh vực phát triển nhận thức		6
- Tổ chức giờ học cho trẻ khám phá khoa học về MTXQ		6
- Tổ chức giờ học Cho trẻ làm quen với toán		
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ		2
- Xem video mẫu tiết dạy lĩnh vực phát triển ngôn ngữ		6
- Tổ chức giờ học Làm quen chữ cái		4
- Tổ chức giờ học truyện, thơ		
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm - xã hội		2
- Xem video mẫu tiết dạy lĩnh vực phát triển tình cảm - xã hội		2
- Tổ chức giờ học truyện, thơ		2
- Tổ chức giờ học Âm nhạc		
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ		
- Xem video mẫu tiết dạy lĩnh vực phát triển thẩm mỹ		2
- Tổ chức giờ học tạo hình (vẽ, nặn, cắt dán, xé dán...)		6
- Tổ chức giờ học âm nhạc		6
Tổng cộng	0	90

12. Cấp phê duyệt

13. Ngày phê duyệt

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG
Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Thực tập sư phạm lần 1

2. Số tín chỉ: 2(0,2)

3.Trình độ: Cao đẳng

4. Phân bổ thời gian: Học kỳ 4

- Lý thuyết: 0 tiết

- Thực hành, kiểm tra: 60 tiết

5. Điều kiện tiên quyết: Sau khi học xong các học phần Giáo dục học mầm non

6. Mục tiêu học phần:

6.1. Mục tiêu tổng quát

Người học nhận thức được vai trò, chức năng, nhiệm vụ của người giáo viên mầm non và thể hiện vào việc tìm hiểu cơ sở giáo dục mầm non, việc tổ chức một số hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ; xây dựng kế hoạch và tổ chức một số hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em; phát triển kỹ năng làm việc theo cặp, nhóm; có thái độ tích cực, chủ động trong học tập và giao tiếp để đáp ứng tốt hơn cho công việc của mình.

6.2. Mục tiêu cụ thể.

*** Kiến thức.**

- Sinh viên có kiến thức cơ bản về ngành Giáo dục mầm non, về hệ thống cơ sở giáo dục mầm non, chương trình và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục trẻ ở lứa tuổi mầm non.

- Sinh viên nhận thức được vai trò, chức năng, nhiệm vụ của người giáo viên mầm non.

*** Kỹ năng.**

- Giao tiếp, ứng xử với cán bộ, giáo viên trường mầm non, với trẻ, với cha mẹ trẻ.

- Lập kế hoạch, tổ chức một số hoạt động chăm sóc, giáo dục ở độ tuổi nhà trẻ và mẫu giáo: Phát triển thể chất, Làm quen với MTXQ, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc.

- Đánh giá hoạt động dự giờ.

- Lập kế hoạch, tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ mầm non.

- Làm đồ dùng đồ chơi phục vụ tổ chức các hoạt động giáo dục được thực tập dạy trẻ.

*** Năng lực tự chủ và trách nhiệm.**

- Bồi dưỡng lòng yêu nghề, mến trẻ; thái độ thân thiện, tích cực hòa nhã trong giao tiếp và có ý thức tự giác trong việc rèn luyện tay nghề; tích cực hoạt động nhóm.

7. Mô tả nội dung học phần:

Sinh viên được tham quan, dự giờ các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ ở trường mầm non và tập tổ chức một số hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

8. Yêu cầu của học phần.

- Sinh viên phải tham gia tối thiểu 80% thời gian quy định của đợt thực tập sư phạm, thực hiện đúng quy định của trường mầm non.
- Tự nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung thực tập theo sự hướng dẫn của giảng viên trường Cao đẳng Sơn La và giáo viên trường mầm non.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Thực hiện đầy đủ nội dung thực tập sư phạm.
- Nghiêm chỉnh chấp hành Quy chế thực tập sư phạm.
- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người hướng dẫn thực tập sư phạm. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình thực tập đều bị nghiêm cấm.
- Nộp đầy đủ hồ sơ về Phòng Đào tạo; Phòng KT&ĐBCL; Phòng kế hoạch tài chính - trường Cao đẳng Sơn La theo đúng thời gian quy định.

9. Tài liệu học tập

* Sách, bài giảng, giáo trình chính.

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Chương trình giáo dục mầm non* (Số 01/VBHN-BGDDT ngày 13/4/2021 về Thông tư ban hành Chương trình giáo dục mầm non)

[2] Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết (Đồng chủ biên) (2015), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non: Nhà trẻ 3-36 tháng*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

[3] Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết (Đồng chủ biên) (2011), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non: Mẫu giáo bé (3-4 tuổi)*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

[4] Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết (Đồng chủ biên) (2011), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non: Mẫu giáo nhỡ (4-5 tuổi)*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

[5] Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết (Đồng chủ biên) (2015), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non: Mẫu giáo lớn (5-6 tuổi)*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

* Sách, tài liệu tham khảo.

[6] Lê Thị Bắc Lý, Lê Thị Ánh Tuyết (2008), *Phương pháp tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học*, Nxb Giáo dục.

[7] Hoàng Thị Phương (2016), *Vệ sinh trẻ em*, Nxb Đại học Sư phạm.

[8] Lê Thị Mai Hoa, Trần Văn Dân (2011), *Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

[9] Đinh Văn Vang (2011), *Giáo dục học mầm non*, Nxb Giáo dục.

[10] Hoàng Thị Oanh, Nguyễn Thị Xuân (2008), *Giáo trình phương pháp cho trẻ mầm non khám phá khoa học về môi trường xung quanh*, Nxb Giáo dục.

[11] Đặng Hồng Phương (2018), *Giáo trình lý luận và phương pháp GDTC cho trẻ em lứa tuổi Mầm non*, Nxb Đại học Sư phạm.

[12] Lê Thị Mai Hoa (2016), *Giáo trình dinh dưỡng trẻ em tuổi nhà trẻ và mẫu giáo*, Nxb Đại học Sư phạm

10. Đánh giá học phần

Đánh giá hoạt động Thực tập sư phạm 1 được quy định cụ thể trong Kế hoạch Thực tập sư phạm của Trường Cao đẳng Sơn La.

11. Nội dung chi tiết môn học

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy học
60 tiết (0LT; 60	1. Tìm hiểu thực tiễn giáo dục - Nghe đại diện Ban giám hiệu trường mầm non báo cáo về tình hình giáo dục của nhà	CLO1,2,3,4,5,6	1. Giải quyết vấn đề 2. Học theo

TH)	trường (tình hình chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng trẻ). - Nghe báo cáo của một giáo viên Mầm non dạy giỏi. - Tìm hiểu các hoạt động của trường mầm non, chức năng nhiệm vụ của cô giáo mầm non, các loại tài liệu, sổ sách lớp, các loại phương tiện, đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho hoạt động giáo dục, chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ. - Tìm hiểu nội dung, yêu cầu và việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non. - Tìm hiểu tình hình kinh tế, văn hoá, xã hội, đặc biệt là phong trào giáo dục ở xã/phường. 2. Tìm hiểu về công tác tổ chức, quản lý các cháu trong một lớp - Tìm hiểu về chế độ sinh hoạt hàng ngày của trẻ theo các độ tuổi, việc lập kế hoạch theo dõi trẻ, nắm tình hình nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ ở độ tuổi nhà trẻ và mẫu giáo. - Quan sát các công việc của người giáo viên trong một ngày ở độ tuổi nhà trẻ (đón trẻ; chơi - tập; ăn ngủ; vệ sinh; chơi/trả trẻ) và ở độ tuổi mẫu giáo (đón trẻ, chơi, thể dục buổi sáng; hoạt động học; chơi, hoạt động ở các góc; chơi, hoạt động ngoài trời; tổ chức ăn, ngủ, vệ sinh; chơi, hoạt động theo ý thích; trả trẻ). - Tập làm các công tác tổ chức quản lý các cháu trong một lớp ở nhóm/lớp sinh viên thực tập. 3. Tìm hiểu công tác nuôi dưỡng và chăm sóc sức khoẻ cho trẻ. - Tham quan, tìm hiểu cơ sở vật chất phục vụ cho công tác chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ. - Làm quen với các hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc sức khoẻ: Tổ chức ăn, tổ chức ngủ, vệ sinh, chăm sóc sức khoẻ và an toàn. - Tập tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc sức khoẻ: Tổ chức bữa ăn, tổ chức ngủ, vệ sinh trẻ, vệ sinh môi trường. 4. Tìm hiểu công tác giáo dục trẻ. - Vận dụng kiến thức các môn học ở trường sư phạm để tìm hiểu chương trình chăm sóc, giáo dục trẻ ở lứa tuổi mầm non. - Làm quen với các hoạt động giáo dục trong tất cả các lĩnh vực ở độ tuổi nhà trẻ và mẫu giáo. - Dự một số hoạt động giáo dục ở các độ tuổi nhà trẻ, mẫu giáo: + 01 buổi thể dục sáng. + 04 tiết dạy hoạt động học. + 01 hoạt động ngoài trời. + 01 hoạt động với đồ vật.		tình huống 3. Thực tập 4. Thảo luận 5. Học nhóm 6. Bài tập ở nhà
-----	---	--	--

	+ 01 hoạt động gốc. - Tập làm một số loại đồ dùng phục vụ hoạt động giáo dục trẻ. - Bước đầu thực hiện phối hợp công tác giữa cô - trẻ. - cha mẹ - trường mầm non trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. - Mỗi sinh viên soạn giáo án và lên lớp dạy 2 hoạt động (Khám phá khoa học, Khám phá xã hội, Nhận biết tập nói, Nhận biết phân biệt, Phát triển vận động, Làm quen tác phẩm văn học).		
--	---	--	--

12. Cấp phê duyệt

13. Ngày phê duyệt

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG
Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Thực tập sư phạm lần 2

2. Số tín chỉ: 4(0,4)

3. Trình độ: Cao đẳng

4. Phân bố thời gian: Học kỳ 6

- Lý thuyết: 0 tiết

- Thực hành, kiểm tra: 120 tiết

5. Điều kiện tiên quyết: Sau khi học xong các học phần phương pháp chuyên ngành

6. Mục tiêu học phần:

6.1. Mục tiêu tổng quát

Người học thể hiện được vai trò, chức năng, nhiệm vụ của người giáo viên mầm non trong việc tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ; xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em theo chế độ sinh hoạt hàng ngày của trẻ; phát triển kỹ năng làm việc theo cặp, nhóm; có thái độ tích cực, chủ động trong học tập và giao tiếp để đáp ứng tốt cho công việc của mình.

6.2. Mục tiêu cụ thể.

*** Kiến thức.**

- Sinh viên có kiến thức về các hoạt động của trường mầm non, chức năng nhiệm vụ của cô giáo mầm non, các loại tài liệu, sổ sách lớp, các loại phương tiện, đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ, các văn bản hướng dẫn chuyên môn của các cấp quản lý đối với ngành học mầm non.

*** Kỹ năng.**

- Giao tiếp, ứng xử với cán bộ, giáo viên trường mầm non, với trẻ, với cha mẹ trẻ.
- Lập kế hoạch, tổ chức một số hoạt động chăm sóc, giáo dục theo chế độ sinh hoạt;
- Tổ chức chế độ sinh hoạt hàng ngày ở độ tuổi nhà trẻ và mẫu giáo.
- Xây dựng khẩu phần thực đơn, tính khẩu phần ăn cho trẻ.
- Làm đồ dùng, đồ chơi.

*** Năng lực tự chủ và trách nhiệm.**

- Bồi dưỡng lòng yêu nghề, mến trẻ; thái độ thân thiện, tích cực hòa nhã trong giao tiếp và có ý thức tự giác trong việc rèn luyện tay nghề.

- Giao tiếp, ứng xử với cán bộ, giáo viên trường mầm non, với trẻ.

- Lập kế hoạch, tổ chức một số hoạt động giáo dục ở độ tuổi nhà trẻ và mẫu giáo: Làm quen TPVH, Làm quen với MTXQ, làm quen với toán, làm quen với chữ cái, hoạt động âm nhạc, hoạt động tạo hình, phát triển thể chất.

- Đánh giá hoạt động dự giờ.

- Lập kế hoạch, tổ chức vệ sinh chăm sóc, tổ chức bữa ăn, chế độ sinh hoạt hàng ngày của trẻ.

- Làm đồ dùng đồ chơi phục vụ tổ chức các hoạt động giáo dục được thực tập dạy trẻ.

7. Mô tả nội dung học phần:

Sinh viên được tham quan, dự giờ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ ở trường mầm non

và tập tổ chức một số hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

8. Yêu cầu của học phần.

- Sinh viên phải tham gia tối thiểu 80% thời gian quy định của đợt thực tập sư phạm, thực hiện đúng quy định của trường mầm non.
- Tự nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung thực tập theo sự hướng dẫn của giảng viên trường Cao đẳng Sơn La và giáo viên trường mầm non.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Thực hiện đầy đủ nội dung thực tập sư phạm.
- Nghiêm chỉnh chấp hành Quy chế thực tập sư phạm.
- Sinh viên phải nộp đầy đủ hồ sơ về Phòng Đào tạo và phòng Khảo thí & đảm bảo chất lượng - trường Cao đẳng Sơn La theo đúng thời gian quy định.
- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người hướng dẫn thực tập sư phạm. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình thực tập đều bị nghiêm cấm.
- Sinh viên không được sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong quá trình tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.
- Máy tính xách tay chỉ được thực hiện vào mục đích tổ chức các hoạt động cho trẻ, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

9. Tài liệu học tập

*** Sách, bài giảng, giáo trình chính:**

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Chương trình giáo dục mầm non* (Số 01/VBHN-BGDDT ngày 13/4/2021 về Thông tư ban hành Chương trình giáo dục mầm non)

[2] Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết (Đồng chủ biên) (2015), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non: Nhà trẻ 3-36 tháng*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

[3] Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết (Đồng chủ biên) (2011), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non: Mẫu giáo bé (3-4 tuổi)*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

[4] Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết (Đồng chủ biên) (2011), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non: Mẫu giáo nhỡ (4-5 tuổi)*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

[5] Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết (Đồng chủ biên) (2015), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non: Mẫu giáo lớn (5-6 tuổi)*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

*** Sách, tài liệu tham khảo**

[6] Đỗ Thị Minh Liên (2020), *Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với toán*, Nxb Đại học Sư phạm.

[7] Lê Thị Bắc Lý, Lê Thị Ánh Tuyết (2008), *Phương pháp tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học*, Nxb Giáo dục.

[8] Phạm Thị Hòa, Ngô Thị Nam (2016), *Giáo dục âm nhạc* (tập 2: Phương pháp giáo dục âm nhạc), Nxb Đại học Sư phạm.

[9] Lê Thị Mai Hoa (2016), *Giáo trình Dinh dưỡng trẻ em tuổi nhà trẻ và mẫu giáo*, Nxb Đại học Sư phạm.

[10] Lê Thị Mai Hoa, Trần Văn Dân (2011), *Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

[11] Hoàng Thị Oanh, Nguyễn Thị Xuân (2008), *Giáo trình phương pháp cho trẻ mầm non khám phá khoa học về môi trường xung quanh*, Nxb Giáo dục.

[12] Đặng Hồng Phương (2018), *Giáo trình lý luận và phương pháp GDTC cho trẻ em lứa tuổi Mầm non*, Nxb Đại học Sư phạm.

[13] Hoàng Thị Phương (2016), *Vệ sinh trẻ em*, Nxb Đại học Sư phạm.

[14] Đinh Hồng Thái (2015), *Giáo trình Phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non* (Giáo trình đào tạo cử nhân Giáo dục mầm non), Nxb Đại học Sư phạm.

[15] Lê Thanh Thuỷ (2008) *Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non*, Nxb Đại học Sư phạm.

[16] Đinh Văn Vang (2011), *Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

10. Đánh giá học phần.

Đánh giá hoạt động Thực tập sư phạm 2 được quy định cụ thể trong Kế hoạch thực tập sư phạm của Trường Cao đẳng Sơn La.

11. Nội dung chi tiết môn học

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy học
180 tiết (OLT; 180 TH)	1. Tìm hiểu thực tế giáo dục. - Nghe đại diện ban giám hiệu trường mầm non báo cáo về tình hình giáo dục của nhà trường. - Tìm hiểu tình hình kinh tế, văn hoá, xã hội, đặc biệt là phong trào giáo dục ở xã/phường. - Nghe báo cáo của một giáo viên Mầm non dạy giỏi. - Tìm hiểu các hoạt động của trường mầm non, chức năng nhiệm vụ của cô giáo mầm non, các loại tài liệu, sổ sách lớp, các loại phương tiện, đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho hoạt động giáo dục, chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ, các văn bản hướng dẫn chuyên môn của các cấp quản lý đối với ngành học mầm non. - Tìm hiểu nội dung, yêu cầu và việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non mới do Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai từ năm học 2009-2010. 2. Thực tập công tác tổ chức, quản lý giáo dục các cháu trong một lớp. - Tìm hiểu về chế độ sinh hoạt hàng ngày của trẻ theo các độ tuổi. Lập kế hoạch theo dõi, nắm tình hình nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ ở độ tuổi nhà trẻ và mẫu giáo. - Tổ chức thực hiện chế độ sinh hoạt trong ngày của nhóm/lớp thực tập. - Quan hệ với gia đình, đoàn thể, xã hội trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục trẻ. 3. Thực tập nuôi dưỡng và chăm sóc sức khoẻ. - Tham quan, tìm hiểu cơ sở vật chất phục vụ cho công tác chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ. - Làm quen với các hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc sức khoẻ cho trẻ: Tổ chức ăn, tổ chức ngủ, vệ sinh, chăm sóc sức khoẻ và an toàn. - Tập tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc sức khoẻ: tổ chức bữa ăn, tổ chức ngủ, vệ sinh trẻ, vệ sinh môi trường. - Lên thực đơn, tính khẩu phần ăn cho các độ tuổi, biết cách chế biến cho các cháu ăn theo độ tuổi đảm bảo đủ dinh dưỡng, đúng chế độ,	CLO1,2,3,4,5,6	1. Giải quyết vấn đề 2. Học theo tình huống 3. Thực hành 4. Học nhóm 5. Bài tập ở nhà

	hợp vệ sinh và thời gian ăn uống của các cháu. - Theo dõi biểu đồ phát triển của trẻ. 4. Thực tập giáo dục. - Nghiên cứu chương trình, tài liệu hướng dẫn hoạt động giáo dục trẻ theo từng độ tuổi, soạn bài và chuẩn bị các phương tiện, đồ dùng, đồ chơi phục vụ tiết dạy. Tổ chức các hoạt động giáo dục (hoạt động học, hoạt động ngoài trời, hoạt động góc) theo nội dung, chủ đề trong chương trình. - Làm đồ dùng dạy học, đồ chơi phục vụ cho hoạt động giáo dục trẻ. 5. Làm Báo cáo thu hoạch cá nhân. Cuối đợt TTSP mỗi sinh viên làm một báo cáo thu hoạch (có mẫu hướng dẫn) về các nội dung: Tìm hiểu thực tiễn công tác giáo dục, công tác tổ chức, quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu trong 1 lớp; thu hoạch về phương pháp và hình thức tổ chức các hoạt động nuôi dạy trẻ ở trường mầm non ...		
--	--	--	--

12. Cấp phê duyệt

13. Ngày phê duyệt

**DANH MỤC SÁCH, BÀI GIẢNG, GIÁO TRÌNH, TÀI LIỆU
CỦA NGÀNH ĐÀO TẠO**

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Sử dụng cho môn học
1.	GT Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	Bộ GD&ĐT	CTQG	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin
2.	GT Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	Bộ GD&ĐT	CTQG	
3.	Triết học Mác-Lênin	Bộ GD&ĐT	CTQG	
4.	GT tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ GD&ĐT	CTQG	Tư tưởng Hồ Chí Minh
5.	GT tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ GD&ĐT	CTQG	
6.	GT tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ GD&ĐT	ĐHKTQD	
7.	GT Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ GD&ĐT	CTQG	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam
8.	GT Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ GD&ĐT	CTQG	
9.	GT Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ GD&ĐT	ĐHKTQD	
10.	Giáo trình Thê dục	Tập thể tác giả	ĐH SP	Giáo dục thể chất 1,2
11.	Giáo trình Điền kinh	Nguyễn Kim Minh - Nguyễn Trọng Hải	ĐHSP	
12.	Điền Kinh	Nguyễn Đình Cường	ĐHSP	
13.	Bơi lội	Nguyễn Lương Lợi	ĐH SP	
14.	Giáo trình Bơi lội, Luật Bơi lội	Tập thể tác giả	ĐH SP	
15.	Giáo trình Bóng chuyền, Luật Bóng chuyền	Nguyễn Viết Minh-Hồ Đắc Sơn	ĐH SP	
16.	Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh T.1	Đào Huy Hiệp	Giáo dục	Giáo dục quốc phòng và an ninh
17.	Giáo trình giáo dục quốc phòng an ninh T.2	Đào Huy Hiệp	Giáo dục	
18.	New English file	Clive Oxenden	VHTT	Tiếng Anh 1,2
19.	New English file	Clive Oxenden	VHTT	
20.	New Headway English Course – Pre-Intermediate (3rd edition)	John and Liz Soars	Oxford University Press	
21.	English Knowhow student book opene	Naber Therese	Oxford university	

22.	New English file	Clive Oxenden	VHTT	
23.	New English file	Clive Oxenden	VHTT	
24.	Lifelines – Pre-Intermediate	Tom Hutchinson	Oxford University Press	
25.	Lifelines – Pre-Intermediate	Tom Hutchinson	Oxford University Press	
26.	Tiếng Anh giáo dục mầm non	Hoàng Quý Tĩnh	ĐHSP	
27.	Giáo trình pháp luật	Tập thể tác giả	Tổng cục dạy nghề	Pháp luật đại cương
28.	Giáo trình pháp luật đại cương	Mai Hồng Quỳ	ĐHSP	
29.	Pháp luật đại cương	Đinh Xuân Thắng	Giáo dục	
30.	GT Pháp luật	Trần Văn Thắng	ĐHSP	
31.	Pháp luật đại cương	Lê Minh Toàn	Chính trị QG	
32.	Tài liệu về hỏi đáp về Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Bùi Thế Đức	Chính trị Quốc gia	
33.	GT Luật hiến pháp Việt Nam	Thái Vĩnh Thắng	Công an nhân dân	
34.	Tài liệu tuyên truyền về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Bùi Thế Đức	Chính trị Quốc gia	
35.	Giáo trình Lý luận Nhà nước và Pháp luật	Lê Minh Tâm	Công an nhân dân	
36.	Giáo trình Kỹ năng giao tiếp	Chu Văn Đức	Hà Nội	Kỹ năng giao tiếp
37.	Giáo trình Kỹ năng giao tiếp	Đinh Văn Đáng	Lao động Xã hội	
38.	GT Nhập môn khoa học giao tiếp	Nguyễn Bá Minh	ĐHSP	
39.	GT Nhập môn khoa học giao tiếp	Nguyễn Bá Minh	ĐHSP	
40.	Giao tiếp sư phạm	Ngô Công Hoàn	GD	
41.	Tin học văn phòng Microsoft Office	Phạm Quang Hiễn, Phạm Phương Hoa	Thời Đại	Công nghệ thông tin cơ bản
42.	Tin học cơ bản	Lê Đức Long (chủ biên); Tạ Quang Thanh; Nguyễn Văn Diễm; Lê Thị Huyền; Trần Hữu Cường	ĐHSP TPHCM	
43.	Hướng dẫn sử dụng Word 2010	Thạc Bình Cường	GD	
44.	Giáo trình Tin học văn phòng	Thạc Bình Cường	GD	
45.	Tin học cơ sở	Bùi Thế Tâm	Văn hóa thời đại	
46.	Hướng dẫn sử dụng Exel 2010	Nguyễn Thị Hoa	Thông kê	
47.	Hướng dẫn sử dụng PowerPoint 2010	Trần Thanh Phong	TP. Hồ Chí Minh	

48.	Con người và môi trường	Lê Thanh Vân	ĐHSP	Môi trường và con người
49.	Giáo dục môi trường	Lê Văn Trường	GD	Giáo dục môi trường
50.	GT Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non	Hoàng Thị Phương	ĐHSP	
51.	Tâm lý học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn	Giáo dục	Tâm lý học đại cương
52.	Tâm lý học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn	Giáo dục	
53.	GT tâm lý học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn	ĐHSP	
54.	Giáo dục học	Nguyễn Sinh Huy (Chủ biên)	GD	Giáo dục học đại cương
55.	Giáo dục học	Nguyễn Thị Quy, Nguyễn Thị Bích Hạnh, Hồ Văn Liên, Mai Ngọc Luông, Vũ Khắc Tuấn,	GD	
56.	Giáo dục học	Hà Thế Ngữ, Đặng Vũ Hoạt	GD	
57.	Giáo dục học đại cương	Thái Duy Tiên	ĐHSP	
58.	GT sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non	Tạ Thúy Lan	GD	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non
59.	GT sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non	Tạ Thúy Lan, Trần Thị Loan	ĐH SPHN	
60.	Giải phẫu sinh lý vệ sinh phòng bệnh trẻ em	Trần Trọng Thủy	GD	
61.	GT sinh lý học trẻ em	Lê Thanh Vân	ĐHSP	
62.	GT Sự học và phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi Mầm non	Nguyễn Ánh Tuyết, Nguyễn Thị Như Mai	GD	Sự học và phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi Mầm non
63.	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non	Nguyễn Ánh Tuyết	ĐHSP	
64.	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non	Nguyễn Ánh Tuyết	ĐHSP	
65.	Tâm lý học trẻ em	Nguyễn Ánh Tuyết	GD	
66.	Giáo trình Tin học văn phòng Nguyễn Sơn Hải - NXBGD	Nguyễn Sơn Hải	GD	Ứng dụng CNTT trong giáo dục mầm non
67.	GT đánh giá trong giáo dục mầm non	Đinh Thị Kim Thoa	GD	Khoa học đánh giá bậc Mầm non
68.	Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non	Hoàng Thị Phương	ĐHSP	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo bậc

				Mầm non
69.	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	Phạm Viết Vượng (chủ biên)	ĐHSP	Quản lý hành chính NN và quản lý ngành
70.	GT Quản lý giáo dục mầm non	Phạm Thị Châu	Giáo dục	
71.	GT phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	Nguyễn Thị Thu Hiền	Giáo dục	Khoa học phát triển chương trình
72.	Phát triển chương trình đào tạo - một số vấn đề lý luận và thực tiễn	Phạm Văn Lập	ĐHQG	
73.	Phát triển chương trình giáo dục	Trần Hữu Hoan		
74.	Phát triển chương trình giáo dục	Nguyễn Đức Chính		
75.	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non	Nguyễn Ánh Tuyết	ĐHSP	Phương pháp nghiên cứu khoa học
76.	Phương pháp nghiên cứu trẻ em	Nguyễn Ánh Tuyết	ĐHSP	
77.	GT tiếng Việt và tiếng Việt thực hành	Lã Thị Bắc Lý	ĐHSP	Tiếng Việt thực hành
78.	Tiếng Việt thực hành	Hoàng Kim Ngọc	VHTT	
79.	Tiếng Việt thực hành	Bùi Minh Toán	ĐHSP	
80.	Tiếng Việt thực hành	Bùi Minh Toán	GD	
81.	Tự làm đồ chơi gấp hình	Nguyễn Nghiệp	GD	Làm đồ chơi
82.	Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình – Quyển 2: Làm đồ chơi	Đặng Hồng Nhật	ĐHQG	
83.	GT Âm nhạc và múa	Lê Đức Sang	Giáo dục	Múa
84.	Múa	Trần Minh Trí	ĐHSP	
85.	Múa và PP dạy trẻ vận động theo âm nhạc	Trần Minh Trí	GD	
86.	GT Giáo dục hòa nhập	Trần Thị Thiệp	GD	Giáo dục hòa nhập – giáo dục gia đình
87.	GT Giáo dục gia đình	Ngô Công Hoàn	GD	
88.	GT phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	Nguyễn Thị Thu Hiền	GD	Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non
89.	Phát triển chương trình đào tạo - một số vấn đề lý luận và thực tiễn	Phạm Văn Lập	ĐHQG	
90.	Hướng dẫn phát triển chương trình giáo dục nhà trường trong các cơ sở giáo dục mầm non	Nguyễn Bá Minh (chủ biên)	GDVN	
91.	GT Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	Lê Thị Mai Hoa	GD	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn
92.	Tâm bệnh học trẻ em lứa tuổi mầm non	Nguyễn Thị Như Mai	ĐHSP	
93.	GT bệnh học trẻ em	Lê Thị Mai Hoa	ĐHSP	
94.	GT Tổ chức hoạt động vui chơi cho	Đinh Văn Vang	GD	Tổ chức

	trẻ mầm non			hoạt động vui chơi
95.	GT Âm nhạc và múa	Lê Đức Sang	Giáo dục	Âm nhạc và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc
96.	GT tổ chức hoạt động giáo dục âm nhạc T.1; T.2	Phạm Thị Hòa	ĐHSP	
97.	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	Lê Thanh Thúy	ĐHSP	Tạo hình và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình
98.	Tạo hình và PP hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ	Ứng Thị Châu	GD	
99.	Tạo hình và PP hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ - Quyển 1: Hoạt động tạo hình	Lê Đình Bình	ĐHQG	
100.	GT Mỹ thuật	Phạm Thị Chinh	GD	
101.	Mỹ thuật cơ bản	Ngô Bá Công	ĐHSP	
102.	Hoa văn trang trí thông dụng	Hoàng Minh (biên soạn)	Văn hóa thông tin	
103.	GT lí luận và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non	Đặng Hồng Phương	ĐHSP	Phương pháp phát triển thể chất cho trẻ mầm non
104.	GT Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	Đặng Hồng Phương	GD	
105.	Hướng dẫn thực hiện vận động cơ bản cho trẻ mẫu giáo	Nguyễn Thị Mỹ Trinh (Chủ biên)	GDVN	
106.	Thể dục và Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ	Đặng Đức Thao	GD	
107.	GT Phương pháp cho trẻ MN khám phá khoa học về môi trường xung quanh	Hoàng Thị Oanh	Giáo dục	Phương pháp cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh
108.	GT lí luận và Phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh	Hoàng Thị Phương	ĐHSP	
109.	Phương pháp phát triển trí tuệ cho trẻ em	Nguyễn Công Khanh	ĐHSP	
110.	GT vệ sinh dinh dưỡng	Lê Thị Mai Hoa	GD	Vệ sinh dinh dưỡng
111.	Dinh dưỡng trẻ em	Nguyễn Tổ Mai	GD	
112.	GT vệ sinh trẻ em	Hoàng Thị Phương	ĐHSP	
113.	GT Giáo dục học mầm non	Đình Văn Vang	GD	Giáo dục học mầm non
114.	GT Giáo dục học mầm non	Nguyễn Thị Hòa	ĐHSP	
115.	Giáo dục mầm non những vấn đề lí luận và thực tiễn	Nguyễn Ánh Tuyết	ĐHSP	
116.	Giáo dục học mầm non T.1; T.2; T.3	Đào Thanh Âm	ĐHSP	
117.	GT giáo dục tích hợp ở bậc học mầm	Nguyễn Thị Hòa	ĐHSP	

	non			
118.	Các hoạt động giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non	Lương Thị Bình, Phan Lan Anh	GD	Phương pháp phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội
119.	Lập kế hoạch giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non	Lương Thị Bình,	GD	
120.	Giúp bé phát triển tình cảm – kỹ năng xã hội (các độ tuổi),	Lê Thị Luận Lâm Thùy Uyên	GD	
121.	Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non vùng dân tộc thiểu số	Nguyễn Thị Hiếu (chủ biên)	GD	Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non vùng dân tộc thiểu số
122.	Cơ sở văn hoá việt Nam	Trần Ngọc Thêm	GD	Cơ sở giáo dục văn hóa cho trẻ mầm non
123.	Cơ sở văn hoá việt Nam	Trần Quốc Vượng	GD	
124.	GT GD hành vi văn hoá cho trẻ em	Nguyễn Ánh Tuyết	GD	
125.	GT Giáo dục kỹ năng sống	Nguyễn Thanh Bình	ĐHSP	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non
126.	Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho trẻ mầm non	Nguyễn Thị Mỹ lộc	ĐHQG	
127.	Bài học duyên dáng, lịch thiệp	DR.DANIEL JUTRAS	Dân trí	
128.	GT phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với văn học	Lã Thị Bắc Lý	GD	Phương pháp phát triển ngôn ngữ và làm quen văn học
129.	GT phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	Đinh Hồng Thái	GD	
130.	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo	Nguyễn Xuân Khoa	ĐHSP	
131.	GT văn học trẻ em	Lã Thị Bắc Lý	ĐHSP	
132.	Văn học thiếu nhi với giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non	Lã Thị Bắc Lý	ĐHSP	
133.	Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học	Hà Nguyễn Kim Giang	GD	
134.	GT Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với toán	Đỗ Thị Minh Liên	GD	Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với toán
135.	Lí luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non	Đỗ Thị Minh Liên	ĐHSP	
136.	Phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non	Đỗ Thị Minh Liên	ĐHSP	
137.	Các hoạt động cho trẻ mầm non làm quen với toán	Hoàng thị Thu Hương	GD	

138.	GT nghề giáo viên mầm non	Hồ Lam Hồng	GD	Kiến tập sư phạm
139.	Phần mềm Nutrikids	Công ty cổ phần mạng trực tuyến Việt Sin		Thực hành hoạt động giáo dục nuôi dưỡng
140.	Dinh dưỡng trẻ em	Mai Hoa	ĐHSP	
141.	Chương trình chăm sóc giáo dục trẻ (3 – 36 tháng; 3 – 4 tuổi; 4 – 5 tuổi; 5 – 6 tuổi)	Phạm Mai Chi Phạm Thị Sửu	GD	Thực hành hoạt động dạy học
142.	Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GD mầm non (3 – 36 tháng; 3 – 4 tuổi; 4 – 5 tuổi; 5 – 6 tuổi)	Lê Thu Hương	GD	Thực tập sư phạm lần 1,2
143.	Tuyển chọn trò chơi bài hát thơ truyện câu đố theo chủ đề (3 – 36 tháng; 3 – 4 tuổi; 4 – 5 tuổi; 5 – 6 tuổi)	Lê Thu Hương	GD	

